

Linh mục

NGUYỄN HỮU LÊ



Bút ký

TÔI PHẢI SỐNG

- *Kính dâng lên Mẹ Việt Nam
với tâm tình vọng cổ hương*
- *Để tưởng nhớ hương hồn Cha Má
để nhớ ơn sinh thành dưỡng dục*
- *Anh linh các người anh:*
 - Đặng Văn Tiếp
 - Trịnh Tiểu
 - Lâm Thành Văn*để nhớ trong thời gian trại tù Thanh Cẩm*
- *Vong linh người em:*
 - Đỗ Thanh Bình (Bình Thanh)*để nhớ tình anh em kết nghĩa trong tù*
- *Những người đã nằm xuống trong cuộc chiến tương tàn
để chia sẻ quãng đời bất hạnh.*

**'Lạy Chúa! Xin Cho Lời Con Nguyện Cầu
Tự Hương Thơm Bay Lên Tôn Nhan CHÚA'**

- MỤC LỤC -



<u>Lời Giới Thiệu</u>	3
<u>Lời Cảm Tạ</u>	5
<u>Thay Lời Tựa</u>	9
<u>Phần I : Cuộc Đời và Bóng Đen</u>	
Vào chuyện.	10
1- Bước Ngoặt Cuộc Đời	22
<u>Phần II: Chiếc Lá Giữa Dòng</u>	
2- “Đêm Tân Hôn” Giữa Cao Nguyên	110
3- Tàu Sông Hương	136
4. Làn Ra Đất Bắc	167
5. Đường Lên Cổng Trời	191
6. Trở Lại Trần Gian	211
7. Cái Giá của Tự Do	226
8. Chuyện Thương Tâm	261
9. Tôi Phải Sống.	269
10. Tầng Đâu Địa Ngục.	286
<u>Phần III: Tự Do và Hy Vọng.</u>	
11. Ngày Trở Về.	329
12. Cuối chuyện.	367
<u>PHỤ CHƯƠNG</u>	
1- Cái Chết của Tướng Cướp Bình Thanh	380
2- Những Cuộc Gặp Gỡ	386
3- Hoạt Động Tại Hải Ngoại	401



LỜI GIỚI THIỆU



Tháng 6 năm nay (2003), từ Tân Tây Lan, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ gọi điện thoại và ngỏ ý muốn tôi viết lời tựa cho cuốn bút ký “ Tôi Phải Sống “ mà ông vừa hoàn tất. Tôi nhận lời không một chút đắn đo vì coi đó là một vinh dự. Tác phẩm này, từ lâu tôi vẫn mong được đọc vì chính bản thân tôi cũng muốn làm một công việc tương tự nhưng không gặp điều kiện thuận lợi để thực hiện.

Sau khi nhận bản thảo, tôi lao vào đọc cuốn bút ký một cách mê say, không ngừng nghỉ. Trải dài trên hơn 400 trang giấy, tác phẩm này được chia thành 11 chương. Mỗi chương gồm một số bài viết có vóc dáng như những bài luận văn được trau chuốt tận tình để quảng bá những dòng suy nghĩ cần phổ biến. Đọc theo chiều dài của tập bút ký, những tình cảnh éo le và những trạng huống hiểm nghèo, bi đát, trong các trại tù cộng sản đã được tác giả thuật lại sống động và trung thực, với một văn phong nhẹ nhàng và tự nhiên như hơi thở.

Mặc dầu không phải là một pho truyện trinh thám nhưng người đọc luôn luôn ở trong trạng thái nôn nóng vì muốn biết tác giả viết gì thêm trong những trang kế tiếp. Các liều lượng hỉ, nộ, ai, lạc được phân bổ hài hòa và sử dụng một cách cân nhắc để tránh cho nội dung tác phẩm sự nhàm chán thường gặp.

Lược qua những dòng viết tâm tình ta được biết tác giả sinh ra và lớn lên tại một vùng quê thuộc tỉnh Vĩnh Long. Gia đình theo đạo Công Giáo và cư ngụ trong vòng đai của ngôi thánh đường nhỏ trong làng có tên là nhà thờ Bưng Trường.

Ngày tác giả mở mắt chào đời là ngày đất nước đang bị chiến tranh tàn phá. Tiếng bom đạn và những xác chết trôi sông, đối với tác giả cũng như đối với các bạn cùng lứa tuổi, là những âm thanh và cảnh tượng quen thuộc hàng ngày. Kiếp sống lầm than, cơ cực và hoàn toàn thiếu an ninh của người dân thôn dã đã làm mũi lòng người thanh niên mới lớn giàu lòng bác ái.

Ta hãy đọc những dòng viết sau đây của tác giả khi ông chuẩn bị bước vào đời. “Tôi nghĩ tới con đường làm linh mục năm tôi 20 tuổi sau khi học xong ban trung học. “Cái nhìn của tôi về hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ... đã ảnh hưởng tới sự lựa chọn của tôi. Tôi quyết định chọn đời linh mục vì tôi biết trong cương vị đó tôi sẽ phục vụ người dân thấp cổ bé miệng hữu hiệu hơn.” (trang 51).

Thụ phong linh mục năm 1970, lúc vừa tròn 27 tuổi, tác giả hăng say làm công việc cứu nhân độ thế, nhưng không may, chưa được bao lâu, thì họa cộng sản đổ sập xuống miền Nam, và chính bản thân ông cũng bị cuốn vào vòng lao lý như hàng triệu người công dân vô tội khác của chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Sau ngày 30 tháng Tư đen của năm định mệnh 1975, ông lê gót chân, hết nhà tù này đến trại giam

khác, từ Nam chí Bắc, để chịu kiếp đọa đầy mà những người cộng sản Việt Nam đã nhẫn tâm áp dụng đối với đồng bào ruột thịt, trong ý đồ vừa trả thù vừa tránh hậu họa sau này cho cái chế độ sâu dân một nước. Tắm máu đã không xảy ra sau khi miền Nam bị cộng sản cưỡng chiếm bằng võ lực, nhưng những gì mà độc giả cảm nhận sau khi đọc cuốn bút ký của Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ, sẽ còn ghê tởm, thâm độc và ác nghiệt gấp triệu lần.

Một phần bút ký “Tôi Phải Sống” tả lại cái khung cảnh hãi hùng của 13 năm tù cộng sản. Vì phải tiếp giáp hàng ngày với thần chết trong suốt quãng đời cơ cực ấy nên tác giả đã xuống quyết tâm phải tồn tại để làm nhân chứng sống cho một giai đoạn cực kỳ thảm thương của đất nước và thay đổi quan điểm sai lầm của một phần dân tộc về một thứ chủ nghĩa ngoại lai đã lỗi thời và đã đi vào sọt rác của lịch sử.

Những chương trong bút ký liên quan đến hệ thống trại tù của cộng sản Việt Nam đã được tác giả ghi lại với một bút pháp tuyệt vời, với một mức độ chính xác chưa từng thấy và với một tấm lòng tha thứ, bao dung hiếm có ngay cả đối với những người rắp tâm tiêu diệt bản thân mình. Đọc tác phẩm này, nếu độc giả không phải là người mau nước mắt thì cũng sẽ rùng mình ghê sợ và xót thương cho số phận của những con người Việt Nam bị chính đồng bào mình đày đọa xuống đáy tầng của địa ngục trần gian. Mức độ độc ác và tàn nhẫn không thua kém gì những “holocaust” Đức Quốc Xã dành cho người Do Thái trong Thế Chiến thứ hai.

Chế độ tù trong xã hội cộng sản Việt Nam là sản phẩm của một chính sách hủy diệt dẫu tay kinh tởm ngoài sức tưởng tượng của con người. Với một thời gian giam giữ vô hạn định giữa bốn bức tường kiên cố của các trại tù hôi hám thiết lập tại những nơi thâm sơn cùng cốc, chính sách này đã biến con người thành con vật. Bằng phép thuật khủng bố tư tưởng nó đã tạo nên những tên phản thầy phản Chúa, phản lại lý tưởng mình theo đuổi.

Bằng chủ trương” bỏ đói“ nó đã đưa dẫn tù nhân tới chỗ giết nhau chỉ vì một miếng cơm hay mẩu bánh. Thậm chí nó đã thúc đẩy con người nghĩ cả đến việc ăn thịt đồng cảnh để sống còn. Tác giả Nguyễn Hữu Lễ đã thuật lại những “chuyện khó tin nhưng có thật” đó với những giọt nước mắt chảy ngược vào tim vì chính ông là nạn nhân của những hiện tượng kinh hoàng vừa nói.

Mặc dù vậy sau khi xếp sách lại chúng ta mới cảm nhận được hết sự khoan dung hòa với tâm tình yêu mến quê hương và dân tộc của một Linh mục tù nhân, chứng nhân và là nạn nhân của bao nhiêu tình cảnh đau thương. Tác giả kết luận: “Hãy để cho bóng tối đi qua và cùng nhau hướng về nguồn sáng của bình minh dân tộc”

“Xã hội tù” của CSVN là hình ảnh thu hẹp của một xã hội lớn hơn: xã hội Việt Nam sau ngày 30 tháng tư đen tối. Mười ba năm dài đằng đẵng, với thiên chức của một vị linh mục, tác giả đã thành công trong việc cảm hóa và cải tà quy chính rất nhiều đối tượng đã mất hết tính người vì chính sách trại giam của cộng sản. Mong rằng tác giả cũng sẽ thành công một lần thứ hai khi trở lại đời sống bình thường, cho

đúng với ước nguyện của ông lúc ban đầu, cho dân tộc được hưởng không khí tự do và cho tổ quốc có điều kiện vươn lên cùng nhân loại văn minh.

Maryland ngày 20 tháng 6 năm 2003

Nguyễn Cao Quyền

LỜI CẢM TẠ



Tập Bút Ký “Tôi Phải Sống” được thành hình do công sức và sự khuyến khích của nhiều người. Về phần tôi, khi dòng chữ cuối cùng trong sách được viết xong, tôi ngồi đọc lại và thấy mình thật liều lĩnh!

Trước tiên vì tôi chưa hề viết lách bao giờ! Nhớ lại lúc vừa lớn lên tôi rất thích viết văn. Có lần tôi đọc một câu chuyện tác giả viết về cảnh trên chuyến xe lam từ Sài Gòn lên Gò Vấp, đoạn đường quãng nửa giờ xe, nhưng tác giả viết gần 10 trang giấy. Tôi đọc phát mê và thán phục óc tưởng tượng phong phú của các văn sĩ. Tưởng viết văn không có gì khó, tôi chợt muốn làm văn sĩ nên lấy giấy bút ra và thử viết một đoạn văn tả cảnh ngồi xe. Tôi chọn đoạn đường dài hơn từ Vĩnh Long lên Sài Gòn với khoảng 3 tiếng đồng hồ. Sau bao nhiêu cố gắng, tôi chỉ viết được không đầy trang giấy. Muốn viết thêm cũng chẳng biết viết gì!

Khi ra khỏi tù tôi đã 46 tuổi và có nhiều chuyện trong đầu. Lúc qua New Zealand hai năm sau đó, tôi thử ngồi viết lại những gì đã xảy ra trong tù. Lần này tôi viết được. Không những dài hơn đoạn văn năm xưa mà còn hết trang này qua trang khác. Nhưng đây không phải là óc tưởng tượng của nhà văn, mà là công việc của trí nhớ. Bắt đầu từ năm 1996, tôi ngồi viết lại một phần trang sử đau thương của cuộc đời.

Tuy nhiên, thú thật mà nói, dù trí nhớ tôi nhả mực qua dòng chữ với trang này qua trang khác, tôi cũng cảm thấy mình làm công việc này một cách khó khăn và nặng nề như con bò kéo chiếc xe có bánh vuông đang lên dốc!

Trở ngại trước tiên vì tôi là người miền Nam, viết sai chính tả quá nhiều, dấu hỏi ra dấu ngã và dấu ngã thành dấu hỏi. Lúc đầu viết tay, vì chữ xấu nên nhiều lúc viết xong đọc lại có chỗ tôi không hiểu mình đã viết gì! Loay hoay làm sao cải thiện việc viết lách cho có hiệu quả, tôi bèn nghĩ tới loại máy đánh chữ có dấu tiếng Việt mà khi còn ở Việt Nam tôi thường dùng.

Tiền dịp có người bạn về thăm quê hương, tôi nhờ mua. Anh bạn mang qua cái máy đánh chữ có dấu tiếng Việt đã cũ. Tôi dùng một thời gian và thấy khó khăn nặng nề quá, đành xếp xó và định lúc nào rảnh sẽ đưa tới tặng lại cho viện bảo tàng. Tôi biết họ sẽ rất mừng vì của này hiếm! Không còn lựa chọn nào khác tôi đành phải nghĩ tới computer. Của đáng tội! Từ thuở tám bé cho tới khi qua định cư

ở New Zealand lúc đã gần 50 tuổi đời, tôi chưa có dịp sờ qua cái computer, mặc dù đã thấy qua.

Cũng may cho tôi! Lúc bấy giờ tôi có người bạn đạo Tin Lành rất giỏi về computer là anh Nguyễn Văn Tư, tôi tới gặp và xin anh giúp làm quen với cách sử dụng máy. Anh Tư đã tận tình hướng dẫn tôi ngay buổi trưa hôm đó. Tôi ngồi xuống trước máy, anh đứng ngay sau lưng bảo tôi cầm “con chuột”, tôi đưa tay phải ra tóm lấy nó! Nhưng con chuột bằng nhựa màu trắng đục này lúc nào cũng chực vượt ra khỏi tay tôi để thoát thân!

Tôi bặm môi ghì thật chặt làm anh Tư kêu: “Áy, áy! Linh mục đừng ghì con chuột chặt quá, nhẹ tay thôi và từ từ đẩy cho mũi tên trên màn ảnh di chuyển theo!” Lúc đó tôi thầm nghĩ: “Bắt chuột vốn là nghề của mình, ngày còn nhỏ ở ruộng đồng mình đã bắt không biết bao nhiêu là chuột. Nhưng chuột thật hình như dễ bắt hơn con chuột nhựa này!” Trước lúc ra về, anh Tư có viết cho tôi một cẩm nang. Nhưng về nhà được mấy hôm lại quên ngay. Chữ của thầy tôi trả cho thầy.

Vì có nhu cầu viết lách, tôi bèn ghi tên học computer lớp đêm dành cho người lớn, mỗi tuần 2 lần. Tôi chăm chỉ học trong 2 tháng với ông thầy người Anh. Vào lớp nghe tiếng Anh còn vất vả, thì nói gì tới việc học computer bằng tiếng Anh! Nên sau hai tháng miệt mài, tôi chỉ còn nhớ được cái computer tôi học tên là “Apple”, nghĩa là “Quả táo”! Một lần nữa, chữ của thầy tôi trả lại cho thầy. Sau đó tôi quên đi computer một thời gian và tiếp tục viết tay phần đầu tập Bút Ký. Có hiểu được sự khó khăn của tôi mới biết sự đóng góp quý báu và hỗ trợ tích cực của một số người trong việc này.

Một dịp may khác lại đến với tôi. Số là có đôi vợ chồng trẻ là Hoàng-Tú dọn tới ở gần tôi, cả hai là chuyên viên điện toán. Tôi mua máy và đôi bạn trẻ tới nhà chỉ dẫn tận tình. Nhờ đó tôi bắt đầu biết sử dụng computer để viết. Cũng từ đó và sau này tôi được sự hướng dẫn về kỹ thuật computer, Internet của ông Lê Quang Long, chủ tịch Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại Auckland và của người bạn Phật Giáo ở Úc là anh Lê Thiện Phúc.

Riêng hai người con tinh thần của tôi là vợ chồng Nguyễn Dương-Ngọc Yến, lúc đó ở San José, am tường trong ngành báo chí và phát thanh, hiện đang điều hành lớp Hán-Việt trên Internet đã giúp tôi về nhiều mặt trong tập sách này. Vừa rồi tôi rất vui khi Dương-Yến và con gái lớn là cháu Thùy Dương giúp dịch tập Bút ký này sang tiếng Anh.

Tôi đặc biệt ghi nhận sự đóng góp của hai người bạn tù trại Thanh Cẩm là anh Nguyễn Cần (Lữ Giang) và anh Nguyễn Cao Quyền. Cả hai anh, cũng như nhiều bạn tù khác đã khuyến khích tôi lo hoàn thành tập Bút Ký. Anh Nguyễn Cần đã đọc và sửa giúp một phần bản thảo ngay từ lúc đầu và anh Nguyễn Cao Quyền nhận viết Lời Giới Thiệu cho tập sách.

Công việc bị gián đoạn trong mấy năm tôi làm việc ở Mỹ và các nước khác. Có một đạo, lúc tôi còn làm việc bên Mỹ, chị Trịnh Tiểu (Phi Nga) ở Sacramento đã chịu khó giúp tôi sắp xếp thứ tự các bài, các trang và sửa lỗi chính tả. Năm 2001 trước khi tôi trở lại New Zealand, cô em gái Như Lan ở Virginia

giúp tôi đọc lại các bài mới viết, góp ý kiến và luôn nhắc tôi lo hoàn thành những gì tôi đã bắt đầu từ lâu. Khi tôi trở lại New Zealand, may mắn có sự tiếp tay của một người bạn Linh mục là cha Peter Hoàng. Nhờ đó cuốn sách này được hoàn thành.

Cha Hoàng, một Linh mục trẻ, đẹp trai, sống bên Úc đã lâu và mới chịu chức Linh mục được 3 năm. Cha qua làm việc tại một giáo xứ ở Auckland gần tôi. Ngoài đức tính hiền hòa, vui vẻ và tận tình được mọi người quý mến, cha Hoàng còn là người thông minh, giỏi văn chương, rành về ngôn ngữ Việt Nam và nhất là giỏi về computer, mặc dù chỉ tự “mò” thôi chứ không được “qua trường lớp” như tôi! Nói tóm lại, cái yếu của tôi lại là cái mạnh của cha Hoàng. Từ đó cha Hoàng giúp tôi sửa bản thảo, lời văn, câu cú và nhất là lỗi chính tả, trong khi ý trong sách vẫn được giữ nguyên.

Vi ở gần nhau nên rất thuận tiện trao đổi ý kiến và chúng tôi làm việc tận lực trong vòng 2 tháng để kịp hoàn thành tập Bút Ký trong năm nay, vì năm sau cha Hoàng trở về Úc. Nếu không có công sức cha Hoàng, chắc chắn tập Bút Ký chưa có thể thành hình được lúc này. Cha Hoàng còn khuyến khích tôi rất nhiều trong việc xuất bản cuốn sách. Một hôm, trong buổi gặp gỡ nhiều người và có cả tôi, cha “phấn khởi” tuyên bố một câu làm mọi người cười nắc nẻ: “Các chuyện cha Lê viết hay lắm, đọc xong chỉ muốn.... ở tù!”

Có lần cha Hoàng thúc giục tôi:

– Cha lo in cuốn sách đi, chắc chắn sẽ có nhiều người đọc. Con đọc từ đầu tới cuối thấy rất hay.

Tôi cười đáp lại:

– Thế có cần ghi thêm hàng chữ “Money back guaranteed” ở bìa sau không?

Cha Hoàng la lên:

– Ói giờ ơi! Làm gì tệ thế hả cha!

Ngoài những đóng góp đó, còn có sự khuyến khích của rất nhiều người. Trước tiên là trong gia đình của anh Đặng Văn Tiếp, là người anh kết nghĩa của tôi đã chết trong tù. Đặc biệt nhất là sự khuyến khích và hỗ trợ của chị Huyền Thanh ở Pháp là hôn thê của anh Tiếp và anh Đặng Văn Thụ ở Maryland là em kế của anh Tiếp. Khi tìm gặp được nhau, chị Huyền Thanh và anh Thụ nhận tôi là người em. Sau đó là sự khuyến khích của anh chị em, bạn bè thân hữu thuộc nhiều giới khác nhau mà tôi chỉ có thể ghi lại một vài người ở đây.

Ngay từ đầu có hai người em họ tôi là vợ chồng Phương-Dung ở Hershey, các bạn tù như Dương Văn Lợi và chị Germaine ở Paris, Nguyễn Tiến Đạt ở San Barnadino, Trần Nhật Kim ở Virginia, Nguyễn Tôn Tính ở San José, Phạm Hùng Thọ ở Sydney...và các người bạn như anh Đình Hùng Cường ở Virginia, cô Hồ Bạch Lan ở Toronto, cô Trần Thị Kim Loan, và người bạn học từ nhỏ là Anh Nguyễn Hữu Trà ở Virginia... Các anh chị Phùng Văn Tuệ ở Santa Ana, chị Hoàng Thị Bích Đào và anh chị

Bác sĩ Trần Văn Cảo ở San José...

Về sau này các người bạn như anh chị Võ Đại Tôn ở Santa Ana, Nguyễn Văn Tấn ở Toronto, Bác sĩ Đỗ Văn Hội ở Orlando, anh Châu Hoài ở Dallas...và nhiều bạn bè thân hữu khác. Riêng anh Trần Văn Ngà, chủ nhiệm báo Tiếng Vang ở Sacramento và chị Kiều Mỹ Duyên có chương trình phát thanh và truyền hình ở Santa Ana không ngừng khuyến khích và sẽ tiếp tay giới thiệu quảng bá tập Bút Ký.

Ngoài ra hai người bạn là anh chị bác sĩ Nguyễn Huỳnh Anh ở Sacramento lúc nào cũng hỏi tôi: “Chùng nào Cậu Bầy xong cuốn sách?” Lúc ở Mỹ cũng như khi về đây rồi tôi vẫn “bị” hỏi như thế! Anh chị Huỳnh Anh-Liễu luôn khuyến khích và giúp tôi về nhiều mặt. Hai người bạn nghệ sĩ là anh Vũ Hối ở Maryland và cô Tina Thanh Hương ở Sacramento đã làm sẵn con dấu tặng tôi dùng trong ngày... ra mắt sách! Mặc dù bản thảo còn đang dở dang!

Tuy nhiên còn một việc nặng nề cụ thể khác là in ấn và làm sao chuyển sách tới tay bạn đọc. Tôi nghĩ tới người bạn thân là anh Trần Quốc Bảo ở California, người đã khuyến khích tôi rất nhiều trong việc này. Tôi gọi anh Bảo trình bày khó khăn và nhờ anh giúp. Anh Bảo trả lời “Cha Lễ ơi! Vì cha ở xa quá, nên con sẽ giúp cha. Cha cứ yên tâm đi vì con coi việc của cha cũng như việc của con”. Chắc tôi không cần viết gì thêm về anh Bảo, vì câu nói ngắn gọn đó đã nói lên tất cả. Có điều tôi hơi ngắc ngứ là anh Bảo vẫn dùng lối xưng hô theo tước vị tôn giáo đó làm tôi thấy khó, vì anh là người bạn, và lại anh là một tín đồ Phật giáo. Tôi tin chắc là anh chị Bảo và hai cháu Hương, Kiêm hiểu được lòng quý mến của tôi.

Tôi ghi nhận sự tận tình của anh Võ Triều Sơn, Thầy Nguyễn Văn Chọn, anh Nguyễn Hữu Lợi, hai cháu Trí và Ngọc ở Sydney giúp rà soát từng hàng của bản thảo trước khi gửi tới nhà in và các người bạn là anh Trần Phong ở Colorado giúp trình bày bìa sách; anh chị Trần Giác, chủ nhà in Bamboo ở Sydney giúp tạo điều kiện dễ dàng để có ấn bản tại Úc Châu.

Đặc biệt tôi ghi nhận sự quan tâm, khuyến khích góp ý kiến để sửa bản thảo và giúp đỡ phương tiện in ấn của hai người con tinh thần tôi là vợ chồng Huỳnh Kim-Trần Minh Phụng tại Auckland.

Có người hỏi tôi về tựa đề “Tôi Phải Sống” của tập Bút Ký. Tôi trả lời, bạn sẽ hiểu khi đọc bài số 9 trong tập sách này.

Để giúp bạn đọc dễ dàng theo dõi, tôi chia tập Bút Ký này ra làm 3 phần. Ngoài hai bài Vào Chuyện và Cuối Chuyện sẽ có 11 bài gồm những câu chuyện liên kết nhau theo thứ tự thời gian, sau cùng là Phần Phụ Trương và hình ảnh. Mặc dù là từng bài riêng biệt nhưng được xếp theo thứ tự có chủ ý, vì vậy xin bạn đọc hãy khoan phê phán và chưa có ý kiến vội trước khi đọc xong hàng cuối cùng của phần Phụ Trương.

Cũng có mấy người bạn giúp tôi một vài chi tiết về con số, ngày, tháng...mà đã quá lâu tôi không còn nhớ rõ. Dù sao sách này cũng còn nhiều thiếu sót, tôi mong sự cảm thông của bạn đọc và ước mong

giúp tôi bỏ túc. Đa số những người tôi nhắc tới trong tập Bút Ký này hiện đang sống tại Mỹ, Việt Nam, Pháp, Úc, Đan Mạch, Canada, New Caledonia, Anh Quốc, Đức, Ý, Bỉ, Hòa Lan, New Zealand... Phần đông tôi đã có dịp gặp lại hoặc điện thoại thăm hỏi hay tiếp xúc qua thư từ, một số có hình ảnh trong tập Bút Ký này. Dĩ nhiên, có một số người đã nằm xuống, xin bạn hãy dừng lại một phút để tưởng nhớ và cầu nguyện cho họ được siêu thoát.

Đôi lời chân tình tôi xin gửi tới các ân nhân, thân nhân, anh em bạn bè và thân hữu. Tôi nhớ từng người nhưng không thể nào kể hết ra đây, xin các bạn hiểu cho tôi điều đó. Chính vì sự đóng góp của quá nhiều người về nhiều mặt nên tôi xin gọi tập Bút Ký "Tôi Phải Sống" này là "cuốn sách của chúng ta."

Với lòng quý mến và biết ơn sâu xa của tôi.

Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ

THAY LỜI TỰA



Bạn đọc thân mến,

Tôi vui mừng biết bao khi được gửi tới bạn món quà mà bạn đang cầm trong tay. Đối với tôi, đây là một món quà rất quý vì là kết quả sự đóng góp công sức và sự khuyến khích của nhiều người. Từ nhiều năm qua tôi đã ngồi lựa chọn lại những chất liệu đa dạng cho cuốn sách.

Trước tiên là hồi tưởng các sự kiện xảy ra và sau đó đã phải khổ tâm nhớ lại từng xác người chết, sự đánh đập tra tấn cùm kẹp dã man, sự hận thù, lòng dạ phản trắc hòa lẫn với lòng nhân đạo, tình yêu thương, sự thân ái. Tôi nhớ tới màu đen ghê rợn trong đáy địa ngục, pha lẫn với màu hồng của tình người. Những yếu tố này và bao nhiêu điều tương phản khác đã xảy ra cho chính bản thân tôi và nhiều người khác mà tôi đã chứng kiến trong một thời gian khá dài kết tinh thành những dòng chữ trong các trang sách này.

Những sự kiện và hình ảnh tôi ghi lại một cách trung thực trong Bút Ký này nhiều khi rất thương tâm. Tôi viết lên không phải để oán trách cuộc đời và con người, nhưng muốn dùng các sự việc đó như một bài học của lịch sử, để nhiều người nhất là thế hệ trẻ mai sau biết được quá khứ và tránh không trở lại vết xe cũ.

Mục đích tập Bút Ký này để làm món quà gửi tới toàn thể đồng bào Việt Nam. Số tiền tượng trưng nào đó được ghi ở bìa sách chẳng qua là để giúp phương tiện in ấn, chuyên chở, phân phối v.v... để trao tập Bút Ký này tận tay bạn đọc. Và đó cũng là phương tiện duy nhất giúp tôi làm lộ phí để từ New Zealand tôi có thể tới thăm bà con và đồng hương trong dịp ra mắt cuốn sách.

Một chuyện rất riêng tư nhưng tôi cũng xin được lạm dụng vài hàng ở đây. Tôi coi tập Bút Ký này là món quà trân quý mà tôi kính cẩn gửi tới bạn trong dịp tôi “thọ” 60 tuổi! Tôi tuổi Quý Mùi, tuổi con Dê. Ông bà mình thường nói: “Nam Nhâm Nữ Quý”. Vì câu nói đó nên có lúc tôi ngòai nghĩ quẩn: “Giá mà mình sinh sớm một năm, năm Nhâm Ngọ, hoặc năm Quý Mùi cũng được nhưng nếu là Nữ, chắc đời mình sẽ sướng hơn! Nhưng đã muộn rồi!”

Thân ái chào và mời bạn theo dõi câu chuyện.

Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ

Bút Ký
TÔI PHẢI SỐNG
của Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ
PHẦN I - CUỘC ĐỜI VÀ BÓNG ĐEN

VÀO CHUYỆN



Chiếc xe ca đông nghẹt hành khách dừng lại ở một trạm trên đường phố chánh của thủ đô Hà Nội bên cạnh một công viên. Nhiều hành khách chen nhau bước xuống xe. Nhóm chúng tôi gồm ba người tù vừa được tha từ trại Nam Hà cũng bước xuống. Trong nhóm có thầy Kỳ, một chủng sinh ở miền Bắc làm hướng dẫn viên, còn anh Nguyễn Đức Khuân và tôi là dân miền Nam bị đưa ra Bắc ở tù, và cả hai mới đặt chân xuống đất Hà Nội lần đầu nên chỉ biết rảo bước theo sau thầy Kỳ.

Khi vừa đi được một đoạn, tôi bị choáng ngợp bởi sự thay đổi khung cảnh quá nhanh. Mới sáng nay tôi còn ở trại tù Nam Hà vắng lặng và buồn thảm, thế mà xế trưa đã ở con đường chánh của thủ đô Hà Nội ồn ào náo nhiệt, đầy xe cộ và người đi lại. Tuy Hà Nội không có nhiều xe ô-tô như Sài Gòn trước kia, đa số là xe máy và xe đạp, nhưng việc xe cộ tới lui tấp nập cũng làm tôi choáng ngợp.

Trong mười một năm tù tại miền Bắc, có bốn lần tôi cũng có dịp đi ngang qua Hà Nội, nhưng toàn là về đêm và bị còng tay trên các chuyến xe di chuyển từ trại này tới trại khác. Lần đầu là khi tôi bị đưa ra Bắc trên tàu Sông Hương, lên bến Hải Phòng và từ đó đi xe ngang qua Hà Nội để vào trại Nam Hà.

Lần thứ hai trong đêm Giáng Sinh 1977, khi nhóm 20 người chúng tôi từ trại Nam Hà bị đưa lên Cổng

Trời cũng đi qua Hà Nội trong đêm. Tám tháng sau, từ trại Cổng Trời chuyển về trại Thanh Cẩm, chúng tôi ghé qua trại Văn Hòa ở ngoại thành Hà Nội để nghỉ qua đêm. Lần cuối cùng, khi nhóm tù chính trị miền Nam và mười người tù Trung Quốc còn sót lại ở trại Thanh Cẩm chuyển về trại Nam Hà cũng đi ngang qua Hà Nội khi phố đã lên đèn.

Lần này tôi mới chính thức đặt chân tới Hà Nội giữa buổi xế trưa nắng ấm trong tâm trạng của một người tự do. Tôi dùng chữ “tự do” với một sự dè dặt, vì ít ra trong người tôi cũng có mảnh giấy ra trại được đóng dấu và ký tên hẳn hoi. Mảnh giấy, dấu ấn tự do của 13 năm tù đang được tôi cẩn thận nhét vào cái túi may bên trong áo phía trước ngực và cài lại bằng 2 lần kim băng.

Tôi không thể nào để tờ giấy màu nâu bằng chất liệu giấy rất kém này mất đi được. Đó là tờ giấy duy nhất hợp pháp mà tôi có được sau một thời gian rất dài ngoài ra tôi chẳng có một thứ giấy tờ gì trong người. Tờ giấy ra trại này để chứng minh cho mọi người biết tôi là ai, và dĩ nhiên là để tránh rắc rối trong lúc tôi vừa mới chân ướt chân ráo bước ra khỏi nhà tù này và đang có ý định là sẽ lưu lại thăm viếng miền Bắc một thời gian chừng hai tuần lễ trước khi xuôi tàu về Nam.

Chiếc Nôi Dân Tộc

Tôi lên tiếng gọi và nói thầy Kỳ cho ngồi nghỉ một chút vì thấy trong người hơi mệt. Chúng tôi rẽ vào bên chiếc ghé công viên ngay đó ngồi vừa nhìn cảnh nhộn nhịp của giao thông trên đường phố thủ đô. Lúc ngồi tựa lưng vào thành ghé đá công viên, tôi có dịp để ý quan sát người dân Hà Nội, người ngồi xe cũng như khách bộ hành trên đường phố. Điều tôi ghi nhận đầu tiên là họ ăn mặc rất giản dị, không màu mè chải chuốt. Đa số mặc quần đen áo trắng, đàn ông cũng như đàn bà. Phần đông cúi đầu lầm lũi bước đi như những người mang tâm trạng chán chường, mệt mỏi.

Họ thường đi lẻ loi một mình, có khi sánh bước từng nhóm vài ba người, nhưng rồi cũng mạnh ai người ấy đi, ít khi thấy họ cười nói đùa cợt như hình ảnh quen thuộc của hè phố Sài Gòn mà tôi đã xa lìa hàng chục năm qua. Tôi đoán hầu hết những người đang đi xe gắn máy hoặc xe đạp là giới công nhân qua cách ăn mặc giản dị của họ. Đàn ông phần nhiều đội mũ cối và phụ nữ đầu đội nón lá. Một chi tiết lý thú mà tôi thấy lúc bấy giờ là gần như tất cả các cô gái Hà Nội đều thon thả, mảnh mai và hơi nhỏ người.

Tự nhiên tôi liên tưởng tới chiếc áo dài Việt Nam và nghĩ là trời sinh ra người con gái Việt Nam, nhất là gái Hà Nội là để mặc áo dài! Một lúc sau bắt đầu quen mắt, tôi cảm thấy dễ chịu, đứng dậy xốc ba lô lên vai và theo thầy Kỳ dẫn lối tới Nhà Chung Hà Nội.[1] Tôi đã nghe nói nhiều về Hà Nội với 36 Phố Phường. Những bài hát truyền cảm, những câu thơ trữ tình tả cảnh “nên thơ” của Hà Nội. Nhưng hôm nay, lần đầu tiên tôi đang sống với Hà Nội bằng chính đôi mắt và con người tự do của tôi.

Hà Nội đẹp lắm! Một nét đẹp cổ kính và chất phác nhưng thâm trầm. Ngay từ giây phút đầu thấy Hà Nội, tôi như bị “tiếng sét ái tình” làm mê mẩn hồn. Tôi say mê Hà Nội như chàng trai mới lớn lần đầu

tiên nhìn thấy bóng dáng kiều diễm của người con gái trong mộng và rồi “yêu” nàng! Hà Nội không lộng lẫy kiêu sa, nhưng mang vẻ trịnh nguyên của chiếc nô dân tộc. Tôi yêu Hà Nội kể từ giây phút đầu tiên đó.

Thầy Kỳ đi đầu, mặc bộ quần áo màu xanh trại phát với túi xách trên vai, Khuân mang ba-lô đội nón vải bước theo sau. Nhìn hai người bạn đang hăng hái bước đi trước mặt, tự nhiên tôi buồn cười khi nghĩ tới hình ảnh của nhóm bộ ba tướng sĩ tượng này. Hai anh bạn ăn mặc kỳ dị quá khiến tôi nghĩ có lẽ người khác nhìn tôi cũng nói như vậy.

Chúng tôi thật chẳng giống ai, nhất là thầy Kỳ! Ai nào lại mặc bộ quần áo tù đi nghênh ngang giữa thủ đô vẫn hiển như thế nhỉ? Dường như ai nhìn vào cũng biết đây là ba anh tù vừa mới ra trại. Biết đâu có người còn nghĩ đây là ba anh tù vượt ngục khi thấy thầy Kỳ mặc bộ quần áo tù với chiếc áo trấn thủ che ngoài để lấp con dấu “Cải Tạo” đóng sau lưng không chừng! Tự nhiên tôi đâm ra bần khoản xen lẫn một chút khó chịu.

Cái ông thầy Kỳ này thật là “kỳ”! Ai lại đi ăn mặc như thế bao giờ! Không lẽ chẳng còn bộ đồ nào khác hơn hay sao? Ăn mặc như thế nhờ có ai nghi ngờ thì lại rắc rối to. Mặc dù hơi khó chịu nhưng khi thấy thầy Kỳ bỗng dừng hớn hờ và cho biết là sắp tới nơi, hồn tôi như hòa vào niềm vui và quên đi nỗi bần khoản về thầy.

Thầy Kỳ lúc đó đã ngoài 40, có lẽ cũng xấp xỉ tuổi tôi. Người nhỏ thó và nước da ngăm đen. Mấy chiếc răng bi gãy trông thầy càng bệ rạc hơn! Tuy nhiên, tính tình vui vẻ và khiêm tốn làm tăng thêm nét dễ thương nơi thầy. Vì lý tưởng đi tu mà thầy bị bắt vào tù ra khám không biết bao nhiêu lần.

Thầy Kỳ chung lớp với một số Linh Mục ở miền Bắc. Số thầy lặn đạn tù mãi, bằng không cũng trở thành Linh Mục từ lâu. Thầy Kỳ quen biết hầu hết các tu sĩ miền Bắc, từ Hồng Y Giáo chủ trở xuống. Trong Nhà Chung Hà Nội này có hai bạn học cùng lớp với thầy Kỳ làm phòng bộ cho Đức Hồng Y. Trong khi rảo bước theo thầy, tôi có cảm tưởng như đang bước theo sau một “Thiên thần” hộ mệnh.

Nhà Chung Hà Nội

Vừa tới ngõ rẽ vào Nhà Chung, tôi cảm thấy hơi bồn chồn khi sắp sửa được gặp vị Hồng Y Giáo chủ mà tôi chưa từng bao giờ gặp. Bất ngờ có một người đàn ông nhỏ thó quăng ngoài 50 xuất hiện. Ông từ một ngõ sát cạnh hàng rào Nhà Chung bước ra chặn chúng tôi lại và hỏi:

– Cho tôi hỏi, có phải các anh mới đi tàu hỏa xuống à?

Tôi rất nhạy trước cảnh này và biết ngay người đàn ông đó là ai. Thầy Kỳ chưa kịp trả lời, tôi bình thản lên tiếng:

– Chúng tôi không đi tàu hỏa, nhưng tại sao bác hỏi thế?

– Tôi đi đón người nhà từ miền Nam ra, và trông các anh có vẻ người miền Nam nên tôi hỏi thăm.

Thấy người công-an chìm này có vẻ trắng tráo, tôi vặn hỏi ngay:

– Có phải bác nghi chúng tôi là tù vượt ngục không?

Người lạ mặt tỏ ra bối rối sau câu hỏi đó. Mặt ông ta khác đi và yên lặng. Thì ra tôi đoán đúng, người ngoài thấy chúng tôi biết ngay là tù. Hơn nữa, thấy cách ăn mặc của thầy Kỳ họ có quyền nghi thêm hai chữ “vượt ngục”. Tôi nói tiếp:

– Bác lầm rồi, chúng tôi là tù nhưng không phải vượt ngục mà mới được tha về từ trại Nam Hà sáng hôm nay.

Người công-an chìm này không chịu thua:

– Thế các anh định về đâu?

– Dĩ nhiên là tôi về Nam, nhưng chưa về ngay hôm nay.

– Các anh định ở đâu trong lúc này?

– Ở đây, trong Nhà Chung này!

Vừa nói tôi vừa chỉ vào Tòa Giám Mục Hà Nội. Xong câu đó, chúng tôi bỏ đi vào. Người đàn ông đứng nhìn theo.

Tòa Giám Mục Hà Nội, hay thường được gọi là Nhà Chung Hà Nội là một khu vực khá rộng với nhiều dãy nhà ngang dọc, nhưng tòa nhà chánh là nhà hai tầng khá dài nằm thẳng góc với đường cái. Cách tòa nhà chánh này một đổi là tháp của Nhà thờ Chính tòa có cây Thánh Giá vươn cao. Từ cổng đi vào là sân khá rộng và dài sâu mãi vào bên trong. Khu vực này với cây to bóng mát và các tòa nhà lâu năm trông thật cổ kính. Lúc vừa bước vào khuôn viên Nhà Chung Hà Nội, tôi tưởng như mình đang đi vào một khu bảo tàng cổ được gìn giữ cẩn thận và trang nghiêm.

Thầy Kỳ dẫn chúng tôi đi sâu mãi vào gần cuối mới có bậc thêm bước vào khu nhà. Lúc đó khoảng hai giờ chiều, có lẽ là giờ nghỉ nên cả khu nhà yên tĩnh và vắng vẻ, chẳng thấy bóng dáng ai. Thầy Kỳ đã quen biết nơi này nên đi vào trong như người nhà. Anh Khuân và tôi đặt ba lô xuống bậc thêm xi măng ngồi nghỉ mệt.

Một lúc sau thầy Kỳ trở ra với một người đàn ông cao và trắng trẻo, tóc húi kiểu đầu đinh tức là có mái bằng trên đỉnh đầu. Người này mặc áo sơ mi trắng ngắn tay, quần tây đen, áo bỏ ngoài quần và chân mang xăng-đan. Toàn diện con người anh toát ra sự sạch sẽ và gọn gàng của một con người làm việc văn phòng. Hình ảnh này tương phản với thầy Kỳ nhỏ thó, đen đũi và bệ rạc trong bộ đồ tù đang cười nói bước đi bên cạnh. Anh Khuân và tôi đứng lên khi hai người ra tới nơi. Thầy Kỳ giới thiệu:

– Thừa cha, đây là thầy Trác, bạn cùng lớp của con và là người giúp phòng bộ của Đức Hồng Y.

Tôi đưa tay ra bắt tay thầy Trác, trong lúc thầy nói:

– Con được thầy Kỳ cho biết có cha và anh ghé Nhà Chung. Con xin chào. Mời cha và anh vào.

Thầy Trác đưa cả 3 vào phòng ăn, vừa đi vừa nói:

– Giờ này Đức Hồng Y chưa xuống văn phòng. Cha ngồi uống nước và tạm nghỉ, chốc con lên trình với ngài.

Trong lúc chúng tôi uống nước, thầy Trác bước ra ngoài. Phòng ăn này khá lớn có kê một bàn dài và hai bàn tròn. Trong góc và cạnh vách có bộ xa-lông và mấy chiếc bàn nhỏ để sách báo. Chỗ nào cũng sạch sẽ thơm mát. Một lúc sau thầy Trác trở lại, tôi vẫn ngồi yên đọc báo. Tôi ngạc nhiên khi thầy bước tới và chào tôi lần nữa:

– Chào cha, có phải cha Lễ không ạ?

Tôi ngạc nhiên vì lúc nãy đã giới thiệu rồi, sao thầy còn hỏi nữa?! Tôi ú ớ đáp lại:

– Vâng... vâng...

Chưa nói hết câu thì thầy Kỳ cười lên tiếng:

– Thừa cha, đây là thầy Trạc, em sinh đôi của thầy Trác lúc nãy!

À, ra thế! Tôi chợt phá lên cười mà không dẫn được, mặc dù biết cười như thế là không phải. Để khỏi lấp chỗ hở của mình, tôi liền chống chế bằng một câu thân thiện:

– Trời ơi! Hai anh em giống nhau quá, tôi nhận không ra!

Thầy Trạc vui vẻ đáp:

– Không phải một mình cha làm đâu, có nhiều người làm hai anh em con. Chúng con giống nhau quá hả cha?

Chúng tôi được trận cười thoải mái sau câu nói đó. Hai anh em sinh đôi này đã giống nhau như hai giọt nước mà lại ăn mặc như nhau nữa thì có trời mới biết ai là Trác và ai là Trạc! Lúc đó tự nhiên tôi liên tưởng tới hai nhân vật sinh đôi Dupond và Dupont trong bộ truyện bằng tranh “Tintin et Milou” của Paul Hergé, nhưng tôi không dám nói ra. Sau khi chúng tôi ngồi nói chuyện vui vẻ, chợt thầy hỏi:

– Trước khi vào Nhà Chung cha và các anh có gặp ai hỏi thăm gì không?

Tôi nói có và kể lại câu chuyện gặp người đàn ông ngoài cổng. Thầy chia sẻ:

– Thế đó cha ơi! Ngoài này nó vậy đấy! Con kiến cũng chui không lọt đừng nói chi con người. Mà này

cha và anh có giấy tờ đưa con đi trình. Đồn công an ngay công vào đó cha!

Chúng tôi móc túi lấy giấy tờ. Khi thấy tôi lần túi trong túi ngoài và qua hai lần kim băng móc mảnh giấy ra trại, thầy Trạc nhìn tôi mỉm cười làm tôi xấu hổ. Lúc ấy tôi có cảm tưởng mình giống như một bà nhà quê, giấu mấy đồng tiền lẻ sâu vào ruột tượng moi mãi không ra. Tôi cười và nói cho đỡ ngượng:

– Cần tắc vô ưu thầy ạ!

– Phải thế chứ cha! Bọn móc túi Hà Nội này nó ranh lắm! Nhất là lúc đi tàu hay đi xe, cha và các anh phải cẩn thận đấy. Bọn chúng nhanh như sóc ấy!

Câu nói của thầy Trạc làm tôi đỡ ngượng. Thầy cầm lên đọc khá kỹ các mảnh giấy trong tay. Tôi biết là ngoài lý do để đi trình giấy, những người có trách nhiệm trong Nhà Chung cũng phải biết chắc ai bước vào nhà này. Mặc dù có sự giới thiệu coi như bảo đảm của thầy Kỳ, nhưng người ngọm của tôi lúc bấy giờ rất dễ cho người lạ nghi là Linh Mục “dòm”!

Sau đó thầy bước ra và dặn tôi ngồi nghỉ để thầy đi dọn phòng cho chúng tôi. Thầy nói thêm là giờ này Đức Hồng Y còn trong nhà nguyện, tới ba giờ sẽ vào văn phòng làm việc và tiếp khách.

Một lúc sau thầy trở lại bước vào nhà ăn, nhưng tôi không biết là Trác hay Trạc! Thầy mời tôi lên phòng, trong khi Kỳ và Khuân ngồi chờ thầy trở lại để đưa qua khu vực nhà khách dành cho các thầy. Tôi nghĩ giá mà ba anh em chúng tôi được ở chung một nhà thì vui hơn, nhưng nhập gia phải tùy tục.

Lúc đi cạnh nhau tôi vẫn chưa biết người này là Trác hay Trạc! Tôi mỉm cười với ý nghĩ, giá mà một ông bị cận thị mang kính thì dễ phân biệt biết mấy! Tôi được đưa vào một phòng khách trên lầu rất sạch sẽ, rộng rãi và đủ tiện nghi. Giường trải chiếu hoa và có quạt trần. Phòng mở cửa nhìn xuống sân từ đường cái đi vào và đối diện bên kia là nhà Văn hóa.

Tôi đặt chiếc ba lô hành trang duy nhất của tôi xuống ghế và bước vào nhà tắm để rửa mặt. Sau khi lau người bằng chiếc khăn mặt trắng và thơm tho, tôi bước ra và tới ngã lưng nằm dài trên giường có chiếc gối trắng tinh, dang rộng tay chân trong tư thế thoải mái lần đầu sau 13 năm cuộc đời gió bụi. Vừa nằm xuống tôi buột miệng nói thành lời: “Ôi! Đời đáng sống làm sao!”.

Cái cảm giác đang tự do và làm chủ hoàn toàn một căn phòng, cho dù chỉ là một phòng khách của Nhà Chung Hà Nội và chỉ ở tạm một vài ngày đã làm tôi lâng lâng hạnh phúc và nhận chân ra sự thay đổi đột ngột trong cuộc đời. Tôi nằm yên nhắm mắt và cố tận hưởng giây phút hiếm hoi này, chẳng suy nghĩ gì thêm. Một lúc sau có tiếng gõ cửa và thầy phòng bộ bước vào. Tôi vẫn không biết là Trác hay Trạc, chỉ lên tiếng “chào thầy!” Thầy nói đã trình Đức Hồng Y. Ngài mừng lắm và hẹn ba giờ rưỡi thầy đưa chúng tôi lên gặp Đức Hồng Y.

Hồng Y Giáo Chủ

Từ trước tới giờ tôi chỉ nghe tên và xem thấy hình, nhưng chưa bao giờ có dịp gặp Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn. Do đó, tôi hơi bồn chồn khi cùng với hai người anh em kia bước theo thầy phòng bộ trong hành lang dẫn tới phòng của vị chức sắc cao cấp nhất của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Phòng này nằm ở lầu hai trong tòa nhà chánh của Nhà Chung Hà Nội. Tới nơi, thầy phòng bộ bước lui để ba anh em tôi vào.

Khi nghe tiếng gõ cửa, vị Giáo Chủ bước ra tận nơi đón chúng tôi. Hồng Y Trịnh Văn Căn, một người khá cao lớn, tuổi ngoài 60, nước da hồng hào, tóc bạc trắng, trên môi nở nụ cười tươi và dáng vẻ rất phúc hậu. Ngài mặc áo dòng đen có viền đỏ như các Giám Mục vẫn mặc, cổ “côn” trắng chỉnh tề và chân mang giày da đen. Tôi đi đầu, theo sau là thầy Kỳ và anh Khuân.

Vừa thấy ngài, tôi lên tiếng: “Thưa Đức Hồng Y, con là cha Lễ, thuộc giáo phận Vĩnh Long, cùng với thầy Kỳ và anh Khuân, chúng con xin chào Đức Hồng Y.” Ngài tươi cười đưa tay ra, tôi bắt tay vừa định quỳ gối hôn nhẫn thì ngài đỡ tôi dậy, kéo vào lòng và quàng tay trái ôm tôi khá lâu vừa nói: “Cha Lễ! Nghe tin cha về tôi mừng lắm. Tạ ơn Chúa! Tạ ơn Chúa!”

Thái độ của ngài làm tôi vô cùng cảm động. Sau đó ngài bắt tay Kỳ và Khuân, và để cho hai người quỳ hôn nhẫn. Tôi giới thiệu Khuân là một giáo dân, còn thầy Kỳ thì ngài đã biết. Ngài tiếp chúng tôi rất niềm nở, cùng chúng tôi ngồi ở bộ ghế xa-lông giữa phòng.

Phòng làm việc của Đức Hồng Y rất rộng, đơn sơ và ngăn nắp. Khi bắt đầu câu chuyện, tôi cảm ơn ngài đã gửi quà cho các Linh Mục trong tù và khi các cha về hết thì gửi cho tôi. Ngài nói có nhờ cha Mai lo việc đó vì ngài nghĩ là các cha trong miền Nam xa xôi quá. Ở đây ngài làm được gì để an ủi các Linh Mục trong lúc tù đầy thì ngài cố gắng làm. Ngài cũng nhắc tới Đức Cha Thuận đang bị giam lỏng ở Giang Xá và ngài vẫn nhờ cha Mai lo gửi quà, nhưng lần vừa rồi trả lại khiến ngài lo lắng không biết Đức Cha Thuận bây giờ ra sao.

Giọng nói của ngài ấm, đơn sơ và truyền cảm. Ngài hỏi tôi về những cha còn lại trong tù, cách thức thăm nuôi làm sao, đời sống tinh thần các Linh Mục và giáo dân trong tù thế nào. Ngài hỏi chuyện cả ba người nhưng nhiều nhất là tôi. Tôi nói số Linh Mục miền Nam ra Bắc từ hơn 10 năm qua thì tôi là người ra về cuối cùng.

Nhưng Linh Mục miền Bắc mới bị vào tù sau này thì còn lại ba người là cha Thi, cha Vĩnh thuộc Giáo phận Bùi Chu và cha Hiểu thuộc Giáo phận Bắc Ninh. Có trường hợp cha Lý và cha Nghiêm thuộc Tổng Giáo phận Huế mới bị bắt hai năm cũng còn ở trại Nam Hà. Như vậy còn lại 5 Linh Mục trong tù. Khi tôi nói các chi tiết này, Đức Hồng Y đứng lên bước lại bàn lấy quyển sổ và bảo tôi nhắc lại để ngài ghi.

Sau đó ngài hỏi chừng nào chúng tôi về Nam và chương trình những ngày tới ra sao. Tôi cho biết là anh Khuân sẽ về trước còn tôi sẽ lưu lại miền Bắc nửa tháng để có dịp đi thăm viếng và ghi nhận tất

cả những gì có thể ghi được, nhất là về tình trạng Giáo hội Công Giáo trong các giáo phận miền Bắc sau mấy chục năm dưới chế độ cộng-sản, để sau này nếu có dịp tôi sẽ viết lại những gì tôi đã thấy và tìm hiểu.

Đức Hồng Y rất tán thành ý định của tôi và ngài nói: “Cha cứ đi, nếu cần giới thiệu tới chỗ nào tôi sẽ giới thiệu. Hãy coi Nhà Chung này là nhà của cha. Bất cứ lúc nào cha trở lại cũng được, và nếu cần gì cứ bảo với hai thầy phòng bộ.” Ngài quay sang hỏi anh Khuân về gia đình, vợ con và việc làm ăn sinh sống trong thời gian chồng đi tù.

Đức Hồng Y tiếp chúng tôi quăng nửa tiếng đồng hồ. Sau đó, chúng tôi đứng lên xin cáo lui để ngài làm việc. Trước lúc chúng tôi ra khỏi phòng, ngài dặn chúng tôi sang thăm và chào Đức Cha phó là Giám Mục Nguyễn Văn Sang. Tôi trả lời là đã nhờ thầy phòng bộ thông báo và chúng tôi sẽ tới chào ngay sau khi thăm Đức Hồng Y.

Tôi bước ra khỏi phòng Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn với sự cảm xúc và lòng kính mến sâu xa. Tôi rất mừng và hãnh diện về Giáo hội Công Giáo Việt Nam có được người lãnh đạo nhân từ, đầy lòng bác ái và quan tâm tới từng hoàn cảnh của mỗi người như thế.

Vị Giám Mục Phó

Chúng tôi đi xuống trở lại ngang nhà ăn và qua dãy nhà kè bên để tới phòng Giám Mục Nguyễn Văn Sang nằm ngay ở đầu nhà. Tôi cũng chỉ nghe nói tới Giám Mục Nguyễn Văn Sang, nhưng chưa gặp bao giờ. Lúc còn trong tù tôi nghe Linh Mục Lê Đức Triệu, tức nhạc sĩ Hoài Đức, cũng là người gốc Giáo phận Hà Nội kể chuyện. Năm 1954, Linh Mục Nguyễn Văn Sang đã di cư vào Nam rồi, nhưng sau đó lại trở lộn ra Bắc, không hiểu vì lý do gì.

Nghe như thế tôi đã có sự khâm phục tinh thần của vị Linh Mục chấp nhận trở lại miền Bắc dưới chế độ cộng-sản trong khi một số đồng Linh Mục đã di cư vào Nam. Sau đó cha Sang được chọn làm Giám Mục phó Tổng Giáo phận Hà Nội một vài năm gì đó trước khi chúng tôi tới thăm.

Chúng tôi gõ cửa khi Giám Mục Sang đang ngồi tại bàn làm việc. Ngài vẫn ngồi yên tại chỗ khi ba anh em chúng tôi bước vào. Tôi lên tiếng khi thấy ngài:

– Chào Đức Cha, con là cha Lễ ở Vĩnh Long cùng với hai anh em, thầy Kỳ và anh Khuân là một giáo dân ở miền Nam. Chúng con vừa mới ra khỏi tù hôm nay và tới chào Đức Cha.

Giám Mục Sang vẫn ngồi yên sau bàn làm việc, ngẩng đầu lên và quay ngang nhìn nhóm chúng tôi:

– Thế à, cảm ơn, cảm ơn! Mấy anh em ngồi đi.

Vừa nói vị chức sắc tôn giáo ngoài 50 tuổi này chỉ tay về hàng ghế dài sát trong vách. Tôi vừa ngồi vừa quan sát rất nhanh Giám Mục Sang. Người ngài hơi thấp, da mặt bóng láng, mập béo và trắng

trẻ. Tướng mạo ngài biểu hiện một sự sung mãn khá toàn diện. Ngài mặc áo dòng đen, không có cổ trắng.

Ngài không đứng lên nên tôi không biết mang giày dép gì. Phòng làm việc của Giám Mục Sang khá nhỏ, chỉ bằng phân nửa phòng Đức Hồng Y. Trong phòng bệ bộn những sách vở và đồ đạc nằm bệ bộn, ngổn ngang. Sự tương phản quá bất ngờ trong thái độ đón tiếp giữa Đức Hồng Y và Giám Mục Sang làm tôi sượng sùng.

Thấy bầu khí quá tế nhị, tôi cố ý kéo dài việc xê dịch ghế và xoay đi sửa lại mấy lần trước khi ngồi yên, ra điều tôi chưa sẵn sàng để bắt đầu câu chuyện mà tôi đoán biết trước là sẽ rất nhạt nhẽo. Nhưng cuối cùng rồi tôi và hai anh bạn cũng đã ngồi yên đối diện với vị Giám Mục phó Tổng Giáo phận Hà Nội. Ngài ngồi khoanh hai tay lại chống lên mặt bàn, cổ rụt xuống làm đôi vai nhô cao. Trong cách ngồi này tôi thấy hình dạng ngài trở nên thấp bé trong căn phòng bé nhỏ và bệ bộn của ngài.

Giám Mục Sang ngồi yên nhìn chúng tôi không nói không rằng, gây cho tôi cảm tưởng là chúng tôi xuất hiện không đúng lúc. Trong giây phút đó tôi không biết tâm trạng thầy Kỳ và Khuân ra sao. Tôi đoán là họ cũng thấy đớ ra và thừa thãi như tâm trạng của tôi, nhưng dù sao họ cũng nhẹ nhàng hơn vì tôi là người phải đóng vai trò đại diện ăn nói. Trong một giây, tôi tự nói với mình: “Trời! Nếu biết như thế này thì vào đây để mà làm gì?!”

Thấy tình thế kỳ dị quá, không lẽ cứ ngồi đây mà nhìn nhau cho tới giờ cơm chiều, tôi bèn hỏi một câu thừa thãi và rất ư là vô duyên:

– Đức Cha có khỏe không ạ?

Vị chức sắc tôn giáo có thân hình tròn trịa ngồi yên một chút mới bắt đầu nói như rên:

– Mới đi nghỉ mát ở Đồ Sơn về hôm qua, nghe sao trong người không được khỏe, có lẽ nắng ngoài đó to quá!

Tôi không biết Giám Mục Sang nói những lời nói giọng rề rề đó với chúng tôi hay tự than thở với chính mình. Dù vậy tôi buộc lòng phải hỏi thêm cho có chuyện nói:

– Thế Đức Cha mới đi tắm biển Đồ Sơn về à?

– Minh mới về hôm qua.

– Con nghe nói Địa phận Hải Phòng có nhà nghỉ mát ở Đồ Sơn, có phải Đức Cha ra đó không?

– Đâu có! Minh ở nhà nghỉ mát chính phủ. Minh đi là bên Mặt Trận Tổ Quốc tổ chức mời mình đi mà!

Sau đó Giám Mục Sang đọc thoải một thôi một hỏi về cuộc du hí vừa rồi, ăn làm sao, ở làm sao trong nhà khách chính phủ. Ngài ngon đả kể dài dòng về việc đó mà không một chút thương hại cho 6 cái

lỗ tai của 3 tên tù khổ khổ mới được tha sáng nay và tới chào ngài. Chúng tôi tới đây không có ý để nghe chuyện du hí Đồ Sơn của vị Giám Mục.

Sau đó không biết tại sao và vào lúc nào ngài lại chuyển đề tài qua xe đạp Peugeot của Pháp. Vị Giám Mục phó Hà Nội lại đọc thoải mái một tràng về tính “ưu việt” của loại xe đạp này vì có người bên Pháp, hình như nói là cha Thiết, mới gởi về cho ngài 10 chiếc.

Lúc đó tôi đã muốn kiêu từ nhưng không biết làm sao. Tôi mong cho có tiếng gõ cửa hay tiếng động gì để Giám Mục Sang cắt đứt câu chuyện về xe đạp Peugeot, nhưng vẫn không có tiếng gõ cửa tôi mong đợi. Được một lúc, có thể vì nhận thấy chúng tôi không phải thuộc loại thính giả tốt, Giám Mục Sang bèn ban cho chúng tôi một ân huệ. Đang nói nửa chừng, ngài vụt ngừng lại nhìn đồng hồ tay và nói: “Tôi phải có cái hẹn”. Câu nói ngắn gọn đó đã giải thoát cho cả hai phía. Phía ba anh em tôi khỏi phải tiếp tục ngồi nghe những chuyện chúng tôi không muốn nghe, và phía ngài cũng khỏi phải tiếp tục ngồi đối diện với 3 người khách bất đắc dĩ trên trời rơi xuống.

Ba anh em tôi đứng lên rời khỏi phòng Giám Mục Sang và đi nhanh như bị ma đuổi, trong lúc ngài vẫn ngồi tại bàn ngoái đầu ra cửa nhìn theo. Lúc đi ngang nhà ăn, tôi coi đồng hồ, thấy đã 4 giờ 15, như vậy Giám Mục Sang đã mất cho chúng tôi 15 phút, và tôi cũng thấy mình đã đánh mất chừng ấy thời gian một cách vô nghĩa! Tôi cảm thấy một nỗi chán chường làm nặng trĩu tâm can khi cả ba anh em yên lặng bước đi bên nhau trong hành lang cổ kính của Nhà Chung Hà Nội, được coi là con tim của Giáo hội Miền Bắc này.

Thấy còn sớm, vì mãi 6 giờ chiều mới tới giờ ăn, tôi muốn lên phòng nằm nghỉ chốc lát nên tạm chia tay anh em lên buồng. Thầy Kỳ dặn với theo: “Cha nhớ xuống nhà cơm trước năm mười phút, đừng để Đức Hồng Y đợi, thầy Trạc dặn con như vậy, vì Đức Hồng Y không bao giờ đọc kinh ăn cơm trước lúc có mặt đầy đủ mọi người.”

Tôi lần theo cầu thang lên phòng. Vừa bước vào tôi thấy trên bàn có cái phong bì màu trắng để tên tôi. Mở phong bì ra thấy có một số tiền, kèm theo mảnh giấy nhỏ với huy hiệu của Đức Hồng Y nằm bên góc trái ghi mấy chữ:

“Cha Lễ, cầm ít tiền tiêu. Sau cơm chiều, mời cha đi bách bộ trên sân thượng. TVC.”

Đọc xong tôi đưa tờ giấy lên môi hôn. Ý tôi muốn hôn lên bàn tay của người viết mấy hàng chữ đó. Thì ra Đức Hồng Y đã chu đáo và quan tâm tới người khác hơn tôi tưởng. Số tiền ngài cho tương đương với một vé xe lửa từ Hà Nội về Sài Gòn.

Nét Truyền Thống

Còn 10 phút nữa tới 6 giờ, tôi đã có mặt ở phòng ăn. Lúc sắp bước vào phòng tôi cứ ngỡ là mình tới sớm, nhưng khi vào phòng đã thấy khá đông các cha các thầy, những người tôi chưa được gặp. Thầy

Kỳ cũng đang đứng đó. Khi thấy tôi bước vào, thầy làm công việc giới thiệu tôi với những người khác. Có khoảng chừng 10 người vừa cha vừa thầy. Một vài cha rất lớn tuổi. Đa số các cha đều mặc áo chùng thâm, các thầy mặc đồ bình thường.

Khi gần tới 6 giờ, có thêm mấy người nữa bước vào. Tôi có ý tìm Khuân nhưng không thấy đâu. Tôi e ngại anh tới nhà cơm muện sẽ rất bất tiện nên hỏi Kỳ, vì hai người ở chung khu nhà bên kia. Hỏi ra mới biết vì là giáo dân nên Khuân không được ngồi chung với các cha các thầy, phải ngồi ăn riêng một mình một mâm dưới nhà bếp, mặc dù thức ăn y như nhau. Sự hiểu biết này làm tôi ngạc nhiên và nhận rõ hơn sự cổ kính của Nhà Chung Hà Nội ngay trong các chi tiết nhỏ như thế đó. Việc ba anh em chúng tôi được chia làm hai khu vực nhà khách khác nhau đã làm tôi ngạc nhiên rồi; bây giờ tới việc “giai cấp” trong phòng ăn lại càng làm tôi lạ lùng hơn, nhất là trong khi nhà ăn còn thừa rất nhiều chỗ.

Chừng vài phút trước 6 giờ, tất cả đứng vào chỗ của mình chờ đợi. Có khoảng năm Linh Mục đứng vào sau các ghế dài của chiếc bàn dài đủ chỗ cho mười người. Các thầy đứng vào hai bàn tròn kế bên. Tôi được xếp ngồi trên, vì mặc dù còn nhỏ tuổi nhưng chịu chức trước, các cha khác tuy già nhưng chịu chức sau tôi nên ngồi dưới. Đúng 6 giờ Đức Hồng Y xuống và đi thẳng vào chỗ của ngài giữa đầu bàn phía trong cùng, nhưng ngài chưa bắt đầu đọc kinh ăn cơm vì còn một chỗ trống bên tay phải của ngài mà tôi biết là chỗ của Đức Cha Sang. Tất cả đứng chờ, kể cả Đức Hồng Y cũng đứng yên tại chỗ và chờ đợi trong yên lặng.

Chừng vài phút sau, tôi nghe tiếng dép lép xẹp trong hành lang từ đầu nhà phía bên cánh trái đi lại. Tiếng dép càng lúc càng rõ hơn. Khi gần tới, tôi nghe tiếng bước chân khá vội vã như của người đang cố đi nhanh kéo nhờ chuyển tàu. Mọi người đứng yên chờ đợi và chắc hẳn cũng biết chủ nhân của những tiếng dép đó là ai. Giám Mục Sang bước vào nhà cơm với vẻ nhanh nhẹn khác thường, đi thẳng tới và đứng vào chỗ bên tay phải của Đức Hồng Y. Vị Giáo Chủ nhìn từ ngược mắt lên nhìn khắp lượt như để chắc chắn là không còn thiếu ai, lúc đó ngài mới bắt đầu.

Trước khi làm dấu đọc kinh, Đức Hồng Y thay mặt cho tất cả chào mừng tôi và thầy Kỳ cùng với anh Khuân vừa được ra khỏi tù sáng hôm nay và ngài nói Nhà Chung Hà Nội rất vui khi được chúng tôi ghé thăm. Thái độ này của vị Giáo Chủ càng làm tôi cảm động và biết ơn. Trong khi đọc kinh, đứng bên này nhìn qua người đối diện tôi thấy được toàn diện con người Giám Mục Sang lần đầu tiên. Trông ngài thấp và bé nhỏ hơn tôi tưởng. Nhất là lúc đứng cạnh bên Hồng Y Trịnh Văn Căn, trông giống như một đôi đũa lệch.

Vết Tích Thời Gian

Sau bữa ăn, tôi theo Đức Hồng Y lên sân thượng của tòa nhà lớn. Sân thượng này rất rộng, lát bằng gạch tàu, có lẽ to hơn sân quần vợt. Trời mùa hè nên giờ đó còn sáng, Đức Hồng Y và tôi sánh vai đi bách bộ. Trong lúc đi ngài kể tôi nghe hoàn cảnh Giáo hội miền Bắc và hỏi thăm về gia đình, cha mẹ anh chị em tôi. Ngài quan tâm đặc biệt tới cuộc sống các Linh Mục trong tù.

Đang đi, bất chợt ngài quay lại hỏi:

– Cha có để ý thấy cái gì khác lạ trên sân thượng này không?

Tôi ngạc nhiên trước câu hỏi đó, và nhìn quanh chẳng thấy gì nên nói:

– Con chẳng thấy gì lạ cả!

Ngài mỉm cười:

– Cha phải nhìn ra xa tới cuối sân mới nhận ra được. Nhìn xuống chân không thấy đâu!

Theo sự gợi ý của ngài tôi nhìn ra xa tới cuối sân. Chợt tôi để ý thấy một đường vòng hình quả trám khổng lồ nằm giáp bề mặt sân thượng. Con đường này có màu vàng nhạt khác với màu gạch lát trên sân như có ai mài rửa chà xát lên đó. Tôi nheo mắt đáp:

– Con thấy hình như có vòng tròn ai vẽ trên sân gạch.

Đức Hồng Y cười:

– Như thế là cha đã nhận ra rồi. Đó không phải là đường vẽ nhưng là đường mòn trên gạch. Đó cũng là dấu tích của Đức cố Hồng Y Trịnh Như Khuê. Trong hơn hai mươi năm bị quản chế, ngài đã đi bách bộ trên sân thượng này. Vì đi bộ nhiều năm nên những bước đi của ngài đã tạo thành đường mòn hình quả trám như cha thấy.

Nghe câu chuyện này tôi quá thương cho hoàn cảnh Đức Hồng Y tiên khởi của Việt Nam và cho Giáo hội Công Giáo miền Bắc lúc bấy giờ.

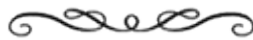
Đêm đó, sau khi đọc kinh tối chung trong nhà nguyện, tôi ghé vào thăm cha Sinh là cha Bí thư Tòa Tổng Giám Mục Hà Nội. Phòng cha Sinh cách văn phòng Đức Hồng Y không xa. Cha Sinh lúc đó còn trẻ, quăng chừng vừa ngoài 30, trắng trẻo đẹp trai. Trong lúc đang ngồi chơi uống nước và quan sát nơi ăn chốn ở của vị Linh Mục trẻ này, tôi lắc đầu nghĩ thầm: “Ngay cái thời cực thịnh của tôi và các Linh Mục miền Nam trước kia, phòng ốc nơi tôi ở cũng không bằng một góc nhỏ của phòng cha Sinh”. Từ trước tôi vẫn có cảm nghĩ là các Linh Mục miền Bắc sống nghèo nàn và thiếu thốn. Điều này có thể đúng đối với các Linh Mục ở miền quê, nhưng không đúng chút nào với vị Linh Mục trẻ giữ chức vụ quan trọng sống giữa Thủ đô Hà Nội này.

Cuốn Phim Quay Chậm

Tôi trở lên phòng. Lúc đó tuy đã muộn nhưng tôi chưa thấy buồn ngủ. Một phần vì tâm trạng choáng ngợp trước khung cảnh mới, phần khác trưa nay trước giờ cơm chiều tôi có nằm nghỉ được chút ít. Trời về đêm nghe vắng lặng, tôi ra hành lang tựa vào lan can nhìn qua bên kia đường. Không biết hôm đó là ngày gì mà có đông người tụ họp. Có ban nhạc sống và nhiều đôi ra khoảng sân trống khiêu vũ.

Lớp trẻ tụ tập khá đông nhưng không ồn ào. Khi nhạc trỗi lên, từng cặp bước ra khiêu vũ, hết nhạc lại về chỗ ngồi yên. Tôi đứng coi mà có cảm tưởng đây là những người máy đang giải trí. Tôi không cảm nhận được “sức sống” trong đám đông khiêu vũ và có cảm tưởng là tay chân họ nhịp bước theo điệu nhạc, nhưng sao chẳng có “hồn”! Tự nhiên tôi cảm thấy thương cho lớp trẻ này. Họ vui chơi nhảy nhót theo một thời trang, nhưng tâm hồn như đang mang một nỗi u hoài khó tả.

Quay trở vào phòng, ngồi yên trên ghế một lúc như để xác định hiện tại và nhớ lại giờ này đêm qua diễn ra cảnh chia tay đầy nước mắt trong buồng giam ở trại Nam Hà. Tôi không muốn nghĩ tiếp nên lấy giấy ngồi viết vài thư ngắn cho chị tôi và những người thân ở miền Nam báo tin tôi được về, nhưng còn ở lại miền Bắc một thời gian. Nhìn đồng hồ trên tường đã gần 10 giờ đêm, tôi tắt đèn và lên giường nằm. Căn phòng vẫn mờ ánh sáng vàng nhẹ phản chiếu của đèn đường. Thỉnh thoảng cơn gió nhẹ làm chựa mình những nhánh cây đang yên giấc. Tôi nhắm nghiền mắt lại và hồi tưởng những năm tháng qua. Đời người như một giấc chiêm bao. Mới đó mà đã mười mấy năm qua đi rồi, mười mấy năm buồn vui lẫn lộn trong kiếp sống của một Linh Mục tù nhân. Tôi nhớ lại ngày nào từ già mẹ già gạt nước mắt ra đi, nay mẹ chết đã mười một năm nhưng chưa lần nào được nhìn thấy mộ mẹ. Tôi nhớ lại chuyến xe lô Minh Chánh năm xưa trên quãng đường Ngã Ba Trung Lương đi Sài Gòn. Chiếc xe đã đưa tôi vào ngã rẽ cuộc đời. Lúc đó, ngồi trên xe trong tâm trạng rối bời, tôi tự nhủ: “Từ đây, mình bước vào một tương lai vô định. Chẳng biết cuộc đời rồi sẽ ra sao. Nhưng nếu định mệnh an bài và mình còn sống, chắc hẳn mình sẽ viết lại vở kịch đường đời mà mình trải qua và chiếc xe lô Minh Chánh hôm nay sẽ là màn đầu.”



1- BƯỚC NGOẠC CUỘC ĐỜI



Từ già Thạnh, anh bạn Linh Mục thân nhất, tôi bước lên chiếc xe lô Minh Chánh tại ngã ba Trung Lương để lên Sài Gòn. Trời đã về chiều.

Chiếc xe hôm đó chật như nêm. Hành khách phần đông là các chị em bạn hàng ngồi chen lẫn với các bao bị, túi cói căng phồng, cố nhét vào chỗ nào đó trong xe mà người ta có thể nhét được. Tôi được xếp ngồi chen vào giữa anh tài xế và một người đàn ông đứng tuổi, vì tôi chẳng có hành lý gì ngoài cái túi đeo vai nặng chừng hơn kí-lô. Trong vị trí đó, có lẽ tôi là hành khách chiếm ít khoảng trống nhất trên chuyến xe có giá vé đồng hạng này.

Chiếc xe tôi đang đi là loại xe Hoa Kỳ hình dáng rườm rà, to và dài như một con kinh ngư bằng sắt. Hai cái đèn trước đầu xe như đôi mắt thật lớn và đuôi là cặp đèn lái rườm rà vênh lên cao. Không kể

bằng tài xế, xe còn hai băng ngang phía sau, và một khoảng trống khá rộng dùng để chở hàng hóa và cuối xe là cái bửng cao độ 50 phân chặn ngang. Kiểu xe của thập niên 60 này được tung ra thị trường có lẽ để nhắm vào nhu cầu của các gia đình đông người.

Tuy nhiên, khi qua tới Việt Nam xe đã được cải biến lại cho phù hợp để chuyên chở hành khách nên được gọi là xe 'lô', bởi chữ 'location' trong tiếng Pháp. Loại xe lô này đưa rước khách trên những tuyến đường ngắn chừng trăm cây số để lại để nhắm vào những người cần đi gấp. Xe chạy rất nhanh so với xe đồ bình thường. Mặc dù giá vé đắt hơn xe lớn và trên xe phải chen lấn chật chội, nhưng xe lô rất tiện dụng và đúng giờ nên lúc nào cũng đông khách. Thông thường xe có đủ chỗ cho tám người, kể cả tài xế, nhưng khi biến thành xe lô, có thể "nhét" tới 15 người hoặc hơn nữa. Riêng khoảng trống phía sau, có thể chứa năm sáu người ngồi bệt xuống sàn xe quay mặt tứ phía. Khi cần, cái bửng ở cuối xe cũng được hạ xuống để có thể chở thêm vài ba người ngồi nhìn ngược về phía sau.

Nói tóm lại, hễ còn chỗ trống là cứ nhét, càng nhiều người càng tốt, có khi người này ngồi lên đùi người khác cũng không ai lấy thế làm phiền. Có điều hay là, khi xe đã chật ních cả người lẫn hành lý, nhưng hễ có khách đón, xe vẫn ngừng và còn đủ chỗ cho khách mới. Tôi phục tài thu xếp của mấy anh tài xế xe lô. Hầu như anh nào cũng trẻ trung vui tính, lúc nào cũng cười tươi khi xếp chỗ kèm theo câu nói: "Chịu khó ngồi chặt chút nghe bà con, sắp tới nơi rồi!" Và lúc nào câu nói ấy cũng có hiệu nghiệm.

Đoàn xe lô Minh Chánh hoạt động song song với những hãng xe đồ lớn khác trên tuyến đường Sài Gòn – Mỹ Tho, và cách mười phút là có một chuyến rời bến, trong khi xe lớn phải đợi tới nửa giờ hoặc hơn.

Trên quốc lộ 4 nối liền Sài Gòn và các tỉnh miền Tây vào buổi chiều tà này, đường bắt đầu vắng, xe cộ thưa thớt, nên xe tôi chạy rất nhanh. Ngồi yên trên xe một lúc, sự mệt nhọc và chán chường choáng ngợp, như biến tôi thành người mộng du. Tôi lặng nhìn về phía trước, cảnh vật vùn vụt chạy ngược chiều khi chiếc xe cứ ngon trớn nuốt ngắn đoạn đường. Tôi nhìn nhưng dường như chẳng thấy gì và cũng chẳng buồn để ý tới tiếng cười nói ồn ào từ phía sau.

Bất thần, tôi có cảm giác lờ đờ như người vừa uống ly rượu mạnh, nên tựa đầu vào thành ghế, xoay người tìm tư thế thoải mái, trong cái hốc nhỏ xíu giữa hai con người. Tôi nhắm mắt và cố gạt những ý tưởng vụn vặt rối bời đang lẫn quẩn trong đầu, nhưng nào có quên được dễ dàng. Quá khứ lại vồ lấy tôi. Những tháng ngày về làm nhiệm vụ Linh Mục trong tỉnh Bến Tre chưa được bao lâu, nhưng sao có quá nhiều việc xảy ra, và dường như từ chuyện lớn tới chuyện nhỏ đều góp phần dẫn đưa tôi đến bước đường này.

Câu chuyện giữa anh tài xế và các cô các bà phía sau càng lúc càng náo nhiệt. Họ cười nói huyền thuyên, nhưng tôi chẳng chú ý nghe được chuyện gì ra chuyện gì. Người đàn ông ngồi cạnh tôi phía ngoài có dáng khắc khổ, gương mặt sạm nắng, ra dáng một người nông dân hơn là người làm việc trong bàn giấy. Nhận xét này làm tôi cảm thấy dễ chịu, vì thời buổi bấy giờ tôi rất dè dặt khi phải tiếp

xúc với người lạ, nhất là những người nào có vẻ “cán bộ” thì càng phải giữ kẽ nhiều hơn. Người đàn ông này, không có vẻ gì là cán bộ và cũng tỏ ra không hào hứng góp chuyện với anh tài xế và bà con ở phía sau. Tôi ngồi lặng yên, mơ màng nhớ lại những ngày tháng qua...

Mười tháng trước đây, tháng 7 năm 1975, tôi được bổ nhiệm về làm cha sở họ đạo La Mã, thuộc huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre. Vùng này, trước kia có tên là Bàu Dơi, một nơi nghèo nàn dân cư thưa thớt. Tới đầu thập niên 50, ở đây có xảy ra hiện tượng Đức Mẹ hiện ra, khiến nơi vắng vẻ này được nhiều người biết tới và dần dần trở nên một trung tâm hành hương khá sầm uất, sau đó được nâng lên thành giáo xứ.

Theo lời kể lại, một hôm có người đàn bà đi mò cá dưới sông, nhặt được một khung ảnh cỡ lớn nhưng không còn thấy hình ảnh gì. Có lẽ khung ảnh này chìm dưới nước đã lâu. Người có được khung ảnh cũng chẳng biết làm gì với nó, nên đưa về nhà chèn vào vách lá che mưa che gió.

Một hôm, tình cờ một người có đạo trong vùng tới chơi và thấy khung ảnh, nghĩ trước kia có thể là ảnh thờ phượng nên xin về để trên bàn thờ trong gia đình. Thời đó trong vùng có chiến tranh. Ngày nọ có cuộc hành quân trên sông của binh lính Pháp. Tàu Pháp bắn súng lớn, súng nhỏ, làm sập nhiều nhà cửa. Trong cơn lửa đạn, gia đình có khung ảnh lo sợ vội chui xuống dưới bàn thờ nắp và cầu nguyện xin Chúa và Đức Mẹ che chở.

Điều rất ngạc nhiên, là sau khi êm tiếng súng, người nhà bò ra và nhìn lên bàn thờ thì thấy khung ảnh mờ đục trước kia đã lộ ra hình Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp một cách khá tỏ tường! Sự kiện đó được trình cho giáo quyền đến chứng nhận và lập biên bản. Tin lành đồn ra, và càng ngày càng có nhiều người tin tưởng tới kính viếng và cầu nguyện với Đức Mẹ. Dĩ nhiên giáo quyền không chính thức công nhận, nhưng cũng không ngăn cấm lòng sùng kính của giáo dân. Có rất nhiều người cầu xin và được ơn. Chứng tích này còn lưu lại trong các bia đá “TạƠn” gắn khá nhiều trong nhà thờ.

Vùng Bàu Dơi hẻo lánh trước kia, nay đã trở thành một trung tâm hành hương thu hút nhiều người từ phương xa tới kính viếng. Đường sá được sửa sang và một số dân các nơi khác về đây sinh sống. Tới năm 1953, khách hành hương dâng cúng tiền xây một ngôi nhà thờ, tuy nhỏ nhưng rất khang trang, có cả các dãy nhà cho khách hành hương tạm trú. Nơi này được Giám Mục Ngô Đình Thục nâng lên thành họ đạo, tiếng miền Bắc là giáo xứ, lấy tên là họ đạo La Mã để kính nhớ giáo đồ Rôma.

Năm 1960 Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) ra đời, đã tạo nên một giai đoạn mới trong lịch sử chính trị Miền Nam. Tình trạng an ninh người dân được hưởng những năm đầu của chánh quyền Ngô Đình Diệm dần dần giảm đi, theo nhịp độ hoạt động và sự lớn mạnh của MTGPMN. Riêng tỉnh Bến Tre, có tên là “Quê Hương Đồng Khởi”, nơi mà MTGPMN hoạt động mạnh mẽ, làm cho tình hình càng ngày càng căng thẳng hơn. Những năm tiếp theo, cuộc giao tranh Quốc – Cộng càng lúc càng leo thang và bành trướng tới nhiều nơi, đặc biệt trong tỉnh Bến Tre nói chung và tại họ đạo La Mã này nói riêng.

Trong tình thế đó, một số đông giáo dân tản cư lánh nạn, khách hành hương cũng thưa thớt dần và họ đạo dần dần trở nên tiêu điều. Vì giáo dân tản cư lánh nạn gần hết, nên năm 1961 cha sở họ La Mã cũng rút đi, chỉ còn mấy Dì phước dòng Mến Thánh Giá Cái Môn và một số rất ít giáo dân ở lại trông coi nhà thờ và vườn tược. Từ đó, cha sở họ đạo Cái Bông nằm cách đó 6 cây số lên xuống dâng lễ và phụ trách mặt tinh thần cho giáo dân. Ảnh Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp mà giáo dân các nơi thường về kính viếng cũng được đưa về nhà thờ Cái Bông cho an toàn hơn.

Trong thời chiến, Nhà thờ La Mã trở thành nơi trú ẩn và dung thân cho cán bộ Cộng Sản trong vùng, vì ai cũng biết phía quốc-gia không bắn phá hoặc dội bom các cơ sở tôn giáo, nên các nơi đó là điểm trú ẩn an toàn cho dân chúng và cán bộ khi có cuộc hành quân. Để cho danh chính ngôn thuận, một số cán bộ MTGPMN cỡ lớn trong vùng, đã xin chịu phép Rửa Tội và nấp dưới bóng áo dòng của các Linh Mục và các Dì phước, để che mắt cơ quan an ninh phía quốc-gia. Nếu không tránh được mà phải bị bắt, thì cũng chính các Linh Mục và các Dì phước là những người họ chạy tới trước tiên.

Tình trạng này kéo dài trong nhiều năm đã tạo nên sự gắn bó khá mật thiết giữa các Linh Mục, các Dì phước với các cán bộ của MTGPMN trong vùng. Cho tới ngày 30 tháng Tư năm 1975, miền Nam rơi vào tay Cộng Sản. Đối với nhiều người, đây là một cuộc đổi đời. Lúc bấy giờ, tôi đang phục vụ tại Nhà thờ Chánh tòa Vĩnh Long.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, cuộc chiến tranh bom đạn đã chấm dứt, nên ở khắp nơi, người dân tản cư lánh nạn trong thời kỳ chiến tranh bắt đầu thu xếp trở về sinh sống nơi chốn cũ. Tại họ đạo La Mã cũng vậy, số giáo dân tản cư lánh nạn trong thời kỳ chiến tranh nay cũng quay lại, nên số giáo dân càng ngày càng đông, có nhu cầu cần một Linh Mục phụ trách. Tôi được chỉ định nhiệm vụ này, và đã dọn tới đây vào đầu tháng Bảy năm 1975.

Lúc bấy giờ, tình thế đã hoàn toàn thay đổi. Những người đã từng núp bóng các Linh Mục và các Dì phước trước đây, bây giờ là những kẻ chiến thắng và một vài người đang nắm quyền ở địa phương này. Lúc tôi tới, họ đạo còn có hai Dì phước và một ban quý chức, tiếng miền Bắc gọi là Hội đồng Giáo xứ, mà đa số trong đó là những cán bộ hoặc gia đình cán bộ.

Tôi là người từ tỉnh khác mới đổi về và là một gương mặt mới, hoàn toàn xa lạ với tất cả mọi người trong giáo xứ và trong vùng. Mặc dù cố gắng tối đa để sống hòa đồng với mọi người, nhưng dần dần tôi cũng trở thành người bị nghi kỵ và bị chú ý theo dõi, ngay cả trong số những người gần gũi nhất với tôi trong họ đạo.

Đàng khác, trong cương vị một cha sở, tôi không thể im lặng trước một thứ tà thuyết vô thần và thái độ chống báng tôn giáo một cách quá trắng trợn của họ. Tôi cũng không thể làm ngơ trước sự can thiệp vào nội bộ tôn giáo và áp bức tôn giáo một cách ngang ngược của hạng người đang bị lên cơn sốt thời cuộc. Họ đã gây nên không biết bao nhiêu đau khổ và uất ức cho những người thất thế vì thời cuộc đổi thay. Những kinh nghiệm đau lòng của buổi giao thời này tôi không bao giờ quên.

Trong bối cảnh đó, tôi có gặp khó khăn và áp lực từ nhiều phía và nhiều người cũng không phải là chuyện khó hiểu.

Vùng Bóng Đen

Lúc bấy giờ vì thời cuộc đổi thay và cuộc sống có nhiều áp lực từ mọi phía nên tôi rất buồn phiền. Trong vai trò một cha sở, một mặt tôi lo chỉnh đốn lại đời sống của họ đạo sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá, mặt khác tôi phải thường xuyên đương đầu với những vấn đề do một chính quyền vô thần gây nên. Tôi cố sống nhẫn nhục chờ cơn sốt thời cuộc qua đi và tôi có thể sống yên thân để phục vụ giáo dân vùng này được bền lâu. Ngoài các việc bổn phận trong họ đạo, lúc rảnh rỗi tôi tìm cách giải sầu bằng hai việc, câu cá và học đàn Vọng Cổ.

Tôi mê câu cá ngay từ nhỏ, bởi tôi được sinh ra và lớn lên ở ruộng đồng có nhiều sông rạch và tôm cá ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mỗi khi cầm cần câu trong tay ngồi bên bờ sông là tôi quên hết sự đời. Nếu được ngồi trên chiếc thuyền đang thả neo giữa dòng sông rộng mênh mông thì không còn gì thú vị hơn.

Vùng tôi ở lúc đó là vùng nước lợ, có rất nhiều tôm cá, nhất là cá ngát là loại cá không vảy và có ba gai, hai cái ở hai bên mang và một ở giữa lưng. Nếu ai vô ý bị cá ngát đâm phải thì chỉ còn nước ngồi đó mà kêu trời. Có lần chính tôi là một nạn nhân bị gai cá ngát đâm vào ngón tay, nọc độc trong gai cá hành tôi rất đau nhức và lên cơn sốt suốt một ngày, cánh tay bị cá đâm sưng to lên gần bằng bắp đùi!

Những lần câu được nhiều cá tôi phải mang tới cho giáo dân và bà con trong vùng. Nói chung, câu cá là thú giải trí thanh tao và vô thường vô phạt, dù vậy có lần tôi suýt bị rắc rối vì câu cá.

Một hôm tôi đang ngồi trên chiếc tam bản, tiếng miền Bắc gọi là thuyền, thả neo dưới bến nhà thờ để câu cá, có một người cán bộ lạ mặt đội mũ tai bèo khăn rằn quần cổ chèo ghé cập vào hỏi:

– Anh là ai và ngồi làm gì ở đây?

Tôi lấy làm lạ vì câu hỏi đó, nhưng trả lời:

– Tôi là cha sở nhà thờ La Mã, tôi đang câu cá.

Anh cán bộ hỏi tiếp:

– Anh câu cá mà cần câu anh đâu?

Tôi ngạc nhiên quá, hay anh này muốn giỡn chơi, nhưng cách anh ta nói rất nghiêm túc, vả lại anh này là người tôi mới gặp lần đầu thì làm gì có chuyện đùa giỡn. Tôi trả lời:

– Anh hỏi gì vậy! Thì tôi đang cầm cần câu đây anh không thấy à?

Người lạ mặt lộ vẻ ngạc nhiên, nhìn trừng trừng vào cần câu máy tôi đang cầm trong tay, anh chỉ cần câu và hỏi:

– Cái loại máy có cần ăn-ten và "dây trời" này có kêu được máy bay B52 không?

Tôi ném cần câu lên thuyền ngạc nhiên kêu lên:

– Anh nói cái gì? Cái gì mà có... B52 trong này?

Anh cán bộ đứng lặng thinh tỏ vẻ nghi ngờ làm tôi biết ngay là anh ta chưa bao giờ có dịp trông thấy cái mà người ta gọi là "cần câu máy". Thực ra nó chỉ là cái trục để quấn dây cước vào và thả dây cước ra bên trong những cái khoen bằng sắt chạy dài theo cần câu khá dài bằng chất nhựa dẻo để thả xuống sông câu cá.

Biết như vậy tôi vội quay nhanh dây cước lên chỉ cho anh thấy ở cuối đầu dây có cục chì và lưỡi câu móc vào lưng con tôm đang quơ râu quơ càng dùng làm mồi câu cá ngát! Chừng đó anh mới tin là cái mà tôi đang cầm trong tay không phải là cây ăng-ten của một loại máy truyền tin "hiện đại" có thể gọi... B52! Cũng may là anh hỏi trực tiếp tôi, nếu anh âm thầm báo cáo loại... máy này lên cấp trên và nói tôi có dụng cụ gọi pháo đài bay B52 chắc là đời tôi đã khốn nạn sớm hơn rồi!

Thú giải trí thứ hai của tôi là học đàn Vọng Cổ. Lúc đó ở gần nhà thờ có một thanh niên ngoại giáo mù mắt tên là Tám Chánh. Tuy không có đạo nhưng anh hay tới nhà thờ chơi. Anh Tám Chánh có biệt tài đàn Vọng Cổ rất hay và anh dạy cho nhiều người, nhưng chỉ dạy văn nghệ thôi chứ không lấy tiền.

Tôi thường mời anh tới nhà xứ chơi để đàn hát và dạy tôi đánh đàn cổ nhạc, lâu ngày rồi hai người thân nhau. Tám Chánh rất vui tánh, thích tìm hiểu và hỏi tôi về nhiều chuyện, từ chính trị, tôn giáo, xã hội... Nhớ có lần anh hỏi một câu làm tôi quá cảm động. Lúc đó tôi có nuôi một con chó Bắc Kinh nhỏ, tên là chó His. Lần nào tới chơi anh Tám Chánh cũng ôm nựng chó His vì nó rất hiền và dễ thương, có lần vừa vuốt lưng chó His anh hỏi tôi:

– Chó His màu gì hả cha?

Tôi đáp:

– Màu trắng có đốm màu vàng.

Anh suy nghĩ một lúc hỏi tiếp

– Màu vàng là thế nào hả cha?

Bỗng nhiên tôi tấy tắp nghẹn ở cổ khi thương cho hoàn cảnh người bạn tật nguyền không thấy được màu sắc là vẻ đẹp của cuộc đời. Thấy tôi yên lặng anh hỏi tiếp.

– Cha, nói cho con nghe đi, màu vàng ra sao?

Tôi cố trả lời tiếng được tiếng mất.

– Tôi không giải thích được anh Tám ạ!

Vừa nói tôi vừa chớp nhanh mí mắt.

Tình bạn chúng tôi càng ngày càng sâu đậm và anh Chánh tận tình chỉ dạy tôi các “ngón” đàn, tức là kỹ thuật chơi đàn vọng cổ. Có lần tôi hỏi:

– Anh Tám này, sao tiếng đàn của anh nghe nãu nề! Hay quá là hay, còn tôi đánh đàn như cứ nghe rầm rầm như tiếng võ thùng thiếc, tập hoài hông được?

Anh Tám trả lời một câu làm tôi nín lặng:

– Muốn có tiếng đàn như con, cha phải móc hai mắt của cha liệng đi.

Thì ra người bạn mù của tôi đã gửi hết tâm tư u buồn của kiếp người bất hạnh vào tiếng đàn của mình.

Có những lần tôi tới nhà thăm anh, trong lúc mọi người đi vắng, anh Tám Chánh ngồi đánh đàn một mình các say sưa không biết có tôi đứng bên. Lúc đó tôi bất giác nói một mình:” Anh Tám nói đúng, người có đôi mắt sáng không thể nào có được tiếng đàn này!”

Tôi rất thích thể điệu âm nhạc Vọng Cổ, và sau này tôi cũng biết đa số các người miền Nam cũng đều thích như tôi. Nhất là khi anh Tám Chánh đã dạy tôi đánh đàn vọng cổ và chơi được chút ít thì càng say mê hơn.

Nhớ lại thời gian đó có đôi ba lần tôi cũng đi đào đất làm thủy lợi chung với bà con trong vùng. Vì đi đào thủy lợi khá xa trong mấy ngày liền nên chúng tôi mang gạo theo nấu cơm. Ban ngày đào đất, ban đêm tôi và một số thanh niên tập trung tại sân nhà một người dân nào đó trong vùng để nấu ăn và sau đó ngồi quây quần nhau đàn hát những bài ca vọng cổ trước lúc đi ngủ. Nếu đêm đó có trăng nữa thì càng nên thơ!

Khổ nỗi, tôi thích vọng cổ mà lại không biết hát, mặc dù vậy nghe những người hát Vọng Cổ thật mùi có chỗ làm tôi rưng rưng nước mắt. Có mấy người chọc tôi là “mít ướt”, nghĩa là dễ khóc, nhưng không hiểu sao khi nghe một vài bài Vọng Cổ thương tâm tôi không cầm lòng được.

Lúc tôi mới về đó vào tháng 7 năm 1975, là lúc mà cơn sốt thời cuộc lên cao ngất từng mây.

Có lần, tôi đi xe gắn máy từ Bến Tre về họ đạo, khi gần tới nhà bị mấy anh du kích chặn trên đường. Một anh mang súng AK, đội mũ tai bèo, khăn rằn quấn cổ, bước tới giật lấy cái mũ lưỡi trai tôi đang đội ném xuống đất, giận dữ quát:

– Tới lúc này mà anh còn đội kết thẳng Kỳ à?

Tôi chẳng hiểu anh ta muốn nói gì, nên hỏi lại:

– Anh nói gì tôi không hiểu! Đây là kết của tôi mua chứ của thằng Kỳ nào?

Anh du kích bực mình, chỉ vào mặt tôi đe dọa:

– Đây là loại kết đòi truy của thằng Nguyễn Cao Kỳ nó đòi anh hiểu chưa? Bộ anh muốn bắt chước thằng Kỳ hả?

Tôi chợt hiểu ra vì ông Nguyễn Cao Kỳ có lần đòi kết đen giống như vậy, nên cái loại kết đó đương nhiên trở thành đòi truy! Tôi chẳng hỏi thêm gì, chỉ đứng yên một cách ngán ngẩm cho anh du kích mắng nhiếc một hồi và cho tôi đi. Lúc nổ máy xe chạy rồi, tôi mới mỉm cười nghĩ là mất cái kết đen vẫn còn may mắn. Nếu anh du kích nói cái quần tôi đang mặc là loại quần... "thằng Kỳ", chắc là hôm đó tôi gặp chuyện ngược ngùng chết người!

Nhưng cơn sốt thời cuộc trong vùng La Mã sau đợt học tập "đóng nghĩa vụ", nó lại trở thành cơn giá băng. Đợt học tập đóng thuế, nhưng được gọi cái tên đẹp là "đóng nghĩa vụ" này, được tổ chức ngay trong một lớp của trường học họ đạo của tôi. Sau đợt học tập, mỗi gia đình được "cách mạng" giao chỉ tiêu đóng thuế cắt cổ. Cơn sốt thời cuộc trong vùng tôi, ngày hôm đó, vụt xẹp đi như bánh xe cán đĩnh.

Có rất nhiều gia đình cách mạng quá phần uất, chửi rủa tùm lum vì cái chỉ tiêu "đóng nghĩa vụ" chóng mặt vừa mới được cách mạng ban cho, căn cứ theo số ruộng vườn đang canh tác. Có mấy bà "mẹ chiến sĩ" đã lớn tuổi, bực quá chửi thẳng, theo cái kiểu người ta thường ví: "trâu già không sợ dao phay". Có bà phùng mang, trợn má chửi giữa đám đông ai nghe thì nghe: "Đéo mẹ chúng bây! Nếu tao biết nông nổi này thì ngày trước tao đâm đách có thêm mà chưa chấp tội bây trong nhà tao!"

Sau đó tôi biết, bà con bực thì chửi cho hả hơi còn "nghĩa vụ" thì vẫn phải đóng đủ. Vì đóng thuế không đủ "cách mạng" sẽ có biện pháp khác, và không ai muốn rơi vào biện pháp đó.

Tình trạng giữa tôi và chánh quyền địa phương càng ngày càng trở nên căng thẳng. Do đó, tôi biết sự có mặt của tôi lúc bấy giờ là một chương ngại và là cái gai trong con mắt của nhiều người, ngay cả những người có mặt trong họ đạo trước tôi.

Sau gần một năm, tôi cảm thấy không thể sống và làm việc hữu hiệu tại giáo xứ. Hơn nữa, mẹ già đang đau nặng nên tôi trình bày với Giám Mục và được chấp thuận. Tôi được lệnh bàn giao họ đạo lại cho Cha Quang, cha sở họ đạo Cái Bông để về nhà lo lắng cho mẹ. Cha Quang là anh của cCa Thạnh, người bạn Linh Mục thân nhất của tôi lúc bấy giờ đang làm cha sở họ đạo Quới Sơn cũng thuộc tỉnh Bến Tre.

Thạnh và tôi cùng tuổi. Chúng tôi chơi thân ngay từ những năm còn học ở Tiểu chủng-viện Vĩnh Long. Năm 1963 chúng tôi lên Sài Gòn và học chung lớp trong bảy năm tại Đại Chủng Viện Thánh Giuse, số 6 đường Cường Để. Đại Chủng Viện Thánh Giuse là chủng viện miền, đào tạo Linh Mục cho 7 địa

phận miền Nam, vì lúc bấy giờ các địa phận, tiếng miền Bắc là giáo phận, chưa có Đại Chủng Viện riêng.

Sau khi mãn khóa, Thạnh và tôi cùng được thụ phong Linh Mục vào năm 1970, và cả hai về làm việc tại địa phận Vĩnh Long vì chúng tôi thuộc về địa phận này.

Về địa dư, địa phận Vĩnh Long bao gồm bốn tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre và Sa Đéc với khoảng trên dưới 150.000 giáo dân. Thạnh được bổ nhiệm làm cha phó Nhà Thờ Chánh Tòa Vĩnh Long, còn tôi làm phó xứ Sa Đéc, cách nhau 30 cây số. Thành thạo chúng tôi tới lui thăm nhau và tình bạn càng thêm thắm thiết. Tuy là đôi bạn thân, nhưng cuộc đời của Thạnh và tôi rất khác biệt nhau.

Thạnh có cuộc sống trầm lặng, tánh tình hòa dịu và vóc dáng ốm yếu. Tuy thế cuộc đời ưu đãi anh về nhiều phương diện. Sau hai năm làm cha phó Nhà Thờ Chánh Tòa, Thạnh được bổ nhiệm làm cha sở họ đạo Quới Sơn, gần cầu bắc Rạch Miễu, trong tỉnh Bến Tre vào đầu năm 1973.

Khi Cộng Sản chiếm miền Nam, Thạnh vẫn đang ở đó. Tôi nghĩ là Thạnh sẽ còn ở Quới Sơn lâu dài, vì từ ngày chiếm được miền Nam, nhà nước Cộng Sản đã trắng trợn can thiệp vào nội bộ các tôn giáo, không cho các Giám Mục được quyền chuyển các Linh Mục. Muốn đổi một Linh Mục nào phải có sự đồng ý của chánh quyền, nói chung là ai đang ở đâu cứ ở đó. Phần tôi khác hẳn với Thạnh, cuộc sống tôi đầy thăng trầm và nhiều biến động. Đúng là số kiếp của mỗi con người. Dù ai không muốn tin cũng phải tin rằng ở trên đời mỗi người đều có một cái số mà văn hào Nguyễn Du đã nói lên từ lâu:

“Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.”

Điều thật trớ trêu, sau khi bàn giao họ đạo xong, chánh quyền sở tại, xã Hiệp Hưng, lại không cấp giấy đi đường. Họ không cho tôi rời khỏi xã, lấy lý do là sau khi bầu cử Quốc Hội khóa 6, có lệnh không cho ai rời khỏi địa điểm cư trú. Tôi hiểu ngay việc gì sẽ xảy ra cho tôi sau lời giải thích này và tôi đã chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận những tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Hôm sau, tôi trở lại Ủy Ban Nhân Dân xã Hiệp Hưng để xin giấy đi đường một lần nữa để về quê thăm má tôi đang đau nặng. Qua thái độ cứng rắn quyết liệt của tôi, họ đã buộc lòng phải cấp cho tôi gấp phép đi đường trong 3 ngày.

Quê tôi ở tỉnh Vĩnh Long, cách Bến Tre hơn trăm cây số và phải qua 2 lần bắc, tiếng miền Bắc gọi là phà, bắc Rạch Miễu nối liền hai tỉnh Bến Tre – Mỹ Tho và bắc Mỹ Thuận trên đường từ Sài Gòn xuống các tỉnh miền Tây.

Vùng Kỳ Niệm

Khi ngồi trên xe gắn máy trên con đường từ họ đạo La Mã lên tỉnh Bến Tre trong ánh nắng ban mai, lòng tôi buồn vô hạn và tự hỏi không biết có còn có dịp trở lại con đường này nữa hay không. Mặc dù trước kia vùng này xa lạ đối với tôi nhưng trong gần một năm qua kể từ khi về làm cha sở họ La Mã ,

tôi đã đi lại nhiều lần trên con đường đá sỏi loang lổ này để về thăm quê hay ghé qua thăm Thạnh. Khi còn cách tỉnh chừng 6 cây số tôi phải đưa xe xuống chiếc xuồng máy chở qua sông Chặt Sậy là một nhánh sông khá lớn nước chảy mạnh như thác vì chỗ này gần sông cái.

Trước đây có cây cầu sắt bắc ngang qua sông, nhưng trong thời chiến tranh, những cây cầu được bắc ngang sông này ít khi nào thọ quá vài năm. Vừa bắc cầu lên đã bị Việt Cộng phá hoại hoặc giật mìn cho sập đi. Đây là cây cầu nằm trên con đường huyết mạch nối liền tỉnh Bến Tre và các quận Giồng Trôm, Ba Tri, Mỏ Cà và Thạnh Phú nằm phía sát bờ biển, nên một bên cố gắng xây dựng trong lúc bên kia ra sức phá hoại thì không có gì là khó hiểu. Phía Quốc Gia cố gắng giữ cách gì cũng không lại. Việt Cộng phá hoại cầu bằng nhiều cách khác nhau, có những cách rất tinh vi ngoạn mục như trong lần họ phá cây cầu này không lâu trước ngày mất miền Nam.

Tôi nghe kể lại, vì phía Quốc Gia biết là cây cầu này trước sau gì rồi cũng sẽ bị giật sập nên vào đầu năm 1975 đã tăng cường thêm lính canh gác bảo vệ cây cầu chiến lược này rất cẩn mật ngày đêm. Có cả biện pháp đề phòng người nhái lên đặt mìn dưới mặt nước và cả cách ngăn chặn thả mìn trôi sông theo các dề lục bình. Nhờ đó một thời gian khá lâu cây cầu này được yên thân và dân chúng trong vùng đi lại thuận tiện thoải mái.

Nhưng ở đời hễ “vỏ quít dày thì có móng tay nhọn”. Những đầu óc linh hoạt của người Cộng Sản đã nghĩ ra kế sách phá cầu ngoạn mục làm phía Quốc Gia bó tay, có thấy cũng không làm gì chặn được chỉ còn nước ngồi đó mà kêu trời.

Số là vùng Bến Tre có rất nhiều dừa và khi nước ròng thì sông Chặt Sậy chảy vun vút như thác đổ ra sông cái. Những kẻ phá hoại lợi dụng điều kiện đó. Trước tiên họ đốn thật nhiều cây dừa to và dài, kết thành bè và cất giấu một nơi trong các vùng họ kiểm soát. Chờ đúng con nước ròng chảy xiết họ cắt dây neo bè. Một chiếc bè dừa khổng lồ đến hàng trăm cây bó lại xuôi dòng nước vùn vụt lao xuống càng lúc càng nhanh. Khi những người lính canh trông thấy vội la hoảng lên, nhưng lúc bấy giờ chỉ có trời mới có thể cứu được số phận của cây cầu đáng thương bằng thép lạnh đang đứng gồng mình chờ chết.

Tất cả lính canh nghe báo động túa ra xả súng lớn súng nhỏ bắn vào chiếc bè dừa. Nhưng chỉ bắn cho sướng tay vì lâu ngày không có dịp bắn, còn chiếc bè dừa khổng lồ vẫn cứ làm công việc của nó là đang lù lù tiến tới mục tiêu với tốc độ khủng khiếp của...bè dừa! Khi chiếc bè dừa chạm chân cầu, phát ra một âm thanh êm dịu kéo dài giống như tiếng người ta bóp vụn mảnh bánh đa vừa nướng xong trong lòng bàn tay. Sau đó chiếc bè dừa cũng theo người bạn bằng thép dài ngoằn trên lưng lạng lờ tiến ra vùng nước mênh mông của dòng Cửa Long muôn đời vẫn chảy! Chiếc cầu sắt vô tri vô giác từ đó đã yên phận, có khổ chẳng là cuộc sống của người dân trong vùng, trong đó có tôi.

Chuyện Đò Ngang

Ra khỏi tỉnh Bến Tre tôi theo con đường ra bến bắc Rạch Miếu cách tỉnh lỵ chừng 10 cây số và vùng này có tên là Cầu Bắc. Khi dẫn xe gắn máy theo đoàn người lầm lũi bước lên bắc, cảm giác chia ly lại dâng lên trong lòng tôi mãnh liệt hơn. Bắc Phà Rạch Miếu này tôi đã đi qua lại nhiều lần và ghi nhận khá nhiều hình ảnh khó quên. Nhớ lại lần đầu tiên tôi được qua bắc này khi còn nhỏ, tôi không nhớ rõ năm nào, lúc đó họ đạo tôi ở Mai Phốp có tổ chức cuộc hành hương kính viếng Đức Mẹ La Mã. Lần đó tôi theo chị tôi và một số đồng giáo dân họ đạo nhà quê đi hành hương tới nơi mà sau này tôi về đó làm cha sở. Đoàn xe chúng tôi qua bắc Rạch Miếu lúc trời vừa sáng. Tôi không nhớ được gì nhiều lúc đó ngoại trừ hình ảnh mấy chiếc tàu chìm cách đó không xa. Có chiếc gior ống khói, có chiếc gior những chiếc cột lên cao. Lúc đó người lớn nói cho tôi biết là tàu Pháp bị Nhật bỏ bom chìm. Tôi nghe để mà nghe thôi nhưng tôi chẳng hề biết Pháp, Nhật là ai và tại sao họ lại bỏ bom nhau. Những hình ảnh tàu chìm trên sông đưa ống khói lên trời này là hình ảnh lạ đối với tôi lúc đó đã làm tôi nhớ hoài.

Cho tới năm 1961, lúc đã 18 tuổi, tôi qua Mỹ Tho học trường Rạng Đông một thời gian. Chiều chiều tôi hay thả bộ ra bến tàu không xa bến bắc này bao nhiêu, coi người ta câu cá và nhìn lại những chiếc tàu chìm vẫn còn nằm yên đưa ống khói lên trời đang thi gan cùng tuế nguyệt. Mỗi lần nhìn thấy hình ảnh này tôi lại nhớ chuyến bắc năm xưa đưa thằng thằng bé nhà quê là chính tôi qua con sông cái này để đi hành hương kính Đức Mẹ La Mã.

Sau này lớn lên khi tôi trở lại vùng này với ý thức đầy đủ và nhìn sự việc ra sự việc, tôi ghi nhận thêm nhiều hình ảnh mới lạ về cái bắc Rạch Miếu này.

Trước tiên, chiếc bắc đưa xe qua sông bây giờ là loại lớn và chạy nhanh hơn, có hai tầng, có ghé băng ngòi hẳn hoi. Hình ảnh mới lạ thứ hai là cảnh người ta buôn bán rất nhộn nhịp, có người bán cà rem, trái cây, bánh mì dòn thịt, thức ăn đủ loại. Lại có nhiều nhiều người ăn xin hoạt động ráo riết kêu gọi sự hảo tâm của hành khách. Phần nhiều những người ăn xin là những người mù, một ít người có tật chân hoặc cụt tay, cụt chân mà tôi đoán họ là những thương phế binh. Có người đi phải có đứa bé dẫn đường, nhưng cũng có người đi một mình. Phần nhiều họ ôm đàn và hát đủ loại nhạc, nhưng phần đông họ hát Vọng Cổ là thể loại âm nhạc phổ biến và dễ đi vào tâm hồn người dân miền Nam, nhất là những người ở vùng quê như tôi. Có người còn trang bị cả loại máy khuếch đại âm thanh loại cầm tay để cho tiếng hát vang xa và hay hơn. Hoạt động của họ tạo nên cảnh sinh hoạt trên bắc tưng bừng náo nhiệt lúc đang chạy ngang sông.

Vì có dịp qua lại nhiều nên tôi đã quen thuộc với cảnh này và nhất là tôi biết mặt hầu hết những người ăn xin và tôi cũng chuẩn bị một số tiền lẻ để giúp cho những người bất hạnh đó. Tuy số tiền không nhiều nhưng tôi vẫn cảm thấy thiếu sót mỗi khi có người tới xin mà tôi không có chút gì đặt vào tay họ. Mặc dù vậy tôi vẫn chú ý tới một người đàn ông mù mắt trạc ngoài 30 tuổi, có lẽ anh bị mù sau khi bị đậu mùa vì mặt anh có nhiều vết sẹo của chứng bệnh quái ác này. Anh có lối ca Vọng Cổ rất hay và truyền cảm qua một máy khuếch đại âm thanh rất cũ kỹ nhưng tiếng kêu còn tốt. Có một em bé gái độ

chừng 9 hoặc 10 tuổi, hay lớn hơn một chút đi trước cột sọt dây ngang người rồi cột vào thắt lưng cho anh đi theo vì lúc nào hai tay anh cũng bận đánh đàn ghi-ta.

Cô bé này lúc nào cũng lạnh lùng và câm lặng như người bằng sáp, cứ lững thững bước đi dẫn người đàn ông theo sau, không bao giờ thấy em biểu lộ một nét gì khác biệt dù vui hay buồn trên khuôn mặt lợt lém mà tôi nghĩ là em cố ý để như vậy. Tôi không biết em bé đó là gì của người đàn ông, nhưng cách cô bé lúc nào cũng thản nhiên và gương mặt không lúc nào bày tỏ cảm xúc đó tôi nghĩ chắc em đã chịu đựng cuộc sống bất hạnh này lâu ngày rồi nên trở thành chai lì.

Nghĩ như vậy tôi càng thương em bé này nhiều hơn. Và dĩ nhiên lần nào tôi cũng dành một số tiền lẻ khá hơn cho người hành khất và em bé này. Ngoài sự thương cảm của tôi về hoàn cảnh hai người, tôi còn rất thích các bài ca Vọng Cổ của anh nữa. Có mấy lần đang nghe anh hát dở dang một bản Vọng Cổ thắm thía mà đã tới nơi làm tôi tiếc rẻ và cảm thấy sao hôm nay chiếc bắc này chạy quá nhanh.

Lúc đó khung cảnh trên bắc rất ồn ào. Hình như hôm nay khách đi đường nhiều hơn mọi ngày, đa số là những người đàn bà tay xách túi cói căng phồng và nặng trĩu. Chung quanh tôi người ta cười nói huyên thuyên. Tiếng những người rao bán hàng rong nghe lanh lảnh, tiếng những người ăn xin ca hát có đệm nhạc điếc tai cùng với tiếng máy của chiếc bắc đang chạy. Tất cả các loại âm thanh đó quện vào nhau làm thành một bản hợp tấu quá ồn ào lấn át tiếng hát trong máy khuếch âm của người hành khất mù và em bé gái đang tiến dần tới chỗ tôi đang ngồi.

Nãy giờ, tôi chỉ mong anh tới, một phần vì tôi đã quen gặp anh trên bắc này, phần khác, hôm nay tâm trạng tôi quá buồn và muốn được thưởng thức một điệu Vọng Cổ của anh với làn hơi mà tôi rất mến chuộng. Tôi thủ sẵn số tiền lẻ nhiều gấp đôi cho anh vì tôi muốn giúp anh một lần cuối, không biết tôi còn có dịp quay lại trên chiếc bắc với người hành khất quen thuộc này nữa hay không.

Chợt tôi nghe từ xa vọng lại một giọng hát gì rất lạ và chói tai, không phải là những bài Vọng Cổ truyền cảm tôi vẫn nghe anh hát trước giờ. Tôi ngạc nhiên, lắng tai nghe và thất kinh khi nghe một giọng oang oang từ chiếc máy khuếch âm mở to hết cỡ của anh, một câu hát Vọng Cổ làm tôi sửng sốt: “Có phải cuộc chiến tranh...ơ này, là do bọn Mỹ... ơ nguy... ơ gây ra... ờ ờ ờ...” Tôi đột nhiên nổi giận khi nghe câu Vọng Cổ sặc mùi chính trị đó. Tôi thả tay ra bỏ lại hết số tiền vào túi, đứng bật dậy như một cái máy, vội bước ra xa để khỏi phải nghe thêm những gì mà người nghệ sĩ mù tiếp tục gán cổ lên gào thét. Vừa bước đi tôi vừa rủa thầm: “Cái anh chàng đại dốt, ngu ơi là ngu, ăn xin không lo ăn xin còn ở đó mà cách mạng!”

Quá thất vọng và cảm thấy bực bội, tôi lần bước xuống tầng dưới và đi dần ra phía trước mũi chiếc bắc, nơi không có mái che. Tôi cúi người khoanh tay ti lên lan can và nhìn ra xa với tâm trạng buồn phiền và bực tức. Lúc này, bắc đang chạy ngang Cồn Phụng, chỗ Ông Đạo Dừa làm căn cứ Thánh Địa với nhiều hình thức kiến trúc lạ mắt, đủ các loại màu sắc mà một thời đã thu hút nhiều người hiếu kỳ tới đây. Bây giờ cơ ngơi vẫn còn đó nhưng nghe nói hình như Ông Đạo Dừa, tức kỹ sư Nguyễn

Thành Nam, không còn ở đó nữa. Tôi nghe nói là Cộng Sản đã bắt ông, nhưng thực hư thế nào tôi không biết rõ, chỉ biết là từ ngày Cộng Sản chiếm miền Nam, Còn Phụng trở nên hoang vắng.

Tôi buồn và có cảm giác người ta đã làm nhục nghệ thuật Vọng Cổ tinh hoa của một bộ môn nghệ thuật mà tôi yêu thích. Tôi nghe kể lại, loại âm nhạc này ra đời mấy chục năm về trước bắt đầu bằng bản nhạc có tên là “Dạ Cổ Hoài Lang” của nghệ sĩ Sáu Lầu, diễn tả tâm trạng người thiếu phụ nhớ chồng trong đêm. Bản nhạc theo thể loại âm nhạc đặc biệt này ngay lúc đầu đã được nhiều người ưa thích. Về sau điệu nhạc ấy được gọi trại đi là “Vọng Cổ” chủ yếu là dùng diễn tả tâm trạng yêu thương chan chứa tình cảm của người dân miền Nam.

Nhạc Vọng Cổ đã phát triển mạnh một thời ở miền Nam với những đoàn hát Cải Lương nổi tiếng, đã làm thành nét sinh hoạt văn hóa độc đáo của miền Nam. Bộ môn Vọng Cổ cũng giúp cho một số nghệ sĩ có tên tuổi sống với thời gian như Út Trà Ôn, Hữu Phước, Hùng Cường, Út Bạch Lan, Lan Hương, Thành Được ... và nhiều tên tuổi khác. Bây giờ khi thời cuộc đổi thay, người ta bắt thể loại âm nhạc này phục vụ cho một thứ chính trị rẻ tiền, loại chính trị nay còn mai mất. Lối ca Vọng Cổ được ra đời không phải để làm công việc đó. Nó là loại âm nhạc mang lại tình yêu thương sưởi ấm tình dân tộc nhưng bây giờ người ta dùng nó để cổ võ cho sự hận thù giữa người với người. Tôi cảm thấy đau đớn khi một phần trong sự nghiệp văn hóa của dân tộc bị xúc phạm.

Những Giá Trị Tinh Thần

Trong cơn tức bực đó, tôi liên tưởng tới sự kiện khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, họ đã vội áp đặt lên đầu lên cổ người dân miền Nam một cách thô bạo bằng cách đổi tên thành phố Sài Gòn thân yêu trong tim người dân miền Nam bằng một cái tên chính trị, mà trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, có biết bao nhiêu người miền Nam phải giật nảy người khi nghe tới cái tên đó! Những con người chính trị trong một cơn say chiến thắng nào đó, đã nhấn tâm dày vò tâm tư thâm kín của người dân bằng cách cướp đi những giá trị tinh thần mà họ yêu thương ấp ủ. Có những thứ thuộc về giá trị tinh thần của dân tộc mà không một thể chế chính trị nào có thể cướp đi được.

Tôi mừng tượng ra, nếu trong một tương lai xa gần nào đó, khi chủ nghĩa Cộng Sản không còn ngự trị trên quê hương tôi, nếu chẳng may có một thể chế chính trị mê muội nào tiếp theo sau, lại đem đổi tên Hà Nội thân yêu trong lòng tôi thành ra thành phố Nguyễn Văn A hoặc thành phố Nguyễn Văn B... thì còn gì là giá trị tinh thần của Chiếu Nồi Dân Tộc? Lúc đó, sẽ có biết bao nhiêu người Việt Nam đau buồn và cảm thấy bị xúc phạm, và chắc chắn là có tôi trong số những người đó. Tôi vẫn luôn xác tín rằng thể chế chính trị nào rồi cũng sẽ qua đi, chỉ có dân tộc là trường tồn.

Còn chuyện khác nữa, tôi nhớ khi người Cộng Sản vừa cướp được chính quyền ở miền Nam, họ lại cướp đi luôn... chiếc áo dài của người phụ nữ Việt Nam! Tội nghiệp cho chiếc áo dài thướt tha là nét duyên dáng truyền thống của dân tộc. Nó được thành hình qua hàng ngàn năm của lịch sử và văn hóa để tô điểm cho nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam, bây giờ, lại bị những con người Việt Nam chỉ biết

nhắm vào giá trị nhất thời của chính trị rồi nó ra hành quyết! Chiếc áo dài tha thướt, biểu tượng cho nét độc đáo của văn hóa Việt Nam, nói lên tính chất dịu hiền của người con gái Việt Nam đó, nó đâu có tội tình gì? Nó đâu có phản động? Nó đâu có là “tàn dư của Mỹ Ngụy”? Nó đâu có dự phần vào những hoạt động “phản cách mạng”?! Vậy tại sao người ta lại cố tình bức tử nó?

Tôi ước mong những người nào đã làm công việc phản văn hóa đó, đọc được những dòng này và cảm thương cho tâm trạng đau buồn của tôi khi phải nhìn các cô giáo, các nữ sinh, các nữ công chức từ sau tháng 4 năm 1975, mặc những chiếc áo ngắn cũng cõn trên người lúc đi dạy, đi học, đi làm... Tôi thật đau lòng xót dạ khi nhìn cảnh đó và càng đau xót hơn nữa cho số phận dân tộc tôi bị những thế lực chính trị nhất thời làm khổ đủ mọi cách. Chừng nào dân tộc tôi mới thoát được cảnh này? Chừng nào dân tộc tôi mới có được những nhà chính trị có đủ tầm vóc và khôn ngoan để tiếp nối nhau xây đắp cho tinh thần và văn hóa của dân tộc?

Tôi đau lòng khi nhớ lại ngay trong miền Nam trước kia cũng đã xảy ra các chuyện như vậy. Lúc đó, ở miền Nam sau một cuộc đảo chánh, hoặc cuộc chỉnh lý và một chính phủ mới lên cầm quyền là vội phá bỏ hết những gì thuộc về “chế độ cũ”! Bất cứ thứ gì thuộc về chế độ cũ cũng sai, cũng trái, chỉ có “chế độ mới” là đúng, là đẹp!

Nhưng điều buồn cười nhất là người ta lại quên đi bất cứ chế độ nào rồi cũng sẽ trở thành “chế độ cũ” trong tiến trình hướng về tương lai của dân tộc. Chế độ chính trị chỉ là chiếc áo mặc bên ngoài, còn thân thể dân tộc sẽ phát triển và tăng trưởng không ngừng! Vì thế, ở mỗi giai đoạn của lịch sử, thân thể dân tộc sẽ có một chiếc áo mới vừa tầm, vừa khổ. Những chiếc áo cũ và chật chội sẽ được cởi ra, xếp vào ngăn kéo của lịch sử.

Nhắc tới vấn đề này, tự nhiên tôi chực mỉm cười khi nhớ lại một khẩu hiệu, không hiểu con người nào đã có can đảm viết ra và cho phổ biến sau khi người Cộng Sản chiếm miền Nam: “Yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa!” Câu này sai tự căn bản! Từ lâu nay, tôi không thấy ai có ý kiến gì về khẩu hiệu này, tôi nghĩ một phần người dân muốn được yên thân, phần khác, có lẽ ai cũng biết câu nói đó không đáng để bình phẩm.

Trong cơn sốt thời cuộc, vì say men chiến thắng, có người đã “phát biểu” đại câu đó và không cần lý luận rằng, nếu khẩu hiệu đó là đúng thì trước khi có xã hội chủ nghĩa hẳn là người Việt Nam không có ai yêu nước? Và nhất là sau khi xã hội chủ nghĩa qua đi rồi thì người dân Việt Nam muốn yêu nước, phải yêu cái gì? Người nói lên câu đó, chẳng khác chi một anh thợ may tồi, vì thiếu vải đã may một chiếc áo quá chật. Để giải quyết vấn đề, anh ta đã xẻ thịt, cắt tay người mặc áo, làm sao nhét cho vừa chiếc áo anh đã may! Thật là hài hước!

Việt Nam Đau Thương

Trong lúc đứng cúi người, khoanh tay đặt lên thành ống sắt làm rào cản trên phà, nhìn xuống đám bọt

nước bị lườn phà trườn tới hất tung lên rồi tan biến vào dòng nước đỏ ngầu đầy phù sa của dòng Tiền Giang. Hết đợt bọt sóng này tới đợt khác, nối tiếp nhau nhảy múa bên thành sắt của chiếc phà làm tôi nhớ tới sự biến thiên của thời cuộc.

Tôi tự hỏi, những bọt sóng bắn tung tóe nhảy chồm lên mặt nước trông thật đẹp mắt đó, khi chiếc phà lướt qua rồi, nó sẽ đi về đâu? Nếu không có chiếc phà này chạy qua, thì đời sống của những bọt nước đó sẽ là gì? Tự nhiên, tôi hình dung chiếc phà này như con quái vật khổng lồ bằng thép lạnh đang quấy động, cắt xén và làm xáo trộn cuộc sống yên hàn của những chiếc bọt nước đang bình thản ngủ yên trong lòng sông dịu hiền.

Từ suy nghĩ mông lung đó, tôi nhớ tới hoàn cảnh dân tộc Việt Nam của tôi. Với bản chất hiền hòa và siêng năng cần mẫn, một nhóm người khởi nguồn từ châu thổ sông Hồng ở miền Bắc, qua bao thế hệ nối tiếp, đã đổ mồ hôi và công sức lặn lội về phương Nam, trên dải đất hình cong chữ S, chạy dài hơn hai ngàn cây số, cập theo bờ biển Đông. Đó là hình thể nước tôi, trên đó, dân tộc tôi quây quần bên nhau và đầy tràn sức sống. Mồ hôi do công sức cần cù của dân tộc tôi đổ ra, như dòng nước Cửu Long mang theo phù sa bồi đắp cho ruộng đồng. Nhưng dân tộc hiếu hòa đó, qua bao nhiêu giai đoạn của lịch sử, đã nhiều lần bị xáo trộn, vỡ tung như con tàu sắt đang chà đạp, cắt xén, phá vỡ sự yên hàn của dòng nước chảy ngược dưới chân tôi lúc này.

Từ ngày vừa có trí khôn, tôi đã chứng kiến chiến tranh kéo theo biết bao nhiêu cảnh khổ nạn cho dân tộc tôi. Cho tới lúc này, sau hơn ba mươi năm, tôi chưa lúc nào thấy dân tộc tôi được hạnh phúc. Vừa Pháp đô hộ, vừa Nhật chiếm đóng, cộng thêm với sự hà khắc của các thế lực chính trị ở các phe, nạn cường hào ác bá và ngay cả một số giáo sĩ cũng lợi dụng uy quyền tôn giáo và dựa thế chính quyền để đè đầu, cỡi cổ dân chúng. Nhưng nặng nề nhất vẫn là chiến tranh, là bom đạn, là nhà tan cửa nát, là tản cư, là máu đổ thịt rơi... Những người trực tiếp tham gia cuộc chiến ở các phe đối nghịch không nói làm gì. Còn biết bao thường dân vô tội, người già cả và trẻ thơ cũng đã chết oan. Bom đạn vô tình không chừa, không tránh một ai.

Người nằm xuống đã yên phận hoàn thành kiếp sống, một số đồng nạn nhân sống sót chịu cảnh tật nguyền, phải kéo lê cuộc sống bên lề xã hội cho đến mãn đời. Tôi thương biết bao cho những thương phế binh của cả hai phe lâm chiến. Cuộc chiến tương tàn đã cướp đi một phần thân thể và khả năng con người của họ. Vì sinh ra vào thời tao loạn, họ bị bắt buộc phải trở thành chiếc máy giết người mà một số đồng trong họ không biết lý do tại sao. Rồi một viên đạn, một mảnh bom vô tình cắm vào thân thể, đã biến họ thành chiếc máy hư và bị vứt vào xó của xã hội.

Từ đó, họ bị mọi người lãng quên. Thậm chí còn bị khinh rẻ vì thân thể họ tật nguyền, mất khả năng về nhiều phương diện. Có người mất luôn khả năng tự nuôi sống mình, phải trông cậy vào lòng nhân đạo của người khác trong kiếp sống của một người hành khát ăn xin độ nhật, trên bắc, trên bến xe, trước cửa chợ và các nơi để tìm gặp lòng nhân đạo như cửa nhà chùa, nhà thờ!

Cũng giống như dòng sông, lúc nào cũng có tàu thuyền khuấy động, cá nhân tôi cũng như một bọt biển phù du. Từ ngày còn bé, tôi đã sống với chiến tranh, với chém giết, với tiếng bom đạn, với xác người chết. Có người bị chặt đầu, có xác bị mổ bụng thả trôi sông.

Vừa biết nhận diện cuộc đời, tôi đã thấy người ngoại quốc, da trắng có, da đen có, họ đi rảo ruông một cách nghênh ngang và hách dịch trên quê hương tôi. Có điều tôi ghi nhận rất sớm là không hiểu tại sao người Việt Nam của tôi lại có những người lúc nào cũng rình mò tìm cách giết nhau, và họ giết nhau để làm gì? Họ giết nhau để được ích lợi gì?

Những thắc mắc đó tôi không thể nào giải đáp được, cho tới khi lớn khôn, tôi hiểu là người Việt của tôi giết nhau chủ yếu chỉ vì bất đồng tư tưởng chính trị, mỗi người theo một chủ thuyết khác nhau. Thậm chí, còn có thảm cảnh ngay trong một gia đình, anh em giết nhau, cha con tiêu diệt nhau, chỉ vì tôn thờ khác chủ nghĩa.

Nhưng phải đợi tới khi có đủ sự hiểu biết về thời cuộc, tôi mới ghi nhận được hết sự tác hại của những con tàu quái vật, quây tung dòng nước êm đềm của dòng sông dân tộc Việt Nam. Lúc tôi hiểu biết cuộc đời là lúc đất nước và dân tộc tôi bị chia cắt làm đôi ở vĩ tuyến 17 thành hai miền Bắc và Nam, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Miền Bắc tôn thờ chủ nghĩa Cộng Sản, miền Nam theo chủ nghĩa tự do, và cứ thế, người ta lao đầu vào giết nhau một cách điên cuồng!

Điều vô cùng đau đớn là người Việt Nam tôi không ai đủ khả năng để nghĩ ra các loại chủ thuyết đó. Có người đi vay mượn được ở xứ nào rồi mang về nhà cho dân tộc dùng và coi đó như là một sự phát hiện vĩ đại. Tập đoàn những kẻ đi vay mượn này, sau khi cướp được chính quyền, có thể lực trong tay, họ bắt tất cả dân tộc Việt Nam phải chấp nhận và tôn thờ chủ thuyết có cái tên rất lạ tai. Ai cưỡng lại hoặc tỏ ra không phù hợp với chủ thuyết đó là đồng nghĩa với tội không yêu nước! Và kẻ nào không yêu nước, sẽ không đáng sống và không có quyền sống!

Điều đau lòng hơn nữa là những ông chủ cho vay mượn loại chủ thuyết đó lại rất đại lượng. Họ sẵn sàng cho mượn khá nhiều thứ. Trước tiên, họ cho mượn một cảm nang nhì nhằng những lý luận khó hiểu để giải tích công dụng của chủ thuyết như là một thần dược vĩ đại nhất của trí tuệ con người có thể nghĩ ra để đưa nhân loại tới một tương lai huy hoàng.

Mặt đất sẽ trở thành một thứ thiên đường hạ giới khi chủ thuyết đó ngự trị hoàn toàn trên các dân tộc. Khi đó, con người sẽ sống trong thế giới đại đồng, làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu, không bao giờ có cảnh người bóc lột người. Cửa nhà không cần khóa, cửa rơi ngoài đường không ai nhặt. Vì tính cách ưu việt của chủ thuyết đó, nên nhân loại bắt buộc phải đạt cho bằng được mục tiêu. Thế hệ này chưa được thì các thế hệ nối tiếp phải hoàn thành. Nếu cần thì hy sinh đời bố cũng cố đời con.

Cuộc Cờ Người

Đồng thời với phần chữ nghĩa và lý luận, các ông chủ hào hiệp kia còn cho mượn luôn bom, đạn, súng

ống, đạn dược, xe tăng, máy bay, tàu chiến, hỏa tiễn, tiền bạc và tất cả những gì có thể cho mượn được, để dân tộc Việt Nam có đủ phương tiện giết nhau, giết càng nhiều càng tốt. Có lúc họ còn cho mượn người. Khi hai bên đã đồng cân, đồng sức thì cuộc giao đấu trong cuộc cờ người bắt đầu. Võ đài là mảnh đất hình cong chữ S quê hương tôi.

Những người có quyền thế chơi cờ không cần có mặt tại chiến trường. Họ ngồi ở tận đâu đâu để điều khiển những quân cờ người qua phương tiện thông tin hiện đại. Có những người cao to, tóc hoe mũi nhọn, ngồi tận bên kia bờ đại dương, trong căn phòng có cờ nhiều sao và sọc, trong tòa nhà sơn màu trắng gọi là Bạch Cung. Có những người thấp lùn, mặc áo cổ cao, ngồi trong căn phòng đằng sau Thiên An Môn, cách Hà Nội không xa. Có những người ngồi tận xứ Moscow giá lạnh, trong căn phòng chung đầy cờ đồ búa liềm. Những tay chơi cờ người này vừa uống sâm-banh, miêng ngậm xì-gà, vừa đấu trí trong cuộc cờ người.

Những năm tháng kéo dài trong cuộc chiến trên quê hương tôi đã chứng tỏ họ là những tay chơi cờ có máu lạnh. Họ thí quân không tiếc tay, một phần vì thích cảm giác mạnh, phần khác, vì họ biết dân tộc Việt Nam của tôi có tỷ lệ sinh sản khá cao!

Những năm đó cũng là cơ hội ngàn năm một thuở cho những kỹ sư chế tạo vũ khí ở các nước mang ra thí nghiệm trên mảnh đất quê hương của tôi. Đau đớn thay! Dân tộc tôi chưa có khả năng làm được một viên đạn, cho dù là viên đạn bằng chì để bắn chim. Thế mà thân thể Mẹ Việt Nam của tôi, từ mấy chục năm qua, đã hứng chịu không biết là bao nhiêu trăm ngàn, bao nhiêu triệu tấn bom đạn đủ loại và đủ các nhãn hiệu của ngoại bang!

Thực ra, các cường quốc có đại gì mà không mang ra dùng thử các loại vũ khí mới ở một đất nước xa xôi là vùng oanh kích tự do và vô tội vạ như xứ sở của tôi. Người ta đã dùng thịt, máu và mạng sống của đồng bào tôi để thử nghiệm và đo lường tầm sát hại của các loại vũ khí mới. Bom đạn đó, chất độc hóa học màu da cam đó, cho dù có giết chết hàng ngàn, hoặc hàng chục, hàng trăm ngàn hoặc hàng triệu đồng bào tôi trong lúc này và gây hậu quả tàn khốc, tột nguyên dị dạng cho nhiều thế hệ dân tộc tôi về sau, chưa chắc đã làm họ quan tâm cho bằng sự kiện con chó trong nhà họ vô ý ăn hóc phải xương! Tôi đau lòng chảy nước mắt ra và cổ họng tôi bị tắt nghẹn khi nhắc tới chuyện này.

Trong khi đó, về phía những người Việt Nam với nhau, tình cảnh cũng chẳng khá gì hơn. Bom đạn ngoại bang là những vật vô tri vô giác và rất vô tình đã giết hại đồng bào mình đã đành, nhưng đau đớn hơn nữa là nạn người Việt giết người Việt không góm tay. Khi bị “con ma” chủ nghĩa ngoại lai ám, nhiều người Việt Nam đã trở thành những con ác thú cho đến đối cắt cổ nhau, mổ bụng nhau, ăn gan, uống máu nhau, vợ chồng đấu tố nhau, con cái đấu tố cha mẹ!

Thậm chí, người ta dùng xác chết để làm quà tặng nhau trong dịp đặc biệt mỗi năm như ngày 19 tháng 5, là ngày sinh của ông Hồ Chí Minh. Ngày đó, ở miền Nam, không biết là bao nhiêu những vụ giết mình xe đò, xe lam giết hại thường dân vô tội để làm quà sinh nhật cho ông. Tôi không nghĩ là ông Hồ

Chí Minh thực sự muốn những loại quà cáp đầy máu me và xác chết dân lành này, nhưng những kẻ điên cuồng dưới trướng ông đã làm như vậy.

Tôi nhớ lại mà lợm giọng những lần đi xe ngang qua những đống sắt vụn cong queo còn lại của các xe đồ hoặc xe lam bị Việt Cộng giật mìn, còn nặng mùi thối tha của thịt người mấy ngày sau đó. Tôi phải lấy khăn tay bịt mũi vì mùi thối của xương thịt đồng bào tôi bị chính đồng bào tôi giết ngay trên quê hương của tôi.

Để đạt tới mục đích làm sao cho chủ nghĩa ngoại lai được toàn trị, người ta không từ chối một hành động ác nhân thất đức nào. Kể cả việc chà đạp lên truyền thống thiêng liêng nhất của dân tộc. Tôi phải đau lòng nhớ lại cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968 của Việt Cộng nhằm chiếm các tỉnh miền Nam.

Tôi không có can đảm nhắc lại những hậu quả ghê rợn, tan hoang của thảm cảnh Tết Mậu Thân. Tôi không dám nhớ lại hình ảnh của hàng chục ngàn thường dân vô tội bị trói tay dính chùm bằng dây điện và chôn sống tại cố đô Huế. Hình ảnh đó quá sức chịu đựng của tôi. Ai cũng biết là làm gì có nhân đạo trong chiến tranh, nên việc chôn sống người và cảnh nhà tan cửa nát cũng là hậu quả tự nhiên của cuộc chiến tương tàn trên quê hương, tôi không muốn chuyện đó.

Tôi chỉ muốn nói rằng, những người Việt Nam chủ trương cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân đó, đã chà đạp lên ngày thiêng liêng nhất của dân tộc Việt Nam là ngày TẾT, tôi xin được viết bằng chữ hoa in đậm. Họ đã biến ngày TẾT của Dân Tộc thành ra ngày ĐẠI TANG của Dân Tộc.

Trong lịch sử mấy ngàn năm của Dân Tộc Việt Nam, ngày TẾT được người Việt Nam coi là ngày thiêng, ngày ĐẠI PHÚC của Dân Tộc. Chỉ có TẾT MẬU THÂN 1968, có những kẻ vô tâm đã biến nó thành ĐẠI HỌA của Dân Tộc. Lịch sử dân tộc Việt Nam sẽ dành cho họ sự phê phán cuối cùng.

Tôi muốn dùng chính máu trong tim tôi để viết lên câu này: “TÔI CẦU MONG TẾT MẬU THÂN 1968 LÀ TRƯỜNG HỢP ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM. TÔI CẦU MONG TỪ NAY VÀ QUA MUÔN THẾ HỆ VỀ SAU, DÂN TỘC TÔI PHẢI TÔN TRỌNG NGÀY TẾT LÀ NGÀY ĐẠI PHÚC CỦA DÂN TỘC. TÔI MONG DÂN TỘC TÔI ĐỦ SÁNG SUỐT ĐỂ NHẬN BIẾT RẰNG, THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ NÀO RỒI CŨNG SẼ QUA ĐI, CHỈ CÓ DÂN TỘC LÀ TRƯỜNG TỒN”

Tôi khẳng định, bất cứ một chế độ nào chà đạp lên hồn thiêng sông núi và giá trị cổ truyền của Dân Tộc, thì không bao giờ có thể mang lại cái gì tốt đẹp cho Dân Tộc được. Bao lâu loại chế độ phi dân tộc đó nắm quyền là bấy lâu Dân Tộc còn điêu linh tan nát.

Từ suy nghĩ này tôi quay ra bực anh chàng ăn xin lúc nãy. Sao anh lại nhẹ dạ chạy theo sự phù du của chính trị để nhai lại những câu hát rẻ tiền mà đánh mất sự quý mến của bao nhiêu người đã từng nghe anh hát và giúp đỡ anh trên chiếc bấc này trong nhiều năm qua. Tôi đứng lặng yên, nhìn dòng nước mênh mong của dòng Tiền Giang, chép miệng nói một mình: “ Con số thời cuộc lúc này đang

dâng cao quá, không biết bao giờ nó mới giảm nhiệt độ.” Và cũng vì cơn sốt thời cuộc đó mà bây giờ tôi phải đứng đây và chưa biết chuyện gì đang chờ đợi tôi trước mắt.

Tình Cơn Mê

Đứng nhìn trời, nhìn nước một lúc, tôi cảm thấy đỡ căng thẳng, mùi nước sông và làn gió nhẹ mang theo hơi nước lạnh làm tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi ngửa mặt lên trời, hít một hơi dài cho làn khí trong lành ngập tràn hai buồng phổi, và lui lại lần theo cầu thang leo lên từng tầng trên và ngồi nơi một ghế ngay cạnh đó, định bụng là để chốc nữa xuống cho dễ. Lúc đó tôi tự nhủ: “Phải bình tĩnh trước những biến động, rồi cái gì cũng sẽ qua đi, nhưng phải có thời gian cho mỗi việc”.

Tôi nhớ lại thời gian ở họ đạo La Mã, lúc đầu, cơn sốt thời cuộc cũng bốc lên như sóng cồn, nhưng sau một thời gian ngắn cũng xẹp đi. Nghĩ như vậy nên tôi thấy yên tâm và tự nhiên thương anh chàng ăn xin lúc nãy đã hát bài *Vọng Cổ* “cách mạng”. Tôi nghĩ rằng, chắc anh ta không cố ý chạy theo thời cuộc, nhưng biết đâu loại bài hát có lời lẽ như vậy sẽ giúp anh kiếm ăn dễ hơn trong lúc này. Ngồi một chốc tôi đã thấy hàng quán phía cầu bắc Mỹ Tho dần dần hiện lên rõ nét.

Hành khách bắt đầu nhón nháo và đứng lên khi chiếc bắc giảm tốc độ và chuẩn bị vào bến. Vừa định bước nhanh xuống tầng dưới để lấy xe Honda lên bờ, tôi chợt nhớ ra có điều gì mình chưa làm. Thì ra, tôi nhớ tới số tiền định cho người ăn xin, nhưng lúc nãy vì bực mình, tôi đã bỏ lại vào túi. Lúc này, luồng hành khách xô nhau đang nhón nháo chuẩn bị dón về phía đầu cầu thang trong khi tôi len ngược trở lại về phía người ăn xin và cô bé đang ngồi ủ rũ trên một chiếc băng trống ở gần đầu kia. Anh ta chỉ hát và xin tiền trong lúc bắc đang chạy, còn lúc này không còn ai để ý tới anh, tới giọng hát của anh cũng như hoàn cảnh của anh.

Tôi bước tới nhìn hai người và cảm thấy thương tâm, nhất là khi nhìn vào chiếc rá nhỏ đan bằng mây cô bé đang cầm trong tay để xin tiền, tôi thấy nó rỗng tuếch, chỉ lèo tèo vài tiền lẻ. Tôi vội cho tay vào túi quần vợ hết số tiền lẻ lúc nãy đặt vào chiếc rá.

Cô bé lộ lem ngoái đầu lại tròn đôi mắt to và đen ngược nhìn tôi thật lâu. Lần đầu tiên, tôi thấy cô bé biểu lộ thái độ ngạc nhiên trên mặt. Tôi biết không phải em ngạc nhiên về số tiền khá lớn mà tôi vừa đặt vào chiếc rá, mà ngạc nhiên tại sao lại có ông khách phá lệ cho tiền trong lúc bắc đang cập bến như thế này. Tôi cảm thấy chưa yên tâm, và bằng một thái độ chuộc lỗi, tôi đứng lại, lẩn tay móc bóp ở túi quần sau, lấy ra một số tiền khá lớn và đứng tại chỗ đếm. Tôi vô ý đứng chặn giữa lối đi hẹp của hành khách đang hối hả tiến tới cầu thang.

Một bà khá lớn tuổi và mập mạp bị cản đường bất ngờ, dùng cùi chỏ hẩy tôi sang một bên, miệng càu nhàu: “Cái ông này vô duyên, tự dưng đứng cản đường người ta!” Tôi vội né sang một bên, ném vội số tiền vào rá của em bé rồi bước theo đoàn người, vừa đi vừa cười thầm: “Minh vô duyên thật, tự dưng lại đứng cản đường người ta!”

Thành Phố Mỹ Tho

Hành khách đi phà đông hơn tôi tưởng, lúc này tôi thấy họ ngồi đầy cả hai tầng của chiếc bắc, lúc này tôi thấy càng đông hơn. Đoàn người từ cầu bắc bước lên đông như trẩy hội. Tôi biết đa số trong đó là những người buôn bán vì trên tay người nào cũng có giỏ xách căng phồng mà tôi không biết họ đựng gì bên trong. Điều tôi biết rõ là lúc bấy giờ, có rất nhiều người đi buôn đủ các loại mặt hàng. Thứ gì cũng có thể bán và mua được. Nhất là thuốc tây, vải vóc và các loại đồ dùng trong nhà. Lúc tôi còn ở họ đạo La Mã, có mấy bà, mấy cô trong họ đạo cũng đi buôn bán kiểu này và họ kể tôi nghe một ngàn lẻ một chuyện về “mặt trận” đi buôn trong những tháng đầu sau khi Cộng Sản vào miền Nam.

Họ kể về mánh khóe những con buôn qua mặt các trạm kiểm soát, rồi trạm kiểm soát gài bẫy bắt con buôn. Rồi con buôn tìm cách lòi tiền để được thả ra, rồi công an tìm “mánh” bắt họ lại để tiếp tục làm tiền. Thôi thì hàng trăm hàng ngàn loại mánh khóe, ai có ngón nào đưa ra sử dụng ngón đó. Có lúc, tôi buồn cười nghĩ quẩn, có lẽ nhờ có thời thế này đã tạo ra hoàn cảnh như thế mà dân tộc Việt Nam tự nhiên lại “khôn” ra, vì lúc nào đầu óc cũng làm việc và làm việc không ngừng để tìm cách lừa đảo, dối gạt, phỉnh phờ và nói dối, không dối gạt nhau thì không có thể nào sống được!

Nếu định luật về sự tiến hóa có cơ sở thì dân tộc Việt Nam, nếu không có sự thay đổi nào khác hơn, thì càng về lâu về dài, sẽ phát triển đến mức tối đa đầu óc gian manh lừa đảo do tích lũy di truyền của thế hệ này để lại cho con cháu. Càng nghĩ, tôi càng đau lòng cho số phận không may của dân tộc tôi đã phải rơi vào một giai đoạn lịch sử đen tối, trong đó, người ngay thẳng và lương thiện không có chỗ để sống.

Thấy còn sớm, tôi cỡi Honda đi một vòng thành phố Mỹ Tho, nơi mà tôi đã một thời đi học ở đây. Tôi lượn xe xuống cầu tàu, ngang vườn hoa Lạc Hồng, bọc qua đường Trưng Trắc ở bờ sông, chạy qua cầu sắt quay mà ngày còn đi học tôi hay đi qua. Thành phố cũng không đổi khác nhiều sau một năm dưới chế độ mới. Chỉ có khác là bộ mặt thành phố bây giờ đượm vẻ u buồn và dân chúng đang bước đi đầu cúi gằm âm thầm lặng lẽ.

Khi rảo qua các phố, tôi để ý thấy một số tên đường và trường học đã được đổi tên mới, những cái tên rất lạ tai như Trừ Văn Thố, Mai Thị Non, Võ Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi... Cái thiếu sót của tôi là lu bu nhiều chuyện quá nên chưa có giờ tìm đọc tiểu sử các vị anh hùng có tên lạ tai này để biết sự nghiệp họ đã đóng góp cho dân tộc Việt Nam như thế nào hầu bày tỏ lòng tôn kính với họ cho đúng mức.

Khi chạy xe trên đường Hùng Vương ngang qua trường trung học Nguyễn Đình Chiểu, tôi sực nhớ lại cũng nơi này, năm 1961 lúc tôi học ở Mỹ Tho, có lần tôi suýt bị mật vụ của Bác sĩ Trần Kim Tuyến hốt lên xe bít bùng trong một buổi sáng tôi cùng anh bạn tới đây tìm một vị giáo sư. Không ngờ, hôm đó học sinh trong trường rải truyền đơn chống chính phủ Ngô Đình Diệm. Người bạn tôi bị bắt, tôi may mắn thoát được, vội về nhà cuốn gói chuẩn ngay về Vĩnh Long.

Hơn một tháng sau, tôi mới dám trở lại Mỹ Tho, tìm gặp lại người bạn bị bắt lần đó. Tội nghiệp anh bạn, nước da anh xanh xao như tàu lá chuối và không đứng dậy nổi vì bị tra tấn quá nhiều sau 15 ngày bị nhốt ở Ty cảnh sát Định Tường. Thời đó, mặt vụ của ông Ngô Đình Nhu do Bác sĩ Trần Kim Tuyền đứng đầu ra sức ruồng bắt và tra tấn những người chống chế độ gia đình trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Hình ảnh những chiếc xe buýt bùng cùng với những người công an chìm đi lảng vảng trong các trường học, làm bọn học sinh chúng tôi khiếp đảm.

Đường Xưa Lối Cũ

Rời thành phố Mỹ Tho, tôi theo con đường tráng nhựa hai bên có những vườn mận sai trái dẫn ra ngã ba Trung Lương. Loại quả mọng nước, to cỡ như trứng gà, có vị vừa chua vừa ngọt, bên trong có mấy hạt bằng đầu ngón tay út, người Bắc gọi là quả roi, người Nam chúng tôi gọi là trái mận. Vùng này mận ngon có tiếng, chẳng những nhờ giống đặc biệt mà còn nhờ vào phong thổ của vùng đất bồi sông Tiền Giang nữa. Các hành khách trên xe, khi có dịp dừng lại một nơi nào gần đây, cũng thường mua một ít mận Trung Lương để thưởng thức hương vị của đặc sản vùng này.

Chạy chưa đầy 10 cây số đã tới ngã ba Trung Lương, nằm trên Quốc lộ 4, nối liền Sài Gòn với các tỉnh miền Tây trù phú của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tôi rẽ trái về hướng Vĩnh Long, gia đình tôi ở một làng quê thuộc quận Vũng Liêm trong tỉnh này.

Lúc này nắng đã lên cao, tôi đưa tay trái lên kéo quai chiếc nón ny-lon trên đầu cho thật chặt để khỏi bay. Đi xe gắn máy mà đội loại nón này khá bất tiện vì rất dễ bị gió giật tung về phía sau, nhưng vì thời cuộc mà tôi phải dùng nó. Trước kia, khi đi xe gắn máy, tôi thường đội mũ lưới trai, rất gọn nhẹ, ôm sát vào đầu và không cần có quai dưới cằm. Mũ lưới trai vừa che được gió khỏi tạt vào mặt, vừa tránh được ánh nắng mặt trời chiếu thẳng vào mắt.

Nhưng từ hôm tôi bị mấy anh du kích chặn lại trên đường tôi về giáo xứ La Mã, mạt sát tôi một hồi rồi giật cái kết “đòi truy của thằng Kỳ” ném xuống đất, từ đó, tôi không còn đội loại kết “đòi truy” này nữa, vì tôi không muốn những việc rắc rối không cần thiết xảy ra, trong khi cuộc đời tôi trong giai đoạn này tự nó đã có nhiều rắc rối với những người có quyền thế trong chế độ mới này .

Đoạn đường tráng nhựa trên Quốc Lộ 4 này tôi đã đi lại nhiều lần, và đã ghi lại trong tôi rất nhiều kỷ niệm về nó. Nhớ lại mới vài năm trước đây, công binh Mỹ làm lại con đường nối liền Sài Gòn và các tỉnh miền Tây này, rất đẹp và rộng rãi. Một hãng thầu Mỹ có tên RMK-BRJ mà tôi cũng không biết viết tắt của những chữ gì, cũng đã xây dựng lại hai cây cầu quan trọng trên tuyến đường này là cầu Bến Lức và cầu Long An, trên đoạn đường từ Sài Gòn xuống ngã ba Trung Lương.

Từ một năm qua, khi về làm cha sở họ La Mã, tôi cũng có dịp đi lại trên đoạn đường này khá nhiều lần, nhưng không chú ý lắm về tình trạng của nó. Lần này, sau khi bánh xe bị sụp một ổ gà lớn, tôi giật mình và chợt nhận ra con đường bây giờ đã “xuống cấp” khá nặng. Thỉnh thoảng, có mấy ổ gà sâu

trên mặt đường tráng nhựa, vài chỗ bị sụp lún xuống, tạo nên nhiều đường nứt, chỗ dài, chỗ ngắn, báo hiệu tình trạng hư hại nặng nề tiếp theo nếu không kịp thời tu bổ.

Sở dĩ con đường này bị sụp, một phần vì ở đây là vùng đất ruộng, được ủi lên để đắp làm móng làm đường, nên chân không chắc chắn như vùng đồi núi. Hơn nữa, trong thời chiến tranh, các loại xe tăng và xe có dây xích sắt chạy tự do trên lộ đã cày tróc nhựa trên mặt đường tại khá nhiều nơi. Theo tôi nhớ, từ ngày công binh Mỹ làm đường tới nay quảng 6 hay 7 năm rồi, nhưng chưa có lần nào con đường được tu bổ hoặc có dấu hiệu là sẽ được tu bổ.

Đoạn đường 150 cây số từ Sài Gòn tới Vĩnh Long có ba địa điểm đáng chú ý mà không một hành khách nào không biết qua, đó là cầu Bến Lức, cầu Long An và bắc Mỹ Thuận, và từ đó, có các tiếng “kẹt cầu” và “kẹt bắc”.

Việc kẹt bắc thì khỏi phải nói, vì đây là con đường huyết mạch nối liền Sài Gòn với các tỉnh miền đồng bằng sông Cửu Long, xe cộ và người đi lại lúc nào cũng tấp nập, nên hệ thống bắc đưa xe qua con sông rất rộng là Mỹ Thuận, luôn luôn là một vấn đề nan giải và đầy trở ngại. Ngoài bắc Mỹ Thuận ra, còn những bắc khác sau khi qua khỏi tỉnh Vĩnh Long, như bắc Cần Thơ đi Cần Thơ, bắc Vàm Cống để qua các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc và bắc Cao Lãnh đi từ Sa Đéc qua Kiến Phong.

Riêng hai chữ “kẹt cầu”, có từ thời hai cây cầu sắt do người Pháp xây là cầu Bến Lức và cầu Long An. Hai cây cầu này có lối kiến trúc giống nhau, nhưng cầu Bến Lức dài hơn cầu Long An khá nhiều. Thời đó, cầu hẹp và yếu nên chỉ cho xe chạy một chiều. Vì xe bên này chạy thì bên kia phải dừng lại chờ, nên có tình trạng kẹt cầu. Kẹt cầu và kẹt bắc có nhiều bất tiện cho hành khách, nhưng lại có lợi cho nhiều người dân trong vùng, nhờ đó, họ có thể bán thức ăn, hoa quả... Những người ăn xin cũng kiếm sống được nhờ tình trạng ứ đọng giao thông này.

Riêng ở hai bên bờ của bắc Mỹ Thuận, cách Vĩnh Long 9 cây số, hàng quán rất sầm uất và nhiều người tới đây lập làng, làm ăn phát đạt, có người trở nên giàu có nhờ vào tình trạng kẹt bắc ở đó. Đây cũng là một triết lý về sự “tương đối” của cuộc đời, cái bất tiện của người này lại là cái may cho người khác! Cảnh kẹt cầu ở Long An và Bến Lức cũng giúp cho một số người buôn bán và ăn xin, nhưng không phát đạt lắm vì xe kẹt không lâu, chừng nửa tiếng là cùng, nên chỉ kịp buôn bán thổ sản gọn nhẹ như khóm, mận, hoặc thức ăn đơn giản như bánh mì thịt, cơm đĩa, nem chua...

Chuyện Một Chiếc Cầu

Vì lượng lưu thông quá lớn của xe cộ, hàng hóa và người trên Quốc lộ 4 này, nên mỗi khi gặp trở ngại lưu thông thì đúng là một thứ tai họa như thời gian cầu Bến Lức bị Việt Cộng giật mìn phá sập. Tôi không nhớ rõ vào năm nào, nhưng phải là trước năm 1970, vì lúc bấy giờ tôi đang học tại Đại Chủng Viện Sài Gòn. Trong những lần về quê, tôi phải đi qua đây và có dịp chứng kiến “tai họa” này của dân chúng đi đường. Lúc bình thường, khi cây cầu sắt dài nhất trên Quốc lộ 4 này còn đứng vững, đã có

tình trạng kẹt cầu rồi, nói chi lúc nó bị giật sập xuống!

Cầu Bến Lức đứng vững để làm chức năng phục vụ xe cộ và hành khách có lẽ đã gần trăm năm qua. Hình ảnh chiếc cầu sắt có lối kiến trúc chằng chịt và có hai móng cao thật hùng vĩ, từ xa người ta đã nhìn thấy hình ảnh oai hùng của nó vươn trên bầu trời xanh. Nhưng sau khi bị Việt Cộng giật sập mất một nhịp ở đoạn giữa, từ xa nhìn tới, thấy cây cầu trở nên rất thảm hại!

Ngày trước nó đẹp để bao nhiêu thì lúc này trông nó xấu xa, kỳ dị giống như hàm răng sún của một người khổng lồ đang nhe ra, mất đi hai chiếc răng cửa! Nhưng tôi không có ý bàn về thẩm mỹ ở đây, tôi muốn nói chuyện khác, chuyện về cảnh khốn nạn mà đồng bào tôi phải gánh chịu do hậu quả gây ra bởi cây cầu Bến Lức bị Việt Cộng giật sập lúc đó.

Sau khi một bàn tay xương xẩu, có các móng tay dài bên trong đầy đất cát như những cái đầu người nhỏ tí đang đội nón đen đó, ấn nhẹ cái chốt. Một tiếng nổ long trời lở đất vang lên từ một nơi cách đó khá xa. Tiếng nổ này là kết quả của bao nhiêu chất xám của những cái đầu – cái đầu tuy nhỏ nhưng tinh ranh, đã mày mò nghiên cứu trong một thời gian khá lâu. Tiếng nổ ấy đã gây ra hai hậu quả rất thảm hại. Tác hại thứ nhất và trước mắt về phần vật chất, là một nhịp của cây cầu sắt rơi xuống, chìm sâu dưới đáy sông Bến Lức nước đang chảy thật siết.

Tác hại thứ hai, về con người, tuy lúc nổ chỉ thiệt hại vài nhân mạng một số nhỏ những người lính canh cầu, nhưng tiếng nổ đó đã gây ra một vết thương quá lớn trong đời sống của đồng bào, nhất là những đồng bào ở miền Tây. Từ sau tiếng nổ của Việt Cộng phá cầu đó, cuộc sống người dân trong vùng và sinh hoạt của họ cũng giống như những “tiếng nổ phụ” tiếp liền theo.

Cảnh tượng cầu Bến Lức sau đó, giống như cảnh một đám tang vĩ đại kéo dài hàng tháng trời. Ngày nào cũng có hàng mấy trăm chiếc xe đủ loại cùng với hàng chục ngàn người đứng lố nhố ở hai bên bờ sông như đưa đám tang chiếc cầu chôn xuống lòng sông sâu nước chảy. Cái khác ở đây là những người đưa đám ma này, không mặc đồ đen và âm thầm cúi đầu cầu kinh như thường thấy ở các đám tang khác.

Ngược lại, đám đông hàng chục ngàn người này lại ăn mặc đủ loại màu sắc, tay xách nách mang, bông con, bé cháu và di chuyển không ngừng! Họ không yên lặng như các đám tang khác mà ồn ào, náo nhiệt như cảnh chợ trời. Tiếng người gọi nhau ơi ới, tiếng trẻ con kêu khóc, tiếng gà vịt kêu cạp cạp từ các giỏ đan sơ sài bằng những thanh tre họ mang trên vai, cộng với những tiếng kêu trời xen vào với loại ngôn ngữ họ dùng để bày tỏ sự bức tức những kẻ phá hoại chiếc cầu. Những ngôn ngữ đó, tôi nghĩ là tốt hơn không nên ghi lại ở đây!

Một lần nọ, tôi qua Bến Lức trong một cơn mưa lớn. Nước mưa làm cho con đường dẫn tới bờ sông trở nên bùn sình, ngập lên tới mắt cá chân. Có vài chiếc xe chở khách đang trở đầu bị lún bánh, cố rướn lên làm bùn non bắn tung tóe vào đoàn người rất đông đang tấp nập đi về hướng bờ sông. Dọc

hai bên bờ sông Bến Lức nước đang chảy xiết, cây cỏ đã bị giẫm nát, lẫn vào với bùn sinh lầy lội. Người ta chen lấn nhau, tranh giành nhau để leo lên những chiếc xuồng máy của dân chúng đang chờ sẵn để đưa qua bờ bên kia với giá cắt cổ. Cảnh tượng này trông như một đoàn quân chiến bại đang cố chen lên những chiếc thuyền để chạy ra biển thoát thân.

Tuổi Thơ Thời Chiến

Trong cảnh nhốn nháo đó, tôi chợt nghe tiếng khóc thét của một em bé gái chừng 5,6 tuổi, đang ngồi bệt xuống trên một vũng bùn của con đường mòn còn cách bờ sông một quãng khá xa. Tôi không biết em bé đó mặc đồ gì, chỉ biết là em bị ướt như con chuột lột nước và bùn đất bám đầy từ đầu tới chân em, chỉ chừa ra hai con mắt cũng đang ướt đẫm. Em bé khóc thét thanh trong lúc người đàn bà còn trẻ mà tôi biết là mẹ em cũng mình ướt như chuột lột, trên tay đang bế một đứa bé trai chừng hai tuổi cũng đang khóc thét, một tay bà mẹ kéo cô bé đứng dậy đi.

Nhưng có lẽ em không còn sức để bước đi nữa, nên đánh liều ngồi bệt xuống bùn rồi muốn ra sao thì ra. Người đàn bà trẻ kéo con lên không được nên bực mình, cúi người đặt cái giỏ sách trên vai xuống mặt đất bùn sinh. Trong giỏ có hai con vịt đang ló đầu ra cũng đang kêu thét thanh cạp... cạp... cạp... Người mẹ giận tát em bé gái đang ngồi bệt trong bùn một tát tai và giật mạnh cánh tay bé xíu của em bắt đứng dậy đi!

Cô bé bị đòn càng khóc to hơn và nhất định ngồi lì không chịu đứng lên, làm người mẹ càng tức thêm, nên giật tay cô bé rất mạnh làm tôi tưởng cánh tay nhỏ xíu đó sẽ bị sút ra và rời khỏi thân hình dính đầy bùn đất của em. Bên cạnh đó, đoàn người vẫn bước đi một cách vội vã hướng về bờ sông dưới cơn mưa tầm tã.

Tôi đang dẫn xe gắn máy đi lẫn lộn trong đoàn người. Nhờ có khoác áo mưa nên người tôi không bị ướt, nhưng nước mưa tấp vào mặt làm mờ cả đôi kính và thỉnh thoảng tôi phải gỡ ra lau vào lần áo khô bên trong. Nhìn cảnh bé gái đang giằng co với mẹ, tự nhiên tôi thương em. Tôi biết là không phải em không muốn đi, nhưng vì đường sá lầy lội, mưa to quá và em đã bị té nhiều lần, nên không còn sức để bước nữa. Càng bị mẹ đánh và kéo lên, em càng bày tỏ sự phản kháng mãnh liệt và quyết tâm ngồi lì xuống đất đầy bùn sinh như một vũng trâu nằm.

Theo hành động của trực giác, tôi vội chống chân xe xuống bên vệ đường, chỗ có đất cứng, và bước tới bên hai mẹ con cô bé lúc này đang giằng co nhau dữ dội, không ai chịu thua ai. Tôi vừa đi vừa lần cời nút áo mưa trên cùng, để lộ chiếc cổ áo trắng của y phục giáo sĩ tôi đang mặc. Tôi bước tới, chuẩn bị cúi xuống bồng em bé lên, vừa nói với bà mẹ:

– Chắc là cháu mệt lắm, để tôi giúp chị một tay lo cho cháu.

Người đàn bà trẻ, mặt đầy nước nôi, tóc trết lại từng lọn nhỏ, bùn văng lấp tới đầu gối, chợt nhìn tôi, mở to mắt ngạc nhiên không nói gì. Tôi hiểu chị đang lo lắng, nên nói tiếp:

– Chị đừng lo, tôi là một Linh Mục, thấy chị quá bận rộn với hai cháu bé nên tôi muốn giúp chị một tay.

Nghe tôi tự giới thiệu là một Linh Mục, chị bèn nhìn vào cổ áo tôi cố ý để hở. Nét mặt chị dịu lại sau cái nhìn đó, chị bày tỏ sự yên tâm qua câu nói:

– Con cảm ơn Cha! Cháu bé bước đi không nổi Cha ạ!

Tôi vừa bồng cô bé lên, vừa nói lời trấn an:

– Nín đi con, đừng khóc nữa, chú giúp cho con.

Lúc đầu, cô bé tỏ vẻ sợ người lạ, nhưng nhìn thái độ của mẹ đang đứng kế bên, cô bé yên tâm để cho tôi bế lên. Tôi ôm lấy thân hình đầy bùn đất và đang run bần bật của cô bé. Tôi cố ý ôm sát vào lòng cho cháu đỡ lạnh và bước lại chiếc xe Honda đang dựng gần bên, trước cặp mắt quan sát chăm chú của người mẹ.

Tôi đặt em ngồi trên bình xăng xe, bảo em nắm thật chặt tay lái xe kéo ngã và tôi quàng tay qua bên kia, giữ em ngồi yên, rồi hạ chân xe xuống, dẫn đi bên cạnh người mẹ trẻ đang ôm bé trai và đeo cái giỏ có hai con vịt đang kêu cạp cạp. Tôi không biết mấy tiếng kêu này của loài vật có bày tỏ sự bất mãn nào như tiếng rủa sả của loài người trước cảnh khổ cực này hay không!

Cô bé lúc này đã nín khóc, nhưng mặt em nước vẫn chảy dài, cả nước mưa lẫn nước mắt, tự nhiên tôi thương cô bé hết sức, thương cho số phận trẻ thơ sinh ra trong thời chiến. Chừng ấy tuổi đầu đã nếm mùi gian khổ của người dân trong đất nước đang có những người lớn gặm gù chực giết nhau và tìm hết mọi cách để làm khổ nhau. Có lẽ em cũng cảm thấy yên tâm khi có linh cảm là tôi không làm gì hại em, nhưng giúp em vượt qua được quãng đường lầy lội dẫn xuống bờ sông. Quãng đường này, đối với người lớn đã là dài và khó khăn, nói gì tới đôi chân bé nhỏ của em bé 6 tuổi, nhất là giữa cơn mưa tầm tã như thế này.

Tôi chợt mỉm cười, nhớ lại lúc nãy, người đàn bà trẻ gọi tôi bằng tiếng “Cha”, thực ra tôi chưa phải là Linh Mục, tôi còn đang là một chủng sinh và phải một hoặc hai năm nữa, tôi mới có thể thụ phong Linh Mục, nhưng chủng sinh Đại Chủng Viện và Linh Mục cùng có sắc phục như nhau, nên khi tôi tự giới thiệu là Linh Mục, chị ta gọi tôi là Cha. Tôi nghĩ cũng chẳng cần phải đính chánh làm gì trong hoàn cảnh này. Thì giờ đâu mà đứng đó giải thích thế nào là một chủng sinh Đại Chủng Viện, thế nào là một Linh Mục và họ khác nhau ra sao! Điều cần nhất là chị tin tưởng để tôi có thể giúp chị và cháu bé là được rồi.

Vừa đùn xe, tôi vừa cúi xuống sát bên tai cô bé hỏi:

– Con có lạnh không?

Cô bé quay lên nhìn tôi bằng đôi mắt thiên thần, không trả lời, nhưng gật đầu khá sâu.

Không hiểu tại sao, cái gạt đầu của em làm nước mắt tôi tự nhiên tràn ra hòa lẫn với nước mưa chảy dài xuống ngực. Tôi để cho hai dòng nước mắt rơi tự nhiên và cúi đầu yên lặng đùn xe trong lúc một em bé xa lạ đang ngồi trên bình xăng, thân hình bé nhỏ đầy bùn đất của em đang run nhẹ trong vòng tay che chở của tôi. Người mẹ trẻ bước đi kể bên tôi một cách vất vả với đứa bé trên tay và cái giỏ có 2 con vịt trên vai. Thành thạo chị xúc nách lại đứa con trai ẵm trên tay.

Cháu bé lúc này đã hết khóc và cả hai con vịt cũng không còn kêu nữa. Có lẽ lúc này, em bé trên tay và hai con vịt cũng lên tiếng phụng họa với cô bé ngồi trên bùn, bây giờ cô nín thì phía kia cũng yên, một phần chắc cũng nhờ cơn mưa lúc này đã nhẹ hạt dần.

Xuống tới bờ sông, vì chiếc ghe nhỏ đã có sẵn mấy người, chỉ có thể chở thêm vài người nữa, không còn chỗ cho xe gắn máy của tôi. Tôi dựng xe xuống để đưa em bé lên thuyền máy với mẹ em. Nhưng đất mềm quá không dựng chân xe được. Sau một vài lần không dựng được xe, tôi phải nhờ một người đàn ông giữ xe giúp, rồi ẵm cháu gái xuống ghe đặt ngồi bên mẹ em. Người đàn bà nở nụ cười thật uoi: “Con cảm ơn Cha! Tôi không đáp lại và cũng không đấm chánh. Tôi đưa tay vuốt tóc cô bé và nói: “Con đi cho ngoan, đừng khóc nữa”. Vừa nói tôi vừa lùi trở lên bờ trong khi cô bé nhìn tôi, gạt đầu, giống như lúc này khi tôi hỏi em “con có lạnh không?”

Khi chiếc ghe có gắn máy đuôi tôm tách ra khỏi bờ sông, người đàn ông và em bé gái vẫy tay chào tôi và chị cũng cầm tay cháu bé trai đưa lên vẫy theo trong tay chị. Tự nhiên, tôi cảm thấy một chút mát mát khi phải chia tay với những con người xa lạ này. Tôi đứng tần ngần trên bờ, đợi chuyển sau và nhớ lời chị nói: “con cảm ơn Cha.” Thực ra, tôi phải cảm ơn chị và cháu bé mới đúng vì cuộc gặp gỡ bất ngờ này cho tôi hiểu rõ hơn về hoàn cảnh đồng bào tôi trong thời chiến tranh và nhờ đó, tôi thương cho số phận đồng bào tôi nhiều hơn.

Từ đó, tôi không bao giờ gặp lại người đàn ông và hai em bé đó nữa. Thực ra, cho dù có gặp lại, chúng tôi cũng chẳng nhận ra nhau vì trong lần gặp nhau ở cầu Bến Lức đó, đâu có ai nhận rõ được gương mặt của ai! Riêng hai cháu bé lúc đó còn quá nhỏ và cô chị thì lại bùn đất bám đầy người, lại càng khó nhận ra hơn.

Ngồi trên xe gắn máy chạy ngon trớn, vừa suy nghĩ miên man, không mấy chốc tôi đã gần tới bắc Mỹ Thuận, cửa ngõ vào tỉnh Vĩnh Long. Tôi nhớ lại, con đường này trước khi người Mỹ tới Việt Nam là con đường nhỏ, hai bên toàn là cây cỏ và có nhiều đoạn dài không trải nhựa. Dù vậy, lúc đó nó cũng là “xa lộ công danh”, vì dưới thời ông Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống, có biết bao nhiêu ông bà, tai to, mặt lớn, đã theo con đường này đổ dồn về Vĩnh Long để “chầu” Giám Mục Ngô Đình Thục và cả vị Linh Mục trẻ, rất uy quyền, là Nguyễn Văn Tụ, làm Giám Đốc Trung Tâm Nhân Vị lúc bấy giờ!

Tình Cảnh Gia Đình

Sau khi qua bắc Mỹ Thuận, nhìn đồng hồ hãy còn sớm nên tôi ghé vào nhà người bạn ở Vĩnh Long.

Một phần để thăm gia đình người bạn, hơn nữa tôi cũng có việc khá quan trọng cần gặp anh để bàn qua. Lâu ngày bạn bè mới có dịp gặp lại nên ngồi chuyện trò khá lâu và gia đình người bạn mời tôi ở nán lại dùng cơm. Từ Vĩnh Long về nhà tôi chỉ còn hơn 30 cây số. Cơm nước xong tôi từ giã gia đình người bạn, chạy Honda theo tỉnh lộ về hướng Trà Vinh. Gia đình tôi nằm ở một làng quê tên là Hiếu Phụng trên con lộ này.

Tôi cố ý chạy xe chậm một chút để hưởng bầu khí mát lạnh trên con lộ vắng người trong buổi chiều tà. Khi tôi về tới nhà nhà thì trời đã chạng vạng tối, lòng tôi se lại khi nhìn thấy tình cảnh gia đình thật bi đát. Cha tôi mới mất 10 tháng trước, má đau yếu nằm một chỗ, ruộng đất gia đình bị tịch thu gần hết, nhà cửa rách nát tiêu điều. Một anh tôi vừa mới trình diện đi “cải tạo” theo diện sĩ quan, một anh khác kể tôi trước kia là Thượng Sĩ Hải Quân, có nhà cửa trong khu gia binh ở Thị Nghè, nay rã ngũ phải bỏ tất cả, ra đi mình không dẫn vợ con về quê cất chòi lá ở tạm ngay bên cạnh nhà tôi. Cộng Sản chiếm miền Nam chưa được bao lâu, nhưng họ đã “giải phóng” gia đình tôi gần như toàn diện!

Trong hoàn cảnh này tôi chỉ muốn ở lại phụng dưỡng mẹ già một thời gian, vì tôi biết là má tôi không còn sống được bao lâu nữa. Trong khi đó, tôi vẫn nghe ngóng theo dõi tin tức từ phía họ đạo ở Bến Tre. Tới ngày thứ tư, có người thân tín qua cho hay, chánh quyền xã Hiệp Hưng đã ra lệnh truy nã tôi vì rời xã quá thời hạn. Người này còn khuyên tôi đừng bao giờ quay trở lại, vì khi trở về sẽ bị bắt ngay. Tôi bắt đầu cảm thấy đang đi dần vào ngõ rẽ và nghĩ là tôi phải ra đi. Dù chưa biết là sẽ đi về đâu, nhưng tôi phải đi khỏi nhà vì không muốn má tôi chứng kiến những tình huống tệ hại sẽ xảy ra.

Ngay hôm đó, tôi nhờ người liên lạc với Cha Thạnh, lúc đó đang về thăm nhà tại họ đạo Mặc Bắc thuộc tỉnh Trà Vinh. Tôi dẫn Thạnh ghé qua nhà gặp tôi, trên đường về giáo xứ Quới Sơn của anh. Vừa nhận được lời nhắn của tôi, Thạnh vội vàng lên ngay, mặc dù anh chưa định trở về Bến Tre hôm đó. Gia đình tôi tiếp Thạnh rất niềm nở vì Thạnh là người bạn thân của tôi và thường ghé thăm má tôi và chị hai. Mọi người coi Thạnh như một thành phần trong gia đình và mỗi khi Thạnh ghé nhà là một dịp vui, trong những bữa cơm có Thạnh lúc nào trong nhà tôi cũng rân rân tiếng cười.

Trong lúc chị hai tôi giết gà làm cơm, tôi kéo Thạnh ra góc sân để nói cho anh biết về hoàn cảnh của tôi. Từ nhiều tháng qua, Thạnh là người duy nhất tôi giải bày hết mọi tình huống xảy ra ở họ đạo La Mã và cũng chính Thạnh đã rất nhiều lần tới chơi để hỗ trợ tinh thần tôi trong giai đoạn tôi gặp nhiều khó khăn đó. Hoàn cảnh tôi thì Thạnh không còn lạ gì nhưng hôm nay nghe tôi kể lại diễn tiến câu chuyện đã đi vào ngõ bí, Thạnh buồn rầu hỏi:

– Mày định đi luôn không quay trở lại nữa à?

Chúng tôi vẫn gọi nhau “mày tao” theo cách gọi thân mật của bạn bè người miền Nam. Tôi lắc đầu nói:

– Mày tính coi, tao quay lại đâu nữa bây giờ? Họ đạo thì tao đã bàn giao cho ông Quang rồi, còn ở nhà này thì tao không có hộ khẩu, vài ngày nữa họ cũng sẽ qua tìm tao thôi. Ở sao được mà ở?

Thạnh nghe qua biết là câu chuyện nghiêm trọng lắm. Anh trầm ngâm không nói năng gì. Trong lúc suy tư, Thạnh lần túi móc bao thuốc lá “Sài Gòn Giải Phóng” ra, rút hờ cho tôi một điếu, anh gắn một điếu vào môi và bật lửa bao diêm. Lúc đang mời thuốc cho tôi Thạnh hỏi:

– Bác Năm và chị hai biết chuyện này chưa?

Tôi rít một hơi thuốc thơm, ngược mặt lên nhả khói lắc đầu:

– Chưa! Tao không dám nói với má và chị hai. Má thì đang đau yếu quá, còn chị hai, có nói thì chị cũng thêm lo, ích lợi gì! Tao chỉ nói chuyện này với mày. Tao quên nói, hôm từ Bến Tre về tao có ghé qua nhà Khánh ở Vĩnh Long nhờ làm giúp tao tờ giấy đi đường giả, biết đâu có lúc sẽ dùng tới.

Thạnh vốn là người ít va chạm và không quen xoay xở trước nghịch cảnh, nên chỉ nghe tôi mà không có ý kiến gì. Thực ra tôi cũng không mong gì nơi Thạnh, tôi chỉ cần có người bạn hiểu hoàn cảnh tôi trong lúc này. Mọi việc sắp tới tôi đã tạm có kế hoạch trong đầu và tôi nhờ Thạnh một việc khác. Thạnh trầm ngâm hỏi:

– Việc này tao cũng chẳng biết tính sao. Mày nghĩ tao có thể làm được gì để giúp mày trong lúc này không?

Tôi cảm động vì câu hỏi của người bạn thân, mặc dù tôi biết là Thạnh không thể làm gì được để giúp tôi, nhưng tôi cố ý gặp Thạnh vì một chuyện khác. Tôi nói thẳng ý mình:

– Tao nghĩ là chưa cần mày giúp gì trong lúc này, nhưng điều quan trọng tao muốn gặp mày hôm nay là khi tao đi rồi, tao muốn nhờ mày thay tao thỉnh thoảng về thăm má. Má đang yếu quá tao sợ má không sống lâu. Nếu khi má mãn phần mà không có tao thì mày thay tao lo an táng và dâng lễ cho má. Tao chỉ mong có vậy thôi, mày hứa đi cho tao yên lòng.

Nghe tôi nói thế, Thạnh lộ vẻ xúc động trông thấy. Anh không lên tiếng nhưng quay mặt đi nhìn ra phía bờ lộ và khẽ gật đầu. Tôi nắm lấy bàn tay người bạn thân Linh Mục bóp mạnh thay cho lời cảm ơn. Cùng lúc đó có tiếng chị hai gọi từ hàng hiên nhà: “Hai chú Đực Mắm vô ăn cơm nè! Làm gì mà đứng rù rì ngoài đó?”

Chị hai vẫn gọi tôi cách trêu mếu là “Đực Mắm”, đó là tên con trâu đực trong bầy trâu của gia đình ngày tôi còn nhỏ đi chăn trâu. Hồi nhỏ tôi mập mạp tròn trịa giống như con trâu đực Mắm, và chị hai cứ thế mà gọi tôi là “thằng Đực Mắm”. Lúc đầu tôi cự nự không chịu cái tên đó, nhưng dần dần rồi cũng quen. Về sau này lớn lên, khi tôi đã làm Linh Mục rồi, chị vẫn gọi tôi bằng cái tên thân thương đó trong chỗ riêng tư ở gia đình. Vì Thạnh là bạn thân của tôi và chị coi Thạnh như người em nên chị cũng gọi Thạnh là “Đực Mắm” luôn cho tiện, mặc dù Thạnh gầy ốm không giống con Đực Mắm thật chút nào. Cả hai chúng tôi rất thích cái tên ấy. Có nhiều lần viết thư cho chị, tôi ký tên là “Đực Mắm!”

Trong lúc ngồi ăn chúng tôi cố giữ vẻ tự nhiên như không có gì xảy ra, mặc dù trong lòng tôi nghĩ có

thể đây là bữa ăn cuối cùng tôi còn ngồi ăn chung mâm với má tôi, và có thể là với tất cả mọi người trong gia đình.

Sau bữa ăn, tôi nhặt một ít đồ đạc cho vào cái túi xách bằng ny-lon màu đỏ. Tôi từ giã mẹ già và chị ra đi, nói là đi Sài Gòn ít hôm rồi sẽ trở lại. Tôi ngồi trên xe gắn máy của Thạnh, rời nhà ra đi thẳng, không dám quay đầu lại từ giã mẹ già. Lúc ấy mặt trời đã ngã về Tây. Tôi cỡi xe Honda, Thạnh ngồi phía sau, chúng tôi yên lặng không ai nói câu gì trên đoạn đường hai cây số gồ ghề đá sỏi từ nhà tôi ra lộ cái. Ra tới ngã ba dẫn vào tỉnh lộ, tôi rẽ về phía trái và trực chỉ về hướng Vĩnh Long, để rồi từ đó sẽ lên Bắc Mỹ Thuận theo quốc lộ 4 đi Sài Gòn.

Xa Rời Điểm Tựa

Tôi ngồi trên xe gắn máy của Thạnh, rời nhà ra đi và không dám quay đầu lại từ giã mẹ già. Đó là lần cuối cùng mẹ con thấy nhau trên cõi đời.

Khi tới ngã ba Trung Lương thì trời đã xế chiều. Ngã ba Trung Lương với nhiều hàng quán, nơi tôi vừa đi qua mấy ngày trước, là nơi quốc lộ 4 rẽ vào hai tỉnh Mỹ Tho và Bến Tre. Chúng tôi vào một quán nước ngồi nói chuyện một lúc. Sau khi rời quán và cùng đứng chờ xe trước giờ chia tay, gương mặt Thạnh lộ vẻ u buồn và cả hai không ai nói với ai một lời.

Khi có chiếc xe lô từ xa chạy tới, Thạnh một tay giơ lên đón xe, trong lúc tay kia cho vào túi quần vớ số tiền giấy, có tờ đã nhàu nát, ấn tất cả vào tay tôi và nói bằng giọng đứt quãng xúc động: “Mày cầm lấy, tao biết mày sẽ cần. Đi bình yên gặp nhiều may mắn, khi nào có dịp nhớ liên lạc về tao. Thôi mày đi!”.

Sau câu nói, Thạnh quay nhanh và đi lại chiếc xe gắn máy đang dựng trước cửa quán, quên cả bắt tay từ giã tôi và cũng chẳng cần nghe tôi nói. Tôi hiểu Thạnh quay đi để che giấu sự xúc động. Tôi nhét tờ tiền vào túi quần, bước vội lên xe vừa thắng gấp bên lề, tôi nhìn Thạnh nói lời từ giã: “Mày ở lại mạnh giỏi, cầu nguyện cho tao. Nếu còn sống, sẽ có ngày gặp lại.” Tôi bước lên xe như một người máy!

Đây là lần đầu tiên tôi ra đi nhưng chẳng có một nơi đến cố định, thật ra lúc bấy giờ tôi cũng chẳng biết mình sẽ ở đâu và làm gì sau khi tới Sài Gòn. Tôi nghĩ thầm là mình đang cất bước vào ngã rẽ của cuộc đời. Tự nhiên tôi có cảm giác nhẹ nhàng và sáng khoái của người vừa trút bỏ một gánh nặng. Tôi hoàn toàn tự do, không còn bị ràng buộc bởi trách nhiệm như trước đây.

Từ đây, tôi có thể đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ chuyện gì và có thể lẩn xả vào bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống. Nhưng rõ rệt hơn vẫn là tâm trạng bất an. Tôi bỗng thấy mình giống như con thú bị săn đuổi phải chạy ra khỏi khu rừng âm u là nơi trú ẩn an toàn và đang phơi mình trên một quãng đồng trống có nhiều thợ săn và cạm bẫy vây quanh. Tôi cũng biết là mình có thể lãnh nhận cái chết bất cứ lúc nào và bằng kiểu gì!

Nói tóm lại, tất cả đều có thể, kể từ lúc tôi bước chân lên xe và bỏ tất cả quá khứ lại phía sau, một quá khứ nhiều biến động của 33 năm cuộc đời, trong đó có sáu năm là Linh Mục. Tôi bắt giác tự nghĩ thầm: “Từ nay cuộc đời tôi đi vào nơi vô định! Hôm nay là ngày đầu tiên, hãy ghi nhớ lấy. Cuộc đời rồi sẽ ra sao trong thời gian tới? Hãy cố gắng ghi nhớ từng ngày, từng sự việc và nếu sau này còn sống, phải viết lại như một vở kịch mà đây là màn đầu”.

Bước Thời Gian

Lúc tôi đang ngồi nhắm nghiền mắt tựa đầu vào thành ghế khá cao của xe lô Minh Chánh, bất chợt những hình ảnh xa xưa từ thửa ấu thơ lại hiện về và nhảy múa trước mặt tôi.

Tôi sinh ra và lớn lên trong thời kỳ chiến tranh ở vùng quê thuộc tỉnh Vĩnh Long, miền đồng bằng sông Cửu Long. Cha má tôi làm nghề nông và có năm người con, một gái đầu và bốn trai tiếp theo mà tôi là con út trong nhà. Chị cả tôi, trong Nam gọi là chị Hai, lớn hơn tôi mười lăm tuổi. Vì là con gái lớn trong gia đình nên chị tôi rất vất vả lo lắng việc nhà cửa và chăm lo cho các em, nhất là tôi. Do đó, tôi rất thương và gần gũi với chị mà tôi coi như một người mẹ thứ hai.

Gia đình tôi theo đạo Công Giáo tới tôi là đời thứ ba và sống trong một khu vực đồng người có đạo quây quần chung quanh ngôi thánh đường trong làng, có tên là Nhà Thờ Bưng Trường. Lúc đó họ đạo Bưng Trường này chỉ là họ nhỏ nên không có Linh Mục coi sóc và trực thuộc vào họ đạo Mai Phốp cách đó 4 cây số. Trung tâm thế giới tuổi ấu thơ của tôi là ngôi nhà thờ này cùng với những buổi đọc kinh, những dịp lễ, những lần bọn trẻ con chúng tôi quét dọn và làm cỏ chung quanh nhà thờ.

Phía bên ngoài đầu nhà thờ có một đồng đá xanh thật to nằm dưới gốc cây xoài lão trơ nhiều cành khô. Có lẽ đồng đá xanh này còn dư lại sau khi xây nhà thờ và được chất vào đấy xem chừng đã lâu nên cỏ mọc um tùm chung quanh. Bên cạnh đó có đám ngải thật cao và nhiều hoa. Tôi thường cắt những hoa ngải to và rất thơm này đem chưng trên bàn thờ Đức Mẹ. Mùi thơm của hoa ngải làm tôi nhớ mãi. Sau này khi lớn lên, bất cứ nơi nào vô tình có mùi hoa ngải là tôi lại nhớ đến những bông hoa ngải tôi chưng trên bàn thờ Đức Mẹ năm xưa. Trong thế giới của tuổi ấu thơ, tôi cũng còn ghi đậm nét hình ảnh của các nữ tu Dòng Mến Thánh Giá Cái Môn sống trong ngôi nhà nhỏ bên cạnh nhà thờ.

Chúng tôi gọi các nữ tu rất dễ thương và đầy hy sinh này là các Dì. Nếu lớn tuổi thì chúng tôi gọi là Bà. Lúc nào cũng chỉ có hai Dì ở trong ngôi nhà đó để coi sóc nhà thờ và dạy học cho bọn trẻ con chúng tôi. Vừa dạy đọc dạy viết, vừa dạy giáo lý và các việc đạo hạnh. Tôi thấy cha má tôi và những người lớn tuổi khác trong vùng rất thương và kính trọng các vị Nữ tu này. Còn bọn trẻ chúng tôi thì khỏi phải nói, vừa thương lại vừa sợ các Dì. Các Dì thương trẻ con, hay cho chúng tôi bánh kẹo, nhưng cũng hay cho ăn đòn. Nếu có lỗi, các Dì bắt xòe bàn tay ra và dùng thước kẻ khê vào đó. Con gái ít khi bị đòn nhưng bọn con trai, nhất là tôi thì gần như không ngày nào là không được “ăn” vài cây thước kẻ vào lòng bàn tay. Thật đúng với câu: “Nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò!”

Khi vừa đủ trí khôn, tôi đã bắt đầu quen với tiếng súng tiếng bom và hình ảnh của chiến tranh. Những hình ảnh tôi ghi nhận đầu đời, trong đó có những người lính Pháp phần đông là da trắng, cũng có một số ít da đen mà người ta gọi là tây trắng, tây đen. Tiếng họ nói tôi không hiểu, tôi cũng chẳng biết họ là ai và tại sao lại có mặt ở đây. Nói tóm lại, tôi chẳng biết gì về người Pháp lúc bấy giờ, chỉ biết là họ cao lớn, mắt xanh, mũi nhọn và họ có uy quyền hơn người Việt Nam. Tôi rất sợ mỗi khi trông thấy họ, nhưng tôi sợ tây đen hơn tây trắng. Tôi cũng có nghe biết rất sớm hai tiếng Việt Minh và tôi cũng sợ họ không kém gì sợ tây trắng tây đen.

Lúc đó, tôi chưa đủ trí khôn nên không biết gì về tình hình đất nước, chỉ biết là đang có chiến tranh, có tiếng súng, có người chết. Tôi thấy có khá nhiều xác chết trôi sông nhưng không biết họ là ai, và ai đã giết chết họ. Bọn trẻ chúng tôi thường gọi nhau chạy xuống bến sông phía sau nhà thờ để coi những xác chết trôi qua mà chúng tôi gọi là “thằng chổng”. Tại sao gọi những xác chết trôi sông là “thằng chổng” thì tôi không biết. Có lẽ vì những xác người đó hầu hết đều úp mặt xuống và chổng mông lên trời nên chúng tôi gọi là thằng chổng.

Suốt tuổi ấu thơ tôi đã thấy rất nhiều “thằng chổng” trôi ra trôi vào theo con nước trên dòng sông, ruồi nhặng bu quanh hàng đàn. Có xác trôi riêng, có xác trôi lẫn lộn với những dề lục bình trên sông. Thỉnh thoảng lại có những xác chết trôi không đầu. Nhiều lần tôi thấy những xác bị trói hai tay về phía sau. Có xác mặc áo, có xác cởi trần. Đủ hình, đủ kiểu và đủ dạng xác chết trôi. Ánh nắng mặt trời làm những xác người chết này bị cháy nám đen.

Có lần “thằng chổng” tấp vào ngay dưới bến nhà thờ. Bọn trẻ con chúng tôi ùa chạy ra coi. Thậm chí có đứa lấy đất ném! Những lần như thế chỉ có bọn con trai ra bờ sông coi, còn con gái nhát đảm chẳng đứa nào dám ló mặt. Khi biết bọn tôi nghịch, Di Phước la rầy bắt chúng tôi trở vào và gọi những người lớn giúp đẩy xác chết ra xa cho trôi theo dòng sông. Sau đó Di bắt chúng tôi vào nhà thờ và dạy cho biết là không được nghịch ngợm đối với các người đã chết như vậy, nhưng phải biết thương và cầu nguyện cho linh hồn những người bất hạnh đó.

Ngoài ngôi nhà thờ ra, tôi chỉ còn thấy được hai thứ khác bằng gạch đá. Đó là cái cầu cống ngay sau nhà các Di và cái ống bọng rất to, được đặt ngang dưới mặt đất của con lộ đá cách đó không xa. Ống bọng này, có lẽ tới hơn thước đường kính dùng để dẫn nước từ đập nhà thờ vào con kinh phía trong và đưa nước lên cánh đồng. Nó được đúc bằng loại đá trứng, tức là loại đá tròn nhẵn màu trắng đục và nhỏ như trứng chim cút.

Sở dĩ tôi nhớ cái ống bọng này vì bọn trẻ con thường tới đó tắm và ngồi trên ống bọng chơi mỗi khi nước cạn. Khi nước đầy chúng tôi không dám xuống vì lúc nước ròng chảy ra sông rất mạnh. Nước rút vào ống bọng tạo thành một lỗ tròn xoay tít, kéo các dề lục bình chìm xuống và chui ngang qua ống cống ra phía bên kia. Có khi từ lỗ nước xoáy đó còn phát ra tiếng hú làm cho lũ trẻ nghe thấy mà kinh hồn.

Chị Hai tôi vẫn cấm tôi không được bén mảng tới cái cống đó lúc nước lên. Chị còn bảo là bên trong cái ống bọng đó có một vĩ sắt chặn ngay khoảng giữa, và đũa trẻ nào bị ống bọng hút vào sẽ bị kẹt chết ngộp trong đó. Điều chị nói làm lũ trẻ sợ. Để tìm hiểu, có những lần tôi ném những dẻ lục bình bên này thì thấy ống cống hút vào và nhả ra bên kia, như vậy làm sao có cái vĩ sắt chặn bên trong được! Mặc dù đã thí nghiệm như thế nhưng tôi vẫn tin vào lời chị tôi nói. Cho tới một hôm nước ròng cạn và cái ống bọng to tướng đó nằm bên trên mặt nước, tôi tò mò bước xuống nhìn vào và thấy bên trong cái ống bọng trống rỗng từ bên này qua bên kia. Lúc đó tôi mới biết là chị tôi nói vậy để dọa đám trẻ con đừng có bén mảng tới chỗ sông sâu nước chảy này.

Còn cái cầu cống sau nhà Dì Phước là cây cầu bằng xi măng bắc qua mảnh vườn trồng rất nhiều xoài của nhà dòng. Cầu cống này được xây khá cao theo hình vòm cung để các xuồng ghe có thể chui qua được. Dưới chân cống có những vòng bằng sắt nhô ra và bọn trẻ con hay bám vào các thanh sắt đó khi tắm. Chỗ này lúc nào cũng đầy nước nhưng không chảy mạnh và không nguy hiểm như ở miệng ống bọng dưới lộ đá.

Con lộ đá rộng bằng ngang trước cửa nhà thờ và chạy dài ra đường liên tỉnh cách đó hai cây số. Từ lộ đá xuống tới bờ sông chừng vài trăm thước là khu vực có nhà cửa. Bên kia lộ là cánh đồng. Có nơi đã được khai phá cấy lúa nhưng rất nhiều chỗ còn bỏ hoang, cỏ lác và lau sậy mọc um tùm. Tôi không nhớ thấy xe hơi chạy trên con lộ đó, mặc dù có thể chạy một lúc hai chiếc xe cũng được.

Tuy nhiên tôi nhớ có lính tây và lính ta đi từng tốp khá đông dọc theo lộ. Tôi nghe nói là họ đi “ba-trui”, nhưng tôi không hiểu đi “ba-trui” là đi đâu và tại sao ở nhà không ở mà lại đi “ba-trui” làm gì! Những lần có người đi “ba-trui” như vậy, các Dì Phước thường giữ trẻ con lại trong nhà thờ, không cho chạy chơi ngoài lộ đá như chúng tôi vẫn thường chơi lúc tan học hay trong giờ nghỉ xả hơi giữa các giờ học.

Dọc theo hai bên vệ đường có trồng nhiều cây cách quãng khá đều mà người ta gọi là cây “dái ngựa”! Đây là loại cây to và cao, cành lá xum xuê, gốc cây cỡ bằng vòng tay ôm của người lớn. Cây có những trái màu xám to như cái bắp chuối, phình ở đầu và tóp lại phía cuối. Có lẽ vì cái hình dạng của trái cây trông giống như cái “dái ngựa” nên người ta dùng đặt tên cho cây đó, mặc dù tôi cũng chưa bao giờ thấy “dái ngựa” thực sự nó ra làm sao! Trái có vỏ rất cứng, đập ra bên trong có nhiều hạt to bằng hạt mít nhưng không ăn được. Bọn trẻ con không đũa nào có thể trèo lên cây này, nhưng mấy anh lớn thì leo lên được và thỉnh thoảng bẻ trái ném xuống cho chúng tôi nghịch. Có những quả to gần bằng cái đầu của tôi lúc bấy giờ.

Ơn Sinh Thành Dưỡng Dục

Trong những năm đầu đời này chỉ có hai nơi mà tôi còn nhớ được nhiều kỷ niệm. Đó là trong gia đình tôi và ngôi Nhà Thờ. Với các anh trai, tôi không nhớ được kỷ niệm nào, nhưng riêng chị Hai là người để lại trong tôi nhiều tình thương và kỷ niệm nhất. Cha tôi là người nghiêm nghị, rất đạo đức và có cuộc sống gương mẫu cho anh chị em chúng tôi. Má tôi ốm yếu và nghe nói là bị trận đau gần chết

sau khi sanh tôi. Nghe như vậy tôi càng thương má nhiều hơn.

Đối với cha má tôi, việc đọc kinh tối sớm trong gia đình là một quy luật và không bao giờ được bỏ qua. Mỗi tối trước khi đi ngủ cả nhà phải ngồi ngay ngắn trước bàn thờ để đọc kinh. Các tối ngày thường thì đọc kinh tắt, nhưng thứ Bảy và Chúa Nhật thì lần chuỗi, và như thế buổi kinh sẽ dài hơn. Không hiểu làm sao lúc đó tôi rất sợ các buổi đọc kinh này. Có lẽ đối với tuổi thơ, đọc kinh như thế quá dài và mệt nhọc, nhất là trẻ con thì hay buồn ngủ. Khi đọc kinh các anh chị tôi phải ngồi trên ghế ngay ngắn, còn tôi vì còn bé nên ngồi xếp bằng bên cạnh má trên bộ ván ngựa.

Chị Hai tôi là người quán xuyến việc nhà cửa và lo cho các em, nhất là cho tôi. Sau này lớn lên tôi biết là má tôi bị đau tim nặng nên không làm được việc nhà vì thế vai trò của chị Hai càng nặng nề hơn. Lúc nhỏ tôi hay bị ăn đòn và chị Hai là người đánh tôi nhiều nhất, nhưng chị đánh không đau, chỉ giơ thẳng bàn tay ra vả tôi nhẹ như đuổi muỗi. Dù vậy tôi cũng giả vờ kêu lên để chị vui và tưởng là cú đòn có hiệu quả. Tôi bị chị đánh nhiều nhất là tội ở dơ và thường tắm lợi dưới ao bên hè nhà, chị gọi không chịu lên, hoặc lên mà lên trễ. Chị có thói quen vừa nắm cánh tay tôi vừa mắng: “Coi mặt mày mầy nè, mầy ở dơ như tù!” Miệng nói tay kia giơ lên cao và vánh bàn tay lên dọa nạt.

Thấy thế, tôi lấy hai tay che mặt và cúi rụt người xuống né tránh. Trong mười lần dọa thì chín lần chị dừng tay. Trừ ra trường hợp nghiêm trọng thì chị vả cho mấy cái, nhưng toàn trúng vào hai bàn tay của tôi nên những cú đòn đó cũng chẳng có ép-phê gì! Thỉnh thoảng má cũng đánh đòn tôi, phần nhiều là đánh bằng roi. Má bắt nằm sấp cúi mặt xuống bộ ván ngựa. Và mỗi lần má đánh đòn đều có thủ tục khá lâu. Má cầm roi bằng một que tre nhỏ, nhip nhip hàng chục lần vào mông thẳng bé và bắt đầu kể đủ mọi thứ tội của tôi ra, kể từ tội “tổ tông” trở xuống. Sau khi xong thủ tục, má tôi hỏi:

– Như vậy mầy muốn mấy roi?

Tôi nằm yên trả lời:

– Con muốn hai roi!

Má tôi cầm roi nói:

– Không được, tội này phải năm roi.

Có mấy lần tôi mặc cả xin bớt nhưng không mấy khi có kết quả, nên về sau tôi không xin bớt nữa và nằm yên chịu đòn. Má đánh không đau, vì roi là nhánh tre nhỏ như chiếc đũa và khi cảm thấy có triệu chứng ăn đòn thì tôi đã mặc thêm một lớp quần nữa rồi, nên tiếng roi nghe khá mạnh mà không đau nhiều. Dù vậy nhận đòn xong tôi cũng xoa mông, vừa khóc vừa quỳ xuống chấp tay: “Lạy má, con không dám vậy nữa!” Má tha, nhưng cầm roi chỉ theo và nói: “Đánh cho mầy chừa tội!” Nhưng rồi mấy hôm sau chứng nào vẫn tái ấy.

Thường thì má tôi chỉ đánh qua loa để dạy con, nhưng cái tội nặng nhất mà tôi phải ăn đòn đau là tội

hỗn với chị Hai. Không phải chỉ riêng tôi mà mấy anh lớn của tôi cũng vậy, nếu hỗn với chị Hai là bị má tôi cho ăn đòn đau đến nơi đến chốn. Có lẽ má cũng gián tiếp xác định vị trí và uy quyền của chị Hai trên đám anh em chúng tôi. Cha tôi chẳng mấy khi đánh con. Dù vậy trong nhà anh chị em tôi sợ cha hơn là sợ má. Còn chị Hai thì khỏi phải nói, dù sợ hay không sợ thì ngày nào tôi cũng phải qua tay chị. Nhất là chiều tối lúc chị tắm kỳ cọ cho tôi, lần nào cũng mắng: “Coi nè, mậy ở dơ như tù!”. Không lần nào chị không nói câu đó.

Các Nữ Tu

Ngoài gia đình với nhiều kỷ niệm của tuổi thơ, còn có cái nhà “bánh ít” phía sau nhà thờ là nơi tôi có nhiều kỷ niệm nhất trong sáu năm đầu cuộc đời. Sở dĩ gọi là “nhà bánh ít” vì nó trông giống như một cái bánh ít, nằm dính vào sau nhà thờ dùng làm nơi nghỉ ngơi cho cha sở khi lên thăm họ nhỏ và lúc khác thì kê bàn cho các Dì dạy trẻ con.

Các nữ tu này mặc áo dòng đen từ cổ tới gót chân, trên đầu lại có cái lúp đen phủ xuống tới lưng và bên trong có bọc vải trắng che cả đầu và tai. Như thế chỉ từ trán trở xuống tới cổ và hai bàn tay là không che kín. Khi các Dì đứng chúng tôi không thấy cả bàn chân, nhưng khi ngồi thì thấy bàn chân mang guốc. Việc dạy học chẳng có trường lớp gì, chỉ dạy nhìn mặt chữ trong cuốn vắn có hình con rùa và con thỏ ngoài bì.

Các Dì được sự tin cậy thương mến và kính nể của bà con trong vùng. Còn chúng tôi xem các Dì như những người mẹ trong gia đình. Các Dì dạy dỗ, sửa phạt và đánh đòn chúng tôi nhưng chẳng ai lấy thế làm phiền. Nói cho cùng, chúng tôi cũng đáng bị ăn đòn lắm! Tôi còn nhớ có lần tôi bị Dì Ba phạt vì tội ăn vụng cơm rượu, có nơi gọi là rượu nếp. Dì Ba có một hũ rượu nếp để trong nhà bếp. Tôi thèm quá, nhân lúc Bà lên nhà thờ, tôi bóc ăn gần một phần ba hũ, chẳng may bị cô em họ tên là Sương bắt gặp và “báo cáo”! Bà Ba không đánh nhưng trói tay tôi lại và cho ngồi chung với con gái trong “nhà bánh ít” cho tôi xấu hổ vì tội ăn vụng!

Ngoài giờ học, bọn trẻ con chúng tôi thường ở chơi trong nhà các Dì và được các Dì cho ăn bánh, ăn xoài... Lúc bấy giờ vườn các dì có rất nhiều xoài và những trái cám này đã trở thành cơn cám dỗ triền miên. Nhiều đứa trong bọn trẻ bị ăn đòn cũng vì chọi xoài và lén bẻ xoài còn non. Các Dì lúc nào cũng bảo chúng tôi chờ cho xoài chín sẽ hái cho ăn, đừng ném đá rụng hết. Nhưng chúng tôi làm gì có đủ kiên nhẫn chờ cho xoài chín! Biết đời thuở nào nó mới chín trong khi mỗi ngày đi học băng qua vườn xoài, lúc nhìn lên những trái xoài treo tòn ten là đã thèm nhỏ dãi!

Chân Trời Mới

Tôi sống với kỷ niệm êm đềm đó tới năm 1949. Năm đó tôi tròn 6 tuổi và cũng là năm gia đình tôi phải tản cư về gần họ đạo Mai Phốp nơi có cha sở cai quản, lúc bấy giờ là Cha Lê Vĩnh Trinh.

Dĩ nhiên, lúc đó tôi không biết tại sao phải tản cư. Cho tới nay, tôi chỉ còn nhớ được hai việc trong cuộc

tản cư này. Việc thứ nhất, tôi được đặt ngòi trên chiếc bè mà cha tôi đã kết lại bằng gỗ, được tháo gỡ ra từ nhà cũ và thả trôi theo dòng sông 2 cây số ra tới Cầu Vĩ. Ở tạm tại đó một thời gian, rồi từ đó mới theo lộ xe hơi đi thêm 2 cây số để tới chỗ ở mới gọi là Cầu Đá, và từ đây còn cách nhà thờ Mai Phốp thêm 2 cây số nữa.

Việc thứ hai là khi tới Cầu Vĩ, gia đình tôi ở nhờ một gia đình lạ trong một thời gian ngắn, tôi không còn nhớ bao lâu. Một hôm bà chủ nhà này làm bánh bò, tức là cho bột lỏng có đường vào trong các lon sữa bò hoặc lon cá mè rồi cho vào nồi hấp cách thủy. Khi chín, bánh sẽ phồng lên rất thơm và hấp dẫn, bên trong có những lỗ trống nhỏ và dài thẳng lên gọi là “rễ tre” vì nó tua tủa giống như chùm rễ tre.

Hôm đó má tôi đi vắng và tôi ngồi cạnh nồi hấp chờ đợi và thèm thuồng. Nếu má tôi có ở nhà, chắc hẳn bà chẳng đời nào cho tôi ngồi chực như vậy. Tôi vẫn nghĩ giống như những lần má tôi làm bánh, trước sau gì tôi cũng được ăn! Khi bánh chín, bà chủ nhà mở nắp vung ra, hơi bánh bốc lên thơm ngào ngạt, làm nước miếng tôi tuôn ra cuộn cuộn. Cặp mắt bé thơ của tôi nhìn gần như muốn thủng lỗ và làm thành “rễ tre” trên mặt mỗi cái bánh bò. Nhưng! Ôi chữ ‘nhưng’ thật quái ác. Bà chủ nhà vô tình chậm rãi lấy từng chiếc bánh ra khỏi nồi hấp, để cho nguội, xếp vào mẹt, đẩy lại và... mang đi bán! Tôi ngán người tiếc rỏ vì chẳng được một chiếc bánh nào. Mấy chục năm sau, tôi vẫn còn nhớ kỷ niệm đau thương của tuổi thơ nghèo đói trong lúc tản cư này.

Trong đợt tản cư đó, gần như mọi gia đình Công Giáo đều bỏ làng ra đi. Một số xuống Mai Phốp là một làng lớn, có khu vực người Pháp đóng, có chợ búa, nhà thờ, có cha sở, có trường học của nhà thờ và cả trường chính phủ mà lúc đó chúng tôi gọi là trường làng. Một số ít khác, trong đó có gia đình tôi thì tạm cư ở Cầu Đá, nằm cách Mai Phốp hai cây số cũng trên con đường liên tỉnh nối liền Vĩnh Long và Trà Vinh. Cầu Đá lúc bấy giờ là một ấp nhỏ, dân cư thưa thớt, không có trường học hay chợ búa gì. Tất cả mọi thứ sinh hoạt đều phải xuống Mai Phốp.

Sở dĩ có tên Cầu Đá vì trên tỉnh lộ có cây cầu bằng đá bắc ngang qua con sông nhỏ. Con sông này bề ngang chỉ độ mười thước, nối từ sông cái chạy dài vào cánh đồng ruộng bên trong. Dân chúng cất nhà dọc theo hai bên bờ sông rất đông. Con sông nhỏ này là nguồn cung cấp nước cho dân chúng sinh sống và trồng trọt, nhất là cho nhà nông làm mùa. Vì là sông đào nên nước lớn thì ngập cao đầu người, còn nước ròng thì cạn chỉ ngang đầu gối, có thể xắn quần lên cao và đi bộ qua bên kia được. Có những con nước rọt, đáy sông cạn queo, chỉ còn tới ngang mắt cá chân. Những lúc đó nhiều người thường be bờ tát nước bắt cá.

Con sông này tuy nhỏ và cạn nhưng cá thì nhiều vô kể. Khi nước lớn, cá nước ngọt từ ngoài sông cái theo dòng lợ vào sông nhỏ và lên ruộng kiếm ăn. Nước ròng lại trở ra sông cái, nhưng ra chưa tới nơi đã có đoàn người lợ xuống xúc cá, nôm cá, lưới cá, mò cá... Mùa mưa nước ngập thì cá lên sống tràn lan trên cánh đồng bát ngát bao la và sinh sản ở đó. Đến mùa khô cá rút xuống sông hàng đàn hàng

đồng. Có những vùng đất hoang, nước ngập quanh năm và cá sống ở đó từ năm này qua năm khác sanh sôi nảy nở.

Cái Thú Nhà Quê

Tuổi trẻ tôi lớn lên trong cánh đồng ruộng mênh mông về mùa nào cũng có cá, chỗ nào cũng có cá. Ban ngày thì bắt cá theo ban ngày, ban đêm thì cầm đèn ra ruộng đi soi bắt cá ban đêm. Nhất là về mùa khô, trên ruộng bắt đầu cạn nước, đàn cá sau một năm tung hoành và sinh sản trong ruộng lúa, bắt đầu tìm đường ra sông.

Chính lúc này những người mê cá như tôi hoạt động hăng hái nhất. Cách bắt cá nhanh và đơn giản nhất là móc hàm chặn ngang đường cá đi. Ban đêm cá tới đó bị chặn ngang, bực mình lấy đà phóng và rơi ngay vào hàm. Sáng ngày anh em chúng tôi chỉ việc lấy bao tải hốt cá vào và ề cỗ gánh về nhà làm mắm. Lúc đó cả làng ai cũng kiếm được cá nên ăn không hết và cũng chẳng bán cho ai được. Do đó nhà nào cũng làm một hũ mắm cá để khi mùa khan hiếm cá thì có mà ăn.

Ngoài cá ra còn hai thứ khác cũng làm tôi chết mê chết mệt là chim và chuột đồng. Chuột sanh sôi nảy nở rất nhiều và rất nhanh trên các cánh đồng lúa, nhất là sống trong vùng đất hoang vu chưa khai phá. Cái thú nhà quê của đứa trẻ con nhà nông như tôi biến quăng đời thơ ấu đó thành chuỗi ngày thần tiên. Dần dần tôi đã trở nên một “chuyên viên” trong việc đánh bắt cá, bắt chim và bắt chuột lúc nào tôi cũng không hay. Chẳng những tôi thích bắt chim bắt chuột mà còn phải làm sao tìm cách nào bắt cho hữu hiệu và nhiều hơn người khác. Kỹ thuật của tôi trong phạm vi này luôn được cải tiến.

Cha tôi cũng cất nhà trên bờ sông nằm cách đường lộ liên tỉnh chừng hai trăm thước. Bên cạnh đó cũng có vài gia đình bà con của tôi, còn lại hầu hết là những người đã làm ăn sinh sống ở đây từ lâu. Tôi bắt đầu giai đoạn mới của tuổi trẻ. Hàng xóm mới, bạn bè mới nên buổi ban đầu tôi rất bơ vơ lạc lõng ở xứ Cầu Đá xa lạ này. Cũng may là có gia đình Ông Tám ở cách nhà tôi không xa.

Ông Tám là em của bà Nội tôi cũng vừa tản cư trong đợt này. Ông Tám có người con út mà tôi gọi bằng chú tên là Hữu, chú út Hữu, chỉ lớn hơn tôi một tuổi nên hai chú cháu chơi với nhau từ nhỏ. Mặc dù hai chú cháu có nhiều lúc hục hặc nhau nhưng không thể nào thiếu nhau được. Nếu những năm đầu đời ở Bưng Trường tôi chỉ quanh quẩn trong khu vực nhà thờ và nhớ mãi về những xác chết trôi sông, thì về Cầu Đá này thế giới của tôi mở rộng hơn. Một phần lúc này tôi đã lớn hơn một tuổi và ở đây dân chúng đông hơn, nhờ đó tôi có nhiều bạn trẻ con cùng trang lứa.

Phần đông những đứa bạn này sống ngay cạnh nhà và thường rủ nhau bày ra đủ mọi thứ trò chơi của trẻ con như đánh đáo, bắn bi, làm nhà chòi... và nhiều thứ trò chơi khác mà trí tưởng tượng của chúng tôi lúc bấy giờ có thể nghĩ ra được.

Trong thời gian này nếu tôi say sưa với cá, chim, chuột và các trò chơi bao nhiêu, thì ngược lại tôi sợ đi học bấy nhiêu! Tôi đã phải ăn đòn không biết bao nhiêu vì sự tương phản quái ác này. Không biết

là may mắn hay rủi ro, khi gia đình tôi vừa về Cầu Đá thì cha sở Lê Vĩnh Trinh cho cất trường học ngay bên kia sông đối diện với nhà tôi bên này. Ngôi trường rộng rãi khang trang và lợp ngói này không phải cất bằng vật liệu mới, nhưng là mua lại một nhà cũ có lẽ vì tản cư phải bán đi.

Vì ngôi trường đối diện ngang nhà tôi và có cây cầu khỉ bắc ngang sông nên tôi nhớ rất rõ cảnh bà con trong làng đưa trâu tới kéo cộ đất đắp nền nhà trường và ngày khánh thành thật tưng bừng. Ngày đó dân làng tới tham dự rất đông. Có nhiều đồ ăn thức uống và bọn trẻ con chúng tôi cũng được ăn xôi với thịt gà.

Từ đó đám trẻ con trong vùng, cả người có đạo lẫn người ngoài đạo đều đưa con tới đó học với hai Di Phước Dòng Mến Thánh Giá Cái Môn từ nhà thờ Mai Phốp lên dạy học. Thời gian đầu bà con trong vùng phải cử các thanh niên sáng ngày đạp xe lúi chỏi chở các Di lên dạy, chiều lại đưa về. Nhưng về sau có lẽ vì quá bất tiện nên nhà trường được ngăn ra một phòng riêng và hai Di ở luôn trong trường Cầu Đá.

Chương trình học chưa được quy định hẳn hoi. Bọn trẻ trong trường được chia làm hai lớp, gọi là Lớp Lớn và Lớp Nhỏ. Hai lớp ngồi chung trong một nhà chỉ ngăn ra bằng một vách ván cao vừa bằng đầu một người lớn. Bên Lớn thì học Sách Phần, tức là sách Giáo lý, còn bên Nhỏ thì học vần, cũng là vần con rùa và con thỏ.

Tôi bắt đầu vào bên Nhỏ, và Di dạy chúng tôi đánh vần. Ngoài cuốn vần con rùa và con thỏ, trong lớp cũng có những tấm bảng vuông chừng một thước tây bằng giấy thật cứng, có đóng nẹp tre và quai bằng dây kẽm để treo lên tường. Trên bảng có in các chữ cái theo thứ tự A B C D Đ E Ê... thật to để chúng tôi nhận diện và đọc tên

Học lớp Nhỏ một thời gian tôi được đưa qua bên lớp Lớn. Lúc này chương trình cao cấp hơn là được học bản "cửu chương" tức là phép tính nhân và học sách phần, tức là sách Giáo Lý. Lúc bấy giờ sách vở viết bằng chữ quốc ngữ, nhưng âm hưởng của chữ nho.

Mỗi buổi sáng sau khi đọc kinh và trước khi bắt đầu giờ học là Di Phước "kêu sở", mà sau này gọi là điểm danh. Khi Di gọi tên ai có mặt thì lên tiếng "Dạ". Những người vắng mặt nhưng có nhờ bạn xin phép thì người bạn đó phải nói lý do tại sao nghỉ học. Em nào nghỉ mà không xin phép là trốn học, khi vào trường lại sẽ bị phạt quỳ gối đội tập. Con gái không đũa nào trốn học, chỉ có bọn con trai chúng tôi là phạm vào tội này. Hình phạt quỳ gối đội tập tuy không nặng nề nhưng nhục nhã trước mặt bạn bè.

Sợ Trường Học

Hàng ngày tôi vẫn phải cắp sách lần theo cầu khỉ trước nhà qua bên kia sông đi học, trong khi có mấy đứa bạn cùng tuổi lại không đi học, được tự do chạy nhảy, rượt chuột, bắt chim, lượi cá trong cánh đồng ruộng sau nhà. Mấy đứa bạn này gia đình nghèo phải ở nhà làm ruộng giúp gia đình. Có mấy

đưa bằng tuổi tôi đi ở đợ chăn trâu cho những gia đình khá giả trong làng. Tôi phải cặm cụi trên những hàng chữ, những con số, những bài học thuộc lòng trong sách Giáo lý dài dằng dặc mà tôi cũng chẳng biết học để rồi làm gì?

Kèm theo việc học lại còn bị ăn đòn nữa. Hết ở trường bị Di Phước đánh vì nghịch ngợm và không thuộc bài, tới về nhà bị chị Hai đánh cũng chỉ loanh quanh từng ấy tội. Lúc đó việc đi học đối với tôi là một cực hình. Một tuần lễ tôi phải đi học 5 ngày cả sáng lẫn chiều. Thứ Năm và Chúa nhật được nghỉ. Các ngày trong tuần của tôi được chia ra làm ba loại và mang các màu khác nhau:

- Thứ Năm: màu hồng vì được nghỉ cả ngày.
- Chúa Nhật: màu xanh, được nghỉ nhưng phải đi nhà thờ.
- Các ngày còn lại: màu đen, không cần phải nói lý do!

Vì cái tội ham chơi và lười học, nên tình trạng sức khỏe của tôi cũng biến thiên theo chu kỳ thay đổi màu sắc trong tuần. Nếu các buổi chiều thứ Tư, sau giờ tan trường về tôi thấy người mình đầy sinh lực, hăng hái và khỏe mạnh thì ngược lại các buổi sáng thứ Hai làm tôi mệt nhọc như không còn chút nhựa sống nào sót lại trong người.

Vào những ngày “đen”, quãng 7 giờ rưỡi sáng là có một hồi trống từ trường học vang lên, gọi là trống học, báo hiệu cho học trò tới trường. Một giờ sau Di Phước rung chuông bắt đầu vào lớp. Không hiểu tại sao mỗi lần nghe tiếng trống học là người tôi nóng ran lên và bắt đầu triệu chứng như bị sốt. Ngày nào cũng như ngày nấy, nghe tiếng trống học là tôi bệnh! Có khi chưa nghe tiếng trống mà chỉ vừa nghe hai tiếng nhịp rất nhẹ “thùng, thùng” của dùi trống chạm vào mặt trống trước khi bắt đầu hồi trống học là tôi đã bệnh rồi.

Tôi sợ đi học vô cùng, nhưng lại không dám trốn học vì đó là một trong những tội trọng không có trường hợp giảm khinh trong “bộ luật gia đình” của tôi. Mỗi tuần chỉ nghỉ được ngày thứ Năm, nhưng không hiểu tại sao ngày thứ Năm mặt trời lại lặn sớm hơn những ngày khác trong tuần. Hiện tượng này làm tôi cứ thắc mắc hoài. Máy đưa bạn học của tôi cũng nói như vậy, nhưng người lớn thì không thấy ai để ý điều đó.

Những ngày thứ Năm tôi được theo cha và anh tôi đi ruộng, buổi trưa được lừa đàn trâu 7 con của gia đình nhập với bầy trâu mấy chục con trong làng vào đất hoang, ở đó nhóm trẻ chăn trâu chúng tôi tha hồ bắt chim, tát cá, rượt chuột là một thứ hạnh phúc không gì sánh bằng. Lúc đó tôi nghĩ trời sanh tôi ra là để chăn trâu bắt cá và rượt chuột! Nhưng một tuần lễ chỉ có một ngày thứ Năm, tôi cầu mong cho có những ngày nghỉ bất thường, nhưng khó quá. Muốn nghỉ học mà không có can đảm để trốn học, tôi chỉ còn cách là cầu nguyện cho Di Phước dạy lớp tôi đau.

Từ đó tôi bắt đầu cầu nguyện theo ý này trong những đêm ngồi đọc kinh trong gia đình, “Xin Chúa cho

Dì Tư đau, đau càng lâu càng tốt, nhưng đừng chết, chỉ đau thôi!” Tôi kêu xin cả với Đức Mẹ giúp tôi trong việc này nữa. Nhưng khổ nỗi, tôi càng cầu thì Dì Tư càng khỏe mạnh, hồng hào và đẹp người ra! Có một lần hình như Chúa cũng nghe lời tôi kêu xin. Một hôm tôi thấy Y sĩ Bá Phước Đường là một đông y người Hoa ở chợ Mai Phốp lên trường tôi. Nghe nói Dì Tư đau nên rước thầy coi mạch hốt thuốc. Tôi mừng thầm trong lòng!

Chiều tối hôm đó tôi hỏi má vừa đi thăm Dì Tư về coi bệnh tình Dì ra sao. Má đâu có biết là tôi hỏi thăm không phải vì quan tâm tới sức khỏe của Dì Tư mà vì một ý đồ không lương thiện. Tôi gần như muốn nhảy cẫng lên khi nghe má nói Dì Tư đau khá nặng, người nóng ran đang nằm trùm mền sau khi uống thuốc bắc và cạo gió đỏ cả cổ và hai bên thái dương. Má tôi cũng nói có nhiều bà con trong làng tới thăm và cho nhiều cam và hột gà, vì trong vùng ai cũng thương quý các Dì Phước.

Mặc dù má tôi không nói nhưng tôi cũng đoán là ngày mai Dì Tư không dậy được và chúng tôi sẽ được nghỉ học. Viễn ảnh về một ngày màu hồng và được tung tăng trên cánh đồng phía sau nhà để bắn chim, câu cá, rượt chuột làm tôi vui sướng rộn ràng. Sáng hôm sau vẫn có tiếng trống học, nhưng tôi đoán là bên Nhỏ đi học còn bên Lớn tôi được nghỉ, mặc dù tôi chưa nghe nói tới chuyện này. Thấy gần tới giờ rồi nhưng tôi chưa chuẩn bị đi học, chị hai tôi giục:

– Còn thằng “quí nhỏ”! Sao tới giờ rồi mà chưa thay đồ đi học còn ngồi đó?

Chị Hai vẫn thường gọi tôi là “thằng quí nhỏ” và anh kè tôi là “thằng quí lớn”! Chắc là lúc đó anh em chúng tôi chẳng vừa gì. Tôi ngần ngừ trả lời:

– Bữa nay Dì Tư đau mà đi học gì!

– Thằng làm biếng! Ai nói cho mày là được nghỉ?

– Thì Dì Tư đau làm sao dạy được?

Chị tôi chỉ tay ra lệnh:

– Đi, đi mau, qua đó chừng nào Dì cho nghỉ thì về, đồ làm biếng!

Chi Hai tôi vẫn thường mắng tôi là “đồ làm biếng”. Chị mắng như vậy cũng không sai chút nào. Tôi buộc lòng phải thay đồ đi học và cảm chắc là khi qua trường rồi Dì sẽ cho về. Dì Tư làm gì đã ngồi dậy nổi mà dạy học! Trong lúc lần bước trên cây cầu khỉ, tôi vẫn thầm mong cho mấy đứa kia cũng ở nhà hết để việc được nghỉ học càng có cơ sở hơn. Khi qua tới cửa trường tôi buồn bã thấy gần như ai nấy đều có mặt đủ hết và chẳng có dấu hiệu gì sẽ được nghỉ. Gần tới giờ rung chuông tôi vẫn hy vọng coi có một dấu hiệu gì mang lại tin vui không, nhưng không có gì bất thường.

Tới giờ vẫn rung chuông, vẫn đọc kinh như thường lệ, nhưng chỉ có Dì bên Nhỏ xuất hiện. Sau giờ đọc kinh, trước khi kêu sỏ, Dì bên Nhỏ nói với chúng tôi là bữa nay Dì Tư không được khỏe, nên Dì sẽ dạy

một mình hai lớp và dặn chúng tôi không được làm ồn ào để Dì Tư nằm nghỉ, có thể ngày mai Dì Tư sẽ hết bệnh và dạy được. Tôi nghe mà chán nản trong lòng, nhất là Dì bên Nhỏ này lại khó tính và sử dụng cây roi thường xuyên hơn Dì Tư của lớp tôi. Kể từ đó tôi không cầu nguyện cho Dì Tư đau nữa, vì chỉ khi nào cả hai Dì cùng đau một lượt chúng tôi mới được nghỉ. Mà việc cho hai Dì Phước cùng đau một lượt chắc là Chúa không mấy khi làm!

Nhận Diện Cuộc Đời

Sau hai năm học trường Cầu Đá, tôi đã hết lớp và phải đi xuống học dưới trường nhà thờ Mai Phốp, nơi mà anh kể tôi đã học ở đó một năm rồi. Cuộc sống tôi lại bắt đầu thay đổi và thế giới của tôi rộng hơn với một nơi có chợ búa, nhà thờ, cha sở, dân chúng đông đúc và nhất là căn cứ trú đóng khá lớn của người Pháp.

Lúc bấy giờ tôi đã 11 tuổi và bắt đầu nhận thức được vài sự kiện trong vùng Mai Phốp. Tôi được nhập vào lớp nhì, còn anh kể tôi đang ở lớp nhất tức là lớp cuối cùng của bậc tiểu học. Ở đây trường ọc có quy củ hơn. Trường có từ lớp năm tới lớp nhất và cũng do các nữ tu Dòng Mến Thánh Giá Cái Môn dạy, dưới sự điều hành và quan tâm của cha sở.

Cha sở Lê Vĩnh Trinh là một con người oai phong lẫm liệt mà lúc đó tôi nghĩ là trên đời này không ai sánh bằng. Lúc đó ngài quăng gần 50 tuổi, tóc bạc hoa râm, dáng người tầm thước, thân hình rắn chắc và tướng đi oai vệ. Sau giờ làm lễ, Cha Trinh thường mặc quần sọt xanh, áo sơ mi trắng ngắn tay cho vào quần, mang giày vải trắng và vớ trắng kéo lên tận đầu gối. Trông ngài rất khỏe mạnh. Tôi thấy tất cả mọi người đều sợ Cha Trinh. Không những chỉ riêng người Việt Nam mà cả những người Pháp cũng khép nép khi phải đối diện với ngài.

Cha Trinh nói tiếng Tây như gió. Mặc dù không biết gì về tiếng Pháp nhưng có mấy lần thấy Cha Trinh quát nạt cả những sĩ quan Pháp làm tôi vô cùng ngạc nhiên, vì tôi thấy người Pháp bấy giờ uy quyền hơn người Việt Nam rất nhiều. Các vị thế trong tôn giáo, chính trị và xã hội lúc đó đã tạo cho Cha Trinh một con người đầy quyền thế về mọi mặt.

Ngay từ lúc còn nhỏ tôi cũng nghe kể lại là Cha Trinh còn có thể xin tha mạng cho bất cứ ai bị người Pháp bắt giam mà lúc đó gọi là “tội”. Sáng nào tôi cũng thấy nhiều người bị lính dẫn đi thành hàng bốn, nói là đi làm “cỏ quê”. Hồi nhỏ nghe như thế tôi tưởng là đi nhổ cỏ, nhưng không phải vậy. “Cỏ quê” là “corvée” trong tiếng Pháp được nói theo cách của tiếng Việt, nghĩa là đi làm tạp dịch.

Tôi nghe nói tới một địa điểm nằm phía sau chợ Mai Phốp không xa, gọi là Gò Dương, vì nơi đó có trồng nhiều cây dương là nơi người Pháp bắn những người “tội” khi họ bị tử hình. Mặc dù tôi chưa bao giờ được nhìn thấy cảnh bắn người này, nhưng sự kiện đó làm tôi nhớ lại những xác chết trôi sông mà tôi thấy hồi còn bé thơ ở Bưng Trường.

Cha Trinh rất dễ tâm về việc học hành. Cha thường đi tới lui thăm các lớp học và cũng thẳng tay sửa

trị những học sinh búồng bình. Nhất là những đứa nào ăn cắp thì ngài đánh bằng roi mây lần ngang lần dọc. Tôi đã chứng kiến cảnh Cha Trinh đánh học sinh mà tôi hãi hùng. Trường tiểu học nhà thờ Mai Phốp này có quy củ và đi vào chương trình các môn học hẳn hoi, vì nơi đây chúng tôi được dạy để chuẩn bị thi bằng tiểu học. Nếu ai thi rớt sẽ không được lên ban trung học. Mặc dù trường đã đi vào nề nếp lớp lang, nhưng chưa hẳn là hoàn toàn. Có chuyện sau đây làm tôi nhớ mãi.

Lúc đó trong lớp nhì của tôi có hai anh vừa dốt lại vừa nghịch ngợm phá phách tên là Ngàn và Ca. Di phụ trách lớp tôi chịu không nổi hai ông tướng này đành phải “tống” lên lớp nhất cho Di lớp đó có tiếng là nghiêm khắc trị giùm. Tưởng là sau khi qua khóa “huấn nhục” để hai anh thuần thực rồi quay về lớp cũ. Không ngờ hai anh đầu bò đầu bừn này lên đó rồi ngồi lại luôn. Cuối năm lại đi thi tiểu học sớm hơn lớp chúng tôi một năm! Đúng là chuyện khó tin nhưng có thật và chỉ có thể xảy ra vào thời buổi lúc bấy giờ.

Trong những năm phải xuống Mai Phốp học, tôi càng mệt nhọc và chán ngán hơn. Những ngày đi học, sáng nào tôi cũng phải thức dậy từ 4 giờ sáng cùng với cả nhà. Cha tôi và các anh lo đọc kinh sáng và ăn cơm để chuẩn bị ra đồng, còn tôi theo đoàn người quơ đuốc đi bộ 2 cây số dự Lễ sáng ở nhà thờ Mai Phốp. Lễ xong còn sớm, tôi qua chợ mua quà ăn sáng và ở lại học tới chiều mới đi bộ về Cầu Đá. Mỗi ngày má cho tôi 5 cắc, tiếng miền Bắc gọi là hào, ăn quà sáng, nhưng lúc nào tôi cũng đói và thèm thuồng nên một hôm do sự rủ rê của thằng em họ tên Long, bọn tôi bày trò lưu manh.

Lúc đó chính phủ sắp phát hành tờ giấy bạc 2 đồng loại mới, và in hình mẫu trong báo, hình in trong báo này rất giống với tiền thật nên hai đứa tôi cắt ra xếp làm tư và mang tiền...giấy báo đi mua quà lúc còn tranh tối tranh sáng khi vừa đi Lễ ra. Khi đứng chờ bà bán hàng gói xôi bắp, tôi run quá là run vì chưa bao giờ tôi làm chuyện gian dối đó. Lúc nhận gói xôi bắp từ tay bà bán hàng, tay tôi run như cây sậy.

Vừa nhận xong gói xôi, tôi ném tờ hai đồng giả xuống và cầm đầu chạy. Bà bán hàng quá ngạc nhiên vội cầm tờ giấy bạc lên coi và la lên” Bắt nó! bắt nó!” Tôi bị tóm lại. Thấy tôi run rẩy và sợ quá, bà bán hàng thương cho gói xôi, vì bà biết là tôi đói quá làm liều chứ không phải là lưu manh chuyên nghiệp. Nếu lưu manh chuyên nghiệp thì đâu có run như vậy!

Cũng may là bà không biết nhà tôi ở đâu, nếu việc này tới tai cha má và chị Hai chắc là tôi phải no đòn. Tôi biết cha tôi rất nghiêm khắc trong các tội như thế này, vì có lần tôi hái trộm quả đu đủ của Ông Tám mà cha tôi đánh tôi một trận đòn nên thân.

Nhớ lại lúc bấy giờ tôi bị ăn đòn của nhiều người vì cái tội ăn cắp trái cây. Trước tiên là những trận đòn ra đòn của cha sở Lê Vĩnh Trinh vì tội chọi me. Chung quanh nhà thờ và nhà cha sở có mấy cây me rất to và cao, cao còn hơn nóc nhà thờ, và tới mùa thì trái nhiều vô kể. Loại “trái cấm” to bằng ngón tay có những mắc nối liền nhau dài chừng 10 phân và có hình cong như cái sừng trâu này là con cám dõ mãnh liệt và triền miên của bọn trẻ con học trò chúng tôi. Trái me khi còn sống rất chua phải ăn với

muối ớt, khi đã gần chín gọi là “me giốt” thì vừa chua lại vừa ngọt!

Người lớn, nhất là mấy bà mấy cô, mà nghe nói tới me giốt còn chảy nước dãi đầy miệng, huống gì bọn trẻ con chúng tôi? Mặc dù Cha Trinh bắt gặp chọi me, hoặc leo lên cây hái trộm me thì bị đòn đến nơi đến chốn, nhưng không một ngày nào trong “mùa me” mà Cha Trinh lại không có thân chủ. Lúc đó tôi nghĩ, trong các thứ tội thì tội gì cũng có thể chừa bỏ sau khi đã làm việc đền tội, riêng cái tội ăn cắp me thì không! Đánh chết cũng không chừa!

Không phải chỉ những trái me giốt trên cành làm khổ chúng tôi mà thôi, nhưng còn những thứ hoa quả ăn được ngay trên mặt đất nữa. Nhớ lại năm tôi đang học lớp đệ lục tại Mai Phốp, có lần bà chủ của vườn mía trồng cạnh sân trường bắt gặp bọn học trò chui vào giữa đám mía bẻ trộm. Tôi không nhớ tên đứa nào nhưng trong số đó có trò Lẽ! Bà chủ vườn vào “mắng vốn” (mét) với thầy giáo. Thầy bắt chúng tôi đứng lên, giảng một bài mô-ran và bắt xin lỗi bà chủ vườn mía.

Lần đó tôi nhớ mãi và rất thích câu kết luận của thầy nói với người đàn bà mặt mày đang đỏ gay vì giận dữ: “Tôi đã rầy các em, nhưng sao bà lại trồng mía ngay cạnh trường học? Hàng ngày các em nhìn đám mía của bà như mèo thấy mỡ heo làm sao nhịn được?”

Bà chủ nhà nghe nói vậy quày quả bỏ đi ra, sau khi đã liếc ông thầy giáo “dễ thương” của tôi bằng cặp mắt sắc còn hơn dao cạo râu! Từ những việc của trẻ con đó, sau này lớn lên tôi nghĩ, cách tốt nhất để “trị” cái tội trẻ con ăn cắp trái cây là... đừng bao giờ trồng cây ăn trái! Cả những cây mà thân ăn được như mía, vỏ cây ăn được như quế, rễ cây ăn được như khoai mì, củ ăn được như khoai lang, đậu lạc, hoa ăn được như gương sen, lá ăn được như cây gừa, cây chiếc... cũng không nên trồng. Ngược lại nên trồng nhiều hoa hồng vì thân cây có gai, trẻ không dám sờ tới và hoa hồng khoe sắc sẽ tô điểm thêm cho cuộc đời mà có người gọi là “thung lũng nước mắt “này!

Chiều lại sau khi cả nhà cơm nước xong, cha tôi mang kính vào nằm lên ghế xích đu, tay cầm cuốn sách Giáo lý, gọi anh tôi và tôi tới để trả bài một chương nào đó mà cha tôi đã giao từ ngày hôm qua. Nếu không thuộc bài sẽ bị cha tôi bắt cúi nằm dài và đánh thẳng tay. Tôi nhớ chỉ bị ăn đòn của cha tôi trong trường hợp này và tội hái trộm trái cây mà thôi. Vì thế, làm gì thì làm tôi cũng phải học một chương sách giáo lý một ngày, và điều này càng làm cho tôi ngán việc học hơn.

Trong khi đó có thằng bạn trong xóm hơn tôi vài tuổi, nhưng không phải đi học mà đi làm lơ xe. Tên nó là Chín, mà chúng tôi gọi là “Chín ghê” vì có một đạo người nó đầy ghê. Nhìn nó tôi thèm thuồng và cảm thấy cuộc sống của nó hạnh phúc biết bao. Chẳng những không phải đi học, không phải thức khuya dậy sớm, không phải ăn đòn, còn được chửi thề nói tục thả giàn, lại được tung tăng bay nhảy như con chim tung cánh trên bầu trời bao la!

Có những hôm nhìn thấy thằng Chín ghê đầu đội nón vải có quai dưới cằm, mặc bộ quần áo màu cháo lòng, tay áo xắn lên đang đánh đu phía sau chiếc xe đồ chạy đường Vũng Liêm -Vĩnh Long. Hình ảnh

nó thật ngon lành, tôi đâm ra ước mơ sau này lớn lên tôi sẽ chọn con đường đi làm làm lơ xe. Nếu được làm lơ xe chạy lên Sài Gòn thì không còn gì hạnh phúc bằng, vì lúc đó thủ đô Sài Gòn là một cái gì quá với sự tưởng tượng của tôi.

Thảm Cảnh Gia Đình

Năm 1953, khi vừa tròn 10 tuổi, một thảm kịch gia đình xảy ra đã làm tôi lớn hơn trước tuổi. Đúng ra chuyện này không xảy ra trong gia đình tôi mà là gia đình Ông Tám tôi.

Ông Tám là em của Bà Nội tôi. Ông có nhiều người con, và người cuối cùng là Chú út Hữu mà tôi đã nói tới. Câu chuyện này liên quan tới người con thứ tư và thứ sáu mà tôi gọi bằng Cô Tư và Chú Sáu. Cô Tư có chồng và 3 con, đưa con gái nhỏ nhất tên Huệ, bằng tuổi tôi. Khi tản cư xuống Cầu Đá thì Chú Sáu tôi đi lính cho Pháp. Còn Dượng Tư, chồng của Cô Tư ít khi thấy có mặt ở nhà. Lúc đó tôi còn nhỏ quá nên cũng chẳng biết là Dượng Tư tôi ở đâu và làm gì. Một ngày kia Chú Sáu đi trong toán tuần phòng và một người Việt Minh bị sa vào ổ phục kích.

Khi bị động, người đó chạy thoát thân nhưng Chú Sáu và đám lính rượt theo bắn anh ta té xuống. Chú chạy tới định bắn tiếp theo thì bất thần nghe người đó gọi tên mình “Cậu Sáu Vinh”! Chú tôi kịp thời nhận ra đó là tiếng người anh rể của mình, Dượng Tư Bình, chồng của Cô Tư tôi. Chú tôi kinh hoàng chạy lại bồng người anh lên, nhưng vết thương quá nặng và Dượng Tư chết trên tay chú tôi sau khi trối lại: “Cậu Sáu! Anh không sống được, cậu hãy giúp chị Tư lo nuôi 3 cháu!” Không phải nói, ai cũng có thể đoán biết tâm trạng Chú Sáu tôi lúc bấy giờ như thế nào.

Khi đưa xác Dượng Tư về, bà con và hàng xóm tới đầy nhà tràn ra cả ngoài sân. Nhà tôi kề bên nên chạy qua trước tiên. Người lớn vào nhà trước, trẻ con chúng tôi đứng đầy ngoài sân. Tôi thấy mọi người đều khóc, riêng Cô Tư lúc đó khóc té lên té xuống và có mấy bà kè hai bên tay cô tôi. Bất ngờ trong tiếng than khóc râm rĩ đó, tôi nghe một tiếng khóc rống lên thật to: “Anh Tư ơi! Chính em đã giết anh! Tha thứ cho em anh Tư ơi!” Tôi chen vào nhà thì thấy Chú Sáu tôi đang ôm xác Dượng Tư còn ướt đẫm máu và dính đầy bùn đất mà khóc lóc kêu gào! Nghe tiếng khóc rống của Chú Sáu, mọi người khóc lóc thảm thiết. Lúc đó có lẽ tôi đã đổ tới giọt nước mắt cuối cùng!

Thảm cảnh này đã làm tôi quá đau khổ và từ đó tôi thắc mắc nhiều chuyện mà không thể nào trả lời được. Người Pháp là ai? Lính Pháp là ai? Việt Minh là ai? Ai là người tốt? Ai là người xấu? Tại sao có cảnh anh em trong một gia đình giết nhau như vậy? Sau này khi biết những xác chết trôi sông mà trong tuổi ấu thơ tôi thấy ở Bung Trường là những người bị Việt Minh giết, tôi kết luận Việt Minh xấu vì họ giết người, và tôi tưởng người Pháp tốt.

Nhưng khi tôi xuống Mai Phốp lại nghe nói có rất nhiều người “tội” bị người Pháp bắn ở Gò Dương, như vậy người Pháp cũng xấu. Vả lại lúc bấy giờ tôi vẫn không thể hiểu được những người Pháp từ đâu tới và ở đây để làm cái gì? Tôi không thể trả lời các thắc mắc đó, nhưng có một điều tôi nhận ra

rất sớm, có lẽ sớm hơn rất nhiều đứa trẻ cùng tuổi với tôi lúc bấy giờ, đó là dân tộc Việt Nam là một dân tộc đau khổ.

Chính trong thời gian này có vài sự việc tôi còn nhớ mãi, đó là hiện tượng “tờ giấy bạc xé đôi”. Tôi không còn nhớ rõ năm nào, có lẽ là năm 1953-1954, không biết tại sao, khi xài tiền mà không có tiền thối người ta chỉ việc xé tờ giấy bạc làm đôi và có giá trị phân nửa, và tôi đã từng xé nhiều lần! Thí dụ tờ 10 đồng, xé đôi thành 2 tờ 5 đồng. Một đồng xé đôi thành 2 tờ 5 cắc! Hiện tượng này kéo dài mấy năm trời.

Tôi cũng còn nhớ ngày người Pháp cuốn cờ rời khỏi Mai Phốp, và nghe nói là rời khỏi Việt Nam luôn. Sáng hôm đó có một nghi lễ tại cột cờ trước sân nhà thờ, có rất đông người dự, cả tây lẫn ta, đa số mặc đồ trắng. Khi biết là người Pháp rút đi, lúc đó tôi cảm thấy buồn, mặc dù cũng chẳng hiểu làm sao tôi lại buồn. Cũng trong thời gian này làng tôi có trận dịch bệnh đậu mùa hoành hành, lúc đó người ta còn gọi là “trái giống”, là chứng bệnh rất dễ lây, làm chết người rất nhanh và nếu bệnh nhân may mắn còn sống sót sẽ bị những nốt sẹo trên mặt.

Nhớ tới những năm bệnh đậu mùa hoành hành, tôi thấy phải viết lại một câu chuyện buồn. Một câu chuyện mỗi lần nhớ lại tôi vẫn còn thấy hối hận, và nước mắt tôi lúc nào cũng chảy ra. Ngay lúc tôi đang đánh máy những dòng này nước mắt tôi cũng đang chảy ra làm mờ màn ảnh.

“Thầy Bảng mới”

Năm 1955, lúc tôi 12 tuổi và đang học lớp nhì tại Mai Phốp, Di Phước dạy tôi lúc đó là Di Tư Loan. Một buổi sáng, có người đàn bà trẻ dẫn đứa con trai vào lớp tôi, người học trò mới này tên là Quý. Di Tư gọi anh là trò Quý, lúc bấy giờ chúng tôi có chữ “trò” đứng trước tên của mình. Quý cũng bằng tuổi với tôi, nhưng dáng rất hiền từ như con gái. Người gầy ốm và cao dong dỏng, cổ cao đầu tròn húi cua. Mới nhìn qua trông Quý giống như con cò con đang nằm trong tổ, vì đầu trọc và cổ anh khá dài.

Người học trò lạ mặt ngỡ ngàng và ít nói đứng xớ rớ kế bàn của Di Tư, tay mân mê viền áo bà ba trắng đang mặc trên người. Cái cách Quý cài cúc áo làm tôi chú ý vì anh cài cả nút ở cổ, trông có vẻ quê mùa chất phác trong khi bọn “ma cũ” chúng tôi cũng mặc áo bà ba nhưng không cài nút sát cổ, như vậy trông oai và hợp thời trang hơn. Nói tóm lại, Quý gây cho tôi một ấn tượng khi anh vừa theo mẹ bước chân vào lớp.

Những ngày tiếp theo Quý trở thành một hiện tượng của lớp, anh là người hiền từ hiếm có và giỏi toán một cách đặc biệt, giỏi quá là giỏi! Cho đến nỗi Di Tư phải ngạc nhiên. Những bài toán Di Tư cho trong lớp, Quý làm một cách dễ dàng trong khi bọn chúng tôi phải ạch một cách khổ sở, nhất là tôi, là người dốt toán nhất lớp. Từ đó, mỗi khi làm toán, Di Tư gọi Quý lên bảng và sau khi giải đáp nhẹ nhàng lanh lẹ, Di kêu anh “dạy” lại cho cả lớp chúng tôi nghe.

Vô tình trí thông minh của người học trò mới này đã hại anh ta. Đám con trai chúng tôi bắt đầu ghét

Quy, vì anh ta càng giỏi bao nhiêu thì càng lòi ra sự dốt nát của chúng tôi bấy nhiêu, nhất là tôi là người có lúc nghĩ không biết trên thế gian này còn ai khác dốt toán như tôi hay không!

Mỗi lần Di Tư khen Quy là y như chúng tôi bị một trận đay nghiền càng làm cho chúng tôi bực tức anh ta. Cả bọn con trai chúng tôi hè nhau gọi Quy cái tên đầy mỉa mai là “Thầy Bảng mới” và bày tỏ thái độ tẩy chay anh ta thấy rõ. Phải nói tôi là tên đứng đầu trong nhóm “quân dữ” tẩy chay Quy, vì anh ta đã “hại” tôi nhiều nhất.

Trong lớp, tôi kéo bè kéo cánh, không cho đứa nào nói chuyện với Quy, giờ ra sân chơi chúng tôi không cho Quy nhập bọn đá banh bằng trái banh tennis. Có những lúc tôi thấy Quy âm thầm đứng tro tro một mình ở góc sân trong giờ ra chơi. Có hôm thấy Quy xin chơi đánh đũa với bọn con gái. Nhìn thấy cảnh đó tôi rất hả dạ và nghĩ: “Mày làm khổ tao trong lớp thì tao làm khổ mày ngoài sân!” Lúc đó tôi biết là Quy rất khổ tâm chịu đựng trong một thời gian khá lâu nhưng không dám nói ra vì bọn ma cũ chúng tôi rất đông.

Rồi một hôm Quy vắng mặt trong lớp.

Tôi cảm thấy dễ chịu vì sự vắng mặt của “Thầy Bảng mới” nhưng cũng chẳng thắc mắc gì. Qua hôm sau, trước giờ đọc kinh, Di Tư bảo cả lớp cầu nguyện cho trò Quy bị lên bệnh đậu mùa. Tôi nghe giật mình, tự nhiên cảm thấy hối hận vì đã ngược đãi người bạn hiền lành do sự ghen tức và thương Quy chẳng may bị chứng bệnh nguy hiểm làm chết rất nhiều người lúc đó. Tôi quyết tâm sẽ xin lỗi và đối xử thân ái và bảo vệ Quy khi anh trở lại lớp.

Một tuần lễ sau vẫn vắng bóng người học trò hiền từ, tôi càng lo lắng và thông anh nhiều hơn. Tôi nhớ Quy nhưng chúng tôi không được phép tới thăm vì bệnh này rất hay lây. Hàng ngày trong giờ ra chơi tôi vô nhà thờ đọc kinh cầu nguyện cho Quy được mạnh. Sự hối hận vì đã ngược đãi Quy cách vô lý đang hành hạ tôi.

Một buổi sáng, đang giờ học, tôi thấy mẹ Quy vào lớp. Tôi đâm ra lo sợ trong lòng. Mẹ Quy vào báo tin Quy vừa chết đêm qua! Tôi gục đầu xuống ghế ngồi khóc lên thành tiếng khi nghe tin đó. Và tôi vẫn khóc về sau này mỗi khi nhớ tới Quy, mặc dù đã mấy chục năm trôi qua.

Thời Kỳ Phá Ngụ

Tôi thi đậu bằng tiểu học năm 1956, lúc đã 13 tuổi. Đó cũng là năm tôi chụp bức hình đầu tiên trong đời để làm thẻ báo danh lúc vào phòng thi ở quận Vũng Liêm, cách Mai Phốp 6 cây số trên đường xuống tỉnh Trà Vinh. Tôi còn nhớ khi chụp hình, ông chủ tiệm chụp hình Tân Tân ở chợ Mai Phốp đặt tôi ngồi trên cái ghế đầu trước cái máy thật to màu đen có chân đứng. Ông bước tới sửa thế ngồi cho tôi xong trở lại máy và trùm đầu và vai bằng tấm vải đen, bảo tôi ngồi yên đừng chớp mắt và bấm máy.

Chụp hình xong về nhà mấy ngày sau tôi ăn ngủ không được, vì nôn nóng chờ ngày lấy hình. Khi nhận

hình và thấy “bộ mặt” mình trong hình lần đầu tôi thích thú lắm và mang vào lớp kêu mấy đứa bạn cũng vừa chụp hình trong đợt này mang hình ra so sánh coi hình đứa nào đẹp. Có đứa khen tôi chụp hình ăn ảnh làm tôi cười híp mắt. Năm đó người anh kế của tôi tên là Ngãi cũng đậu tiểu học một lượt, vì năm trước anh thi rớt nên phải học lại chung với tôi.

Năm tôi vừa thi đậu tiểu học thì Cha Trinh mở trường trung học đầu tiên tại Mai Phốp, lấy tên là trường Minh Đức, một điều tôi coi là rất may mắn. Trường bắt đầu bằng hai lớp đệ thất B1 và B2. Việc Cha Lê Vĩnh Trinh mở trường trung học đầu tiên tại Mai Phốp là sự thay đổi lớn đầu tiên của cuộc đời tôi.

Cha Trinh xây một nhà trường dài nằm ngang sau nhà thờ có ba phòng. Hai phòng làm lớp học và một phòng ở đầu kia làm chỗ ở cho hai thầy giáo người Bắc từ Sài Gòn cha mời xuống dạy học. Một thầy lớn tuổi chừng gần 40 là thầy Bùi Sinh Quý và thầy kia nhỏ tuổi hơn là thầy Huấn. Trung học là lớp đầu tiên tại xứ này nên đối với tôi lúc đó cái gì cũng mới, trường học mới, thầy giáo cũng mới vì lần đầu tiên tôi học với thầy giáo đàn ông và lại là người Bắc, bạn bè mới, chương trình học cũng mới.

Có rất nhiều học sinh tại Mai Phốp và các làng lân cận tới học, vì lúc đó không có mấy người có khả năng gởi con đi tỉnh. Có nhiều học sinh từ quận Vũng Liêm cũng đạp xe tới học. Từ đó lên tỉnh Vĩnh Long hoặc xuống tỉnh Trà Vinh cũng đều cách chừng 40 cây số. Lên tỉnh học đã xa xôi lại còn tốn kém rất nhiều thứ, không phải như ở làng chỉ phải đóng học phí và ít tiền sách vở. Lại một điều, khi lên tới trung học tôi bắt đầu phá ngượng và trở nên thích học và học khá.

Tôi không phải là học sinh giỏi, nhưng về sinh ngữ Anh và Pháp thì bao giờ tôi cũng nằm trong số ba người giỏi nhất. Khi Cha Trinh mở cửa trường trung học tại Mai Phốp cũng đồng thời ngài giúp tôi mở cánh cửa cho tương lai đời tôi. Nhờ có ngôi trường Minh Đức nhỏ bé ở miền quê đó mà tôi được tiếp tục con đường học vấn và càng về sau càng được học lên cao hơn. Trong khi rất nhiều người trong thế hệ tôi thi đậu tiểu học trước tôi vài năm đã phải bỏ học.

Từ ngày còn bé ở Bưng Trường, rồi tản cư xuống Cầu Đá và sau này đi học ở Mai Phốp tôi chỉ được học với các nữ tu. Sau này lớn lên tôi vẫn nhớ ơn các Di đã giúp tôi khai tâm về việc học, đồng thời dạy bảo các việc đạo hạnh. Hệ thống giáo dục trong các xứ đạo lúc bấy giờ mặc dù chưa được tổ chức hoàn hảo nhưng sự đóng góp của các trường học Công Giáo và sự hy sinh tận tụy của các nữ tu tại những vùng quê xa xôi hẻo lánh để lo việc giáo dục cho trẻ con là điều tôi muốn nhắc lại và ghi ơn.

Việc giáo dục và hệ thống tổ chức trường ốc vào thời buổi chiến tranh và trong tình trạng đất nước còn lạc hậu, phương tiện giao thông rất thô sơ như lúc tôi vừa lớn lên là một việc rất khó. Trong tình thế đó một số rất đông trẻ con ở nhà quê phải bỏ học ngay từ bé và lớn lên mù chữ. Cũng có một số được đi học một thời gian để biết đọc biết viết rồi vì hoàn cảnh cũng phải dở dang việc học hành khi ở địa phương không còn lớp.

Gia đình tôi cũng ở trong tình trạng đó, khi còn ở các lớp trong bậc tiểu học, tôi vẫn nghĩ là học hết lớp nhất, hoặc sau khi thi được bằng tiểu học rồi thôi, sẽ ở nhà giúp gia đình trong công việc đồng áng như mấy người anh tôi và một số rất đông trẻ con trong làng. Hơn nữa những sinh hoạt thông thường của một làng quê và sự thu hút rất mãnh liệt của cánh đồng bao la bát ngát với những thú vui của ruộng đồng khiến tôi không biết gì khác hơn, và dĩ nhiên là chẳng bao giờ có chuyện đặt vấn đề con đường tương lai mình rồi sẽ ra sao. Nhưng sự ra đời của trường trung học Minh Đức đã cho tôi cơ hội lựa chọn.

Tuổi Trẻ Ngô Nghê

Những năm đó tầm mắt tôi có dịp mở rộng hơn nhờ những lần tôi được chị Hai cho theo đi chợ trên tỉnh Vĩnh Long, cách nhà 33 cây số. Những lần được đi tỉnh này đối với tôi rất đáng ghi nhớ vì đó là dịp mở mắt để được biết cuộc sống ở tỉnh như thế nào. Thường là mỗi năm một lần chị tôi đi chợ tỉnh trong dịp mua sắm Tết, chị dẫn tôi theo chỉ với nhiệm vụ đứng tại chỗ coi chừng cái cần xé đựng các thứ đã mua để chị còn đi mua tiếp theo.

Sau khi mua đủ các thứ cần thiết chị gọi xe lôi tới chở ra bến xe đò gần đó để về Cầu Đá. Khi lên Vĩnh Long, cảnh sinh hoạt, nhà cửa xe cộ và sự tấp nập của người dân ở tỉnh làm tôi choáng ngợp và thích thú. Cái gì đối với tôi cũng mới, cái gì cũng lạ, cái gì cũng sang trọng cũng đẹp đẽ và ngay lúc đó tôi có cảm nghĩ rằng cuộc sống ở tỉnh là một đặc quyền dành cho một lớp người nào đó, còn gia đình tôi và cá nhân tôi không bao giờ có thể có cuộc sống như thế được. Có ra tỉnh mới lòi ra sự ngô nghê của tuổi trẻ, nhất là đứa trẻ từ quê mới ra tỉnh lần đầu như tôi thì thật là khờ khạo một cách đáng thương.

Tôi còn nhớ trong lần đầu lên tỉnh, tôi đi với Long là em họ tôi lên thăm cha của Long đi lính ở đó. Trong trại lính có một dãy cầu tiêu máy nằm gần ngoài cổng, và Long dặn tôi sau khi đi cầu xong phải giặt nước và chỉ cho tôi cách thức giặt nước như thế nào. Đó là lần đầu tiên tôi sử dụng cầu tiêu máy, vì ở nhà quê chỉ có cầu tiêu trên hồ cá tra hoặc là bên bờ sông nước chảy.

Khi tôi nắm quả nắm bằng sứ lòng thòng xuống ở đầu sợi dây xích sắt nối với cái "máy" bên trên, giặt mạnh một phát như lời Long dặn, tự nhiên nước ở đầu tống ra cái ống sắt quá mạnh và chảy ù ù một lúc làm tôi giặt mình nghĩ thầm: "Chết cha rồi, mình làm hư máy của người ta rồi, làm sao đây!" Tôi lính quỳnh không biết làm sao, chỉ cầu trời cho nước ngừng chảy vì với lượng nước tống ra mạnh như thác đổ vậy mà chảy... cả ngày chắc là tôi phải bị rắc rối to.

Tôi đứng đó mặt mày tái mét, tim đập mạnh nhưng chẳng biết cầu cứu với ai. Nhưng may làm sao, từ miệng ống nước phát ra một tiếng "ù" rất lớn rồi nước ngừng chảy. Hú vía! Tôi mừng thoát nạn. Lúc đó tôi đâu có biết là cầu tiêu máy nó là như vậy, và hỏi lại cũng có nhiều người cũng bị hú vía khi sử dụng cầu tiêu máy lần đầu như tôi.

Trong lần khác tôi theo chị đi Vĩnh Long vào một tiệm buôn là tiệm Xuân Phát Lợi, tôi thấy trên trần

nhà ngay trên đầu ông chủ tiệm người tàu mập mập và trắng trẻo có cái gì quay tít rất nhanh và cứ quay hoài. Tôi đứng nhìn say sưa mà cũng chẳng hiểu tại sao nó quay và quay như thế để làm gì. Tôi cứ thắc mắc nhưng chẳng hỏi ai, rồi không biết lúc nào về sau này tôi mới biết đó là quạt máy.

Từ những kinh nghiệm ngộ nghệ đó sau này lớn lên tôi thương sự đại khờ của trẻ con, nhiều khi sự khờ khạo đó rất buồn cười, thí dụ như trên con đường tôi đi học từ Cầu Đá xuống Mai Phốp có 2 cây trụ bằng xi măng cao khoảng 70 phân giống như cây kem khổng lồ gọi là “thẻ số ngàn”, bọn học trò chúng tôi thường trèo lên ngồi trên tróc như ngồi trên chiếc ghế.

Trong một thời gian rất lâu tôi thắc mắc mãi không biết “thẻ số ngàn” đứng đó để làm gì? Có lần tôi hỏi ai đó, họ nói cái thẻ đó là một ngàn thước làm tôi càng thắc mắc hơn, nghĩ thầm: “Làm sao chứa được một ngàn cây thước bên trong bụng cái thẻ chỉ to hơn cái mộ bia một chút này?” Không hiểu cho tới một lúc nào đó tôi mới biết là những “thẻ số ngàn” đó, là cột mốc cái này cách cái khác là một ngàn thước!

Lúc nhỏ tôi cũng thường nghe người lớn nói tới việc đi “gõ dây thép gió” mỗi khi có tin tức gì khẩn cấp muốn báo tin cho người khác. Lúc bấy giờ tôi hiểu một cách đơn sơ rằng, chỉ cần gõ vào những cột dây thép gió (cột điện) dọc theo lộ đá là người khác sẽ nghe và biết tin. Có mấy lần tôi dùng hòn đá to thử gõ vào các trụ điện bằng sắt nhưng chỉ nghe phát ra tiếng tiếng “bon... bon.” ngoài ra chẳng thấy có gì khác lạ, điều đó càng làm cho tôi thắc mắc.

Sau này lớn lên tôi mới biết “gõ dây thép gió” tức là đánh điện tín! Thậm chí lúc đó tôi ngộ nghệ cho đến nỗi thấy Cha Trinh mặc áo chùng từ cổ xuống gót chân, tôi tưởng là ngài không hề có chuyện đi tiêu đi tiểu như người thường.

Cho tới một hôm, lúc đó tôi đã 10 tuổi, tôi đứng gần cây trứng cá kế bên nhà bếp cha sở, tôi thấy Cha Trinh mở cửa bước vào cầu tiêu trên hồ cá tra và tôi thấy... nước chảy nghe ton ton xuống mặt hồ. Tôi bàng hoàng vỡ lẽ ra là Cha Trinh cũng đi tiêu. Tôi cảm thấy không vui khi biết điều đó vì từ trước tôi vẫn nghĩ Cha Trinh như một bậc siêu nhân thì làm gì có chuyện... đó như người phàm!

Biến Cố Vĩ Đại

Cũng trong năm 1957 này, trong đời tôi có một biến cố thật vĩ đại mà tôi nghĩ cả đời tôi chỉ có một không hai, đó là việc tôi đi Sài Gòn!

Với một đứa trẻ sanh ra trong gia đình nông dân và lớn lên ở miền quê trong thời lửa đạn như tôi mà được đi Sài Gòn lúc 14 tuổi là một việc nằm mơ cũng không thấy! Một cơ hội may mắn ngoài sự mong ước nó đến quá bất ngờ làm tôi vui mừng cuống cuống và háo hức chờ đợi không thể nào diễn tả được.

Thật vậy, Sài Gòn đối với tôi lúc bấy giờ là một hình ảnh tôi không có thể nào tưởng tượng ra được và

chuyến đi Sài Gòn đầu tiên này là chuyến đi làm tôi háo hức đến tột cùng. Mỗi lần nhớ lại tôi đều cảm ơn hoàn cảnh và cảm ơn người đã cho tôi cơ hội độc nhất vô nhị này.

Sự việc bắt đầu từ khi cha tôi xin thầy Bùi Sinh Quý làm Bồ đờ đầu khi tôi chịu phép Thêm Súc. Từ đó thầy Quý thương tôi như một người con. Những ngày nghỉ học tôi hay tới nhà thầy chơi, giúp thầy trong các việc lật vặt và thầy Quý thường cho tôi quà, phần nhiều là sách vở và tranh ảnh.

Một hôm tôi tới chơi khi thầy chuẩn bị về Sài Gòn nghỉ một thời gian trong dịp lễ Quốc Khánh vào ngày 26 tháng 10 năm 1957, năm đó là lễ Quốc Khánh đầu tiên nền Đệ Nhất Cộng Hòa của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trong lúc ngồi chơi tôi nói với thầy là không biết đến bao giờ tôi mới có dịp đi Sài Gòn một lần cho biết. Tôi chỉ nói lên sự ước mơ thôi nhưng không dám xin thầy cho đi, nhưng thầy Quý tự nhiên nói lên:

– Vậy Lễ về xin phép cha má, nếu cha má cho thì tối nay xuống đây thầy cho đi Sài Gòn, sáng sớm mai sẽ đi“

Tôi không dám tin vào tai tôi, nên đã bước lại gần hỏi lại cho chắc

– Thầy tính cho con đi thiệt hả thầy?

Thầy Quý đang thu xếp sách vở quay lại nhìn tôi mỉm cười:

– Ủ! thì về xin phép cha má trước đã. Nếu cha má đồng ý thì thầy cho đi!

Tôi đâu có bao giờ nghĩ là trong đời mình có được giây phút quá bất ngờ như vậy. Lúc đó quảng gần trưa. Tôi vội ra ngoài nhảy thót lên xe đạp chạy như bay về Cầu Đá. Con đường này tôi đi quen rồi, chỉ có 2 cây số thôi mà sao đạp hoài không tới! Trong lúc gò lưng đạp xe trên con đường đá sỏi gồ ghề trong lòng tôi lo lắng hằng trăm chuyện.

Tôi lo không biết cha má tôi có cho phép đi hay không, nếu cho thì có đủ thì giờ chuẩn bị cho chuyến đi lịch sử này không, áo quần gì để mặc đi Sài Gòn, còn giày nữa, trong đời tôi chưa có một đôi giày đôi dép nào, chỉ có guốc bằng gỗ thôi. Mà đi Sài Gòn phải là giày, không thể mang guốc được, rồi tóc chưa cắt.. rồi... và rồi! Thật không ngờ trong đoạn đường đạp xe đó tôi có quá nhiều chuyện phải lo trong đầu cùng một lúc. Về tới nhà, tôi hỏi má trước, vì má bao giờ cũng dễ hơn cha. Má nghe cũng quá ngạc nhiên bảo tôi: “Con phải hỏi cha con, nếu cha cho thì con đi”!

Khổ nỗi, cha tôi đi ruộng chưa về, mà từ nhà vô tới ruộng phải băng cánh đồng gần 2 cây số. Má vừa nói xong tôi vụt như bay ra ruộng phía sau nhà và cứ theo bờ đê chạy thẳng vô ruộng, nơi cha và anh tôi đang làm. Vừa chạy vừa cầu nguyện xin Chúa giúp cho cha tôi cũng đồng ý.

Cha và anh tôi thấy tôi chạy cách bất thường như thế này chắc hẳn là ngạc nhiên không hiểu có chuyện gì. Khi tới nơi và sau khi nghe tôi nói, cha tôi ngừng tay, lên bờ ruộng ngồi vấn điều thuốc rê trong cữ

chỉ chậm rãi và đĩnh đạc như thường ngày, đâu có biết là tôi vô cùng sốt ruột chờ đợi câu trả lời quyết định.

Trong gia đình tôi, những sinh hoạt thường nhật thì má lo liệu, nhưng các việc quan trọng bao giờ cha tôi cũng là người quyết định. Dù vậy ý kiến của chị Hai rất có ảnh hưởng. Có mấy lần má đồng ý rồi nhưng chị Hai bảo không được là không được. Và tôi đã phải ngậm đắng nuốt cay với chị Hai không biết bao nhiêu lần. Sau khi bật quẹt đốt thuốc cha tôi phà khói lên trời và quay sang hỏi :

– Con có hỏi má chưa?

Nghe cha tôi hỏi tôi đã mừng trong lòng vì kinh nghiệm cho tôi biết là sau câu hỏi theo nguyên tắc đó, tiếp theo sẽ là cái dấu "Thuận" đóng bằng chữ đỏ.

– Con hỏi má rồi, má cho nhưng bảo con hỏi nếu cha cho thì đi!

Cha tôi nghe thế ngồi trầm ngâm rồi hỏi:

– Thầy Quý nói đi bao lâu?

– Con không nghe thầy nói nhưng chắc là một tuần vì trường nghỉ học 10 ngày.

Cha tôi gật đầu:

– Ừ! Nếu má cho thì đi!

Chúa Rất Thánh ơi! Đời tôi sao mà hạnh phúc! Tôi có cảm tưởng như vừa được bay lên 9 tầng mây và đang nhìn xuống con người trần gian khổ ải bên dưới. Một cảm giác hạnh phúc quá lớn vò lấy tôi một cách bất ngờ làm tôi choáng váng. Mới có mấy tiếng đồng hồ mà tôi nhận mấy tin động trời liên nhau, từ lời nói của thầy Quý, tới câu nói của má, bây giờ tới câu " Ừ! nếu má cho thì đi!" của cha tôi.

Câu nói ngắn gọn 5 chữ này có sức mạnh của một phép màu biến thằng bé ngô nghê như tôi trong phút chốc trở thành con người hạnh phúc nhất trần gian. Tôi vội thưa "Con cảm ơn cha" và định bốc chạy về nhà nhưng anh Năm Nhon của tôi lúc bấy giờ 19 tuổi, đang làm ruộng với cha tôi, vác cuốc mò tới hỏi:

– Mày đi đâu đó hả Lễ?

– Em vô hỏi cha cho em đi Sài Gòn!

Anh Năm ngạc nhiên kêu lên:

– Trời! Thiệt à? mày đi Sài Gòn thiệt à, mà mày đi với ai?

– Thầy Quý cho em đi.

– Mày đi bao lâu?

– Em không biết nhưng chắc một tuần.

Anh Năm nhe răng cười trêu tôi:

– Chuyến này thì “Tur Éch” đi Sài Gòn!”

Tôi không trả lời nhưng bắt đầu chạy về nhà vừa nghe anh Năm nói với theo: “Nhớ coi chừng xe cộ nghe mày”.

Tôi chạy, đúng hơn là tôi bay về nhà. Nhưng tôi không trở lại con đường cũ mà lại “bay” vòng xuống bờ kinh, hai bên là nhà dân chúng có con đường đất chạy cặp theo sông, đường này cũng về nhà tôi được. Tôi đã có ý định trong đầu khi đi lối đi này. Như vậy là giấc mộng đã thành sự thật. Tôi được đi Sài Gòn. Một sự thực quá sức tưởng tượng của tôi.

Vừa cầm đầu cầm cổ chạy, tôi thầm nghĩ không biết trên cõi đời này có ai sung sướng như tôi hay không? Tôi nhớ tới còn quá nhiều việc phải làm, phải chạy về nhà càng nhanh càng tốt. Nhớ lại lúc nãy anh Năm trêu tôi “Tur Éch đi Sài Gòn” là trong một vở tuồng trong đĩa hát máy kể chuyện ông Tur Éch quê mùa đi Sài Gòn lần đầu. Chúng tôi nghe mà cười muốn bể bụng vì sự quê mùa của ông Tur Éch. Tôi nghĩ là chắc mình không đến nỗi như ông Tur Éch, dù gì thì tôi cũng đã được đi tỉnh Vĩnh Long mấy lần rồi. Còn ông Tur Éch thì từ nhỏ tới lớn toàn ở nhà quê chưa bao giờ bước chân ra khỏi làng.

Hết cánh đồng, tôi xuống tới bờ kinh, nơi có nhà cửa dân chúng ở cặp theo hai bên con sông đào. Sở dĩ tôi chọn con đường này tuy có xa hơn một chút nhưng vì đám bạn tôi ở đây. Mặc dù rất gấp về nhà chuẩn bị cho kịp đi xuống nhà thầy Quý tối nay, nhưng tôi không thể không khoe với đám bạn về tin động trời này.

Tôi ghé vào nhà nhà từng thằng bạn và chỉ nói 6 tiếng “Ngày mai tao đi Sài Gòn” rồi lại chạy qua nhà khác. Nếu nó không có ở nhà tôi nói với người lớn: “Thưa bác, làm ơn nói lại với thằng Inh là ngày mai con đi Sài Gòn”. Có khi tôi còn nhờ đứa này thông tin giùm đứa khác vì tôi không đủ thì giờ ghé nhà từng đứa, vả lại có đứa bạn bên kia sông nữa, tôi nói: “Mày nói giùm với thằng Bầu, tao đi Sài Gòn”! Cứ thế tôi làm như người phát thư ghé từng nhà mấy thằng bạn và ghé càng nhiều nhà càng tốt, nên khi tôi về tới nhà thì cả xóm trong ấp An Thành biết là tôi sắp đi Sài Gòn. Tuy nhiên, tôi đi với ai và bao giờ đi và ở Sài Gòn trong bao lâu thì họ không biết. Thật ra điều đó không quan trọng, quan trọng là chuyện “Thằng Lẽ đi Sài Gòn”. Một điều tôi biết chắc là mấy đứa bạn tôi và cả rất nhiều người lớn ở xóm Cầu Đá nữa, chưa ai biết Sài Gòn là gì và chắc là họ sẽ thêm cái hạnh phúc mà tôi đang có.

Tôi “bay” vô nhà mô hôi nhẽ nhại, thấy má và chị Hai đang nhặt rau chuẩn bị làm cơm chiều, tôi nói ngay: “Má ơi má! Cha cho con đi rồi”.

Tự nhiên chị Hai tôi làm mặt “ngầu” quay ra phán một câu chết người: “Không đi đâu hết! Ở nhà”!

Tôi chững lại và đứng chết trân khi nghe câu đó. Xưa nay chị Hai vẫn là người có uy quyền. Mặc dù tôi không nghĩ là chị vượt qua được quyết định của cha tôi, nhưng ý kiến của chị bao giờ cũng nặng ký, tôi đâm ra lo vì không biết tôi có tội gì nặng đến nỗi chị Hai phạt không cho tôi đi Sài Gòn. Tôi rất lo lắng vì chị Hai là người biết những “tội” của tôi rõ nhất.

Tôi nhìn má cầu cứu nhưng má quay mặt qua phía khác, tôi chới với nói: “Nhưng...” Chị Hai cướp lời tôi: “Không nhưng không nhị gì hết, mày làm biếng và ở dơ lắm không đi đâu hết. Ở nhà!”

Nghe nói thế tôi mừng và đoán là má và chị Hai bàn nhau dọa tôi chứ cái tội làm biếng và ở dơ đâu có là yếu tố cản trở tôi đi Sài Gòn. Không lẽ tất cả mọi người đi Sài Gòn đều siêng học và trắng trẻo sạch sẽ cả hay sao? Có lẽ thấy hù tôi như vậy đã đủ nên má lên tiếng: “Đi cắt tóc đi con, rồi về chị Hai tắm cho để còn ăn cơm rồi đi!”

Tôi thở phào nhẹ nhõm! Thì ra má và chị Hai thấy tôi mừng quá nên hè nhau trêu tôi cho vui!

Tôi chạy qua chú Sáu Vinh nhờ cắt tóc, trong lúc ngồi trên ghế tôi nói:

– Chú nhớ cắt cho đẹp giùm nhé, ngày mai con đi Sài Gòn đó chú!

Tôi rất sung sướng và hãnh diện khi nghe chú Sáu tôi hỏi:

– Con nói gì? Ngày mai con đi Sài Gòn à, mà đi với ai?

– Con đi với thầy Quý, thầy cho con theo lên Sài Gòn coi lễ Quốc Khánh!

Chú Sáu Vinh trầm trồ:

– Con có phước quá, chú còn chưa biết Sài Gòn là gì, mà chắc cho tới chết chú cũng không có dịp đi Sài Gòn, nói chi mấy đứa nhỏ!

Sau đó chú cháu tôi nói chuyện về đề tài Sài Gòn cho tới khi chú cắt tóc cho tôi xong. Tôi ngồi chỉ mong chú cắt cho nhanh một chút, nhưng chú vẫn rề rà với cái tông-đơ rì sét ngâm trong dầu lửa của chú. Cái tông-đơ già nua này mỗi khi chú bóp một đường tóc trên đầu tôi, hất tóc ra thì lần nào nó cũng “ngoạm” thêm dăm ba sợi tóc, có khi hàng chùm giật bung cả gốc rễ lên.

Nhiều lần tôi ngồi cắt tóc phải cắn răng chịu trận mà nước mắt chảy dài vì chú vừa cắt vừa nhổ tóc đau không chịu thấu. Mặc dù vậy tôi vẫn phải nhờ chú cắt tóc vì chú không lấy tiền, trong khi tới tiệm phải tốn mấy đồng. Sau khi hót bằng tông-đơ xong, tới màn cạo chân tóc bằng con dao thật bén chú liếc vào miếng da nghe sột sạt trước khi cạo. Tôi sợ cái đoạn này vô cùng vì có lần không hiểu vì chú lơ đễnh hay vì tôi ngồi không vững mà chú thèo một mãng tai tôi, máu me lênh láng! Vì thế lúc còn trẻ tôi rất ngại việc đi cắt tóc.

Trong lúc tôi cắt tóc thì ở nhà chị Hai chuẩn bị mấy cái xơ dừa để kỳ cọ cho tôi. Lần đó chị vì chuẩn bị

cho tôi đi Sài Gòn nên chị kỳ cọ kỹ hơn bằng những cái xơ dừa mới rất cứng làm tôi gằn bật máu ra, đau chịu không thấu nhưng không dám kêu vì mỗi lần kêu là ăn một cái vĩa vào má kèm theo câu nói nghe nghiêm của chị:” Mày còn la hả? Coi nè, hờm hờn nè! đồ ở dơ như tù!”

Trong lúc tôi đang tắm, có vài thằng bạn kể bên nhà tới chơi và tỏ vẻ thán phục về việc tôi đi Sài Gòn. Đứa nào cũng dặn lên đó thấy gì về kể lại cho tụi nó nghe. Tôi khoát chí vênh mặt lên đáp: ”Tụi mày khỏi phải lo, tao sẽ nhớ hết và kể lại tụi bây nghe!”

Tôi quên nói là trong lúc chị Hai đang kỳ cọ cho tôi dưới cầu bến, có hai bà từ xóm trong đi ngang đứng lại nói chuyện với chị Hai và họ nói có nghe mấy đứa nhỏ cho biết ngày mai tôi đi Sài Gòn, và các bà nhìn tôi đầy vẻ thán phục và thèm thuồng, vì con của các bà là bạn tôi. Lúc đó tôi nghĩ biết đâu trong lòng các bà ước mơ: “Giá mà con mình được như thằng Lẽ!” Nghĩ như vậy làm tôi thích thú và nhất là qua các bà này, tôi được biết cái tin tôi đi Sài Gòn được đồn đi rất nhanh, không phải xóm ngoài thôi mà cả xóm An Thành Tây cũng đã biết! Tôi thích vô cùng.

Kỳ cọ xong, anh Sáu Ngãi chở xe đạp xuống chợ Mai Phốp cho tôi lựa mua đôi sắn-đan. Đây là đôi sắn-đan. Từ nhỏ tới lớn tôi vẫn đi chân đất. Tối thì rửa chân và đi guốc vào cho khỏi dơ bẩn mền chiếu. Tôi lựa đôi màu đỏ, đế bằng cao-su trong, đôi sắn-đan thơm phưng phức mùi da mới. Tôi không biết nó có phải bằng da hay không nhưng cái mùi đó là cái mùi tôi mới người thấy lần đầu tiên và mùi thơm dễ chịu lạ lùng! Về nhà, tôi lo xếp đồ đạc vào cái cặp da tôi dùng đi học.

Việc đầu tiên là xếp bộ quần áo “ăn nói” gồm có một áo sơ mi trắng dài tay và một quần tây dài màu xanh, một cái khăn rằn, bàn chải răng và thuốc đánh răng là cục tròn như đá vôi, khi dùng thì thấm nước và mài bàn chải vào. Khi mua sắn-đan về, tôi cũng nhét vào cặp đơi sáng mai lên xe mới mang vì ở nhà quê này có ai mang giày bao giờ. Quãng 5 giờ chiều, má dọn cơm cho tôi ăn để anh Sáu còn chở tôi xuống nhà thầy Quý. Tôi lên ngồi nhưng có ăn được gì đâu, chừng chị Hai nói không ăn cơm thì:”Không đi đâu hết”, buộc lòng tôi phải cố nuốt một chén cơm cho xong chuyện.

Trên đường xuống nhà thầy Quý, tôi chỉ mặc áo sơ mi trắng ngắn tay, quần sọt lưng thun đi chân đất, tay xách cặp da và sau khi má cho một ít tiền tiêu, tôi khoanh tay chào má và chị Hai và từ giã ra đi. Từ chiều tới giờ má và chị Hai thay nhau dặn dò tôi không biết là bao nhiêu chuyện, nào là đi đường cho cẩn thận, nào là coi chừng xe cộ, nào là phải lễ phép với gia đình thầy Quý, nào là... Nhưng thật tình, tôi không nhớ một điều nào cả. Khi xuống tới Mai Phốp trời đã nhá nhem tối, anh Sáu quay về còn tôi xách cặp bước vô nhà lúc thầy Quý đang sắp xếp quần áo vào valise, tôi lên tiếng:

– Chào thầy, cha má con cho con đi Sài Gòn rồi, con xuống nè!

Thầy Quý có vẻ ngạc nhiên, yên lặng quay ra nhìn làm tôi nổi da gà, một lúc thầy mới hỏi:

– Thế Lẽ đi thật à?

Quý thần thiên địa ơi! Sao thầy Quý lại hỏi tôi câu đó? Mới hồi trưa này thầy nói cho tôi đi sao bây giờ lại hỏi như thế? Có gì trục trặc không? Thầy có cho tôi đi Sài Gòn không? Tôi bâng hoàng đến đឹង cả người, miệng mồm há hốc, người nóng ran như lên cơn sốt, nghe như các lỗ chân lông hở ra! Tôi gằn như té xỉu nên bước tới vịn tay vào thành kệ sách.

Trong phút chốc tôi thấy trời như sụp đổ vì nếu tôi không được đi Sài Gòn chắc tôi có thể chết mất vì thất vọng và nhục nhã sau khi đã chạy khoe hết làng trên xóm dưới! Tôi không biết là thầy Quý có hiểu được chút nào tâm trạng tôi lúc đó hay không. Tôi gượng nói mấy lời, giọng nghe như khóc:

– Thầy! Sáng nay thầy nói cho con đi Sài Gòn với thầy!

Sau câu nói đó tôi đứng nhìn thầy Quý trong lúc thầy đứng yên suy nghĩ. Nếu có người dùng lối so sánh: “Một phút dài hơn thế kỷ” thì chính là phút này. Giây phút đó tôi hồi hộp không có thể tưởng tượng được vì hậu quả sẽ khác nhau một trời một vực giữa cái gật đầu và cái lắc đầu của thầy Quý. Cuối cùng thầy nói:

– Thôi được! Lẽ nằm ở ghế bố đó ngủ để sáng mai dậy sớm đi, xe tài nhất lúc 4 giờ. Mà Lẽ ăn cơm chưa?

– Dạ, con ăn rồi thầy.

Nếu chưa ăn tôi cũng nói ăn rồi, thực tình lúc đó tôi chẳng còn mừng gì hơn. Vả lại sau giây phút căng thẳng đó thì còn bụng dạ nào mà ăn với uống.

Nôn Nao Cùng Cực

Lúc này thầy Quý ở trọ nhà ông Mười Tươi, không còn ở bên trường học như lúc đầu. Căn nhà này khá rộng, thầy ở bên trong còn bên ngoài phía trước là văn phòng, có mấy kệ sách và ít bàn ghế, nơi đây cũng có kê sẵn một ghế bố nhà binh chỉ vừa đủ một người nằm. Tôi để chiếc cặp da lên ghế và lên nằm trên ghế bố theo lời thầy nói.

Suốt đêm đó tôi không tài nào chợp mắt được lấy một phút. Cái cảm giác kích thích và bồn chồn vì sáng mai được đi Sài Gòn lần đầu tiên trong đời, tôi không biết phải diễn tả làm sao cho người khác hiểu được. Tôi nằm trần trọc, thao thức và trăn trở một lúc rất lâu, có lẽ gần nửa đêm, thỉnh thoảng bước ra ngoài đi tiểu rồi lại vô nằm.

Khi biết là không thể ngủ được, tôi ngồi lên thấp đèn bóng và tìm sách đọc chờ sáng. Tôi lựa trong kệ sách của thầy và cầm lên quyển sách khá to, bìa màu đen, giấy trắng tinh và láng “Thành tích 5 năm chấp chánh của Tổng thống Ngô Đình Diệm”. Sách có khá nhiều hình ảnh. Tôi nằm đọc và đọc mãi vừa nghe tiếng gõ cách quãng 15 phút của chiếc đồng hồ ODO trên tường. Trước khi gõ có mấy nốt nhạc “tính tịnh tinh tinh...” phát ra trước rồi tiếng gõ sau. Tôi có cảm tưởng đồng hồ này đi quá chậm, tôi nằm mãi mà chưa sáng.

Thầy Quý dậy lúc 3 giờ sáng định ra đánh thức tôi, nhưng ra tới nơi đã thấy tôi dậy từ lâu. Thầy bảo tôi rửa mặt thay đồ để ra đi cho kịp chuyến xe tài nhất chạy từ Trà Vinh lên ngang qua đây lúc 4 giờ sáng. Tôi bật dậy như cái lò xo. Giây phút tôi chờ đợi đã tới. Tôi lấy chiếc cặp da ra, mò tìm bàn chải và thuốc đánh răng bước ra sà n nước bên ngoài nhà.

Lạ lùng quá, khi tôi đứng lên lại bị chao đảo tí nữa ngã xuống. Thì ra tôi thức và đọc sách suốt đêm làm đầu óc nóng ran lên, chao đảo và mất thăng bằng khi vừa đứng dậy bước đi những bước đầu tiên. Rửa mặt đánh răng xong tôi cảm thấy dễ chịu và tỉnh táo ra, vội bước vào nhà thay quần áo. Tôi cởi bộ đồ đang mặc trên người xếp lại và thay vào bộ đồ "đi Sài Gòn" tôi vừa lôi trong cặp ra. Bộ đồ duy nhất này tôi chỉ mặc khi đi lễ ngày Chúa nhật mà thôi nên lúc nào cũng mới và thơm.

Tôi mặc vào người áo trắng dài tay xong, khi mặc quần "ăn nói" vào thì mới hay là có tai nạn! Không phải là quần của tôi mà là của anh Năm tôi! Thì ra chiều hôm qua trong lúc mừng quá, tôi đã vô ý lấy nhầm cái quần của anh Năm tôi cho vào cặp da .

Sở dĩ có chuyện chết người này vì má may cho ba anh em tôi mỗi đứa một cái quần dài xanh bằng vải "sạc kính" (shark skin) màu xanh y như nhau, chỉ khác nhau kích thước. Anh Năm tôi thì cao, và to hơn tôi nhiều. Anh Sáu tôi còn cao hơn nữa! Khi tôi xỏ chiếc quần của anh Năm vào, nó rộng thùng thình. Tôi kéo lưng quần lên gần tới vú mà hai ống quần cũng còn lòng thòng một đoạn dài như hai cái vòi voi phủ cả hai bàn chân!

Tôi điếng người trước cảnh này vội cúi xuống xắn ống lên, nhưng loại vải shark skin mình có hột này lại mềm nhũn, bóng láng lại dày và nặng, không làm sao có thể xắn lên cho được. Cứ xắn lên rồi lại rơi xuống! Tôi làm thử mấy lần nhưng vô hiệu. Chết tôi rồi! Xe Sài Gòn sắp sửa chạy, còn nhà tôi thì cách đó 2 cây số làm sao về lấy quần khác cho kịp.

Tôi đang loay hoay mặt mày nóng bừng, lại bất ngờ mắc tiểu mặc dù tôi vừa đi tiểu xong lúc đánh răng. Tôi càng lính quỳnh hơn khi nghe tiếng thầy Quý giục: "Xong chưa Lẽ ơi, thôi nhanh lên đi, kéo nhờ xe!"

Tôi cảm thấy ù tai khi nghe tiếng thầy gọi. Không còn cách nào khác hơn tôi đánh nước liều "Con xong rồi thầy." và mang vội đôi sần-đan mới, cài khuy lại cẩn thận. Khi tôi đứng lên với lấy cái cặp da thì hai ống quần phủ mất đôi sần-đan và đùn lại một đống trên mặt đất! Thầy Quý tắt đèn bước ra, tôi vội vàng theo sau, tay phải xách chiếc cặp da bước đi trong đêm tối. Mặc dù là sáng tinh sương bên ngoài trời khá lạnh nhưng mặt tôi vẫn nóng bừng.

Khổ Vì Cái Quần

Vừa đi được mấy bước tôi bị vướng víu lạ lùng. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi mang giày sần-đan nên đôi bàn chân như có đeo hai dè đất sét cứng, có quay cột vào chân, trong khi đó hai cái ống quần "ăn nói" lũng nhà lũng nhùng dư ra hàng tấc phủ cả đôi sần-đan làm tôi không thể bước đi được. Tôi

cố bước theo cho kịp thầy Quý đang rảo bước đi trước thì chân nọ lại đạp lên ống quần chân kia!

Lúc đó tôi ngậm than thở: “Trời ơi! sao đời mình khổ! Đáng lẽ ra lúc này trong lòng phơi phới hân hoan thì bị hai cái ống quần mắc dịch này nó hành hạ mình!” Lúc đó tôi phải gù người xuống dùng tay trái thò xuống trước đùi túm lấy hai ống quần kéo lên, trong khi tay phải đang cầm chiếc cặp da. Trong tư thế đó, tôi không thể nào bước nhanh được mặc dù thầy Quý đã bỏ tôi một đoạn đường khá xa. Thấy tôi còn lờ mờ phía sau, thầy quay lại giục: “Lẽ, đi nhanh lên, muộn rồi sợ nhỡ xe đấy, nhanh lên tí đi nào!”

Nghe tiếng gọi, tôi cố chạy theo thầy, nhưng cũng không làm sao chạy nhanh được trong tư thế vừa đi vừa khòm và hai tay đang bặn cả hai. Chắc lúc bấy giờ thầy Quý cũng ngạc nhiên tại sao tôi đi quá chậm. Trong đêm thầy không thấy gì cả, nhưng nếu thấy được cảnh đó chắc thầy sẽ cười vỡ bụng và thương hại cho thằng bé nhà quê đang khổ vì cái quần.

Từ nhà thầy ở ra lộ đá quăng 300 thước và phải đi qua nhà thờ Mai Phốp. Khi tới nhà thờ, thầy đứng lại đợi tôi rồi mới tiếp tục đi. Từ nhà thờ ra đường cái chỉ một quãng ngắn nữa thôi, bất thần tôi thấy ánh đèn xe hơi chiếu sáng rất gần, như thế là chiếc xe tài nhất đang trở tới, và ngay sau đó xe chạy qua. Lúc đó thầy Quý vừa chạy theo vừa cầm đèn bấm dọi ngay xe và nâng lên hạ xuống mấy lần chủ ý gọi xe dừng lại, nhưng đã trễ, xe chạy qua luôn trong khi thầy trò tôi cũng vừa trở ra tới lộ. Chúng tôi tới muộn chừng 30 giây đồng hồ!

Tôi đoán là thầy Quý không vui, rõ ràng là tại vì tôi là nhỡ chuyến xe tài nhất. Nhưng ở đời, có khi cái rủi ro của người này lại là cái may của người khác. Thầy Quý bị nhỡ xe là chuyện rủi nhưng may cho tôi, nhờ đó tôi được cứu thoát. Lúc đó thầy có vẻ tiếc, nói với tôi: “Thôi nhỡ xe tài nhất rồi, tiếc quá vừa ra đến nơi xe đã chạy qua. Thôi mình về nhà nghỉ vì xe tài thì mãi tới 6 giờ mới lên” Nói xong thầy trò tôi quay trở lại.

Vô tới nhà, việc đầu tiên là tôi tụt ngay cái cửa nọ có hai cái vòi voi ra, vát lên ghé bó! Trông nó nằm một đống dài nhằng và vô duyên như cái bao tải! Bề dài của nó gần bằng chiều cao của tôi. Nó đang nằm ngửa nhìn tôi trong tư thế giễu cợt và thách thức. Tôi bực quá, cầm chiếc cặp da nện lên cái quần “ăn nói” mấy cái kêu phình phịch, miệng mắng: “Tổ cha mày, mày đã làm khổ tao!” Trong cơn tức bực tôi “đánh” cái quần mạnh quá phát ra tiếng động khá to khiến thầy Quý hỏi vọng ra:

– Làm gì ồn thế hở Lẽ?

Tôi vội nói tránh:

– Chẳng có gì đâu thầy, con giữ bụi trên ghé bó ấy mà!

Thầy có vẻ ngạc nhiên nói:

– Đầu hôm sao không giữ, bây giờ sắp đi rồi giữ gì? Chùng về lại đầy bụi thôi!

Nghe thầy nói tôi ngồi lặng thinh lè lưỡi !

Cởi được của nợ ra xong, tôi mặc lại chiếc quần sọt lưng thun duy nhất vừa thay ra lúc nãy. Mặc vào tôi thấy thoải mái, dễ chịu, mặc dù đi Sài Gòn mà ăn mặc như thế chẳng ra làm sao nhưng không còn cách nào khác hơn. Lúc đó tôi lại nghĩ, đời tôi thật may mắn vì được... nhờ chuyến xe vừa rồi. Nếu không, tôi đã phải mặc cái quần mà tôi có thể bơi trong đó được để lên xe đi Sài Gòn. Không biết là sẽ ăn làm sao nói làm sao khi ban ngày trời sáng tỏ và lúc tôi phải bước ra khỏi xe!

Tôi đành phải xếp cái quần vô tích sự đó cho vào cặp da mang theo đi Sài Gòn, vì dù sao tôi cũng phải mang về trả nó lại cho anh Năm, hơn nữa tôi cũng phải có cái gì nhét vào cặp da, không lẽ lại mang cặp da rỗng đi Sài Gòn.

Gần tới 6 giờ sáng thầy gọi tôi ra đi. Lần này tôi bước ra đường nhẹ nhàng thơi thơi trong chiếc quần sọt lưng thun, mang sẵn-đan. Thấy tôi ăn mặc đơn sơ quá thầy hỏi:

– Ủa Lẽ, sao ăn mặc thế? Còn quần dài đâu?

Tôi nói tránh đi:

– Con mặc quần dài không quen sợ ngồi xe nóng thầy à!

Nghe tôi nói thế thầy có vẻ ngạc nhiên, nhưng cuối cùng nói:

– Thôi mặc thế cũng được!

Hai thầy trò tiếp tục rảo bước. Lần này thì thầy Quý chẳng cần phải giục và cũng chẳng phải dừng lại chờ tôi. Lúc đang đi tôi nghĩ, nếu thầy tinh ý ra sẽ tìm hiểu tại sao lần trước tôi đi chậm mà lần này lại bước đi nhanh quá, có lúc còn vượt qua thầy!

Xe tải nhì là xe Tân Hòa tới đúng giờ. Lần đầu tiên tôi được ngồi trên xe Sài Gòn mà từ trước tới giờ tôi ước ao làm sao có dịp được ngồi trên xe đó. Nhớ lại lúc cùng bọn trẻ chăn trâu, thả trâu ăn gần lộ đá, chúng tôi hay lên lộ chơi và hay nghịch ngợm bày trò chọi xe khi xe chạy qua. Nhưng đặc biệt là bọn tôi không bao giờ chọi xe Sài Gòn vì thấy nó đẹp, nó sang quá làm tôi tiếc không muốn chọi sợ nó hư.

Bây giờ tôi đang là một hành khách trên chiếc xe đi Sài Gòn. Sau khi xe qua thành phố Vĩnh Long thì trời đã tờ mờ sáng, tôi giương to cặp mắt quan sát cảnh vật. Từ trước tới nay tôi chỉ tới Vĩnh Long là xa nhất, nhưng sáng hôm nay tôi sẽ còn ra khỏi Vĩnh Long, qua bắc Mỹ Thuận và ngồi xe thêm 150 cây số nữa mới tới Sài Gòn! Còn hạnh phúc nào hơn!

Xe qua khỏi Vĩnh Long 9 cây số tới bắc Mỹ Thuận. Từ trước tới giờ nghe nói bắc Mỹ Thuận nhưng tôi có biết cái cảnh người ta dùng tàu chở xe qua sông bao giờ đâu, bây giờ mới thấy tận mắt. Vì kẹt xe nên thầy trò đi qua bờ bên kia trước. Lúc này trời vừa mới sáng, thầy Quý bảo tôi vào quán ăn điểm

tâm trong khi chờ xe tôi qua. Khi bước vô quán kéo ghế ngồi xuống, thầy hỏi tôi:

– Lẽ muốn ăn gì?

Tôi có biết gì đâu mà nói nên trả lời:

– Con đâu có biết, thầy ăn gì con ăn nấy.

Thầy cười đáp lại:

– Thế ăn bánh bao nhé?

– Dạ

– Uống cà phê sữa nhé?

– Dạ.

Tôi ăn cái bánh bao nóng rất ngon, quá là ngon! Ăn xong tôi còn thèm nhưng ngại không xin cái nữa. Chừng đưa cà phê sữa ra, tôi để ý coi thầy làm sao tôi bắt chước, vì từ nhỏ tới giờ tôi chưa uống cà phê bao giờ. Thầy Quý uống cà phê coi rất ngon, thấy vậy tôi cũng bưng ly hóp một hóp.

Vừa nuốt qua khỏi cổ tự nhiên tôi không chịu được, sao cà phê đắng quá như uống thuốc bắc, làm tôi buồn nôn. Không đành được tôi phải chạy ra ngoài đường ngồi nôn xuống đất. Thầy Quý thấy vậy thương tôi, bảo không quen uống thì bỏ đi. Tôi xin lỗi thầy thì thầy nói có gì mà xin lỗi tại vì tôi chưa quen đó thôi.

Thế Giới Mới

Con đường từ bắc Mỹ thuận lên Sài Gòn ngang qua ngã ba Trung Lương, qua cầu Long An, cầu Bến Lức... cảnh nào đối với tôi cũng lạ mắt. Sau khi qua ngã ba Trung Lương tôi thấy đoàn xe lửa thật dài chạy cặp theo đường lộ xe hơi, đây là xe lửa đầu tiên tôi được trông thấy. Khi tới cầu Bến Lức, bị kẹt xe khá lâu vì phải chờ xe bên kia qua cầu. Lúc dừng xe có rất nhiều cô gái bán khóm đã gọt sẵn và bỏ thành từng miếng, có chén muối ớt bên cạnh. Khi có người mua thì cô gái dùng cái que nhỏ cũng làm bằng cùi khóm để quét muối ớt lên miếng khóm rồi trao cho khách.

Bà khách ngồi kế bên tôi cắn miếng khóm có xát muối ớt làm nước từ miếng khóm chảy ra ướt xuống tới cằm, bên này nước dãi tôi cũng tuôn ra cuộn cuộn.

Tôi quay đi nhìn ra hướng khác vừa nghĩ giá mà thầy Quý mua cho tôi một miếng khóm chắc tôi thích không còn gì bằng, nhưng tôi không hỏi xin thầy! Khi xe chạy vào Chợ Lớn và sau cùng vô Sài Gòn ngừng tại bến xe Petrus Ký, tôi thực sự bị choáng ngợp.

Tôi không thể nào tưởng tượng Sài Gòn lớn lao, tưng bừng náo nhiệt đến như thế. Nào người, nào xe,

nào hàng quán. Lúc nhìn thấy thế tôi tự hỏi không biết còn có nơi nào trên mặt đất này to lớn và đẹp như Sài Gòn hay không. Khi chuẩn bị xuống xe, thầy Quý dặn tôi lúc nào cũng phải đi bên thầy vì sợ tôi bị lạc.

Vừa bước xuống, tôi thấy có người tới mang valise của thầy lên xe nhỏ đậu gần đó, tôi tưởng đó là người nhà mang xe đón và đó là xe của thầy, tôi nghĩ: "Thì ra thầy của mình giàu quá mà mình không biết" Trong lúc ngồi xe, thầy chỉ tôi Dinh Độc Lập, Nhà thờ Đức Bà, sở thú Sài Gòn, cầu Thị Nghè, đó là 4 nơi tôi biết đầu tiên khi vừa đặt chân tới thủ đô Sài Gòn mà người ta gọi là Hòn ngọc Viễn Đông này. Chừng qua tới cầu Sơn bên kia Thị Nghè, xe rẽ trái vào chủng viện Xuân Bích, thầy trò xuống xe, thầy móc bóp trả tiền và xe chạy, tôi hỏi, thầy cho biết đó là Taxi. Tôi biết Sài Gòn có xe Taxi từ lúc đó.

Sau khi thầy Quý lo một vài công việc, gần trưa chúng tôi về nhà người chị của thầy ở Xóm Mới, quận Gò Vấp. Vô tới nhà và được nghỉ ngơi, tôi mừng vô hạn vì khi đi được một đoạn đường thì hai bàn chân tôi bị quay giày sần-đan cọ rách da, chảy máu. Hai bên ngón chân út cũng bị mềm nhũn như hai trái chuối chín và chảy máu đau đớn quá chừng. Thật không gì khổ cho bằng mang giày lần đầu. Nếu hồi sáng, lúc cởi được cái quần "vòi voi" ra coi như bỏ được của nợ thì lúc này cởi được đôi sần-đan ra tôi coi như cởi được hai cái gông cùm.

Chiều hôm đó trong nhà làm cơm có món ốc bươu xào với chuối xanh và lá tía tô. Lần đầu tiên tôi mới biết món người Bắc này và ăn rất ngon miệng. Lối sống của người Bắc có những cái rất hay. Năm 1954 khi người Bắc di cư vô Nam có một số khá đông về tạm cư trong họ Bưng Trường và cũng có mấy gia đình ở trọ nhà tôi, nhưng lúc bấy giờ tôi còn nhỏ, chưa biết nhiều về người Bắc, lúc đó nghe giọng nói hơi khác lạ, tôi lại tưởng họ là người nước nào tới không phải là người Việt Nam.

Thầy Quý có người cháu trai tên là Hán, anh lớn hơn tôi 3 tuổi và đang học lớp đệ tứ. Hán sang chơi với tôi và suốt trong thời gian tôi ở Sài Gòn anh đưa tôi đi đây đó. Có điều buồn cười là người Nam chúng tôi đọc chữ "Hán" ra chữ "Háng", nên tôi không dám gọi tên anh, chỉ gọi là anh Ba, theo cách gọi của người Nam. Lúc đó tôi lại nghĩ thầm: "Sao anh Ba có cái tên kỳ quá! người miền Nam chúng tôi chẳng bao giờ có người tên là Hán cả!"

Đêm đó tôi ngủ ngon vì thức trọn đêm trước và đi đường xa mệt và thêm hai bàn chân bị đau như dằm. Sáng ngày thức dậy đã thấy anh Ba ngồi đợi để đưa tôi đi chơi. Thức dậy, tôi nghe hai bàn chân ê ẩm và đau nhức mặc dù mấy chỗ rách da chảy máu hôm qua đã đóng mày đen. Tôi biết không thể nào mang sần-đan được, nên cúi xuống sàn giường định tìm đôi giày gót giấy cất đi, đợi khi nào chân hết đau sẽ mang. Chừng cầm đôi sần-đan lên thì hỡi ôi!

Đêm qua con chuột chết tiệt nào đã đánh mùi máu tới cắn đứt hết các chỗ có dính máu trên quay sần-đan. Tôi nhìn đôi giày mới toanh bị đứt hết các quay nằm há mồm dưới đất nhìn lên cách đau khổ khiến tôi vừa tiếc của, vừa buồn cười lại vừa giận con chuột rửa thắm: "Mẹ, con chuột khôn kiếp! Ông

mà rớt được mây, ông bẻ cho mây gãy không còn cái răng!” Từ đó Hán cho tôi mượn đôi guốc và tôi mang guốc suốt những ngày tôi đi dạo phố ở thủ đô Sài Gòn

Nhờ có Hán dẫn đi chơi, tôi được vào thăm khá nhiều nơi như Sở Thú, chợ Bến Thành, Nhà thờ Đức Bà, Bến Bạch Đằng, trường đua Phú Thọ, hội chợ Thị Nghè... và nhiều nơi khác nữa. Trong dịp đó tôi được trông thấy Tổng thống Ngô Đình Diệm đi duyệt binh trong ngày Quốc khánh 26 tháng 10 và cũng chứng kiến cảnh người ta chen nhau chạy sau khi cây cầu nổi bắc ngang sông Thị Nghè trong dịp hội chợ bị sập trong đêm làm khá nhiều người bị chết đuối.

Tôi cũng ghi nhớ cảnh sở thú Sài Gòn và những giống thú mà từ xưa giờ chỉ được coi trong hình. Điều này làm tôi vô cùng thích thú vì ngoại trừ con voi là tôi đã có dịp thấy qua trong lần những người bán thuốc cao đơn hoàn tán cỡi voi tới chợ Mai Phốp quảng cáo thuốc, ngoài ra tôi chưa bao giờ thấy qua các giống thú lạ và to như sư tử, cọp, gấu, beo, cá sấu...

Tô Phở Đầu Đồi

Cũng trong dịp đi Sài Gòn đó, tôi được Hán dẫn đi ăn tô phở lần đầu tiên trong đời. Tôi còn nhớ buổi sáng hôm đó Hán chở tôi trên xe đạp tới nhà thờ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp ở đường Kỳ Đồng. Sau khi viếng nhà thờ, chúng tôi ra bên ngoài rào nhà thờ, nơi có một xe bán phở bên lề đường, gần bên có mấy cái bàn nhỏ và thấp với mấy cái ghế gỗ nhỏ xíu cao hơn mặt đất chừng 10 phân mà miền Nam chúng tôi gọi là ghế bán cá, tức là các bà bán cá ngoài chợ thường dùng. Hán gọi hai tô phở tái.

Khi tô phở mang ra cùng với đĩa rau có ít ngò gai, húng quế và chanh, ớt... tôi nghe mùi thơm rất lạ và hấp dẫn mà lần đầu tôi mới được biết. Vừa ngửi mùi là nước miếng tôi bắt đầu ứa ra, trong khi Hán giúp tôi các thủ tục trước khi ăn phở. Anh biểu diễn một cách thành thạo nhưng chậm rãi các động tác như nhặt gò gai, húng quế, vài cọng giá sống phủ lên mặt tô phở đang nghi ngút khói, không quên vắt miếng chanh vào.

Tôi tưởng như thế đã xong vì lúc này nước miếng tôi đã gần đầy trong miệng và tay phải tôi đã cầm sẵn đôi đũa tre như một kiếm sĩ cầm giáo nơi tay sẵn sàng chiến đấu. Đôi mắt tôi mở to đang theo dõi từng động tác nhỏ nhất của đôi tay Hán. Tôi đã mất hết kiên nhẫn của một thằng bé nhà quê lần đầu tiên được ngửi hương thơm của một món ăn đầy hương vị mà cả đời chưa bao giờ được nếm qua, nhưng Hán lại quá vô tình không hiểu được tâm trạng tôi lúc đó. Tôi đang chờ đợi anh ban hiệu lệnh: "Rồi đó Lẽ, ăn đi em", thì ngược lại anh ta dùng tay ngược lên bắt gắp đôi mắt của tôi đang mở to gần bằng... tô phở đang nhìn... tô phở, anh hỏi:

– Lẽ có ăn được ớt không?

Tôi chẳng để ý nghe câu hỏi của anh vì lúc bấy giờ tất cả tâm trí tôi đang vương bận về chuyện khác. Tôi vội trả lời một câu mà sau này mỗi lần nhớ lại tôi vẫn còn cảm thấy xấu hổ:

– Xong chưa anh? Em không cần gì đâu, em ăn như vậy được rồi!

Tôi áp úng câu nói đó trong khi cố giữ không cho nước miếng tràn ra khỏi miệng nhưng Hán vẫn vô tình không hiểu điều đó. Có lẽ vì Hán nghĩ là ai cũng như anh đều có thể “bình thần” trước một tô phở tái mới vừa bung ra đang bốc mùi tỏa hương thơm ngào ngạt.

Sau câu trả lời lạc đề đó của tôi, tôi tưởng là cuộc tra tấn đã chấm dứt, nào ngờ Hán vừa từ tốn đặt miếng võ chanh lên mặt bàn, vừa cho tay vào túi quần tây lôi ra chiếc khăn tay màu cháo lòng đã nhàu nát và cẩn thận chùi đi chùi lại các ngón tay còn dính mấy tép chanh chỉ to bằng con kiến, vừa rề rà giải thích cho tôi biết là ăn phở phải có tí ớt mới “sương!”

Trong khi anh đang say sưa với bài giáo khoa nhập đề khá dài về cách ăn một tô phở, nhưng không một tiếng nào lọt được vào tai tôi, tôi liếc nhìn qua chiếc bàn con bên cạnh thấy một cô gái trạc bằng tuổi tôi ngồi một mình đang xì xụp chiến đấu với tô phở bốc khói, mặc dù cô bé gọi phở sau chúng tôi. Thình thoảng cô bé đưa khăn tay lên xì mũi có lẽ vì ăn phải ớt. Cảnh này càng làm tôi thêm sốt ruột!

Lúc này tô phở của tôi vẫn còn bị Hán giam giữ trước mặt anh và nằm sóng đỏi với tô phở của anh chưa qua “thủ tục” ngò gai, húng quế... Tôi bực mình nhìn vào mặt của Hán, thấy anh ta thật đáng ghét vì tặc nói dai. Lúc bình thường đi chơi với tôi, khi cần giải thích về khung cảnh Sài Gòn cho tôi nghe thì anh lại câm như hến, không hiểu mắc chứng gì mà lúc này anh lại nói, và còn nói dai nữa. Rồi cuối cùng Hán cũng ban cho tôi một ân huệ khi anh đẩy tô phở qua trước mặt tôi sau khi cẩn thận nhét chiếc khăn tay phải gió của anh vào túi quần.

Tôi đưa cả hai tay ra, run run đón lấy tô phở có phủ lớp rau bên trên mà tôi biết là sẽ rất ngon mặc dù tôi chưa nếm qua. Lúc này tôi chẳng còn để ý tới những gì chung quanh, thế giới của tôi bây giờ bị thu nhỏ lại chỉ to bằng... tô phở tái. Tôi kéo dịch cái ghế bán cá lại gần chiếc bàn cho đúng tầm và không kịp đưa tay làm dấu thánh giá như thói quen từ nhỏ tôi được dạy là bao giờ cũng phải làm dấu trước khi ăn, tôi cúi xuống kề miệng vào thành tô húp một chút nước súp của tô phở. Một cảm giác đê mê chạy rần vào thân thể sau khi đầu lưỡi tôi chạm với loại nước súp ngon một cách lạ lùng này. Nếu có ai nhìn sẽ cười tôi về cử chỉ kề môi húp phở đó.

Thật ra không phải vì tôi quá thèm mà ăn uống cách bất lịch sự như vậy, nhưng vì lúc đó trong miệng tôi đã đầy nước miếng nếu tôi mở miệng sẽ tràn ra ngoài nên lý do tại sao tôi kề môi vào húp thẳng vào tô phở đó chỉ có một mình tôi biết và tự tha thứ cho chính mình. Ngụm nước súp là tôi hưng chí! Vừa định cho đũa vào tô phở chợt tôi lại nghe cái giọng đáng ghét của Hán từ bên kia bàn:

– Ấy! Lẽ, anh chưa cho tương, từ từ đã! Đợi anh cho tương vào. Ăn phở mà không có tương mất hết vị.

Tôi bị chặn lại trong giây phút bất ngờ nhất nên vừa bực mình vừa xấu hổ nhưng đành phải rút tay lại ngồi chờ trong khi Hán đưa tay với lấy cái ống bằng nhựa to bằng cổ tay, đen sì sì và đầy cáu ghét

nằm ở góc bàn. Trên miệng ống có cái vòi rỗng ruột như cây đinh ở đầu được cắt bằng, lộ ra một cái lỗ nhỏ bằng cây tăm mà tôi biết đó là cái lọ đựng tương. Hán vói tay ngang bàn cầm dốc ngược lọ xuống chĩa cái vòi vào tô phở của tôi và bóp phần trên cái lọ nhựa trong sự chờ đợi đã mất hết kiên nhẫn của tôi.

Hán cứ bóp... bóp... và bóp mãi nhưng không có một thứ gì chui ra khỏi cái lỗ ở đầu chiếc vòi. Cuối cùng chỉ có tiếng gió xì xì vọt ra, thì ra lọ tương đã rỗng tự bao giờ. Hán có vẻ thất vọng, lộ chút bực mình và có lẽ cũng vì mất mặt với tôi nên trút cơn giận lên bà chủ đang lúi húi ở chiếc xe phở có mấy người khách đang bao vây. Hán cao giọng:

– Bà chủ này! Tương đã hết thì còn để lọ đây làm gì? Đẹp đi! Cho lọ tương khác đi.

Giọng của Hán rõ ràng là mất lịch sự như muốn ra lệnh. Nhưng người đàn bà dường như không nghe hoặc là cố ý không nghe, trong khi đôi tay của bà hết chụp cái này bóp cái khác liên hồi trên chiếc xe bán phở nhỏ nhưng đông khách. Không thấy hồi âm, giọng Hán chuyển sang một cung cao hơn:

– Bà chủ! Còn tương không? Cho một lọ đi chứ, tôi gọi bà không nghe à?

Bà chủ vẫn cúi đầu và bận rộn với số khách đang đứng gần nhìn hau háu vào đôi tay thành thạo của bà đang chuẩn bị các tô phở cho họ. Thấy tình thế có vẻ căng tôi nói với Hán:

– Thôi kệ đi anh, ăn phở không có tương cũng được mà! Mất vị chút có sao đâu.

Vừa nói tôi vừa xỏ đũa vào tô phở đang nằm trước... miệng, trong tư thế mời gọi gọi vô cùng hấp dẫn. Hán vội đưa tay chặn tay cầm đũa của tôi lại:

– Không, chờ tí nữa, có ngay ấy mà. Ăn phở mà không có tương còn ra gì!

Một lần nữa tôi bị khựng lại. Lúc này tôi nghĩ không phải vì Hán câu nệ vào tô phở có tương hay không, nhưng có lẽ vì anh muốn ăn thua đủ với bà chủ hàng phở không để ý lời anh gọi xin tương đã hai lần. Có lẽ thấy ngồi tại chỗ không ăn thua, Hán đứng lên bước thẳng lại xe và xẵng giọng nói với bà chủ:

– Bà chủ cho tương đi. Tôi gọi hai lần rồi bà không nghe à!

Người đàn bà trẻ đang bận tay không quay lại nhưng nói nhẹ nhàng:

– Cậu làm ơn coi bàn nào có lấy hộ tôi. Tôi đang bận tay quá, cậu thông cảm.

Mấy người khách đang đứng bên quay lại nhìn Hán. Nghe nói thế Hán nhìn quanh và bước lại bàn có cô bé ngồi một mình lúc nãy. Anh làm hiệu xin mượn lọ tương, cô bé đang ngồi xĩa răng mỉm cười và gật đầu.

Vừa gắp miếng phở đầu tiên vào miệng tôi nghĩ trong lòng: “Lạy Chúa tôi ơi! trên đời này còn có món gì ngon như thế này nữa hay không”? Lúc đó tôi chợt nghĩ chắc là ngày xưa các vua chúa và những

người giàu sang quyền quý nhất trên đời lúc nào cũng ăn phở. Ăn phở 365 ngày trong năm! Và lạ lùng thay, tô phở mà tôi ăn khi ngồi bệt xuống trên chiếc ghế bán cá sát mặt đất bên lề đường Kỳ Đồng đó là tô phở ngon nhất mà sau này dù có ăn phở ở đâu tôi cũng không bao giờ có lại được cái cảm giác tuyệt vời như thế.

Những Cuộc “Họp Báo”

Sau một tuần lễ ở Sài Gòn, tôi trở về quê một mình trong khi Thầy Quý ở nán lại thêm mấy hôm. Trên chuyến xe về tôi vẫn mặc chiếc quần sọt duy nhất đó, chân mang guốc vì đôi sần-đan mới mua và mang chỉ có một lần đã “bỏ xác” ở Sài Gòn. Tôi cũng tiếc cho đôi giày mới nhưng khi nghĩ là chuyến đi Sài Gòn đó đối với tôi thật quý báu không gì sánh bằng, nên dù có mất đôi giày cũng chẳng có gì là thiệt thòi. Và lại tôi chỉ cần mang giày cho chuyến đi, còn chuyến về này thì cần gì, mang gì chẳng được, có đi chân đất cũng không sao vì về tới quê là tôi lại bắt đầu đi giày da, nhưng là da của hai bàn chân mình!

Khỏi phải nói, khi nhập học lại sau kỳ nghỉ Quốc Khánh năm đó, tôi tự nhiên trở thành “trung tâm của Mai Phốp!” Đám bạn trong lớp cả trai lẫn gái vây quanh tôi hỏi chuyện. Tôi đã “họp báo” hàng tháng trời nhưng vẫn còn chuyện nói về chuyến đi Sài Gòn và đám bạn cứ há hốc mồm ra ngồi nghe, thái độ của các bạn càng làm tôi hưng chí nói hăng hơn. Những cuộc “họp báo” như vậy tôi đã dợt trước với nhóm bạn chẵn trâu với tôi ở Cầu Đá rồi.

Tôi cố gắng kể lại thật chi tiết và trung thực những gì tôi nghe và thấy trong chuyến đi lịch sử. Chỉ có chỗ nói về sở thú Sài Gòn và mấy con thú như sư tử, cọp, gấu thì tôi cố ý nói nó... to hơn một chút cho tụi bạn ngán chơi.

Thí dụ như con sư tử to bằng con bê thì tôi nói bằng con... bò nhỏ! Mặc dù con bò nhỏ và con bê cũng là một nhưng tôi có cảm tưởng khi nói con bò nhỏ nghe như to hơn con bê! Tôi cũng kể với nhóm bạn học là tôi có coi chiếc tàu chiến rất lớn là tàu “Saint Paul” của Mỹ cập bến Bạch Đằng trong dịp lễ Quốc Khánh, và khi Tổng thống Ngô Đình Diệm xuống thăm thì tàu có bắn 21 phát đại bác chào mừng. Có đưa con gái chen vào hỏi:

– Chiếc tàu chiến lớn như thế nào hả Lê?

Thật tình tôi cũng chẳng biết nó lớn như thế nào, nhìn qua ngó lại tôi nói:

– Nó lớn như cái nhà thờ kia kia!

Đưa con gái nghe vậy lè lưỡi tỏ vẻ kinh ngạc, trong khi tôi tự hỏi là tôi so sánh như vậy có thực sự đúng không. Một chiếc tàu chiến của Mỹ thì lớn hay nhỏ hơn cái nhà thờ, tôi cũng không biết nhưng lúc đó chỉ có cái nhà thờ là lớn nhất trong làng nên tôi dùng nó để so sánh. Có vậy thôi!

Hai Vị Linh Mục

Cuối năm 1957, Cha Lê Vĩnh Trinh, sau 17 năm ở họ đạo Mai Phốp được đổi đi về coi xứ đạo Cái Bông trong tỉnh Bến Tre và Ccha Nguyễn Văn Tỏ từ Trà Ôn về thay. Sự thay đổi này vô tình cũng đã ảnh hưởng tới cuộc đời tôi rất nhiều, cả về mặt tôn giáo lẫn việc học hành.

Cha Trinh và Cha Tỏ khác nhau về nhiều phương diện. Sự tương phản quá nhiều về con người và lối sống của hai vị Linh Mục mà tôi biết đầu tiên trong đời này đã để lại trong tôi những ấn tượng rất sâu xa. Cha Lê Vĩnh Trinh như tôi đã nói là con người oai phong lẫm liệt, thân hình chắc nịch, thích chơi bóng đá, đáng đi đường bộ, lối sống thượng lưu quý phái theo kiểu Tây.

Lúc đó Cha Trinh tóc bạc hoa râm và húi cao, đầu chải rẽ ba và tôi thấy chú Út Thông ở gần nhà thờ tới cắt tóc cho Cha Trinh mỗi tuần một lần đúng vào chiều thứ Bảy. Vì lớp học của tôi nằm ngay sau nhà bếp của Cha Trinh nên tôi thấy và nhớ rất rõ việc đó. Và lại lúc bấy giờ mỗi lần thấy như vậy tôi còn thầm nghĩ: “Ông này có phước thật, được vò đầu Cha Trinh là người tôi sợ như ông trời!” Những lúc không mặc áo chùng đen thì ngài vận đồ sọt, nhìn vào đã thấy khỏe mạnh và oai vệ.

Ngược lại Cha Nguyễn Văn Tỏ gầy còm, ốm yếu như một người đàn bà không đẹp, có thân hình mỏng, tóc đen và dài chải ngược về sau nhìn từ xa như lúc nào cũng đội bê rê đen! Chẳng những thế, ngài còn bị chứng bệnh thit dư trong mũi, và cách quăng chùng 5 phút một lần phát ra âm thanh rất lạ 4 tiếng đi liền nhau từng đôi một “khệt khệt... khệt khệt”, sau đó đưa khăn tay lên xì mũi một thôi một hời!

Ngay từ lúc đó tôi đã nghe người ta gọi ngài là “Cha Tỏ Khệt”. Dĩ nhiên là chỉ gọi sau lưng ngài. Cha Tỏ bước đi nhanh nhẹn và nhẹ nhàng thư thái như một đáng đi con mèo. Lúc nào không vận áo chùng thâm thì là chiếc áo khẩu đen và quần lãnh theo kiểu các Mẹ người Huế. Cha Trinh ra khỏi giáo xứ bằng một đoàn xe hơi và rất nhiều người đưa tiễn, Cha Tỏ cỡi xe máy dầu tới nhận xứ. Khi tới họ đạo Mai Phốp này, Cha Tỏ mang theo gia đình ông từ Quan với mấy đứa con trai trạc bằng tuổi tôi. Ông từ Quan và những đứa con của ông cũng bệ rạc không kém gì ông chủ của họ.

Nói tóm lại, hai vị Linh Mục này là biểu tượng điển hình của sự oai vệ và sự yếu đuối. Chính vì thế tôi không ngạc nhiên khi thấy sự tương phản về lối sống và tư cách và lối hành xử công việc của hai con người nắm quyền uy tôn giáo trong họ đạo tôi sống lúc bấy giờ. Việc này có ảnh hưởng tai hại tới đầu óc của một chú bé 14 tuổi như tôi.

Điều làm tôi ngạc nhiên tới sừng sốt là ngay trong ngày Chúa nhật đầu tiên sau khi về nhận họ đạo, tôi đã nghe Cha Tỏ lên tòa giảng đã kích Cha Trinh một cách thậm tệ và công khai không cần úp mở! Cha Tỏ nói Cha Trinh ra đi đã vơ vét hết của cải trong họ và cả bàn ghế trong nhà xứ! Giọng CCha Tỏ rất bực tức, càng bực tức thì càng “khệt khệt... khệt khệt.” nhiều hơn. Đó là một bài giảng rất hùng hồn của Cha Tỏ để cổ vũ cho sự... lối đức bác ái!

Mấy ngày sau tôi thấy xuất hiện những chiếc ghế đai vô cùng quái dị được ghép bằng những tấm ván

sù sì của các thùng đựng sữa, đóng đinh vào rồi đưa ra ngoài! Những chiếc ghế “dã chiến” này được thay thế hết những chiếc ghế đẹp trong nhà cha sở và hàng ghế giữa trong nhà thờ dành cho Ban Quới Chúc. Có nhiều người khách khi tới thăm Cha Tô ra về bị rách quần vì những cây đinh lờm chờm còn sót lại trên mặt “ghế” trong nhà Cha. Lúc đó, tôi chưa biết được các việc của Linh Mục với nhau nhưng cách Cha Tô hành động có ý hạ bệ Cha Trinh đó tôi thấy nó tác hại cho chính Cha Tô trước tiên, kế đó nó tác hại cho tôi và tôi nghĩ là cho rất nhiều người.

Kế đến là việc có liên quan trực tiếp tới tôi trong lần Cha Tô xuống thăm học sinh của trường trung học Minh Đức chúng tôi mấy ngày sau khi về làm cha sở. Vì biết trước Cha Tô rất hận Cha Trinh, mà trường trung học này là công sức của Cha Trinh gây dựng nên thầy Quý đã cẩn thận căn dặn chúng tôi phải tỏ ra lễ phép và kính trọng Cha Tô đúng mức để Cha còn thương và lo cho trường học. Thầy cũng nói cho những học sinh nào chưa biết Cha Tô là ngài có tật khệt khệt vì có thịt dư trong mũi, đừng có lấy làm lạ vì chuyện đó và nhất là đừng có cười!

Quãng 3 giờ chiều, học sinh cả hai lớp đệ thất và đệ lục chừng hơn một trăm, chen chúc đầy trong phòng học lớn và nôn nao đợi thầy Quý và thầy Công hướng dẫn cha sở mới vào. (Lúc này thầy Công xuống dạy thay cho thầy Huấn đã về lại Sài Gòn) Nhìn ra, tôi thấy Cha Tô mặc áo khẩu đen, quần lãnh, chân mang dép, có hai thầy đi bên cạnh trong cung cách khép nép và cố gắng bày tỏ sự kính nể cha sở mới. Khi Cha Tô bước vào lớp, chúng tôi vỗ tay chào mừng.

Thầy Quý mời cha hiệu trưởng bước lên bục, hai thầy đứng bên dưới. Thầy Quý thay mặt học sinh toàn trường chào mừng Cha hiệu trưởng mới và xin Cha thương, lo lắng cho học sinh. Thầy Quý nói ngắn gọn và thành khẩn. Khi Cha Tô vừa đáp lời thì tai nạn xảy ra! Khi ngài vừa nói được mấy lời thì “khệt khệt... khệt khệt...!” Trong khung cảnh trang nghiêm đó bọn học sinh chúng tôi không đứa nào nhin cười được! Tôi đưa tay lên bịt miệng cố gắng nín cười, ngó qua thấy nhiều đứa cũng làm như tôi, có đứa còn dùng răng cắn môi dưới thật chặt trong khi đôi vai đang run mạnh vì sự dồn nén của cơn buồn cười.

Lúc đó thầy Quý tái mặt đi và nhìn chúng tôi trừng trừng mặc dù môi thầy cũng đang chúm chím cười nhưng cố nén xuống. Từ thầy tới trò ai cũng biết lúc bấy giờ cười là tự sát nên bằng mọi giá phải... nuốt xuống.

Nhưng khổ nỗi, con vi trùng cười rất thích tấn công vào khung cảnh trang nghiêm. Hình như lúc đó con vi trùng cười đã xâm nhập và làm chủ toàn bộ hệ thống thần kinh của hơn trăm học sinh và 2 thầy giáo của chúng rồi, nên sau đợt “khệt khệt... khệt khệt” thứ hai, cả đám chúng tôi vụt phá lên cười ầm ĩ. Cả thầy Quý là người đã căn dặn chúng tôi đừng cười, bây giờ cũng cười, thầy Công cũng cười mà có vẻ còn cười dữ dội hơn bọn học sinh chúng tôi. Cha Tô phẫn nộ quát: “Thôi! Đủ rồi!” và bước xuống bệ ra khỏi lớp đi thẳng trở lên nhà xứ!

Cha Tô vừa ra tới sân, trong này chúng tôi tự nhiên im bặt. Thầy trò tái mặt đứng chết trân nhìn nhau

một giây rồi lại... phá lên cười! Lần này thì trận cười càng dữ dội hơn, thoải mái hơn to tiếng hơn và hình như ai cũng nghĩ là đàng nào thì tai nạn cũng đã xảy ra nên cười một trận cho nó đã để tống ra hết những con vi trùng cười tự nãy giờ đang gặm nhấm tâm can và làm chúng tôi tức ruột không chịu được. Thầy Quý mặt mày méo xệch, đưa tay gỡ kiếng ra lau nước mắt vì cười, thầy Công cũng làm vậy và trong bọn học sinh chúng tôi cũng nhiều đứa đưa tay quệt nước mắt vì hậu quả của trận cười muốn vỡ cả bụng vừa rồi.

Phải mất chừng 15 phút sau, trong lớp mới chấm dứt tiếng cười cuối cùng. Thật là một tai nạn khủng khiếp vừa xảy ra nhưng thầy Quý không trách chúng tôi được vì chính thầy cũng cười. Sau khi được trận cười no nê, thầy Quý kêu chúng tôi ngồi yên để nhận định tình thế và tìm phương cứu chữa. Tôi thấy thương cho thầy Quý lúc bấy giờ bị lâm vào tình trạng quá khó khăn khi thầy chọn ra 5 em trong đám học sinh để cùng với thầy làm thành một "phái đoàn" lên xin lỗi cha sở! Tôi cũng được thầy chọn vào thành phần phái đoàn, có lẽ vì tôi cười hăng nhất.

Khi phái đoàn sứ giả ra đi, tự nhiên tôi liên tưởng tới phái bộ ...Phan Thanh Giản được vua Tự Đức cử đi qua Pháp xin chuộc lại 6 tỉnh miền Tây hay miền Đông Nam Phần gì đó trong bài học lịch sử mà lúc đó tôi còn nhớ lờm bờm chỗ đặt chỗ mất. Không hiểu tại sao lúc đó tôi lại nghĩ sứ mệnh của phái bộ Phan Thanh Giản lại dễ dàng hơn công việc của phái bộ... Bùi Sinh Quý!

Khi "phái bộ" chúng tôi lên gần tới nhà xứ, trống ngực tôi đánh liên hồi, vì ngoài nhiệm vụ khó khăn trước mắt, tôi còn rất hồi hộp khi sắp được bước vào một ngôi nhà mà suốt thời Cha Trinh còn ở đây tôi chưa được bước chân vào bao giờ mặc dù chính tay tôi, cùng với các học trò, đã ôm không biết bao nhiêu gạch đá để xây ngôi nhà đó. Ngôi nhà cha sở được xây trên một nền bằng đá xanh khá cao và chúng tôi bước lần theo các bậc tam cấp lên tiền đường.

Sau khi hàng ngũ chỉnh tề, thầy Quý cầm cái chuông nhỏ lắc ba tiếng rồi bỏ chuông xuống đứng chờ. Lúc bấy giờ con muỗi bay ngang cũng nghe được và trong lòng tôi nghĩ lần này thì Cha Tô "khệt khệt" như lúc nãy hoặc hơn thế nữa chúng tôi cũng không cười, hay đúng hơn là không còn có sức để cười nữa. Một lúc sau Cha Tô từ trong nhà bước ra trên mặt vẫn còn phảng phất con tức bực. Thầy Quý nói lời xin lỗi, cha nói: "Được rồi, chúng con về đi, cha đang mệt muốn nghỉ một chút. Khệt khệt!". Thế là phái đoàn chúng tôi ra về tay không.

Cảnh Chợ Chiều

Từ sau biến cố đó không bao giờ Cha Tô bước chân xuống trường chúng tôi nữa, mặc dù ngài vẫn là hiệu trưởng ký tên trong giấy tờ nhà trường. Mấy tháng sau, Thầy Quý từ giã chúng tôi ra đi và trở về Sài Gòn, mặc dù thầy không nói nhưng tôi hiểu được lý do sự ra đi của thầy. Lòng tôi buồn vô hạn khi phải chia tay với con người có mặt từ đầu và có công rất nhiều với ngôi trường Minh Đức. Ngoài ra thầy Quý còn là bố đỡ đầu của tôi, thầy rất thương tôi và để lại trong lòng tôi một kỷ niệm nhớ đời, đó là việc thầy dẫn tôi đi Sài Gòn lần đầu tiên.

Công ơn thầy Quý, tôi ghi nhớ mãi vì chính thầy đã đưa tay dìu tôi bước vào ngưỡng cửa cuộc đời và là người đầu tiên cho tôi cơ hội nhìn ra chân trời rộng hơn cái thế giới nhỏ hẹp của một làng quê mà cho tới năm 14 tuổi tôi vẫn còn vị đóng khung trong đó. Khi Cha Trinh đổi đi, tương lai của ngôi trường Minh Đức trở nên u tối. Sau biến cố “cười”, ngôi trường trở nên buồn thảm.

Khi Thầy Quý ra đi, ngôi trường bắt đầu tê liệt vì vài tháng sau thì số học sinh đã rút lui gần phân nửa, một số bỏ học, về quê làm ruộng, một vài người lên tỉnh tiếp tục học. Riêng trong gia đình tôi, lúc đó người anh kế tôi phải bỏ học, tôi được gửi lên tỉnh Vĩnh Long tiếp tục nửa năm sau của lớp đệ lục tại trường trung học tư thục Nguyễn Trường Tộ do Cha Nguyễn Ngọc Quang, Cha sở Nhà thờ Chánh Tòa Vĩnh Long làm hiệu trưởng.

Về số phận trường Minh Đức, thời gian sau khi thầy Quý ra đi, trường hoạt động vá víu và ảm đạm như cảnh chợ chiều. Cuối cùng chuyện phải tới đã tới, trường đã phải chính thức khai tử sau hai niên khóa 56-57 và 57-58, lúc đó tôi đang học tại Vĩnh Long. Mặc dù ngôi trường Minh Đức yếu mạng, chỉ thọ được 2 tuổi nhưng cũng đã giúp cho một số trẻ con trong làng bước lên ban trung học là ngưỡng cửa của tương lai. Một trường trung học ở tỉnh hay ở thành phố, tự nó đã có giá trị hưởng gì một trường trung học ở nhà quê lúc đó phải coi đó là một ân huệ. Sau này lớn lên, làm gì và ở đâu tôi cũng nhớ mãi hình ảnh thân yêu của ngôi trường Minh Đức, công ơn của Cha Lê Vĩnh Trinh, của thầy Quý và các thầy và các bạn học trong thời trẻ đó.

Hai vị Linh Mục Lê Vĩnh Trinh và Nguyễn Văn Tô để lại trong tâm trí tuổi trẻ tôi những ấn tượng khó quên. Bên ngoài tất cả những việc làm và cá tính của hai người, điều tôi thấy rõ nhất là cả hai vị đầy uy quyền và khiến dân chúng khiếp sợ. Nhất là với đám trẻ con như tôi lúc đó. Điều đáng nói hơn là cả hai vị hay đánh trẻ con và điều này càng làm tôi khiếp đảm và sợ phải đi nhà thờ nhiều hơn!

Cha Trinh đánh trẻ con khi “có tội” như ăn cắp trái cây, chọi me, trốn học, đánh nhau hoặc có lỗi gì nặng... còn Cha Tô đánh trẻ vì tâm tính bất thường mang tính cách bệnh hoạn và điều này ngay từ nhỏ làm tôi sợ nhưng không phục ngài. Thí dụ như đánh trẻ con khi tập giúp lễ, hoặc khi trẻ con quay ngang quay ngược trong nhà thờ. Cha Tô cấm trẻ con vào nhà thờ quay mặt ra sau khi có tiếng động, và có mấy lần khi bọn học trò chúng tôi ngồi đầy nhà thờ thì Cha Tô từ phía sau đập bàn đập ghế la hét... Đứa nào quay lại nhìn thì bị tát tai!

Riêng về Cha Lê Vĩnh Trinh, phải nói là tôi sợ không có thể nào tưởng tượng được. Với cặp mắt ngó nghê của một đứa trẻ nhà quê như tôi nhìn lên hình ảnh như một vị thần của Cha Trinh đã là một điều kinh hãi. Thấy ngài đi từ xa đã né tránh đừng nói chi tới sự việc như tôi nhớ lại dưới đây.

Lúc bấy giờ tôi 11 tuổi và đang đi học ở Mai Phốp. Những buổi sáng sớm theo đoàn người đi Lễ và sau đó ở lại học tới chiều mới về nhà ở Cầu Đá. Cha Trinh có thói quen ngồi tòa giải tội những buổi sáng sớm trước giờ làm lễ và đợi chờ giáo dân tới. Lúc đó trong nhà thờ yên lặng, yên lặng hoàn toàn.

Một buổi sáng nọ, tôi ngồi chung với mấy học trò bên nam trong lúc Cha Trinh đang ngồi tòa phía bên nữ. Ngồi lâu buồn ngủ và lúc gió chẳng nghĩ ngợi gì, tôi ngáp. Nhưng khổ nỗi không phải là cái ngáp thông thường và lịch sự nhưng là cái ngáp thoải mái và đầy vẻ khoái cảm! Tôi ngửa đầu ra sau, đưa hai tay lên trời ngoác mồm to hết cỡ và phát ra tiếng ngáp kéo thật dài vang dội cả nhà thờ: “Oooàààmmmm”!!

Vừa ngáp xong tôi mới giật mình biết là tai họa sắp xảy ra khi tôi nhìn qua thấy Cha Trinh bật đứng dậy như cái lò xo và bước nhanh hết tốc lực đi ngang giữa nhà thờ và hướng về phía “có tiếng động”! Tôi nghe người bị điện giật một tiếng “bưng!” mặt nóng rần, các lỗ chân lông hở ra to như tàn ong, một chút nước tiểu rỉ ra quần!

Bình thường tưởng đi Cha Trinh tôi đã khiếp vía thì nói gì tới dáng đi của ngài đến xử tội của tôi lúc đó. Vì ở cách khá xa bên kia và học trò ngồi khá đông nên ngài không biết đưa nào nên dừng lại trên tôi 4 dãy ghế và quát to như tiếng sấm gầm:

– Thằng nào?

Tôi thấy mấy đứa chỉ xuống chỗ tôi. Cha Trinh đi lần xuống ghế tôi. Ngồi bên ngoài là chú Út Hữu của tôi, sau đó là tôi và mấy đứa khác. Lúc đó tôi chẳng còn biết mình là ai, mặt tôi không con chút máu, người run bần bật như cây sậy vì lần đầu tiên trong đời tôi mới được chứng kiến cơn thịnh nộ của Cha Trinh đối với... tôi! Ngài dừng lại ngay đầu hàng điểm mặt chú Út Hữu quát:

– Thằng nào?

Chú Út Hữu quay ngang dùng ngón tay trở của bàn tay phải chỉ vào tôi nói:

– Thằng này!

Vừa nghe thế tôi vội ngã ngửa người ra nằm dài trên ghế vung cả 4 vó lên trời như con éch mắc vào lưới câu la lên một tiếng to còn hơn tiếng ngáp lúc nãy âm lên cả nhà thờ:

– Hồng phải con Ông Cố ơ!

Tôi vừa la vừa tống ra quần tất cả chỗ nước tiểu nãy giờ tôi cố giữ lại trong người. Cha Trinh hỏi tiếp theo:

– Vậy thằng nào?

Tôi mếu máo đáp vừa chỉ lên trên:

– Mấy đứa trên con không biết Ông Cố ơ.

Nghe thế, Cha Trinh lại đi về phía trên và điểm mặt cả đám nghiến răng nói:

– Chúng con chết nghe chưa!

Nói xong Cha bỏ đi. Tôi mừng như người vừa chết đi sống lại. Tôi lảo đảo đứng dậy bước ra khỏi nhà thờ như người vừa qua cơn trúng gió nặng. Quần cụt đen của tôi ướt đẫm, nhưng vũng nước tiểu trong nhà thờ chắc không ai thấy vì lúc đó chỉ có một chiếc đèn mẫn-xong gắn trên cung thánh, không đủ soi chỗ chúng tôi ngồi.

Sau này, tôi trách chú Út Hữu:

– Sao lúc đó chú lại chỉ con?

Chú cười hề hề trả lời:

– Thì mày ngáp tao nói mày ngáp chớ sao?

Tôi bực mình nói:

– Con oán chú cả đời về cái vụ này!

Chú lại cười và nói:

– Mày oán rồi làm gì được tao?!

Thiệt tình tôi giận cái ông chú này kinh khủng!

Bước Đầu Lên Tỉnh

Cuộc đời tôi một lần nữa lại biến đổi với môi trường xa lạ ở tỉnh. Thời gian đầu tôi ở trọ chung với mấy bạn từ Mai Phốp lên Vĩnh Long học trước tôi vài tháng. Sau đó tôi ở trọ với anh thứ Ba của tôi đi lính và ở trong trại gia binh của Tỉnh đoàn Bảo An Vĩnh Long, thời Đại úy Phạm Ngọc Thảo làm Tỉnh đoàn trưởng Bảo an đoàn. Tôi còn nhớ khá nhiều chi tiết về hình dạng và lối sống của vị sĩ quan này.

Đại úy Phạm Ngọc Thảo lúc bấy giờ quảng ngoài 30 tuổi, dáng người cao nhưng gọn và đẹp trai. Tướng ông lý tưởng cho một cầu thủ bóng đá hoặc bóng chuyền vì chiều cao của ông. Tóc ông lúc nào cũng húi ngắn đứng phong cách nhà binh. Ông đi đứng chậm rãi và trang nghiêm. Tôi không nhớ được nụ cười của ông vì hình như tôi chưa hề thấy ông cười bao giờ. Điểm đáng chú ý nhất nơi Đại úy Phạm Ngọc Thảo là ông có một mắt lé rất nặng, và đây là điểm phá tướng của ông. Khi nhớ về ông, tôi vẫn thầm tiếc cho ông và nghĩ thầm giá mà ông Thảo không bị lé mắt chắc ông sẽ là người đàn ông đẹp trai lý tưởng.

Nói về uy quyền thì lúc đó Đại úy Phạm Ngọc Thảo là nhân vật số ba trong tỉnh sau Giám Mục Ngô Đình Thục và Tỉnh trưởng Khuru Văn Ba. Lúc bấy giờ tôi có nghe nói ông Phạm Ngọc Thảo là người phía “bên kia” ra đầu hàng với chánh quyền Ngô Đình Diệm, qua trung gian của Linh Mục Nguyễn Ngọc Quang, lúc bấy giờ là Cha sở nhà thờ Chánh Tòa Vĩnh Long để nhờ giới thiệu với Giám Mục Ngô

Đình Thục để xin đầu hàng.

Ông Phạm Ngọc Thảo đã dò đúng mạch và tôi tin là đã được nghiên cứu rất kỹ. Giám Mục Ngô Đình Thục tin dùng Thảo và cho ông dạy học một thời gian trong trường trung học Nguyễn Trường Tộ của nhà thờ Chánh tòa Vĩnh Long. Sau đó một thời gian ông được đồng hóa vào cấp bậc Đại úy trong quân đội và làm Tỉnh Đoàn Trưởng Tỉnh Đoàn Bảo An Vĩnh Long.

Tôi không biết gì về vai trò Tỉnh Đoàn Trưởng Bảo An của ông Thảo nhưng đời sống tôn giáo của ông làm tôi chú ý. Đại úy Phạm Ngọc Thảo là người đạo đức hiếm có và tất cả những gia đình quân nhân trong trại gia binh này đều ca tụng và truyền miệng nhau về lòng đạo đức của ông mà người ta gọi cách thân thương là "Đại úy mình"

Lúc bấy giờ chính tôi cũng ngạc nhiên về vị sĩ quan có lòng đạo quá sốt sắng này. Có nhiều đêm tôi thấy "Đại úy mình" xuống từng gia đình công giáo hỏi đã lo đọc kinh tối chưa? Nếu gia đình nào chểnh mảng việc này bị ông khiển trách và bắt ngồi đọc kinh trong khi ông cũng ngồi lại trong giây lát rồi ra đi qua nhà khác. Anh quân nhân công giáo nào mà Chúa nhật không đi nhà thờ, chẳng may Đại úy Phạm Ngọc Thảo biết được thì đừng hòng cầu mong bất cứ ân huệ gì nơi ông.

Về phần bà Đại úy cũng vậy. Bà có mặt ở tất cả các hội đoàn công giáo như Đạo Binh Đức Mẹ, hội Các Bà Mẹ Công Giáo... Dĩ nhiên là bà Đại úy được bầu làm trưởng trong các hội đoàn đó và bà hoạt động rất hăng. Nói chung vào thời Đại úy Phạm Ngọc Thảo làm Tỉnh Đoàn Trưởng Bảo An Vĩnh Long, cả trại gia binh tôi ở lúc bấy giờ đạo đức như một... nhà thờ.

Nhưng điều làm tôi không bao giờ quên được là cách thức Đại úy Phạm Ngọc Thảo đi lễ ngày Chúa nhật ở nhà thờ Chánh Tòa Vĩnh Long. Lúc bấy giờ còn là nhà thờ cũ, nằm cặp bờ sông Tiền Giang. Về sau mé sông bị lở nên Nhà thờ phải dời về ngã ba Cần Thơ. Vì mỗi ngày Chúa nhật tôi cũng đi lễ ở đó nên thường xuyên chứng kiến cảnh nhân vật số hai và số ba của tỉnh đi lễ, ý tôi muốn nói tới Tỉnh Trưởng Khuru Văn Ba và Đại úy Phạm Ngọc Thảo.

Đốc Phủ Sứ Khuru Văn Ba lúc bấy giờ đã ngoài 50 là vị tỉnh trưởng dân sự cuối cùng của tỉnh Vĩnh Long. Ông là một người cao to trắng trẻo và oai vệ theo cách thức của một quan chức dân sự. Mỗi sáng Chúa nhật ông bà Tỉnh Trưởng và hai con trai là Khuru Văn Phước và Khuru Văn Lộc lúc đó đã 18, 20 đi lễ trên chiếc xe "Traction 15" màu đen bóng lộn, có tài xế lái. Tôi thường đứng dựa gốc cây me từ đằng xa nhìn gia đình quý phái này đi lễ. Hai ông bà Tỉnh Trưởng đã đẹp mà cặp con trai của ông bà càng đẹp hơn!

Thường thì ông Tỉnh Trưởng mặc com-lê trắng, bà mặc áo dài còn hai cậu ấm mặc đồ tây trắng ủi thẳng tắp. Tài xế đỗ xe ngay cửa nhà thờ xong, vội ra sau mở cửa xe. Gia đình Tỉnh Trưởng xuống xe và đi thẳng vào nhà thờ trong sự trang nghiêm và hơi mát tự nhiên vì họ biết là có bao nhiêu cặp mắt đang nhìn họ. Đoàn người quý phái tiến thẳng vào cửa nhà thờ mở rộng và đi hàng một thẳng lên hàng

ghế đầu dành riêng cho gia đình Tỉnh Trưởng ngay trước cung thánh. Mọi cặp mắt đều đổ dồn về khi họ vào nhà thờ.

Trong khi đó Đại úy Phạm Ngọc Thảo là nhân vật số ba trong tỉnh cũng đi lễ tại nhà thờ này, nhưng cung cách hoàn toàn khác với gia đình ông tỉnh trưởng. Thường thì ông tới trước gia đình tỉnh trưởng một chút. “Đại úy mình” lúc đi nhà thờ chỉ mặc áo dài đen kiểu như cha tôi và mấy bác nông dân ở quê vẫn mặc, chân ông mang giày sắt-đan.

Thay vì xe hơi thì Đại úy Phạm Ngọc Thảo đạp chiếc xe đạp cọc cạch. Xe đạp của ông là loại xe cuộc nhưng tai lái vĩnh lên chứ không cong xuống như các xe đua và trơn trụi không có vè chắn bùn, chỉ có hai cái thắng ở tay. Khi tới nhà thờ Đại úy Phạm Ngọc Thảo dựng xe đạp nơi gốc cây me và cẩn thận móc túi lấy chìa khóa để khóa xe đạp cho yên tâm trước khi bước vào nhà Chúa.

Lúc đứng nhìn ông lui cui khóa cái xe đạp, tôi đoán chắc là ông biểu diễn cho người ta nhìn chứ có thằng ăn cắp nào lại mặt số đi “chợt” chiếc xe đạp của vị sĩ quan chỉ huy toàn thể quân nhân trong tỉnh này! Sau khi thử lại lần chót là khóa xe không bị bung ra vì vô ý, Đại úy Phạm Ngọc Thảo bước đi nhẹ nhàng như con mèo tiến vào nhà thờ và quỳ lẩn lộn giữa đám đông trong một hàng ghế nào đó trong nhà thờ để cầu nguyện. Nếu không để ý chẳng ai biết sự có mặt của nhân vật số ba của tỉnh đang có mặt trong nhà thờ.

Một hôm tôi vô tình nghe được một câu chuyện do một chú trong ban Quân Nhạc kể lại. Chú ấy nói có nghe Thượng sĩ Trưởng ban Quân Nhạc là Biện Công Tước thuật lại trong lần Tổng Thống về thăm tỉnh Vĩnh Long vừa rồi, có Đức Cha Ngô Đình Thục và phái đoàn của tỉnh, trong đó có Tỉnh Trưởng và Đại úy Tỉnh Đoàn Trưởng Tỉnh Đoàn Bảo An Phạm Ngọc Thảo, lên bắc Mỹ Thuận đón Tổng Thống. Khi Đức Cha và Tổng Thống đi ngang sau lưng, Thượng sĩ Tước có nghe Đức Cha nói với Tổng Thống một câu: “Thằng Thảo nó được lắm”. Thượng sĩ Tước về thuật lại cho anh em nghe và nói thêm: “Chắc là chuyện này Đại úy mình sẽ được lên lon”!

Đúng như vậy! Không bao lâu sau đó Đại úy Phạm Ngọc Thảo được thăng lên Thiếu tá và được bổ nhiệm là Tỉnh trưởng Kiến Hòa (Bến Tre) và Đại úy Trần Văn Năm về thay ông ở Vĩnh Long. Lần cuối cùng tôi còn được thấy Phạm Ngọc Thảo là năm 1962, khi đó tôi đã vào học trong Chủng Viện Vĩnh Long, lần đó Thiếu tá Tỉnh Trưởng Kiến Hòa ghé vào chủng viện thăm Linh Mục Giám Đốc Trung Tâm Nhân Vị Nguyễn Văn Tự. Lúc đó Cha Tự dạy tiếng La tinh, tiếng Pháp trong chủng viện Vĩnh Long. Trong lần đó Thiếu tá Phạm Ngọc Thảo rất oai vệ trong chiếc Mercedes màu đen có tài xế lái. Không ai có thể ngờ vị tỉnh trưởng oai vệ đó chính là “Đại úy mình” người đã từng đạp chiếc xe đạp cọc cạch đi lễ ở Vĩnh Long khi còn làm Tỉnh Đoàn Trưởng Bảo An.

Con đường hoạn lộ của Phạm Ngọc Thảo từ đó lên như điều gặp gió. Không bao lâu sau, ông được thăng lên Trung tá rồi Đại tá. Nhưng khi ông Diệm bị phe đảo chánh sát hại năm 1963, ông Phạm Ngọc Thảo bị thất sủng và đi làm Tùy Viên Quân Sự tòa Đại sứ Việt Nam bên Hoa Thịnh Đốn. Không

bao lâu sau, Phạm Ngọc Thảo lộn về và cùng với một vài chính khách dân sự làm cuộc đảo chánh ở Sài Gòn.

Cuộc đảo chánh bất thành, ông trốn chạy và về sau bị bắt và giết chết. Tôi không chú ý lắm các chi tiết này nhưng điều tôi ngỡ ngàng là lúc đó người ta nói Phạm Ngọc Thảo là một tên Việt Cộng gộc, có anh hay em gì đó là Phạm Ngọc Thuận làm đại sứ của Bắc Việt tại một nước Cộng Sản. Thảo đóng vai gián điệp hai mang giả vờ đầu hàng phía Quốc Gia, nấp bóng Đức Cha Thục để len lỏi vào chánh quyền miền Nam.

Sự thật như thế nào về con người của Phạm Ngọc Thảo tôi không rõ, nhưng về sau này khi nghe biết về các hoạt động “không bình thường” của Phạm Ngọc Thảo tôi đâm ra nghi ngờ thái độ đạo đức quá đáng của ông ta lúc ở Vĩnh Long. Tôi hồ nghi rằng lòng đạo đức đó không chân thật nhưng là loại đạo đức “có hậu ý”! Thực ra nếu tôi xét đoán sai về lòng đạo đức của ông, tôi sẽ mắc tội. Xin vong linh ông tha tội cho tôi!

Nhưng cái cách ông bày tỏ lòng đạo đức một cách quá lộ liễu trước mặt Đức Cha Ngô Đình Thục lúc đó, cộng với những vụ rửa tội tập thể và tràn lan lúc bấy giờ, và nhất là các vụ bỏ đạo tập thể và tràn lan sau khi ông Diệm bị lật đổ đã cho tôi lý do để hoài nghi nghi về sự chân thật của ông! Riêng việc ông có rong ruổi trên “xa lộ công danh” lúc bấy giờ theo cái kiểu “con đường nào cũng tới... Vĩnh Long” hay không, tôi không lấy làm lạ. Vì lúc ông Ngô Đình Diệm còn là Tổng Thống đã có biết bao nhiêu người tai to mặt lớn khác cũng chen lấn nhau tên con đường Quốc lộ 4 hay kẹt cầu kẹt bắc đó, từ Sài Gòn đổ dồn về Vĩnh Long để mong được chầu Đức Cha Thục, không riêng gì ông.

Về phần ông Tỉnh Trưởng Khuru Văn Ba, sau đó không lâu xe ông bị Việt Cộng phục kích và ông bị giết chết trên con đường Vĩnh Long-Cần Thơ. Khi ông chết tôi đang học ở trường trung học Nguyễn Trường Tộ, nơi mà ông Phạm Ngọc Thảo có thời gian dạy học khi vừa mới ra “đầu hàng”. Sau khi ông Khuru Văn Ba chết, Thiếu tá Phước về làm tỉnh trưởng Vĩnh Long thay ông, từ đó bắt đầu chế độ Tỉnh trưởng quân nhân. Về sau này có một con đường mới mở trong tỉnh Vĩnh Long mang tên con đường Khuru Văn Ba và tôi tin chắc là khi Cộng Sản chiếm miền Nam họ đã đổi tên con đường này rồi.

Ý Hướng Làm Linh Mục

Sau khi thi đậu trung học đệ nhất cấp năm 1960, tôi qua Mỹ Tho học trường tư thục Rạng Đông vì anh tôi đổi qua đó. Tôi học nhảy lớp đệ tam để thi tú tài một và năm sau tôi xong ban tú tài lúc 19 tuổi. Bắt đầu từ đó tương lai cuộc đời rộng mở trước mắt tôi và tôi là người đậu bằng tú tài đầu tiên trong làng. Tôi làm đơn thi vào đại học y khoa.

Nhưng cũng chính trong thời gian này tôi suy nghĩ rất nhiều về một hướng đi cho tương lai. Tôi nghĩ tới việc muốn làm Linh Mục, vì tôi nghĩ là trong cương vị một Linh Mục, tôi sẽ có dịp phục vụ số người cùng khổ hữu hiệu hơn. Cái nhìn của tôi về hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ, trong đó có kiếp sống làm

than của người dân quê thấp cổ bé miệng bị đủ mọi thứ thế lực đè nén, đã ảnh hưởng rất nhiều tới sự lựa chọn của tôi.

Tôi đã nhìn thấy và cảm thương cảnh người dân, nhất là nông dân bị thiệt thòi về nhiều phương diện. Họ bị đè nén bởi nhiều thế lực khác nhau. Từ phía thực dân Pháp tới giới chức cầm quyền và ngay cả một số giới lãnh đạo tôn giáo nữa. Người dân ở thôn quê phải chịu cảnh một cổ hai tròng mà chẳng biết kêu ai, chỉ biết cúi đầu cam chịu để tránh hậu quả tệ hại hơn.

Việc huấn luyện những người lớn tuổi như tôi để trở thành Linh Mục lúc đó là một ngoại lệ vì những người muốn đi tu phải bắt đầu từ nhỏ khi vừa lên ban trung học. Tôi tìm tới Cha giám đốc chủng viện trình bày ý nguyện của tôi và Cha giám đốc chủng viện Vĩnh Long lúc bấy giờ là Cha Trương Thành Thắng thu xếp cho tôi vào học tiếng La Tinh và tìm hiểu thêm về chí hướng làm Linh Mục tại tiểu Chủng viện Vĩnh Long, nằm không xa trường Nguyễn Trường Tộ bao nhiêu.

Khi tôi thưa với cha má về ước muốn làm Linh Mục, cha tôi sừng sốt nhưng rất vui mừng nói với tôi: "Bây giờ con lớn khôn rồi, hãy tự quyết định về phần con, cha rất mừng khi con có ý định đó, nhưng đã theo tiếng Chúa gọi thì hãy đi cho tới cùng". Từ đó tôi bắt đầu giai đoạn mới trong cuộc đời, với môi trường xa lạ của Chủng viện Vĩnh Long.

Tháng 8 năm 1963 tôi chính thức được nhận vào tu học theo học một chương trình 7 năm nội trú trong Đại Chủng Viện Sài Gòn, lúc bấy giờ Cha Phạm Văn Thiên làm giám đốc. Năm đó cũng là kỷ niệm giáp 100 năm thành lập Chủng viện Thánh Giuse này. Tôi vào nhập học hơn hai tháng thì xảy ra biến cố đảo chánh 1-11-1963

Cuộc Đảo Chánh

Tôi còn nhớ trưa ngày lễ Các Thánh 1-11, lúc đứng trên lầu 3 của Đại Chủng Viện nhìn xuống, thấy một số khá đông binh sĩ, có người chạy, có người leo rào, có người cởi bỏ quân phục dọc theo căn cứ hải quân ở bến Bạch Đằng. Lúc đó chúng tôi biết có biến động nhưng chưa biết là sự gì. Khi chúng tôi vào nhà nguyện trong giờ kinh chiều, bắt đầu có nhiều tiếng đại bác nổ rất gần. Tiếp theo là tiếng súng đủ loại nổ rân rân làm chúng tôi phải bỏ dở buổi kinh chiều và xuống trú ẩn trong nhà kho kiên cố dưới hầm nhà nguyện. Lúc đó, đài phát thanh lập đi lập lại lời kêu gọi tham gia đảo chánh của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng do Trung tướng Dương Văn Minh cầm đầu, xen vào giữa các bản nhạc hùng.

Ông Dương Văn Minh này, tôi không biết có phải là một thứ khắc tinh của dân tộc Việt Nam hay không, mà mỗi lần tên ông được nhắc đi nhắc lại trên đài phát thanh thì y như rằng có chuyện xui xẻo xảy ra cho đất nước. Lần đầu vào ngày 1-11-1963, tên ông được gắn liền với bao nhiêu sự xáo trộn trong nước tiếp theo sau cuộc đảo chánh. Lần thứ hai vào ngày 30-4-1975, tên ông lại được vang trên làn sóng điện một lần nữa và trở thành tiếng kèn đưa ma chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Đêm đó, chúng tôi thức dưới hầm và theo dõi cuộc binh biến qua chiếc máy thu thanh đặt giữa phòng.

Các tiếng nổ của đạn pháo binh và tiếng súng nhỏ, khi thưa khi nhật. Khoảng gần nửa đêm, khi nghe tiếng súng nổ giòn như pháo Tết gần sát ngay bên chủng-viện, chúng tôi biết là phe đảo chánh đang tấn công thành Cộng Hòa chỉ nằm cách chúng tôi bằng con đường Thống Nhất. Đến gần sáng ngày 2-11, tiếng súng thưa dần rồi im bật, tôi biết là phe đảo chánh đã thành công. Lúc bấy giờ, mặc dù không liên can gì về chuyện chính trị, nhưng tôi vẫn cầu mong cho Tổng Thống được bình yên.

Sáng ngày 2-11, chúng tôi ra khỏi nơi trú ẩn và đi nhặt miếng đạn pháo binh nằm rải rác khắp nơi trong khuôn viên của chủng viện. Con đường Cường Để lúc đó tấp nập những quân nhân súng ống đạn dược đầy người di chuyển tới lui, tạo nên cảnh nặng nề chết chóc. Một số đồng thường dân cũng e dè nấp theo các vách tường nhìn ngó ra đường theo dõi sự việc. Nhìn xa hơn, tôi thấy thành Cộng Hòa bị hư hại khá nặng.

Sau khi biết là cuộc đảo chánh đã thành công, tôi càng nóng lòng muốn biết về số phận của Tổng Thống. Tôi không phải đợi chờ lâu, vì ngay tờ báo đầu tiên được dán lên bảng trong phòng đọc báo vào ngày 3 tháng 11 đã có bức hình nhòe nhoẹt và đầy máu me của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trong hình, ông Diệm mặc áo đen, đầu được kê lên cái chậu hứng máu. Một hàng chữ lớn chạy hết bề ngang trên trang nhất: “Anh em Diệm – Nhu đã tự sát!”

Lúc ấy, mặc dù chưa có một nguồn tin nào khác để kiểm chứng nhưng tôi cũng không tin là Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu đã tự sát như tờ báo đã đăng. Thực ra, hai ông đã bị sát hại vào sáng ngày 2-11-1963 trên chiếc xe thiết giáp chạy từ Nhà thờ Cha Tam trong Chợ Lớn về Bộ Tổng Tham Mưu, như các tài liệu về sau này đã tiết lộ.

Có nhiều sách vở, báo chí viết về cuộc đảo chánh năm 1963, kể cả hồi ký của một vài người trực tiếp nhúng tay trong biến cố đó. Các tác giả ngoại quốc, khi viết về các vấn đề Việt Nam cũng có đề cập tới cuộc đảo chánh này. Tôi có đọc qua một số các sách đó và nhận thấy phần đông các tác giả tường thuật diễn tiến cuộc đảo chánh đều giống như nhau, chỉ khác ở chi tiết. Có một điều không thấy ai nói tới, hoặc cố tình không nói lên, hoặc không nhận thấy được: Tại sao Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị hạ sát?

Các tài liệu liên quan tới cuộc đảo chánh cho thấy kế hoạch đảo chánh được soạn thảo và nghiên cứu rất kỹ, cả về phía những kẻ chủ mưu trong chánh quyền Kennedy tại Hoa Thịnh Đốn, lẫn nhóm tướng tá thừa hành tại Sài Gòn. Tuy nhiên có một điều ai cũng thấy là người Mỹ không hề dự trù sau khi lật đổ xong sẽ giết chết ông Diệm. Điều này không phải vì họ có lòng nhân đạo, nhưng vì sợ tai tiếng và phản ứng bất lợi trong dư luận. Chánh quyền Kennedy lúc bấy giờ cũng thừa biết rằng, cho dù cố gắng ném đá giấu tay nhưng trước sau rồi ai cũng biết chính người Mỹ giật dây cuộc đảo chánh này.

Như vậy nếu ông Diệm bị giết chết, Chính quyền Mỹ sẽ bị kết án và gặp nhiều phản ứng bất lợi. Về nhóm tướng tá âm mưu đảo chánh, họ không thể tự quyết định việc gì ngoài sự chỉ đạo của người Mỹ, mà đại diện thường trực để theo dõi, ra lệnh và thưởng công bằng tiền mặt cho họ là Trung tá mật vụ

Lucien Conein. Như vậy, sinh mạng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng không phải do nhóm sĩ quan đảo chánh có quyền quyết định.

Như vậy nếu ông Diệm bị giết chết, Chính quyền Mỹ sẽ bị kết án và gặp nhiều phản ứng bất lợi. Về nhóm tướng tá âm mưu đảo chánh, họ không thể tự quyết định việc gì ngoài sự chỉ đạo của người Mỹ, mà đại diện thường trực để theo dõi, ra lệnh và thưởng công bằng tiền mặt cho họ là Trung tá mật vụ Lucien Conein. Như vậy, sinh mạng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng không phải do nhóm sĩ quan đảo chánh có quyền quyết định.

Vậy tại sao ông Diệm lại bị giết chết? Cho đến nay, chưa có ai lên tiếng công khai nhận mình đã giết ông Diệm. Phần nhiều các tài liệu đều quy tội cho Trung tướng Dương Văn Minh, vì ông này ra lệnh cho Đại úy Nhung bằng cách giơ lên hai ngón tay ở bàn tay phải, dấu hiệu giết cả hai, khi viên sĩ quan cận vệ này theo đoàn xe đi đón ông Diệm tại Nhà thờ Cha Tam. Đoàn xe do Tướng Mai Hữu Xuân dẫn đầu và chính Đại úy Nhung là người đã giết hai anh em ông Diệm – Như trên chiếc xe thiết giáp.

Về chi tiết vụ sát hại này, các tài liệu có nhiều điểm khác nhau. Đại úy Nhung, người được nhắc tới nhiều nhất và được coi là người đã cầm súng bắn chết hai ông Diệm – Nhu, sau cuộc đảo chánh được lên cấp thiếu tá, nhưng đã bị thủ tiêu sau đó ít lâu trong lúc ông Nguyễn Khánh đang cầm quyền. Những người còn sống, thì hoặc giữ thinh lặng, hoặc đổ lỗi qua lại theo cái kiểu “cối đổ cho chày, chày đổ cho cối”, tạo cho cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho tới nay vẫn còn nhiều mờ ám.

Ai trong số các tướng đảo chánh ra lệnh giết ông Diệm trong buổi sáng ngày 2-11-1963? Chuyện đó tôi không bàn ở đây, nhưng theo tôi nhận xét, đây là một quyết định thật vội vã. Sau khi ông Diệm gọi điện thoại cho nhóm tướng lãnh đảo chánh ở Bộ Tổng Tham Mưu xin đầu hàng, số phận hai anh em Diệm-Nhu được định đoạt kể từ lúc đó. Cú điện thoại bất ngờ này đã đặt nhóm tướng tá đảo chánh vào một tình thế khó xử và bắt buộc họ phải có một quyết định. Nói cách khác, chính ông Diệm tự tuyên án tử hình cho ông và người em là Ngô Đình Nhu qua cú điện thoại này.

Tình thế lúc bấy giờ thật đặc biệt, không phải nhóm đảo chánh sợ ông Diệm dùng kế hoãn binh để gọi quân trung thành về lật ngược thế cờ như trong cuộc đảo chánh bất thành hồi năm 1960 do Đại tá Nguyễn Chánh Thi cầm đầu. Điều mà họ lo sợ nhất là lúc họ phải đối diện với Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi họ dẫn ông về tới Bộ Tổng Tham Mưu. Khi đó, họ sẽ phải ăn nói xử sự xưng hô làm sao với ông? Họ không thể chịu đựng được cái mặc cảm tội lỗi khi phải trực diện với con người đã ban cho họ tất cả mọi thứ trên đời, kể cả binh quyền mà họ đã dùng để phản bội lại ông.

Trong bọn họ, có người xuất thân hèn mạt, chỉ là lính khố xanh, khố đỏ; nhờ theo hầu ông mà được quân hàm cao để có quyền hành sai khiến binh lính phản bội lại ông. Họ không biết phải xử sự thế nào với một “tù nhân” mà ngày hôm qua họ vẫn còn run sợ khi phải đứng trước mặt ông. Họ không biết xưng hô thế nào với con người mà hôm qua đây họ dùng lối xưng hô kính cẩn nhất trong ngôn ngữ Việt Nam: Gọi ông bằng “Cụ” và xưng mình là “con”.

Hơn nữa, có thể Dương Văn Minh và nhóm tướng tá đảo chánh cũng lo sợ con người uy nghi đó. Khi bị dẫn về và đối mặt với những kẻ phản bội, rất có thể ông sẽ điếm mặt gọi tên từng người trong bọn họ, “Ta không ngờ bọn mi là lũ phản loạn, bọn mi đã dùng chính ân huệ ta ban cho để ám hại ta!” Từ nhận xét trên, tôi kết luận Tổng Thống Ngô Đình Diệm chết vì chính cái uy nghi cao cả của ông.

Có thể về sau này, con người ra lệnh giết ông Diệm cũng bị lương tâm cắn rứt, nhưng rồi đã âm thầm cầu nguyện, “Thưa cụ, xin cụ hiểu và tha thứ cho con. Không phải con muốn giết cụ, nhưng chính cụ đã đặt con vào tình thế lúc bấy giờ không thể nào có quyết định khác hơn”.

Xáo Trộn Chính Trị

Sau cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, miền Nam bị rơi vào một lỗ hổng chính trị thật lớn, nặng nề nhất là tình trạng khủng hoảng uy quyền Quốc Gia. Các chính phủ tiếp theo sau, chẳng qua là những tổ chức cần thiết phải có để giữ giềng mối cho đất nước khỏi rơi vào cảnh hỗn loạn. Các khuôn mặt xuất hiện trên sân khấu chính trị sau ông Diệm đã không đủ sức lôi cuốn và thuyết phục dân chúng tin tưởng và ủng hộ.

Phần đông họ thuộc giới võ biên, nhờ có quân lính trong tay nên cướp thời cơ nhảy ra nắm quyền bằng các cuộc binh biến, được gọi bằng các tên như cách mạng, đảo chánh, chỉnh lý, biểu dương lực lượng v.v... Có người lại quá kém về phẩm chất và đời sống cá nhân, dốt nát về chính trị, nhưng nhờ thời cơ cũng mang râu đội mũ, nhảy lên sân khấu chính trị để làm tuồng!

Từ trước tới nay, có nhiều người nhận xét khác nhau về cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Có kẻ bênh, người bỏ. Ông Diệm là người có công hay có tội với đất nước, tôi không nói ở đây, việc này chúng ta hãy dành cho lịch sử có tiếng nói sau cùng. Một điều không ai chối cãi được là cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm là người có uy tín cá nhân đáng nể phục, trong cương vị lãnh đạo Quốc Gia. Cái uy tín mà những người đứng đầu chính phủ về sau này không thể có được.

Khi các tướng lĩnh cầm đầu cuộc đảo chánh chưa uống cạn hết chai rượu mừng và các Bộ trưởng của nội các Nguyễn Ngọc Thơ chưa kê xong bàn ghế trong văn phòng thì tướng Nguyễn Khánh từ miền Trung bay vô Sài Gòn làm cuộc “chỉnh lý” bắt giam 4 tướng Lê Văn Kim, Trần Văn Đôn, Mai Hữu Xuân và Tôn Thất Đính tại Đà Lạt, trừ Quốc trưởng Dương Văn Minh được cho ở ngoài, từ đó chánh quyền về tay tướng Nguyễn Khánh. Thời gian đó tôi đang học ở Đại Chung Viện Sài Gòn và hàng ngày thấy xe có còi hụ của Thủ tướng Nguyễn Khánh chạy trên đường Cường Để đi về từ tư dinh của ông ở bên Bạch Đằng tới phủ Thủ Tướng nằm trên đường Thống Nhất, sát vách với Tiểu Chung viện.

Có một sự kiện xảy ra trong thời Tướng Khánh cầm quyền, lúc đó có mấy ngày vô chính phủ và Sài Gòn rơi vào cảnh hỗn loạn thực sự. Điều tôi ghi nhớ một cách đau đớn là lúc đó có sự va chạm nhau một cách nặng nề giữa hai tôn giáo lớn là Phật giáo và Công giáo. Sài Gòn trong thời gian đó bị lên cơn sốt gây ra bởi tình thế hỗn loạn và dân chúng càng bấn loạn hơn nữa bởi những tin đồn gây hoang

mang. Khi thì có tin Phật tử sẽ tấn công Tòa Giám Mục Sài Gòn, hoặc tòa soạn báo Xây Dựng. Lúc khác lại có tin thanh niên công giáo trong các trại di cư sẽ tấn công Viện Hóa Đạo, chùa Xá Lợi...! Những loại tin đồn đó tạo cho tình thế vốn đã hoang mang càng ngày càng căng thẳng nhiều hơn.

Có những đêm chúng tôi đã bị ảnh hưởng bởi những tin đồn đó và đã mang lên lầu 3 của Chung viện những loại gạch đá gây gộc vì có tin thanh niên Phật Tử sẽ tấn công Chung viện Sài Gòn trong đêm! Trong khi đó các cơ sở tôn giáo của cả hai bên đều lo tổ chức những biện pháp phòng vệ riêng tư, tạo cho bầu không khí Sài Gòn trở thành khó thở như sắp có cuộc chiến tranh tôn giáo xảy ra!

Tôi không biết thực tế đã có những những va chạm tôn giáo như thế nào và ở đâu, nhưng mỗi lần nhớ tới tình cảnh lúc đó tôi cảm thấy đau đớn cho số phận dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có tôn giáo. Đại đa số người Việt Nam nếu không thuộc về tôn giáo này cũng thuộc về tôn giáo khác, vì thế lực lượng dân tộc trong các tôn giáo chính là sức mạnh tổng hợp ý chí của toàn dân. Nếu có những va chạm và tình trạng bất hòa xảy ra giữa tín đồ các tôn giáo, nhất là giữa hai tôn giáo lớn thì thật là một đại họa cho dân tộc.

Khủng Hoảng Uy Quyền

Trong hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ, miền Nam rất cần một thứ uy quyền lãnh đạo để đương đầu với một Hồ Chí Minh vừa có uy tín ở miền Bắc, lại vừa mưu mô quỷ quyệt. Tiếc thay, thứ uy quyền cần thiết đó thì miền Nam lại không có. Chính phủ của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra đời năm 1967 được coi là khá nhất trong số các chính phủ vá vúi tiếp theo cuộc đảo chánh 1-11-1963.

Dù vậy cũng chỉ tạo được một sự ổn định tạm bợ về chính trị, nhưng tuyệt nhiên không gây được tác dụng tinh thần nào nơi dân chúng, và nhất là nơi các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ chống Cộng. Sức mạnh thực sự của miền Nam lúc bấy giờ không phải là sự quyết tâm tranh đấu của toàn dân, mà là kỹ thuật tân tiến của vũ khí do Mỹ viện trợ, cộng với sự lo sợ về một cuộc sống lầm than nếu để miền Nam rơi vào tay Cộng Sản.

Hai yếu tố đó hợp lại đã tạo được những trang quân sử lẫy lừng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH). Tiếc thay, những chiến sĩ kiêu hùng của QLVNCH lúc bấy giờ lại là thành phần chịu thiệt thòi nhiều nhất. Họ chiến đấu anh dũng nơi chiến trường để giữ yên bờ cõi cho những kẻ vô trách nhiệm ung dung thụ hưởng ở hậu phương! Họ đã đổ xương máu ra ngăn chặn quân thù cho những kẻ quyền thế lo làm giàu, mua quan bán chức! Họ đem thân mình đỡ đạn thay cho những thanh niên con nhà giàu đút lót tiền bạc cho các cấp chỉ huy để làm "lính ma, lính kiếng!"

Tinh thần đâu để chiến đấu khi các chiến sĩ oai hùng ngoài mặt trận nghe tiếng bom đạn của kẻ thù, hòa với tiếng la hét của đồng bào biểu tình tố cáo đích danh tổng tư lệnh của họ là một tên tham nhũng. Chắc là họ cũng biết rằng, một chiếc máy bay lúc nào cũng chực sẵn để khi cần là tổng tư lệnh của họ sẽ đào tẩu cùng với vợ con và của cải vợ vét được! Trong bối cảnh như vậy, việc mất miền Nam

chỉ còn là vấn đề thời gian.

Bước Chân Vào Đời

Tôi thụ phong Linh Mục năm 1970, lúc vừa 27 tuổi. Một tháng sau, tôi về làm Cha phó tại xứ đạo Hòa Khánh, ngay trong thị xã Sa Đéc. Tỉnh Sa Đéc tương đối nhỏ với khoảng hai trăm ngàn dân, đa số là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Thị xã Sa Đéc nằm bên bờ sông Cửu Long, cách bắc Mỹ Thuận gần 30 cây số.

Nhờ sự giao thông thuận tiện, cả đường thủy lẫn đường bộ, nên Sa Đéc là một trong những tỉnh trù phú của miền đồng bằng sông Cửu Long. Đa số dân chúng sống dọc hai bên bờ sông và trồng cây ăn trái trên những khu đất bồi màu mỡ. Một số khác làm ruộng trong các vùng sâu hơn về phía trong, nhưng phát đạt nhất vẫn là về thương mại. Người dân Sa Đéc hiền hòa và hiếu khách, một phần do bản chất của người dân miền quê, phần khác cũng do ảnh hưởng phong thổ cây xanh bóng mát, tạo cho người dân vùng này cảnh sống an nhàn, gần gũi và hòa hợp với thiên nhiên.

Tôi còn nhớ mãi những hình ảnh nhẹ nhàng dễ thương trong những lần đi thuyền máy trên nhánh sông nhỏ vào các buổi trưa hè để vô làm việc trong xứ đạo nhỏ tại xã Tân Phú Trung, cách tỉnh lỵ 12 cây số. Thuyền máy lướt nhẹ trên dòng sông nước trong veo, hai bên bờ rợp bóng mát dưới những tàn cây to đủ loại, nhiều nhất là cây cà-na, loại cây có trái to bằng ngón tay cái, hai đầu nhọn túm lại như hình dáng con thoi.

Hai bên bờ sông là con đường đất khá rộng mà xe hơi loại nhỏ có thể đi được. Nấp sau khoảng sân rộng là những ngôi nhà ngói, phần nhiều là cổ xưa, nằm hướng ra bờ sông. Trước mỗi nhà có cầu bến để lên, xuống ghe thuyền và làm nơi tắm giặt. Cầu bến thường là đúc bằng xi-măng cốt sắt, có khi bằng hai tấm vỉ sắt có lỗ tròn, loại vỉ sắt dùng làm sân bay dã chiến. Có khi cầu bến làm bằng những tấm ván ghép lại, bên trên có đóng mấy “con lươn” to bằng ngón chân cái, cách quãng nằm ngang cho đỡ trơn trượt, một đầu cầu gác lên bờ, đầu kia dốc sâu xuống mí nước.

Vào những trưa hè êm ả, các cô thôn nữ thường ngồi trên cầu bến giặt giũ. Một vài cô khác tươi cười đứng chải tóc dưới tàn cây cà-na rợp bóng mát. Các nàng ăn mặc thật đơn giản, chiếc áo bà ba trắng ôm sát lấy người, làm nổi bật mái tóc đen óng ả được vén qua một bên vai ra trước ngực phủ dài xuống thân. Nàng thôn nữ, một tay nắm trọn lọn tóc ghì vào dưới cằm, tay kia chải nhẹ phần tóc còn lại ở dưới, vừa nghiêng nghiêng đầu, lơ đãng đưa mắt nhìn chiếc thuyền máy đang chậm chậm lướt qua. Hình ảnh đó tô đậm thêm cho nét đẹp của một vùng quê an bình, mà dân chúng được thừa hưởng của thiên nhiên ở miền nước ngọt cây lành. Hình như tôi đã được nhìn thấy ở đâu một bức tranh thủy mặc vẽ cảnh tương tự như thế.

Khi tôi bắt đầu cuộc đời Linh Mục năm 1970 cũng là lúc chiến cuộc miền Nam tới hồi ác liệt. Hình ảnh và tin tức chiến tranh nhan nhản khắp nơi. Báo chí và đài phát thanh ngày nào cũng đầy dẫy tin chiến

sự. Miền Nam lúc bấy giờ bắt đầu co cụm lại trong các thành phố, vì các vùng quê phần nhiều mất an ninh, nhưng thủ đô Sài Gòn và các thành phố lớn vẫn ồn ào náo nhiệt như không có gì xảy ra. Người dân đô thị chỉ nghe nói tới chiến tranh, nhưng phần đông không tận mắt chứng kiến hoặc chưa thấy sự đe dọa trực tiếp tới mạng sống và tài sản, nên mọi người cứ vui sống an nhàn.

Tin tức chiến sự trên báo chí dần dần trở thành quá quen thuộc. Những con số thương vong trong các trận đánh của hai phe lâm chiến dần trở thành những con số thống kê vô nghĩa, không còn gây chú ý đối với những người sống trong các vùng an toàn ở hậu phương. Thỉnh thoảng có xảy ra các vụ Việt Cộng đặt mìn hay pháo kích vào thủ đô Sài Gòn hoặc vào các thành phố, trường học, gây kinh hoàng trong một thời gian rồi đâu lại vào đấy.

Ai có nhiệm vụ phải đánh giặc thì lo đánh giặc, người nào may mắn không phải ra trận và đang sống ở các khu vực an toàn thì cứ vui sống, hưởng thụ và lo làm giàu. Sự hiện diện của nửa triệu lính Mỹ và một số khá đông quân đội các nước đồng minh tại miền Nam lúc bấy giờ đã tạo nên một hình thái xã hội thật đặc biệt, một xã hội sống thác loạn, ồn ào và đầy mánh mung của thời buổi chiến tranh.

Trong khi đó, tình hình an ninh tại những nơi xa thành thị hoặc ở vùng quê càng ngày càng sa sút. Người dân quê phải chịu cảnh một cổ hai tròng, ban ngày lúc còn mặt trời thì thuộc sự kiểm soát của Quốc gia, bóng đêm về nằm trong tay Việt Cộng. Người dân quê đóng thuế cho Quốc gia một, thì đóng thuế cho Việt Cộng mười. Ai trốn thuế Quốc-gia nếu bị bắt có thể đi tù, còn ai trốn thuế “đảm phụ quốc phòng” của Việt Cộng thì bị chặt đầu mổ bụng.

Chính mắt tôi đã chứng kiến cảnh tượng dã man một cách hãi hùng này tại quê nhà tôi. Việt Cộng trà trộn trong dân, ẩn nấp trong nhà dân, ăn cơm của dân, dùng tiền thuế của dân và dùng dân làm bia đỡ đạn trong trong các cuộc biểu tình chống đối chánh quyền Quốc gia. Thậm chí, có trường hợp chánh quyền địa phương bắt giam những người dân đóng thuế cho Việt Cộng, trong khi chánh quyền không thể bảo vệ được cho người dân khỏi bàn tay sắt máu của họ. Người dân ở nông thôn xa xôi khốn khổ không biết kêu ai, chỉ còn biết kêu trời, mà trời thì cao quá làm sao nghe thấy!

Trong bối cảnh miền Nam chiến tranh khói lửa và hỗn tạp như vậy, cộng với một chánh quyền mang nhiều tai tiếng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, đã dẫn đưa xã hội miền Nam vào một cuộc sống mất phương hướng. Uy quyền Quốc gia là yếu tố tinh thần cần thiết nhất cho một nước, nhất là trong thời chiến, nhưng miền Nam lại thiếu hẳn yếu tố đó.

Người ta phan phui rất nhiều về vụ tham nhũng thối nát của chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu, về tệ nạn mua quan bán chức, về những ông bà lớn lợi dụng quyền uy để buôn lậu đủ các loại hàng, kể cả hàng quốc cấm. Có “vị” còn dám bán cả súng đạn cho Việt Cộng lấy tiền bỏ túi! Thiên hạ lúc bấy giờ còn nói chính ông Nguyễn Văn Thiệu là một tay tham nhũng gộc, một thứ “hạm” nuốt trôi tài sản Quốc Gia và tiền viện trợ Mỹ.

Phong trào chống tham nhũng do Cha Trần Hữu Thanh, một Linh Mục Dòng Chúa Cứu Thế phát động, tung ra những bản cáo trạng tố cáo đích danh Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và một số tướng lãnh, đã được nhiều người hưởng ứng. Có người còn tỏ ra hiểu chuyện, nói vanh vách ra cái ghế tỉnh trưởng giá bao nhiêu tiền, muốn làm quận trưởng phải “chạy” bao nhiêu và còn cho biết cái “bót” quận trưởng quận Năm trong Chợ Lớn được đấu giá cao nhất, vì đây là một chức vụ béo bở!

Các ông quận trưởng trong vùng Chợ Lớn, tuy lúc mới về khá gầy ốm hom hem, nhưng được mấy chú Ba Tàu “tốt bụng” vỗ béo cho, chẳng mấy chốc mà trở nên mập béo, phát tài, phát tướng! Sự thật về tệ nạn tham nhũng đúng tới mức nào tôi không rõ, điều tôi biết một cách chắc chắn là ở miền Nam lúc bấy giờ, ai may mắn nắm giữ được chức vụ tốt trong chánh quyền thì làm giàu nhanh, mà chức Tổng Thống dĩ nhiên là tốt nhất!

Tôi còn nhớ có lần ông Trần Văn Hương khi còn làm thủ tướng đã than: “Nếu diệt hết tham nhũng lấy ai làm việc nước!” Vì những người làm việc nước, đồng thời cũng đang bận vợ vét tiền của như vậy nên miền Nam lúc bấy giờ tuy có chánh quyền nhưng không có uy quyền, có Tổng Thống nhưng không có người lãnh đạo quốc gia.

Khi bắt đầu cuộc đời Linh Mục cũng là lúc tôi bắt đầu va chạm với thực tế về sự bất công của xã hội mà trước đây tôi chỉ thấy và nghe. Thực tế cho tôi biết nạn người bóc lột người, người đè nén người trong đất nước tôi nặng nề và ác độc hơn tôi tưởng. Giới chức trong chánh quyền các cấp, ít nhất là ở cấp mà tôi có dịp tiếp xúc, thì họ thực sự là “cha mẹ của dân”. Họ đè nén người dân, bóc lột và vợ vét của công, của tư một cách vô tội vạ.

Trong hai năm đầu phục vụ tại Sa Đéc, tôi đã phải đương đầu và đụng chạm nặng nề với giới chức đứng đầu hành chánh của tỉnh, khi ông cùng với viên chức Ty Xã Hội nuốt trôi hết vật liệu cất nhà mà Bộ Xã Hội cấp cho mấy ngàn Việt Kiều hồi hương từ Cam Bốt chạy về các tỉnh biên giới phía Nam. Lúc đó tôi là thành viên trong Ủy Ban Cứu Trợ Việt Kiều Hồi Hương của tỉnh Sa Đéc. Ngoài ra còn có những vị chức sắc tôn giáo đã làm lu mờ giáo lý cao cả của tôn giáo mà họ là người rao giảng. Sự nhập nhằng giữa tôn giáo và chính quyền lúc bấy giờ đã tạo ra những “lãnh chúa áo đen”. Họ lợi dụng chức vị tôn giáo để mưu cầu danh lợi riêng tư.

Năm 1972, tôi được đổi về làm phó xứ Cái Đồi tại quận Long Toàn, tỉnh Trà Vinh, một giáo xứ xa xôi và lẻ loi nằm tận bờ biển Ba Động. Tại đây tôi mới thực sự chia sẻ nỗi đau của bà con trong vùng như chính nỗi đau của riêng tôi. Nhiều người dân trong vùng chạy đến với tôi khóc lóc kêu van vì ông quận trưởng hà hiếp, bóc lột, tham nhũng, hãm hiếp gái tơ và đè đầu cỡi cổ người dân đen trong quận một cách tàn nhẫn. Người dân, nhất là những người không thuộc về xứ đạo chỉ biết khóc mà không biết kêu ai. Tệ hơn nữa, ngài quận trưởng lại là bạn thân của Cha sở.

Trong hoàn cảnh ấy tôi đã công khai đứng về phía dân chúng và thách thức quyền lực của viên chức chính quyền bất nhân này. Cuối cùng tiếng nói người dân đã thắng. Viên quận trưởng phải rời chức

vụ và bị giam vào quân lao Cần Thơ. Phần tôi đã phải trả cái giá khá đắt cho việc làm này là bị thất sủng trong hàng ngũ các Linh Mục thuộc Giáo phận Vĩnh Long, nhưng tôi không coi đó là điều đáng buồn. Ngược lại, tôi thấy vui và hạnh phúc vì đã có dịp sống với lý tưởng mà tôi đã lựa chọn.

Kết Thúc Ván Cờ

Qua những năm đầu trong thập niên 70, chiến tranh càng leo thang ác liệt làm cho tình cảnh người dân Việt Nam càng khốn khổ hơn. Đồng bào miền Bắc phải lo chống chọi với những đợt mưa bom của Mỹ, người dân miền Nam bị đe dọa nặng nề hơn bởi những cuộc pháo kích của Việt Cộng vào thành phố và khủng bố của họ ở miền quê. Cuộc sống lầm than của người dân hai miền nói sao cho siết!

Chiến cuộc càng leo thang thì máu xương dân tộc Việt Nam càng chồng chất. Nếu có ai đem máu của người Việt Nam bị máy bay Mỹ giội bom giết chết ở miền Bắc hòa với máu người dân vô tội bị Việt Cộng pháo kích chết ở miền Nam sẽ ngạc nhiên thấy hai dòng máu đó hòa hợp một cách lạ lùng. Điều này rất dễ hiểu vì cả hai loại máu đó có chung một huyết thống có tên là Dòng Máu Việt Nam.

Nhưng số phận của dân tộc tôi dù sao cũng chỉ là một con tốt trong bàn cờ chính trị quốc tế. Vì thế khi bánh máy bay chở ông ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger chạm mặt đất của phi trường Bắc Kinh năm 1972 thì thế cờ chính trị thế giới thay đổi. Hơi gió mạnh của máy phản lực trên chiếc máy bay đó cũng thổi gập cuốn lịch sử Việt Nam sang qua một trang mới. Những ngày tháng tiếp theo, thế giới có dịp mỉm cười trước cảnh một số những anh điếc ngòi bàn chuyện với nhau về tương lai của Việt Nam tại cuộc hội đàm Paris. Trong lúc đó bom đạn vẫn gào thét trên đất nước Việt nam, và dĩ nhiên Thần Chết phụ trách khu vực Việt Nam lúc nào cũng bận rộn như đã từng bận rộn trong mấy chục năm qua.

Tháng Giêng năm 1973, Hiệp Định Ba-lê được ký kết với những điều khoản trở thành dấu ấn đóng trên số phận u tối của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Cho tới cuối tháng tư năm 1975, miền Nam đi vào cơn hấp hối khi những người Cộng Sản từ miền Bắc ồ ạt ủa vào miền Nam. Lúc bấy giờ chánh quyền và quân đội miền Nam đang rối loạn hàng ngũ. Mỗi ngày qua đi là một bước tới ngõ đường cùng của chế độ.

Rồi ngày định mệnh dành cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam đã xảy ra vào ngày cuối cùng của tháng Tư năm 1975. Một thời điểm được ghi thật đậm nét trong cuốn lịch sử của Dân Tộc Việt Nam.

Tôi đang phục vụ tại Nhà thờ Chánh tòa Vĩnh Long khi Cộng Sản chiếm miền Nam. Hai tháng sau tôi được chỉ định qua làm Cha sở họ đạo La Mã trong tỉnh Bến Tre. Tính đến lúc đang ngồi thần thờ trên chuyến xe Minh Chánh buổi chiều tà này, tôi đã làm Linh Mục được sáu năm. Sáu năm qua mau, sáu năm tôi chứng kiến nhiều cuộc đổi thay trong nhân tình thế sự.

Trở Về Thực Tại

Đang thả hồn theo dòng suy tư, chợt tôi nghe tiếng anh tài xế hỏi bên tai:

– Ông anh ngồi có chật lắm không? Nhích qua phía tôi một chút đi. Chịu khó chật một chút, không bao lâu nữa tới nơi rồi!”

Câu hỏi bất ngờ của anh tài xế kéo tôi về thực tại. Có lẽ thấy tôi ngồi yên đã lâu, nên anh tài xế muốn gạ chuyện cho vui. Tôi mỉm cười trả lời:

– Không sao đâu anh! Tôi ngồi thoải mái lắm, anh chạy rất cừ, sắp tới Sài Gòn rồi.

Người tài xế tuổi trung niên vui tính nhe răng cười như đáp lại lời khen của tôi, xong quay sang trả lời câu hỏi gì đó của một bà ngồi phía sau. Lúc xe đang chạy, anh cười nói huyên thuyên với hết người này tới người khác từ phía sau. Lúc nói chuyện, anh có thói quen hay chửi thề hai tiếng ĐM. Mười câu thì có chín tiếng ĐM vì quen miệng. Tôi ngồi yên, nghe tiếng chửi thề của anh lại rất có duyên. Có lúc tôi lẩn thẩn nghĩ rằng, nếu anh tài xế nói chuyện mà không chêm hai tiếng ĐM đệm vào thì câu chuyện xem ra nhạt nhẽo, mất hào hứng.

Ngồi yên một mình khiến tôi suy nghĩ vẩn vơ. Có lúc tôi quay sang nhìn bộ dạng anh tài xế và theo dõi từng động tác của anh. Anh có bộ ria mép rậm dài và đen nhánh, như hai con râu róm nằm chấu đầu vào nhau. Mỗi khi anh nói cười, bộ ria mép cũng giật giật như hai con râu róm đang giỡn trêu, đùa cợt nhảy vào tấn công nhau, rồi lại nhảy lùi ra né tránh, trông thật ngộ nghĩnh! Mỗi khi có chiếc xe lô nào ngược đường qua mặt, anh đều chào bạn tài xế xe kia bằng cách nhấc mấy đầu ngón tay của bàn tay trái như cái quạt được xòe ra, trong khi bàn tay phải vẫn để gá nhẹ trên tay lái, miệng cười nói vui vẻ.

Tôi ngồi kế bên, theo dõi một cách thích thú cách hai anh tài xế chào nhau. Khi thấy có xe lô ngược chiều từ xa, tôi lại để ý các ngón tay anh. Khi hai xe gặp nhau, các ngón tay anh tự động dương lên, rồi lại hạ xuống, như cửa các tiệm buôn được điều khiển tự động bằng “mắt thần”. Hình ảnh vui vui này đã giúp tôi quên thực tại trên một đoạn đường dài.

Hành khách ngồi phía sau đa số là những người bình dân. Nghe họ nói chuyện, tôi biết họ đã quen nhau và đi lại thường xuyên để buôn bán trên tuyến đường này. Cách họ đùa cợt với anh tài xế cũng chứng tỏ họ là những hành khách thường xuyên của anh. Tôi ngồi yên lặng suốt từ lúc bước lên xe, một phần vì chẳng quen ai và cũng không có chuyện gì để nói, vả lại lòng tôi đang rối như tơ vò.

Câu hỏi cứ lập đi lập lại trong đầu, tới bến xe Phú Lâm rồi đi đâu nữa? Tự nhiên tôi đâm ra lo lắng và cầu mong cho xe chạy chậm lại, chạy thật chậm lại, càng chậm càng tốt, để nếu có thể thì không bao giờ tới bến. Anh tài xế vui tánh nãy giờ nói năng đùa cợt với các bà ngồi sau, lại quay sang hỏi tôi khi vừa qua khỏi cầu Long An một đổi.

– Ông anh xuống Xa Cảng hả?

– Vâng, tôi xuống Xa Cảng.

Người ta gọi xa cảng miền Tây ở Phú Lâm bằng cái tên gọn là Xa Cảng. Thấy tôi trả lời không có vẻ hào hứng, anh tài xế yên lặng một chút rồi vẫn nhìn thẳng phía trước nói:

– Buổi chiều vắng xe mình đi lẹ, chút nữa tới rồi. Ông anh ở Sài Gòn à?

Bình thường có lẽ tôi cũng vui vẻ tiếp chuyện anh tài xế, nhưng lúc đó tôi chỉ đối đáp hững hờ cho qua chuyện:

– Không, lên thăm bà con.

Anh ta gạ chuyện tiếp theo:

– Vậy ông anh ở Mỹ Tho à?

– Không! Tôi ở Bến Tre... tôi làm việc ở Bến Tre, nhưng gia đình ở Vĩnh Long.

Nghe hai tiếng Vĩnh Long, anh ta quay sang tôi vui vẻ như gặp được đồng hương:

– Vĩnh Long à? Tôi cũng có thằng bạn ở Vĩnh Long, nó có tiệm bán máy đuôi tôm ở ngã ba Cần Thơ tên là... tên là... tên là gì tôi quên rồi, trong dãy phố của Đức Cha Thục đó. Hồi trước giải phóng nó khá lắm, bây giờ hông biết nó ra sao, lâu rồi tôi cũng không gặp nó.

Tôi bị dị ứng khá nặng khi nghe ai dùng hai tiếng “giải phóng” để nói về biến cố 30 tháng 4 năm 1975, ngày Cộng Sản chiếm miền Nam, nhưng anh tài xế dùng hai tiếng “giải phóng” cũng vô thức và đầy thói quen như hai tiếng “ĐM” trong câu chuyện. Hiểu như vậy nên tôi không cảm thấy khó chịu nên vui vẻ trả lời.

– Tôi có biết dãy phố của Đức Cha Ngô Đình Thục.

Yên lặng một lúc, nhìn thẳng về phía trước, như để ôn lại kỷ niệm của thời xa xưa, anh nghiêng đầu qua tôi:

– Thành phố Vĩnh Long cũng đẹp, lúc trước giải phóng tôi hay xuống đó chơi, có lần tôi xuống tới quận Chợ Lách nữa. Vô mấy vườn trái cây ở đó mặc sức mà ăn! Còn gái Vĩnh Long thì khỏi phải nói, nhất là gái Nha Môn đẹp có tiếng! Ông anh có đồng ý không?

Vừa hỏi anh ta vừa nheo mắt nhìn tôi một cách hóm hỉnh, tôi đĩnh chánh và tránh né đề tài:

– Nha Môn thuộc về Sa Đéc rồi!

Lúc đó xe đang ngon trớn phóng nhanh và tôi thấy mấy chiếc xe khá xa về phía trước đang chạy chậm lại nhưng anh tài xế đang vui câu chuyện hình như không chú ý, anh vội quay qua tôi tỏ vẻ ngạc nhiên:

– Ủa! Tôi tưởng là Nha Môn thuộc về Vĩnh Long chứ! Tôi nhớ hồi trước có lần... có lần... ĐM! Lại trạm kiểm soát! Tối rồi mà còn nút chặn!

Anh ta vội ngắt ngang câu chuyện với tôi, ngoái đầu lại phía sau như cái máy, báo động:

– Trạm kiểm soát đó nghe bà con, có giấy tờ gì lo móc sẵn ra, để chạy cho nó lẹ! Tối rồi...

Chiếc xe ngừng lại khá gấp. Vì mãi lo nói chuyện và không để ý mấy xe trước đã dừng, nên anh vội đạp thắng, làm hành khách ngã nghiêng. Tiếng la, tiếng cười nói, tiếng rửa sả lại rộn cả lên từ đám bạn hàng quen thuộc từ phía sau.

Lúc bấy giờ là cuối tháng Tư năm 1976, một năm sau ngày Cộng Sản chiếm miền Nam. Tôi không hiểu chính quyền Cộng Sản thời đó áp dụng chính sách kinh tế kiểu gì, chỉ biết là đi tới đâu, cũng nghe dân chúng rên rỉ, than phiền về tình trạng ngăn sông cấm chợ. Trên các trục giao thông đường bộ cũng như đường thủy, có quá nhiều trạm kiểm soát. Thời kỳ đầu, các trạm kiểm soát đủ loại mọc lên khắp nơi, cách một đoạn chừng mười cây số lại có một trạm, về sau này có thưa đi một chút nhưng vẫn còn quá nhiều. Lúc đầu kiểm soát giấy đi đường, kiểm soát thẻ đăng bộ xe gắn máy, kiểm soát giấy tờ hóa đơn đồng hồ, cà rá v.v... Ai không có hóa đơn thì tịch thu chờ “cứu xét”.

Về sau này, kiểm soát hàng hóa như đậu lạc, dừa khô, thịt heo, hoa quả vải vóc và các thứ khác. Nhưng ở đời, vỏ quít dày có móng tay nhọn. Chánh quyền càng tăng cường kiểm soát thì các con buôn càng có nhiều mách khéo tinh vi hơn để qua mặt chánh quyền. Khi có nhiều kẻ qua mặt thì chánh quyền lại tăng cường thêm các trại kiểm soát và cứ thế cả hai đảng cùng leo thang chơi trò “cút bắt kinh tế”.

Tôi có nghe được khá nhiều câu chuyện về mách lới con buôn dùng để vượt qua các trạm kiểm soát, trong đó có chuyện sau đây làm tôi nhớ mãi. Có một người đàn bà bụng mang dạ chửa, nhưng vì quá nghèo nên phải tảo tần mua bán độ nhật qua ngày. Chị lén “buôn lậu” vài loại hoa quả như chuối, dừa khô v.v...

Có hôm bị nhân viên kiểm soát kinh tế bắt tịch thu mất vốn, cũng có khi chị năn nỉ họ thương tình tha cho vì xét ra dăm ba trái dừa khô, một ít nải chuối cũng chẳng đáng là bao. Nếu gặp phải thịt heo thì không thể tha được, vì món hàng này bị cấm ngặt, do đó nếu ai giấu được vài ký thịt qua trạm kiểm soát sẽ lời bằng mấy lần người khác buôn hoa quả. Chị đàn bà có mang này cứ tiếp tục buôn bán hoa quả thời gian khá lâu.

Một ngày nọ chị cũng đi buôn dừa khô như thường lệ, nhưng hôm đó bất ngờ chị phải đứng chờ trước trạm kiểm soát khá lâu. Một lúc sau, nhân viên kiểm soát ngạc nhiên thấy máu chảy ướt cả hai bàn chân của chị, tưởng là chị đã tới lúc sanh con, nên nhân viên kiểm soát vội vàng gọi y tá tới giúp. Mặc dù chị quyết liệt từ chối, nhưng ai lại để chị sanh con giữa đường giữa sá bao giờ!

Khi tới nơi mới vỡ lẽ ra, chị ta chẳng bầu bì gì cả. Thì ra từ bao lâu nay chị đã buôn lậu hàng tạ thịt heo bằng cách bó thật chặt vào bụng khi qua các trạm kiểm soát, và dĩ nhiên là chị ta chỉ “có bầu” để qua mặt nhân viên kiểm soát. Mặc dù lục soát rất kỹ nhưng có ai sờ nắn bụng đàn bà có mang bao giờ.

Hôm ngày chị “ở cũ” vì kẹt trước trạm quá lâu, và thịt heo gói trong bọc nhựa loại xấu vỡ ra, làm máu chảy dọc theo hai bên chân dài xuống ướt cả bàn chân mới ra có sự. Hàng trăm thứ tội chỉ tại vì cái bọc nhựa kém chất lượng! Loại bọc nhựa đen ngòm làm bằng chất nhựa nấu lại, vì thời buổi ấy tìm đâu ra túi loại trắng làm bằng thứ nhựa nguyên chất?

Chiếc xe của tôi bò từ từ, nối đuôi theo sau đoàn xe khá dài đang đi ngang qua trạm kiểm soát. Tôi e ngại mỗi khi xe ngừng lại các trạm, vì kinh nghiệm cho biết bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra tại các nút chặn như thế này. Mỗi lần qua trạm, tôi đều nhớ lại cảnh tượng hãi hùng mà tôi đã chứng kiến, cũng xảy ra trên tuyến đường này một năm về trước. Hôm đó, mới 5 ngày sau khi Cộng Sản chiếm miền Nam, tôi đang ở Nhà thờ Chánh tòa Vĩnh Long và có việc phải đi Sài Gòn cùng với một vài người trên chiếc xe Wolksvagen của cơ quan bác ái Caritas.

Trên quốc lộ 4 ngày hôm đó thật hỗn loạn khác thường, nào xe lớn xe nhỏ, nào người dân, nào du kích mang súng ống đạn dược... đông nghẹt cả đường lộ như cảnh bán chợ trời. Cách quãng vài trăm thước lại có một nhóm vài ba anh du kích mặc đồ đen, đội nón tai bèo, mang dép râu, khăn rằn quấn cổ mang súng AK hoặc M16, đưa tay chặn xe lại và xét! Tôi cũng chẳng biết họ xét cái gì, vũ khí thì chúng tôi không có, giấy tờ thì chúng tôi có nhưng họ lại không biết đọc.

Cuối cùng họ xét... hóa đơn! Bất cứ thứ gì, nhất là đồng hồ đeo tay mà không có hóa đơn đều bị giữ lại để chờ mang hóa đơn tới chuộc về. Tôi nghe rất nhiều khổ chủ của những xe gắn máy, của các chiếc đồng hồ đang cố gắng giải thích cho các anh du kích trong rừng vừa mới ra này hiểu rằng, không bao giờ họ cần phải mang theo hóa đơn khi đi đường. Nhưng giải thích thì cứ giải thích còn việc “cách mạng” làm thì họ cứ làm.

Xe tôi rời nhà từ sáng sớm, cho tới xế chiều thì bò gần tới Cái Bè, tức là gần nửa đoạn đường 130 cây số Vĩnh Long – Sài Gòn. Tính ra chúng tôi đi được 50 cây số trong 7 tiếng đồng hồ. Xe cứ bò đi, lại bị chặn kiểm soát rồi lại bò đi, lâu lâu xe dừng lại cho mấy anh du kích quá giang.

Khi tới Cái Bè lại kiểm soát và lần này thì một anh du kích có sáng kiến rất lạ lùng, anh cầm ngửa một cái nón lá của phụ nữ, leo lên xe tôi và ra lệnh tất cả hành khách ai có bất cứ một thứ giấy tờ gì thì ném hết vào. Chúng tôi nhìn nhau e ngại trước cái lệnh quái đản này, vì nếu không còn giấy tờ tùy thân nữa thì chúng tôi sẽ ra sao trong tình thế hỗn loạn này? Tôi lên tiếng hỏi:

– Anh à, nếu anh giữ giấy tờ chúng tôi ở đây, các trạm tới hỏi chúng tôi làm sao?

Anh du kích điềm nhiên trả lời:

– Bà con nói là anh Tư Lớn ở Cái Bè đã giữ!

Trời ơi, giấy tờ tùy thân của chúng tôi trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng này mà anh “Tư Lớn” coi như... lá khoai! Nhưng chúng tôi không thể giải thích hoặc cưỡng lệnh anh “Tư Lớn”, nhất là khi nhìn thấy cái nòng súng AK đen ngòm và bóng láng trên vai anh. Tôi biết tốt nhất là ném giấy tờ vào cái nón lá. Đó cũng là lần cuối cùng tôi còn nhìn thấy cái thẻ căn cước của tôi thời Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Sau khi trở thành mình trần thân trụi, tôi cảm thấy vô cùng ngao ngán. Đi hay về? Chúng tôi bắt đầu hỏi nhau, cuối cùng chúng tôi quyết định tiếp tục đi Sài Gòn, vì đàng nào thì giấy tờ cũng đã mất.

Cảnh Tượng Hãi Hùng

Chiếc Volkswagen tiếp tục bò tới ngã ba Trung Lương thì lại gặp nút chặn. Cả một đoàn xe đang dừng lại, và người ta trên quốc lộ 4 đông như trấu. Chúng tôi lại bị hỏi giấy tờ, nhưng chẳng ai còn một thứ gì trong tay và nói là anh “Tư Lớn” ở Cái Bè giữ lại tất cả. Nhưng khổ nỗi, giữa cảnh hỗn quân hỗn quan người đông như như kiến cỏ thế này, có ai biết anh “Tư Lớn” là ai! Thế là chúng tôi bị đuổi quay xe về.

Không còn cách nào hơn, chúng tôi phải quay trở về sau gần một ngày lê lét trên quốc lộ 4. Khi xe trở đầu xong và dừng nối đuôi sau một đoàn xe chờ đường trống để “bò” đi thì một cảnh tượng hãi hùng diễn ra ngay bên cạnh. Nhìn qua cửa kính, tôi thấy một anh du kích trẻ tuổi đội mũ tai bèo, mặc đồ đen có khăn rằn quấn cổ, vai mang súng AK đang lục soát một người chạy chiếc Mobylette xanh từ hướng Sài Gòn chạy xuống. Chiếc xe được dựng chân đứng lên.

Người chủ xe là một thanh niên trạc chừng 30, mặc quần đen và áo sơ-mi màu sậm có sọc dài đang đứng kế bên. Anh du kích cúi người, lục lọi những món đồ trong 2 túi phía sau yên xe ra để xuống mặt đường. Tôi thấy mấy trái khóm (dứa) và một ít đồ linh kính.

Cảnh lục soát này đã quá quen thuộc, nên tôi không mấy gì để ý. Nhưng bất thành linh, không biết xét gặp thứ gì, anh du kích vội bước lùi lại, tay lên cò súng thật vội vã, miệng quát to, tiếng quát như tiếng sĩ quan đang gào thét binh sĩ ngoài mặt trận: “Nằm xuống! Nằm xuống”. Anh du kích vừa la hét vừa nhảy lùi lại mấy bước nữa. Cây AK trong tay anh đang ở thế chiến đấu và mũi súng đen ngòm đang chĩa về phía người đàn ông đáng thương đang vội vàng nằm sấp xuống mặt đường. “Đưa hai tay về phía trước!”

Anh du kích lại hét lên ra lệnh, và người đàn ông luống cuống làm theo. Tôi thấy anh du kích xê dịch khẩu súng khi sửa lại thế đứng, nhưng hòng súng không rời khỏi thân hình con người đang nằm sấp trên lộ. Sau khi hòng súng đã hướng chính xác về phía nạn nhân, thì “Bằng! Bằng! Bằng! Bằng...”! Một tràng súng nổ vang, những người ở xa vội nằm xuống né đạn theo phản xạ tự nhiên.

Thân hình người đàn ông nằm dưới đất bị giật nảy lên mấy lần theo từng tiếng súng nổ. Máu anh văng

tung tóe và cơ thể anh co giật thật dữ dội rồi nằm yên bất động. Cảnh tượng xảy ra quá gần, nên từ trong xe tôi còn ngửi được mùi thuốc súng! Sự việc diễn ra quá nhanh làm tôi không có giờ để sợ hãi.

Tôi nhắm mắt quay mặt đi, vừa âm thầm đọc một câu kinh cho nạn nhân. Mặc dù trong thời chiến, tôi đã từng thấy những thân thể con người bị Việt Cộng chặt đầu mổ bụng vì ghép vào tội Việt gian hoặc trốn thuế, nhưng cảnh anh du kích bắn người một cách quá dã man như thế này, tôi mới chứng kiến lần đầu sau khi miền Nam được “giải phóng!”

Trở về thực tại, lúc này chiếc xe tôi dừng hẳn lại ngay trước mặt mấy anh công an vai mang súng kè kè. Tôi cố giữ vẻ mặt thật bình thản, trong khi mấy anh công an mặt mày đen đúa áp sát mặt nhìn chăm chăm vào bên trong xe, chẳng nói chẳng rằng. Thực tình tôi cũng chẳng biết họ muốn kiểm soát cái gì, kiểm soát người hay đón bắt mấy bà bạn hàng chờ đồ lậu tôi cũng không biết. Xe nào cũng phải dừng lại, nhưng một chốc lại được đi.

Xe tôi cũng vậy, họ chẳng hỏi người nào, nhưng cặp mắt láo liên của họ nhìn chăm chăm vào mặt từng hành khách làm tôi có cảm tưởng họ đang nhận diện một người nào họ đã biết mặt, hoặc đã được coi qua hình. Sau khi thấy chẳng có gì khả nghi, anh công an phía ngoài vẫy tay cho đi. Người tài xế vừa gài số định chạy, thì anh bên phía trong lễ chọt giờ tay ra lệnh dừng lại. Tôi hơi lo ngại.

– Ngừng lại đã! Cái túi đồ này của ai?

Vừa hỏi anh ta vừa chỉ vào cái túi xách của tôi để dưới chân. Tôi hơi chột dạ, nhưng cố làm ra vẻ bình thản, vừa trả lời vừa cầm túi lên mở dây kéo.

– Gì trong đó?

Tôi cho tay vào lôi bộ đồ bà ba đen ra khỏi miệng túi:

– Mấy bộ quần áo thôi, chẳng có gì!

Anh công an có vẻ không chú ý lắm vào việc xét hỏi này, chỉ nhìn qua loa chiếu lệ. Lúc bấy giờ tôi chỉ ngại anh ta bảo đưa túi ra cho anh ta lục soát. Trong túi xách của tôi, ngoài bộ đồ bà ba đen nằm trên mặt, còn có một khăn tắm khá to màu cứt ngựa, một cái võng bằng vải nylon dầu màu đen, ở hai đầu có đoạn dây dù khá dài quấn quanh cái võng cuộn tròn lại như đòn bánh tét, một cái đèn pin, một con dao bấm loại các phi công vẫn dùng và một túi nhỏ của học sinh đựng bút mực được tôi dùng đựng kem đánh răng, bàn chải và một ít thuốc trị sốt rét.

Những thứ này, nếu bị xét thấy cũng có thể gây nghi ngờ và phải trả lời lời thôi, nhưng cũng không đáng ngại lắm vì nó phù hợp với giấy tờ tùy thân tôi đang có: nhân viên của Công ty khai thác Lâm sản bằng máy ủi của tỉnh Lâm Đồng. Đây là bản photocopy mà một anh bạn đã thay tên tôi vào. Lúc đó chẳng cần biết giấy tờ thực hay giả, miễn có chữ in và con dấu là hữu dụng. Người công an xem xét cho có lệ rồi khoát tay cho đi.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng người mừng nhất lúc này không phải là tôi mà là anh tài xế, vì từ lúc bị giữ lại lần sau trông bộ dạng anh tài xế bứt rứt và khó chịu thấy rõ! Chiếc xe cài số sẵn, nhưng không được chạy, nó cứ rườn tới thụt lui, tiếng máy gầm gừ như hai con chó đang chực cắn nhau nhưng có dây cột cổ ghì lại. Lần này, khi anh công an vừa khoát tay, người tài xế thả ngay chân đạp thắng và nhấn ga làm chiếc xe chồm tới như con tuấn mã lấy đà phóng nhanh.

Các chị em bạn hàng phía sau bị mất đà ngã nghiêng, họ lại la ó, lại rủa sả anh tài xế, anh chỉ nhe răng cười đáp lại. Bà con lại tiếp tục nói cười một cách hồn nhiên như trước, vì hình như cảnh lục soát quá này đã quá quen thuộc nên chẳng ai buồn để ý. Tôi lại ngồi yên nhắm mắt, một phần cũng muốn nghỉ ngơi sau một ngày khá mệt, phần khác tôi cũng không muốn tiếp tục câu chuyện với người tài xế vui tính, đầu óc tôi đang rối bời về chuyện khác: Sắp tới nơi rồi!

Chặng Cuối Đoạn Đường

Khi xe ngừng lại ở xa cảng Phú Lâm thì trời đã nhá nhem tối. Tôi bước xuống xe, nói vài câu cảm ơn người tài xế, mang túi trên vai và tản bộ ra phía đường cái. Khung cảnh Xa Cảng miền Tây buổi chiều tà lúc bấy giờ thật buồn và lạnh. Tôi dừng lại bên lề đường, mò túi tìm bao thuốc lá. Mùi khói thuốc làm tôi dễ chịu và tự nhiên cảm thấy bình thản hơn.

Những lần trước khi tới Xa Cảng, tôi ra đây để đón xe lam hoặc xích lô máy vô Sài Gòn, nhưng chiều nay tôi bước đi vì thói quen hơn là để tìm xe đi tiếp đoạn đường. Lúc đó, một chiếc xích lô máy ngừng lại trước mặt tôi, người lái xe hỏi:

– Ông đi đâu?

Tôi yên lặng một lúc, khiến người lái xe hơi ngạc nhiên hỏi tiếp:

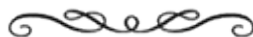
– Ông vô Sài Gòn hay Chợ Lớn?

Tôi đáp vội:

– Anh cho tôi về Chánh Hưng.

Tôi vừa nói vừa leo lên xe.

Tôi có gia đình người bạn ở Chánh Hưng. Lúc trước, mỗi khi có dịp lên Sài Gòn tôi thường ghé thăm và có khi ở chơi vài ngày, nhưng lần này tôi đến vì bất đắc dĩ. Tôi biết rằng tình cảnh tôi lúc bấy giờ không thuận tiện ghé một nơi nào, những người bạn thân lại càng không nên tới.



Bút Ký
TÔI PHẢI SỐNG
của Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ
PHẦN II - CHIẾC LÁ GIỮA DÒNG

2-“ĐÊM TÂN HÔN” GIỮA TÂY NGUYÊN



Tôi còn nhớ buổi xế trưa hôm ấy, vào một ngày cuối tháng 5 năm 1976, tôi có mặt trên chiếc xe khách chở nhóm hơn 30 tù nhân từ huyện Đức Lập, nơi tôi bị bắt ngày hôm trước, chạy lên thị xã Ban Mê Thuột. Tôi bị khóa tay dính với một người bạn tù khác bằng chiếc còng số 8. Ngồi nhìn cảnh vật hai bên đường chạy ngược chiều với chiếc xe đang ngon tron phóng nhanh, lòng tôi ngổn ngang trăm mối và đủ điều lo toan, nhưng chẳng nghĩ được chuyện gì đến nơi đến chốn. Bất giác, tôi quay sang anh bạn chung còng với tôi, như tìm sự an ủi nơi một người đồng cảnh ngộ.

Anh bạn cũng trạc tuổi tôi, vừa ngoài 30. Nước da sạm nắng, gương mặt răn rỏi và khắc khổ, làm anh trông già đi trước tuổi. Sáng nay, khi tập trung tại đồn công an Đức Lập để làm thủ tục trước lúc lên xe giải giao lên Ban Mê Thuột, tình cờ anh đứng gần tôi thành hàng đôi, và cán bộ cứ thế mà còng tay hai người dính trum vào nhau. Đây là sự “ráp nối” thật ngẫu nhiên, cũng như sự gặp gỡ với bao nhiêu con người xa lạ khác trong suốt cuộc đời của mỗi người, phần nhiều là do tình cờ đưa đẩy, để rồi trước lạ sau quen.

Lợi dụng lúc đứng chờ lên xe, chúng tôi chào hỏi nhau và trao đổi vài câu ngắn gọn. Qua đó tôi được biết, anh là một cựu sĩ quan trốn trình diện, nhà ở Sài Gòn, có vợ và hai con thơ, một trai, một gái. Anh tham gia tổ chức Dân Quân Phục Quốc và bị bắt cách đây năm ngày. Anh cũng bị bắt trong vùng biên giới âm u giáp ranh Campuchia như tôi. Anh còn cho biết, nhóm của anh có sáu người, bị bắn chết hai, một anh trốn thoát và ba người bị bắt cũng có mặt trong chuyến xe này.

Người bạn đồng hành

Anh bạn ngồi sát thành xe phía trái, yên lặng hướng cặp mắt lơ đãng vô định nhìn ra ngoài. Có lúc trông anh bất động và câm nín như một pho tượng đá được đặt ngay ngắn trên ghế xe hướng về phía trước, nhưng cổ và đầu quay hẳn sang một góc 45 độ nhìn ra đường. Liếc mắt nhìn sang, tôi thấy mái tóc anh phủ dài cuốn úp vào gáy che kín cổ áo, tạo nên nét đẹp hào hùng của những con người dày dạn gió sương. Tay trái anh co lại, gác cùi chỏ lên thành xe, trong khi tay phải của anh để lên đùi vì bị còng dính vào tay trái tôi.

Nhìn tư thế của anh, tôi có thể đoán biết hệ thống thần kinh của anh lúc này đang làm việc bận rộn hơn bao giờ hết. Tự nhiên, tôi đâm ra tò mò và thử cố gắng hội nhập vào dòng suy tư của người bạn đường không hẹn mà gặp này.

Có lẽ tâm trạng anh cũng giống như tôi lúc bấy giờ, đang nghĩ xem làm cách nào vượt thoát ra khỏi cảnh này, và cũng thử đoán coi sự gì đang chờ đợi ở phía trước, và tương lai cuộc đời rồi đây sẽ ra sao? Phần chắc hơn, tôi nghĩ là anh đang bị dày vò bởi tình cảm riêng tư và thiêng liêng của gia đình. Có lẽ giờ này, trong hình hài tượng đá của anh, tất cả tâm trí đang quay về mái ấm gia đình có hình ảnh thân yêu của người vợ hiền, và gương mặt ngây thơ của đứa con nhỏ vừa lên bốn lên năm đang hỏi mẹ: “Sao bố chưa về hả mẹ?”

Chiếc xe đang ngon trớn, bất ngờ bị sụp ổ gà xóc thật mạnh đã kéo tôi quay về với thực tại. Cùng lúc đó, anh bạn ngồi bên cũng quay lại nhìn tôi bằng ánh mắt u buồn; có lẽ hai người chúng tôi cùng tỉnh cơn mơ một lúc. Tôi tự nghĩ: “Hay là anh bạn biết mình đang lên vào đời tư của gia đình anh, nên quay sang nhìn tôi!” Tôi tự nhiên đâm ra ngượng và có cảm giác xấu hổ như đang lúc lom khom cúi mình nhòm qua lỗ khóa bị kẻ khác bắt gặp!

Tôi nở một nụ cười gượng gạo và quay đi tránh cái nhìn của anh, trong một thứ mặc cảm tội lỗi được hiểu theo một nghĩa rất nhẹ. Nhưng ngay sau đó tôi tự an ủi: “Biết đâu từ nãy giờ anh bạn có vẻ mặt làm lì này cũng đã ‘nhảy xôm’ vào đời tư của mình không chừng, vì trước khi lên xe, mình có kể với anh hoàn cảnh gia đình, mẹ già đang ốm nặng và không biết chết lúc nào”. Thực tình tôi mong anh ta đã làm chuyện đó để coi như hòa, vì cả hai đều có lỗi.

Sau khi bị sụp ổ gà, chiếc xe khựng lại và bắt đầu đi chậm vì tới đoạn đường đất đỏ gồ ghề và đầy cát bụi. Chiếc xe đang cố trườn mình trên con đường ngoằn ngoèo giữa khu rừng tối tăm u ám, giống như một con rắn khổng lồ đang bị săn đuổi, cố lủi trốn thoát thân vào khu rừng già của miền Cao Nguyên huyền bí. Đây chính là chuyến xe định mệnh đưa tôi vào một tương lai mờ mịt. Mặc dù chưa biết tương lai đó sẽ ra sao, nhưng hiểu là nó u ám chẳng khác gì cảnh núi rừng Tây Nguyên đang bao trùm lấy nhóm tù nhân chúng tôi, với tâm trạng rối bời.

Đi về đâu?

“Cuộc đời mình rồi sẽ ra sao?”

Câu hỏi khó trả lời ấy và nhiều câu hỏi khác đang thi nhau nhảy múa trong đầu tôi. Chúng giống như những đốm sáng khi ẩn khi hiện của đàn đom đóm trên những lùm cây dại mọc hai bên bờ sông rạch của miền đồng bằng sông Cửu Long, mà thời tuổi trẻ tôi thường trông thấy khi cùng với anh tôi chống xuồng giăng câu, thả lưới về đêm. Tôi cố xua đuổi những câu hỏi ấy ra khỏi đầu óc mình, nhưng rồi chúng cũng trở lại như một bầy muỗi đói đang kêu vo ve tranh nhau rúc đầu vào chiếc mùng lưới, cố chui vào hút máu con người đang nằm bên trong.

Lần đầu tiên trong đời, tôi có cảm giác mất an toàn khi nhìn về tương lai, chẳng biết rồi sẽ trôi giạt về phương nào! Mặc dù tôi thích phiêu lưu mạo hiểm, nhưng qua những gì tôi biết, những người khi phải bước chân vào con đường tôi đang đi trong lúc này, không mấy khi được nhìn thấy ánh sáng ở cuối đường hầm.

Với 33 tuổi đời và bước qua năm thứ sáu của đời Linh Mục, tôi đang đi vào ngã rẽ mà tôi đoán biết là đầy nghiệt ngã và trắc trở. Nhớ lại tuần trước, lúc từ giã nhà người bạn tại Hưng Phú để ra đi, tôi cần phải ra đi để tránh cho gia đình người bạn khỏi bị rắc rối vì có người khách lạ mặt trong nhà trong thời gian khá lâu. Trong hoàn cảnh lúc đó không ai muốn trở thành mục tiêu chú ý của hàng xóm và của những cặp mắt lúc nào cũng muốn tìm dịp lập công trong cơn sốt thời cuộc đang dâng cao. Trong thời gian một tháng sống lẩn lút ở Sài Gòn đó, tôi đã phải di chuyển hết nơi này tới nơi khác, không dám ở lại nơi nào quá vài ba ngày mặc dù lúc đó trong mình tôi có giấy chứng minh là nhân viên lâm nghiệp tỉnh Lâm Đồng, do người bạn tôi trốn trình diện và đang mai danh ẩn tích ở Sài Gòn làm giúp cho. Tờ giấy photocopy như lá bùa hộ mệnh này đã chứng tỏ có công hiệu trong một lần tôi đi xe gắn máy bị chặn lại để kiểm tra giấy tờ. Khi người bộ đội cầm tờ giấy bằng chữ in, có đóng dấu tôi thấy gương mặt anh ta rất thoải mái và mỉm cười trả lại cho tôi đang đứng bên, trong lòng hồi hộp cầu mong cho anh ta đừng hỏi gì thêm về tờ giấy chứng minh này. Mặc dù biết là trong hoàn cảnh tranh tối tranh sáng đó, chẳng ai có công sức đâu để truy nguyên các loại giấy tờ và bắt cứ loại giấy gì bằng chữ in và có con dấu được coi như “cứng” khi bước ra đường. Nhưng khổ nỗi vì không quen dùng giấy tờ giả nên lúc nào tôi cũng lo ngay ngáy, biết đâu sẽ có lúc nào lại gặp phải anh bộ đội hiểu chuyện hơn, dẫn tôi về đồn và đòi coi bản chánh thì sao? Mặc dù lá bùa dỏm này đã giúp tôi sống yên thân tạm gần một tháng ở Sài Gòn nhưng tôi biết không thể kéo dài tình trạng này lâu hơn được.

Lúc bấy giờ tôi đã có lập trường dứt khoát đối với chế độ Cộng Sản, nhất là sau kinh nghiệm cay đắng của thời gian tôi sống tại họ đạo La Mã ở Bến Tre.

Tôi không chấp nhận và không bao giờ sống trong chế độ Cộng Sản. Tôi không chấp nhận chế độ đó không phải vì cái tên “Cộng Sản” của nó, nhưng vì chủ trương vô thần và sự cai trị độc tài, tước đoạt hết các quyền căn bản của người dân. Nếu có điều kiện, tôi sẽ chống lại, nếu yếu thế hơn tôi sẽ trốn chạy nhưng dứt khoát không đầu hàng chế độ này.

Sự hiểu biết cũng như kinh nghiệm mà tôi đã trải qua khi phải sống trong sự kềm chế tàn bạo của chế độ càng giúp tôi xác tín chế độ này không thể mang lại lợi ích và hạnh phúc cho dân tộc.

Lúc đó tôi vô cùng hoang mang, thứ hoang mang của con người bé nhỏ yếu đuối đứng trước ngã ba đường. Tâm trạng tôi là tâm trạng của con người tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa! Một chế độ vừa sụp đổ vì thiếu phương hướng, dựa vào sức mạnh của ngoại bang để tồn tại và mang nhiều tai tiếng vì nạn tham nhũng bất công, vừa được thay thế bằng một chế độ càng tệ hại hơn, gây kinh hoàng cho dân chúng ngay khi họ vừa cướp được quyền bính. Tôi trở thành người bơ vơ! Trong lòng tôi lúc bấy giờ không

thương tiếc gì về chế độ vừa sụp đổ, lại kinh hãi chế độ mới!

Tôi quyết tâm dấn thân vào con đường chống lại sự tàn ác của chế độ bất công đang nắm quyền không phải để khôi phục lại chế độ vừa sụp đổ nhưng muốn cùng với toàn thể dân tộc xây dựng thể chế tốt đẹp hơn, có thể mang lại phúc lợi cho dân tộc. Mặc dù trong hoàn cảnh đó thân phận tôi chỉ giống như loài côn trùng bé nhỏ đứng trước vấn đề bao la vĩ đại của dân tộc. Nhưng loài côn trùng bé nhỏ đó vẫn có bộ óc biết suy tư và cảm giác biết rung động của nó.

Trong bầu khí hoang mang và đầy bất mãn đó lại có những tin đồn nào là ông Thiệu đang mộ quân kéo về biên giới, nào là ông Kỳ đang ém quân trong rừng lá. Lúc bấy giờ có nhiều người lại tin vào các chuyện nhảm nhí đó và sự nhẹ dạ của họ làm tôi ngạc nhiên. Tôi tự hỏi sao lại có người ngây thơ tới độ tin tưởng là những con người có thời giữ chức vụ chóp bu trong chánh quyền, nhưng khi hoạn nạn tới thì đào tẩu cách hèn nhát. Họ dẫn vợ con và ôm theo tài sản thoát thân, bỏ mặc cho số phận dân tộc muốn ra sao thì ra.

Bây giờ những con người đó biết “thương dân” và từ bỏ vùng đất yên hàn ở một phương trời nào đó quay trở về cứu dân độ thế! Lúc đầu tôi rất thắc mắc nhưng về sau này hiểu ra. Lý do là dân chúng lúc bấy giờ rơi vào tình trạng tuyệt vọng như hành khách của con tàu chìm, cố bám vào bất cứ vật gì trôi ngang để hy vọng khỏi chết đuối, cho dù vật họ cố bám vào chỉ là cái bọt biển.

Về phần tôi, ngay sau khi lên Sài Gòn, tôi đã gặp lại người bạn thân trốn trình diện và đang sống lẩn lút bằng giấy tờ giả. Sau khi gặp lại nhau, chúng tôi tìm cách liên lạc với mấy người bạn cũng trong tình trạng bất an toàn như chúng tôi để tìm hiểu về các nhóm phản kháng đang hoạt động chung quanh khu vực Sài Gòn mà chúng tôi nghe tin đồn.

Sau thời gian cố bắt liên lạc, tôi biết phần nhiều chỉ toàn là tin đồn truyền miệng, trong thực tế chẳng có gì, hoặc nếu có thì không có gì đáng kể. Trong khi đó tôi được giới thiệu với vị mục sư người Thượng và qua vị mục sư này, tôi tìm hiểu sâu hơn về lực lượng Fulro mà theo lời vị mục sư là đang hoạt động tích cực và hữu hiệu trong vùng núi rừng tây nguyên.

Từ thời chế độ Cộng Hòa, tôi đã biết về phong trào Fulro là phong trào của đồng bào sắc tộc tranh đấu đòi quyền tự trị. Chủ yếu là những đồng bào sắc tộc chống lại người Kinh đòi tự trị. Khi Cộng Sản chiếm miền Nam thì phong trào Fulro càng hoạt động tích cực hơn để chống lại những người Cộng Sản.

Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ nhóm chúng tôi cố gắng bắt liên lạc với những người lãnh đạo Fulro tại Gia Nghĩa thuộc quận Đức Lập tỉnh Ban Mê Thuột để tìm hiểu và nếu có thể cùng phối hợp hoạt động trong khi chúng tôi không thể sống mãi ở Sài Gòn. Chúng tôi đã rời Sài Gòn vào những ngày cuối tháng 5 năm 1976, đi vào khu vực núi rừng vùng biên giới Việt – Campuchia với tư cách nhân viên lâm sản tỉnh Lâm Đồng. Chúng tôi cũng dự trù nếu công việc không thành sẽ tìm đường vượt biên qua

biên giới Campuchia để tới Thái Lan.

Một buổi sáng cuối tháng 5 năm 1976, nhóm chúng tôi bị lực lượng công an biên phòng khá đông bao vây trong phần đất Campuchia. Tôi không bao giờ quên cảm giác kinh hoàng khi những người công an tay cầm súng AK, đầu đội mũ cối đang la hét vang dội cả núi rừng Tây nguyên trong buổi sáng có nhiều sương và lạnh buốt của núi rừng. Khi nhìn cảnh 4 người công an chia thẳng mũi súng đen ngòm vào, tôi thấy hiện ra trước mặt cái hố to và đen ngòm. Kể từ giây phút đó đời tôi đi vào phần số mà định mệnh đã dành cho tôi trong kiếp sống lao tù.

Lúc đang ngồi trên xe tôi nhớ tới số phận của nhân vật chánh trong cuốn truyện “Giờ thứ hai mươi lăm” của tác giả Virgil Gheorghiu mà tôi đọc từ ngày còn ở trung học. Vì đọc đã lâu, tôi không còn nhớ rõ chi tiết đầu đuôi câu chuyện, nhưng điều tôi nhớ mãi đó là tác giả viết về số phận bi đát của anh chàng Iohann Moritz, người Roumanie bị ngộ nhận là Do Thái trong thời Đế Nhị Thế Chiến.

Anh chàng trai trẻ này là người chân chất, đang làm ăn sinh sống yên hàn với vợ con thì một ngày nọ, anh nhận được giấy báo của chính quyền đòi lên cơ quan vì một vấn đề chính trị gì đó. Đây là một sự lầm lẫn, cũng như bao nhiêu thứ lầm lẫn khác trong thời kỳ chiến tranh. Tự cảm thấy mình vô tội nên anh nghĩ một cách đơn giản là chỉ cần ra cơ quan điều chỉnh giấy tờ để xác nhận lý lịch của anh là xong. Nhưng rồi từ lúc anh bước ra khỏi nhà, định mệnh đen tối đã vồ lấy anh. Gặp hết trở ngại này tới trở ngại khác, và nhiều chuyện rắc rối xảy ra đẩy anh vào cuộc đời tù tội một cách oan uổng.

Khi vô tù anh bị giải giao hết trại khổ sai này tới trại tập trung khác. Người Hung Gia Lợi hành hạ anh chán chê lại bán cho người Đức. Anh trải qua sự tra tấn dã man của bọn lính Đức Quốc Xã, cứ thế mà đưa đẩy trong suốt 13 năm trời. Số phận anh chàng Iohann Moritz như một thứ côn trùng bé nhỏ bị vướng mắc vào mạng nhện khổng lồ, càng cố gắng vùng vẫy lại càng bị dính chặt hơn. Rồi không hiểu tại sao, người Đức lại ngộ nhận anh là người trong bọn họ, nên anh được “phục hồi danh dự” và được mặc sắc phục của SS trong lực lượng an ninh của họ.

Khi gần tàn cuộc chiến, Iohann Moritz bị quân đội Mỹ bắt làm tù binh, anh bị đưa ra xét xử trước Tòa án quốc tế Nuremberg và bị kết án là tội phạm chiến tranh. Nhưng sau cùng anh được minh oan và được sum họp với vợ con. Lúc anh sắp ra về, viên sĩ quan Mỹ Lewis muốn chụp một tấm hình cả gia đình Iohann Moritz. Trước khi bấm máy, Lewis luôn miệng bảo Moritz: “Cười lên đi, cười đi, cười đi...!”

Tác giả Virgil Gheorghiu dùng câu đó để chấm dứt câu chuyện, nhưng anh chàng Moritz đáng thương vẫn cứ trơ ra không thể cười được. Thực ra anh ta rất muốn nở một nụ cười, nhưng không làm được vì anh đã quên không còn biết cười ra làm sao nữa!

Tôi không chắc mình có nhớ đúng chi tiết câu chuyện hay không, nhưng về số phận đen tối của nhân vật chánh Iohann Moritz như cánh bèo trôi giữa vùng nước xoáy, lăn lộn trong ngục tù và câu cuối cùng trong cuốn truyện thì tôi nhớ rất rõ.

Ngày đó, ở cái tuổi vừa lớn lên, khi đọc truyện này tôi bị xúc cảm mạnh và thương cho kiếp sống đọa đầy của anh chàng Moritz. Quay về thực tại, lúc này tôi đang bị còng tay trên chuyến xe chờ tù của Cộng Sản, tôi tự hỏi số phận tôi rồi đây sẽ ra sao, có thể giống như anh chàng Iohann Moritz trong “Giờ Thứ Hai Mười Lăm” hay không? Đó là một câu hỏi thật ngán ngẩm, nhưng nó cứ lờn vờn trong đầu, mặc dù tôi cố gắng xua đuổi nó ra khỏi dòng suy tư.

Người bạn bất đắc dĩ

Tôi thờ dài ngao ngán khi nhìn xuống cổ tay đang bị chiếc còng số 8 ngoạm chặt. Chiếc còng làm bằng inox, tuy mỏng manh nhưng chắc cứng mà lần đầu tiên trong đời tôi phải mang nó vào cổ tay. Tôi đã nhiều lần trông thấy loại còng này. Thấy nhưng chưa sờ đụng nó bao giờ vì tôi nghĩ là có cái gì “xúi quẩy” trong món đồ vật mà người ta thường gọi cách bóng gió là “đồng hồ Omega”. Chiếc còng còn mới nguyên, nước xi bóng láng, có lẽ vừa được lấy trong kho ra và biết đâu tôi được “hân hạnh” là người dùng nó đầu tiên (dĩ nhiên là tôi phải chia sẻ 50% cái vinh dự này với anh bạn ngồi bên!).

Tôi tò mò, lấy tay phải sờ nhẹ chiếc còng và thấy nó thật lạnh. Tôi biết cảm giác lạnh lúc bấy giờ phần lớn là do yếu tố tâm lý tạo nên. Tôi mân mê chiếc còng trên cổ tay, xoay đi xoay lại và thấy có hàng chữ “Made in USA” và tên của hãng sản xuất “Smith & Wesson”. Cái tên này tôi đã thấy qua và hãng này cũng sản xuất súng lục mà có một thời tôi sưu tầm. Công dụng của chiếc còng không có gì là thích thú, nhưng hình dạng của nó trắng trẻo, đường nét tinh xảo, mảnh mai và xinh xắn trông rất dễ thương!

Tôi nghĩ thầm: “Đúng là đồ Mỹ có khác!” Lúc mới tra tay vào, tôi cảm thấy vương vít và bực dọc khó chịu, nhưng một lúc sau tôi cố làm quen với chiếc còng và không thèm để ý tới cảm giác khó chịu nữa. Tôi chấp nhận thực tại là từ nay chiếc còng trở thành bạn đường của tôi, một thứ bạn đường hoàn toàn bất đắc dĩ.

Từ cái ý nghĩ có chiếc còng làm người bạn đường này, tự nhiên tôi thấy tình cảnh mình giống như thân phận người con gái lỡ bước sang ngang, “gái có chồng như gông đeo cổ!” Tôi chợt nhớ lại mấy câu ca dao mà tôi thuộc nằm lòng từ ngày còn học lớp đệ thất tại trường trung học ở xứ đạo quê tôi. Ngày ấy, khi mới bước vào tuổi mộng mơ, tôi rất thích mấy câu ca dao đồng quê trữ tình, thật nhẹ nhàng duyên dáng nhưng đượm vẻ u buồn man mác:

Lời người con trai:

“Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng, anh tiếc lắm thay!”

Người con gái buồn bã đáp lời:

“Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thưa nào ra?”

Tôi ngồi yên và nhẩm đi nhẩm lại bài ca dao này, nhất là bốn câu cuối cùng vì thấy có một sự trùng hợp nào đó giữa hoàn cảnh của cô thôn nữ ngày xưa (chắc là nàng phải xinh đẹp!) và thân phận của tôi trong lúc này. Tự nhiên tôi thấy gần gũi và thương “nàng” hết sức.

Chiều Cao Nguyên

Chiếc xe chạy vào khu dân cư của thị xã Ban Mê Thuột, nơi phần đông dân chúng là người Thượng. Rất dễ phân biệt họ với người Kinh, vì nước da đen sạm và cách ăn mặc trang sức cũng rất khác biệt. Trời đã bắt đầu về chiều, cảnh vật hai bên đường trông thê lương buồn thảm của một tỉnh nhỏ cao nguyên, cộng với tâm trạng ngổn ngang trăm mối, khiến tôi có cảm tưởng mình đang băng qua một thành phố chết.

Trước mắt tôi, cảnh một số người đội nón cối đi xe đạp. Đó đây mấy người Thượng đóng khố, tay cầm dao rựa, vai mang gùi đầy củi, đang yên lặng cúi đầu đi thành hàng dọc hai bên đường. Đôi lúc tôi có cảm tưởng mình đang bị lạc vào một thế giới khác, một thế giới hoàn toàn xa lạ, mặc dù tôi cố gắng tự thuyết phục mình rằng những con người mang dép râu, đội nón cối và những người Thượng đóng khố, nước da đen sạm kia, chính là những đồng bào của tôi.

Các hành khách tù nhân bắt đầu nhón nháo khi xe chạy qua phố khiến các anh lính mang súng dài áp tải trên xe quát tháo, bắt ai nấy ngồi yên. Anh bạn bị còng chung với tôi quay sang nhìn tôi với cặp mắt lộ một chút lo âu, và đánh tan bầu không khí yên lặng tự nãy giờ bằng vài câu nói băng quơ cho có lệ, những câu đối đáp hiềm hoi từ lúc chúng tôi bị cùm dính tay nhau.

– Hình như sắp đến nơi rồi thì phải?

Tôi hướng mắt nhìn ra ngoài đáp lại :

– Vâng, hình như sắp đến rồi.

Đáp xong, tôi ngồi yên, anh bạn lại quay cổ nhìn ra ngoài như trước. Lúc sau, cảm thấy câu đối đáp quá ngắn, tôi bèn gọi chuyện đáp lễ. Phần khác, tôi cũng cảm thấy phải nói một câu gì đó trong lúc này để đánh tan nỗi băn khoăn trong lòng:

-Anh đã tới Ban Mê Thuột bao giờ chưa?

– Chưa, đây là lần đầu tiên tôi tới xứ này.

– Tôi cũng vậy, trông cảnh vật xơ xác quá!

Anh bạn khẽ gật đầu và đáp lại bằng một lời giải thích:

– Trước lúc tụi nó vô Sài Gòn, có trận đánh lớn ở đây mà!

Tôi lại ngồi yên và qua câu nói của anh bạn, tôi hồi tưởng lại hơn một năm trước đây, chiến cuộc vùng cao nguyên thật ác liệt, sau đó quân đội có lệnh “rút lui chiến thuật” khiến đồng bào hoảng sợ chạy tán loạn lánh nạn, tràn ngập xuống các tỉnh phía Nam.

Thời gian đó, tôi đang làm việc tại Nhà thờ Chánh tòa Vĩnh Long và đã cùng với cha Phạm Hồng Sơn, Tuyên úy Tiểu Khu, tổ chức cuộc lạc quyên để cứu trợ làn sóng người trốn chạy giặc cộng từ vùng ngoài đổ về. Vừa ra khỏi thị xã một đôi, chiếc xe chạy giữa con đường mà hai bên là rừng cao su, một số cây lớn gãy đổ vì chiến tranh tàn phá và một số khá nhiều cây nhỏ đang được trồng lại, mới cao chừng quá đầu người.

Qua rừng cao su, tới một khoảng đất trống khá rộng với một số nhà cửa thưa thớt. Nhìn về bên trái ở xa phía trước, tôi thấy mấy dãy nhà dài bằng gỗ lợp tôn nằm san sát bên nhau và đoán là khu trại giam, nơi mà chúng tôi sẽ tới. Sở dĩ tôi đoán như vậy vì hình thù các dãy nhà này trông khác hẳn với số nhà nằm rải rác hai bên đường cái.

Điểm Hẹn

Tôi đoán không lầm, chiếc xe đang ngon trốn từ từ giảm tốc độ, ra hiệu rẽ trái và bò vào con đường đất đỏ đầy cát bụi, nằm giữa hai ao nước to và đục ngầu, cuối cùng dừng lại giữa cái sân khá rộng. Bên một góc sân về phía trong, có vài căn nhà thấp lè tè bằng gỗ lợp tôn mà tôi đoán là khu văn phòng, kế bên là cái chòi canh nằm phía dưới chiếc cổng bằng gỗ được dựng lên một cách sơ sài. Một anh lính Thượng, mặt mày đen đúa, đội mũ tai bèo ôm súng ngồi trong chòi gác đang nhìn chòng chọc vào xe chúng tôi đậu cách đó không xa. Chừng mười anh công an, cả Thượng lẫn Kinh, đứng lố nhố trước cửa khu nhà, nói năng chỉ trở trong một tư thế sẵn sàng bắt tay vào việc.

Tôi cảm thấy tim mình đập nhanh từ lúc xe rẽ vào trại, mặc dù tôi đã từng tập cho mình sự bình tĩnh trước mọi trường hợp. Dù trong hoàn cảnh tệ hại nhất tôi vẫn nói: “Chuyện gì phải tới nó sẽ tới, lo lắng làm gì khi không thể xoay chuyển được tình thế!” Dù vậy, trong lúc này tôi vẫn thấy hồi hộp, lo lắng. Sau khi xe tắt máy, chúng tôi được lệnh ngồi yên trong khi mấy anh công an áp tải bước xuống mang giấy tờ vào văn phòng.

Một lúc sau, họ trở ra với hai người lạ mặt khác, một Kinh và một Thượng. Anh người Kinh khá đứng tuổi, chỉ huy toán công an trong sân. Anh ta mặt xương, dáng gầy và cao, nói rất giọng Bắc, mặc đồ công an màu cứt ngựa cài cả nút cổ, đầu đội mũ có lưỡi trai nhỏ y như kiểu cách của Mao Trạch Đông

mà tôi thấy hình trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Chính anh này ra lệnh chúng tôi xuống xe và ngồi vào một góc sân.

Bầu không khí lúc bấy giờ thật căng thẳng, nhất là khi nhìn thấy những cặp mắt trắng dã và lão liên của những anh lính Thượng mặt mày còn non choẹt, đứng bồng súng AK ngang trên tay trong tư thế chiến đấu, nòng súng chĩa thẳng vào đám người chúng tôi một cách đầy ác cảm và đe dọa. Bộ dạng mấy anh Thượng cộng này toát ra một thứ gì đấy về chết chóc. Khi nhìn họ, tôi chợt nhớ lại mấy cuốn phim cao bồi Mỹ nói về các tay mạo hiểm da trắng đi khai phá vùng viễn tây Hoa Kỳ bị rơi vào tay thổ dân da đỏ. Đám thổ dân này mình quấn lá cây, đầu đội mũ có vuốt lông chim, tay cầm cung lấp lẩn những mũi tên tẩm thuốc độc lúc nào cũng chực bay ra khỏi dây cung đang căng. Thật ra, những mũi tên tẩm thuốc độc của dân da đỏ không có vẻ “lạnh người” như những họng súng AK đen ngòm đang chĩa thẳng vào nhóm chúng tôi.

Sau khi tất cả đã xuống xe, họ ra lệnh cho chúng tôi để yên đồ đoàn tại một góc sân và “tay trong tay” bước ra ngồi thành hàng đôi cách đó vài ba thước. Cuộc khám xét bắt đầu, lúc ấy vào quãng năm giờ chiều. Trời cao nguyen đã bắt đầu xám xịt và có gió lạnh.

Tôi hướng mắt nhìn vào trại, không thấy ai nhưng có tiếng hát tập thể thật to vọng ra từ các dãy nhà: “Vùng lên nhân dân miền Nam anh hùng, vùng lên xông pha vượt qua bão bùng, thề cứu lấy nước nhà, thề...” Về sau này tôi biết lúc đó là giờ sinh hoạt ban chiều của các tù nhân trong trại và họ đang hát bài “Giải phóng miền Nam” mà lần đầu tôi được nghe.

Thêm một số cán bộ trong trại kéo ra, đa số là người Thượng, có vài ba cán bộ nữ, tiếp tay với số công an có sẵn trong sân kiểm tra đồ đoàn của chúng tôi. Khi một cán bộ tới bên túi xách của ai, người đó được tháo cùm bước tới đứng kế bên để làm thủ tục khám xét.

Trong lúc ngồi chờ tới lượt mình, tôi nhìn trời nhìn đất chán rồi quay ra quan sát mấy chú Thượng cộng mặt mày búng còn ra sữa đang bồng súng đứng vây quanh. Tên đứng gần tôi nhất coi bộ ngứa ngáy tay chân. Thỉnh thoảng anh ta di động ngón tay trở nhỏ xíu và đen mốc như con giun đất, sờ vào cò súng, rà lên rà xuống theo chiều cong phía trong một cách nghịch ngợm quái ác. Tay trái anh nắm chặt cổ cây AK quét qua quét lại hết dây tù nhân đang ngồi chồm hồm thành hai hàng dài trước mặt.

Có lẽ trong cái đầu xẹp lép như trái dưa điếc của anh ta, giờ này đang ôn lại bài học tác xạ “chiến thuật chống biển người” và đang mong có ai trong chúng tôi tỏ một vẻ gì khác lạ để anh ta có dịp “thực tập” bài học đó. Nhìn thái độ đó, tôi đâm ra ngán và nghĩ thầm: “Cái thằng ôn con này, không biết nó sử dụng súng ống có rành không đây? Không khéo rồi súng bị cướp cò mình lại chết oan lãng xẹt!”

Nghĩ bụng như vậy, nên mỗi lần anh ta rà họng súng đúng tầm, tôi tìm cách nghiêng người né tránh. Mặc dù tôi và mấy người chung vụ đã bị khám xét tả tơi chiều hôm qua, khi vừa mới bị bắt trên phần đất Campuchia và dẫn về quận Đức Lập để khám xét và tạm giam, nhưng cuộc khám xét hôm nay

cũng gặt gao không kém, và họ tịch thu thêm một số đồ đạc mà hôm qua còn chưa lại.

Quận Ly Biên giới

Đức Lập là một quận nhỏ của tỉnh Ban Mê Thuột, nằm cách biên giới Campuchia khoảng 30 cây số, và cách thị xã này gần một trăm cây. Từ sau ngày Cộng Sản chiếm miền Nam, có nhiều người lên Đức Lập tìm đường vượt biên. Các nhóm nổi lên chống đối chế độ và lực lượng FULRO cũng dùng nơi này ẩn nấp để hoạt động. Nhóm anh em chúng tôi cũng bị bắt trong trường hợp này khi chúng tôi đang ở trên phần đất của Campuchia. Do đó số người bị công an, bộ đội bắt giữ tại đây mang nhiều thứ tội danh khác nhau như vượt biên, phản động, chống phá cách mạng, tàn dư FULRO.

Cũng có một số tù hình sự, lưu manh trộm cắp và vài anh cán bộ hủ hóa cũng đang bị giam giữ nơi này. Đồn công an biên phòng ở quận này biến thành một trại tạm giam và khi đủ một chuyến xe thì giải giao về tỉnh Ban Mê Thuột.

Thủ tục đầu tiên khi mới bị đưa về đồn công an Đức Lập là khai lý lịch và khám xét đồ đạc. Tôi khai đúng lý lịch của mình và cho biết lý do tôi vào rừng là có ý định vượt biên, mặc dù tôi biết với những bằng chứng khi bắt giữ chúng tôi, họ không tin lời khai này.

Sau lần khám xét sơ khởi, chúng tôi chỉ còn được giữ lại áo quần và một ít đồ dùng cần thiết như kem đánh răng, bàn chải, thuốc lá... còn tiền bạc và các thứ có giá trị như vàng, đồng hồ, nữ trang, thuốc men đều phải gửi lưu ký: “Không phải lo, khi nào được tha về, cách mạng sẽ hoàn trả lại cho các anh”, nhóm công an biên phòng phụ trách việc khám xét họ nói như thế.

Khách quan nhìn vào, ở Đức Lập họ làm ăn cũng cẩn thận và minh bạch, các đồ vật gửi lưu ký cũng có biên nhận hẳn hoi và được đọc lại cho đương sự nghe trước khi ký tên, nhưng nội dung của các tờ biên nhận đó mới là điều đáng nói. Trong số tù nhân bị khám xét chiều hôm qua tại Đức Lập, có một số người vượt biên bị bắt lại. Họ có khá nhiều đồ-la, kim cương, vàng lá, nữ trang, đồng hồ, tất cả đều bị giữ lại và được ghi vào biên nhận như sau:

– Kim cương, trong giấy biên nhận ghi: “Có nhận (bao nhiêu) viên đá nhỏ màu trắng, chiếu sáng, có nhiều góc cạnh, chất lượng tốt xấu ra sao không rõ”.

– Vàng lá, họ viết: “Có nhận (bao nhiêu) miếng kim loại màu vàng, chất lượng tốt xấu ra sao không rõ.”

– Đồng hồ: “Có nhận một đồng hồ đeo tay hiệu..., màu..., bộ máy bên trong tốt xấu ra sao không rõ.”

– Tiền đô-la: “Có nhận (bao nhiêu) tiền giấy của Mỹ, thật giả không rõ.”

Các thứ khác cũng có đầy đủ biên nhận với lời lẽ như vậy. Riêng tôi cũng nhận được một tờ biên nhận cho cái đồng hồ Citizen với hàng chữ ghi: **“Bộ máy bên trong tốt xấu ra sao không rõ!”** Tôi giữ giấy

đó và coi như một “vật kỷ niệm”, vì từ lúc tháo đồng hồ ra khỏi cổ tay để trao cho anh công an, tôi chẳng hề mong có ngày gặp lại nó.

Lúc lên Ban Mê Thuật chúng tôi cũng bị khám xét, phần tôi đã xong và chỉ còn vài người nữa. Trời thật lạnh. Cái lạnh căm căm của núi rừng cao nguyên buổi chiều tà thấu vào da thịt! Tôi kéo cao cổ chiếc áo ‘treillis’ đang mặc trên người, móc bao thuốc lá ‘President’ nhều nát trong túi ra mời anh bạn chung còng một điếu và tôi rút ra điếu cuối cùng. Tôi vò bao thuốc rỗng trong tay thành một viên bi tròn, búng về phía bờ ao, đánh diêm hút thuốc trong khi chờ đợi những màn tiếp theo. Hơi thuốc lá làm tôi ấm và dễ chịu. Tôi rít thêm một hơi thuốc thật dài, ngửa mặt nhả khói lên bầu trời bao la và tự nhiên tôi mỉm cười.

Cho tới lúc này tôi cũng không có dịp tìm hiểu xem lúc bấy giờ tại sao tôi lại nở một nụ cười thật tươi. Có lẽ một phần khói thuốc giúp tôi cảm thấy thư thái sau gần một ngày đi đường mệt nhọc và đầu óc căng thẳng, nhưng nguyên nhân chính có lẽ là một nụ cười tự tin, chấp nhận hoàn cảnh hiện tại và quyết tâm lợi dụng tất cả mọi trường hợp thuận tiện để hoán cải số phận của mình.

Hút chưa tàn điếu thuốc, chúng tôi được lệnh xếp hàng đôi đi vào trại. Tôi búng mẫu thuốc còn cháy dở ra xa, cúi xuống nhặt chiếc ba-lô nhẹ hẫng chỉ có một áo len, một bộ quần áo, chút ít đồ dùng cá nhân và vài bao thuốc lá. Mang ba-lô lên vai, tôi bước theo đoàn người và đi ở gần cuối hàng. Nhìn bóng dáng ẩn hiện của số người trước mặt đang mệt nhọc lê bước trong màn đêm vừa chập xuống, lòng tôi dâng lên một thứ cảm giác thật khó diễn tả bằng lời.

Trong số tù nhân đang làm lũ tiên bước này có cả đàn bà và trẻ con bị bắt vì tội vượt biên. Họ bị bắt trước tôi và hôm nay cùng tôi di chuyển chung trên chuyến xe. Thấy cảnh trẻ con kêu khóc đang bám vào tay mẹ lần bước vô tù, tôi đau xót nghĩ thầm: “Thế là tai họa giặc cộng vồ lấy dân tộc Việt như chiếc lưới khổng lồ được bỏ xuống biển, chụp bắt cá lớn cá bé, không chừa loại nào.”

Chim Rể Đàn

Vừa qua khỏi cổng trại được mấy bước, đoàn người bị chặn lại và được lệnh ngồi xuống chờ đợi trong khi một cán bộ nữ cầm quyển vở học trò ghi chép cái gì đó mà tôi đoán là họ phân chia chúng tôi vào các buồng. Trong khi chờ đợi, tôi nhìn vào trại trong bóng đêm chập chờn và một khung cảnh quái lạ hiện ra trước mắt, một khung cảnh chẳng có gì là hấp dẫn để diễn tả lại, nhưng là một hình ảnh tôi không sao quên được.

Trong bóng đêm, các dãy nhà giam đen lù lù nằm chầu đầu vào khoảng sân khá rộng chính giữa, trông như những ngôi mộ tập thể khổng lồ nằm ngay hàng thẳng lối trong một nghĩa trang thật rộng, có hàng rào kẽm gai vây quanh. Xa xa ở các góc nhà, một vài bóng điện tròn leo lét đang tỏa ánh sáng mờ nhạt trong màn sương đêm của núi rừng, trông như những nén hương được ai đó thắp lên để tưởng nhớ những con người xấu số đang nằm trong nhà mồ tập thể trải dài trước mắt tôi.

Một lúc sau, khi cô cán bộ đã ghi chép xong, chúng tôi được lệnh đứng lên và vẫn giữ hàng đôi tiếp tục đi dần vào trại. Thời tiết lạnh lúc bấy giờ làm tôi cảm thấy đói và mệt. Cả ngày nay chúng tôi chỉ được phát cho mỗi người một vắt cơm có rắc muối sẵn. Từ lúc lên xe cho tới giờ trời đã tối và chưa được ăn uống nghỉ ngơi gì, tôi chỉ mong vô trại cho nhanh để ngả lưng một chút và tìm gì ăn cho đỡ đói, và nếu được thì ngủ một giấc cho lại sức rồi mọi chuyện muốn ra sao thì ra.

Chỉ mới có mấy ngày qua mà bao nhiêu biến cố đã xảy ra làm thay đổi dòng đời và đưa dẫn tôi vào một hoàn cảnh thật đặc biệt. Đời tôi đang bắt đầu một khúc quanh quan trọng. Tôi tự nhủ: “Chuyện gì phải đến, nó đã đến”, và tôi chuẩn bị tinh thần để sống quãng đời trước mắt, kiếp sống của một người tù. Tôi quyết tâm và tự hứa với lòng: “Mặc dù dòng đời đang thay đổi, môi trường sống thay đổi, nhưng con người Linh Mục của tôi thì không.”

Sáu năm qua trong chức vụ Linh Mục, năm năm tôi làm bổn phận trong chế độ Cộng Hoà và một năm dưới chế độ Cộng Sản, dù hoàn cảnh hay thể chế nào, tôi cũng hết lòng làm tròn nhiệm vụ. Kể từ hôm nay tôi có dịp sống đời Linh Mục trong ngục tù Cộng Sản. Tôi chuẩn bị tinh thần để nhập cuộc, mặc dù suốt hơn mười năm được huấn luyện trong chủng viện, tôi chưa bao giờ có được loại hành trang cho môi trường lao lý này. Biết rằng những thử thách lớn đang chờ đợi, nhưng tôi không lo lắng nhiều vì vững tin vào sự quan phòng của Thiên Chúa, tin vào sự nâng đỡ và soi sáng của Đấng Thánh Linh. Ngài chính là sức mạnh của tôi.

Trong lúc đang lầm lũi bước vào trại giam, tôi âm thầm cầu nguyện: **“Lạy Chúa, xin nâng đỡ sự yếu hèn của con và dạy cho con biết phải sống như thế nào để xứng đáng là một chứng nhân cho tình yêu Thiên Chúa giữa anh em trong cuộc sống tù đầy”**. Lúc ấy tôi nhớ lại một câu trong Kinh Thánh: **“Ơn Cha đủ cho con!” (2 Cor 12: 9)**. Tự nhiên tôi cảm thấy vững tin và hăng hái như tâm trạng của một nhà thám hiểm đang dần thân vào một chân trời xa lạ và đầy bất trắc. Tôi ngẩng đầu lên cao nhìn trời, hít một hơi thật dài và lạ lùng thay, lúc này làn khí mát lạnh lùa vào buồng phổi lại làm tôi khoan khoái dễ chịu.

Màn đêm không còn mang vẻ u ám nặng nề như tôi thấy khi vừa bước qua cổng trại. Tôi lắc đôi vai, xốc lại chiếc ba-lô trên lưng và mạnh dạn bước đi bằng những bước đầy tự tin. Thành linh, tôi nghe một giọng nói khá to từ phía sau:

– Anh mang kính đó đứng lại!

Không biết chắc có phải gọi mình, vì tôi cũng không biết trong nhóm còn có ai mang kính ngoài tôi ra hay không. Dù vậy tôi cũng dừng bước quay lại hỏi:

– Anh muốn gọi tôi?

Anh công an mặc đồ kiểu ‘Mao Trạch Đông’ lúc nãy, tay đang cầm quyển sổ trả lời:

– Phải, anh đứng lại, vào đây.

Vừa nói, anh ta vừa chỉ vào trại mộc ngồn ngang những gỗ lác nằm bên cánh trái sát ngay trong cổng trại, kế bên chòi gác. Tôi dừng chân, bước ra khỏi hàng và dưới ánh sáng lờ mờ của bóng đèn điện ở góc nhà, tôi còn kịp thấy nét mặt đầy lo lắng của các anh em chung vụ đang ngoái lại nhìn tôi một cách ái ngại. Theo lệnh anh công an, tôi vào trại mộc và ngồi hờ trên một cái ghế bành. Anh ta đến bên bảo tôi:

– Anh ngồi đây đợi, không được ra khỏi nơi này, có cần gì thì báo cáo với cán bộ gác.

Nói xong anh ta bước ra theo đoàn người đi vào trại.

Hạnh Ngộ Bất Ngờ

Tôi ngồi trong lán mộc chờ khá lâu, có khi hàng tiếng đồng hồ rồi cũng nên. Cảm thấy lạnh, tôi mở ba-lô lấy áo len ra mặc vào người, móc bao thuốc lá mới ra, rút một điếu và liếc nhìn sang anh lính gác, thấy anh ta cũng đang theo dõi quan sát từng cử chỉ của tôi. Khi cho tay vào túi tìm bao diêm, tôi chợt nhớ lúc nãy tôi đã dùng que diêm cuối cùng. Ngậm điếu thuốc trên môi, tôi nhìn anh Thượng đang ngồi trong chòi gác, ra hiệu xin mời lửa, anh ta ra hiệu trở lại là không có. Tôi đành kẹp điếu thuốc trong tay và chờ coi có ai đi qua để xin lửa.

Cũng may, có anh cán bộ người Kinh đi vào, tôi bước ra xin mời thuốc, sẵn dịp nói là tôi đang đói vì cả ngày nay chưa được ăn gì. Nghe vậy, anh hơi ngạc nhiên và dẫn tôi vào một dãy nhà giam nằm khá sâu về bên trong. Khi anh ta mở cửa buồng giam, một cảnh tượng thật ồn ào hiện ra trước mắt tôi. Một số chừng năm, sáu chục tù nhân, người ngồi, người đứng, kẻ đi lại trong hành lang dài giữa buồng, hai bên là sạp nằm bằng gỗ có hai tầng.

Người cán bộ hỏi buồng trưởng phần ăn của tôi, sau đó anh ta bỏ đi và bảo sau khi tôi ăn xong anh sẽ trở lại. Khi thấy có phần ăn để dành sẵn (một chén cơm và một bát nước canh), tôi hiểu ngay là đáng lẽ tôi vào buồng này, nhưng không hiểu vì lý do gì họ lại giữ tôi riêng, bảo chờ bên ngoài.

Lúc tôi đang ăn, các anh em tù vây quanh hỏi thăm và tôi không biết phải trả lời ai trước ai sau vì mọi người thi nhau hỏi! Sau khi trao đổi câu chuyện, tôi được biết đây là số sĩ quan cấp Úy trong tỉnh Ban Mê Thuật trình diện học tập. Họ hỏi tôi đủ mọi thứ chuyện, nhất là tin tức bên ngoài về các lực lượng chống chế độ, về phong trào vượt biên, về việc đánh tư sản v.v... Sau khi biết tôi là Linh Mục, các anh em càng vui vẻ và ăn nói tự nhiên hơn, một số anh em Công giáo trong buồng tới ôm lấy tôi và xin chúc lành. Lợi dụng lúc cán bộ chưa trở lại, tôi nói mấy lời khích lệ tinh thần anh em và ý thức rằng tôi đang bắt đầu thi hành sứ mạng Linh Mục trong tù. Cuộc gặp gỡ bất ngờ thật ngắn ngủi nhưng cảm động và nhiều ý nghĩa.

Một lúc sau, cán bộ trở lại buồng tìm tôi, nhưng không phải người lúc nãy dẫn tôi vào mà là anh mặc

đồ “Mao Trạch Đông”. Anh ta đưa tôi trở lại trại mộc ngồi chờ một lúc nữa, có lẽ còn chờ đợi một người nào khác. Ngồi một mình buồn, tôi huýt sáo miệng theo điệu nhạc của bản thánh ca **“Lạy Mẹ là ngôi sao sáng, soi lối cho con...”**

Lời cầu nguyện trong bài thánh ca này làm tôi thấy an bình và tin tưởng. Tôi cứ nghiền ngẫm bài hát này một lúc thì thấy anh cán bộ dẫn tôi vào buồng cho ăn lúc này trở lại, có hai anh võ trang ôm súng AK theo sau.

Chợt trông thấy họ tôi hơi lo ngại. Anh cán bộ ra hiệu bảo tôi trở ra ngoài cổng trại. Ra tới nơi thấy có chiếc Land Rover chờ sẵn giữa sân, nơi mà chúng tôi bị lục soát ban chiều, trên xe có chị đàn bà ngồi sẵn ở băng sau, tay ôm một sọt rau muống khá to. Tôi được lệnh lên xe ngồi chung băng với chị đàn bà, nhưng về phía trong, hai anh võ trang mang súng AK cũng lên xe, ngồi vào băng đối diện. Khi đã ổn định phía sau, anh “Mao Trạch Đông” đi vòng ra trước, lên ngồi cạnh tài xế và chiếc xe chuyển bánh chạy trở ra đường cái.

Tới đầu đường xe rẽ phải hướng về thị xã, lúc đó tôi nhìn đồng hồ anh lính ngồi đối diện thấy đã mười giờ đêm. Đang lúc xe chạy, tôi sốt ruột nghĩ thầm: “Đêm hôm mà họ đưa mình đi đâu đây? Hay muốn thịt mình chăng?”

Nhưng rồi nghĩ lại, nếu họ mang tôi đi bắn sao lại có chị đàn bà và sọt rau muống trên xe làm gì?!

Cái Đêm Hôm Ấy Đêm Gì ?

Khi chiếc Land Rover rẽ vào thị xã, tôi cảm thấy an tâm. Nếu giờ này mà xe rẽ phải và chạy vào rừng cao su, có lẽ tôi phải ăn năn tội thêm một lần nữa! Chạy quanh co trong phố vắng một hồi, xe rẽ vào một con đường nhỏ, hai bên là bờ tường đá cao, cuối cùng quẹo trái và dừng lại trong sân một ngôi nhà gạch. Tôi biết đây là nhà tù của tỉnh Ban Mê Thuột vì phía sau là một bờ tường cao có hàng rào dây kẽm gai bên trên và hai cánh cửa sắt đen lù lù chặn lối ra vào. Anh “Mao Trạch Đông” xuống xe vào nhà.

Một lúc sau có người khác mặc thường phục, vẻ mặt lầm lì, xách một chùm chìa khóa khổng lồ có tới mấy chục chiếc bước ra. Anh ta gọi tôi xuống xe và ra lệnh theo tới bên cánh cửa sắt. Anh mở cổng bằng chiếc chìa khóa to tướng, đẩy tôi vào trước và bước theo sau. Anh ta khóa cửa lại và dẫn tôi đi vào một sân rộng và dài có hàng cây trồng chính giữa. Hai bên sân là những dãy nhà gạch thật kiên cố, nhà nọ nối đầu với nhà kia.

Sau khi qua hai dãy nhà thì tới một phòng khá sâu vào trong, anh bảo tôi đứng đợi trước một phòng có cửa sắt được khóa bằng dây lòi tói thật to, bên ngoài có hai ống khóa đồng nằm cạnh nhau. Anh ta soi đèn bấm lựa chìa khóa và bắt đầu mở cửa trong lúc tôi đang đứng bên cạnh, hơi dịch về phía sau. Lòng tôi lúc bấy giờ hồi hộp lo âu, không biết cái gì đang chờ đợi tôi đằng sau cánh cửa sắt đen sì ghê rợn này.

Anh cai ngục mở khóa bằng cử chỉ thật mạnh bạo, hung hãn làm tiếng khua rồn rền của dây lòi tói chạm vào cánh cửa sắt trong đêm tạo nên một thứ âm thanh ghê rợn, chói tai. Xong khóa thứ nhất, tới cái thứ hai, cuối cùng cánh cửa sắt được mở hé ra. Nhìn nhanh vô trong, dưới ánh sáng đèn điện lờ mờ, tôi thấy một dãy màn mắc chằng chịt ngay trên sàn, kín cả căn buồng. Tôi còn đang do dự chưa biết phải làm gì, bất ngờ anh cai ngục quay lại túm cổ áo tôi, đẩy mạnh một phát chúi nhủi vào ngực! Bị mất đà và không kịp phản ứng, tôi té sấp, làm đứt dây sập cái màn ngay lối vào, tay tôi ôm chầm lấy con người đang nằm bên trong.

Lúc ấy không biết nước ở đâu lại văng lên tung tóe làm ướt cả mặt mày tôi, đồng thời có tiếng cánh cửa sắt đập lại đánh “rầm” ngay sau lưng! Bao nhiêu chuyện xảy ra cùng một lúc, quá nhanh và quá bất ngờ, khiến tôi không thể định thần được mình đang ở trong tư thế nào, làm đổ xô nước gì, của ai? Tiếng cánh cửa sắt bị xô mạnh kêu ầm trong đêm khuya thanh vắng, vang to đến nỗi tôi nghĩ rằng tù nhân ở các buồng bên cũng phải giật mình chớ đừng nói chi các anh đang ở buồng này. Đấy, bước chân đầu tiên của tôi vô nhà tù Cộng Sản tại tỉnh lẻ cao nguyên Ban Mê Thuật nó “vang lừng” như thế đó!

Tôi lồm cồm bò dậy. Mặt mũi và một bên người bị ướt đẫm. Mắt kiếng bị dính nước làm cảnh vật trước mắt trở nên nhòe nhẹt. Tôi vội gỡ mắt kiếng ra và lau vào áo len đang mặc trên người. Cảm giác đầu tiên và rõ rệt nhất là mùi khai của nước tiểu xông lên nồng nặc. Thì ra tôi ngã làm đổ cái xô nước tiểu, ướt đẫm mình mẩy và làm nhầy nhụa mùng mền chiếu gối của anh em nằm gần cửa.

Vi buồng này không có sạp nằm, các tù nhân phải trải chiếu xuống sàn, mắc màn nằm ngủ và tôi đã bị xô té, làm sập cái màn ngay cửa. Nhờ trên trần có một bóng đèn điện tròn leo lét, tôi thấy đây là một buồng rất nhỏ, có hơn chục cái màn đủ màu đang mắc chen chúc nhau một cách vô trật tự, ra đến tận cửa sắt. Chỗ tôi đang đứng là vị trí của cái xô nước tiểu vừa bị tôi chụp đổ tung tóe. Cái xô nhựa màu xanh đầy cáu ghét đang nằm há mồm một cách giễu cợt trên tróc cái màn tôi vừa đè bẹp.

Lạ một điều là tôi không thấy bóng dáng một anh tù nào, cũng chẳng nghe ai nói tiếng gì! Không lẽ họ ngủ mê tới nỗi những “sự cố” như sấm sét vừa xảy ra ngay bên tai mà họ không hay! Cả anh tù mà tôi ngã té sấp đè lên người mà cũng không hay biết gì ư? Rồi còn cái mùi a-mô-nhắc khai nồng nặc của nước tiểu đang chảy lênh láng trên sàn nhà? Không lẽ thần kinh khừu giác của mấy anh tù trong buồng này liệt hết rồi sao?

Một phút trôi qua, nhưng sao chẳng nghe động tĩnh gì! Dường như có cái gì bất thường đáng lo ngại trong cái sự yên lặng giả tạo này, hay đây là thứ yên lặng chết người của vùng trung tâm bão tố? Tôi đã từng nghe nói, và đọc thấy trong sách nữa, về việc mấy anh tù mới, khi vừa bước vô buồng phải “làm lễ ra mắt” với đại ca như thế nào, cảnh ma cũ bắt nạt ma mới trong tù ra sao!

Riêng tôi lúc này chẳng những là “ma mới”, mà còn là một “ma-mới-làm-đổ-xô-nước-tiểu”, như vậy cảm chắc cái “lễ ra mắt” của tôi sẽ diễn ra một cách long trọng hơn! Tôi đang chờ đợi hậu quả tiếp

theo, nhưng lạ quá, hơn một phút qua rồi mà mọi sự vẫn yên tĩnh, tự nhiên tôi cảm thấy mình phải làm một cái gì đó trong lúc này.

Tôi nhẹ nhàng cúi xuống, nhặt cái xô đặt vào sát góc phòng và lên tiếng nói to để cả buồng nghe: “Xin chào các bạn trong buồng, tôi mới bị bắt vô, có gì sai sót xin các bạn bỏ qua cho!” Nói xong tôi đứng chờ, vẫn không thấy động tĩnh gì, nhưng khi nhìn xuống, tôi để ý thấy con người nằm trong màn bị tôi đè lúc nãy bắt đầu cử động. Anh ta khẽ vén mí màn nhìn ra ngoài, nhưng không nhìn tôi mà lại nhìn lên phía trên cánh cửa sắt, nơi có hàng chấn song thẳng đứng.

Tôi chợt hiểu ngay là tự nãy giờ anh ta giả vờ nằm yên đợi cán bộ đi rồi mới ra tay! Tôi định bụng lên tiếng xin lỗi vì đã làm sập màn và đổ nước tiểu tung tóe trên người anh ta, nhưng chưa kịp mở miệng thì bất thần anh ta tung màn đứng bật dậy như cái lò xo, đôi cánh tay khuỳnh ra, hai bàn tay nắm chặt, quát to:

– ĐM! Cởi giày ra!

Tôi giật mình khi bất ngờ chạm trán với cái hình hài vạm vỡ, mình trần trụi trực, đầu cạo trọc nhẵn thín, có xâm trở hình con rồng thật to trước ngực. Khi quát, anh ta nhăn mặt nghiến răng, để lộ hàm răng có một chiếc răng cửa bị gãy, làm cho bộ mặt anh ta trông thật “cô hồn”. Tôi biết mình đang lâm nguy với anh chàng này, nên nhẹ nhàng trả lời:

– Xin lỗi anh, tôi mới vô nên không biết.

Nói xong tôi cúi xuống cởi đôi giày thể thao đang mang, vừa nghĩ thầm: “Cái số mình thật chẳng ra gì! Té không đề ai khác lại đề ngay tên cốt đột này cho nó to chuyện ra!”

Cởi giày xong, tôi ngước lên đã thấy mấy người nữa, phần nhiều trẻ tuổi, vạch màn chui ra đứng vây quanh, tất cả đều cởi trần, mặc quần đùi. Một anh lớn tuổi bò xuống chùi chõ nước tiểu nhòe nhoẹt dưới sàn. Nhìn các anh em này, tôi không thấy vẻ gì hắc ám như tên trọc đầu, sún răng. Có lẽ họ vây quanh tôi vì hiếu kỳ muốn biết mặt một bạn tù mới hơn là có ý gì khác. Tên trọc đầu có vẻ bực dọc. Hắn sửa lại thế đứng thành chân trước chân sau. Một tay gác sau hông, bàn tay kia nắm lại, giương ngón tay trở ra điểm mặt tôi và bắt đầu đầu hạch hỏi bằng một giọng điệu đàn anh:

– Tội gì mà vào đây?

Tôi biết là “lẽ ra mắt” đã tới giờ khai mạc!

Vì không biết anh chàng cốt đột này thuộc dạng gì, nếu hắn là một cán bộ hủ hóa bị tù mà tôi nói tội “chống chế độ” sẽ bị no đòn với hắn. Tôi chọn một tội danh vô thường vô phạt nhưng rất phổ thông lúc bấy giờ:

– Tôi vượt biên bị bắt.

– Bị bắt bao lâu rồi?

– Mới ngày hôm qua.

– Bị bắt ở đâu?

– Ở quận Đức Lập và mới bị giải lên đây chiều nay.

Một anh khác, khá đứng tuổi hỏi chen vào:

– Anh quê quán ở đâu?

Thấy anh này hỏi thăm cách nhẹ nhàng và có cảm tình, tôi mừng thầm đáp lại:

– Tôi người miền Tây, tỉnh Vĩnh Long anh ạ.

Anh chàng trẻ đầu nghe tôi nói thế vội chen vào, hai tay chống nạnh ngang hông:

– Ở miền Tây mà lên tận đây vượt biên! Hay anh lên đây làm việc gì khác, nói thiệt đi? Ở đây không có gì phải sợ! Nói thiệt đi, anh lên đây làm gì?

Cái giọng anh chàng này y như của bọn công an biên phòng Đức Lập làm tôi phát nghi. Tôi tự nhủ hay là anh này gốc cán bộ như tôi có gặp một số ở Đức Lập hôm qua. Tôi liền đáp:

– Tôi lên đây vượt biên, chẳng làm gì khác.

Anh ta hỏi tiếp:

– Anh đi một mình à, còn vợ con anh đâu?

– Tôi không có vợ con.

Nghe câu này anh ta lộ vẻ bất bình và trợn mắt, trẻ môi nhe hàm răng sún ra, kẻ sát mặt tôi, gằn giọng:

– Anh nói cái gì? Từng tuổi này mà chưa có vợ con?! Vậy ngoài xã hội anh làm nghề gì?

– Tôi là Linh Mục Công giáo.

Vừa đáp xong câu ấy, tôi chợt thấy anh ta há hốc mồm, trợn tròn mắt đầy vẻ ngạc nhiên. Lùi lại một chút, anh vội chụp lấy hai vai tôi và nói nhanh:

– Vậy, đây... đây... là Cha hả?

– Vâng! Tôi là cha Lễ, thuộc giáo phận Vĩnh Long.

Anh ta vội ôm lấy tôi, kêu lớn:

– Trời ơi, cha, con xin lỗi cha, con không biết, con là người Công giáo đây, con tên là Long, giáo dân xứ Hà Lan, cha có biết cha xứ Hà Lan không?

– Không, tôi không biết cha xứ Hà Lan, nhưng tôi biết Đức Cha Nguyễn Huy Mai. Ở giáo phận Ban Mê Thuật này tôi chỉ biết mỗi cha Nguyễn Tiến Khẩu, vì ngài học chung với tôi mấy năm ở Đại Chủng Viện Sài Gòn, cha Khẩu học sau tôi ba lớp.

Anh chàng vừa xưng tên là Long vui mừng ra mặt, quay vô phía trong gọi lớn: “Có Cha Lễ ở Vĩnh Long mới vô tụi bây ơi”. Xong quay lại vui vẻ nói:

– Con biết Cha Khẩu lắm, đám vinh qui Cha Khẩu con có đi dự mà!”

Chỉ trong giây lát mà tình thế đã thay đổi 180 độ! Chính tôi cũng không ngờ được sự việc lại xảy ra một cách may mắn như vậy! Các anh em khác bắt đầu xúm lại thăm tôi. Có vài anh nãy giờ nằm im, lúc này cũng vạch màn chui ra.

Long trọc đầu nhe răng sún cười khi khi, đỡ lấy cái ba lô trên vai tôi: “Tối nay Cha ngủ chung với con”. Nói xong anh ta lo thu xếp chỗ cho tôi và lấy nùi giẻ lau chỗ nước tiểu trên chiếu, trên sàn. Tôi còn mấy bao thuốc lá trong ba-lô, lấy ra xé mời các anh em trong buồng. Gặp ngày cuối tháng, cả buồng khô cạn thuốc lá vì ở đây mỗi tháng được thăm nuôi tiếp tế vào ngày đầu tháng, rớ được mấy bao thuốc lúc này chẳng khác chi trời đang hạn hán gặp cơn mưa rào.

Gần chục anh em ngồi nấp sau màn, quây quần bên tôi vừa hút thuốc vừa rù rì nói chuyện, hỏi thăm đủ thứ, vui như một ngày hội. Hỏi ra tôi biết trong buồng có 12 người trong số đó bảy anh là Công giáo. Họ bị giam về đủ mọi thứ tội, chính trị cũng như hình sự. Long trọc đầu tội uống rượu say đánh bộ đội, đã ở tù gần sáu tháng rồi. Nằm sát vách bên trong còn có hai người Thượng chức vụ cao trong lực lượng FULRO: anh Y Tư là Tổng Trưởng Quốc Phòng, lúc ấy đang bị liệt nằm một chỗ và người kia trẻ hơn là Y Toái, Tham Mưu Trưởng Quân Đội của lực lượng FULRO. Hai người không nói rành tiếng Việt.

Anh em kể, phòng này trước kia là thư viện, nên không có sạp nằm và không có nhà cầu. Mỗi ngày hai lần, sáng và chiều có mở cửa cho tù nhân ra bể cạn ở đầu nhà để tắm giặt, rửa chén bát và lo việc vệ sinh tại cầu tiêu tập thể gần nhà tắm. Ban đêm phải giải quyết tất cả mọi chuyện vệ sinh trong cái xô nhựa mà tôi làm đổ tung tóe lúc nãy! Chúng tôi quây quần hút thuốc, ai nấy vui vẻ quên cả sự đời. Có lẽ đây là trường hợp duy nhất mà tôi có thể khẳng định: Hút thuốc lá có lợi cho sức khỏe!

Chúng tôi đang vui câu chuyện, chợt có tiếng cán bộ bên ngoài quát to bắt đi ngủ vì đã quá nửa đêm. Nghe tiếng quát, mọi người nín thính và khẽ bò về chỗ của mình. Long nhẹ nhàng nằm xuống, tôi cũng nằm kế bên, chung trong một cái màn nhỏ và ướt đẫm nước tiểu đã được Long vắt đi và lau chùi. Chúng tôi nằm yên và chờ lúc cán bộ đi khỏi, tôi khẽ gọi Long ngồi lên đọc bài kinh ngắn trước khi ngủ. Đọc chung với tôi vài câu kinh xong, Long ghé tai tôi nói nhỏ có vẻ bẽn lẽn: “Đêm nay ngủ chung

với cha, con đọc kinh, trước giờ con có kinh sách gì đâu!”

Nói xong nhe răng cười và ngã người nằm xuống, nhưng không quên sửa lại cái ba-lô được cuộn tròn làm thành cái gối cho tôi gối đầu và hỏi tôi nằm như vậy có thoải mái không. Một lúc sau tôi đã nghe tiếng thở đều của Long. Phần tôi, cũng muốn dỗ giấc ngủ sau một ngày quá mệt nhọc và nhiều biến cố, nhưng cứ trần trọc mãi không sao ngủ được. Bên tai tôi tiếng thở của Long càng lúc càng mạnh, và sau cùng là tiếng ngáy đều đều. Tôi trở người, quay sang nhìn Long, tự nhiên tôi thương nó hết sức và nhớ lại lúc nãy trước khi cha con ngồi lên đọc mấy câu kinh, nó cứ luôn miệng xin lỗi tôi về thái độ của nó lúc chưa nhận biết tôi.

Cơn Sốt Thời Cuộc

Trong đêm khuya thanh vắng, tôi trần trọc không ngủ được và nằm ôn lại những biến động của cuộc đời như đang xem cuốn phim quay chậm. Từ ngày miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, mặc dù mới một năm qua thôi, nhưng đời tôi đã trải qua một bước ngoặt quá lớn. Kể từ cái ngày 30 tháng Tư đen tối đó, tôi cảm thấy mình đã sống trong một thứ nhà tù lớn, có tên là “Nhà Tù Việt Nam”, để rồi hôm nay lại rơi vào một nhà tù nhỏ tại một tỉnh lẻ Cao Nguyên.

Giờ này nằm đây, tôi nghĩ ngợi miên man và để mặc cho dòng tư tưởng quay về quá khứ. Bất giác tôi nhớ má tôi hết sức, đôi dòng nước mắt tôi chảy ra khi nhớ lại hơn tháng trước đây tôi rời nhà, ngồi trên xe gắn máy của Thạnh, ra đi trong lúc má tôi đang bệnh nặng, nhưng lúc bấy giờ tôi không đủ can đảm quay lại nói lời từ giã. Bây giờ má tôi ra sao, nếu biết tôi lâm vào cảnh này liệu má tôi có chịu đựng nổi hay không.

Tôi hồi tưởng lại giai đoạn tôi được chỉ định qua làm Cha sở tại Nhà thờ La Mã, đúng hai tháng sau khi Cộng Sản chiếm miền Nam. Mặc dù chỉ ở họ đạo này một năm, nhưng tôi cũng đã là chứng nhân và đồng thời cũng là nạn nhân của bao nhiêu cảnh nhố nhăng gây ra bởi những hạng người mà dân chúng lúc bấy giờ gọi là “sâu bọ hóa kiếp làm người”. Những con “sâu bọ hóa kiếp làm người” này đang ngất ngây vì say men chiến thắng. Sẵn có quyền lực trong tay, họ làm mưa làm gió, hết trò này tới trò khác. Họ đã hành sử quyền lực một cách thái quá, gây bao nhiêu thán oán trong dân chúng.

Tôi còn nhớ lúc đó, mỗi buổi sáng tôi thấy cô trưởng ấp của tôi, người nhỏ thó, ốm tong teo như con nhái mèn, tay cầm roi tre đang “lùa” một tốp chừng 10 nghĩa quân chế độ cũ đi tới từng nhà của “cách mạng”, bắt quỳ gối trước cửa lạy từng người trong nhà để xin lỗi. Anh nào ương ngạnh không chịu quỳ là roi tre từ sau bỏ tới! Màn kịch này được diễn đi diễn lại khá thường xuyên.

Bản thân tôi cũng hứng chịu bao cảnh uất ức nói không nên lời. Tôi còn nhớ một buổi trưa nọ, có một tốp du kích đi ngang qua nhà thờ xứ đạo của tôi. Vài tên dừng chân trước núi Đức Mẹ trước nhà thờ, chế giễu và nói những lời lộng ngôn phạm thượng. Sau khi tôi ngăn can, bọn chúng tức khí vào nhà thờ lật các ảnh tượng xuống, đặt ghế lên đầu các tượng thờ phượng. Tôi bảo thầy Đăm là thầy giúp

xứ của tôi xuống xã trình báo sự việc, nhưng bọn du kích đã rượt đánh và thầy giúp xứ phải trốn chạy thoát thân. Hôm sau tôi làm đơn khiếu nại lên huyện và được trả lời: “Vì các đồng chí ấy say rượu!” Thế là hết chuyện!

Thời điểm đó, con số cách mạng dâng lên quá cao khiến cho nhiều người tự thấy mình cũng phải “cách mạng”. Cách mạng trong lối ăn nói, bằng cách dùng thật nhiều từ cách mạng như Mỹ- Ngụy, đảng ta, khăn trương, phản ảnh, tự giác, ý đồ. Cách mạng trong lối ăn mặc, bằng việc mua vội chiếc mũ tai bèo, một đôi dép râu, một bộ quần áo đen bằng vải nylon dầu, một khăn rằn quấn cổ, một cái xà-cột đeo vai.

Cách mạng văn hóa bằng cách hát rí rả như đé kêu các bản nhạc thời thượng như bài “Chiếc mũ tai bèo”: “Chiếc mũ tai bèo em gửi đến tay, khuya sớm em lo máy may càng nhanh, mối chỉ đường kim theo anh đi giết thù. Anh bộ đội ơi, em ngồi em may mà lòng miền Nam trong tim lửa cháy, có cả tình quê trong chiếc mũ tai bèo!” Hoặc “cao cấp” hơn một chút thì rí rả bài “Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây”: “Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn. Hai đứa ở hai đầu xa thẳm. Đường ra trận mùa này đẹp lắm. Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây. Trường Sơn Tây anh đi, thương em bên ấy mưa nhiều, con đường mà gánh gạo...”

Tình cảnh càng tệ hại hơn do thái độ gièm pha của những kẻ xu nịnh đã lợi dụng thời cơ để nương gió phát cò. Chúng đã hiện nguyên hình là những quái thai của thời cuộc. Dân chúng gọi bọn này bằng cái tên đầy mỉa mai là “Cách mạng ba mươi”! Chính bọn cách mạng ba mươi này đôi khi còn ác ôn hơn đám Việt Cộng có “môn bài”! Chúng lợi dụng thời cơ gây ra không biết bao nhiêu uất ức trong dân chúng. Để chúng tỏ thái độ cách mạng của mình, chúng đã biểu diễn nhiều trò quá đáng gây bao đau thương, phẫn uất cho người dân vô tội. Từ đó nổi bức tức của người dân đã phát ra thành câu ca dao đen của thời cuộc:

“Việt Cộng đưa giết đưa chừa,

“Ba mươi” giết sạch cho vừa lòng dân”!

Điều đáng buồn hơn nữa, là ngay trong hàng ngũ các Linh Mục lúc bấy giờ cũng có người nhi nha nhi nhô với cái “tước vị” trong Ủy Ban Liên Lạc Tôn Giáo của Việt Cộng dựng lên. Họ đâu có biết rằng, đây là thứ con đẻ của chế độ mới, một chế độ theo chủ thuyết vô thần, muốn lợi dụng chính những người trong hàng ngũ các tôn giáo để gây chia rẽ rồi đi đến không chế và làm tê liệt hoạt động của các tôn giáo. Các đại diện trong Ủy Ban Liên Lạc Tôn Giáo được ban phát cho một vài đặc quyền đặc lợi, và có người đã cảm thấy hãnh diện để khoe khoang về điều này. Tôi còn nhớ câu chuyện đã xảy ra cho chính bản thân tôi và khó quên được.

Lúc đó vào khoảng trước lễ Giáng Sinh 1975, và tôi vừa qua làm việc ở tỉnh Bến Tre được sáu tháng. Ngày kia, một Cha bạn xứ đạo gần bên mời tôi tới dự tiệc cưới của cô cháu gái được tổ chức ngay tại nhà xứ. Mặc dù hai xứ đạo chỉ cách nhau có sáu cây số, nhưng vì khác xã và ở lại qua đêm nên tôi

phải làm đơn xin phép đi đường. Đơn phải có trường áp chứng trước rồi xã mới ký sau.

Khổ nỗi, ngày đó cô trưởng áp của tôi đi bán dừa khô mãi xế chiều mới về, tôi chờ chực mãi rồi cuối cùng cũng xin được chữ ký của cô. Lúc đó đã bốn giờ chiều, tôi vội vàng chạy xuống xã vì sợ trễ giờ công sở đóng cửa. Cũng may là gặp ngay được ông chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Xã kịp lúc nên xin đóng dấu ký tên vào đơn không khó khăn gì lắm.

Cầm được giấy phép đi đường trong tay thì đã gần năm giờ chiều, mà tiệc cưới thì bắt đầu lúc bảy giờ tối hôm đó, như vậy tôi còn được hai tiếng đồng hồ.

Nhưng trong hai tiếng đồng hồ đó, tôi còn hai việc phải làm, là cuộc bộ sáu cây số và khi tới nơi, phải trình giấy đi đường cho chính quyền địa phương sở tại đóng dấu ký tên vào, rồi mới có thể an tâm vô nhà xứ dự tiệc cưới. Tôi phải làm cho đủ mọi thủ tục này vì ngày hôm sau, khi về nhà tôi lại phải trình diện một lần nữa với chánh quyền xã với đầy đủ bằng chứng là đêm qua tôi đã ở đâu, có đúng địa điểm như tôi đã ghi trong đơn xin đi đường hay không.

Sờ dĩ tôi phải lội bộ vì trước đó mấy hôm chiếc Honda 70 của tôi hết xăng và không thể tìm mua được xăng. Sẵn có dầu lửa, tôi đổ vào xe chạy thử vì có người nói xe Honda chạy "tạm" bằng dầu lửa cũng được, chỉ tội là ra nhiều khói đen và 'bu-dzi' hay bị đóng chấu. Tuy không an tâm, nhưng mua không được xăng thì phải đổ dầu lửa vào chạy chớ biết làm gì hơn? Đổ dầu vào, đạp xe máy nổ ngon lành, có lẽ nhờ chỗ xăng còn sót lại.

Tôi chạy được vài cây số, nhưng xe bắn khói đen mù mịt và cứ cà giựt, cà giựt với tiếng máy rống ò ò như tiếng bò bị cắt tiết! Lúc ấy tôi nghĩ bụng: "Mày muốn gào muốn hét kiểu gì cũng được, miễn cứ chạy là được rồi!" Một lúc sau, bất thần tôi nghe khịt khịt mấy tiếng và xe yếu dần. Tôi cố vặn tay ga làm chiếc xe nảy lên nảy xuống máy phát như người trúng phong đòn gánh rồi im lìm bất động. Tôi dựng xe lên và cố lúi hết bao nhiêu kiến thức tôi biết về xe Honda như chùi 'bu-dzi', đóng mở chắn gió.

Tôi hí hục hàng giờ mà máy vẫn không nổ, chỉ còn nước đẩy xe về nhà dựng vào một xó sau khi đã cẩn thận rút hết dầu lửa ra. Ngày hôm sau, tôi mượn được một xị xăng đổ vào và cùng với một thanh niên đệ tử, hai cha con thay nhau đạp toát cả mồ hôi. Chiếc xe tội nghiệp vẫn cứ trơ ra, nằm yên bất động, tôi bảo: "Thôi cứ tạm thời đi bộ đã con ạ, chờ có dịp mua được xăng hãy sửa xe luôn thể."

Sau một tiếng rưỡi đồng hồ rảo bước, tôi tới nơi thì trời đã chạng vạng tối. Tôi vội vào nhà ông Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân xã địa phương để trình giấy đi đường, dù biết rằng ông không có con dấu ở nhà nhưng chỉ cần ông ký tên, hoặc biết là tôi có tới trình diện là đủ vì tôi không muốn để một sự rắc rối nào xảy ra sau khi tôi đã gặp quá nhiều khó khăn với địa phương nơi tôi sinh sống. Trước đó bốn tháng có người em từ Vĩnh Long qua thăm tôi, vì quá hạn giấy phép đi đường trễ một ngày mà bị bắt và còn đang bị giam tại huyện Giồng Trôm vì bị tình nghi là CIA. Tôi cũng biết rất rõ là tôi đang bị canh chừng và theo dõi từng bước đi.

Tôi vào tới nhà xứ thì tiệc đã bắt đầu. Có khoảng 50 khách đang ngồi kín căn phòng chánh của nhà xứ. Vị Linh Mục chủ nhà và những người quen mừng rỡ đón tiếp tôi. Sau khi bắt tay chào hỏi, tôi ngồi vào bàn với một số các Linh Mục trẻ cùng trang lứa và vài ba giáo dân mà tôi quen biết. Họ là những tay chịu chơi, uống rượu đế như hũ chìm. Cha sở chủ nhà ngồi chung với vài ba người trong chánh quyền địa phương ở bàn giữa nha, cách bàn tôi khá xa.

Ngồi chung bàn với tôi có Linh Mục NVL, một thời học chung với tôi ở Tiểu chủng-viện Vĩnh Long, lúc đó là Cha sở của một họ đạo nhỏ cách đây vài ba cây số. Linh Mục NVL là con người thích khoa trương, hay khoác lác về tất cả mọi vấn đề. Tôi chưa hề thấy bất cứ một phạm vi nào khi có ai đề cập tới mà anh chịu đứng thứ nhì hoặc thứ ba bao giờ. Cứ phải là nhất! Bởi đó, tuy dù là bạn học nhưng sau này không mấy khi tôi tiếp xúc, gần gũi, nói rõ hơn là tôi không chịu được tính nét khoa trương của anh ta. Anh về làm việc trong tỉnh Bến Tre từ năm 1973, còn tôi mới đổi về đó sau ngày mất miền Nam, nên vị trí thế đứng và sự quen lơn với người dân trong vùng có khác nhau. Hầu hết những người làm việc trong chánh quyền mới ở địa phương này đều quen biết NVL, trong khi đó tôi mới chân ướt chân ráo tới nhận họ đạo, chưa quen biết nhiều, lại còn bị tình nghi là CIA và bị chính quyền địa phương tìm cách gây khó dễ, cho người rình rập theo dõi ngày đêm.

Lúc bấy giờ trong tỉnh Bến Tre có một số Linh Mục và tu sĩ Công giáo được mời vào Ủy Ban Liên Lạc Tôn Giáo. Linh Mục NVL cũng được mời tham gia, nhưng anh không giữ chức vụ gì quan trọng, chỉ là một thành viên tầm thường. Dù vậy Linh Mục NVL cũng lấy làm hãnh diện và thích khoe khoang về những lần đi họp ở tỉnh được ở khách sạn loại sang, được ăn ngon, thức ăn đặt từ nhà hàng mang tới. Anh ta lộ vẻ hân hoan ra mặt vì có được một chỗ đứng trong chánh quyền mới, trong khi tại một vài nơi khác, Cộng Sản đang lùng bắt, áp chế, làm khó làm dễ đủ điều các Linh Mục “phản động” và những giáo dân ương ngạnh, chống đối hoặc bất hợp tác với chế độ. Tối hôm ấy Linh Mục NVL đang ngồi đối diện với tôi trong bàn tiệc.

Thức ăn ngon và bầu khí vui vẻ làm tôi quên mệt nhọc. Vừa ăn được một chập thì Cha Thạnh, ngồi bên cạnh, hỏi tôi tại sao tới muộn. Tôi gác đũa, vui vẻ kể lại diễn tiến thủ tục xin phép đi đường, vụ chiếc Honda “ngộ độc” đang nằm nhà khiến tôi phải cuốc bộ và khi tới đây còn phải ghé vô nhà ông chủ tịch trình giấy tờ để tránh mọi chuyện phiền hà rắc rối v.v... Tất cả mọi người trong bàn tỏ ra hào hứng vui vẻ lắng nghe và lộ vẻ cảm thông với hoàn cảnh tôi đang bị “đi” trên họ đạo La Mã. Lúc tôi đang nói nửa chừng, NVL vội khoa tay “cướp diễn đàn” bằng một giọng mỉa mai châm chọc: “Trời! Ông La Mã sướng thiệt! Đi đâu cũng có giấy đi đường đóng dấu ký tên đảng hoàng! Còn mình á hả? (quơ tay) Hồng ai chịu cho mình miếng giấy nào. Mỗi lần mình muốn xin giấy đi đường thì mấy anh em trong Ủy Ban nói, (khoác tay) ‘Thôi đi cha ơi, cha đi đâu thì đi, ở đây ai không biết cha mà phải giấy với tờ, giấy tờ là những người khác kìa!’” Anh ta có vẻ cao hứng, chỉ mặt tôi nói tiếp:

– “Này, tôi ghen với ông La Mã đấy nhé! Hi... hi...”

Những người cùng bàn nhếch mép cười gượng gạo trước câu nói khoa trương có tính cách châm biếm này. Còn tôi, vốn rất nhạy cảm với tánh khoác lác của anh ta nên lúc đầu nghe nóng ở gáy, sau đó thấy nóng mặt và hình như biết mình muốn phản ứng một cách quyết liệt, nhưng tôi vội kềm hãm, bình tĩnh và nghiêm nét mặt trả lời:

– “Anh L. à! Hoàn cảnh anh khác, tôi khác. Anh nói lên những lời đó ở đây làm gì?”

Cha Thạnh ngồi kế bên tôi, dùng đầu gối thúc nhẹ vào chân tôi, ý bảo đừng thèm để ý, cứ nhin đi cho xong chuyện. Tôi hiểu ý Thạnh, (và cũng nhớ có mấy người trong chánh quyền đang có mặt!), tôi cầm đũa vừa gấp thức ăn vừa nói một cách vui vẻ: “Thôi xin lỗi quý vị, phỏng vấn để lúc khác, giờ cho ăn cái đã, vừa lợi bộ hơn tiếng đồng hồ, đang đói mềm người đây!”

Anh em ngồi chung bàn cười ồ sau câu nói giải thoát của tôi và mọi người cảm ly, cầm đũa lên. Nhưng Linh Mục NVL chưa chịu buông tha. Khi nghe tôi nhắc tới đi bộ, dây thần kinh “khoác lác” của anh ta lại bị chạm lần nữa, bèn vung tay nói lớn: “Còn xăng ấy hả, trong nhà mình không đủ thùng mà chứa! Tiêu chuẩn mì ăn liền, bột ngọt, xà bông bột cũng vậy, mình xài không hết còn cho người khác! Chiếc Honda 90 phân khối của mình chạy không biết tới bao giờ mới hết xăng. Mấy anh trên Ủy ban nói mình chứa xăng làm gì cho nguy hiểm, coi chừng có ngày cháy nhà thờ, lúc nào cần thì lên cơ quan mà đổ. Mình cũng mong cho nó hết xăng, có dịp đi bộ cho nó khỏe người! Hi... hi...”

Đến đây, tôi không còn kềm chế được nữa! Bằng một phản ứng tự nhiên và nhanh như dòng điện, tôi buông vội đũa xuống, trợn mắt và hai tay nắm khăn trải bàn ăn giật mạnh một phát làm đổ vài ly rượu. Tôi nhìn thẳng vào mặt anh ta, nói rít qua hai hàm răng cắn chặt, vì ngại những người ở các bàn bên nghe thấy: “Câm mẹ cái giọng khốn nạn của anh lại đi!”

Thạnh vội vàng ghì lấy tay tôi trong khi thực khách trên bàn lo chụp mấy cái ly ngã nghiêng, có vài ly rượu đổ tung tóe. Tôi cảm thấy choáng váng và mệt lả người sau câu nói đó, vội kéo ghế đứng lên, xin lỗi các người trong bàn ăn và bước ra ngoài. Có người nào bên cạnh cầm tay giữ tôi ở lại, nhưng tôi quyết định ra ngoài.

Vừa xoay người bước đi tôi còn nghe tiếng cha Thạnh ở phía sau trách NVL: “L., mày không thấy thằng Lễ nó đã quá khổ rồi sao mà còn hành hạ nó nữa?” Tôi cho rằng đây cũng là một hiện tượng quái thai của thời cuộc, và nếu trong tiệc cưới đó không có mặt mấy người trong chánh quyền, có lẽ câu chuyện còn đi xa hơn.

Trò Hề Thế Sự

Tôi không thể nhớ hết được cảnh chương tai gai mắt của thời buổi nhiễu nhương lúc bấy giờ. Tuy nhiên một vài sự việc gây ấn tượng mạnh thì tôi không thể quên được, như câu chuyện về cuộc bầu cử Quốc Hội khóa 6, là Quốc Hội chung cho cả nước lần đầu tiên vào tháng Tư năm 1976 sau đây.

Trước ngày bầu cử, ai từ 18 tuổi trở lên được cấp phát thẻ cử tri như các cuộc bầu cử thông thường khác. Điều bất thường là các cử tri được chia ra thành từng tổ, mỗi tổ 12 người và có một tổ trưởng đứng đầu để lo việc điều hành và kiểm soát các tổ viên.

Tiếp theo là giai đoạn học tập bầu cử. Các tổ trưởng phải lo điểm danh và bảo đảm đủ số 12 người đến dự các buổi học tập được tổ chức trong trường học nằm ngay trước nhà thờ xứ đạo của tôi. Cán bộ ở tỉnh về lo tổ chức các lớp học tập bầu cử. Nội dung bài học cũng ngắn gọn và dễ hiểu. Sau khi giảng giải về tầm quan trọng của cuộc bầu cử Quốc Hội chung cho cả nước lần đầu tiên, cán bộ viết lên bảng tên của các ứng cử viên trong tỉnh Bến Tre.

Nếu tôi nhớ không lầm thì có cả thầy là 10 ứng cử viên và trước các tên có đánh số thứ tự 1,2,3,4... Cán bộ giảng dạy cho biết sẽ loại bỏ 2 người “đúng theo thể thức bầu cử dân chủ”. Cán bộ giải thích như thế. Sau đó cán bộ bầu cử tay cầm lá phiếu mẫu giơ lên cao cho mọi người thấy và lớn tiếng “dạy” tiếp:

“Trước khi bước vô buồng kín để bầu, bà con ta sẽ được phát lá phiếu y như lá phiếu này (cầm hai tay đưa lên cao và xoay qua xoay lại). Trong buồng kín có sẵn bút bi và thước kẻ, bà con chỉ việc gạch ngang tên hai người cuối cùng như thế này (làm thử), xong gập lá phiếu làm đôi như thế này (làm thử), sau đó bước ra khỏi buồng, đến bên thùng phiếu, giơ cao lá phiếu của mình lên và bỏ vào thùng như thế này (làm thử). Đơn giản chỉ có vậy thôi, bà con nắm cả chưa? Có ai còn muốn hỏi gì không?”

Từ cuối lớp có tiếng người đàn bà:

– Tôi có thắc mắc xin hỏi. Gạch bỏ số nào cũng được hay phải bỏ hai số cuối cùng?

Cán bộ bầu cử tròn mắt đáp vội:

– Tôi đã bảo là bà con gạch bỏ tên hai người cuối cùng như tôi đã biểu diễn, chị không nghe kịp hay là chị có ý đồ gì?

Tuy bị chụp mũ là “có ý đồ” một cách bất ngờ, nhưng chị đàn bà này cũng không phải tay vừa, chắc cũng là hạng “mẹ chiến sĩ”, bà ta phản pháo:

– Ý đồ gì? Không hiểu thì tôi hỏi, tại sao phải gạch bỏ tên hai người cuối cùng mà không thể gạch tên người khác?

Anh cán bộ lộ vẻ bất bình:

– Đó là chỉ thị của “trên”, bà con cứ thế mà thi hành, không phải thắc mắc lôi thôi, hãy tin tưởng vào đường lối lãnh đạo đầy sáng tạo của đảng.

Nghe tới tiếng “đảng”, người đàn bà từ từ ngồi xuống, cả lớp trở nên yên lặng như tờ, con ruồi bay ngang cũng nghe được. Cuối cùng anh cán bộ đánh tan bầu khí nặng nề bằng câu nói đồng dục: “Bây

giờ tới phần thực tập, bà con từng người một lên cầm phấn và thước kẻ đây thực tập bầu phiếu”. Máy chực cử tri trong lớp lần lượt tiến lên “thực tập” bầu cử. Từng người một cầm thước kẻ và phấn gạch ngang tên hai người cuối cùng đúng như lời “dạy” của anh cán bộ, xong trở về chỗ ngồi.

Tôi ngồi giữa lớp lặng yên theo dõi màn hài kịch này ngay từ đầu, trong lòng đầy ngao ngán và uất hận cho cái trò hề của chế độ. Nhưng đó là một thực tế của thời cuộc, còn biết bao nhiêu thứ trò hề khác mà dù muốn dù không, trong hoàn cảnh đó người dân cũng phải chấp nhận. Tôi lượt tôi lên thực tập, khi cầm lấy cây thước và cục phấn vào tay, tôi cảm thấy xấu hổ với chính mình và với những người đang có mặt, cũng như xót xa cho hoàn cảnh của đất nước. Dưới chế độ này, người dân bị tước hết mọi thứ quyền, kể cả quyền được “thắc mắc”.

Chế độ Cộng Sản cố biến toàn dân trở thành một thứ ngựa kéo xe bị che hai bên mắt, cứ phải đường thẳng mà đi theo sự điều khiển của người đánh xe đang cầm roi ngồi phía sau, và tên xà-ích ác ôn này cũng rất nhuần nhuyễn trong việc sửa trị các con ngựa chứng bất kham!

Cuộc bầu cử Quốc Hội khóa 6 diễn ra vào sáng Chủ nhật 25-4-1976. Từ lúc tờ mờ sáng, tiếng loa đã kêu gọi inh ỏi để thúc giục đồng bào lo đi bầu. Các cử tri có mang thẻ trước ngực ghi tên, số thứ tự của mình và tên của tổ, đứng xếp thành hàng một dọc theo con đường đất bên hông nhà thờ cho tổ trưởng điểm danh. Có đội múa lân đứng đầu, theo sau là đội thiếu nhi “Cháu Ngoan Bác Hồ” cầm cờ xanh cờ đỏ, một số khác khua trống gióng chiêng, tạo nên bầu khí tung bừng của một ngày hội lớn.

Sau khi các tổ điểm danh xong và bảo đảm không còn sót người nào, chúng tôi được lệnh tiến bước, vẫn giữ hàng một theo thứ tự từng tổ. Các tổ trưởng tay cầm một bảng con dẫn đầu. Lúc này mặt trời đã lên khỏi ngọn cây.

Đoàn người chậm rãi tiến bước theo sau đám múa lân, trông như một con rắn khổng lồ, đầu có sừng, đang bò ngoằn ngoèo dọc theo con đê dài hàng mấy cây số để tới địa điểm bầu phiếu. Sau khi đi gần một tiếng đồng hồ, chúng tôi tới nơi và tôi rất đỗi ngạc nhiên khi thấy phòng phiếu được tổ chức ngay bên trong nhà thờ họ lễ của tôi mà tôi không hề hay biết gì!

Trước khi bước vào “nhà thờ”, các tổ phải chỉnh đốn hàng ngũ lại một lần nữa cho tổ trưởng điểm danh bảo đảm đủ số 12 người. Sau đó tổ trưởng lần lượt gọi tên từng người theo số thứ tự 1,2,3,4,... tiến tới các bàn trình thẻ cử tri, lãnh phiếu bầu và bước vào buồng kín bên cạnh. Tôi bước vào buồng kín như một cái máy, tay cầm lá phiếu bầu có tên của các ứng cử viên được xếp theo thứ tự mà tôi đã được “học tập” phải làm như thế nào.

Vô buồng kín, đặt lá phiếu xuống mặt bàn cạnh bên cái thước kẻ và cây bút bi, tôi bỗng thấy cơn uất ức dâng lên ngùn ngụt, và muốn nhân cơ hội này bày tỏ một thái độ phản kháng bằng một hình thức nào đó với lá phiếu đang nằm trước mặt.

Trong lá phiếu, các con số đứng trước những cái tên hoàn toàn xa lạ đối với tôi, duy chỉ có tên của

Thiếu tướng Đồng Văn Cống, nằm ở số 5 hay số 6 gì đó là tôi có nghe qua, vì ông xuất thân từ xã Hiệp Hưng này. Có vài người biết chuyện về ông kể lại. Lúc còn nhỏ con nhà nghèo, Cống đi ở đợ chăn trâu cho người trong làng, nhờ to con lớn xác và đá banh giỏi nên đám trẻ chăn trâu nể nang và coi như đại ca.

Lớn lên Đồng Văn Cống theo Việt Minh, tập kết ra Bắc và trở về miền Nam vào năm 1975 với cấp bậc thiếu tướng và được bổ làm Tư Lệnh Quân Khu 7. Từ đó Đồng Văn Cống trở thành niềm vinh dự cho bà con dòng họ còn đang sống tại đây và cả dân chúng xã Hiệp Hưng này nữa.

Ngoài ông Cống, mà tôi nghe biết chút ít, còn các người kia tôi hoàn toàn mù tịt, nhưng tôi biết tất cả đều là người của đảng Cộng Sản đưa ra. Lúc đầu vì quá phấn uất, tôi định bụng là viết chữ “trò hề” và gạch chéo trên lá phiếu rồi cho vào thùng, nhưng biết là không ổn vì bọn họ sẽ điều tra ra ngay lá phiếu của ai.

Một cách phản kháng khác là gạch một số tên nào đó không phải tên hai người cuối cùng như tên cán bộ đã bảo, hoặc bỏ phiếu trắng vào thùng. Nhưng cuối cùng tôi bỏ ý định, vì biết rằng lúc bấy giờ tôi là cái đích cho họ theo dõi và quan sát, vả lại cho dù tôi có bỏ phiếu cách gì đi nữa thì kết quả cuộc bầu cử này cũng đã được ấn định trước rồi, chống đối trong chuyện nhỏ mọn này chỉ tội thiệt thân.

Nghĩ như vậy, nên tôi cúi xuống gạch ngang hai tên cuối cùng rồi gập đôi lá phiếu bước ra khỏi buồng bỏ vào thùng phiếu bên ngoài, tự nhiên cảm thấy con người mình hèn đi vì cử chỉ này. Khi cho lá phiếu vào thùng, tôi tự an ủi và tha thứ cho mình với ý nghĩ: “Tên nào có đắc cử thì cũng là một lũ Việt Cộng, suy nghĩ làm gì”.

Lần đó ấp 6 trong xã Hiệp Hưng của tôi được tuyên dương là ấp bầu cử gương mẫu với 100% cử tri đi bầu. Các tân Đại Biểu Quốc Hội của tỉnh Bến Tre đắc cử với 99% số phiếu. Thật là một cuộc bầu phiếu “dân chủ” thành công tốt đẹp chưa từng có! Nhưng chuyện bầu cử chưa chấm dứt ở đây. Tuần lễ sau, trong ấp tôi có 13 cử tri bị gọi lên cơ quan làm việc, trong số đó có anh thanh niên đệ tử của tôi.

Lúc trở về anh ta thuật lại, 13 người này bị ông chủ tịch xã hạch hỏi tại sao đã được học tập kỷ lưỡng rồi mà còn bầu cử sai qui cách, không chấp hành chỉ thị của “trên”? Không gạch tên hai người cuối cùng mà lại gạch càn qua các tên khác? Muốn phá hoại cuộc bầu cử hay có ý đồ gì? Sau khi nạt nộ quát tháo một hồi, ông ra hình phạt mỗi người ba ngày công, mang gạo theo đi đào thủy lợi.

Vị đại diện chánh quyền kết luận: “Vi đây là vi phạm lần đầu nên Đảng và Cách Mạng khoan hồng chỉ phạt cảnh cáo chừng ấy. Bà con biết không, trong thời ngụy ấy hả, mỗi lần bầu cử nó bắt bỏ phiếu cho ai là phải bỏ cho người đó. Trong phòng phiếu nó lên trần nhà khoét lỗ dùng kiếng hiển vi (nguyên văn!) nhìn xuống để theo dõi, ai mà bỏ phiếu không đúng ý nó, sẽ bị bắt đi không có ngày về, các anh chị đừng có tưởng...”

Về phần tôi, ít lâu sau một chị giáo dân làm tổ trưởng tổ Phụ Nữ trong ấp tới nhà chơi và cho biết: “Cha biết không, hôm bầu cử, khi cha bước vô buồng kín đã có sẵn ba người được gài phía sau để theo dõi xem cha làm gì trong ấy, và họ khen là cha bỏ phiếu tốt”. Nghe qua câu này tôi chỉ mỉm cười không nói năng gì nhưng nghe có cảm giác ớn lạnh ở lưng, cái cảm giác mà chúng ta thường có khi vừa may mắn thoát được một tai nạn trong đường tơ kẽ tóc!

Cuối tháng Tư 1976, vì không thể sống được trong họ đạo dưới áp lực quá nặng nề đến từ nhiều phía, tôi buộc lòng phải từ giã họ đạo La Mã, trở về quê ít ngày rồi lại ra đi, lần này đi vào một tương lai vô định. Cũng như bao nhiêu anh em cùng chí hướng, tôi không thể ngồi yên nhìn cảnh quê hương và dân tộc đang bị một thứ chất độc tai hại tàn phá. Dù biết là tài hèn sức mọn, có thể không làm nên việc gì, nhưng tôi vẫn nghĩ, thà không làm nên việc gì còn hơn là không làm gì cả. Và từ lúc đó cuộc đời tôi đi vào ngả rẽ, dẫn đưa tôi vào nhà tù ở tỉnh lẻ cao nguyên này.

Quay Về Thực Tại

Giờ này đã quá khuya, buồng giam yên lặng, mờ ảo dưới ánh sáng leo lét của bóng điện nhỏ duy nhất trên trần nhà. Tiếng ngáy của Long càng lúc càng to. Chung quanh tôi, các anh em bạn tù đều đang ngon giấc. Bên ngoài cũng không nghe một tiếng động nào, chỉ lâu lâu có tiếng bước chân thật nhẹ nhàng, dừng lại bên ngoài cửa sắt buồng giam rồi lại bước đi. Tiếng bước chân nhẹ nhàng đến độ tôi phải chú ý lắng nghe mới nhận ra được như tiếng bước chân âm thầm của loài hổ báo đang rình mồi. Tôi biết ngay đó là cán bộ võ trang đang tuần tra về đêm.

Tôi cảm thấy lạnh nên nằm dịch người sát vào Long trực đầu đang ngủ say. Tôi nhẹ nhẹ kéo mí tấm chăn Long đang đắp để phủ lên người cho đỡ lạnh. Long giật mình, phát ra mấy tiếng ự ự trong cổ họng, trong khi mắt vẫn đang nhắm nghiền, vặn người mấy cái, chép miệng và nằm yên thờ ờ. Long nằm ngửa, đôi môi hở ra để lộ hàm răng có chiếc răng cửa bị gãy. Lúc này tôi không còn thấy Long xấu xí và đáng sợ như lúc mới chạm mặt lần đầu.

Trái lại, tôi thấy một tâm tình yêu mến dâng lên đối với Long, một thanh niên xa lạ tự phương trời nào, mà tự nhiên đêm nay lại trở thành kẻ “chung chăn chung gối” trong đêm đầu tiên tôi sống trong tù. Bất giác tôi cười thầm với cái ý nghĩ rằng đây là một “Đêm Tân Hôn”! Một đêm tân hôn thật lạ kỳ, vì “tân giai nhân” nằm cạnh tôi trực đầu, sún răng, hình hài vạm vỡ như một võ sĩ đồ vật và mình trần để lộ hình con rồng xâm trở to tướng trên ngực, con rồng lại đang nhe răng khè ra lửa! Tôi tiếp tục mỉm cười trong bóng đêm!

Những ý nghĩ miên man vụn vặt ấy từ từ ru tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay, một giấc ngủ thật nhiều mộng mị. Sáng ngày, lúc nghe tiếng keng báo thức, tôi giật mình tỉnh giấc và bàng hoàng không biết mình đang ở đâu! Tôi nằm yên dụi mắt. Một hồi lâu mới nhận ra được hoàn cảnh thực tại, tôi đang ở tù. Sau khi ngồi lên đọc kinh dâng ngày, tôi cố nhớ lại các giấc mơ đêm qua.

Trong cơn mơ, tôi thấy trở về thăm lại Đại Chung Viện Sài-Gòn, nơi tôi xa rời đã sáu năm qua, gặp lại một vài cha giáo sư và một số bạn cũ, trông mặt mày ai nấy đều ủ rũ buồn rầu nhưng không hiểu tại sao.

Trong một giấc mơ khác, tôi mơ thấy bóng dáng người con gái trong bài ca dao, “Trèo lên cây bưởi hái hoa...” Tôi thấy nàng mặc chiếc áo bà ba trắng ôm sát thân người, tóc bỏ đuôi gà, gương mặt trái xoan trắng ngần và đẹp thanh tú, nhưng trong vẻ đẹp ấy có ẩn hiện một nỗi u buồn khó diễn tả. Hình như tôi thấy nàng đang đứng giữa ruộng cà để nói chuyện với tôi và vài người khác hay sao đó. Giấc mơ này tôi nhớ không rõ, nhưng giấc mơ trước tôi còn nhớ rõ như in.

3 - TÀU SÔNG HƯƠNG



Trong mấy ngày qua, các tù nhân trong trại Gia-Ray tỉnh Xuân Lộc bàn ra tán vào về một đồ vật có hình dạng lạ lùng, đang nằm trong lán mộc gần bên cổng trại. Mạnh ai nấy cố thử đoán xem “nó” là cái gì. Nhưng cuối cùng, xem ra chẳng một ai dám chắc về lý đoán của mình. Cũng có một vài cuộc cãi vã xảy ra vì bất đồng ý kiến về tên gọi của nó. Đó là một đồ vật bằng ván gỗ, nếu dựng đứng lên trông giống như cái kệ sách có bề ngang sáu tấc và cao năm thước.

Tuy nhiên có điểm khác là các miếng ván nằm ngang không bằng mà lại hơi chênh chếch cao, nên chỉ trông giống kệ sách thôi nhưng không thể là kệ sách được. Có ai lại đóng một kệ sách với kích thước chướng đời như thế! Có người bảo nó là cây thang, nhưng nắc lại cách nhau quá ngắn, và hai bên là hai mảnh ván rất to bản. Nếu nó thực sự là cây thang thì đây là một cây thang lạ lùng nhất mà tôi được thấy. Chính tôi cũng thắc mắc về nó.

Khi đi lao động ra vô cổng trại, ngày nào cũng thấy nó nhưng không thể biết được dùng vào việc gì. Một hôm gặp anh đội trưởng đội mộc, tôi hỏi về nó, anh cũng chẳng biết là cái gì, chỉ biết đóng đúng theo kích thước của cán bộ giao cho đội thực hiện.

“Nó” nằm dài trong lán mộc một thời gian. Rồi một hôm, vào thượng tuần tháng Tư năm 1977, chúng tôi đi ngang lán mộc để xuất trại lao động, nhìn vào không còn thấy nó nữa. Như vậy là nó được chở đi ban đêm và không một ai trong chúng tôi được biết. Điều này cũng hơi khác thường vì các sản phẩm do anh em tù đóng như bàn, tủ, ghế, hòm v.v... đều được chở đi ban ngày và các anh tù phải khiêng vác ra xe. Nhưng rồi mấy ngày sau, chúng tôi quên khuấy nó đi, chẳng thấy ai còn thắc mắc gì về nó. Trong khi còn biết bao nhiêu chuyện khác phải bận tâm lo nghĩ trong kiếp sống tù đầy ở trại Gia Ray đông nghẹt tù nhân, và thiếu thốn tất cả tiện nghi tối thiểu này.

Trại Gia Ray, còn gọi là Z 30D, trước kia là hậu cứ của trung đoàn 54, nằm trên một đồi cao có cái tên khá thơ mộng là “đồi Phượng Vĩ”. Trại nằm quay lưng ra núi Chứa Chan cao to sừng sững mà anh em tù thích gọi đùa là núi “Chán Chứa”! Sở dĩ tôi biết về lai lịch trại này vì có một số người tù trước kia là quân nhân đã từng đóng quân ở đây. Sau khi đổi đời, họ lại cũng vào đây ở tù tiếp theo.

Vì trước kia là một trại lính và nay biến thành nhà tù, nên nó không có một thứ gì cả, ngoài mấy dãy nhà tôn vách ván, cất trên nền đất đỏ đầy bụi bặm và hang chuột dọc ngang. Trại không có nước máy, cũng không có giếng hoặc suối để lấy nước.

Hàng ngày có xe bồn chở nước tới cung cấp cho cơ quan và hơn một ngàn tù nhân trong trại. Vì số lượng nước cung cấp rất hạn chế nên nước trở thành hiếm và dĩ nhiên cái gì hiếm thì quý. Các tù nhân chỉ được chia tiêu chuẩn nước uống mỗi ngày hai lon Guigoz trong hai bữa ăn trưa và chiều. Vì phần nước quá ít so với nhu cầu nên hầu như không có ngày nào trong buồng là không có cãi nhau về “việc nước”.

Có nhiều trận đánh nhau bừa đầu sứt trán “vì nước”. Có mấy lần, hàng trăm tù nhân hè nhau tấn công nhà bếp để... “cướp nước”! Những lúc đó thì gậy gộc, gạch đá, có khi cả dao mác đều được dùng để ẩu đả nhau. Cả hai phe tù có nhiều kẻ lỗ đầu sứt trán máu me đầm đìa y như cảnh chiến tranh Quốc – Cộng trước kia giành nhau đất “nước”!

Trại Gia Ray

Nhóm chúng tôi từ trại Phan Đăng Lưu trong tỉnh Gia Định chuyển lên đây vài ngày trước Tết Đinh Tỵ năm 1977. Trong nhóm còn một Linh Mục khác là Cha Vũ Đức Khâm, người đã một thời làm việc với Đức Cha Lê Hữu Từ và cha Hoàng Huỳnh thời Công Giáo tự trị chống Việt Minh tại chiến khu Phát Diệm trước năm 1954.

Vào Nam, Cha Khâm được nhiều người biết đến qua các hoạt động xã hội của ngài tại Sài Gòn trong những năm đầu thập niên 70. Phần đông tù nhân trại Gia Ray lúc bấy giờ là nhân viên công chức của chế độ cũ và một số người trong Lực Lượng Dân Quân Phục Quốc, hầu hết là trẻ tuổi. Số khác can tội vượt biên hay phản động, chống chế độ cách này cách khác.

Khi chúng tôi chuyển tới đây thì trong trại đã có sẵn khoảng một ngàn người. Chừng vài tuần lễ sau, có một số anh em quân đội từ trại Cà Tum, Tỉnh Tây Ninh chuyển về nữa, nâng con số tù lên 1200 người. Trong số đó có khá nhiều anh em Công Giáo.

Khi vừa tới, chúng tôi được phân tán vào các đội và ở các buồng khác nhau, mỗi buồng chứa khoảng 60 người. Tôi vào chung đội với Cha Vũ Đức Khâm và một số anh em tôi còn nhớ được như các anh Nguyễn Tôn Tính, Nguyễn Tiến Đạt, Trần Nhật Kim, Mai Văn An. Phạm Văn Thông... Hai ngày đầu tiên chúng tôi bị nhốt trong buồng cả ngày lẫn đêm.

Buồng giam trống trơn từ đầu tới cuối, hai bên có hai dãy sàn nằm bằng gỗ, ở giữa là lối đi chạy dài. Trong buồng không có cầu tiêu, và để thay thế vào đó là 3 cái ống sắt vỏ đạn pháo binh 155 ly, mỗi ống đường kính chừng hơn gang tay và cao khoảng một thước, được dựng trong một phòng nhỏ ở góc phía trong cùng. Tất cả mọi nhu cầu vệ sinh của chừng ấy con người trong buồng được giải quyết gọn trong ba cái ống đó. Tới sáng ngày mở cửa mới được mang đi đổ ở cầu tiêu công cộng.

Tuy tôi chỉ ở trại này thời gian ngắn, nhưng có mấy sự việc gây ấn tượng mạnh làm tôi không sao có thể quên được. Trước hết là chuyện về cái cầu tiêu công cộng. Như tôi đã nói, lúc bấy giờ trong trại có hơn một ngàn người, sống chen chúc nhau trong một cái trại lính cũ mềm và trơ trọi.

Nước uống thì mỗi ngày có xe bồn chở tới, củi đống thì có sẵn trong rừng, rau cỏ thì các đội rau xanh trồng cho cả trại ăn, về khoảng tắm giặt thì... khắc phục! Nước uống còn không đủ lấy đâu ra nước để tắm giặt? Nhưng còn vấn đề 'đại tiện' thì sao, việc này không thể nào "khắc phục" được. Giải quyết khâu này cho hơn một ngàn con người sống tập trung đâu phải là chuyện nhỏ!

"Đại hội" Ruồi Xanh

Sau hai ngày đầu bị nhốt kín trong buồng, qua ngày thứ ba chúng tôi được mở cửa ra ngoài đi lại tự do như những người khác. Tôi còn nhớ mãi buổi sáng đầu tiên được mở cửa, tôi có nhu cầu ra khu cầu tiêu công cộng lần đầu tiên sau khi đã 'khắc phục' suốt đêm trong buồng, vì 3 cái ống vỏ đạn pháo binh làm cầu tiêu dã chiến không đáp ứng được nhu cầu của 60 con người. Muốn ra tới cầu tiêu công cộng tôi phải đi qua vài ba dãy nhà, kể cả khu vực nhà bếp.

Sau khi qua nhà bếp một đỗi, có con đường nhỏ đi giữa hai hàng rào kẽm gai dẫn ra phía bờ rào trại bằng nhiều lớp kẽm gai cuộn tròn bao bọc chung quanh trại. Khu vực cầu tiêu công cộng nằm sát bờ rào trại. Khi vừa tới đầu nhà bếp, mặc dù chưa thấy hình dạng nhưng tôi đã "đánh mùi" được vị trí tôi muốn tìm tới. Ngay lúc tôi vừa nghe mùi cũng là lúc tôi nghe một âm thanh lạ kỳ của đám ruồi xanh đang bện rộn với hàng đống cải muối dưa đang được trải phơi trên mái tôn của nhà bếp.

Trời ơi, ruồi xanh ở đâu mà lắm thế! Mùi dưa cải muối chua, mùi của nhà bếp, mùi của đường cống lộ thiên rộng gần 2 thước bên hông nhà bếp, cộng với mùi thối từ cầu tiêu công cộng cách đó không xa đã lôi cuốn không biết cơ man nào là ruồi xanh. Chúng bay thành từng đàn, từng mảng trên nền trời đông như giải trấu. Chúng đang giành ăn giữa những đám cải khô trên nóc nhà. Chúng bay vo ve trên miệng đường cống. Chúng đậu vào những nơi nào có thể đậu được trong khu nhà bếp và tạo nên một cảnh náo nhiệt khác thường.

Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được nhìn thấy ruồi xanh nhiều như thế, nhiều không có thể tưởng tượng được. Tôi thậm nghĩ có lẽ toàn thể ruồi xanh trên thế giới hôm nay tập trung về đây để họp bạn, hoặc có đại hội đặc biệt gì đó của ruồi xanh! Về số lượng đông khủng khiếp của muỗi thì tôi đã có dịp thấy tại rừng Năm Căn trong tỉnh Cà Mau. Khi còn làm thầy giúp xứ, tôi đã có dịp xuống làm việc với

cha Nguyễn Lạc Hóa, một Linh Mục người Tàu tại biệt khu Hải Yến vào năm 1967. Lúc đó tôi nghĩ chắc là trên đời này không còn nơi nào nhiều muối như ở Hải Yến trong tỉnh Cà Mau và lúc này tôi có thể nói không chỗ nào nhiều ruồi xanh như trại tù Gia Ray, tỉnh Xuân Lộc!

Khi tới nhà bếp tôi phải dừng lại vì đã có chừng vài ba chục người đang đứng xếp hàng dọc chờ từ trước, trên tay mỗi người cầm một tờ giấy. Tôi đến nơi rấp vào hàng. Đứng vô hàng xong, tôi ngoái lại sau lưng thì đã thấy độ mươi anh tù khác cũng đang lục đục kéo ra đứng tiếp theo. Một lúc sau, hàng người bắt đầu phải tới đây như tôi, càng lúc càng dài hơn.

Lúc đó chẳng biết làm gì hơn, tôi đành đứng yên quan sát. Vì mới tới trại mấy ngày, và hôm nay được ra đây lần đầu nên cái gì đối với tôi lúc bấy giờ cũng lạ. Những người bạn tù bắt đầu đã phải đứng xếp hàng trước và sau tôi, đại đa số cũng xa lạ nên tôi cũng chẳng có dịp nói chuyện với ai. Vả lại trông người nào cũng lìm lì câm lặng. Có người mặt mày nhăn nhó trông rất khổ sở, mà tôi đoán là họ đang bị ‘đuổi’ rất gấp, như thế còn tâm trí đâu để mà chuyện với trò?

Nhìn về phía xa trước mặt, tôi thấy cái hồ hình chữ nhật rất to, chiều dài phải có tới 15 thước, chiều ngang quãng 10 thước. Trên mặt hồ được dựng tạm bợ một dãy nhà cầu chừng 15 hay 20 cái dính liền nhau, cái nọ cách cái kia bằng một tám phân nửa, cao khoảng 50 phân, phía trước có lá chắn bằng nửa cao chừng một gang tay, trên nóc có tấm cốt che mưa che nắng một cách sơ sài vội vã.

Dãy nhà cầu nằm cách bờ đất khá xa và trước mỗi ô có một cầu bằng ván bìa bắt từ mép bờ đất đi ra. Nhìn từ xa, tôi thấy trong mỗi cái ô nhỏ nhỏ đó có một con người đang ngồi. Mới nhìn thoáng qua trông giống như một hàng nhộng nằm trong tổ ong đang lộ đầu ra ngoài. Tám phân phía trước chỉ che được những nơi cần che của con người đang ngồi chồm hổm, đối diện với một hàng người đang đứng dàn hàng ngang trên bờ hồ chờ tới phiên mình. Hàng người đứng hàng ngang này thuộc diện ưu tiên, trong khi những người ra muện như tôi, phải đứng thành hàng dọc trên lối đi và đang kiên nhẫn chờ đợi.

Đợi Chờ Trong Đau Khổ

Một lúc tôi mới chợt để ý là hầu hết mọi người đều cởi trần chỉ mặc mỗi chiếc quần đùi. Điều này làm tôi ngạc nhiên vì lúc đó là tiết xuân, sáng sớm trời khá lạnh, tại sao họ lại cởi trần, mặc quần đùi, trong khi tôi ‘diện’ khá chỉnh tề. Có nghĩa là tôi mặc cái áo sơ mi và quần dài.

Nhìn lại tôi thấy mình thật chẳng giống ai trong hàng. Tôi quay lại phía sau, thấy có vài anh cũng ăn mặc chững chạc như tôi, coi lại toàn là lính mới trong nhóm tôi mới nhập trại mấy ngày qua. Một số người đang khoanh tay cúi mình hoặc xoa hai bàn tay vào nhau cho đỡ lạnh. Lúc đó tôi nghĩ bụng: “Mấy tướng này đã ở đây lâu nên quen chịu rét, còn mình làm gì dám cởi trần buổi sáng sớm thế này!”

Hàng người nhích tới rất chậm, chẳng khác gì cảnh kẹt xe trên đường Hai Bà Trưng vào giờ tan sở. Có mấy tay đứng cạnh tôi, chắc là trong tình trạng “khẩn trương”, trông mặt mày nhăn nhó, bút rút. Cặp mắt lúc nào cũng đăm đăm nhìn cái hàng “nhộng” đang ngồi yên bất động, giương những cặp

mắt lơ đờ nhìn ra, trong trạng thái nhẹ nhàng thoải mái.

Có một tay ngay sau lưng tôi coi bộ “rất khẩn trương”, chắc là đang bị Tào Tháo đuổi gấp, nhưng lại gặp đèn đỏ phía trước không thể làm gì hơn nên tức khí quát to, chửi đạo, trúng ai thì trúng: “ĐM, ỉa cái đéo gì mà lâu thế mấy cha nội? Bộ muốn ngủ trong đó à? Mau ra cho bà con còn nhờ với chó!” Cả đám cười ồ sau câu nói của anh chàng lỗ mãng vui tính này. Vài người phụ họa theo pha trò thêm vài câu gì đó cho vui hơn, để quên cảnh khổ lúc bấy giờ đang hành hạ từng con người. Chẳng ai buồn trả lời câu chửi lãng xẹt của anh ta, nhưng một lúc sau có tiếng nói của một trong những “con nhộng” đùa trả lại. Nghe cách nói, tôi biết là chỗ bạn bè thân thiết: “Cái thằng ăn nói vô duyên, chuyện gì chó chuyện này thì nhanh cái chó gì được? Ngồi đây thối bỏ mẹ, có sướng ích gì đâu mà ở đó la với hét?” Cả bọn chúng tôi lại được một trận cười cho quên sầu trong giây lát.

Có mấy người xong việc, kéo quần đứng lên, bước vội ra như bị ma đuổi. Mỗi lần như vậy chúng tôi nhích thêm được vài bước, y như cái cảnh xếp hàng mua vé trước rạp Rex mỗi khi có chiếu phim hay! Chợt có một anh bạn đi ngược chiều, khi ngang qua chỗ tôi, dừng lại nói:

– Cậu Bảy có mặc quần đùi không? Cởi quần áo dài ra đi, mặc quần đùi thôi.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Sao vậy?

– Trời ơi! Vô đó nó thối không thể chịu nổi. Cậu mặc quần áo dài, mùi thối ám vô mấy ngày còn chưa hết mùi. Ở đây làm gì có nước mà giặt. Cậu cởi quần áo dài ra đi, con mang về buồng cho!

Thì ra tôi mới hiểu tại sao gần như tất cả đều cởi trần mặc quần đùi, chỉ có bọn lính mới chúng tôi là ngây thơ trong việc này. Tôi nghe lời anh bạn, cởi đồ dài ra đưa anh cầm về giúp. Sau khi cởi trần tôi bắt đầu rét run, nhưng dù sao tôi phải ở đây, không thể nào rời bỏ vị trí được.

Kê ra người vào, rốt cùng tôi cũng trở thành dạng ưu tiên tới bên bờ hồ và dàn thành hàng ngang đứng đối diện với một người xa lạ đang ngồi bên trong. Hai người chúng tôi, một đứng một ngồi, cách nhau chừng hai thước, nhưng chúng tôi tránh ánh mắt của nhau, vì đây là một cuộc “hội kiến” hoàn toàn bất đắc dĩ. Lúc đứng chờ, tôi nhìn xuống bên dưới và cảnh tượng thật là kinh khủng. Hồ sâu chừng quá đầu người. Bên dưới mỗi ô nhà cầu là một thùng chứa phân có 2 quai bằng dây sắt. Nhưng phân tràn be bét ra ngoài và lấp đầy gần một phần ba cái hồ. Các thùng chứa phân là của đội rau xanh. Mỗi ngày có mấy anh vào khiêng ra, bón cho vườn rau cải được trồng rất nhiều bên ngoài công trại.

Vườn rau này là nguồn cung cấp thức ăn chính cho tù nhân trong trại. Khi đứng bên miệng hồ, mùi hôi thối xông lên làm tôi gần ngạt thở. Đám ruồi nhặng đông như trấu đang quần thảo, cào cào, nhào lộn trên mặt hồ. Tiếng bay của chúng tạo thành âm thanh rào rào như đàn ong vỡ tổ. Mặc dù chúng đã chia ra một tổp khác đang làm chủ tình hình ở khu nhà bếp, số ruồi xanh ở đây còn dày đặc mấy lần

hơn. Trên lớp mặt nhầy nhựa, từng mảng dòm bọ lúc nhúc đang lẫn lộn, trườn đạp lên nhau không khoan nhượng.

Tôi không dám nhìn lâu cảnh này và ngược nhìn lên cái chòi gác khá cao nằm ở một góc cách đó không xa. Có một anh công an ngồi gác trên chòi, yên lặng nhìn chòng chọc xuống đám tù nhân đang nói đùa nhau làm cái công việc thuộc bản năng. Tôi tự nhiên đâm ra thương hại cho anh ta và nghĩ thầm: “Minh mới đứng một chốc đã muốn điên người, còn anh ta ngồi đó hàng giờ làm sao chịu cho thấu!” Nhưng tôi lại nghĩ, cái gì cũng vậy, mãi rồi nó cũng quen đi.

Và tôi đã nghĩ đúng! Cái gì rồi cũng quen đi. Về sau này mỗi sáng tôi lại phải đến đây, dĩ nhiên là cởi trần mặc quần đùi, lại xếp hàng, lại đối diện với hai người bạn tù nào đó, một người tôi đứng chờ và một người khác đứng chờ tôi! Cái hố vẫn là cái hố cũ với tất cả sự nhơ nhớp và thối tha của nó, nhưng tôi không cảm thấy kinh khủng như lần đầu nhìn thấy. Có những ngày mưa gió toi bời làm cho việc giải quyết nhu cầu tự nhiên của cơ thể này trở nên khổ nhọc hơn. Chúng tôi phải xếp hàng dưới cơn mưa và cái hố kia ngập nước trở nên lỏng bồng những nước nhầy nhựa. Đám dòm bọ bị ngập lụt trôi lều bều, giãy giụa như người trong cơn chết đuối đang vẫy vùng cầu cứu. Cảnh tượng này trông càng khủng khiếp hơn.

Nhưng trời mưa lại giúp bầu khí đỡ hôi thối và đàn ruồi nhặng cũng hoạt động bớt hăng say, có lẽ chúng sợ bị ướt cánh. Những ngày tháng về sau, tôi vẫn phải tới nơi này nhưng cố gắng coi đó là chuyện tự nhiên. Tôi tự nhủ, đây là một phần trong giai đoạn mới của cuộc đời.

Người Bạn Tù Linh Mục

Lúc đó Cha Vũ Đức Khâm sống chung buồng với tôi và ngài đã để lại trong lòng tôi kỷ niệm sâu xa. Vì lớn tuổi nên ngài được cho làm việc nhẹ trong trại gọi là “trực sinh”, còn tôi phải vào toán lao động bên ngoài trại. Lúc bấy giờ trong trại có nhiều loại công việc khác nhau và mỗi đội làm các việc đó có tên riêng như đội cấp dưỡng (nhà bếp), đội mộc, đội rèn, đội rau xanh. Tôi được sung vào đội khai hoang dọn đất, tức là đốn cây, khai phá lùm bụi, cuốc dọn đất cho các đội khác trồng trọt rau cải cung cấp cho trại. Công việc của đội tôi cũng không vất vả lắm, nhưng phải phơi nắng cả ngày và là một công việc đầy nguy hiểm.

Điều làm chúng tôi lo sợ nhất là khi khai hoang cuốc đất, thỉnh thoảng lại có anh cuốc nhầm mìn, lựu đạn hoặc đầu đạn M79. Đã có người bị nổ banh thân, có người cụt giò hoặc bị thương tật. Ngoài ra còn một điều ngán nỡ là đội chúng tôi lao động quần quật cả ngày dưới trời nắng chang chang, mình mẩy đầy cát bụi, mà chiều lại không có một giọt nước để lau người.

Có những hôm chúng tôi nản nỉ quá, cán bộ võ trang dẫn đi “tắm” ở một cái hố nước gần đó. Hố nước chừng bằng căn phòng, nước đục ngầu và chỉ cao vừa tới đầu gối. Khi đội chúng tôi tới nơi, đã có hàng mấy trăm con người ở các đội khác tới trước. Họ đứng tràn chung quanh miệng hố. Cảnh này

nhìn từ xa giống như có đám ma của một nhân vật quan trọng, lúc hạ huyết ai cũng muốn bu lại để cố nhìn thấy quan tài lần cuối cùng. Chùng ấy con người mà lội xuống ao, làm bùn non nổi lên nhào trộn với nước, đặc quánh lại như vữa xây nhà, chúng tôi đành bỏ cuộc.

Làm sao mà tắm cho được? Có những ngày nóng nực quá không thể chịu nổi. Sau giờ lao động ban chiều, cán bộ cho chúng tôi đến “tắm” nhờ bên đội rau xanh. Nơi đó có dòng suối nhỏ mà đội dùng để tưới vườn rau cải. Chúng tôi dùng lon múc một ít nước lau người. Nước này đã tưới các luống rau và chảy xuống suối, mang theo từng tảng phân người trôi lều bều trên mặt nước!

Trong trại lúc đó, có một số đồng anh em Công Giáo. Những ngày Chúa Nhật hoặc ngày không đi lao động, anh em hay đến thăm Cha Vũ Đức Khâm và tôi. Để tránh mọi phiền phức trong lối xưng hô, tôi bảo các anh em gọi Cha Khâm là Cậu Hai, còn tôi là Cậu Bảy. Tôi mang cái tên “Cậu Bảy” từ lúc đó.

Các anh em Công Giáo không những chỉ đến thăm viếng chuyện trò mà còn giúp nhau lo dọn mình xưng tội. Các anh em bạn bè cũng mang tới cho chúng tôi ít thức ăn, đồ dùng. Trong số những anh em thường tới chơi và giúp đỡ, tôi đặc biệt nhớ tới anh Phạm Hùng Thọ. Anh là một sĩ quan trước kia vào trại Gia Ray chúng tôi mới biết nhau. Người Thọ cao lớn, nước da ngăm đen, tính nết hiền hòa, nói năng chậm rãi.

Lúc đó anh ở đội rau xanh là đội có cơ hội được tiếp xúc với “nước” nhiều hơn các đội khác. Mỗi buổi đi lao động, Thọ gánh một đôi thùng thiếc lấy nước sạch mang về, chia cho tôi và Cha Khâm một thùng. Một thùng nước trong trại Gia Ray lúc đó thật là quý, nhất là nếu biết công của Thọ đã phải gánh từ xa mấy cây số về thì mới hiểu hết được giá trị của thùng nước đó như câu người ta thường nói: “Của một đồng công một lạng”. Tôi nhớ mãi về người bạn tốt này vì thường chọc đùa anh.

Biết tên anh là Phạm Hùng Thọ mà lúc đó Phạm Hùng là Bộ Trưởng bộ Nội vụ, còn Nguyễn Hữu Thọ là Chủ tịch nước nên một hôm tôi nói đùa với anh: “Anh Thọ này, giá mà tên anh chỉ lấy mỗi hai chữ đầu là Phạm Hùng, anh em cũng được nhờ, hoặc chỉ lấy một chữ sau cùng là Thọ và cho đứng sau chữ Nguyễn Hữu, có phải anh em mình trúng mảnh không? Tiếc là tên hai ông lớn gộp lại mới bằng tên anh mà chúng tôi chẳng được nhờ và gì!” Thọ nghe tôi nói bật cười thật tươi. Tôi vẫn nhớ nụ cười hồn nhiên đó của anh.

Tết năm đó, phần đông các anh em được gia đình vào thăm nuôi tiếp tế, trong khi chúng tôi vừa mới từ trại Phan Đăng Lưu chuyển tới rất đột ngột nên gia đình và thân nhân không hay biết chúng tôi hiện đang ở đâu. Mặc dù lúc đó chúng tôi được quyền đi lại từ buồng này qua buồng khác và giao tiếp tự do, nhưng phần Cha Khâm và tôi lúc nào cũng phải dè dặt với anh chàng Bùi Định.

Vừa đặt chân lên trại này, chúng tôi đã được các anh em thông báo phải cẩn thận dè chừng với anh này. Vì mới tới, tôi chưa biết ai là ai, chỉ biết là anh Bùi Định được trại chỉ định làm đại diện cho tất cả tù nhân. Anh ta cũng lo việc phát thư, sách báo, gọi và dẫn tù ra nhà khách thăm gặp gia đình.

Khi từ nhà khách trở về, anh ta cũng phụ giúp cán bộ khám xét hàng họ, quà cáp. Trong buồng tôi cũng có một anh tên là Đặng Bá, nghe nói là giáo dân ở nhà thờ Kỳ Đồng. Anh này chuyên rình mò báo cáo anh em để lập công. Tôi đã phải nhiều phen khốn đốn vì anh chàng Đặng Bá này. Khi lên tới trại này sau hơn 9 tháng bị bắt, lần đầu tiên tôi mới va chạm với hệ thống dùng tù rình mò và tố cáo tù, mà về sau chúng tôi gọi là “ăn-ten”. Lúc còn bị giam ở trại Phan Đăng Lưu cũng đã có hiện tượng này, nhưng chưa được tổ chức quy mô thành “mạng lưới” như khi sống chung đông đúc như ở trại này.

Chuyện Năm Xưa

Chúng tôi sống yên ổn được gần một tháng thì có chuyện buồn xảy tới. Ngày nọ, có một anh Công Giáo kể tôi nghe câu chuyện về Cha Khâm và dặn tôi về nói lại với ngài. Anh ta nói, một hôm có một cán bộ người miền Bắc quen biết với cán bộ quản giáo đội của anh, nên tới đội chơi. Vì biết anh là người Công Giáo nên cán bộ miền Bắc này hỏi anh có biết “tên Vũ Đức Khâm” không. Sau khi anh trả lời là biết, cán bộ này nói: “Chính thằng Vũ Đức Khâm nó giết bố tôi”.

Nghe kể lại chuyện đó, trong lòng tôi bất an. Tôi rất lo sợ cho sự an toàn của Cha Khâm, nhưng tôi không kể lại với cha, sợ ngài lo lắng vì lúc đó tinh thần ngài rất sa sút. Mặc dù không kể lại với Cha Khâm, nhưng tôi hay tìm dịp hỏi riêng ngài về các việc làm lúc còn ở Phát Diệm. Cha Khâm cho tôi biết, có làm việc với Đức Cha Lê Hữu Từ trong chiến khu Phát Diệm tự trị, chống Việt Minh. Ngài cũng cho biết, sau này người ta thù ghét nhiều điều mà ngài không hề làm.

Có lần tôi hỏi về vết sẹo khá lớn trên mặt ngài, phía dưới cằm, Cha Khâm cho biết là có lần ngài bị ám sát ngay trong nhà thờ vào một buổi sáng sớm khi ngài vào nhà thờ dâng lễ. Ngài bị bắn hụt chỉ bị thương và còn lại vết sẹo đó. Ngài nói sau lần đó, ngài không còn dính líu tới Tự Vệ Quân nữa cho tới khi di cư về Nam vào năm 1954.

Khi về Nam, Cha Khâm đi du học ở Mỹ và có bằng tiến sĩ xã hội. Trở về Sài Gòn, ngài hoạt động mạnh trong phong trào Thanh Sinh Công và mở những khóa phụ nữ cắt tóc đầu tiên tại Sài Gòn. Lúc trước tôi không biết gì về Cha Khâm, vì ngài là lớp đàn anh, lớn hơn tôi hơn 20 tuổi. Nhưng tôi nghe tên và biết về việc xã hội ngài làm tại Sài Gòn.

Vào tù chúng tôi mới gặp nhau khi cùng bị giam chung trong dãy xà-lim ở An ninh Nội Chính ((Nhà Cảnh sát Đô thành cũ). Có 20 người trong 20 phòng liền nhau. Trong số những người nằm xà-lim lúc bấy giờ tôi còn nhớ các ông Vũ Quốc Thông, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, ông Tống Đình Bắc. Trong thời gian đó, Cha Khâm là người bị gọi đi hỏi cung nhiều nhất, có khi gọi cả ngày lẫn đêm.

Cách mấy ngày sau, tôi nghĩ là nên cho Cha Khâm biết câu chuyện mà tôi đã được nghe để ngài chuẩn bị tinh thần, hơn là có cái gì xảy ra quá đột ngột cho ngài. Trong một đêm tôi kể lại câu chuyện mà tôi được nghe và ngài rất lo lắng, mặc dù ngài khẳng định là không bao giờ có chuyện đó. Ngài cho biết

là không bao giờ giết người lúc còn làm việc ở Phát Diệm. Vì cả hai chúng tôi đều có linh tính về chuyện chẳng lành có thể xảy ra, nên chúng tôi dành nhiều thời giờ lo giúp nhau chuẩn bị các việc về phần hồn.

Lúc này Cha Khâm coi tôi là người bạn tinh thần và là chỗ nương tựa trong lúc sầu khổ. Tôi nhận thấy rất rõ là ngài lo lắng và thương tôi hơn. Ngài luôn dặn dò tôi, cho dù bất cứ vì hoàn cảnh gì mà phải xa nhau, cũng hãy luôn sống xứng đáng với chức vụ Linh Mục và giúp đỡ anh em, nhất là về phần tinh thần. Có lần tôi nói với Cha Khâm là ngài dịch cuốn “Một Tâm Hồn” của Thánh nữ Têrêsa Hà Đòng Giêsu rất hay. Cuốn sách đó có ảnh hưởng tới cuộc đời tôi rất nhiều. Nghe nói thế ngài cảm động lắm.

Tôi còn hỏi tại sao ngài lấy bút hiệu là Kim Thiếu khi dịch sách đó? Cha Khâm cười trả lời: “Tại Cậu Bảy mà không biết chữ Nho đó thôi. Đây là lối chiết tự: chữ Khâm được kết hợp bởi chữ Kim và chữ Khiếm, mà Khiếm tức là thiếu, vậy thay vì Kim Khiếm thì là Kim Thiếu, tức là Khâm!” Có một đêm nằm gần nhau trên sàn ván trong buồng, tôi nắm lấy bàn tay Cha Khâm và hỏi thẳng vào vấn đề:

– Cậu Hai, giả sử như cậu có Cậu mệnh hệ nào, cậu có muốn con làm gì không?

Cha Khâm trầm ngâm một lúc mới trả lời:

– Cậu Bảy mà hãy nói lại với mọi người là tôi đã dọn mình ra đi bằng yên, và tôi không bao giờ làm điều mà họ gán cho tôi.

Cha Khâm vẫn có thói quen gọi tôi là ‘Cậu Bảy mà’, nói xong ngài quay mặt đi với vẻ mặt rất buồn. Tôi hứa là tôi sẽ làm như lời ngài dặn.

Vĩnh Biệt Cha Khâm

Và chuyện gì sẽ tới nó phải tới. Một buổi chiều kia, vào khoảng cuối tháng ba năm 1977, sau hồi kêng điếm danh, anh em buồng tôi đứng xếp thành 4 hàng như thường lệ bên ngoài, chờ cán bộ tới điếm danh vào buồng. Nhìn ra, tôi chợt thấy một chuyện bất thường. Có một nhóm cán bộ lạ mặt từ xa đi tới.

Thay vì các cán bộ có trách nhiệm điếm danh hàng ngày mà chúng tôi biết mặt, lần này là Thiếu úy Xuân, Sĩ quan An ninh của trại, và 2 cán bộ võ trang mang súng dài theo sau đang tiến thẳng về phía chúng tôi. Thiếu úy Xuân từ miền Bắc vào, thuộc diện “cùng hung cực ác”. Da mặt anh nám đen và đầy mụn trứng cá như dề cơm cháy, môi thâm sì, cặp mắt trắng dã, khi nhìn ai, không bao giờ chớp mắt. Tôi còn nhớ mãi hình ảnh ghê gớm đứng vào đêm giao thừa Tết Đinh Tỵ năm đó, ngày 19-2-1977.

Trong lúc anh em tù nhân chúng tôi trong buồng chờ đón giao thừa và nói chuyện ồn ào vui vẻ. Thành linh có nhiều tiếng súng to, súng nhỏ nổ vang bên ngoài. Có mấy anh lạc quan hào vợi nhảy nhót vui mừng tưởng là phen này “tới rồi”! Lúc đó cộng-sản vừa chiếm miền Nam, có nhiều phong trào nổi lên

chống trả. Và có tin đồn nào là “phe ta” đang nằm sẵn sàng trong mé rừng Long Khánh, chờ cơ hội thuận tiện đánh úp bất ngờ. Đêm nay khi nghe tiếng súng rền trời, nhiều người phấn khởi vỗ tay. Có anh cố khom người nhìn qua khe vách ván coi bên ngoài động tĩnh ra sao!

Một phần khác, có lẽ vì đa số anh em trong buồng, không nhiều thì ít đều có dính dáng tới súng đạn trong một cuộc chiến ác liệt vừa tàn, rồi hàng năm trời không có dịp nghe tiếng súng, đêm nay nghe lại tiếng súng nổ rền vang, tự nhiên cảm thấy nổi hứng như lân nghe pháo.

Trong khi anh em trong buồng đang nhón nháo vui mừng, thình lình cánh cửa duy nhất của buồng ngay đầu hồi nhà bật mở tung ra! Cánh cửa mở rất mạnh như có một cơn bão lớn làm bật tung khóa. Tất cả chúng tôi đột nhiên yên lặng nhìn ra phía cửa, miệng há hốc.

Thiếu úy Xuân hiện ra đứng ngay cửa buồng. Anh ta đứng sừng sững như một Thiên Lô từ trời rơi xuống, đứng chết lặng như trời trồng, không nói một lời. Trên mặt nhiều người trong buồng còn lộ vẻ sững sờ và bẽn lẽn như đứa trẻ ăn vụng, bị mẹ bắt gặp tại trận! Thiếu úy Xuân “hiện ra” đúng giây phút đầu Xuân, nhưng không mang lại cho chúng tôi một chút “Xuân” nào! Mặc bộ đồ công an màu vàng, đầu đội nón cối che gần hết trán.

Cặp mắt trắng dã của anh ta mở to hết cỡ, đang quét qua quét lại đám tù nhân đang đứng ngỡ ngàng, lúng túng. Ai đang ở tư thế nào thì giữ nguyên tư thế đó! Một lúc sau, có vài người khẽ cúi xuống, tránh cặp mắt đờ đờ sát khí của vị đại diện toàn quyền cho Hung Thần! Anh ta giữ cho bầu khí nặng nề thêm một lúc, bằng cách đứng yên, hai tay chống nạnh, hai chận dạnh ra như trong tư thế xuống tấn của người đang múa võ.

Cuối cùng anh ta đọc thoại: “Các anh hồ hởi cái gì, hả? Anh nào lúc nãy vỗ tay, hả? Bớ láo! Các anh đừng có tưởng bở!” Cả buồng vẫn yên lặng, một lúc sau có vài người bắt đầu cử động nhẹ nhàng và quay đi có ý như muốn nói “không phải tôi”. Có lẽ thấy màn biểu diễn uy quyền đã tạm đủ, anh ta to giọng: “Cả buồng đi ngủ! Nếu còn tiếp tục làm ồn thì đừng có trách!”. “Phán” lời đó xong, anh ta bước lui ra biến dạng vào bóng đêm cũng nhanh như lúc anh ta “hiện ra”.

Cánh cửa buồng giam tự nhiên đập “ầm” một tiếng, giống y như các cảnh trong phim thần thoại diễn tả lúc Hung Thần vụt biến. Có cái khác là Thiếu úy Xuân “biến” mà không để lại một vầng khói trắng như thường thấy trong phim! Sáng ngày chúng tôi được biết, đêm qua cán bộ bắn súng mừng giao thừa thay cho tiếng pháo Tết!

Chiều nay, lúc đang đứng trong hàng tôi lại thấy “Hung Thần” xuất hiện. Lần này thì xuất hiện giữa ban ngày, có hai cán bộ võ trang xách súng dài theo sau. Thấy Thiếu úy Xuân đang xăm xăm đi tới, linh tính báo cho tôi biết là có chuyện chẳng lành. Khi anh ta tới nơi và dừng lại, đội trưởng của chúng tôi (lúc bấy giờ là ông già Lưu), hô to mệnh lệnh: “Nghiiiiêmm!” Cái ông già Lưu này, người thì bé con con mà tiếng hô “ngghiêm” của ông ngon lành nhất trại. Hô xong ông đứng cứng đờ người, hai bàn tay

úp vào, kẹp sát hai bên đùi, gót chân nhún lên nhún xuống.

Vì cái tật này mà ông ta có biệt danh là “ông già lò xo”! Sau khi hô khẩu hiệu xong, “ông già lò xo” định báo cáo số người như thường lệ, nhưng Xuân khoác tay, vì việc này thuộc nhiệm vụ của cán bộ trực trại chứ không phải của anh ta. Anh ta đến đây vì một việc khác. Thiếu úy Xuân đứng đó, giương cặp mắt lừ đừ trắng dã nhìn thẳng vào chúng tôi, nói thật gọn nhẹ: “Anh Vũ Đức Khâm, vào buồng mang tất cả nội vụ ra ngoài!”

Trước Giờ Chia Tay

Tôi nhìn Cha Khâm thấy ngài giật mình một phát thật mạnh và lão đảo bước ra khỏi hàng. Những gì tôi lo sợ đã đến. Lúc đó tôi nghe đau nhói trong tim khi nhìn thấy thân hình cao to của Cha Khâm, lúc bấy giờ khoảng 65 tuổi, lưng hơi còng, mình mặc áo đen, quần ngắn đen, mặt tái nhợt và hai bàn tay run nhẹ, đang bước vội vào buồng. Vào tù ngài để râu nên trông càng già hơn.

Tôi có thể đoán biết số phận của ngài sẽ ra sao! Các anh em khác cũng đứng yên nhìn Cha Khâm với vẻ ái ngại, mặc dù họ chưa biết tính cách nghiêm trọng của sự việc như tôi biết. Thiếu úy Xuân vẫn còn đứng đó, trong khi hai cán bộ võ trong xách súng theo sau Cha Khâm tới cửa buồng. Tôi đứng suy nghĩ một giây, và bước ra khỏi hàng tới trước mặt Thiếu úy Xuân:

– Báo cáo anh!

Thiếu úy Xuân ngạc nhiên nhìn tôi hỏi:

– Có việc gì?

– Tôi sinh hoạt chung với anh Khâm và quản lý tất cả đồ đạc. Anh cho tôi vào buồng trả lại cho anh ấy.

Lúc đó tôi sinh hoạt ăn uống chung với Cha Khâm và anh Trần Đình Ngành, một giáo dân xứ Tân Việt. Thật ra đó chỉ là cái cớ. Tôi còn một ý khác mạnh hơn và quan trọng hơn rất nhiều để xin vào buồng trong lúc này. Thiếu úy Xuân suy nghĩ một chốc, gật đầu:

– Được! Khẩn trương lên!

Tôi đi như bay về phía buồng, nhưng hai tên võ trang đứng ngoài cửa chặn tôi lại hỏi:

– Còn anh vào đây làm gì?

– Tôi đã báo cáo xin anh bên ngoài cho vào soạn đồ đạc của anh Khâm, vì chúng tôi sinh hoạt chung.

– Khẩn trương lên nhé!

– Vâng, tôi khẩn trương!

Thấy hai anh này không có gì khó khăn lắm tôi cũng mừng, đi vội lại với Cha Khâm lúc đó ở khoảng giữa buồng về bên trái. Lúc đó ngài đang lúng túng vội vàng lục tung đồ đạc ra, vất lộn xộn trên sàn gỗ.

Thấy tôi bước vào, Cha Khâm mừng rỡ ra mặt, hai bàn tay run rẩy của ngài chụp lấy tay tôi, nói bằng giọng đứt quãng:

– Cậu Bảy mày ở lại mạnh giỏi, xin Chúa chúc lành. Gửi lời chào Ngành và các anh em, nhớ cầu nguyện cho nhau. Cậu giữ tất cả thức ăn lại đi, tôi không mang gì đâu.

Lúc đó Cha Khâm đã mắt bình tĩnh, lụm chụp và cố nói với tôi thật nhiều trong khi còn có thể nói được. Tôi nhìn Ngài hết sức thương tâm, cố kềm hãm cơn xúc động và nói nhanh:

– Cậu Hai dọn mình ăn năn tội đi, con giải tội cho. Con xin vào đây vì lý do đó.

Nói xong tôi ngược mắt nhìn ra cửa thấy Thiếu úy Xuân đang từ từ đi vào. Lúc này Cha Khâm đang ngồi quay lưng ra cửa, mắt nhắm nghiền, đôi môi mấp máy. Tôi biết là ngài đang dọn mình ăn năn tội. Tôi bắt đầu đọc công thức giải tội bằng tiếng La-tinh, đọc thật nhỏ vừa đủ cho hai người nghe: “Dominus noster Jesus Christus te absolvat...” Tôi vừa đọc xong thì Thiếu úy Xuân cũng vừa tới nơi. Anh ra lệnh bằng một giọng nhỏ nhẹ nhưng dứt khoát: “Anh Khâm khẩn trương! Mang tội vụ ra ngoài!”

Tôi đứng nhìn theo bóng dáng to cao của Cha Vũ Đức Khâm đang vội vã tay xách nách mang trở ra cửa, theo sau là Thiếu úy Xuân, trông như cảnh tội nhân bước ra pháp trường, có tên lý hình theo sau. Có lẽ lúc đó Cha Khâm cũng đã biết một phần nào số phận của ngài nên trông ngài mắt bình tĩnh một cách rất đáng thương.

Nỗi Buồn Chia Ly

Tối đêm hôm đó sau khi đã vào buồng đóng cửa, một số anh em, nhất là các anh em Công Giáo, lộ vẻ u buồn trông thấy. Phần tôi, lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy thật lẻ loi và cô đơn. Tôi nằm nhớ Cha Khâm và hai hàng nước mắt tràn ra. Lúc này khi thu dọn lại đồ đạc tôi thấy chiếc dây thắt lưng bằng da, có băng khá to mà tôi thấy ngài vẫn thường mang. Có lẽ trong lúc vội vã ngài đã bỏ quên lại. Nhìn thấy vật này tôi càng nhớ Cha Khâm nhiều hơn. Khi đi ngủ, nhìn sang chỗ trống bên cạnh tôi bồi hồi nhớ lại hơn một tháng qua, hai anh em Linh Mục chúng tôi nằm gần nhau, an ủi nâng đỡ nhau, cùng nhau dâng Thánh Lễ trong mừng cách âm thầm.

Tôi coi Cha Khâm như một người cha hơn là một bạn tù. Ngược lại ngài cũng rất quý mến tôi. Sự có mặt của Cha Khâm và tôi trong trại tù hơn một ngàn người ở đây cũng là một niềm vui và là nguồn an ủi cho một số đồng các anh em Công Giáo. Giờ đây Cha Khâm đi rồi, chỉ còn lại một mình, và tôi cảm thấy trách nhiệm mình trở nên nặng nề hơn.

Thời gian này cũng là lúc tôi thấy rõ vai trò một Linh Mục trong nhà tù cộng-sản, là một chỗ dựa tinh thần cho nhiều người. Điều này tôi đã bắt đầu cảm nhận ngay trong thời gian gần hai tháng tù đầu tiên tại Ban Mê Thuột và sau đó là tám tháng ở An Ninh Nội chính và trại Phan Đăng Lưu, tỉnh Gia Định.

Đêm đó tôi nằm trần trố không ngủ được. Việc Cha Khâm bị đưa đi làm tôi sốc nặng, vì tôi đã hình dung được những gì đang chờ đợi ngoài qua câu chuyện mà tôi được nghe. Trong đêm thanh vắng tôi nằm nhớ lại những ngày tháng qua, từ lúc tôi bị bắt trong vùng rừng núi ở Campuchia, giáp ranh tỉnh Ban Mê Thuột.

Nhớ lại những ngày đầu tiên tôi bước vào nhà giam tỉnh Ban Mê Thuột, sau đó chuyển về An Ninh Nội Chính và bị giam chung với Cha Khâm ở dãy xà-lim, Cha Khâm buồng 15, tôi buồng 20. Sau đó cả hai được chuyển qua trại Phan Đăng Lưu tỉnh Gia Định, nhưng cũng ở khác buồng. Lúc lên trại Gia Ray này, chúng tôi mới sống chung một đội với nhau.

Những Bước Đầu

Nhớ lại kỷ niệm của những ngày đầu, lúc tôi còn quá ngỡ ngàng với nếp sống trong tù, cái gì cũng lạ, cũng ngỡ như chuyện buồn cười sau đây. Hai tháng sau ngày bị bắt, tôi được chuyển về trại Phan Đăng Lưu, tỉnh Gia Định. Phòng giam là một căn phòng trống trơn, các tù nhân nằm trên nền xi-măng xây lên cao khoảng ba tấc cập theo vách tường. Ở giữa có khoảng trống trống xuống, mà chúng tôi gọi là “phi đạo” chạy thẳng ra cửa.

Ngay gần cửa về phía trái có một bể cạn cao chừng thước hai, có thể chứa được hai khối nước, có vòi nước máy chảy vào. Từ thành bể trở vô sát với bờ tường là một khoảng trống làm chỗ tắm giặt và trong cùng là cầu tiêu. Khu vực này được ngăn ra với “phòng ngủ” bằng một bờ tường cao tám mươi phân. Như vậy phải hiểu là vách chỉ che được người đứng bên trong kín được tới trên đầu gối một chút. Thật ra, công dụng của vách ngăn này chỉ để nước khỏi bắn tung tóe ra ngoài, chứ không có ý che kín con người tắm bên trong.

Buồng giam có mái nhà lợp tôn, không cửa sổ và bên trên thay vì trần nhà, là một vĩ sắt ô vuông để phòng tù trở nóc nhà vượt ngục. Mỗi buồng như vậy nhốt 60 người, có khi hơn, trong khi sức chứa thực sự chừng 30. Tù nhân trong buồng thật hỗn tạp, đủ mọi thành phần như phản cách mạng, phục quốc, vượt biên, văn nghệ sĩ, công chức chế độ cũ v.v... và có vài anh cán bộ hủ hóa cũng bị nhốt vào đây. Trong buồng tôi lúc đó gần phân nửa là số anh em Công Giáo, nhiều nhất là thanh niên các xứ đạo trong đô thành như Tân Việt, Tân Sa Châu, Bùi Phát. Đa số bị bắt vì tham gia phong trào Dân Quân Phục Quốc.

Vì phòng quá đông nên rất nóng nực, mọi người đều cởi trần và mặc mỗi chiếc quần đùi cả ngày lẫn đêm. Ban ngày chúng tôi thay phiên nhau gội nước tắm trong giờ được cả buồng ấn định. Khi tắm, mỗi người được gội ba “mũ” nước. Người này tắm xong tới người kia, cứ xoay vòng theo chiều kim

đồng hồ căn cứ vào vị trí chỗ nằm trong buồng.

Tất cả mọi người, khi tắm đều cởi truồng. Đây mới là cái khó cho tôi! Tôi để ý gần như ai khi tắm cũng làm những động tác giống nhau. Họ tới bên bể nước, bước vào “nhà tắm”, tuột nhanh cái quần đùi, giữ thành phạch hai lần và vắt nằm lên tróc vách ngăn. Hầu hết đều quay mặt vô vách khi làm các động tác này, nhưng cũng có người cứ bình thân quay mặt ra “khán giả”, vì còn mãi mê tiếp tục câu chuyện dở dang. Có mấy anh chàng quá mê cờ tướng, chẳng còn biết trời đất là gì, tuột quần xuống quá đầu gối rồi mà còn đứng quay lại, tay trái giữ cặp quần, tay kia khua khoắng chỉ trở và gân cổ lên cãi về một nước cờ còn chưa ai chịu ai.

Trong lúc miệng nói, các ngón tay hạ xuống co tròn lại, gãi sồn sột chỗ vòng đai thắt lưng có một đường viền lồi ra vì cặp quần thun quá chặt. Nhiều khi đứng lâu quá, làm người kế sau chờ sốt ruột phải lên tiếng giục mới chịu gỡ chân lấy quần ra. Xong động tác cởi quần là bước vô “nhà tắm”, cúi xuống cầm nón nhựa múc thật đầy nước và giội lên đỉnh đầu. Mỗi người chỉ được ba nón, ai giội quá bị cảnh cáo và khấu trừ lại chuyển sau. Tắm xong, chẳng lau người gì cả, chỉ vuốt mặt vuốt mày cho đỡ ướt.

Sau đó với tay lấy cái quần đùi, lại giữ thành phạch hai cái và cúi rùn người xuống xỏ chân mặc vào. Thế là xong một lần tắm. Chiếc quần đùi bị dính nước ướt lổ chỗ một vài nơi, nhưng rồi một chốc lại khô ngay và lại chờ cho hết vòng rồi tiếp tục những động tác y như thế cho tới khi hết giờ quy định, thường là trước giờ ăn chiều. Mỗi ngày được chừng 4 hoặc 5 vòng, ai không cần tắm thì nhường cho người tiếp theo và như thế vòng tua lại được rút ngắn đôi chút.

Tôi vô buồng 6 Khu C2 trại Phan Đăng Lưu này vào một ngày cuối tháng 8 năm 1976. Mùa này nắng rất to, trong phòng nóng nực làm mồ hôi lúc nào cũng nhễ nhại trên người. Ngày đầu tôi không tắm vì ngại. Qua ngày sau nóng nực không chịu nổi, nên khi trong buồng bắt đầu xoay vòng đi tắm, tôi cũng vào phiên. Khi nhìn những anh tắm trước, tự nhiên tôi đâm ra e ngại vì tôi không quen tắm cởi truồng trước mặt người khác. Vòng tua càng nhích gần tới phiên mình, tôi càng bối rối, có nên hay không nên tắm, và khi tắm có nên làm cách tự nhiên như những người khác không?

Thật là tấn thối lưỡng nan! Không tắm thì nóng nực không chịu nổi, mà tắm trần truồng trước gần 120 con mắt, thật ngại chết người vì tôi chưa ở trong hoàn cảnh như thế bao giờ. Nhất là đa số các bạn tù trong buồng lúc bấy giờ là các anh em Công Giáo! (không hiểu tại sao tôi lại có cái ý nghĩ là trần truồng trước mặt các anh em Công Giáo mình sẽ ngại chừng hơn!) Nhưng nếu tôi mặc quần đùi tắm thì làm gì có đủ quần để mặc và chỗ đâu để phơi.

Lúc đó tôi chỉ có hai chiếc quần đùi để thay đổi nhau, mà tắm xoay tua kiểu này, dù có tới hàng chục chiếc cũng không kịp để thay, không lẽ cả ngày phải mặc quần ướt? Nhớ lại hồi còn đi học, khi ở trọ với anh tôi trong trại gia binh ở Vĩnh Long, tôi cũng đã có dịp va chạm với cảnh tắm truồng tập thể.

Những người lính đều tắm tròng, tôi vào phòng tắm chung với họ nhưng tôi chỉ đóng vai khán giả mà không bao giờ “nhập cuộc”.

Lúc này, anh bạn trước tôi đã tắm xong và đang vuốt mặt, vuốt mày. Cùng một động tác giống mọi người, anh với lấy cái quần đùi đang nằm chơi voi trên tróc tường, căng ra, giữ thành phạch 2 cái, xong cúi xuống mặc vội vào và bước ra nhường chỗ cho tôi. Anh ta làm những động tác ấy nhanh như một người máy, có lẽ không muốn để tôi phải chờ lâu.

Anh ta đâu có biết là cho tới giây phút cuối cùng, tôi cũng chưa dứt khoát được tư tưởng. Lúc này, trong khi đứng chờ, tôi ngoái đầu lại đảo mắt quan sát thật nhanh các bạn trong buồng. Tôi làm như vô tình, nhưng thật ra là có ý dò xét xem có ai chú ý tới việc tôi sắp sửa tắm hay không. Những gì tôi ghi nhận thật đáng khích lệ!

Trong góc đằng xa, một nhóm khá đông mái mê cờ tướng, đang cúi gằm trên bàn cờ được kê vạch ngay trên bệ nằm bằng xi-măng. Nhóm khác ngồi kế bên, đang tranh luận rất gay gắt, khua tay múa chân, mạnh ai người ấy nói như một đám ứng cử viên đang cố gắng trình bày kế sách cùng một lúc với cử tri!

Có vài người đang lúi húi với cái bị coi đựng đồ thăm nuôi đang bị lũ kiến đói tấn công! Có người đang ngồi đọc báo Nhân Dân. Có người trịnh trọng nắn nót que diêm trước khi đánh lửa hút thuốc lào. Các nhóm này mang lại cho tôi thật nhiều sự an ủi và dễ chịu.

Nếu cả 60 con người trong buồng này ai cũng đang bận rộn về một việc như vậy thì việc tắm tròng của tôi đâu còn là một vấn đề. Ngặt một nỗi, có mấy anh chàng ngồi trong các góc đối diện kia đang trầm ngâm như những triết gia. Họ đưa cặp mắt lơ đãng qua hết nơi này tới nơi khác. Tôi không thể đoán được trong đầu óc họ lúc đó đang suy nghĩ gì.

Họ nhìn bốn phương tám hướng, nhưng thực sự họ chỉ nhìn để mà nhìn, hay có ý muốn quan sát một điều gì không, ai biết được? Chính những anh chàng này làm khổ tôi, chính họ tạo cho tôi sự bất ổn vì không thể đoán biết được gì trong cái nhìn vu vơ của họ. Tận trong một góc đằng xa, tôi thấy Bác sĩ Lý Trung Dung đang ngồi một mình, cởi trần mặc quần đùi trắng, vóc người nhỏ thó, đầu tóc bạc phơ. Ông đang dựa lưng vào tường, đôi mắt nhắm nghiền, miệng lâm râm đọc kinh, đây là thói quen thường ngày của ông.

Bác sĩ Lý Trung Dung có lần kể với tôi ông là tác giả công trình Hội Chợ Thị Nghè trong dịp Quốc Khánh năm 1957 thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Lần đó cây cầu phụ bắc qua sông Thị Nghè bị sập trong đêm làm chết khá nhiều người. Tôi cũng có mặt gần bên, trong dịp tôi Sài Gòn lần đầu tiên khi tôi vừa 14 tuổi.

Sau khi đảo mắt một vòng, tôi đi tới một kết luận thật nhanh: “Không đến nỗi nào, không có mấy người chú ý đâu, cứ tự nhiên thôi!” Tôi mạnh dạn bước vào “buồng tắm” và làm những động tác như các bạn

tù . Tôi cố gắng làm một cách thật tự nhiên và nhẹ nhàng, trong khi liếc mắt nhìn, chẳng ai thèm để ý tới tôi. Từ đó tôi nhập cuộc vào sinh hoạt thông thường với anh em trong buồng. Việc đi tắm một cách tự nhiên đó không còn là vấn đề đối với tôi, vì đó là thực tế của cuộc đời tôi đang sống. Cuộc đời của một người tù.

Khi Cha Khâm bị đưa đi rồi, nhờ có anh tù mang thức ăn cho khu kỷ luật mà tôi quen, nên tôi biết tin về Cha Khâm và có thể gửi cho ngài ít thứ cần thiết. Cha Khâm bị đưa xuống cùm chân trong hầm kỷ luật. Hầm này trước kia là hầm truyền tin của trung đoàn, nằm giữa sân trại, ngay lối ra vào. Hôm sau tôi nhờ anh mang vào cho ngài nải chuối và dây thắt lưng da to bản mà ngài vẫn dùng. Những ngày sau chúng tôi cũng tiếp tục gửi thức ăn cho ngài, nhưng cũng có lần ngài nhắn lại là không cần thức ăn nữa, chỉ xin anh em Công Giáo giúp lời cầu nguyện cho ngài.

Khi Cha Khâm bị đưa đi rồi, chỉ còn lại anh Trần Đình Ngành và tôi sinh hoạt chung với nhau. Anh Ngành là người rất tốt và nhân hậu. Anh rất thương Cha Khâm và tôi. Trong đêm đầu tiên Cha Khâm bị dẫn đi, anh Ngành vô cùng buồn khóc nức nở và những ngày sau lúc nào cũng tìm cách gửi một thứ gì đó cho “Cậu Hai”. Anh Ngành và tôi gặp nhau trong khu xà-lim trại Phan Đăng Lưu, từ đó chúng tôi quý mến nhau.

Anh vẫn gọi tôi là “3 ngã” và tôi gọi anh là “3 huyền” theo các dấu trong tên của hai người là Trần Đình Ngành và Nguyễn Hữu Lễ. Một tuần sau, trong khi chúng tôi đi lao động về, thấy có một xe nhỏ bít bùng chạy từ trong trại ra. Hôm sau tôi được anh tù lo việc liên lạc cho biết Cậu Hai đã được đưa vào nhà tù Chí Hòa. Kể từ đó không bao giờ tôi gặp lại Cha Vũ Đức Khâm nữa.

Tin Chuyển Trại

Sau khi Cha Vũ Đức Khâm bị đưa đi một thời gian, có tin đồn là chúng tôi sẽ được di chuyển về Đồng Tháp. Tin này được loan truyền đi rất nhanh trong trại. Có một điểm tâm lý dễ hiểu là trong tù lúc nào chúng tôi cũng mong có sự thay đổi. Ai cũng hy vọng là chỗ mới sẽ khác hơn nơi chúng tôi đang sống.

Vả lại, trại Gia Ray là một nơi rất tạm bợ, thiếu thốn tất cả mọi thứ, ngay cả những nhu cầu tối thiểu của con người, nên chúng tôi càng mong được chuyển đi nơi khác hơn. Lúc đầu không ai biết tại sao có tin đồn đó, nhưng khi tìm hiểu cận kề mới biết là những người bà con vào thăm nuôi đã báo tin. Trước khi vào thăm nuôi, thân nhân của tù thường dừng lại các hàng quán bên ngoài mua hoa quả, bánh trái và đã được một cô bán hàng cho biết tin đó với tính cách “bí mật”.

Số là cô bán hàng có quen một anh công an cai tù trong trại. Ngày kia anh ta ra từ giã cô gái và nói là anh sẽ vắng mặt một thời gian. Cô gái vặn hỏi mãi lý do nhưng anh ta không nói, chỉ trả lời úp mở càng làm cho cô gái sốt ruột và sinh nghi sắp có chuyện gì liên quan tới số phận các tù nhân trong trại.

Cũng nên biết là lúc bấy giờ đồng bào trong Nam rất thương các người tù như chúng tôi, nếu có thể làm gì để giúp cho các tù nhân, họ không bao giờ từ chối. Cô gái bán quán này cũng trong tâm trạng

đó. Mặc dù không làm gì được để giúp chúng tôi nhưng cô đã lợi dụng sự quen biết với cán bộ để “môi” tin tức, và tìm cách đưa vào trong trại.

Vì cô nghĩ đó là cách cô giúp cho những người tù mà cô thương mến. Lần này, sau mấy ngày úp mở về sự vắng mặt sắp tới của anh cán bộ, cô gái phải làm hết cách để hỏi cho bằng được. Cuối cùng anh cán bộ đành phải tiết lộ với câu dặn dò rất nghiêm trọng: “Đừng bao giờ nói lại với ai là anh sẽ áp tải một số tù về Đồng Tháp!”

Chưa đầy 24 tiếng đồng hồ sau, không một người tù nào trong trại Gia Ray mà không biết tin “bí mật” là sẽ có một đợt chuyển tù về Đồng Tháp!

Tung Hòa Mù

Tù nhân trong trại Gia Ray bắt đầu xôn xao, bàn ra tán vào về nguồn tin đó. Các “nhà bình luận thời cuộc” lại có dịp bày tỏ sự hiểu biết của mình về lý do tại sao phải chuyển trại. Tại sao lại đưa về Đồng Tháp mà không thể đưa đi nơi khác? Và ở đó sẽ ra sao? Sau khi bàn đi tán lại đủ điều, họ đưa ra câu kết luận là: “Rất tốt!”

Lúc mới vừa bị dồn lên trong trại này, chúng tôi ai cũng lo ngại sẽ bị đưa ra Bắc. Hai tiếng “ra Bắc” là hai tiếng cấm kỵ. Trong tù ai cũng sợ, cũng kiêng, không ai dám nhắc tới nó. Hai tiếng “ra Bắc” đồng nghĩa với ba tiếng “đến tử địa” nên không ai dám nghĩ là mình sẽ rơi vào trường hợp ra Bắc. Chúng tôi không muốn nhắc tới hai tiếng đó, mặc dù lúc nào nó cũng tiềm ẩn ở một nơi nào đó trong lòng của từng người tù chúng tôi.

Bây giờ có tin đi Đồng Tháp, chúng tôi thở phào nhẹ nhõm. Nỗi lo canh cánh bên lòng bây giờ được giải tỏa, như vừa trút bỏ được gánh nặng ngàn cân. Ở Đồng Tháp có điều gì hay thì chưa biết nhưng mọi người đều hân hoan với viễn ảnh là đến đó thì được tha hồ mà dùng nước! Vì Đồng Tháp là vùng sông ngòi, trong khi ở Gia Ray này, một giọt nước quý như một giọt máu. Chúng tôi vui mừng hơn hờ và yên tâm chờ đợi ngày được đi Đồng Tháp. Một viễn ảnh tốt đẹp cho kiếp tù đang le lói trong lòng của hơn ngàn tù nhân trong trại lúc bấy giờ.

Vào một buổi trưa Chúa Nhật của tuần lễ đầu tháng Tư, có một anh Công giáo trong đội nhà bếp tới gặp tôi để xưng tội. Sau đó anh kéo tôi ra gần bờ rào trại để nói chuyện riêng. Anh nói với tôi: “Con báo cho Cậu Bảy biết, qua tuần tới, tức là sau lễ Phục Sinh sẽ có một đợt chuyển tù ra Bắc, trong số đó có tên Cậu Bảy. Xin cậu hãy giữ kín chuyện này vì nếu tiết lộ con sẽ bị nguy hiểm. Con xin cậu cũng đừng hỏi tại sao con biết việc này, cậu chỉ biết là không phải con làm việc cho tụi nó đâu.” Anh bạn nói với tôi với tất cả sự xác tín. Tôi biết đây là một hung tin, nhưng tôi vẫn hy vọng biết đâu tin này không chính xác. Trong lúc đó, hàng ngày anh em vẫn bàn tán sôi nổi về việc đi Đồng Tháp. Riêng tôi được biết tin bí mật này, nhưng vì tính cách nghiêm trọng của nó và vì lời hứa, tôi phải giữ kín, không hề hở mồm ra cho bất cứ ai. Lúc đó đội tôi vẫn đi làm lao động bên ngoài, khai hoang, dọn đất cho các đội

trồng rau xanh.

Những ngày sau đó đầu óc tôi lúc nào cũng hoang mang lo lắng về tin ra Bắc mà tôi được biết. Bắt đầu từ Thứ Hai sau lễ Phục Sinh, ngày nào tôi cũng hỏi hốp và chờ đợi coi có động tĩnh gì không. Nỗi khổ tâm của tôi lúc bấy giờ là không thể tiết lộ với ai. Trong khi đó hàng đêm, sau khi vào buồng, anh em ngồi tụm năm tụm ba bàn tán về cuộc chuyển trại về Đồng Tháp sắp tới. Điều này càng làm cho tôi khổ khổ hơn, vì biết được một việc có liên quan tới số phận của quá nhiều người, nhưng vì lời hứa, tôi không thể nào tiết lộ được.

Ngày thứ Hai trôi qua, không có gì xảy ra, rồi ngày thứ Ba...và các ngày tiếp theo trong tuần, ngày nào tôi cũng hỏi hốp chờ đợi nhưng vẫn không thấy gì. Tới sáng ngày thứ Bảy vẫn lặng yên như tờ. Tôi rất vui trong lòng vì biết là nguồn tin anh bạn nhà bếp nói không đúng sự thật. Tôi không trách anh ấy, vì trong tù các tin đồn, tù nói tội nghe vẫn là chuyện thường xảy ra. Vả lại tin anh ta báo "ra Bắc" mà không đúng sự thật là một hồng ân đối với tôi rồi. Xế trưa thứ Bảy, chúng tôi cũng xếp hàng, báo số đi lao động buổi chiều như thường lệ. Trong lúc lao động, tôi cảm thấy thật hân hoan vì anh bạn nói chắc chắn là nội trong tuần này sẽ có đợt chuyển tù ra Bắc, mà lại có tên tôi trong danh sách, thế mà bây giờ là chiều thứ Bảy rồi, tôi còn gì phải lo nữa?

Sau giờ lao động, lúc đó quãng 5 giờ chiều, đội chúng tôi xếp thành hàng 4 trở về trại như thường lệ. Trên đường về trại, tôi thờ phào nhẹ nhõm. Một nỗi vui xâm chiếm lấy tôi, một nỗi vui rất lớn mà ít khi nào tôi có được tâm trạng đó. Lòng tôi sung sướng hân hoan trong lúc chân đang đều bước trong hàng trên đường về trại. Tôi nhớ tới ngày mai với một viễn ảnh tươi đẹp. Ngày Chủ Nhật sẽ nghỉ ngơi và thăm viếng, tiếp xúc với anh em, bạn bè.

Suốt tuần qua tôi bị tin "ra Bắc" ám ảnh và dày vò. Lúc nào tôi cũng mệt nhọc như đang đeo gánh nặng hàng trăm cân trên người. Cũng may thời gian lo lắng chỉ có một tuần, nếu tình trạng này kéo dài hơn, chắc tôi sẽ ra nghĩa địa trước khi ra Bắc (nếu có!). Chiều nay tôi mới thực sự thoải mái! Tôi ngược đầu lên nhìn bầu trời xanh và hít một hơi thật dài trong tư thế của một người vừa có niềm vui lớn. Niềm vui của người vừa thoát qua một tai nạn, một tai nạn có thể kết liễu đời mình.

Khi cúi đầu xuống, chợt tôi thấy từ đằng xa, trên con đường vào trại từ hướng ngã ba Ông Đồn có một cái gì rất lạ! Sau khi định thần nhìn kỹ, tôi thấy một đoàn xe tải quân đội đang chạy nối đuôi nhau làm tung lên đám bụi mịn mù trên con đường đất đỏ hướng vào trại. Tôi chới với gần như ngộp thở khi thấy cảnh này! Thì ra những gì tôi đã hỏi hốp lo lắng cả tuần nay, bây giờ đã tới. Nó tới vào lúc tôi không ngờ nhất. Trong khi đó, thật vô cùng trớ trêu, một số người trong đội tôi vỗ tay vui mừng, vì nghĩ rằng đoàn xe mà họ chờ đợi từ lâu để đưa họ đi Đồng Tháp, bây giờ mới tới!

Khi chúng tôi vừa nhập trại, chưa kịp lấy thức ăn, nước uống thì có tiếng keng tập họp bất thường. Toàn thể tù nhân tập trung ra giữa sân trại cho ban giám thị nói chuyện. Chỉ cần thấy đoàn xe tải đang đậu dọc theo sân, ai cũng đoán biết là sắp có cuộc chuyển trại, và phải là đi Đồng Tháp! Sau khi tập

trung chính tề, ông trại trưởng cho biết, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo và vì trại này quá đông, do đó không thể lo lắng đầy đủ được cho tất cả mọi người, nên một số sẽ được chuyển đến một nơi mà điều kiện nước nôi rất thoải mái. Cuộc chuyển trại chia làm nhiều đợt và đợt đầu sẽ là các anh có tên trong danh sách. Sau đó cán bộ đọc một danh sách 350 người, trong đó có tên tôi.

Lúc giải tán về các buồng, ai cũng nghĩ là sẽ đi Đồng Tháp nên rất vui mừng. Cả trại nhốn nháo và lộn xộn không tả được. Anh em từ giã nhau, các nhóm sinh hoạt chung thì chia chác đồ ăn, thức uống hoặc đồ dùng. Một số người cảm thấy thiệt thòi vì chưa được đi “Đồng Tháp” trong đợt đầu, vì ở đó có nước máy theo lời cán bộ trại trưởng nói.

Lúc bấy giờ sự việc đã tới và không cần giữ bí mật nữa, tôi nói với anh em là số tù này bị chuyển ra Bắc, nhưng không mấy người tin vào lời tôi nói. Có người còn cho là tôi cố ý hù dọa anh em, họ gọi tôi là người nằm mơ giữa ban ngày. Đêm hôm đó, cán bộ võ trang tuần canh bên ngoài nghiêm nhặt bằng mấy lần ngày thường. Sở dĩ tôi biết, vì suốt đêm đó anh bạn thân của tôi là Phạm Thế Khải và tôi thức trắng đêm, chờ một cơ hội thuận tiện.

Con Đường Vô Định

Qua ngày Chủ Nhật hôm sau, những người trong danh sách chuyển trại được cấp phát mỗi người một bao tải loại lớn nhất để chứa đồ đạc, áo quần, chăn màn nhưng không được đựng thức ăn và chai lọ. Sau khi cho đồ vào bao và cột miệng thật chặt, mỗi người được phát hai cái thẻ có mang số giống nhau. Một thẻ cột vào miệng bao và thẻ kia giữ trong người. Lúc đi đường mỗi người được mang theo một túi xách nhỏ đựng những thứ lặt vặt cần dùng. Suốt ngày Chủ Nhật hôm ấy, chúng tôi bận rộn thu dọn đồ đạc. Ai vô bao xong, mang để trên hội trường.

Tới chiều tối chúng tôi được lệnh lên máy chục xe đang đợi sẵn. Sau khi lên xe, chúng tôi bị còng tay từng đôi một, các tấm bạt che hai bên hông xe được hạ xuống, cài lại cẩn thận và chúng tôi không còn thấy được gì bên ngoài. Khi xe chuyển bánh rời trại thì trời đã tối hẳn, tôi đoán phải là mười giờ đêm, bên ngoài tối đen như mực.

Mặc dù bị nhốt trong xe bít bùng, nhưng theo hướng xe chạy chúng tôi cũng biết là đang đi về hướng Sài Gòn. Một số người trên xe vui mừng hí hửng, luôn mồm phát biểu: “Rõ ràng là xe đang hướng về Đồng Tháp, mình nói có sai đâu!” Xe chạy một thời gian khá lâu thì dừng lại. Chúng tôi vẫn được lệnh ngồi yên trên xe và các tấm bạt vẫn che kín hai bên nên chúng tôi không biết xe đang dừng lại ở địa điểm nào. Một hồi lâu sau, chúng tôi được lệnh xuống xe và lúc bấy giờ mới biết là chúng tôi được chở tới bến Tân Cảng, ngay đầu cầu xa lộ Sài Gòn.

Trên bến tàu rất đông công an, cảnh-sát mặc sắc phục và trang bị súng ống đạn dược đầy người. Nhìn xuống sông, một chiếc tàu biển loại lớn có tên SÔNG HƯƠNG đang đậu cập cầu tàu. Dưới ánh đèn điện chập chờn, tôi thấy thân hình nó to lù lù trong đêm như một con quái vật dưới lòng sông vừa trôi

lên mặt nước. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên một cách thích thú khi thấy lại cái “vật lạ” bằng gỗ trong lán mộc trước kia mà chúng tôi thắc mắc không biết là cái gì, bây giờ được dựng đứng bên thành tàu. Thì ra nó là cây thang bắc lên tàu Sông Hương!

Chúng tôi được lệnh xuống xe, vẫn còn bị cùm dính nhau từng đôi một, xếp thành hàng ngay ngắn trên bến cảng, chờ cán bộ làm thủ tục bàn giao. Một điều rất buồn cười là đến lúc đó, vẫn còn có người khẳng định là tàu Sông Hương sẽ đưa chúng tôi đi Đồng Tháp!

Có lẽ tôi cũng nên dừng lại ở đây để giải thích tại sao “hiện tượng Đồng Tháp” ám ảnh quá mãnh liệt một số trong nhóm tù chúng tôi như thế. Một lần nữa, chúng tôi phải ngả mũ trước thủ đoạn dùng mẹo vặt của người cộng-sản. Người cộng-sản biết rằng các tù nhân rất sợ bị đưa ra Bắc. Nếu để chúng tôi biết có dấu hiệu ra Bắc, chắc chắn sẽ có hậu quả không hay. Ít nhất là sẽ có một số người tìm cách vượt ngục ngay từ trong miền Nam. Yếu tố tâm lý thứ hai là lúc ở trại Gia Ray quá đông người và thiếu thốn đủ các thứ, nhất là nước uống, ai cũng mong được tới một trại nào có đủ nước để dùng thì Đồng Tháp có nhiều sông ngòi là địa điểm lý tưởng để lều lạt. Nhưng cái mẹo vặt của họ là cho một anh cán bộ hạng bét ra tỉ tê với cô gái bán hàng có cảm tình với tù nhân trong trại. Anh ta cho biết là sẽ vắng mặt một thời gian để áp tải một số tù về Đồng Tháp, và cẩn thận dặn cô gái: “đừng tiết lộ với ai tin này”! Chính nhờ lời căn dặn này mà tin đó loan vào trại nhanh hơn và rộng rãi hơn.

Thật đúng như họ mong muốn, chỉ một ngày sau cả trại đều biết và tin là sẽ có một đợt chuyển tù về Đồng Tháp. Tin được đưa về Đồng Tháp làm nhiều người vô cùng phấn khởi và hy vọng. Ngay cả lúc bị đưa tới bến Tân Cảng và sắp sửa bước lên chiếc tàu biển thật to đang chờ sẵn, họ vẫn nghĩ là “phải” đi Đồng Tháp, không thể là một nơi nào khác hơn được! Sự nhẹ dạ và khờ khạo của con người đôi lúc làm chúng ta phải kinh ngạc.

Giã Biệt Miền Nam

Chúng tôi phải đứng chờ khá lâu trong tâm trạng hoang mang lo lắng. Phần tôi, vì đã biết rõ số phận mình, nên khi đứng trên bến tàu tôi cố gắng mở to đôi mắt như muốn ghi nhận tất cả những hình ảnh của miền Nam thân yêu, mà tôi biết là sẽ rất lâu hoặc chẳng bao giờ tôi còn nhìn thấy lại được. Sau khi chờ đợi chán chê, chúng tôi được lệnh bước lên tàu. Từng đôi một lần theo những nấc của chiếc thang kỳ dị do tù nhân trại Gia Ray đóng và đã có một thời chúng tôi thắc mắc về nó. Sau khi lên tới boong tàu, chúng tôi băng qua một đoạn đường ngắn dẫn tới một ô cửa. Bên trong có cầu thang bằng sắt dẫn xuống phía dưới. Tại đây, chúng tôi được tháo còng, sau đó từng người một lần bước theo cầu thang hình tròn ốc, chỉ vừa đủ cho một người, lần mò đi xuống. Sau khi được mở còng, tôi quay lại nhìn toàn bộ khung cảnh bến Tân Cảng. Mặc dù trong đêm tôi không thấy được nhiều, nhưng tôi cố gắng ghi nhận khung cảnh cuối cùng của miền Nam thân yêu, nơi tôi được sinh ra và lớn lên.

Tôi biết mình sẽ bị đưa ra Bắc, mở màn cho kiếp sống của người tù biệt xứ và tương lai không biết rồi sẽ ra sao? Tôi tự hỏi, không biết mình còn có dịp trở lại miền Nam thân yêu này nữa hay không? Tự

nhiên một cơn cảm xúc mạnh vỗ lấy tôi, nước mắt tôi dâng tràn khi tôi sắp sửa phải từ giã một giá trị tinh thần vô cùng quý yêu. Cho tới phút đó tôi mới nhận ra hết ý nghĩa thiêng liêng của những chữ “nơi chôn nhau cắt rốn”. Nước mắt vẫn lưng tròng, tôi quay lại với thực tế, lần bước theo cầu thang bằng sắt có hình tròn ốc lằn mò đi xuống bên dưới. Cuối cầu thang là một hầm tàu rộng và đen ngòm, được soi sáng bằng một vài bóng điện nhỏ từ trên cao chiếu xuống. Vách thành tàu bám toàn là bụi than đá và trên sàn cũng vương vãi than vụn.

Thì ra đây là hầm chờ than của tàu Sông Hương. Trong góc phía xa có một số thùng làm bằng các tấm ván ghép lại, có quai bằng dây sắt, dùng để các tù nhân tiêu tiêu vào đó. Lúc mới bước xuống, tôi có cảm tưởng là hầm tàu rất lớn, nhưng khi số tù nhân xuống hết, khoang tàu lại trở nên chật chội. Sau khi chúng tôi xuống hết dưới hầm, cánh cửa sắt ngay cuối cầu thang sát với hầm tàu được đóng lại và có dây lòi tới quán chung quanh, hai đầu được khóa lại bằng ống khóa đồng to tướng.

Cảnh tượng trong hầm tàu thật hỗn độn. Ai nấy lo di chuyển tìm chiếm một góc nào đó làm cơ ngơi riêng. Những nhóm anh em từng sinh hoạt chung trong trại thì tìm nhau để kéo về một góc. Mọi người lúc đó đều bận rộn, kẻ lo lau chùi sàn tàu, người quét tước, dọn dẹp chỗ nằm, tạo ra cảnh rộn ràng như một tổ ong. Lúc này chúng tôi trở thành đám đông hỗn tạp, vô tổ chức. Không còn những “sĩ quan” do ban giám thị trại chỉ định, không còn đội trưởng đội phó, và mọi người trở nên bình đẳng trong thân phận một người tù trong hầm tàu u ám và dơ bẩn này.

Tàu rời bến vào khoảng sau nửa đêm. Sở dĩ chúng tôi biết tàu chạy là nhờ khi nhìn lên bầu trời thấy các vì sao đang di chuyển ngược chiều. Lúc mới vừa xuống hầm, chúng tôi cứ ngỡ là chỉ có nhóm chúng tôi, nhưng khi gõ vào thành tàu làm hiệu, chúng tôi nhận được tín hiệu đáp lại của “phe ta” từ các khoang khác. Như thế, tàu Sông Hương vào Nam “bốc hàng” của nhiều trại tù khác nhau cùng cấp. Tổng số tù trên tàu bao nhiêu chúng tôi không thể biết được, nhưng căn cứ vào tầm vóc con tàu, chúng tôi nghĩ là phải hơn 1000 tù nhân trong chuyến đi này.

Hy Vọng và Hy Vọng

Trong khung cảnh một đám tù nhân láo nháo hỗn độn dưới hầm tàu tối đen như đàn vịt vừa mới bị lừa vào chuồng như vậy, không hiểu từ đâu lại có nguồn tin nói là chúng tôi nằm trong diện trao đổi tù binh và con tàu này đưa tới địa điểm trao trả!

Có mấy anh em có vẻ đạo mạo và tỏ ra am hiểu thời cuộc, đang lôi kéo sự chú ý của rất nhiều người khi họ “xì” ra tin này. Họ cho biết, theo nguồn tin đáng tin cậy, thì hiện nay bên ngoài đang diễn ra cuộc thương lượng giữa Mỹ và chính phủ Việt Nam về vấn đề Mỹ bồi thường chiến tranh 3 tỷ đô-la cho Việt Nam. Ngược lại phía Việt Nam phải trao cho Mỹ tất cả số tù nhân hiện đang có mặt trong các “trại cải tạo”! Như thế không có nghĩa là quân nhân mà thôi, mà tất cả những ai đang nằm trong các nhà tù cộng sản đều sẽ được trao cho Mỹ. Và địa điểm trao trả sẽ được hai bên thỏa thuận .

Những nhà bình luận thời cuộc trong tù cũng nghiêm túc cho biết, số tù nhân sau khi được trao trả sẽ được đưa thẳng sang Hoa Kỳ. Nghe thế có nhiều anh vỗ tay và reo lên: “ Thế thì nhất! Không ngờ mình đi tù lại hóa ra may, bên ngoài xã hội bao nhiêu người mong đi Mỹ mà không đi được”. Tôi thấy có nhiều người phụ họa để bàn thêm tin này cho tới nơi tới chốn.

Trong khi tôi ngồi ủ rũ nhìn cảnh này, tôi nhớ lại câu nói của người bạn tù làm nhà bếp đã nói với tôi tuần trước: “ Tuần tới sẽ có một đợt chuyển tù ra Bắc, và trong đó có tên Cậu Bảy”. Tôi không biết gì về xuất xứ của nguồn tin “ trao trả tù binh” này, nhưng tôi hồ nghi là nó cũng bắt nguồn từ hãng thông tấn “ Đồng Tháp” mà hiện thời có rất nhiều người đang có mặt trên chuyến tàu định mệnh này bám vào đó như một nguồn hy vọng để sống.

Theo tôi nghĩ, tâm trạng của hầu hết anh em tù nhân trong khoang tàu tối om và dơ bẩn lúc này ai cũng nghĩ mình sẽ đi Đồng Tháp, hoặc đi đến địa điểm trao trả tù binh, hoặc đến nơi nào tốt đẹp hơn theo ý họ muốn. Nhất định không thể nào có chuyện ra Bắc được, mặc dù đã có những dấu hiệu quá rõ về sự chuẩn bị cho cuộc Bắc du như những chiếc bao tải đựng “nội vụ”, chiếc tàu biển đen sì như con thủy quái khổng lồ và những cán bộ nhận bàn giao lúc nãy trên bến Tân Cảng nói rất giọng miền Bắc.

Xét cho cùng, tôi không chê trách các anh em, vì hoàn cảnh chúng tôi lúc bấy giờ còn gì khác hơn là niềm hy vọng để mà sống. Hơn nữa hy vọng lại không mất tiền mua, thì tội gì mà không nuôi hy vọng?

Biển Vãn Đợi Chờ

Đêm đó, vì quá mệt nhọc nên đa số lăn ra sàn tàu ngủ say như chết. Tôi cũng cuộn tròn lại như con chó con, nằm trong một góc sàn tàu bằng sắt lạnh buốt và cố dỗ giấc ngủ. Thật lạ lùng, đêm đó tôi ngủ được một giấc rất ngon với một ý định đã được thành hình trong đầu. Ý định này phát sinh ngay từ lúc tôi bước lên nấc chiếc thang gỗ, để leo dần lên tàu Sông Hương.

Sáng ngày, khi tôi giật mình thức giấc thì mặt trời đã lên cao. Ánh nắng chói chang ban mai giữa biển, dội vào bên phải thành tàu đang ngon trớn trực chỉ về hướng Bắc. Điều buồn cười và đáng nhắc lại ở đây là, mặc dù từ dưới hầm tàu, chúng tôi không được nhìn thấy mặt trời và cảnh vật chung quanh, nhưng căn cứ vào bóng nắng dội vào thành tàu, thì cho dù một đứa trẻ con vừa có ý niệm phương hướng cũng biết tàu đang đi về hướng Bắc. Thế mà có một số người tù vẫn nhất quyết là tàu đang đi về hướng Nam của vùng “Đồng Tháp”! Thì ra cái mẹo vặt của cán bộ cộng-sản đánh lừa các tù nhân, cộng với sự hy vọng hão huyền về một xứ Đồng Tháp có nhiều sông rạch, cùng với nỗi lo sợ phải bị đưa ra Bắc đã có tác dụng làm lú lẫn tâm trí của một số người, mà tôi nghĩ là trước kia họ cũng có trí khôn rất bình thường! Nhưng số người lú lẫn này khá ít, so với đa số người khác đã biết được thực trạng thân phận của mình.

Từ dưới hầm nhìn lên, tôi thấy cán bộ đứng trên boong tàu, tựa vào hàng rào sắt ngó xuống. Tôi chột

nhớ lại ngày trước, những lần vào thăm sở thú Sài Gòn, khi tới chuồng gấu chó, những khách thăm sở thú đứng tựa vào hàng rào sắt bên trên nhìn xuống đàn gấu đang đi lại bên dưới như thế. Tới giờ rửa chuồng và cho thú ăn, có người cầm vòi xịt nước xuống và ném thức ăn xuống cho bầy thú đang đứng dưới hầm chồm lên chờ đợi đón lấy thức ăn.

Bây giờ chúng tôi cũng vậy, tới giờ dọn vệ sinh, cán bộ đứng bên thòng dây có móc sắt xuống và bảo chúng tôi móc vào quai các thùng phân, thùng nước tiểu, để họ kéo lên. Tới giờ cho ăn, người từ bên trên ném thức ăn xuống, phần nhiều là mì gói, đám tù chúng tôi chụp lấy và chia nhau ăn. Cán bộ tuần tra bên trên cúi đầu nhìn xuống để ra lệnh và quát tháo khi thấy chúng tôi quá ồn ào mất trật tự. Có lúc họ còn dọa nạt và lên cò súng đòi bắn xuống vì có chuyện lòi thối bên dưới. Nhưng tôi biết họ chỉ dọa thôi, vì số lượng “hàng” đã được bàn giao và ký nhận, nếu anh cán bộ nào lỡ đại bắn chết một “đơn vị hàng”, chắc là anh ta sẽ phải vào thay thế cho đủ số.

Sau giờ quét “chuồng” và giờ cho ăn của buổi sáng đầu tiên xong, các tù nhân chúng tôi ngồi thành từng nhóm nhỏ rải rác trong hầm tàu. Trên gương mặt mỗi người hiện lên nét mệt nhọc chán chường và ngồi yên lặng nhìn nhau. Thấy bầu khí trong tàu có vẻ căng thẳng, tôi đi tới lui thăm một vài nhóm để tìm hiểu, nhờ đó tôi đoán biết có chuyện sắp xảy ra.

Một vài nhóm đang kéo bè kéo cánh và bàn tính chuyện hỏi tội các tay làm ăng-ten đang có mặt trên tàu. Lúc này đúng là cơ hội lý tưởng để làm chuyện đó, vì trong đám đông hỗn tạp và vô tổ chức này, ai có anh em đồng, người đó có sức mạnh. Lúc đó tôi là Linh mục duy nhất trong một hầm tàu đầy người mà quá phân nửa là người Công giáo, nên tiếng nói của tôi được nhiều người lắng nghe cũng không có gì là khó hiểu. Những tay làm ăng-ten trong trại trước kia bây giờ trở nên hoàn toàn thất thế. Họ biết rõ số phận của họ hơn ai hết, nhất là sau khi “đánh hơi” được bầu khí hận thù đang dâng cao, họ lại càng lo sợ hơn.

Tôi thấy mấy anh có tên trong sổ đen đang ngồi co ro một góc, mặt mày tái mét. Mỗi khi có nhóm người hung hăng đi gần tới, mấy anh chàng trước kia từng gây tai họa cho anh em trong trại lại phải cúi đầu né tránh. Hình ảnh này càng làm cho hạng người trước kia, khi có uy quyền đã thẳng tay làm khổ anh em, bây giờ trông càng đáng kính tởm hơn. Lúc bấy giờ tự nhiên có mấy người tự động di chuyển tới nằm gần bên chỗ tôi. Có vài người bắt đầu bày tỏ thái độ lễ phép và thân ái với tôi với một dụng ý thấy rõ, làm tôi ngỡ ngàng.

Trù Tính Kế Hoạch

Trong hoàn cảnh đó, tôi đã lên tiếng thuyết phục các nhóm bỏ ý định trả thù các tay ăng-ten. Tuy nhiên, công việc không dễ dàng, vì không phải nhóm nào tôi cũng có ảnh hưởng đối với họ. Dù vậy, sau khi tôi nói còn một việc quan trọng chúng ta phải làm trong lúc này, anh em mới chịu từ bỏ ý định. Liền ngay sau đó, tôi âm thầm quy tụ một số đồng, hầu hết là người trẻ, để trình bày một kế hoạch mà tôi đã ấp ủ trong đầu. Việc này tôi cũng đã bàn kỹ với Kỹ sư Dương Văn Lợi. Lúc ở trại Gia Ray, anh

Lợi là đội trưởng đội nhà bếp, một người lanh lợi và khảng khái. Đặc biệt anh có nhiều bạn bè và đàn em hiện đang có mặt trên tàu. Tôi mời anh Lợi cùng ngồi bàn việc.

Ngồi giữa số đông anh em, tôi nói rõ ý mình và xin anh em mỗi người cho biết ý kiến. Tôi vẫn quan niệm rằng, một khi đã bước chân vào tù cộng-sản, thì sẽ không còn biết tương lai vận mệnh đời mình sẽ ra sao. Nhất là với kiểu tù mang danh tập trung cải tạo như thế này, làm gì có thời điểm để hy vọng! Tốt nhất là mình phải tự cứu lấy chính mình.

Tôi đã từng biết dưới chế độ cộng-sản ở Nga ở Tàu và các nước cộng sản khác, những người không đồng ý với chế độ sẽ bị thanh trừng, hoặc đưa lên các trại tập trung và rất nhiều người không bao giờ trở lại. Ở Việt Nam cũng thế. Vì vậy, từ lúc bị bắt vào tù, tôi coi việc vượt ngục là con đường sống. Việc giải thoát những tù nhân khác khỏi sự giam giữ bất công là một bổn phận. Không lúc nào ý định vượt ngục rời khỏi tâm trí tôi, và tôi luôn để ý tìm cơ hội thực hiện ý định này, mặc dù tôi biết đó là việc làm nguy hiểm và phải trả giá cao, có khi là giá của mạng sống mình.

Trong đêm cuối cùng ở trại Gia Ray, trước khi bị đưa xuống tàu ra Bắc là lúc tôi quyết tâm nhất. Nhưng đêm đó cán bộ bên ngoài tuần canh nghiêm ngặt hơn bất cứ lúc nào trước đó, làm tôi và người bạn thân là anh Phạm Thế Khải đành phải bỏ ý định, sau khi đã thức gần suốt đêm rình chờ cơ hội [1]. Khi bước chân lên tàu Sông Hương và biết là sẽ bị đưa ra miền Bắc, tôi càng quyết tâm phải tự giải cứu mình và các bạn tù. Sau khi trình bày lý do và nguyện vọng, tôi đề nghị với anh em kế hoạch đánh cướp chiếc tàu này. Tôi cũng cho anh em biết là kế hoạch này tôi đã bàn thật kỹ với với anh Dương Văn Lợi và một số anh em tin cậy khác rồi.

Khi tôi trình bày xong, cả nhóm ngồi thình lặng suy nghĩ trong một lúc. Sau đó tất cả mọi người đều tán thành, và sự nhiệt tình hưởng ứng của họ làm tôi phải ngạc nhiên. Kế hoạch được trù tính như sau: lợi dụng sự sơ hở của cán bộ trên tàu và áp dụng yếu tố bất ngờ, chúng tôi sẽ uy hiếp và cướp quyền điều khiển con tàu. Tôi chủ trương tuyệt đối không giết người, nhưng tất cả cán bộ và hành khách trên tàu sẽ bị giữ làm con tin. Sau đó lái tàu tới một nước tự do gần nhất để thương thuyết, dưới sự giám sát của một cơ quan quốc tế, để trao đổi tất cả số tù nhân trên tàu với những con tin bị bắt giữ.

Chúng tôi biết đây là một ý định táo bạo đầy nguy hiểm. Nhưng lúc bấy giờ hình ảnh của sự chết dần chết mòn trong một nhà tù nào đó ở miền Bắc khiến chúng tôi nghĩ là nếu phải chết do việc cướp tàu giải cứu tù nhân, vẫn còn nhẹ nhàng và có ý nghĩa hơn cái chết rũ tù ở miền Bắc.

Đi Vào Chi Tiết

Trên nguyên tắc, kế hoạch đã được chấp thuận. Còn lại là phần nghiên cứu các chi tiết, nhưng phải làm cho thật nhanh vì thời gian rất giới hạn. Những chi tiết dự trù, phần lớn tôi và anh Dương Văn Lợi cũng đã bàn và có cách giải quyết. Có những việc phải giải quyết như cưa dây lòi tói khóa cửa cầu

thang, vấn đề thang dây, vũ khí cầm tay v.v. Ngay sau đó, tôi cho mời những sĩ quan Hải quân và những người hiểu biết về tàu biển tới để hỏi han kỹ các chi tiết liên quan tới việc cấu trúc chiếc tàu biển, vị trí các nơi quan trọng, cách thức điều khiển, truyền tin và tốc độ.

Sau khi có được ý niệm căn bản và những yếu tố khả thi, tôi chọn ngay một ban tham mưu và phân công nghiên cứu từng vấn đề. Tôi mời anh Dương Văn Lợi làm phụ tá và lo về mặt nhân sự. Anh Lợi có người đàn em là Hồ Hoàng Khánh, trước là người nhái, rất khỏe mạnh và tháo vát lo phụ giúp cho anh.

Kế hoạch sẽ thực hiện như sau: khoảng 6 tiếng đồng hồ trước giờ G của ngày N (sẽ do tôi ấn định), sẽ cưa đứt dây lòi tới khóa cửa cầu thang. Đúng giờ G, nhóm cầm tử 25 người, trong đó có mấy anh võ sĩ, sẽ bò lên trước theo ngả cầu thang. Khi lên trên sẽ ẩn nấp vào các hốc hèm trên boong tàu, chờ cơ hội vô hiệu hóa thật nhẹ nhàng lính canh, trói tay chân nhét giẻ vào mồm, băng miệng lại. Sau đó tức tốc thả những thang dây xuống. Liên đó, nhóm tham gia, quăng 100 người, bám thang leo lên, lợi dụng yếu tố bất ngờ ban đêm, chia nhau uy hiếp và chiếm giữ những nơi trọng yếu.

Chủ trương: tuyệt đối không giết người, nếu giết người chúng tôi sẽ thất thế về sau. Nhưng phải uy hiếp cho được quyền làm chủ con tàu và bắt giữ con tin càng đông càng tốt. Sau khi cướp được tàu, các sĩ quan Hải quân sẽ lái qua Phi Luật Tân là quốc gia tự do gần nhất. Chấp nhận chuyện bại lộ. Nhưng tàu sẽ không bị bắn chìm vì có một số rất đông cán bộ, hành khách và cả viên chức cao cấp của bộ Nội Vụ từ Bắc vào Nam lánh tù. Khi tới Phi, chúng tôi sẽ đặt vấn đề trao đổi người, dưới sự giám sát của một cơ quan quốc tế có thẩm quyền.

Các vật liệu cần thiết đã có: một nửa lưỡi cưa sắt của một bạn tù dẫu được trong đôi dép râu. Một số quần dài của nhiều người để nối lại làm thang dây. Một số khá nhiều những đoạn mía thả xuống cho tù ăn, chúng tôi còn để lại dùng làm vũ khí cầm tay. Trong khung cảnh lúc bấy giờ, việc chuẩn bị và bàn tán không thể nào lọt qua cặp mắt và lỗ tai vốn rất thính của mấy tên ăng-ten đang ngồi co ro, im thin thít, mặt mày tái nhợt, quây quần chỗ tôi nằm. Lúc này bọn chúng hoàn toàn thất thế, đành phải ngồi im, và dù có muốn báo cáo lập công, chúng cũng không dám và cũng không có cách nào liên lạc với cán bộ bên trên. Mọi cử động, sự đi lại của đám này đều được chúng tôi canh chừng theo dõi cẩn thận. Tôi biết họ cũng đang theo dõi chúng tôi từng chi tiết một.

Qua hôm sau, ngày 19 tháng Tư, có 2 việc quan trọng phải làm. Trước nhất là thực tập việc cưa dây lòi tới khóa cửa cầu thang, thứ nhì là làm sao cho cán bộ khinh thường và đánh giá thấp đám tù nhân trong khoang tàu chúng tôi. Với chủ trương đánh lạc hướng cán bộ canh gác và tạo tiếng động trong khoang tàu, tôi tổ chức cho anh em hát thật to những bài hát “Giải phóng miền Nam”, “Trường Sơn đông Trường Sơn tây.” Vừa hát, anh em vừa vỗ tay vang rền. Trong lúc đó, người lo việc cưa dây lòi tới khóa cửa tha hồ mà thực tập, không sợ ai nghe được tiếng cưa sắt.

Ngoài ra, để cán bộ khinh thường và đánh giá bọn tù chúng tôi không ra gì, mỗi khi thức ăn được ném

xuống, tôi tổ chức cho anh em trong nhóm giành giật, đánh lộn rượt nhau tung bưng. Trong khi đó người của chúng tôi lên tiếng bấm báo xin cán bộ giải quyết. Dĩ nhiên là chẳng anh cán bộ nào đại dột mò xuống đây, nhưng họ đứng trên miệng hầm, thò đầu ra chửi bới và dọa nạt. Có lần tôi nghe họ nói vọng xuống: “Bọn các người chỉ có biết giành ăn! Đúng là một lũ vô tích sự, cho chúng mày giết nhau!” Tôi cười thâm: “Những con mồi của tôi đã vào bẫy!” Càng lúc càng có nhiều vụ đánh nhau, giành ăn và rượt chạy tung bưng trong khoang tàu. Lại có tiếng gọi vọng lên báo cáo, nhưng mãi rồi cán bộ cũng chán, không thèm can thiệp chỉ để “cho bọn mày giết nhau!”

Loại chiến tranh tâm lý này tỏ ra rất công hiệu. Suốt ngày hôm ấy, nhóm chúng tôi hết hát rồi lại vỗ tay tung bưng, rồi lại đến các vụ giành ăn đánh nhau và báo cáo cán bộ inh ỏi. Có lúc tôi thấy cán bộ bên trên nhìn xuống lắc đầu, và tôi đoán được trong thâm tâm là họ coi nhóm tù trong hầm tàu này chỉ là loại người vô tích sự, chỉ biết giành ăn. Lúc đó tôi mới thấy yên tâm về yếu tố bất ngờ. Chính yếu tố này sẽ quyết định cho sự thành bại của kế hoạch sắp tới.

Tế Sống Dũng Sĩ

Trong đêm 18, trước lúc đi ngủ, tôi mời tất cả anh em sẽ tham gia kế hoạch ngòai lại với nhau. Sau khi bày tỏ tâm tình và nói lên tính chất nghiêm trọng của việc làm có thể dẫn tới cái chết. Tôi xin anh em, mỗi người tùy theo tín ngưỡng mình, cầu nguyện cho việc sắp thực hành. Xin Đấng Bề Trên phù hộ cho việc làm. Nhưng nếu thấy việc này không thể thi hành được thì xin Đấng Bề Trên can thiệp một cách nào đó để tránh sự nguy hiểm và chết chóc cho nhiều người. Nghe tôi nói, anh em ngòai thình lạng nhìn nhau trong bầu khí trang nghiêm, nặng nề. Sau khi cho biết việc chuẩn bị tiến hành thuận lợi và kế hoạch có thể tiến hành được. Tôi ấn định ngày N là ngày khởi hành +2, tức là ngày 20, và giờ G là đúng 1 giờ sáng, như thế còn 27 tiếng đồng hồ nữa để chuẩn bị thêm.

Sau khi công bố ngày giờ hành động, tôi thay mặt cả nhóm cử hành nghi thức tế sống 25 dũng sĩ, là những người sẽ xung phong lên trước tiên. Trong bầu khí trang nghiêm, tôi nói:

- “Chúng ta sắp làm một việc sẽ ảnh hưởng tới mạng sống mình và nhiều người khác. Nhưng chúng ta phải làm vì đó là cách để tự giải thoát mình và nhiều người khỏi sự tiêu diệt thật phi lý của chế độ cộng-sản. Trong số 25 anh em sẽ đương đầu với sự nguy hiểm đầu tiên, có thể các anh sẽ là những người hy sinh trước hết. Vậy, thay mặt cho tất cả anh em cùng quyết tâm tham gia, tôi xin anh em nhận một lạy của tôi như một nghi thức tế sống anh em. Nếu nhờ trời, chúng ta hoàn toàn thành công, các anh sẽ là những người lập công đầu. Nếu thành công nhưng các anh đã hy sinh rồi, chúng tôi sẽ vận động dựng tượng các anh. Nhưng nếu rủi ro thất bại, chúng ta sẽ cùng chết với nhau trong một cái chết có ý nghĩa, chết vì lý tưởng tự do. Cái giá của tự do rất cao, và lúc này chúng ta phải trả cái giá đó bằng chính mạng sống mình.”

Nói xong, tôi quỳ xuống chấp tay và lạy một lạy để tế sống 25 dũng sĩ đang có mặt. Tất cả mọi người đều cảm động, ngòai yên cúi đầu, có người rơi nước mắt. Một lúc sau cả nhóm giải tán trong sự căng

thăng để về chỗ nghỉ ngơi lấy sức. Riêng tôi và ban tham mưu còn ngồi lại bàn tính những chi tiết. Mặc dù đã trù tính hết mọi thứ, nhưng tôi vẫn thấy những điều phải bàn dường như nằm trong danh sách dài vô tận.

Trong ngày đầu tiên trên biển, thời tiết thật tuyệt vời. Gió nhẹ, bầu trời trong xanh. Lâu lâu mới thấy có một áng mây trắng nhẹ nhàng lướt qua cửa hầm tàu. Gió hiu hiu thổi. Con tàu đi rất êm, êm đến nỗi nếu không thấy mây bay ngược chiều từ hầm tàu nhìn lên, chúng tôi sẽ không biết là tàu đang di chuyển. Thật đúng như câu nói: "Tháng ba, bà già đi biển". Đêm 18, sau nghi thức tế sống 25 dũng sĩ, chúng tôi bảo nhau cố gắng ngủ thật ngon để lấy sức cho những việc làm quan trọng sắp tới. Qua sáng ngày 19, thời tiết vẫn đẹp, chỉ hơi khác một điều là ánh nắng ban mai có vẻ gay gắt hơn và trên bầu trời có khá nhiều mây. Nhưng biển vẫn yên và tàu đi êm ái nhẹ nhàng.

Chúng tôi vẫn sinh hoạt dưới hầm tàu theo kiểu bầy gấu chó trong sở thú Sài Gòn. Tới giờ "dọn chuồng", cán bộ bên trên thông dây có móc xuống, chúng tôi móc vào quai các thùng phân, thùng nước tiểu cho họ kéo lên. Sau đó các thùng không lại được thả dây xuống để chúng tôi lấy đặt vào chỗ của nó. Tới giờ cho ăn, cán bộ từ trên ném những gói mì ăn liền xuống, chúng tôi chụp lấy và chia nhau ăn. Thức ăn lúc đó chỉ có mì gói, không còn gì khác. Trưa ngày đầu tiên được ném cho một ít mía và dưa hấu. Nước uống thì rất hạn chế, đựng trong thùng sắt và được thông dây xuống.

Sau gần 2 ngày đi đường, hầm tàu dơ bẩn, nước nôn be bét. Tại góc dùng làm cầu tiêu dã chiến, mùi hôi thối từ các thùng phân, thùng nước tiểu không có nắp đậy, xông lên nồng nặc. Hơn ba trăm người tù chen chúc nhau trong cái hầm tàu đen ngòm và dơ bẩn, tự nó đã là cảnh ghê rợn. Cộng với những vụ dàn cảnh đánh nhau, giành ăn và la hét có chủ ý của chúng tôi, khoang tàu lúc đó càng trở nên quái đản và dị dạng hơn.

Càng gần tới lúc thực hiện, tôi càng cảm thấy ruột gan cồn cào và có cảm tưởng thời giờ qua đi quá nhanh. Mới đó mà đã tới trưa ngày 19, chỉ còn hơn 10 tiếng đồng hồ nữa là tới giờ phút quyết liệt. Thần kinh tôi trở nên càng lúc càng căng thẳng mỗi khi nhìn thấy bóng nắng trên thành tàu càng lúc càng nhích dần lên cao, theo nhịp độ của mặt trời ngả dần về phía Tây. Mặc dù lúc bấy giờ chúng tôi mỗi một và thần kinh căng thẳng, nhưng thỉnh thoảng lại hát thật to, có tiếng vỗ tay kèm theo làm náo động cả khoang tàu. Chúng tôi phải giữ thói quen này, vì theo kế hoạch, đêm hôm đó phải cưa dây lòi tói khóa hầm tàu trong tiếng ca hát vỗ tay để lẫn át tiếng cưa sắt.

Tôi đi một vòng để tiếp xúc và khích lệ tinh thần các anh em, đồng thời kiểm điểm các thứ cần thiết. Những chiếc thang dây bằng những quần dài nối lại đã được chuẩn bị. Những đoạn mía ngắn chừng 50 phân đã được cẩn thận thu xếp và sẽ được cột vào người trong lúc hành động. Một chi tiết mà tôi không bao giờ quên được, đó là trong giờ phút quyết liệt đó, tôi hay đưa tay lên sờ trán và mạch máu ở thái dương bên phải tôi lúc đó căng phồng lên to như một chiếc dưa. Chứng tỏ là tôi đang trong tình trạng căng thẳng đến tột độ.

Ý Trời

Khoảng 3 giờ chiều, tự nhiên thời tiết có dấu hiệu thay đổi. Khi nhìn lên, tôi không còn thấy bóng nắng trên thành tàu. Bầu trời có nhiều mây, những đám mây đen ngịt. Một dấu hiệu thay đổi thời tiết thật bất ngờ và thật nhanh. Có cơn gió nhẹ nổi lên và thời tiết bắt đầu lạnh khi vài hạt mưa lất phát rơi. Lúc đầu, khi nhìn thấy cảnh này tôi mừng thầm vì có thể là yếu tố thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch đêm nay. Nếu trời đêm nay có mưa nhẹ, sẽ làm chúng tôi dễ ẩn nấp. Cơn mưa sẽ che giấu tiếng động và các lính canh tuần sẽ chệnh mảng hơn.

Tới khoảng 4, 5 giờ chiều, gió càng lúc càng mạnh, mưa nặng hạt hơn và tàu bắt đầu lắc nhẹ. Mặc dù độ tàu lắc rất chậm nhưng cũng làm cho một số người khó chịu, xây xẩm và tìm chỗ nằm. Khi mưa bắt đầu nặng hạt, thì một sự việc làm tôi ngạc nhiên đến độ kinh hãi khi thấy một cái nắp bằng sắt khổng lồ, được điều khiển bằng điện, từ từ bò ra trở thành cái mái che bên trên hầm tàu. Chỉ chừa một khoảng độ chừng vài thước cho chúng tôi có khí để thở. Từ lúc lên tàu và khi có ý định cướp tàu, tôi chưa biết yếu tố này. Lúc bấy giờ tôi nghĩ, nếu có biến động, bên trên họ sẽ bấm nút đóng kín hầm tàu, chúng tôi sẽ ra sao? Điều này khiến anh em chúng tôi thực sự lo lắng. Một lúc sau, cơn mưa tạnh dần và tôi thấy cái nắp hầm bên trên lại được thụt vào để lộ một bầu trời xám xịt có nhiều mây đen. Những người biết về thời tiết trên biển nói đây là triệu chứng của một cơn bão nhiệt đới. Một loại bão trái mùa thường xảy ra trên vùng biển Đông.

Một lúc về sau, gió bỗng trở mạnh, gào thét, xô đi quật lại vào thành tàu làm con tàu lắc lư chao đảo nhiều hơn. Đám tù chúng tôi trở nên uể oải, mệt nhọc và quá phân nửa số người đã phải nằm dài xuống sàn. Một số người đã bị say sóng và nôn thốc nôn tháo ra sàn tàu. Điều tệ hại xảy ra là lúc “rửa chuồng” chiều hôm đó, khi cán bộ trên thành tàu kéo thùng phân từ hầm tàu lên trong cơn gió mạnh làm tàu tròng trành. Khi kéo thùng phân lên gần tới nơi, bất ngờ anh bị ngã làm thùng phân rơi xuống, bắn tung tóe vào trong hầm tàu! Thật là một thứ tai nạn mà tôi không biết diễn tả làm sao. Chỉ xin dành cho độc giả dùng trí tưởng tượng của mình để cảm thông cho tình cảnh chúng tôi lúc bấy giờ. Nhất là dưới hầm tàu lại không có nước để rửa và không có gì để lau chùi.

Trong giờ cho ăn chiều hôm đó, chỉ có một số ít ngời lên nổi để lấy phần ăn, còn đa số nằm sóng sượt như những xác chết chưa chôn. Càng về đêm, gió càng gào thét dữ dội hơn, tàu tròng trành nghiêng ngả và mưa bắt đầu rơi. Nắp hầm tàu lại được trồi ra để che mưa như lúc ban chiều. Nhìn thấy cảnh này, tôi mất hết hy vọng! Tàu đang đi vào cơn bão bất ngờ và cơn bão đã đánh gục gần hết số người trong hầm tàu chúng tôi.

Quãng chừng 10 giờ đêm, khoang tàu trở nên vắng lặng, những người say sóng nằm lẫn lộn ói mửa, có người đang ngủ say. Chỉ còn 3 tiếng đồng hồ nữa là tới giờ hành động, nhưng những người cố gắng đi lại như tôi và anh Dương Văn Lợi cùng vài anh em trong ban tham mưu cũng bị chao đảo, đứng không vững vì tàu lắc quá mạnh. Tôi nghĩ thầm “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”, người

muốn không bằng trời muốn! Sau khi hội ý với một vài người còn lại, tôi tuyên bố bãi bỏ kế hoạch.

Phần tôi, mặc dù rất mệt nhọc và căng thẳng trong 2 ngày qua, nhưng không tài nào chợp mắt được. Tôi thức trắng đêm hôm ấy, nằm nghe gió thét mưa gào, trong lúc con tàu đang thương chao đảo như một quả trứng nằm trong chậu nước đang có người cầm hai bên bờ thành chậu đong đưa.

Một điều làm tôi vô cùng kinh ngạc và suy nghĩ mãi cho tới ngày hôm nay: gần sáng hôm sau gió bắt đầu giảm. Càng về sáng gió càng nhẹ và tàu bớt lắc lư. Tới rạng ngày thì gió ngừng hẳn, mặt biển lại trở nên yên lặng như tờ. Cái nắp che trên miệng hầm lại được thụt vào để lộ nền trời cao xanh biếc. Mặt trời lại chiếu ánh sáng êm dịu của ban mai vào thành tàu như trong hai ngày đầu.

Không ai có thể giải thích hiện tượng bão táp ngắn ngủi đêm qua. Nhưng tôi hiểu ý nghĩa của nó. Từ biến cố đó tôi càng tin mãnh liệt vào sự Quan Phòng của Thiên Chúa. Vì trong những ngày đó tôi đã cầu nguyện thật tha thiết. Tôi cầu xin Thiên Chúa, nếu điều chúng tôi dự tính không thể thực hiện được thì xin Ngài can thiệp, đừng để hậu quả tai hại xảy ra. Tôi cho rằng cơn bão trái mùa hôm đó là một phép lạ riêng tư cho cá nhân tôi. Phép lạ này đã xảy ra do lòng tin và lời cầu khẩn của tôi, để chặn đứng một việc nguy hiểm có thể làm cho máu đổ ngập khoang tàu.

Ân Oán Giang Hồ

Sáng ngày, những người bị say sóng nằm lăn lóc đêm qua bây giờ tỉnh lại. Sinh hoạt trong hầm tàu trở lại bình thường. Chỉ có một thay đổi lớn là chúng tôi đã bãi bỏ kế hoạch cướp tàu, điều này khiến những người quyết tâm tham gia kế hoạch, nhất là những anh em trẻ tuổi cảm thấy tiếc rẻ. Từ tâm trạng tiếc rẻ, họ trở nên bứt rứt, ngứa ngáy tay chân và biến thành những con người hung hãn. Họ như những võ sĩ tập luyện rất công phu và sẵn sàng thi đấu, nhưng cuộc tỉ thí vì một lý do bất khả kháng phải bị bãi bỏ vào phút chót. Họ chẳng còn biết làm gì nên đã quay sang mục tiêu khác để xả cơn bực tức và sức lực của họ. Mục tiêu đó chính là bọn ăn-ten đang có mặt trong khoang tàu lúc bấy giờ!

Tôi muốn nói rõ hơn về việc này. Ngay từ lúc cả nhóm bước xuống hầm tàu hai ngày trước, đã có làn sóng phẫn nộ dâng cao định hỏi tội bọn ăn-ten trong trại Gia Ray. Lúc đó, những người đã hãm hại anh em trước kia, không còn đường nào thoát thân, chỉ còn cách đến với tôi tìm sự che chở như tôi đã nói ở trên. Trong tình thế đó, tôi đã can thiệp và ngăn cản anh em. Vì nếu không, sẽ có tình trạng đi thái quá và báo thù nhau vì các việc không đâu. Làn sóng phẫn nộ đã tạm thời lắng dịu từ lúc chúng tôi dồn hết tâm trí vào một vấn đề khác. Tôi dùng chữ tạm thời lắng dịu để nói lên rằng, việc ân oán giang hồ đối với hạng người làm mất máu hãm hại anh em trong tù là vấn đề làm nhức nhối nhiều người và không dễ gì có thể bỏ qua được.

Tôi còn nhớ, ngay trong lúc chúng tôi họp bàn về kế hoạch cướp tàu giải thoát tù nhân, cũng có người đến bên tôi xin, khi thành công sẽ cho thiết lập tòa án ngay trên tàu để xử bọn ăn-ten. Người này còn đưa ra một danh sách thành phần “ác ôn” trong trại Gia Ray mà theo anh, những tên này phải đền tội.

Tôi đã gạt ngang ngay ý nghĩ đó và cho biết rằng đó không phải là mục đích của chúng ta, và nó lại càng không phải là việc của tôi.

Tôi nói lên điều này để những độc giả nào chưa bao giờ phải bước chân vào nhà tù cộng-sản, cảm thông được sự đau khổ và phẫn nộ của những người bị bọn ăng-ten hãm hại như thế nào. Trong một bài khác, tôi có nói đến hành động phản bội và làm tay sai cho cán bộ, để hãm hại anh em của một số tù chính trị miền Nam. Đó là điều làm tôi cảm thấy nhục nhã và đau đớn nhất trong 13 năm tôi sống trong tù cộng-sản.

Buổi sáng hôm đó, không ai có việc gì để làm, không còn vấn đề gì phải bận tâm nên làn sóng “diệt” ăng-ten tự nhiên lại nổi là điều cũng dễ hiểu. Lúc đó không còn cách gì có thể kèm hãm được cơn phẫn nộ của một sóng đông đang dâng lên quá cao. Mặc dù tôi đã ngăn cản được một số người, nhất là những anh em Công giáo, nhưng tôi không thể nào ngăn chặn được tất cả. Bắt đầu vào khoảng 9 giờ sáng có vài cuộc cãi vã, sau đó rượt đánh nhau gây rối loạn tại nhiều nơi.

Phong trào diệt ăng-ten như một cơn dịch, càng lúc càng lan rộng ra và cường độ càng lúc càng dữ dội hơn. Những người bị rượt đánh chỉ còn nước chạy vòng quanh lẫn trốn. Nhưng chạy đâu cho thoát được ra khỏi cái khoang tàu đông nghẹt những người này? Có mấy người bị đánh tơi bời, máu me lênh láng. Họ bị đánh bằng đủ các kiểu, bằng tay chân, bằng ống điều thuốc Lào và bất cứ vật gì có thể dùng làm vũ khí. Tôi còn nhớ lúc đó trong khoang tàu có 2 anh đau chân phải đi chống gậy là anh Tô Tứ Hường và anh Hùng “Si-cà-que”. Vô tình mấy cây gậy của 2 anh đã trở thành vũ khí đặc dụng cho những người chủ trương diệt ăng-ten.

Tôi không biết hết những ân oán giang hồ giữa họ với nhau trong trại Gia Ray, vì tôi mới chuyển lên đó một thời gian ngắn. Thường là những người bị rượt đánh đều chạy tới tôi để xin che chở. Trong hoàn cảnh ‘chẳng ai bảo ai’ được đó, tôi đã đứng ra công khai giải thích và xin tất cả các anh em dừng tay lại. Sau khi tôi lên tiếng, làn sóng phẫn nộ lắng dịu dần, dĩ nhiên là máu đã chảy ra khá nhiều. Nhưng cũng chính vì sự lên tiếng đó mà về sau này, khi ra tới miền Bắc, tôi đã bị chính những người tôi che chở tố cáo là tôi chủ trương đánh đập họ trên tàu. Tôi đã trả một giá rất đắt về việc này.

Cảng Hải Phòng

Khoảng 5 giờ chiều ngày 20 tháng Tư năm 1977, tàu Sông Hương dừng lại. Chúng tôi biết là mình đã tới một nơi nào đó ở miền Bắc, nhưng vì đang ở dưới hầm tàu nên không định thần được là mình đang ở đâu. Tàu đã bỏ neo khá lâu, nhưng chúng tôi vẫn chưa được lên bờ. Một lúc sau thấy có đoàn người ở các khoang khác bắt đầu lên bến. Từ lòng hầm tàu nhìn lên, tôi nhận ra một số người tôi quen vì cùng ở chung với tôi trong trại Phan Đăng Lưu, nhưng khi tôi chuyển lên Gia Ray, họ còn ở lại và bây giờ cũng có mặt trên chuyến tàu này. Mãi tới chạng vạng tối tù nhân ở khoang tàu chúng tôi mới được lên bờ, và khi lên tới nơi mới biết đó là bến cảng Hải Phòng.

Khi vừa lớn lên và bước vào tuổi mộng mơ, tôi luôn ôm ấp giấc mộng hải hồ. Tôi mong ước khi lớn lên sẽ trở thành một sĩ quan hàng hải hoặc một thủy thủ của một chiếc tàu biển để có dịp băng mình trên sóng nước đại dương. Nhưng điều tôi mong muốn nhiều hơn là được dứng chân nơi những bến bờ xa lạ. Mặc dù khi lớn lên tôi không thực hiện được giấc mộng hải hồ, nhưng không vì thế mà tôi mất đi tình yêu biển cả, yêu những con tàu vượt sóng nước đại dương và ham thích khi được tới những bến bờ xa lạ.

Hôm nay, vô tình mong ước của cuộc đời tôi trở thành hiện thực, nhưng được thành tựu một cách thật trớ trêu. Trong lần đi tàu biển đầu tiên này, tôi không phải như một thủy thủ mà bị nhốt dưới hầm như thân phận của loài gấu chó trong sở thú Sài Gòn. Giờ đây tôi đang được đặt chân lên một bến cảng xa lạ, nhưng không phải để thỏa chí tang bồng mà là để bắt đầu kiếp sống vô vọng trong thân phận người tù biệt xứ.

4 - LÀN RA ĐẤT BẮC



Chúng tôi, những tù nhân miền Nam bị đày ra Bắc trên chiếc tàu Sông Hương vào tháng 4 năm 1977. Nhóm chúng tôi thuộc đủ mọi thành phần và mọi lứa tuổi, nhưng đa số là những người trẻ. Số tù tập thể này được gọi tên chung là “tù phản động”, nghĩa là những người bị bắt sau năm 1975 vì các hoạt động liên quan tới việc chống chế độ Cộng Sản dưới hình thức này hoặc hình thức khác. Trong đó cũng có những người bị bắt vì trốn trình diện.

Tàu Sông Hương, mà chúng tôi gọi là chuyến tàu vét, là chuyến tàu cuối cùng chở tù ra Bắc. Tàu khởi hành từ bến Tân Cảng gần cầu xa lộ Sài Gòn vào sáng sớm ngày 18 tháng 4 năm 1977, chở theo khoảng 1200 tù nhân chính trị được chọn ra từ nhiều trại ở miền Nam, trong đó nhóm chúng tôi 350 người từ trại Gia-Ray, tỉnh Xuân Lộc, còn gọi là Z30 D. Trại này trước kia là hậu cứ của Trung đoàn 54. Khu trại nằm trên đồi cao có tên rất thơ mộng là “đồi Phượng Vĩ”, vì nghe nói trên đồi này trước đây có trồng nhiều hoa phượng. Thực ra ai đã ở đó rồi thì mới biết đồi Phượng Vĩ chẳng thơ mộng tí nào!

Trước mặt trại là núi Chứa Chan, nằm sừng sững trong tư thế lười biếng và thách thức. Có mấy anh sâu đời vì tù lâu quá, bực mình nổi cáu gọi nó là núi Chán Chứa! Những anh tù trẻ còn hăng máu phản bác lại, gọi nó là núi Chứa Chán! Người có chút máu nghệ sĩ gọi là núi Chan Chứa...tình yêu! Tội nghiệp cho quả núi đất vô tri, nằm một đống ở đó làm gì để bợn người bất mãn vì thời cuộc này đem ra hành tội, cho thay danh đổi họ liên hồi như các cô ca sĩ thay áo khi trình diễn trên sân khấu.

Khi rời trại Z30 D, chúng tôi bị còng tay dính nhau từng đôi một, đi xe ca xuống bến Tân Cảng và leo

lên tàu vào nửa đêm, khi xuống tới hầm tàu mới được mở còng ra. Lúc mới lên tàu, tưởng là chỉ có nhóm chúng tôi, nhưng khi gõ vào thành tàu làm hiệu, chúng tôi liền nhận được tín hiệu của “phe ta” ở các khoang khác đáp lại, nhưng lúc đó có bao nhiêu người trên tàu thì không rõ. Tàu Sông Hương chạy khá nhanh, chỉ sau 2 ngày 3 đêm đã tới bến Hải Phòng. Trong mấy ngày lênh đênh trên biển, có nhiều chuyện xảy ra trong hầm tàu chở nhóm chúng tôi.

Bến cảng Hải Phòng

Tàu Sông Hương thả chúng tôi lên bến cảng Hải Phòng vào một buổi chiều âm ỉm. Từ dưới hầm tàu nhìn tốp lên trước, tôi thấy có một vài người ở trại Phan Đăng Lưu với tôi trước kia, trong số đó có cha Phạm Hữu Nam, còn được gọi là Cha Bosco Thiện, một Linh Mục dòng Chúa Cứu Thế. Sau khi lên bờ, nhóm lên trước được phân phối đi đâu tôi không rõ. Khi nhóm trong khoang tàu chúng tôi lên bờ thì trời đã nhá nhem tối.

Cảm giác đầu tiên của tôi khi đặt chân lên bến cảng Hải Phòng là tưởng chừng mình đang ở một đất nước nào khác, với cảnh vật tiêu sơ, buồn thảm và đầy đe dọa. Cả những con người ở đây cũng không tạo cho tôi một chút ấn tượng nào cho biết là tôi đang đứng trên phần đất của quê hương, và họ là những đồng bào với tôi. Từ cảnh vật tới con người đều mang vẻ nặng nề âm ỉm và chết chóc. Tôi đảo mắt nhìn quanh khung cảnh của bến cảng Hải Phòng mà tôi đã được nghe nói tới rất nhiều, có cả một bản nhạc để ca tụng mang tên “Hải Phòng thành phố quê tôi”! Đó đây nhà cửa cũ kỹ đen đui nằm rải rác một cách vô tổ chức; có nhà còn nguyên, có cái đã thủng lỗ hoặc sụp một góc. Những thùng chứa hàng, đường sắt cũ, xe hư nằm rải rác chỗ này một chiếc, chỗ kia một cái.

Người dân ở đây sao hơi khác với những hình ảnh quen thuộc mà tôi đã từng thấy nơi người miền Nam. Nhưng sự khác biệt đó là gì tôi không thể nói được. Hình như đồng bào của tôi ở đây hơi nhỏ con và nước da đen hơn. Tôi nghĩ có lẽ là do lối ăn mặc, vì đa số mang dép râu và đội nón cối. Có thể vì thế làm cho người ta trông luộm thuộm và lùn ra chăng? Ngoài màu áo vàng của một số khá đông công an có mang súng, đa số những người có mặt trên bến cảng lúc đó mặc đồ bộ-đội màu cứt ngựa, đầu đội nón cối, chân mang dép râu. Lúc mới nhìn qua, tôi tưởng họ là bộ-đội nhưng sau này tôi mới biết ai cũng có thể mặc đồ bộ-đội, đội nón cối và mang dép râu.

Lúc bấy giờ có một hình ảnh đập mạnh vào mắt tôi và không biết tại sao nó cứ ám ảnh tôi mãi, cho dù cố quên cũng không thể nào quên được. Đó là hình ảnh của một nữ công an mặc đồng phục màu vàng, đầu đội nón cối, chân đi dép gì tôi không để ý, có lẽ cũng là dép râu. Điểm đặc biệt là người nữ công an đó tóc thật dài và bện thành cái đuôi sam thả thõng xuống gần đụng gót chân. Hình ảnh này tôi mới thấy lần đầu tiên và cảm thấy rờn rợn khi nhìn cái đuôi sam đó. Khi nhìn cái đuôi sam, tôi liền tưởng tới những tấm hình trong cuốn sách nói về loạn Quyền Phỉ (Boxers) vào thời Mãn Thanh ở Trung Hoa, diễn tả thời kỳ hỗn loạn chém giết nhau như ngóe.

Tôi đọc quyển sách này không bao lâu trước khi bị bắt. Trong sách có các tấm hình những người đàn

ông bị chặt đầu đều có đuôi sam! Có bức hình người ta cột hai ba cái đầu người lại với nhau bằng đuôi sam kiểu như nhà quê người ta cột dứa khô, dùng các cọng râu của trái dứa cột lại để có thể xách được nhiều quả cùng một lúc. Cái đuôi sam quá dài của cô cán bộ trên bến cảng Hải Phòng chiều hôm đó làm tôi nhớ lại các tấm hình gớm ghê này. Tôi nghĩ, giá mà cô ta không đội nón cối có lẽ tôi ít sợ hơn. Nếu có ai hỏi tại sao, tôi cũng không trả lời được, chỉ biết rằng một người phụ nữ đầu trần thắt đuôi sam thì tôi không sợ, nhưng thắt đuôi sam mà đội nón cối làm tôi sợ, nhất là cái đuôi sam đó lại quá dài.

Bến cảng Hải Phòng chiều hôm đó trở nên nhộn nhịp khác thường, vì tàu Sông Hương vừa cất lên bến rất nhiều “hàng hóa biết đi.” Một đám đông người lớn và trẻ con hiếu kỳ đứng hai bên đường nhìn ngó, chỉ trỏ và nói năng loạn xạ bằng một giọng nói hơi lạ tai đối với tôi lúc bấy giờ. Tôi cũng chẳng biết họ nói với nhau những gì, nhưng nhìn gương mặt và điệu bộ của họ, tôi nghĩ có lẽ tôi không nghe và không hiểu thì tốt hơn.

Mọi việc đã được chuẩn bị từ trước, nên khi chúng tôi vừa lên bờ, liền bị còng tay lại từng đôi một và leo lên những chiếc xe ca nằm chờ sẵn. Sau khi ổn định vị trí trên xe, mỗi người được phát một chiếc bánh mì nướng làm thức ăn đi đường. Cán bộ áp tải phổ biến nội quy đi đường xong thì đoàn xe chuyển bánh. Trời bắt đầu tối.

Thành linh, đá sỏi từ hai bên đường bay lên xe như mưa! Tôi vội vàng dùng tay tự do còn lại che mặt trước con “mưa đá” trái mùa này. Bằng mọi giá tôi phải bảo vệ đôi mắt vì nhớ có hòn sỏi vô tình nào bay đúng vào kính đeo mắt tôi thì khôn nạn, có thể mù mắt như chơi. Anh em tù nhân trên xe cũng vội vàng lo chống đỡ theo phản ứng tự nhiên. Trong cơn hỗn loạn bất ngờ đó, tôi nghe loáng thoáng tiếng trẻ con la hét từ bên vệ đường: “ĐM chúng mày, lũ ngụy, lũ uống máu ăn gan người!” Tiếng chửi bới này càng lúc càng nhiều và to hơn. Một giọng nói khác, tiếng của cán bộ, vang lên trong xe: “Các anh thấy chưa? Nếu đảng không đưa các anh vào đây để bảo vệ các anh thì nhân dân đã giết chết các anh!” Lúc xe chạy ra khỏi vùng bão tố, tôi mới biết có vài anh tù trên xe bị thương nhẹ. Riêng tôi bị hòn đá ném đúng vào đầu u lên một cục khá to. Tôi cảm thấy đau, nhưng đau cho thân thể tôi thì ít mà đau cho số phận dân tộc tôi thì nhiều.

Đoàn xe chạy trong đêm trên đoạn đường khá dài từ Hải Phòng qua Hải Dương, Hà Nội, Phủ Lý... Sở dĩ tôi biết được các địa danh ấy nhờ trên xe có anh Đào Anh Tuấn, mà anh em gọi là Tuấn Phở, vì anh có tiệm phở ở Sài Gòn, nguyên quán ở Hải Dương ngoài Bắc, di cư vào Nam năm 1954. Khi xe qua nơi nào, anh giới thiệu nơi đó một cách rành mạch, như vai trò của các hướng dẫn viên du lịch!

Lúc ngồi trên xe, tôi cảm thấy mệt nhọc và ngao ngán, chẳng biết và cũng không thắc mắc họ sẽ đưa chúng tôi về đâu. Những cảm giác lúc ban đầu khi vừa đặt chân lên đất Bắc trong kiếp người tù biệt xứ đã để lại trong tôi ấn tượng khó quên được. Tôi muốn dành cho người đọc tưởng tượng ra cảnh thân phận một tù nhân trên đường đi đày, vừa bước chân lên vùng đất xa lạ là gặp ngay những con

người chất chứa đầy hận thù. Nói cho đúng hơn là được huấn luyện để bày tỏ sự hận thù, như đám trẻ con “chào đón” chúng tôi tại bến cảng Hải Phòng. Tôi nhớ mà thương cho số trẻ con đã chửi bới và ném đá vào chúng tôi đó. Người tù biệt xứ này cũng chẳng biết mình sẽ bị đưa về đâu, những gì chờ đợi trước mắt và còn có ngày trở về hay không? Nếu còn có hy vọng đó thì bao lâu nữa sẽ được về, vì đây là loại tù... “mù”, tức là đi tù nhưng không có kêu án, được gọi cái tên thật đẹp nhưng đầy gian trá là “Tập Trung Cải Tạo”.

Lúc đó tôi biết những gì xảy ra trên bến cảng Hải Phòng chỉ là màn mở đầu, màn đầu của sự hận thù đang trói buộc thân thể dân tộc tôi, và người ta đang tận tình khai thác lòng hận thù đó đối với những người bại trận miền Nam.

Quãng nửa đêm đoàn xe qua phà Phủ Lý, sau đó chạy vào con đường ngoằn ngoèo chật hẹp, hai bên là vách núi, như đang đi vào một hang động. Đến gần sáng, chúng tôi tiến vào một khu vực có hàng rào kẽm gai bao bọc chung quanh. Dưới ánh sáng của những bóng điện lờ mờ, tôi thấy có nhiều dãy nhà thấp nằm ngay hàng thẳng lối chầu đầu vào nhau. Đoàn xe dừng lại giữa cái sân khá rộng. Đó là trại Nam Hà, còn được gọi là trại Ba Sao thuộc tỉnh Hà Nam Ninh. Chúng tôi được lệnh xuống xe trong một đêm khuya lạnh buốt và có sương mù dày đặc.

Giai Đoạn Mới

Tôi chẳng ghi nhận được nhiều khung cảnh trại Nam Hà trong đêm vừa mới tới, nhưng cảm giác đầu tiên của tôi lúc bấy giờ là đang bước vào một trại tù lâu đời, gọn sạch và được tổ chức hẳn hoi; hoàn toàn khác với sự bẽ bộn của trại giam Gia Ray, tỉnh Long Khánh trong Nam mà chúng tôi vừa từ bỏ ra đi. Dưới ánh đèn điện lờ mờ trong đêm, tôi thấy những dãy nhà lợp ngói thấp lè tè, có tường gạch bao quanh và trên tường có hàng rào kẽm gai. Các dãy nhà này được xếp đều hai bên một sân trại khá rộng nằm ngay chính giữa, chia trại ra làm hai khu riêng biệt.

Khi vừa bước vào cổng trại, nhìn về phía tay phải, tôi thấy có một cái giếng cạn tròn thật to, có lẽ đường kính tới 10 thước, trên miệng giếng có bờ tường cao chừng 80 phân bao bọc chung quanh, bên cạnh có dãy nhà tắm thấp, tôi biết đây là khu vực tắm giặt của trại.

Vì tới muộn, nên chúng tôi được chia tạm thời ra từng nhóm và vào một số buồng nghỉ qua đêm. Khung cảnh trại mới này đối với tôi thật xa lạ và làm tôi ngỡ ngàng. Hình dạng trại cũng lạ, nhà cửa lạ, thời tiết lạ, giọng nói của các cán bộ cũng lạ tai. Đêm đó, mặc dù rất lạnh và không có chăn mền, nhưng vì đi đường quá mệt và đã muộn, nên tôi ngủ một giấc ngon nhưng nhiều mộng mị.

Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy trong một thời tiết lạnh cóng và có sương mù. Vì vừa ở miền Nam ra, chúng tôi chưa quen với cái lạnh giá buốt của miền Bắc nên nhiều người co ro trông rất thảm hại. Lúc trời đã sáng, ngồi trong buồng nhìn qua song sắt cửa sổ và đám sương mù, tôi vô cùng ngạc nhiên về khung cảnh trước mắt. Chung quanh trại Ba Sao là một vùng nước mênh mông bao bọc. Điểm đặc

biệt là trên mặt nước có rất nhiều trái núi nhỏ và tròn, mọc nhô lên như những cây nấm khổng lồ, nằm rải rác trong cánh đồng.

Chúng tôi ngạc nhiên một cách thích thú trước hình ảnh này và tưởng chừng như các trái núi nhỏ, tròn và đồng dạng đó là những quân cờ trong một bàn cờ của người khổng lồ đã chơi và bỏ lại sau khi họ về trời! Cũng có thể so sánh hình dạng các núi nhỏ đó như những quả trứng của loài chim khổng lồ đã tuyệt chủng. Các quả trứng này chôn nửa phần dưới nước và nửa phần trên nhô lên trên không. Nhìn xa hơn nữa, tận chân trời là dãy núi thật dài, trùng trùng điệp điệp, bao bọc lấy khu trại nằm trên vùng núi đá vôi mà chúng tôi vừa dọn tới đêm qua.

Vào lúc nhập trại Nam Hà ngày 21 tháng Tư năm 1977, trong trại đã có hơn 600 tù nhân miền Nam. Những người này đã tới đây từ cuối năm 1975 hoặc đầu năm 1976 và ở các buồng phía trái từ cổng trại nhìn vào. Phía này được gọi là khu A để phân biệt với nhóm chúng tôi 350 người mới, ở phía tay phải và được gọi là khu B.

Cảm giác đầu tiên của tôi khi thấy các người tù khu A là họ rất trầm lặng, có dáng vẻ xa xôi. Phần đông đã lớn tuổi hoặc trung niên. Nhiều người trắng trẻo, sạch sẽ và tươm tất trong bộ đồng phục màu xanh của nhà tù, áo cổ cao, giống kiểu áo của người Tàu. Họ tỏ ra an phận, tự giác, dễ bảo và chấp nhận hoàn cảnh, cho dù là chấp nhận một cách miễn cưỡng. Thật vậy, khi nhìn tướng mạo và nghe qua tên tuổi, kèm với chức vụ trước kia, tôi biết đây là những người đã có một thời vàng son và đầy uy quyền.

Sau này tôi biết, họ thuộc thành phần viên chức chính phủ, các chức vụ dân cử như nghị sĩ, dân biểu, sĩ quan cảnh sát, đảng phái quốc gia. Có người đã từng nắm giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền miền Nam mà tên tuổi nhiều người nghe biết như Thủ tướng Nguyễn Văn Lộc, cụ Vũ Hồng Khanh, Thượng nghị sĩ Huỳnh Văn Cao, Bộ trưởng Đàm Sĩ Hiến, Bộ trưởng Trần Ngọc Oánh và nhiều người có tên tuổi khác.

Tôi không bao giờ quên được tâm trạng đau buồn mỗi lần nhìn thấy các đội khu A xếp hàng dài giữa sân trại trước giờ báo số lượng tù để xuất trại ra ngoài lao động, nhất là trong những buổi trưa nắng gắt của vùng núi đá vôi Nam Hà. Đa số tù nhân ăn mặc giống nhau, áo quần đồng phục màu xanh của tù, đầu đội nón lá, chân mang dép râu, vai mang một bị nhỏ may bằng vải bao cát, trong đó đựng cái lon Guigoz nước uống, trên miệng bị có treo lủng lẳng cái ống điếu thuốc lào.

Khi nhìn những con người đã một thời quyền uy trong xã hội miền Nam trước kia đang ngồi cúi đầu thành hàng dài trong sân trại, trong đó người giữ chức vụ cao cấp nhất một thời là cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Lộc, tôi xót xa nhớ tới thân phận con người, và luật tuần hoàn của vũ trụ. Những người này trình diện học tập cải tạo theo thông cáo của Ban Quân Quản sau khi Cộng Sản vừa chiếm được miền Nam. Lúc này họ có vẻ mệt nhọc, câm lặng, chán chường và cam tâm chịu đựng cuộc đổi đời. Có lẽ trong thâm tâm nhiều người muốn chứng tỏ mình cải tạo thật tốt, tránh vi phạm nội quy để sớm

được hưởng sự khoan hồng của đảng và nhà nước, như lời cán bộ vẫn thường nói: “Cải tạo tốt, lao động tốt là con đường ngắn nhất để được về sum họp với gia đình!”

Trình diện học tập

Cũng cần nói thêm, sau khi chiếm được miền Nam, người Cộng Sản biết dân miền Nam và nhất là những sĩ quan, binh sĩ và viên chức của chế độ Cộng Hòa vừa sụp đổ đều bàng hoàng lo sợ, nhưng có thể phản ứng chống lại, mặc dù tình thế lúc đó không thể nào lật ngược thế cờ. Tuy nhiên, nếu có sự chống đối trong lúc người Cộng Sản chưa có đủ thì giờ cũng có guồng máy cai trị tại vùng đất màu mỡ vừa mới cướp được thì cũng là điều bất lợi cho họ. Bởi thế, điều quan trọng là phải làm sao bắt giam cho hết những sĩ quan, viên chức chính phủ nào còn ở lại trong nước, sau khi một số lớn những người đã từng nắm giữ chức vụ chớp bu tại miền Nam đã nhanh chân bỏ chạy từ trước như cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, cựu Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ, cựu Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, đương kiêm Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn, Đại tướng Cao Văn Viên v.v...

Người Cộng Sản đủ tinh khôn để hiểu rằng không thể nào lùng bắt hết những người họ muốn nhốt vào tù, chỉ có cách hay nhất là giăng lưới để tóm hàng loạt. Đây là điều tôi thực sự khen ngợi đầu óc giao hoạt của người Cộng Sản. Kế hoạch của họ như sau. Vừa chiếm được miền Nam xong, Ban Quân Quản thông báo trên đài phát thanh ra lệnh cho tất cả hạ sĩ quan và binh sĩ “ngụy” (thắng làm vua thua làm ngụy!) trình diện tại địa điểm gần nhất để học tập đường lối chính sách của đảng và nhà nước cách mạng. Khi đi, nhớ mang theo thức ăn, đồ dùng đủ trong 3 ngày.

Mặc dù các anh em binh sĩ chế độ miền Nam rất lo sợ, nhưng lúc đó đã nằm trong tay họ rồi, nếu không tuân lệnh sẽ rất tai hại, hơn nữa thông cáo có nói đem đồ dùng trong 3 ngày, nên cũng còn chỗ để hy vọng. Đại đa số những người trong diện này đã trình diện học tập. Và sau ba ngày, họ được cấp giấy chứng nhận ra về. Điều này làm sự sợ hãi và nghi kỵ của dân miền Nam đối với chế độ mới đã bắt đầu giảm đi. Người ta bắt đầu tin vào các lời tuyên truyền về “chính sách khoan hồng của đảng và nhà nước”, hoặc “đánh kẻ chạy đi chớ không ai đánh kẻ chạy lại!” v.v...

Không bao lâu sau, một thông cáo khác của Ban Quân Quản được đọc trên đài phát thanh. Lần này tới phiên các sĩ quan và công nhân viên chức cao cấp trình diện tại các địa điểm được ấn định. Khi đi nhớ mang theo lương thực, tiền bạc, áo quần và đồ cá nhân đủ dùng trong một tháng. Dĩ nhiên thông cáo nào cũng kết thúc bằng câu đe dọa “ai bất tuân sẽ bị trừng trị theo luật pháp hiện hành.”

Nhớ lại vào sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi đoàn quân Cộng Sản ào ạt tiến vào Sài Gòn, dân chúng miền Nam thật hoang mang lo sợ, những người chức vụ cao và các sĩ quan của miền Nam càng khiếp đảm hơn.

Họ có lý do để sợ, vì hình ảnh Tết Mậu Thân năm 1968, với hàng chục ngàn người thường dân vô tội bị Việt cộng đập đầu, mổ bụng. Có nhiều người bị trói tay dính chùm bằng dây điện và chôn sống tại

Huế chưa phai mờ trong ký ức của nhiều người. Bây giờ những kẻ chôn sống người đó đã chiến thắng, làm sao những sĩ quan và công nhân viên chức cao cấp của chế độ miền Nam vừa sụp đổ lại không lo sợ cho được. Vì thế, khi nghe được thông cáo “đủ dùng trong một tháng” họ mừng như nắng hạn gặp mưa rào. Trước đây, số hạ sĩ quan và binh sĩ mang đồ đủ dùng trong 3 ngày theo như thông cáo, và họ chẳng được ra về sau 3 ngày là gì?

Tâm trạng chung lúc bấy giờ là ai cũng mong học tập cho xong để trở về làm ăn sinh sống bình thường và hợp pháp trong chế độ mới. Thế là hàng hàng lớp lớp người đi trình diện học tập, người ta vội vã trình diện, người ta chen nhau đi trình diện, người ta vui về già từ vợ con để đi trình diện và hẹn tháng sau sẽ gặp lại. Có người sau khi vào trại còn hãnh diện khoe với mọi người, nhờ sự quen biết và khéo léo nên đã “chen” được vào trung tâm trình diện khi nơi này đã đầy người. Ai cũng mong đi học tập trong đợt đầu để sẽ được về sớm.

Lúc bấy giờ, những cái gọi là “Trại Cải Tạo” được mọc lên như nấm để nhốt những người tự nguyện đi học tập. Thành phần chánh trị và hành chánh do “công an Nhân dân” quản lý, thành phần quân đội do “Quân-đội Nhân dân” quản lý. Số người đi trình diện hí hửng nghĩ rằng một tháng sẽ được về, nhưng....

Ôi! Chữ “nhưng” sao quái ác!

Khi tôi vô tù một thời gian, được nghe các anh em trình diện kể lại câu chuyện đau lòng, câu chuyện cười ra máu mắt như sau: Số là khi nghe thông cáo của Ban Quân Quản, khi đi trình diện nhớ mang theo tiền bạc, thức ăn và đồ dùng đủ cho một tháng. Những người trình diện đi tù bắt đầu đếm từng ngày. Khi “học tập” tới đầu tuần lễ thứ tư, cả nhóm vui mừng hí hửng! Có người còn mơ màng về khung cảnh của ngày lễ mãn khóa thật linh đình vào cuối tuần tới, chắc là phải vui và cảm động lắm. Sẽ có đại diện các “cải tạo viên” đứng lên đọc diễn văn cảm ơn công lao giáo dục của đảng. Rồi có các bà vợ, những người con và thân nhân sẽ có mặt trong lễ mãn khóa để đón người thân yêu đã được đảng cải tạo thành người công dân tốt trở về đoàn tụ với gia đình.

Trong đêm cuối cùng của tháng “học tập”, nhiều người không thể ngủ được, họ đi bắt tay từ già anh em cùng khóa, buồn buồn, tủi tủi, nói lời chia tay tạm biệt với những anh em đã một thời chung vai sát cánh trong cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân miền Nam chống bọn Cộng Sản tham tàn. Nhưng giờ đây lịch sử đã qua trang, kẻ tham tàn đã chiến thắng và đang ngự trị! Đã qua rồi một cuộc chiến, anh em quân nhân viên chức chế độ miền Nam vừa sụp đổ chỉ mong từ nay được sống yên hàn với vợ con trong chuỗi ngày còn lại của cuộc đời.

Sáng hôm sau là đủ 1 tháng kể từ ngày đi trình diện, nhiều người thức dậy sớm đánh răng rửa mặt và chuẩn bị đồ đạc ngồi chờ “lễ mãn khóa.” Nhưng lễ mãn khóa chờ đâu chẳng thấy! Lúc tới giờ, tiếng kèn tập họp đi lao động vang lên lanh lảnh ở cổng trại như mọi ngày. Nghe tiếng kèn, nhiều người tỏ vẻ ngạc nhiên nhìn nhau thắc mắc nhưng không ai nói gì, chỉ biết cúi đầu xếp hàng báo số đi lao

động như thường lệ. Sự thắc mắc bao trùm suốt ngày hôm đó và mỗi người cố tìm một lý do có lợi để giải thích cho sự chậm trễ này. Anh em tụm năm, tụm ba bàn giải thắc mắc, và lý do được nhiều người coi là hợp lý nhất: tháng này có...31 ngày! Vậy lễ mãn khóa phải diễn ra ngày mai, ngày thứ 31! Mọi người yên tâm đi ngủ chờ tới ngày mai.

Ngày mai đã đến rồi lại đi, rồi ngày kia và những ngày kế tiếp cũng đến và đã đi qua nhưng chẳng thấy có gì khác lạ. Thái độ bất mãn hiện rõ trên mặt nhiều người. Anh em cứ lập đi lập lại câu hỏi “thế này là thế nào?”, nhưng không ai có thể tìm được lời giải đáp cho câu hỏi đơn sơ ngắn gọn đó. Cho đến một hôm không còn đủ kiên nhẫn, một anh đánh bạo chất vấn cán bộ trong một buổi sinh hoạt trên hội trường:

-Báo cáo anh, tôi có thắc mắc.

– Gì thế? Anh có thắc mắc gì nói xem nào?

– Báo cáo anh, theo thông cáo của Ban Quân Quản kêu gọi chúng tôi trình diện học tập một tháng. Nay đã quá ngày rồi tại sao chúng tôi chưa được về?

Anh cán bộ ngồi gật gù, nhếch mép cười, nụ cười đầy vẻ tinh quái, hát hàm hỏi:

– Ai bảo cho anh biết học tập một tháng được về?

Anh bạn đáng thương lúc này mắt bình tĩnh, gằn giọng từng tiếng:

– Báo cáo anh, thì trong thông cáo của Ban Quân Quản, tôi còn nhớ từng lời, từng chữ là ‘khi đi nhớ mang theo tiền bạc thức ăn và đồ dùng, đủ trong vòng 1 tháng’, tôi nghĩ rằng tất cả mọi người ở đây ai cũng nghe như thế.

Anh bạn chưa dứt lời đã nghe tiếng cả hội trường ào ào rầm rì phu họa: “Đúng rồi, đúng rồi, trong vòng một tháng”. Chừng đó anh cán bộ buộc lòng phải nói, anh nói thậm chậm rãi và rõ ràng:

– Các anh ngu quá! Tôi thật không ngờ là các anh ngu quá! Thông cáo bảo các anh mang tiền bạc, đồ dùng, đủ trong vòng một tháng, còn thời gian tiếp theo là đảng sẽ lo cho các anh, hiểu chưa? Chỗ nào trong thông cáo nói học tập một tháng được về đâu, anh chỉ tôi xem? Đảng đâu có dối gạt các anh, tại các anh ngu không hiểu ra đây thôi!

Mặc dù câu nói của cán bộ nhỏ nhẹ và ôn tồn, nhưng sau khi nghe, mọi người thấy lòng bùng trong lồng tai như vừa nghe tiếng sấm gấm giữa lúc trời đang nắng chói chang.

Khu A và Khu B

Lối sống và thái độ “cải tạo” của 2 nhóm, khu A và khu B trong trại Nam Hà lúc bấy giờ hoàn toàn trái ngược nhau. Các bậc đàn anh khu A rất trầm lặng, mực thước trong việc tuân hành nội quy của trại

và lễ phép với cán bộ. Trong khi đó nhóm khu B, nhất là các anh em trẻ, sống hiên ngang bộc trực và bày tỏ thái độ khinh mạn cán bộ một cách công khai thấy rõ. Họ cứ gọi lén cán bộ là “chèo”! Cán bộ cấp nhỏ thì gọi là “chèo nhĩ”. Tôi cũng không biết chữ “chèo” này bắt nguồn từ đâu. Một hôm xảy ra câu chuyện nhỏ, nhưng gây ấn tượng mạnh và làm tôi nhớ mãi.

Hôm đó trong giờ lao động khu vực chung quanh buồng 12 của tôi ở, cán bộ quản giáo gọi anh Đặng Hữu Nam, một anh bạn trẻ chừng ngoài 20 tuổi trong nhóm Phục Quốc, bảo nhắc cái ghế lại cho cán bộ. Anh Nam giả vờ đáp:

-Báo cáo cán bộ, tôi không ngồi ghế!

Anh cán bộ quen thói hách dịch quắc mắt hỏi:

– Anh bảo gì? Tôi bảo anh nhắc cái ghế lại đây cho tôi. Ai cho phép anh ngồi ghế ở đây? Anh này hay nhĩ?

Anh Nam bình thản trả lời:

– Báo cáo cán bộ, nếu cán bộ ngồi ghế thì nhắc lấy mà ngồi, sao lại sai tôi? Tôi vào đây để học tập cải tạo, đâu có vào đây để nhắc ghế cho cán bộ ngồi.

Cả nhóm chúng tôi lúc đó yên lặng theo dõi câu chuyện làm anh cán bộ xấu hổ buông ra một câu chửi thật vô duyên:

– Ăn nói bố láo!

Anh Nam đốp chát ngay:

-Cán bộ không được quyền nói tôi như vậy, tôi sẽ báo cáo việc này lên ban giám thị!

Anh Nam nói chưa hết câu thì cán bộ quản giáo đã bỏ đi, vừa đi vừa nhỏ toẹt một bãi nước bọt.

Kể từ lúc chúng tôi nhập bọn, các bậc đàn anh đáng kính bên khu A mới bắt đầu nghe nói tới những tiếng cấm kỵ trong tù như, vượt ngục, chống đối lao động, biểu tình, tuyệt thực. Có lần các vị này phải nổi da gà, xanh máu mặt khi nghe các buồng khu B chúng tôi hô to trong giờ ăn trưa: “Đả đảo Cộng Sản!”, tất cả mọi người gân cổ lên la thật to: “Đả đảo! Đả đảo!” Dĩ nhiên, những điều này không bao giờ ban giám thị của trại bỏ qua, họ sẽ trả đòn bằng kiểu gì lúc ấy chưa ai biết được.

Những người chưa sống trong tù Cộng Sản cũng nên biết qua một chút về chiến thuật “mềm nắn rắn buông” của người Cộng Sản. Tôi nghe kể lại, hôm anh em trong buồng 9 khu B hô “đả đảo Cộng Sản” trước mặt cán bộ giáo dục tên Huy, mặc dù anh ta giận tím gan tím mật, nhưng vẫn vui cười nói nhỏ nhẹ như nói với người yêu: “Các anh à! Bây giờ đảng ta quản lý cả nước rồi, nếu không sống với đảng thì các anh sống với ai? Tôi biết các anh còn trẻ, dễ nóng giận, nếu có điều gì không vừa ý các anh

cứ phản ảnh để ban giám thị giải quyết cho các anh.” Đúng là giọng của mẹ mình, ngọt như mía lùi của những kẻ có bàn tay sắt bọc nhung.

Bọn Ăng-ten

Vào những tháng trước lễ Giáng Sinh năm đó đã có nhiều vụ tuyệt thực phản đối lao động, gõ thùng gõ thau nhà bếp, đập đánh mấy tên làm ăng-ten mà anh em gọi là bọn “chó săn”. Cuộc sống trong trại lúc bấy giờ, hay nói rõ hơn là bên khu B rất căng thẳng, giống như một quả bóng căng tròn nhưng người ta vẫn còn muốn bom mãi, bom mãi! Đa số tù nhân trong trại lúc bấy giờ là người Công Giáo và chỉ có một mình tôi là Linh Mục. Không cần phải nói, ai cũng biết là tôi đương nhiên trở thành mục tiêu cho sự theo dõi, dò xét và qui trách nhiệm các vụ chống đối xảy ra.

Người Cộng Sản dùng tù theo dõi tù, dùng tù báo cáo và hãm hại tù. Những tên tù làm tay sai này thường được gọi chung là bọn “ăng-ten”, kiểu như cây ăng-ten của cái Radio kéo lên để bắt được các làn sóng phát thanh. Đôi khi chúng còn được gọi bằng cái tên sát nghĩa hơn, nhưng nghe nặng tai là bọn “chó săn”, và tại sao bọn này có tên đó chắc ai cũng hiểu.

Kinh nghiệm đời tôi trong 13 năm tù dưới chế độ Cộng Sản cho tôi thấy bọn “chó săn” trại nào cũng có, thành phần nào cũng có, tuổi tác nào cũng có, cấp bậc địa vị nào ngoài xã hội trước kia cũng có. Tôi coi đây là điều sỉ nhục lớn nhất cho tập thể tù chính trị miền Nam. Tù hình sự thì tôi không nói làm gì, nhưng đối với tập thể những con người cùng chung số phận trong hàng ngũ bại trận, khi vô tù lại làm tay sai cho kẻ thù để hãm hại anh em mình là điều làm tôi nhục nhã và đau đớn. Nhất là từ khi biết con đường cải tạo còn dài thăm thẳm, và chỉ có những người lập công mới có hy vọng được về như lời cán bộ hứa, thì đội ngũ bọn ăng-ten càng đông đảo hơn. Dĩ nhiên làm “ăng-ten” cũng được coi là một nghiệp vụ, nên cũng được chiêu mộ và được huấn luyện.

Nhân đây tôi nhớ lại chính tôi cũng có lần được chiêu mộ làm việc này. Năm 1976 lúc tôi còn ở trại Phan Đăng Lưu, Gia Định. Thời gian này mới bị bắt không lâu, các tù nhân còn đang bị thẩm vấn khai thác (trong tù Cộng Sản gọi là làm việc), chưa phải đi lao động. Chúng tôi bị nhốt trong các buồng trống trơn như những lớp học, trong góc buồng có một bể nước có vòi chảy vào, nằm kế bên một cầu tiêu lộ thiên, mỗi buồng chừng 60 người. Vì không phải đi lao động nên cả ngày chúng tôi ngồi nói chuyện, chơi cờ, đọc báo Nhân Dân, chờ tới giờ được mở cửa cho ăn.

Một hôm tôi được cán bộ gọi lên cơ quan “làm việc”. Người cán bộ gặp tôi là một người miền Nam chất phác, có đôi gò má cao và chải đầu rẽ ngôi giữa đỉnh. Giọng anh nói rất ôn tồn nhẹ nhàng. Sau khi thuyết một hồi về việc mở đường cải tạo cho tôi, để tôi sớm được về với gia đình và làm lại cuộc đời. Lúc đó tôi biết anh ta đã muốn gì nơi tôi.

Tôi đoán không sai, sau khi thuyết một hồi, anh ta kết luận là nếu tôi muốn được khoan hồng về sớm thì nên lập công bằng cách phát hiện và báo cáo những hiện tượng tiêu cực trong buồng. Tôi ngồi nhìn

anh ta mà thấy thương hại! Thương hại cho anh đã chọn lầm người để tâm sự và kéo về phe mình. Với dụng ý sẽ chơi khăm, tôi nhận lời! Anh ta vui vẻ ra mặt. Có lẽ anh ta không ngờ hôm đó anh quá may trong công tác của một công an cai ngục. Chắc là cấp trên anh ta sẽ rất hài lòng khi biết có một Linh Mục vui vẻ nhận làm “ăng-ten”.

Anh ta tiễn tôi ra về với nụ cười thật tươi, hai bờ mép kéo dài gần tới mang tai và hứa một lúc nào đó sẽ gọi tôi lên gặp lại anh. Một thời gian sau tôi lại được gọi lên cơ quan “làm việc”. Trong lúc đi đường tôi nghĩ thầm, chắc là anh cán bộ hôm nọ đang ngồi nhip chân trên văn phòng và đang cười thầm với ý nghĩ: “Ngay bọn cha cố mà mình cũng chiêu mộ được!”

Tôi bước vào phòng và anh ta đón tôi rất niềm nở. Trà tàu và thuốc lá được mời một cách rộng lượng. Trà nước xong đâu đó, anh ta vào đề, một ló vào đề mà nãy giờ tôi biết anh ta rất nôn nóng:

– Anh Lễ, tôi vui mừng được biết anh có tiến bộ trong cải tạo. Vậy anh cho biết anh có phát hiện được hiện tượng gì xấu trong buồng anh không?

Tôi buồn cười với câu “anh có tiến bộ trong cải tạo”, nhưng vẫn cố trả lời một cách nghiêm trọng:

-Báo cáo anh, có, có nhiều lắm!

-Có gì nói hết đi anh Lễ, nói hết đi, tôi hứa giữ kín, anh không phải lo.

Tôi nghiêm trang nói:

– Báo cáo anh, trong buồng tôi nhiều người ăn nói bậy bạ quá!

Mắt anh ta sáng lên như gặp cửa quý, vội hỏi:

-Ăn nói như thế nào?

– Họ chửi thề nói tục không thể tưởng tượng được. Nhất là mấy anh trẻ, mở miệng ra là ‘ĐM’ với ‘đéo bà’!

Nụ cười vụt tắt trên môi, anh cán bộ tỏ vẻ thất vọng, cố hỏi thêm:

-Họ có nói gì phản động như chống chế độ, tuyên truyền nói xấu đảng không? Còn chửi thề thì không quan trọng.

– Báo cáo anh, tôi chỉ để ý nghe họ chửi ‘ĐM’ nhiều quá thôi, các thứ anh hỏi tôi không nghe!

Đó là lần “báo cáo” đầu tiên và cũng là cuối cùng, vì sau đó không bao giờ tôi bị gọi lên để giao công tác nữa. Cho tới nay có lẽ anh cán bộ nọ cũng không hề nghĩ là tôi có ý chơi khăm anh ta, nhưng cứ nghĩ là tôi quá dốt trong loại công tác này. Biết đâu anh ta cũng tiếc mấy điếu thuốc thơm và ấm trà ngon đã mời tôi.

Công tác nào cũng có người giỏi người dở, người đắc lực, người kém hiệu quả, và tùy theo kết quả công tác mà chúng được “chủ” thưởng công. Cũng có nhiều loại phần thưởng khác nhau, phần thưởng lớn nhất dĩ nhiên là một lời hứa hẹn được “đảng và nhà nước khoan hồng cho về sớm”. Nếu ai chưa biết, tôi xin nói lúc đó chúng tôi đi tù... mù, tức là bị nhốt vào tù mà không có kêu án nên không ai biết được lúc nào mình sẽ được tha và lúc nào cũng nuôi niềm hy vọng được thả về. Vì thế chiêu bài “sự khoan hồng của đảng và nhà nước” là miếng mồi thật thơm để nhử bọn “chó săn”, làm cho chúng rõ nước dãi và sẵn lòng hăng hơn, phản bội anh em nhiều hơn, hại anh em nặng nề hơn. Có người còn nhấn tâm giết chết anh em để lập công.

Phần thưởng nhỏ có nhiều loại, như khỏi phải đi lao động nặng gió và nặng nề, chỉ ở nhà để “rình” và báo cáo những anh em khác. Có khi phần thưởng là được thăm gặp vợ qua đêm “48 tiếng” tại phòng hạnh phúc nằm ngay trong nhà thăm nuôi! Loại phần thưởng này nói ra nghe hơi ngượng, nhưng thực sự nó là mục tiêu phấn đấu cho nhiều người. Những anh cải tạo không tốt thì cho dù có xa vợ hàng chục năm đi nữa, khi bà xã ra thăm cũng chỉ được ngồi đối diện trên chiếc bàn dài để nói vài câu chuyện trời trăng mây nước, và ngay ở đầu bàn có người công an áo vàng ngồi một đống sừng sững như để “chia xẻ niềm vui vợ chồng lâu ngày sum họp”! Anh tù thuộc dạng này cho dù có thương nhớ vợ đến chết người đi chẳng nữa cũng không được sờ tay bà xã, đừng có mơ màng tới phần thưởng xa hoa “48 tiếng” trong căn phòng hạnh phúc.

Cũng cần biết thêm là những bà vợ được “48 tiếng” với chồng, khi ra về được trại cấp cho một giấy chứng nhận có “qua đêm” với chồng. Nếu về nhà có bầu thì đưa giấy tờ ra để tránh tiếng thị phi của làng nước và khỏi gặp rắc rối với dòng họ nhà chồng! Dĩ nhiên nếu không có bầu thì thôi, khoe giấy tờ loại đó ra mà làm gì, ngượng chết! Lối giải quyết bằng giấy chứng nhận như vậy cũng hay để khỏi rắc rối về sau, nhất là trong hồ sơ HO. Một loại phần thưởng khác có thể là được chỉ định làm đội trưởng hay tổ trưởng, hoặc được làm nhà bếp có nhiều cơ hội ăn no (giàu nhà kho no nhà bếp!).

Phần thưởng lớn hơn có thể được cất nhắc lên chức vụ cao cấp trong tù như Trật tự, Văn Hóa, Y tá. Đây là những “sĩ quan” thực sự trong tù, mặc dù không phải tất cả những sĩ quan này đều là ăng-ten.

Mỗi khi nhắc tới hạng người làm ăng-ten trong tù, ai cũng bày tỏ sự khinh bỉ và bức tức. Tuy nhiên có một trường hợp làm tôi phải phục con người làm công việc này. Lúc đó tôi đang bị giam trong một buồng tập thể tại trại Phan Đăng Lưu, tỉnh Gia Định. Một hôm cán bộ đưa vào buồng tôi một anh tù mới. Anh này tướng tá nhỏ con, gầy ốm và xanh xao, có đôi mắt to và lồi, tròng trắng nhiều hơn tròng đen, má hóp làm hai gò má nhô cao. Điểm đặc biệt, anh ta có mái tóc quăn bồng bênh thật dày làm cho hình dạng anh ta mất cân đối, phần đầu to hơn phần thân.

Vì trong buồng nóng nực nên anh cởi trần, mặc quần đùi để lộ thân hình con người chỉ có xương với gân, không có thịt. Mới nhìn qua, tôi thấy bộ dạng anh không giống với ai trong buồng. Khi anh buồng trưởng lo thu xếp chỗ nằm cho anh và anh thư ký buồng ghi tên tuổi, anh ta tỏ ra lảm lỳ, hỏi đâu nói

đó, chẳng tỏ ra một chút cố gắng nào để hòa mình với những người khác trong buồng. Anh ta khai tên là Hòa, họ gì tôi không còn nhớ. Sau đó Hòa ngồi một góc, dựa lưng vào tường, ngó trước nhìn sau, cặp mắt ốc nhồi trắng dã của anh quét qua quét lại liên hồi.

Anh ngồi yên khá lâu, chẳng nói chuyện với ai và cũng chẳng ai nói chuyện với anh. Gần tới giờ lấy thức ăn trưa, trong khi trong buồng đang ồn ào như thường lệ, đột nhiên anh Hòa đứng lên và nói thật to làm cả buồng giật mình thình lạng. Anh tự giới thiệu là một cán bộ cấp huyện, bị bắt vì nhận hối lộ. Anh cũng cho biết chính anh là người đã bầm hai quả mìn giết chết khá nhiều người trong vụ nổ nhà hàng Mỹ Cảnh ở bến Bạch Đằng trước đây.

Sau khi tự giới thiệu, anh nói tiếp bằng một giọng rất trang nghiêm: “Mặc dù bị tù nhưng tôi vẫn là một cán bộ của đảng. Tôi yêu cầu tất cả mọi người trong buồng đừng có ai tuyên truyền phản động và nói xấu đảng. Tôi sẽ báo cáo tất cả!” Nói xong anh ta ngồi xuống và trở lại với thái độ lầm lỳ như trước. Dĩ nhiên là từ đó cả buồng chúng tôi sợ anh ta. Có người ghét anh, nhất là sau khi biết anh ta đã nổ mìn giết thường dân vô tội. Nhưng tôi phục anh ta trong cách thức bày tỏ lập trường của anh với đảng.

Phần tôi, tôi biết rõ về tôi hơn ai hết, khi đã sa chân lỡ bước vào con đường này, tôi đã chấp nhận tất cả, kể cả cái chết. Điều tôi luôn quyết tâm và cầu nguyện xin Chúa giúp cho tôi được sống xứng đáng vai trò của một Linh Mục làm chứng nhân của tình yêu Thiên Chúa giữa những anh em tù nhân, và là chỗ dựa tinh thần cho anh em trong cơn thử thách. Tôi biết rất rõ người Cộng Sản coi các tôn giáo là kẻ thù, mà Công Giáo là kẻ thù số một. Là một Linh Mục, đến nay đã 34 tuổi đời và 6 năm trong chức vụ, tội danh tôi khá rõ: Linh Mục phản động, chống đối cải tạo, khuyến khích những cuộc nổi loạn trong trại. Một chuỗi “tội” như vậy làm sao tôi không đoán được số phận của mình.

Ngoài ra còn có những sự việc cụ thể sau đây càng cho tôi hiểu về số phận của mình hơn. Khi vừa nhập trại Nam Hà không bao lâu, tôi bị cán bộ gọi lên thẩm vấn nhiều lần về vụ tàu Sông Hương. Có những lần phải làm việc với sĩ quan an ninh của trại, gặp cán bộ cao cấp ở Bộ Nội Vụ xuống, và cũng có lần gặp chính Trung tá Hoàng Thanh là người có trách nhiệm vào Nam đón chúng tôi. Họ hạch hỏi tôi về dự mưu đánh cướp tàu. Khi thì bằng giọng nói ngọt ngào như đường phèn, khi thì đe dọa quát tháo sủi bọt mép. Lần nào tôi cũng trả lời một câu duy nhất: “Tôi không biết vụ này, và nếu ai báo cáo với cán bộ, cho tôi gặp người đó”.

Thường là buổi làm việc chấm dứt sau câu nói này của tôi. Làm sao họ có thể cho tôi giáp mặt với những người này. Mặc dù tôi không biết hết những tay ăng-ten đã bầm báo rành mạch “vụ tàu Sông Hương”, nhưng tôi biết chắc chắn một vài người trong số này. Những tháng về sau này, tôi không còn bị gọi lên hỏi về vụ tàu Sông Hương nữa, nhưng không phải như thế mà vụ đó đã xong. Khi anh em khu B bắt đầu phong trào diệt ăng-ten cao độ, những tay “chó săn” bị anh em trùm chặn đánh đập què chân, sứt mồm thường được cán bộ đưa vào buồng tôi và được chỉ định nằm kế bên tôi. Tôi hiểu rất nhanh về việc này. Nhưng chính việc tôi sắp kể ra sau đây mới đóng dấu vào quyết định cho số phận

tôi.

Học tập khai báo

Vào tháng 10 năm 1977, sau khi tôi tới trại Nam Hà được 6 tháng, trại có tổ chức đợt học tập khai báo lý lịch cho một số 400 tù nhân khu A, cộng với 19 người trong buồng 12 của tôi, mặc dù tôi thuộc về khu B. Lúc này trong trại đã có thêm một số khá đông anh em tù quân đội từ trại Hoàng Liên Sơn chuyển về, đang ở khu nhà mới xây gần nhà bếp, nâng tổng số tù toàn trại lên hơn 1000 người. Tù khu B chiếm từ buồng 7 tới buồng 12, mỗi buồng chừng trên dưới 60 người. Riêng buồng 12, nơi tôi ở chỉ có 20 người thuộc đủ mọi thành phần được lựa ra ở riêng và tôi cũng chẳng biết theo tiêu chuẩn nào. Số người trong buồng rất là thập cẩm, có Linh Mục, có đảng phái, có thương gia, có Mục Sư người Thượng, lại có cả một ông Tàu già tên Nùng Bá Lâm, nghe nói là cựu tướng lĩnh đã từng chỉ huy một sư đoàn của Tưởng Giới Thạch.

Nghe nói năm 1949 khi Tưởng Giới Thạch bị Mao Trạch Đông đuổi chạy ra đảo Đài Loan, Thiếu tướng Nùng Bá Lâm không theo ra Đài Loan mà lại dẫn tàn quân qua biên giới Miến Điện, sống bằng nghề lục lâm thảo khấu. Thực sự có đúng như vậy không và tại sao ông lại bị bắt vào đây thì tôi không biết. Ông ta người cao lớn dềnh dàng. Tuy già nua và ốm yếu, có lẽ đã 80 tuổi, nhưng đôi mắt ông ta đầy thần sắc và lúc nào cũng đỏ ngầu như mắt loài hổ báo, nắp dưới đôi chân mày rậm và dài như chổi xuể trông càng dữ tợn hơn. Ông là điển hình của một con sư tử về già.

Có lúc tôi nghĩ, mấy chục năm trước đây, ai rủ ro sa vào tay ông chắc không khá được! Ông không biết nói tiếng Việt, hay giả vờ không nói được tôi cũng chẳng biết, mặc dù nghe nói ông ta sống ở Việt Nam khá lâu. Đặc điểm nơi ông ta là ở dơ. Trong tù đã là ở dơ bẩn rồi nhưng ông Tàu già này ở dơ hơn hết mọi người ở dơ trong tù! Ông chẳng bao giờ tắm, chẳng bao giờ giặt, chẳng bao giờ rửa.

Ông nằm trong góc buồng lủi thủi một mình, chẳng nói năng, tiếp xúc với ai bao giờ. Chỗ ông nằm cũng quá bẩn và hôi hám không ai dám tới gần, cả cán bộ cũng chịu thua và không nhắc ông ta làm “nội vụ” bao giờ. Ở trong buồng tôi được 5 tháng thì ông Nùng Bá Lâm chết, đó là người chết đầu tiên trong nhóm tù khu B chúng tôi tại trại Nam Hà vào năm 1977. Lúc bấy giờ tôi nghĩ, cái chết đã giải thoát cho ông, mặc dù tôi vẫn bùi ngùi mỗi khi nhìn qua góc phòng trống vắng nơi mà người bạn tù ngoại quốc già nua ốm yếu đã từng nằm ở đó. Ông đã đi hết đoạn đường đời của ông, trong khi tôi vẫn tiếp tục con đường còn lại mà không biết những gì đang chờ đợi tôi phía trước. Ông chết đi buồng tôi còn lại 19 người.

Mới nghe qua việc khai báo lý lịch cũng chẳng thấy có gì là nặng nề và đáng ngại, nhưng sự thực không phải đơn giản như cái tên gọi của nó. Đây là một trong những điều tôi sợ nhất trong tù. Mỗi lần khai báo như vậy, các tù nhân phải “đào mả 3 đời” nhà mình lên và đem giao nạp cho đảng! Việc đào gia phả này được lập đi lập lại nhiều lần, không có định kỳ nhất định.

Tôi không hiểu được hết mục đích của việc làm này, nhưng chắc trong đó phải có ý đo lường sự thành thật của tù nhân. Vì thế, nguyên tắc sống còn là phải nhớ cho bằng được lần đầu mình đã khai báo thế nào, để lần sau và những lần sau nữa cũng phải viết y như vậy, không thêm không bớt. Có người không để ý nguyên tắc sống còn này, tưởng là càng thành thật khai báo thì càng mau được về sớm, nên đã thêm vào nhiều chi tiết trong lần khai báo tiếp theo. Họ đã phải trả cái giá thật đắt cho hành động dại khờ này.

Tôi không còn nhớ phải viết bao nhiêu lần trong suốt 13 năm tù, có lẽ trên dưới chục lần. Khóa học tập khai báo thông thường được diễn ra như sau: Có một số cán bộ trung ương tới trại để thuyết về tầm quan trọng của việc khai báo và chỉ cách “đào mả” thế nào cho nó “tốt”! Cũng nên biết, vì thời gian khai báo sẽ “động não” rất nhiều nên cần bồi dưỡng. Thí dụ như trường hợp của tôi, vì không ra ngoài lao động nên mức ăn chỉ có 9 ký một tháng, trong khi người đi lao động ăn 12 ký. Trong thời gian khai báo tôi cũng được ăn 12 ký. Ký ở đây không phải là ký gạo, làm gì có đủ gạo cho tù ăn, người ta thay vào bằng ngô, khoai, sắn, bo bo, có lúc còn ăn bã đậu nữa.

Sáng ngày khai mạc, chúng tôi được tập trung lên hội trường để nghe cán bộ trung ương thuyết trình. Các bài thuyết trình lần nào cũng như lần nào về chính sách khoan hồng của đảng và nhà nước, thành khẩn khai báo là con đường ngắn nhất để về v.v... Điều làm tôi ngạc nhiên là cả người nói lẫn người nghe đều biết đó là láo khoét! Thế mà không hiểu tại sao các “thợ nói” này không thấy ngượng mồm ngượng miệng! Trong các bài thuyết trình, lần nào cũng có một bài chỉ dẫn phải khai báo như thế nào cho “đạt”!

Cuộc học tập tại hội trường kéo dài 2 ngày và chiều ngày thứ hai là thảo luận. Đề tài thảo luận do cán bộ chọn và chỉ định một anh tù lên phát biểu ý kiến, để những người khác dựa vào đó mà thảo luận. Trong lần học tập khai báo này, tôi được chỉ định nói đề tài: “Anh có yên tâm cải tạo không và cho biết lý do tại sao?” Câu hỏi này như là một gợi ý để làm mạnh thêm cách nói “yên tâm cải tạo”, và nó đã mặc nhiên trở thành câu “kinh thánh” trong tù. Có những câu khác dài hơn như: “tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của đảng” hoặc câu “tuyệt đối tin tưởng vào chính sách khoan hồng của đảng và nhà nước.” Đó là những câu thần chú phải được đọc lên đúng thời, đúng chỗ cho những ai muốn được yên thân và còn muốn có ngày sum họp với vợ con. Cán bộ dặn tôi về suy nghĩ đề tài và ngày mai lên phát biểu cho nó “tốt”!

Lựa Chọn Thái Độ

Suốt đêm đó tôi trần trọc không ngủ được vì phải làm một sự lựa chọn lớn, sự lựa chọn có thể ảnh hưởng tới mạng sống mình. Đêm đó tôi cầu nguyện thật nhiều, tôi có thói quen cầu nguyện khi gặp sự khó, xin Chúa soi sáng cho tôi biết phải làm như thế nào. Tôi biết đây là cái bẫy họ giương ra cho tôi. Nếu chiều ngày mai khi lên đứng trước mặt cán bộ và hơn 400 anh em tù nhân, đại đa số là người Công Giáo, mà tôi nói theo giáo điều là “Tôi yên tâm cải tạo”, thì mọi người, kể cả cán bộ Cộng Sản,

sẽ khinh bỉ vì họ thấy tôi hèn nhát và nói láo. Các anh em Công Giáo có mặt hôm đó sẽ cảm thấy xấu hổ và thất vọng, vì tôi vẫn là chỗ nương tựa tinh thần cho họ. Trong trường hợp này cuộc đời tôi coi như đã hết, mặc dù thân xác tôi còn sống.

Ngược lại, nếu tôi nói lên sự thật của lòng mình, có thể tôi phải trả cái giá bằng chính mạng sống mình, nhưng tôi sẽ được sống và sống mãi trong lòng mọi người. Mặc dù là một Linh Mục, nhưng tôi vẫn là con người, vẫn có sự sợ hãi trước cái chết, đó là bản chất tự nhiên của con người. Tôi nằm trần trọc cân nhắc, suy đi tính lại gần suốt đêm. Có lúc, tôi ngồi lên suy nghĩ, cầu nguyện. Có lúc tôi bước vô cầu tiêu hút thuốc lào. Cuối cùng tôi quyết định là phải nói lên sự thật của lòng mình.

Sáng hôm sau lại tập họp lên hội trường để nghe cán bộ hướng dẫn về hình thức và nội dung phải khai báo như thế nào. Về hình thức, các tù nhân được chia thành từng tổ nhỏ, mỗi tổ có một cán bộ phụ trách, thường là cán bộ quân giáo của đội mình. Khi viết, ngồi riêng ra và không ai được quan hệ với người bên cạnh. Giấy và bút mực do trại phát. Giấy nháp màu nâu không hàng kẻ. Bản chính thức là giấy trắng và có hàng kẻ. Bút là loại bút có cán và chấm mực. Mỗi người được phát một cây bút, một lọ mực và 2 tập giấy, một nâu một trắng. Nếu ngồi bút hỏng thì báo cáo cán bộ.

Địa điểm viết là tại buồng mình ở hay do cán bộ phụ trách chỉ định. Bắt đầu viết vào giấy nháp trước. Viết xong tờ nào phải đưa cho cán bộ duyệt, nếu cán bộ thấy “đạt” sẽ ký tên vào và cho phép viết vào bản chính. Nếu cán bộ chưa vừa ý, phải xé đi và viết lại cho tới khi “đạt”! Khổ nỗi có người viết đi viết lại mấy lần vẫn chưa đạt, dĩ nhiên là chưa đúng ý của cán bộ. Ai mệt thì báo cáo cán bộ ra ngồi nghỉ, hoặc hút thuốc nhưng không được “quan hệ” linh tinh. Hết mệt vào viết tiếp. Chiều lại phải nạp tất cả cho cán bộ bản chính thức và bản nháp. Một lần “đào mỏ” như vậy có khi kéo dài đôi ba ngày, có người kéo dài hàng tuần. Tôi nghe nói có người viết hàng tháng trời vẫn chưa xong và nghe đầu tập “luận án” này cuối cùng dày đến cả ngàn trang.

Nhưng quan trọng và đáng nói hơn vẫn là phần nội dung. Nội dung có 2 phần: Lý lịch và quá trình hoạt động bản thân. Về lý lịch, ngoài những mục thông thường như tên họ, ngày và nơi sanh, trú quán, tôn giáo, vợ con, học lực, cấp bằng, huy chương v.v... còn có mục phải khai tên tuổi của ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, cậu mợ của đương sự và của vợ (hoặc chồng nếu là tù nữ), phải khai rõ họ đang ở đâu và làm gì. Còn có mục phải khai báo các loại bạn bè và địa chỉ của họ, cho dù họ đang ở trong nước hay đã đi nước ngoài, kể cả những bạn bè đang ở trong tù.

Phần chính là quá trình hoạt động bản thân. Phần này mỗi người phải viết lại tất cả cuộc đời mình từ ngày có trí khôn cho tới giờ này! Cán bộ cho biết phải viết lại tất cả, nhớ được cái gì phải khai báo hết, không được bỏ qua một chi tiết nào. Nhớ có lần, tôi khai báo hồi còn nhỏ tôi có tật hay đáí dằm, cán bộ coi bản nháp nhúu mà suy nghĩ một hồi rồi nói: “Đáí dằm không phải là phần động, nên anh không cần viết vào đây!” Từ đó tôi mới biết, đối với đảng, đáí dằm không phải khai báo, nhưng dù sao thì đảng cũng thấy được sự thành thật khai báo của tôi!

Trong lần khai báo nào cán bộ cũng bắt tôi nhận “có tội với nhân dân”. Tôi cãi lại, tôi chỉ nhận có tội với đảng Cộng Sản vì tôi không theo đảng, chứ tôi không bao giờ có tội với nhân dân, nếu không muốn nói là có công với nhân dân. Vì lý tưởng đời tôi là phục vụ và lo lắng cho người khác. Tôi giữ lập trường này cho tới cùng, mặc dù tôi bị mắng chửi và đe dọa đủ kiểu.

Chiều hôm bé mặc lớp học tập khai báo là một buổi chiều nắng gay gắt. Cái xứ Nam Hà quê hương của núi đá vôi này, nắng một mà nóng hai, vì sức nóng trong đá vôi tỏa ra khi mặt trời đã lặn. Như thường lệ, chúng tôi xếp thành hàng đôi tiến lên hội trường. Hội trường là một nhà gạch lợp ngói thấp lè tè, nằm khá xa bên ngoài trại, gần khu nhà cán bộ. Bên trong hội trường có các ghế dài bằng gỗ cho tù nhân ngồi.

Khi vô tới bên trong hội trường, tim tôi đập mạnh và người tôi nôn nao khác thường vì chiều nay tôi phải làm một việc quan trọng. Sau phần khai mạc như thường lệ, cán bộ phụ trách chương trình giới thiệu các đề tài thảo luận. Anh ta đọc tên những người được chỉ định trình bày các đề tài và dặn các tù nhân khác phải nghiêm chỉnh thảo luận cho đạt yêu cầu. Bỗng dung tai tôi ù lại, không còn nghe rõ những gì cán bộ nói. Sự sợ hãi như vồ lấy tôi. Tay tôi bắt đầu run nhè nhẹ và mồ hôi vã ra. Tim tôi đập mạnh hơn và mặt nóng ran như người lên cơn sốt. Tự nhiên tôi cảm thấy khó thở như đang bị hụt hơi sắp chết ngạt. Lúc ấy tôi lại mắc đi đại tiện!

Có tất cả 3 đề tài do 3 anh tù được chỉ định lên nói. Giọng anh cán bộ dõng dạc: “Người thứ nhất là anh Nguyễn Hữu Lễ buồng 12, đội 20 sẽ lên đây trình bày đề tài ‘Anh có yên tâm cải tạo không và cho biết lý do tại sao?’” Giây phút tôi vừa lo sợ lại vừa mong đợi suốt hơn một ngày qua, bây giờ đã tới!

Tôi bật đứng lên khi nghe tên mình và hiên ngang bước ra lối đi ở giữa hội trường, tiến lên cái bục gỗ nằm chéo góc bên tay phải. Trong vị trí đó, người nói chuyện có thể thấy được cả lớp tù ngồi bên dưới và bàn chủ tọa của cán bộ ngồi trên quay xuống. Tôi cố lấy bình tĩnh bằng những bước đi chậm, thật vững và hiên ngang, tay cầm tờ giấy đã soạn sẵn. Từ chỗ tôi đến bục gỗ không xa, nhưng sao tôi cảm thấy đi thật lâu và bầu không khí lúc đó sao quá nặng nề!

Lên gần tới bục gỗ, tự nhiên tôi thấy bình tĩnh trở lại. Bước lên bục, tôi đứng yên lặng hồi lâu, hai tay dang rộng nắm lấy thành bục về phía trước. Tôi lấy thế, đứng thẳng người và nhìn xuống đám đông. Tự nhiên nỗi sợ hãi chợt tan biến. Tôi thấy bình thản và thích thú một cách lạ thường. Cảnh này đã quá quen thuộc với tôi mặc dù lâu rồi tôi không nhìn thấy lại. Tôi có cảm tưởng mình đang đứng trên bục giảng Nhà thờ Chánh tòa Vĩnh Long, nơi tôi phục vụ cho đến ngày Cộng Sản chiếm miền Nam.

Nhìn xuống hơn 400 anh em bạn tù và cả hàng ghế cán bộ, tôi có cảm tưởng đây là một buổi lễ và tôi đang bắt đầu thuyết giảng. Lúc này mọi người đang chờ đợi để lắng nghe tôi giảng lời Chân Lý. Đã 3 năm rồi tôi không có dịp rao giảng công khai, giờ đây cảnh tượng này trả tôi về với thiên chức Linh Mục. Giờ phút này không còn phải là tôi nói nữa, nhưng là Thiên Chúa sẽ nói qua miệng tôi. Nếu cách đây vài phút tôi hoàn toàn bị động và lo sợ một cách tự nhiên theo bản năng con người, thì bây giờ tôi

cám ơn cơ hội đã đưa tôi lên đứng đây.

Tôi đứng yên, đảo mắt một vòng, nhìn các anh em bạn tù bằng cái nhìn đầy yêu thương và xúc động mãnh liệt. Tôi nhìn nhóm cán bộ và mong cho họ nhận ra con đường yêu thương mà dân tộc mình phải đi. Các cán bộ ngồi nhìn tôi bằng những con mắt ngạc nhiên, có lẽ họ cũng đoán được một cái gì bất thường sẽ xảy ra không đúng ý họ, nhưng lúc này đã quá muộn để chặn đứng điều đó.

Sau lúc thình lạng, để tạo thế làm chủ tình hình, tôi bắt đầu nói theo ý tôi đã soạn trong tờ giấy cầm tay. Tôi nói với tất cả sức mạnh của âm thanh trong cổ họng, với tất cả sự quyết tâm thách đố bạo quyền, với tất cả sức mạnh tinh thần, quyết tạo niềm tin vững vàng cho các anh em bạn tù, nhất là các anh em Công Giáo:

“Kính thưa các cán bộ, các anh em đồng cảnh thân mến.

Tôi vô cùng sung sướng có cơ hội đứng đây để nói lên điều trong lòng tôi xác tín: Tôi không yên tâm cải tạo. Tôi cũng nói điều này thay cho anh em, vì tôi biết nhiều người trong anh em nói yên tâm cải tạo là nói dối cho vừa lòng đảng và nhà nước.”

Cả hội trường như bị điện giật ngồi chết trân. Nhìn sang phía hàng ghế cán bộ tôi nói:

“Thưa quý ông, yên tâm thế nào được khi các ông vào chiếm miền Nam. Nhà cửa chúng tôi bị tịch thu, con cái chúng tôi phải bỏ học đi bán báo, bán bánh mì. Gia đình chúng tôi tan nát và tôi nói điều này với lời xin lỗi trước các anh em tôi, tôi biết giờ này có những bà vợ ở nhà đã phải làm đĩ nuôi chồng đang ở tù! Yên tâm thế nào được khi các ông vô miền Nam đã tịch thu tài sản nhà thờ, chủng viện trường học, tòa giám mục v.v... Tôi nói điều này cách công khai và tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về những gì tôi đã nói. Xin quý ông cứ đánh điện vào miền Nam xác nhận điều tôi nói có đúng hay không? Tôi đứng đây chờ các ông.”

Nói xong câu này, tôi đứng yên lặng nhìn hàng ghế cán bộ trong lúc họ nhìn tôi bằng những cặp mắt không có lời để diễn. Tôi tiếp tục:

“Khi chúng tôi còn ở trại Gia Ray trong miền Nam, các ông bắt chúng tôi đi khai hoang, cuốc các bãi mìn, nhiều anh em tôi đã bị mìn nổ banh thây hoặc tạt nguyên. Tôi có cảm tưởng mỗi nhát cuốc là tự đào huyệt chôn mình, thì làm sao yên tâm cải tạo được? Như vậy tôi xin các ông hãy làm cho chúng tôi yên tâm, đừng bắt chúng tôi phải nói yên tâm cải tạo.”

Tôi đột ngột kết thúc ở đây và đứng yên tại chỗ. Lúc đó cả hội trường bất động, không ai biết phải làm cái gì và bắt đầu như thế nào. Cán bộ thì như bị sét đánh ngang tai, mặt mày tái xám, anh em tù thì ngơ ngác, sung sướng nhưng lo sợ. Tôi vẫn đứng yên tại chỗ.

Chừng 30 giây sau, tự nhiên có một tiếng vỗ tay nghe “bốp” của một anh tù nào đó từ ở cuối hội trường. Thế là một tràng pháo tay vang dội của bạn tù, tưởng chừng vỡ cả nóc hội trường thấp lè tè. Tôi biết

anh em sung sướng vì có người đã nói thay những gì ẩn ức trong lòng mà họ không thể nói ra được. Nhưng nghe tiếng vỗ tay, tôi nghĩ thầm: “Đây là tiếng pháo hạ huyết của chính mình.”

Bàn Tay Sắt Bọc Nhung

Dĩ nhiên là trong lần khai báo đó, bài vở của tôi được chiếu cố kỹ lưỡng hơn. Sau đó tôi chờ đợi bị gọi đi “làm việc”. Một tuần sau cũng chưa thấy gì, rồi những ngày tiếp theo cũng bình thường như không có chuyện gì xảy ra, mặc dù tôi biết đây là sự yên lặng bất thường trước những cơn bão lớn. Đòn cân não này làm tôi cảm thấy mệt và ngày nào tôi cũng mong được gọi đi “làm việc”. Tôi hình dung ra cuộc chạm trán tay đôi sắp tới với cán bộ sẽ rất căng thẳng và đã chuẩn bị lời lẽ phải đối phó. Nhưng tôi đã lầm! Mọi việc không xảy ra như tôi dự đoán.

Mãi gần một tháng sau tôi mới bị gọi lên cơ quan “làm việc”. Anh em trong buồng ai cũng ái ngại cho tôi khi thấy tôi theo cán bộ ra đi. Khi đi qua dãy hành lang các cơ quan, nhìn vào thấy rất nhiều cán bộ áo vàng, áo trắng đang ngồi bên trong, tự nhiên tôi thấy sao con người mình bé nhỏ quá so với bộ máy công an kềm kẹp trong trại này. Lúc đó tôi lại nghĩ tới một bộ máy công an lớn hơn đang kềm kẹp cả một dân tộc, và tư tưởng này làm tôi lắc đầu ngao ngán.

Tôi được đưa vô căn phòng nhỏ có cán bộ giáo dục ngồi chờ sẵn đằng sau chiếc bàn nhỏ, trên bàn có cái bình thủy, một khay trà cũ kỹ và vài ba cái chén nhỏ úp xuống. Trong phòng này cái gì cũng nhỏ, cả người cán bộ cũng thuộc loại nhỏ con. Trên mặt bàn có vài cái bìa đựng giấy tờ mà tôi đoán là trong đó có hồ sơ cá nhân của tôi. “Chào cán bộ!” Tôi lên tiếng khi vừa bước vào. Anh cán bộ tay chỉ cái ghế trống bên kia bàn: “Anh Lẽ đấy à, anh ngồi đi.”

Sau khi tôi ngồi xuống, anh ta bắt đầu câu chuyện một cách vui vẻ như đôi bạn thân lâu ngày mới gặp lại nhau. Điều này làm tôi ngạc nhiên. Anh ta hỏi thăm tôi về hết mọi chuyện từ sức khỏe tới nơi ăn chốn ở trong trại, đến việc gia đình, cha mẹ tôi có khỏe không, gia đình sinh sống ra sao. Thái độ lịch thiệp có dụng ý này của anh ta làm tôi thấy ngỡ ngàng. Tôi biết đây hoàn toàn là một màn kịch, cảnh mèo vờn chuột của những kẻ có bàn tay sắt bọc nhung.

Trong lúc anh ta lúi húi pha chè (nước trà) trong bộ ấm chuyên bằng sứ loại rẻ tiền, tôi có giờ quan sát anh ta kỹ hơn. Người anh ta ngăm ngăm đen, mặt dài không có gì để gây ấn tượng, trán thấp, tóc chải lướt về phía sau rẽ ngôi giữa đỉnh đầu, mắt nhỏ linh lợi và sắc bén. Khi anh ngưng nói để với lấy lon chè, lúc đó gương mặt anh ta có vẻ dữ tợn, nhưng khi nói chuyện gương mặt anh vừa vui vừa tếu! Miệng anh lúc nào cũng mỉm cười, hay đúng hơn là cố gắng làm ra vẻ mỉm cười. Sau khi mời tôi uống chè và hút thuốc lá, anh ta đọc thoai một thôi một hồi về các chuyện không đâu rồi anh ta đột nhiên nghiêm nghị hỏi:

-Anh Lẽ, anh có biết chúng tôi gọi anh lên đây có việc gì không?

Tôi để ý cách anh ta dùng chữ “chúng tôi” thay vì chữ tôi, cách nói này có vẻ nghiêm trọng. Tôi trả lời

đơn giản :

-Báo cáo cán bộ, tôi không biết.

Anh ta nghiêm nét mặt nhìn tôi.

-Thế anh không biết thật à?

Tôi bình thản trả lời.

– Báo cáo cán bộ, làm sao tôi biết được việc của cán bộ làm.

Anh ta yên lặng một lúc, cầm cây bút Bic xoay xoay trong mấy ngón tay tương đối nhỏ nhắn và sạch. Như để tạo thêm sự quan trọng của câu chuyện, anh ta cầm đầu cây bút, chỉ cán bút vào mặt tôi hỏi:

-Anh còn nhớ những gì anh phát biểu vừa rồi tại hội trường không?

Vì đã chuẩn bị trước nên tôi đáp ngắn gọn:

-Báo cáo cán bộ, có chứ, làm sao tôi quên được chuyện đó.

Anh ta làm ra vẻ rất tự nhiên

– Anh Lễ này! Tôi biết anh là người có tài nhưng chẳng qua vì bất mãn cá nhân nên anh nói thế thôi. Chúng tôi không coi chuyện đó quan trọng đâu, chỉ mong anh học tập cải tạo cho nó tốt.

Tôi định nói thêm nhưng anh ta vội quay trở lại dáng vẻ rất thân thiện, mời tôi uống thêm nước chè, nói mấy câu bông đùa rồi đưa tôi ra cửa. Khi đi ra về tôi đã thầm nghĩ, đâu phải họ chỉ đơn giản gọi tôi lên, cho uống trà hút thuốc lá, mà còn có một cái gì đó rất nghiêm trọng bên trong mà họ chưa muốn nói ra. Tôi lầm bầm trong miệng:“Đúng là thứ cáo già có bàn tay sắt bọc nhung!”

Những ngày cuối năm

Lúc này đã gần tới lễ Giáng Sinh và ai cũng biết người Cộng Sản coi các tôn giáo là kẻ thù, nên lễ Giáng Sinh trong một trại hơn 1000 tù nhân, mà đại đa số là Công Giáo là dịp mà ban giám thị phải cảnh giác đề phòng là chuyện đương nhiên. Đó là chưa kể mấy ngày trước lễ, cán bộ đã phải vất vả đi lụng các buồng khu B để triệt hạ các thứ trang hoàng Noel, như lồng đèn, ngôi sao, hang đá, máng cỏ. Có buồng anh em còn bớt phần ăn sẵn (khoai mì) để lấy sẵn luộc nhào thành bột dẻo nặn tượng Chúa Hài Đồng đặt nằm trong máng cỏ!

Mấy đêm trước lễ, các buồng khu B lại hát vang lừng những bản thánh ca rất phổ thông như “Hang Bê-Lem” của nhạc sĩ Hải Linh và bài “Cao Cung Lên” của nhạc sĩ Hoài Đức v.v... Những hành động này của anh em Khu B như thách thức, trêu ngươi cán bộ trong trại. Lúc bấy giờ tôi là Linh Mục duy nhất trong trại nên cũng dễ hiểu tại sao tôi trở thành mục tiêu cho họ theo dõi và những tên ăng-ten

trong trại bám sát tôi như hình với bóng.

Vào khoảng 2 tuần trước, có lần đội chúng tôi đi phơi lạc trong trại, gần khu gia cư của cán bộ. Lúc ấy là mùa đông và thời tiết rất lạnh. Đi phơi đậu cả ngày đầy bụi bặm nên chiều tối chúng tôi bắt buộc phải tắm, vì không tắm ngứa ngáy không chịu được, mặc dù là nước trong bể lạnh như nước đá. Không ngờ tắm xong đêm đó tôi bị sưng cuống phổi và sốt nằm mê man bất tỉnh. Qua ngày hôm sau tôi té xỉu giữa buồng trước lúc điểm danh ban chiều và anh đội trưởng Nguyễn Trọng Ngạn đã phải công tôi trên vai đưa đi bệnh xá của trại. Tôi vẫn nhớ ơn anh Ngạn mãi về việc này. Khá lâu sau tôi mới hồi phục và có thể đi lại, nhưng quá suy nhược và đi lại phải chống gậy nên chưa có thể theo đội đi lao động, mặc dù đội chúng tôi chỉ lao động bên trong trại.

Đau đớn hơn nữa, lúc đó tôi được thư chị tôi cho hay Má tôi vừa mất hôm tháng Tám. Trong thư chị nói từ khi hay tin tôi bị vào tù má ngày nào cũng nhắc ghé ra ngồi dưới bóng cây dừa trước ngõ để đợi tôi về. Ngày má không còn sức ra ngồi đó nữa là ngày cuối trong đời. Má tôi mất đêm đó. Trong lúc má lìa đời, người anh lớn của tôi cũng đang ở tù tại trại Bến Giá trong Nam.

Đọc thư chị xong, tôi ngồi chết lạng như một pho tượng. Lạ một điều, lúc đó tôi muốn khóc nhưng không chảy được một giọt nước mắt nào! Sau này tôi mới biết, sự đau đớn đã vượt quá những cảm xúc của cơ thể, biến tôi trở ra như đá!

Có nhiều anh em, trong đó có mấy người Công Giáo thấy hoàn cảnh tôi yếu nhược đến thăm hỏi an ủi, có người còn cho tôi ít thức ăn, có một anh cho tôi hộp sữa. Tôi muốn nói chi tiết như vậy, vì lúc bấy giờ không một sự việc nhỏ nhặt nào có liên quan tới tôi mà lọt qua được cặp mắt cú vọ (nghĩa đen) của Đặng Báo, một anh chàng người Công Giáo chuyên theo dõi tôi để báo cáo.

Vì những lời báo cáo của anh ta, nên vào lúc xế trưa ngày 24 tháng 12, cán bộ an ninh gọi tôi lên làm việc. Khi tôi vừa ngồi xuống, cán bộ hỏi tôi quan hệ với các anh tù khác trong trại như thế nào trong mấy ngày qua, những ai tới lui với tôi, họ tới với mục đích gì, họ cho tôi những gì, ai cho hộp sữa v.v... Cuối cùng anh ta cười nhếch mép hỏi tôi:

– Anh Lễ, anh cho tôi biết chủ trương phá trại đêm nay của anh ra sao?

Qua câu hỏi này, tôi biết họ nghĩ gì về tôi, nhưng câu hỏi đó cũng hàm chứa một sự giễu cợt, mỉa mai, dựa trên lời báo cáo láo lếu. Tôi nổi nóng trả lời:

-Báo cáo cán bộ, nếu cán bộ đã biết thì đêm nay sẽ không có gì xảy ra vì đó là do những người báo cáo láo. Còn nếu tôi đã có ý định gì, không bao giờ cán bộ có thể biết được. Xin lỗi cán bộ cho tôi nói điều này, tôi chỉ thua cán bộ ở cái vị thế, chứ tôi không thua trí cán bộ đâu. Cán bộ đừng dùng câu hỏi đó để sỉ nhục tôi!

Bị phản ứng quá bất ngờ, anh cán bộ tỏ ra bối rối và quay qua nói chuyện khác. Qua cuộc tra vấn này

tôi biết là tình thế đã tới lúc rất căng thẳng. Suốt buổi chiều áp lễ Giáng Sinh tôi suy nghĩ mãi, thử suy đoán xem những gì có thể xảy ra và cảm thấy dường như có dấu hiệu bất thường.

Lúc 6 giờ chiều, sau khi phát thức ăn, khu B được lệnh đổi buồng. Có một số anh tù mới, được chuyển vào buồng 6 của tôi, thay cho một số được chuyển đi buồng khác. Nói tóm lại cả ngày 24 tháng 12 năm đó, bầu khí trong trại Nam Hà rất căng thẳng. Tôi có linh tính là sẽ có một biện pháp mạnh xảy ra, trước tình trạng gần như nổi loạn của nhóm tù khu B trong những ngày qua.

Đêm Thánh Vô Cùng

Lúc ấy vào khoảng 10 giờ đêm, sau tiếng keng báo giờ đi ngủ, tôi ngồi trong màn âm thầm dâng Thánh lễ Chúa Giáng Sinh. Lễ Giáng Sinh, cho dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, cũng là một ngày đặc biệt đối với những tín đồ Thiên Chúa Giáo. Đối với tôi, là một Linh Mục Công Giáo, thì ngày lễ đó lại mang một tầm vóc và ý nghĩa quan trọng hơn. Những ngày trước, trong lúc có dịp trà trộn với anh em trong trại, tôi đã nhắc nhở và giúp cho anh em Công Giáo, cả khu A lẫn khu B, xưng tội và chuẩn bị tâm hồn trong dịp này.

Chúng tôi thông báo cho nhau biết đúng vào đêm 24 tháng 12, sau khi trại đánh keng đi ngủ, giờ đó tôi sẽ dâng Thánh lễ và xin anh em cùng hướng về buồng 6, là buồng của tôi để hiệp ý dâng lễ. Mặc dù trong buồng cũng có một số anh em Công Giáo, nhưng không ai dám tới chỗ tôi để dự lễ vì những ngày này các tay làm ăng-ten theo dõi tôi rất gắt. Một điều thật trớ trêu, chính người được cán bộ giao công tác theo dõi từng bước đi, từng lời nói của tôi lúc bấy giờ lại là một anh chàng Công Giáo.

Vừa dâng lễ xong, trong lúc tôi đang lúi húi thu dọn các thứ cho vào túi vải thì bất thần nghe có tiếng chìa khóa lách cách bên ngoài. Tôi giật mình lắng tai nghe. Rõ ràng cán bộ đang mở cửa buồng tôi! Tiếng chìa khóa khua nghe rất mạnh bạo và hối hả. Có điều gì rất đặc biệt khác với tiếng mở cửa thông thường của cán bộ điếm danh hàng ngày.

Kinh nghiệm cho tôi biết, mỗi lần cửa buồng giam được mở đột ngột vào ban đêm như thế này là luôn luôn có việc chẳng lành. Lần này lại có vẻ rất khác thường, nhất là sau những biến động căng thẳng trong trại vừa rồi. Tự nhiên tôi có linh tính như có chuyện liên quan tới tôi. Tôi có lý do để suy đoán như vậy vì từ khi nhập trại Nam Hà hơn 8 tháng qua, có quá nhiều sự việc dính líu tới tôi. Chỉ nói riêng những gì vừa mới xảy ra trong ngày 24 tháng 12 này từ sáng tới giờ, nhất là họ hạch hỏi tôi về âm mưu phá trại cũng đủ cho tôi có lý do để suy đoán như vậy.

Nhận biết có chuyện bất thường, tôi lẹ tay thu gọn đồ đạc, chồm người nhìn xuống lối đi giữa buồng. Qua ánh sáng lờ mờ của bóng điện giữa buồng, tôi thấy một số cán bộ đang đứng lố nhố ở lối đi. Có việc gì rất nghiêm trọng sắp diễn ra. Bỗng một giọng cán bộ đồng dục vang lên giữa buồng:

– Tất cả các anh vắt màn lên và ngồi yên tại chỗ. Khi nghe cán bộ gọi tên anh nào, hãy lấy hết “nội vụ” và khăn trương bước ra khỏi buồng!

Cả buồng tự nhiên chộn rộn. Có tiếng xào xạc từ đầu tới cuối dãy của hơn 60 tù nhân trong buồng, tất cả thi hành như cái máy. Trong chốc lát, các màn được vắt lên và chúng tôi ngồi ngay hàng thẳng lối tại chỗ nằm của mình chờ đợi. Do phản ứng tự nhiên, trống ngực tôi đập càng lúc càng mạnh hơn, cho dù tôi cố muốn bình tĩnh cũng không được. “Anh Nguyễn Hữu Lễ!” Tên tôi được gọi nghe sang sảng trong đêm.

Mặc dù đã có linh tính và sẵn sàng chờ đợi, nhưng khi nghe gọi đến tên, tôi cũng giật thót người và bật dậy như chiếc lò xo. Tôi vội tháo màn, cuốn chăn chiếu, áo quần và tất cả đồ đạc cho vào bao bị. Nói là đồ đạc nhưng thực sự lúc đó tôi chẳng có gì ngoài cái lon Guigoz, ống điếu thuốc Lào và một vài món linh tinh.

Lúc ấy nghe có tiếng lạo xạo của rất nhiều người bên ngoài. Tôi nhìn vội qua song cửa sổ, thấy trong sân có nhiều ánh đèn pin quét qua quét lại, có cả tiếng lách cách của súng ống chạm nhau, tiếng chân người chạy tới chạy lui nhộn nhịp một cách bất thường. “Anh Nguyễn Sỹ Thuyên!” Giọng cán bộ lúc này lại vang lên một cách đõng dạc. Khi nghe gọi tên anh Thuyên, tự nhiên tôi cảm thấy được “an ủi” vì ít ra cũng có người đồng cảnh. Tư tưởng này có hơi ích kỷ, nhưng thực sự là như vậy. Khi con người mình phải lâm vào cảnh khốn khổ nào mà có người khác cùng chung số phận sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn. Bạn hãy tưởng tượng một lớp có 50 học sinh đi thi mà một mình bạn bị rớt, bạn sẽ thấy buồn hơn là có vài người khác cũng rớt như bạn. “Khẩn trương lên! Mang tất cả nội vụ và bước ra ngoài. Khẩn trương!” Giọng quát tháo càng lúc càng mạnh.

Tôi quay nhìn anh Thuyên, trông anh đến tội nghiệp. Lúc ấy anh đã 50 tuổi, dáng người nhỏ thó thấp lùn, đầu tóc bạc phơ làm anh có vẻ già trước tuổi. Bộ râu màu cháo lòng vì ám khói thuốc Lào càng làm anh trông tàn tạ hơn. Tay chân anh quờ quạng trong trạng thái mất bình tĩnh khi quơ các “nội vụ” nhét vào túi xách không ra cái túi xách, nhét vào lại rơi ra. Buồng giam có tầng gỗ bên trên và cả hai chúng tôi cùng nằm ở tầng trên đó. Tôi bám cây cột gỗ có đóng mấy cục gu, leo xuống đất, trong khi các anh em bên cạnh giúp chuyển đồ đạc cho.

Khi bước xuống tới sàn nhà, tôi chạm trán với một số cán bộ lạ mặt đang đứng đợi sẵn, mặt lạnh như tiền. Họ nhìn vào mặt tôi chăm chăm và không nói không rằng. Trông cái cách họ nhìn, tôi có thể đọc được ý nghĩ trong đầu của họ: “À! Thì ra mày là thằng cha cố Nguyễn Hữu Lễ (viết chữ thường) đây à?!”

“Khẩn trương lên nào!” Tiếng quát to lại giục giã trong khi tôi cố vẫy tay chào các anh em trong buồng, lúc ấy đang ngồi nhìn hai anh em tôi một cách ái ngại.

Cảnh chia tay nào cũng buồn, nhất là chia tay trong tù càng xúc động hơn, vì ngầm nói lên là có thể không bao giờ sẽ có dịp gặp lại. Tôi theo sau anh Thuyên lẫn vào giữa đám cán bộ, khệ nệ ôm đồ đạc bước ra khỏi buồng đi vào trong bóng đêm bên ngoài. Lúc ấy tôi rất hoang mang lo lắng, chưa biết những gì đang chờ đợi tôi trong màn đêm âm u đó, nơi mà tôi vừa nghe những thứ âm thanh đầy đe dọa và chết chóc.

Tôi vẫn thường nghe nói có nhiều nơi, một vài tù nhân bị dựng dẫy vào ban đêm, dẫn ra khỏi buồng và không bao giờ trở lại. Khi đứng chơi với trong bóng đêm dày đặc và giá buốt bên ngoài, tôi cố giương mắt nhìn khắp các buồng trong trại như là cử chỉ giả tử. Giả tử hơn 1000 anh em đồng cảnh cả khu A lẫn khu B của trại Nam Hà mà tôi đã có dịp sống chung và chia sẻ buồn vui trong hơn 8 tháng qua. Lòng tôi dâng lên nỗi chua xót!

Khi bước ra khỏi buồng, tôi mới thực sự chạm mặt với bàn tay sắt của những người Cộng Sản. Bàn tay sắt trần trụi của sự đe dọa và mang tính chất tiêu diệt. Màn đêm u tối bên ngoài làm tôi rợn người. Qua ánh đèn bấm chớp tắt khắp nơi trong sân, tôi càng kinh ngạc hơn khi thấy đám đông cán bộ súng ống đầy người đứng đầy trong sân trước buồng. Tiếng người nói lộn xộn, tiếng chỉ thị, tiếng chân người chạy tới chạy lui một cách vội vã, tiếng súng ống chạm nhau, tiếng còng sắt rổn rảng trong đêm tạo thành một thứ âm thanh ghê rợn.

Tôi chưa kịp phản ứng thì bị một ánh đèn bấm chói chang chiếu thẳng vào mặt, kèm theo một tiếng quát thật to bảo tôi bỏ các đồ đạc trên tay xuống. Một anh cán bộ bước tới còng 2 tay tôi với chiếc còng số 8. Trong mấy năm qua tôi không còn xa lạ gì với chiếc còng loại này, nhưng đêm nay tôi thấy rợn người khi bị còng 2 tay ra sau. Bỗng dưng tôi thấy choáng váng khó chịu và buồn nôn.

Lúc mới ra sân, tôi ngỡ là chỉ có buồng 6 của tôi có biến động, không ngờ nhìn qua các buồng, thấy lúc đó cũng lộn xộn và đầy nghẹt cả người. Tôi đoán là trong khu B cũng có người bị dẫn ra sân như tôi và anh Thuyên. Tôi nhắm mắt cúi đầu lặng yên vì sắp phải từ giả anh em để ra đi và chưa biết là sẽ đi về đâu. Tôi nghĩ lúc này anh em trong buồng của tôi đang hoang mang, ngờ ngác và lo ngại cho số phận của hai người bạn vừa bị tách ra khỏi đàn.

Bài Thánh Ca Giáng Sinh

Một lúc sau, tôi bị dẫn đi về phía sân trại, có anh cán bộ mang súng dài đi sau. Khoảng sân lớn giữa trại lúc này rất đông người đang đứng láo nháo, hỗn độn như một chợ trời. Tôi thoáng thấy bóng dáng một số anh tù cũng bị còng tay đang tiến lại phía tôi. Tập trung thành nhóm giữa sân trại xong chúng tôi được tháo còng. Lúc gặp nhau tôi không ngạc nhiên vì vài người có mặt trong lúc này đã dính líu trực tiếp trong vụ Tàu Sông Hương với tôi, một số khác là những gương mặt nổi trong những vụ chống đối trong trại, một số khác đã đánh đập bọn ăng-ten trong mấy tháng nay.

Tới lúc có lệnh xếp hàng tôi mới biết có tất cả 20 người. Chúng tôi được lệnh leo lên chiếc xe ca đậu chờ gần cổng vào trại và khi đã lên xe xong, bị còng tay từng đôi một. Sau khi cán bộ kiểm tra lại lần chót và dặn dò luật lệ đi đường, xe bắt đầu chuyển bánh, lúc bấy giờ quảng 11 giờ đêm.

Khi xe bắt đầu chạy, chúng tôi không ai bảo ai cùng nhau hát thật to bài Thánh Ca Giáng Sinh, “Hang Bê Lem”. Bài Thánh ca Giáng Sinh rất phổ biến này của nhạc sĩ Hải Linh tôi đã hát rất nhiều lần, nhưng có lẽ đây là lần tôi hát một cách sốt sắng và cảm động nhất. Tiếng hát rền vang của 20 người tù phá

tan màn đêm u tối của trại tù Nam Hà trong đêm Giáng Sinh 1977, một lễ Giáng Sinh đặc biệt đáng ghi nhớ trong đời tôi. Trong khi đó, chiếc xe chở chúng tôi đang nặng nề bò theo con đường có nhiều ổ gà như một con rắn khổng lồ bị thương, đang cố lết đi ẩn mình thoát nạn.

Sau khi bài thánh ca chấm dứt, chúng tôi đã rời trại một đổi và ngồi yên lặng nhìn nhau như để trấn an và tìm sự nương tựa cho những ngày tháng tới. Chiếc xe này sẽ đưa chúng tôi tới đâu, lúc đó chưa ai biết, nhưng căn cứ vào cách chúng tôi bị tống lên xe và nhìn qua 20 khuôn mặt này, tôi có thể kết luận: nơi sắp tới phải là một nơi đáng sợ hơn trại Nam Hà mà chúng tôi vừa bỏ lại sau lưng.

5 - ĐƯỜNG LÊN CÔNG TRỜI



Chiếc xe khách cũ kỹ và ỉ ạch như một con trâu già dừng lại trong sân một trại tù xa lạ, lúc ấy có lẽ đã qua nửa đêm, hoặc đã 1, 2 giờ sáng. Giờ này đêm qua, đêm Giáng Sinh 1977, xe chúng tôi đang chạy ngang cầu Long Biên ở thủ đô Hà Nội.

Đêm tối phủ mờ những cảnh tượng chung quanh làm tôi chẳng thấy được gì nhiều. Lúc này, khi xe chạy qua khu nhà cán bộ và dừng lại một chập, sau đó chạy vào qua cổng trại thì tôi biết đã tới nơi. Từ trong xe nhìn ra, tôi thấy có quãng 5, 6 cán bộ đứng gần bên xe. Họ mặc áo bông dày cộm, đầu đội mũ có che tai và cột lại dưới cằm giống như lính Liên Xô. Nhìn cách những người cán bộ ăn mặc, tôi biết là bên ngoài trời đang lạnh khủng khiếp. Họ mang bao tay và cầm đèn bấm, có người cầm quyển sổ. Một lúc sau nhóm tù nhân 20 người chúng tôi từ trại Nam Hà vừa chuyển lên được lệnh xuống xe, tay vẫn còn bị cùm dính nhau từng đôi một.

Cái Lạnh Khủng Khiếp

Vừa bước ra khỏi xe, bất ngờ tôi chạm ngay với cái lạnh kinh hồn! Lúc còn trên xe nhìn ra thấy cách ăn mặc của các cán bộ và nhất là khi thấy hơi khói ở miệng thoát ra ngùn ngụt mỗi khi họ nói, tôi biết là bên ngoài trời rất lạnh nên đã cẩn thận cài khuy áo, quấn thêm lên cổ chiếc khăn lông. Nhưng đầu và chân vẫn để trần vì lúc đó tôi không có mũ và giày, chỉ mang đôi dép râu do trại Nam Hà phát.

Khi vừa bước ra khỏi xe, tôi nghe choáng váng và bật ngược về phía sau như có một cú đấm vô hình cực mạnh tống vào mặt một cách quá bất ngờ. Thì ra đó là làn khí lạnh mà tôi va chạm lần đầu tiên ở bên ngoài. Tôi chưa kịp hoàn hồn để nhận biết hết tính cách kinh khủng của cái lạnh, bỗng nhiên tôi cảm thấy mình như đang trần truồng! Sao lạ kỳ thế này? Tôi nhớ là mình có mặc áo quần cẩn thận, có mặc thêm cái áo vệ sinh bên ngoài bộ đồ xanh của trại, có khăn lông quấn cổ nữa, nhưng tự nhiên các thứ vải vóc trên thân thể tôi biến đi đâu hết để tôi đứng trần truồng giữa cái lạnh khủng khiếp này?

Nhìn lại, tôi vẫn thấy còn quần áo dính trên người, nhưng lạ một điều là trong khoảnh khắc toàn thân tôi trở nên tê dại, không còn cảm giác nữa. Áo quần có đụng chạm vào cơ thể, nhưng dường như tôi không biết, chỉ nhìn thấy nó còn trên thân thể tôi.

Trong lúc đứng đó tôi cố mở miệng ra định nói vài câu với người bạn đang bị còng chung, nhưng hàm tôi cứng lại như bị khóa nên không nói ra lời! Lúc đó hai đầu gối tôi tự nhiên biến đi đâu, để đôi chân tôi cứng lại như hai khúc gỗ thẳng tắp. Thì ra cái lạnh không được đề phòng trước đã đánh tôi ngã gục, đã làm tê dại hết các tế bào xúc giác và làm hệ thần kinh tôi hoạt động bán loạn.

Ngày xưa khi đọc sách báo, tôi có thấy nói đến cái lạnh “chết người”, nhưng lúc đó tôi không hiểu, chỉ nghĩ đó là cách nói trong văn chương chữ nghĩa. Nhưng chỉ trong mấy phút vừa qua, tôi đã hiểu và có lẽ tôi còn hiểu rõ ràng hơn những tác giả đã viết lên câu “cái lạnh chết người”! Tôi đang thực sự đụng chạm tới cái lạnh chết người, khi đang đứng chơi vui trong sân một trại tù xa lạ giữa đêm khuya này.

Lúc rời trại Nam Hà ra đi trong đêm Giáng Sinh hôm qua, thời tiết ở đó cũng đã khá lạnh nên tôi lấy cái áo vệ sinh do trại phát mặc thêm bên ngoài bộ đồ xanh của trại. Mặc như thế cũng đủ với cái lạnh vào quãng 8 độ C của vùng núi đá vôi Nam Hà. Thực ra, có muốn mặc thêm áo ấm cũng chẳng có đâu mà mặc. Trong suốt 24 giờ qua, chúng tôi vật vã lăn lộn trên chiếc xe già nua lúc nào cũng ịch bò lét leo lên những dốc núi cao.

Có lúc xe chạy giữa vách đá cheo leo, một bên là núi, bên kia là thung lũng sâu, nhìn xuống phát chóng mặt. Trên đường đi, vì bị dằn vật nhiều quá nên tôi cảm thấy nóng và có lần đã phải cởi áo vệ sinh ra cho dễ chịu, nhưng khi xe lên tới độ cao và nhất là càng về chiều càng lạnh, nên tôi mặc áo ngoài cẩn thận. Lúc trời về khuya, cơn lạnh dữ dội ập đến, tôi chỉ còn biết co ro ngồi dựa vào những gì có thể, để tìm chút hơi ấm. Dĩ nhiên lúc đó tất cả cửa gió trên xe đều đóng lại. Hơn nữa, nhờ có đông người, 20 người tù và 5 cán bộ áp tải, nên hơi người cũng làm tôi cảm thấy ấm hơn đôi chút. Lúc ở trên xe, ai có muốn mặc thêm quần áo cũng không có, vì đi đường mỗi người chỉ có một túi xách nhỏ, còn tất cả “nội vụ” đều cho vào bao bị chất đống trong xe, khi tới nơi mới lấy ra được.

Thì ra cái lạnh của trại Nam Hà không thấm vào đâu so với cái lạnh khủng khiếp nơi tôi vừa đặt chân tới, mà tôi đoán là dưới 0 độ khá xa. Lúc đó tôi chẳng biết mình đang ở đâu và trại mà chúng tôi vừa tới tên là gì. Chỉ có một điều tôi biết được là trại này nằm về hướng Bắc, cách trại Nam Hà một ngày đi xe (24 tiếng) và ở trong một vùng núi rất cao, vì xe chở chúng tôi lúc nào cũng ịch leo dốc; tiếng máy gầm inh ỏi nhà khói đen um tùm và thỉnh thoảng phải ngừng nghỉ để đổ thêm nước vì máy xe quá nóng.

Đêm Giá Băng

Lúc này trời đã quá muộn về sáng, vả lại thời tiết lạnh khủng khiếp nên vừa xuống xe là chúng tôi được tháo còng ngay và nhận lại “nội vụ”, sau đó được đưa vào một buồng kể bên nghỉ qua đêm. Mặc dù

mới đứng trong sân chừng 15 phút nhưng mặt tôi lạnh và cứng như tảng nước đá, đầu nhúc nhúc như muốn vỡ đôi ra, hai tai đang dính vào đầu cứng như hai miếng bánh đa mỏng giòn, nếu dùng tay búng mạnh sẽ bị vỡ tan và rơi xuống đất. Đôi chân cứng đờ và thẳng tắp không còn bước đi được nên một anh bạn trẻ phải giúp dìu tôi vào buồng.

Đó là một buồng giam nhỏ, có lối đi ở giữa và hai bên có sàn ván để nằm, có tầng bên trên. Vào buồng xong việc đầu tiên là chúng tôi xỏ hết bao bị ra tìm thứ gì có thể mặc được thì mặc hết vào người. Đêm đó tôi không tài nào ngủ được vì quá lạnh, mặc dù sau một ngày đường lăn lộn mệt nhọc. Tôi cố thu người lại càng nhỏ càng tốt, nhưng nằm co thế nào đi nữa vẫn thấy da thịt mình còn quá nhiều chỗ phải đụng chạm với khí lạnh bên ngoài.

Lúc nằm yên tôi hình dung ra “con rét” là một loài côn trùng bé tí ti nhưng có răng thật sắc, đang bò trong cơ thể tôi, chui vào các lỗ chân lông, đi vào hơi thở, chui vào các mạch máu và đang gặm nhấm từng tế bào bên trong cơ thể tê dại của tôi đang cuộn tròn như con sâu. Lúc đó tôi mới nhớ lại là các cán bộ ở đây ai cũng mặc áo bông dày cộm, đầu đội mũ có rèm che tai gần kín mặt, tay mang găng len hoặc da. Với cái lạnh khủng khiếp này, các loại quần áo bằng vải hoặc bằng len, cho dù có mặc bao nhiêu lớp trên người cũng không hề thấm vào đâu. Phải mặc đồ bông mới chống lạnh được.

Nằm một chập, hình như ai nấy đều không chịu thấu cái lạnh bất ngờ này, nên cả đám chúng tôi tự động ôm nhau, người này rúc đầu vào người kia như lừa chó con. Tất cả 20 con nằm trong ổ. Chúng tôi đâu ngờ phải chịu cái cảnh lạnh “chết người” này. Nếu biết trước, ít ra chúng tôi cũng đã chuẩn bị thứ gì đó để chống lạnh trong hoàn cảnh có thể chuẩn bị được. Đêm đó ai cũng thắc mắc ở đây là đâu mà lạnh thế và trại này là trại gì?

Sáng hôm sau, cả đám chúng tôi trỗi dậy trong cơn mệt rũ rời. Một phần vì bao nhiêu nhiệt lượng trong người đã được đưa ra dùng để chống lại cái lạnh khủng khiếp bên ngoài, phần nữa lại vừa mất ngủ sau một ngày bị dằn xóc suốt 24 tiếng đồng hồ trên xe. Sáng ngày tôi mới để ý căn buồng này rất bẩn thỉu. Sàn ván cũ kỹ và sứt mẻ nhiều nơi, có hai cửa sổ nhỏ chắn song sắt. Tầng dưới cách mặt đất quãng 50 phân và tầng trên cách tầng dưới chừng hơn một thước, như vậy người nằm tầng dưới không thể đứng thẳng người, chỉ ngồi hoặc bò lết, nếu không sẽ bị va đầu vào sàn trên.

Lúc sáng ngày, bên ngoài sương mù đã phủ dày đặc, nên chúng tôi không nhìn thấy gì, chỉ loáng thoáng thấy có bức tường bao bọc trước sân buồng, có cánh cửa mở vào sân và một nóc nhà làm nhà ăn, lợp lá thật bệ rạc nằm phía sau. Nhà cửa ở đây xấu xí và dơ bẩn, không như trại Nam Hà mà chúng tôi vừa bỏ ra đi. Sáng ngày tôi cảm thấy bớt lạnh, có lẽ nhờ sổ chắn màn và hơi ấm thân thể của 20 con người trong phòng đóng kín đêm qua. Bên ngoài trời vẫn còn âm u vì sương mù vây kín, mặc dù chúng tôi đoán là bình thường giờ này mặt trời đã lên cao. Mãi một lúc rất lâu mới nghe có tiếng động bên ngoài làm chúng tôi giật mình nhìn ra, nhưng chưa thấy ai.

Thình lình có dáng người bước rất nhanh vào sân buồng. Người mới xuất hiện này vóc dáng to cao,

mặc áo bông che kín cả cổ, đội mũ có vải che tai, mang găng tay và cầm một chùm chìa khóa khá to có đến mấy chục chiếc. Người này tới bên cửa sổ nhìn vào, hai tay đang xoa vào nhau làm chùm chìa khóa kêu rổn rảng. Con người lạ mặt này có thân hình đã to, lại mặc áo quần dày cộm trên người, càng làm cho con người ấy to hơn.

Trại Quyết Tiến “Cổng Trời!”

Khi người đó đứng bên ngoài nhìn vào, chúng tôi bên trong cửa sổ lên tiếng:

-Chào cán bộ.

Người bên ngoài lên tiếng đáp lại:

-Tôi không phải là cán bộ, tôi là ‘Trật Tự’!

Khi nói, miệng anh nhả khói um tùm như người đang hút thuốc lá. Đó là lần đầu tiên tôi nghe hai tiếng “trật tự”, vì ở trại Nam Hà không có anh tù làm ‘trật tự’ như ở đây. Khi biết anh cũng là tù, chúng tôi dạn dĩ hơn nên bắt đầu tìm hiểu những điều chúng tôi thắc mắc suốt đêm qua. Chúng tôi thay nhau hỏi, nhưng câu hỏi đầu tiên mà hình như ai cũng nói ra cùng lúc là

-Trại này là trại gì, ở tỉnh nào?.

Anh tù trật tự này mặc dù không phải là con người vui vẻ, nhưng tỏ ra là một người dễ chịu, anh đáp nhanh:

-Các anh đang ở trại ‘Quyết Tiến Cổng Trời’ trong tỉnh Hà Tuyên.

Vì chúng tôi là người miền Nam chưa biết vị trí các tỉnh miền Bắc nên có anh hỏi:

– Vậy tỉnh Hà Tuyên nằm ở đâu hả anh?

– Nằm giáp ranh Trung Quốc, và trại này cách biên giới Trung Quốc 10 cây số!

Lúc đó 20 người chúng tôi thi nhau hỏi làm anh tù trật tự bên ngoài không biết trả lời ai. Tôi hỏi to:

– Thế trại này có tù chính trị miền Nam không anh?

Anh chưa kịp trả lời thì có một số cán bộ bước vào sân và anh trật tự làm thinh. Tôi nhận ra trong số cán bộ vừa bước vào có Thiếu úy Lạc ở Nam Hà, người có trách nhiệm áp tải chúng tôi lên trại này. Sau khi đứng ngoài sân nói gì với nhau một lúc, anh trật tự tới mở cửa buồng của chúng tôi. Một cán bộ cấp thiếu úy, người khá nhỏ bước vào buồng ra lệnh cho chúng tôi mang hết “nội vụ” ra sân để khám xét.

Việc kiểm tra này là thủ tục thông thường khi tù nhân chuyển tới một trại mới. Chúng tôi khệ nệ tay xách nách mang tất cả những gì mình có ra và theo một hành lang hẹp dẫn ra sân trại, nơi chúng tôi

xuống xe đêm qua. Thời tiết bên ngoài lạnh hơn tôi tưởng. Tôi bước đi vừa rét vừa run, mặc dù tôi đã mặc vào người thêm mấy lớp quần áo, nhưng với cái lạnh ở đây, quần áo vải chẳng thấm vào đâu.

Ra tới nơi đã thấy bày sẵn một bàn nhỏ và có một số khá đông cán bộ đang chờ sẵn. Tất cả đều mặc áo bông và đội mũ “Liên Xô”. Cuộc khám xét bắt đầu. Theo quy luật trại, tiền bạc và các đồ quý giá đều phải gửi lưu ký. Riêng áo quần có thể gửi lưu ký hoặc giữ lại dùng trong trại tùy ý, nhưng nếu giữ lại đưa vào trại phải bị đóng dấu “Cải Tạo” bằng hắc ín thật to sau lưng áo và trên ống quần. Đóng dấu như vậy coi như bộ đồ ấy đã bỏ đi, nên nhiều người tiếc rẻ và muốn gửi lưu ký để khi ra về có đồ mới mà mặc.

Động Lòng Trắc Ẩn

Trong lúc đang kiểm tra và có mấy anh định gửi lưu ký quần áo, nhưng cán bộ Lạc bước tới gần nói nhỏ, giọng khá xúc động: “Ở đây rét lắm, các anh giữ lại quần áo mà dùng, đừng gửi lưu ký làm gì!” Một lúc sau, khi đã khám xét và bàn giao xong, anh tiến lại nhóm chúng tôi nói nhỏ, không để cho cán bộ trại Quyết Tiến nghe thấy: “Ở trại Nam Hà sướng như thế mà các anh không chịu, bây giờ phải lên đây, tôi chẳng biết nói sao!? Thôi các anh ở lại, cố gắng cải tạo và nhớ giữ gìn sức khỏe”. Nói xong anh quay đi thật nhanh. Tôi rất cảm động khi nghe cán bộ Lạc nói những lời đó.

Sau 2 năm bị bắt, đó là lần đầu tiên tôi nhận thấy được lòng nhân nơi một người cán bộ. Anh cảm thấy ái ngại cho số phận chúng tôi, những con người mà anh biết là đang đi vào cõi chết. Qua câu nói bảo đừng gửi lưu ký áo quần, người cán bộ có ý nhắc là không bao giờ có dịp nhận lại nữa, và câu nói sau cùng trước lúc chia tay đã cho chúng tôi biết phần nào về số phận của mình. Ngay hôm đó nhóm 20 người chúng tôi được chia ra làm hai, 14 người nhập vào đội lao động và 6 người lên khu kiên giam, trong đó có tôi.

Khu kiên giam là một nhà dài bằng đá tối om, có hành lang nhỏ ở giữa, chia ra mỗi bên 5 buồng hẹp, mỗi buồng quăng 3 thước bề ngang và có sạp nằm bằng ván hai bên cho 2 người. Trên tường phía ngoài có cửa sổ nhỏ và cầu tiêu kế bên. Hằng ngày có anh tù đến gánh phân nơi hầm nhà cầu thông ra phía ngoài. Lúc tôi tới đó đã có sẵn mấy người trong khu kiên giam.

Tôi vào chung buồng với anh Trần Phụng Tiên, các buồng bên có các anh Nguyễn Sỹ Thuyên, Ngô Đình Thiện, Mai Ngọc Y và Vũ Văn Vang. Mấy ngày sau nhờ liên lạc hỏi thăm anh em các buồng bên cạnh và hỏi chuyện anh tù gánh phân, chúng tôi được biết thêm về trại này.

Trại Quyết Tiến này nằm sát ngay biên giới Trung Quốc, thuộc huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Tuyên, tức là hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang gọi nhập lại. Trại này có biệt danh là trại “Cổng Trời” vì 2 lý do. Thứ nhất theo nghĩa đen, đây là trại tù nằm ở cao độ 2,500 thước trên mặt biển, cao gần đụng trời. Lý do thứ hai, vì đây là trại trừng giới dành cho các tù chính trị thuộc diện bất trị, lên đây một thời gian rồi về... trời! Do đó, trại này được coi như một phòng chờ đợi trước khi “về trời”.

Trong trại cũng có một số tù hình sự có án nặng như tử hình giảm xuống chung thân, hoặc nhẹ hơn thì 20 năm, 18 năm, 15 năm v.v... Những người bị kêu án dưới 10 năm không phải lên đây. Số tù hình sự còn có hy vọng được tha sau khi mãn án, nhưng không mấy người sống sót vì sự khắc nghiệt của thiên nhiên và của con người trong trại này. Cuối cùng rồi phần đông họ cũng đã bỏ xác ở đây trước khi mãn án.

Khi chúng tôi tới, trong trại đang có khoảng 350 tù hình sự với gần 40 tù Biệt Kích và 5 người tù miền Nam từ các trại khác mới đưa lên. Đó là các anh Đặng Văn Tiếp, một cựu Dân biểu từ trại Hà Tây đưa lên trước chúng tôi 1 tháng cùng với các anh Nguyễn Thái Quân và Hoàng Trọng Hanh. Hai anh Nguyễn Văn Phước và Nguyễn Văn Trinh là Sĩ quan cấp Tá từ đảo Guam trở về trên chuyến tàu Việt Nam Thương Tín cũng từ một trại nào khác vừa bị đưa lên đây.

Các anh em tù Biệt Kích là những người nhảy toán ra Bắc từ những năm 1962-1963, họ bị bắt từ đó và bị giam nhiều nơi trước khi tập trung về trại này. Khi chúng tôi tới đây, các anh em Biệt Kích mà trong tù chúng tôi gọi tắt là BK đã bị giam 15 năm rồi! Tập thể tù Biệt Kích là một tập thể rất tốt, cuộc sống của anh em rất đáng kính phục. Họ biết đoàn kết và nâng đỡ nhau trong cảnh lao tù. Trong nhóm có anh Nguyễn Hữu Luyện là người rất có tư cách. Lúc bị bắt anh Luyện mang cấp bậc Đại úy, cấp bậc cao nhất giữa anh em nên được anh em kính nể và vâng phục, mặc dù anh không là đội trưởng. Lúc đó các anh Biệt Kích ở chung một đội trong khu O và chuyên làm nghề mộc, có những anh tay nghề rất cao.

Anh tù làm trật tự mà chúng tôi gặp trong ngày đầu tên là Tuấn, nguyên là bộ đội. Anh là một người hiền từ, ít nói. Sau khi nhóm Nam Hà chúng tôi lên một thời gian, có một số tù từ các trại khác lần lượt bị đưa lên đây. Trong đó có 7 linh mục, làm thành tổng số là 48 người, mà về sau này chúng tôi gọi là "Nhóm 48 Quyết Tiến". Theo cách hiểu lúc bấy giờ, đây là những người bị liệt vào đội trừng giới và bị kết án tử hình, được lựa ra từ nhiều trại khác nhau ở miền Bắc. Trong thực tế số người này có xứng đáng chịu số phận đó hay không, và sự lựa chọn có đúng "tiêu chuẩn" hoặc chính xác tới mức nào còn là vấn đề khác.

Cơn Đói Trong Cảnh Rét

Lúc ở kiên giam, chúng tôi bị nhốt trong buồng cả ngày lẫn đêm nhưng không bị cùm như ở khu kỷ luật. Có hai yếu tố hành hạ chúng tôi lúc bấy giờ là Đói và Rét. Thời điểm lúc chúng tôi bị đưa lên "Cổng Trời" là mùa Đông. Cái lạnh Mùa Đông ở đất Bắc tự nó đã là cái gì đáng sợ, nhưng trại này lại ở trên độ cao chót vót thì cái lạnh lại càng khủng khiếp hơn bội phần.

Nhà giam có tường bằng đá. Về đêm hơi lạnh của đá tỏa ra biến buồng giam thành một tủ lạnh và chúng tôi phải nằm co ro trong cái tủ lạnh đó. Tệ hại hơn nữa, cái lạnh hành hạ chưa đủ, lại còn thêm cái đói. Ở đây không có gì để ăn cho tạm gọi là no. Đói và Rét như cặp bài trùng của yếu tố tiêu diệt. Khi cả hai gặp nhau và hỗ trợ cho nhau thì sức tàn phá được nhân lên gấp bội. Thân thể con người

càng đói thì càng rét; và hễ càng rét lại càng đói. Hai thứ hung thần đó cứ mãi mê tranh tài “ai thắng ai” ngay trên da thịt xanh xao như tàu lá chuối và trong dạ dày xẹp lép của đám tù khốn khổ chúng tôi!

Mỗi ngày, tù ở khu kiên giam được cho ăn 2 lần, trưa và chiều. Mỗi lần một chiếc bánh mì nướng to bằng cổ tay và dài chừng một gang. Trong khi các đội bên ngoài có thêm bữa ăn sáng vì phải đi lao động. Với hai chiếc bánh mì nướng khiêm tốn đó mà tôi nghiệm được câu nói trong tù: “Không ăn thì đói; ăn vào đói hơn!” Mà thật đúng như vậy, sau khi “nuốt” cái bánh mì từ 5 giờ chiều hôm trước xong, tôi nằm đắp chăn chịu trận cái rét dưới độ âm và chờ tới 10 giờ sáng hôm sau, tức là 17 tiếng đồng hồ nữa mới có cái gì tống vào cho dạ dày làm việc. Suốt thời gian dài đằng đẳng đó, tôi thường lịm đi hoặc nằm yên bất động như con sóc trong mùa đông.

Cứ ăn 10 giờ sáng hôm sau làm quấy động dạ dày thức giấc. Nó còn cào và đòi hỏi thức ăn dữ dội! Nó đòi ăn thêm để khóa lấp một chút chỗ trống còn rộng thênh thang, nhưng nào có được! Sau khi ăn xong, tôi chỉ còn biết nằm im lìm chờ đợi, lắng tai nghe và mong tiếng động then gài cổng bên ngoài báo hiệu lúc anh trật tự lên cho ăn chiều.

Lúc bấy giờ vì quá đói nên tôi tưởng tượng là mỗi bữa tôi phải ăn 20 cái bánh mì như thế mới no được! Nhưng đói quá tôi nghĩ thế thôi, làm gì ăn nhiều thế, chục hoặc 15 chiếc cũng tạm đủ rồi! Bây giờ ngòi nhớ lại chuyện ăn uống này tôi thấy xấu hổ! Nhưng đó là thực tế của giai đoạn tôi trải qua trong khu kiên giam trại Quyết Tiến.

Nhân Vật Lạ Xuất Hiện

Một buổi sáng kia, trong khi anh Tiên và tôi còn đang nằm trùm chăn thì nghe tiếng gõ vào thành cửa sổ. Giật mình tung chăn ngồi lên, tôi chạm mặt với một con người đang đứng giữa cửa sổ nhìn vào trong buồng. Người này thấp bé, mặc áo bành tô rộng thùng thình, tôi không đoán được già hay trẻ vì cái mũ dạ “Liên Xô” che mắt gần hết khuôn mặt của anh ta, chỉ chừa ra đôi mắt nhỏ, quá nhỏ như hai hạt nhãn lép. Chúng tôi lên tiếng: “Chào cán bộ!” Người ấy gật đầu nhưng không nói gì. Một lúc sau lên tiếng hỏi :

-Anh Nguyễn Hữu Lễ đâu?

Giọng nói nhẹ nhàng nhưng rất sắc. Tôi đưa tay làm hiệu “Tôi đây”. Người ấy không nói gì, đứng nhìn một lúc rồi hỏi:

-Mấy anh ấy có lên dọn vệ sinh cẩn thận không?

Chúng tôi trả lời có. Xong người lạ mặt ấy bước đi. Anh Tiên và tôi thắc mắc, không biết con người nhỏ thó đó là ai. Hôm sau tôi hỏi anh tù gánh phân và tả hình dạng người chúng tôi gặp ngoài cửa sổ hôm qua. Anh tù hình sự gánh phân hằng ngày này là “tờ nhật báo sống” của chúng tôi. Tất cả tin lớn tin bé trong trại chúng tôi biết được lúc này là nhờ anh, ngược lại mỗi ngày chúng tôi cũng cho anh

mấy bi thuốc lào, được coi như là “thần dược” trong nhà tù lạnh lẽo này. Anh ta người nhỏ thó và không biết là người tỉnh nào mà nói ngọng hết sức! Chữ “N” nói thành chữ “L” và ngược lại. Sau khi nghe tôi tả sơ qua, anh ta nói ngay:

– Đó là Ban Nản (Lãng), trại trưởng của trại “lày” đấy anh ạ!

Tôi nghe không rõ nên hỏi:

– Sao anh gọi là Bác Lãng?

Anh tù cười trả lời:

-Không, em bảo là Ban Nản chứ không phải Bác!

-Ừa sao gọi là Ban?

– Thế anh chưa biết à? Các cán bộ cấp sĩ quan thì gọi “nà” Ban, tức ban giám thị ý mà! Cấp bé thì bọn em gọi “nà” ông, nhưng bọn anh gọi “nà” cán bộ được rồi.

Thì ra tôi mới biết các tù hình sự có thói quen xưng hô với cán bộ như thế. Các trại tôi ở trước đây không có vụ này. Tôi hỏi lại:

– Nếu tôi gọi trại trưởng là cán bộ được không? Các trại khác tôi toàn gọi thế.

Anh tù gánh phân nhanh nhẩu đáp:

– Ấy, ấy, gọi thế “kỳ nắm” (lắm)! Ở đây không ai gọi thế cả!

Hôm sau tôi được gọi lên cơ quan làm việc. Một cán bộ vào dẫn tôi theo trong lúc trời đang hồi lạnh tốt độ. Tôi đi qua vũng nước nhỏ đã đóng băng trên mặt đường và óng ánh trên ngọn cỏ những giọt sương đã đông thành đá. Trên đường đi có băng qua mấy luống su hào mà lần đầu tiên tôi thấy được, mặc dù củ su hào thì tôi đã biết từ còn ở trong Nam. Thì ra loại rau này rất hợp với thời tiết lạnh, củ to như cái bát ăn cơm. Đường ra tới cơ quan khá xa và tôi đã lạnh cóng tay chân, tê cả mặt. Đây là lần đầu tiên tôi bước chân ra khỏi phòng kiên giam sau hơn nửa tháng trời.

Chân Dung Ông Trại Trưởng

Tôi được đưa vào phòng gặp ông trại trưởng, người đã “hiện ra” bên ngoài cửa sổ buồng tôi hai ngày qua. Lần này nhìn kỹ, tôi biết ông ta đã lớn tuổi, có lẽ ngoài 50. Điểm đặc biệt là ông rất nhỏ người, trong Nam gọi là ‘đẹt’ và ngoài Bắc gọi là ‘choắt’! Ông chỉ cao khoảng hơn thước rưỡi một chút. Mặt thỏn, da nhăn, đôi mắt ông ta nhỏ, quá nhỏ, trông như hai hạt đậu đen bóng láng. Ông mang cấp bậc Đại úy, nhưng tôi nhìn ông không ra dáng một sĩ quan tí nào.

Ông ta đón tôi bằng nụ cười có nhiều vết nhăn ở hai bên khóe mép, bảo tôi ngồi xuống ghé trước mặt

và tự tay rót chè (nước trà) mời tôi uống. Lúc này thì tay chân tôi đã hoàn toàn tê cứng, không còn theo sự điều khiển của tôi nữa. Tôi muốn đưa tay bưng chén trà nóng uống cho đỡ lạnh, nhưng không bê chén được vì đôi tay đang run rẩy quá mạnh. Lúc đó hai hàm răng run lập cập. Tôi kèm hãm hết sức nhưng sao hai cái hàm cứ chạm nhau lớp lớp. Tôi không tài nào nói chuyện được. Ông hỏi gì, tôi không trả lời được. Tôi đưa hai tay ôm lấy dưới cằm nhưng run vẫn cứ run! Thấy vậy ông để tôi ngồi yên một chập.

Lúc đó tôi cố gắng lắm mới nói được vài tiếng để hỏi xin một miếng thuốc lá hút cho đỡ lạnh. Tôi áp úng, bập bẹ tiếng mắt tiếng còn mãi và đưa tay làm hiệu thêm ông mới hiểu tôi muốn gì. Ông trả lời là ông không hút thuốc nên không có sẵn, nhưng nói để qua phòng ông Tố xin thuốc cho tôi. Sau này tôi biết Thiếu úy Tố là sĩ quan giáo dục của trại. Ông đứng dậy bước ra khỏi phòng, nhưng khi trở lại nói là ông Tố đi vắng và bảo tôi cứ ngồi đây một chập nữa. Tôi gạt đầu cảm ơn ông và ngồi yên. Lúc này tôi không thèm cố gắng kèm hãm hai hàm răng đang đánh bò cập nữa, cứ để cho nó khua lớp lớp tự do và đều đặn, như tay chơi trống trong ban nhạc đang gõ dùi vào thành trống! Một lúc khá lâu, có lẽ quãng gần nửa giờ, tôi bắt đầu quen và nói chuyện được, mặc dù chưa hoàn toàn bình thường. Lúc đó ông hỏi tôi:

– Anh Lễ, ở trại Nam Hà anh làm gì mà bị đưa lên đây?

-Báo cáo cán bộ, tôi không biết. Nhưng cán bộ đọc hồ sơ tôi rồi mà!

-Dĩ nhiên là tôi đã xem qua hồ sơ của anh. Tôi thấy anh là người thông minh và bạo dạn nên tôi muốn giúp anh. Anh là một Cha đạo. Tôi nghĩ là tình thế này anh không làm gì được cả, tôn giáo đã lỗi thời rồi. Chi bằng anh hứa với tôi từ bỏ con đường tôn giáo, cưới vợ lập gia đình như những người khác. Tôi hứa nâng đỡ và cất nhắc anh.

Ông ta nói chưa hết câu tôi đã lên tiếng:

– Tôi xin cảm ơn lòng tốt của cán bộ, nhưng cán bộ không có thể hiểu được việc tôn giáo đâu. Nếu cán bộ có vấn đề gì khác tôi sẽ trả lời. Còn vấn đề tôn giáo là con đường tôi đã chọn, tôi xin miễn bàn ở đây.

Từ hôm đó về sau tôi không còn bị gọi đi “làm việc” nữa.

Trong Hầm Ướp Lạnh

Mỗi ngày chúng tôi tập thể dục trong buồng cho máu chạy đều và chống lạnh, sau đó lên sạp nằm đắp chăn chống rét chờ hai bữa ăn. Cả ngày, chỉ trừ hai lần cho ăn là tôi tung chăn ngồi dậy, ngoài ra lúc nào cũng quấn chăn vào người. Lúc đó tấm chăn tôi đắp là tấm poncho bằng vải dù. Loại vải này rất kín, giữ được hơi ấm bên trong, nhưng bên ngoài thì lạnh như nước đá. Mỗi lần tung chăn ngồi lên, nhất là ban đêm, là cả một cực hình, vì sau đó phải đắp lại một lúc thật lâu mới tạo được hơi ấm bên

trong.

Trong buồng chỉ có hai người, lâu ngày cũng chẳng còn gì để nói với nhau. Thành thạo gọi vọng sang các buồng kể bên nói chuyện vài câu, hoặc khi có tù mới vào khu kiên giam thì gọi hỏi vài tin tức. Trong cuộc sống “éch ngồi đáy giếng” đó chúng tôi rất “đói” tin tức, nên sẵn sàng lắng tai nghe bất cứ loại tin gì, nhưng thực sự chẳng có gì giá trị vì toàn là tin “tù nói tội nghe”. Những buổi sáng sớm nằm nghe tiếng keng hợp tác xã từ xa vọng lại nghe thật náo nê. Đó là những âm thanh hiếm hoi chúng tôi nghe được trong khung cảnh lạnh lẽo và vắng lặng này. Có một âm thanh khác tôi nghe từ buồng phía cuối vọng lại cách đều đặn, đó là tiếng một anh tù chửi Trung tá Lê Mai. Ban ngày cứ cách khoảng chừng một tiếng đồng hồ anh ta chửi một lần. Trước lúc chửi, anh gõ vài tiếng làm hiệu như người ta thường nhip mấy tiếng trước khi đánh trống, hoặc tiếng gõ sàn trước khi kéo màn sân khấu trong lúc diễn kịch. Sau đó anh bắt đầu “bài” chửi. Lần nào anh cũng đọc đi đọc lại mấy câu đó như một tín đồ đọc kinh lần chuỗi: “Đạp đổ Trung Tá Lê Mai, Trưởng ty Công an tỉnh Quảng Ninh!” Những lần đầu nghe vắng vắng tôi chẳng biết là tiếng gì ở đâu vọng lại. Về sau hỏi ra mới biết đó là anh tù BK tên là Công Thành. Anh bị yếu thần kinh và luôn miệng chửi Trung tá Lê Mai bằng một bài dài, gọi tên và chức vụ ông trước, rồi kể tội ông sau.

Nằm mãi rồi cũng buồn, có một hôm tôi tò mò rờ tay bên dưới mấy tấm ván tôi nằm, nghe cộm tay vì có dấu khắc, tôi bò xuống coi thì ra những người tù ở đây trước đã khắc tên và thời gian vào tấm ván. Tôi vô tình đọc được tên Linh Mục Nguyễn Văn Vinh, Cha sở Nhà Thờ Chánh tòa Hà Nội. Sau này hỏi lại mới biết tất cả những người đó đều chết ở trại này, xác họ được chôn ngoài “Đồi Bà Then”. Từ đó tôi biết thêm trại này có cách nói: “Ra Đồi Bà Then”, tức là chết. Sau khi cố gắng đọc những tên người khắc nguệch ngoạc bên dưới tấm ván, tôi đọc kinh cầu hồn cho họ và dùng đầu kim băng khắc mấy hàng tiếp theo: “Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ, Vĩnh Long, 1977”. Lúc đó tôi nghĩ là sẽ có một con người bất hạnh nào đó sẽ vô tình đọc được tên tôi, và tôi cũng thầm mong họ sẽ cầu cho linh hồn tôi một vài câu kinh.

Gặp Lại Nhóm Bạn

Sau một tháng ở kiên giam, chúng tôi được cho xuống đội trong dịp gần Tết âm lịch năm 1978. Được gặp lại số anh em Nam Hà trong Khu O, tôi rất mừng. Chúng tôi sống trà trộn với một số anh Biệt Kích và tù hình sự trong đội mộc do một anh tù hình sự tên Toàn, khoảng 30 tuổi, làm đội trưởng.

Toàn nguyên là bộ đội, phạm tội hiếp dâm và bị kêu án 20 năm, lúc này đã được giảm án khá nhiều rồi, nghe nói chỉ còn không tới 10 năm. Trong trại Quyết Tiến này, tất cả đội trưởng đều là tù hình sự và quyền hạn rất to. Ngoài việc hành hạ đánh đập đội viên cách tự do, mỗi đội trưởng còn có cái còng số 8, khi cần có thể còng tay bất cứ anh nào trong đội. Việc Ban giám thị trại Quyết Tiến đặt tù chính trị và tôn giáo chúng tôi dưới sự điều khiển của những anh tù hình sự, phần nhiều là tội giết người, cướp của, hiếp dâm, tham nhũng là một hành động trái quấy một cách có dụng ý. May mắn là anh đội

trường Toàn đối xử với chúng tôi cũng có sự kiêng nể, không như đối với các anh tù hình sự khác.

Tôi còn nhớ ngày đầu tiên xuống đội, mấy anh em được một bữa “cải thiện”. Hôm đó vì cận Tết nên có mấy anh trong đội xuống phụ việc nhà bếp để chuẩn bị thức ăn trong dịp Tết sắp đến, nên nhà bếp cho những mẩu sắn (khoai mì) đầu thừa đuôi thẹo mang về cho đội cải thiện. Anh em mang về lột vỏ, luộc lên và bóc hết xơ, chỉ lấy bột. Sau đó cho vào cối đá quét ra thật nhuyễn, xong bó vào các ống nứa đem nướng lên. Mùi sắn nướng bốc thơm ngào ngạt và màu sắc hấp dẫn như chả quế!

Chiều hôm đó cả đội chia nhau ăn ‘chả quế’ rất ngon miệng. Những người ở kiên giam mới xuống như tôi được chia phần nhiều hơn. Lần đó tôi được một bữa ăn no sau một tháng đói meo. Ăn xong cả buồng đi ngủ sớm vì trời quá lạnh. Sau khi được một bữa cải thiện làm ấm dạ dày, tôi hy vọng sẽ được giấc ngủ ngon, trong phòng khá ấm vì có nhiều người.

Trận Say Sắn Nhớ Đồi

Quãng gần nửa đêm, tự nhiên tôi thấy đau bụng, càng lúc càng đau nhiều hơn. Có cái gì rất khác thường trong người làm tôi khó chịu, nhưng không lên tiếng, sợ phá giấc ngủ anh em. Tôi cố gắng nằm ôm bụng nhưng càng lúc càng khó chịu, mặt mày xây xẩm, tay chân bủn rủn và nghe buồn nôn, đồng thời lại vừa buồn đi đại tiện. Lúc đó tôi nghĩ thầm: “Chết rồi, mình bị trúng gió nặng quá, bây giờ làm sao?”

Tôi chịu không nổi nên tung chăn đứng lên định bước vô cầu tiêu, nhưng khi vừa đứng dậy, tôi liền ngã quỵ, đê sập dây màn mắc chằng chịt chung quanh. Lúc đó tôi nghe ù tai, hoa mắt nhưng cố gượng đứng lên, nhưng không đứng được và tôi phải bò về phía cầu tiêu. Nhìn chung quanh, tôi ngạc nhiên khi thấy có mấy anh cũng đang ngã nghiêng, bò lê dưới đất như tôi. Tôi chưa hiểu câu chuyện ra sao thì nghe nhiều chỗ có tiếng rên, tiếng người đang ói mửa, mỗi lúc một nhiều hơn. Lúc đó có tiếng một anh nói thật to, có lẽ là anh đội trưởng: “Các anh dậy mắc màn lên, cả buồng bị say sắn rồi!”

Sau tiếng kêu đó, tất cả đều tung màn ngồi lên. Thình lình tôi nghe tiếng động thật to của một anh từ sàn trên té lộn nhào xuống sàn! Cả buồng diễn ra cảnh hỗn độn khác thường, những người say ít thì giúp đỡ người bị nặng. Trong buồng giam chỉ có một cầu tiêu mà mấy chục con người đang cần cùng lúc, nên không còn cách gì hơn, những người bị say sắn đành ói mửa và đại tiện tại chỗ. Phần tôi, sau khi nôn ra sàn và đại tiện ra quần, cảm thấy dễ chịu hơn đôi chút nhưng người lã đi và không đứng lên nổi.

Tôi cố bò nằm vật ra trên sàn ván, chẳng cần biết đó là chỗ của ai. Mấy người khác vội vàng thu chăn chiếu áo quần cho gọn. Đêm đó quá hai phần ba số người trong buồng bị say sắn. Vài anh bị nặng nằm sóng sượt như một cây ma bất động. Buồng giam trở nên tanh tưởi và hôi thối không thể tưởng. Có mấy người bị anh em vô tình nôn thốc lên cả chăn chiếu.

Tôi không ngờ say sắn kinh khủng đến như thế. Lúc còn trong Nam, chưa bao giờ tôi nghe ai ăn khoai

mì say bao giờ, chừng ra trại Nam Hà tôi mới nghe nói tới hai tiếng “say sấn”, nhưng đây là lần đầu tiên tôi bị. Sáng hôm sau, cán bộ cho mấy người bị say sấn nặng được nghỉ lao động. Tôi cũng được nghỉ. Hôm đó tôi cố mò ra giếng sau nhà kéo nước lên giặt quần áo và lau người. Đây cũng là lần đầu tôi có dịp lau người sau khi lên trại này được một tháng.

Đóng Quan Tài

Đội tôi chia làm 2 tổ, tổ mộc và tổ cưa xẻ. Tôi được phân công vào tổ mộc do anh Nguyễn Huy Khoan, người tù BK làm tổ trưởng. Khoan là người hiền từ, nói năng nhỏ nhẹ và sống rất hòa nhã với anh em. Vào đội mấy hôm, anh Khoan thấy tôi chẳng biết một tí gì về nghề mộc, nên cho tôi vào khâu tương đối dễ là đóng quan tài, vì công việc này không cần có tay nghề.

Tôi không biết những trại hòm ngoài xã hội họ đóng quan tài ra sao, nhưng ở trại Quyết Tiến chúng tôi đóng rất đơn giản. Vật liệu là những tấm ván bìa của tổ cưa xẻ thải ra. Các tấm ván bìa này sau khi được cắt ra theo kích thước thông thường, chỉ việc đóng đinh ráp vào nhau như cái hộp hình chữ nhật, không cần bào gọt gì cả. Một vài tấm ván bìa có mắt bị nứt hoặc bị vỡ một chút cũng không sao, vì xác anh tù nằm trong đó đâu có rơi ra ngoài được. Dù vậy chỗ nào hở to quá chúng tôi cũng phải đóng thêm tấm ván nhỏ bên ngoài cho kín, nếu không xác anh tù bên trong có thể ló tay ra ngoài, có thể làm những tay yếu bóng vía sợ. Vả lại đàng nào thì cũng chôn xuống đất nên bận tâm làm gì những chi tiết không quan trọng đó.

Khi được cho vào khâu này tôi rất mừng vì không cần kỹ thuật cao và hơn nữa được dự phần vào việc chôn cất các anh em đồng cảnh. Lúc đầu tôi tưởng sẽ rất nhàn hạ với công việc này nhưng tôi đã làm, vì có những lúc tù chết nhiều quá, toán chúng tôi làm bờ hơi tai nhưng vẫn không kịp cung ứng cho nhu cầu của trại. Một phần cũng vì tổ mộc không cung cấp kịp ván bìa, nên toán chúng tôi phải chờ đợi và làm việc bất cứ lúc nào khi có vật liệu.

Lúc đó trong trại có nhiều người tù hình sự chỉ còn là những bộ xương biết đi, dù vậy hàng ngày vẫn phải lê lét đi lao động bên ngoài trại. Có những “bộ xương” mới hôm qua tôi còn thấy lảng vảng trong sân, hôm nay đã thành thân chủ nhận hàng của toán tôi. Trong việc hậu sự, khâu của tôi chưa phải là cuối cùng. Để kết thúc một kiếp người tù, còn có một toán hình sự chuyên đào và lấp huyệt. Nhóm này chỉ có 4 người, và hình như thuộc diện được chiếu cố nên họ giữ độc quyền công tác, ít ra là trong thời gian tôi biết. Đây là mấy anh khá to cao và khỏe mạnh, khác với đám tù nhân xanh xao gầy còm như những bóng ma khác.

Tù Chết Nuôi Tù Sống

Một thời gian sau tôi mới biết là mỗi lần đào và lấp huyệt, mỗi anh được bồi dưỡng một suất cơm cháy mà bình thường dùng để nuôi lợn của trại. Ngoài ra, sau khi hạ huyệt một người tù, toán này còn được “hưởng” bát cơm trắng và quả trứng luộc đặt trên quan tài người tù xấu số theo phong tục trong tù. Tôi

nghe mãi không ra tại sao lại có tập tục này. Có lẽ ban giám thị làm như thế để không bị lương tâm dày vò chăng? Vì khi sống không cho ăn, khi chết “cúng” cho một bát cơm trắng và quả trứng luộc như ngầm nói: “Đấy nhá, anh đừng có giận hờn gì, chúng tôi vẫn chiếu cố anh đấy!”

Cũng vì mỗi lần chôn tù được bồi dưỡng như vậy nên toán này thường đi rảo trong các buồng, nhất là bệnh xá, thấy anh tù nào ngoi ngóp mà chưa chịu “đi” thì đá cho một phát: “ĐM mày, đi nhanh cho các bố mày nhờ, còn nằm đây rên rỉ làm gì?” Cũng vì những chuyện đau lòng này mà một anh bạn trong nhóm Nam Hà chúng tôi là anh Nguyễn Đức Khuân có sáng tác một bản nhạc mang tên “Một người nằm xuống bốn người được no!” để ghi lại sự kiện này.

Người Anh Kết Nghĩa

Trong thời gian ở toán mộc này, tôi gặp và làm thân với anh Đặng Văn Tiếp và sau đó chúng tôi đã kết nghĩa trong tình huynh đệ lâu dài. Thật ra trước kia chúng tôi đã có gặp nhau đôi lần tại Vĩnh Long và Sài Gòn khi anh Tiếp và một số Dân Biểu trong Khối Quốc Gia như Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Cừ, Hồ Ngọc Nhuận... ủng hộ phong trào chống tham nhũng do Linh Mục Trần Hữu Thanh phát động năm 1974.

Lúc ở trại Cống Trời, anh Tiếp làm trong toán mộc. Anh khéo tay và đóng nhiều bàn ghế và hòm (rương) thật đẹp. Để có một nơi dễ dàng làm việc, anh chiếm cái bàn bào sát góc nhà trong lán mộc, rất riêng biệt và yên tĩnh. Thỉnh thoảng tôi ngừng tay, bước tới chỗ anh, nói vài câu chuyện và cùng hút thuốc lào. Anh có cái điếu bằng nhựa rất nhỏ và gọn, chúng tôi cùng hút thuốc với nhau. Ngoài những lúc tâm tình và an ủi nâng đỡ nhau, chúng tôi thường nói đùa cho vui. Có lần tôi khen:

– Không ngờ một ông Luật sư, Thiếu tá Không Quân, Dân Biểu Đặng Văn Tiếp mà cũng biết cầm cưa, bào, đục và đóng được bàn, ghế, em phục anh sát đất!

Nghe tôi nói anh Tiếp cười, để lộ chiếc răng khểnh trả lời:

– Thì anh cũng tập để sau này về đóng chuồng gà cho vợ, may ra vợ còn thương tình cho ngày hai bữa cơm!

Tôi đùa lại

-Thế em chẳng biết nghề ngỗng gì hết thì sau này về chết đói à?

Anh giờ tay chỉ mấy cái quan tài tôi đang đóng dở dang :

– Thì cậu có nghề đóng áo quan đó, còn muốn gì nữa?

-Nhưng tay nghề của em thì ma nó mượn!

Anh nhìn tôi cười:

– Thất nghiệp thì vào làm thợ vịn trong xưởng đóng chuồng gà của anh!

Những câu đùa cợt vui vẻ đó giúp anh em tôi quên đi phần nào cảnh khổ trong tù nhất là trong những lúc vừa đói lại vừa rét như ở Cổng Trời này.

Chính tại góc nhà trong lán mộc này mà anh em tôi tâm sự với nhau về nhiều vấn đề, nhất là về cách thức làm sao thoát ra khỏi nhà tù. Tôi không bao giờ quên được dáng cao và gầy của anh Tiếp trong bộ đồng phục màu xanh của tù, áo trấn thủ bên ngoài, đầu đội mũ len, cặp kính gọng đồi mồi xệ xuống sống mũi. Anh Tiếp là người vui vẻ, có óc hài hước, thích tiếp xúc với mọi người nhưng chỉ nói chuyện chơi cho vui, còn những chuyện riêng tư thầm kín chỉ hai anh em chúng tôi biết. Trong hoàn cảnh đó, lúc nào chúng tôi cũng phải đề phòng những con mắt và lỗ tai không thân thiện chung quanh mình.

Ở đây, yếu tố thiên nhiên với cái rét khủng khiếp của vùng chóp đỉnh địa đầu đất nước mang tính cách tiêu diệt nặng nề nhất. Khi lên trại Quyết Tiến, chúng tôi được phát mỗi người một áo trấn thủ, tức là áo bông sát nách, che ấm trước ngực và sau lưng. Nhưng trước khi mặc áo trấn thủ vào, tôi đã mặc tất cả những áo gì tôi có thể mặc được vào bên trong, sau đó dùng dây vải bó thân thể thật chặt như bó giò và mặc như thế suốt cả ngày lẫn đêm trong mùa Đông.

Hình như không ai tắm vào mùa Đông, mặc dù phía sau buồng có giếng nước rất trong. Những lúc quá cần thiết như hôm cả buồng say sấn, hoặc những ngày quá bận sau lúc lao động, chúng tôi cũng chỉ dám lau qua người. Cách ăn mặc “bó giò” để chống rét này đã đưa tới tình trạng dở khóc dở cười của một anh trong nhóm Nam Hà của tôi, đó là anh Ngô Đình Thiện, quăng ngoài 20. Lúc ở Nam Hà, anh Thiện cắt cái chăn Trung Quốc trại phát ra để may thành chiếc áo ấm dài tay mà lúc nào tôi cũng thấy anh mặc trên người.

Lúc lên trại này anh cũng mặc áo đó trong cùng, sau đó “bó giò” và mặc thêm áo trấn thủ bên ngoài. Thiện cũng bị ở kiên giam một tháng như tôi. Lúc ở buồng gần bên, anh hay gọi tôi và nói là người anh có phong, lúc nào cũng ngứa cả ngày lẫn đêm, ngứa không ngủ được. Anh muốn đi khám bệnh, nhưng vì ở kiên giam nên đành chịu, chỉ trừ trường hợp bệnh ngặt nghèo mới được xuống bệnh xá, còn các chứng bệnh thông thường như anh thì phải khắc phục!

Đại Hội “ Rận”!

Sau khi ra khỏi kiên giam và được xuống đội mộc, anh đi bệnh xá khám bệnh và xin thuốc phong. Lúc bấy giờ trại thường cho ăn ngô bung với bắp cải nấu có chút mắm tôm. Thiện khai ăn nhạt, tức là bắp cải luộc không có mắm tôm, vì nghĩ rằng ăn mắm tôm làm anh bị ngứa. Lúc đó gần Tết, thời tiết lúc nào cũng ở độ âm và thân thể bị “bó giò”. Tôi để ý thấy trên tay của Thiện lúc nào cũng có cây que nửa nhỏ để thọc vào sau cổ áo, lòn vào bên trong những lần vải để gãi ngứa. Không hiểu bệnh tình ra sao mà tôi thấy anh xanh xao, gầy mòn nhanh hơn nhiều người khác, và lúc nào anh cũng kêu người có phong, ngứa ngứa không chịu được.

Ngày 30 Tết năm đó, tự nhiên trời nắng ấm khác thường. Tôi có cảm tưởng như đây là món quà trời cho để đám tù nhân khốn khổ chúng tôi có dịp tắm rửa, giặt giũ để đón mừng một năm mới. Hôm đó đội mộc chúng tôi không phải lao động, chỉ lo quét tước, dọn dẹp gỗ lạt trong lán mộc cho sạch sẽ trước khi được nghỉ mấy ngày ăn Tết. Sau khi dọn dẹp xong, chúng tôi đun lên một chảo nước sôi thật to để anh em tắm giặt và tẩy uế, vì có người mấy tháng nay chưa biết tắm là gì. Trong ánh nắng ban mai, mọi người ra sân tháo bỏ áo quần đã “bó giò” trên thân thể, nhìn anh nào cũng gầy đét và xanh xao như tàu lá chuối.

Tới phiên anh Ngô Đình Thiện cởi bỏ cái áo may bằng chần, mà anh mặc sát trong người từ mấy tháng nay, thì một chuyện quái đản bất ngờ xảy ra! Mặt bên trong của chiếc áo ấy hiện ra một lớp rận dày, lúc nhúc như dòi, nhiều vô số kể. Những con rận no tròn như hạt vừng màu sữa đục, con nào cũng có cục máu đen trong bụng. Khi Thiện ném cái áo xuống sân, đàn rận văng ra tung tóe và bò lênh nhễn khắp nơi. Mọi người túm đến coi. Có người quay đi khạc nhổ, có người ụa mửa vì lợm giọng. Mặc dù trong tù tôi đã chứng kiến bao nhiêu cảnh dơ bẩn, nhưng cảnh này là lần đầu. Lúc đó Thiện dùng que nứa gạt rận trong áo xuống tờ giấy, gộp lại chắc đầy một muống ăn canh! Thì ra mấy tháng nay đàn rận sanh sôi nảy nở trong cái áo may bằng chần có nhiều lỗ hang và thức ăn lúc nào cũng có sẵn cho chúng. Đàn rận nhiều như trấu đó thay nhau hút máu ngày đêm làm thân thể “bó giò” của anh bị ngứa ngáy mà anh kêu là bị dị ứng mắ môm! Sau đó anh Thiện ném cái áo vào chảo nước sôi luộc làm số rận còn lại chết trôi lều bều trên mặt nước như những cánh bèo hoa dâu, trong ao sâu cá mè!

Người Tù Lạ Mặt

Cái rét cũng là yếu tố hành hạ tù nhân bị kỷ luật cách nặng nề nhất. Trong buồng chúng tôi lúc đó có anh tù hình sự tên Cẩn, còn gọi là Phó Cẩn, lúc đó Cẩn độ chừng 30 tuổi. Cẩn lấy trộm cái khóa của anh khác, bị bắt quả tang và bị đi kỷ luật, còn gọi là nằm nhà đá, vì nhà kỷ luật xây bằng đá. Người tù kỷ luật “nằm nhà đá”, chỉ được mang theo một bộ quần áo, một chần và một chiếu. Vì nhà đá không xa khu O mấy, nên ban đêm chúng tôi nghe những người bị kỷ luật kêu la, tru tréo như những con chó sói. Họ tru lên suốt đêm cho đến khi nào kiệt lực thì gục xuống chịu trận.

Trong cái lạnh dưới không độ, mặt nước hồ còn đóng váng lại mà người tù chỉ có trên người một bộ quần áo và một cái chần mỏng thì làm sao chịu cho nổi?! Quãng nửa tháng sau, một hôm sau giờ lao động, tôi về buồng thấy có người tù lạ mặt mới nhập đội. Người tù mới này đã lớn tuổi, có lẽ đã ngoài 50, đang lúi húi giặt quần áo gần bên miệng giếng. Tôi để ý thấy ông ta chào vài người trong đội, nên nghĩ là tù hình sự các buồng thường quen biết nhau. Mãi hồi lâu, khi tới gần tôi mới nhận ra “ông lão” đó chính là Phó Cẩn vừa mới ở kỷ luật xuống. Cẩn ở trong buồng tôi đi kỷ luật mới có 2 tuần mà bây giờ đã trở thành một ông lão khiến tôi không còn nhận ra anh.

Ý Trời!

Trong thời gian ở Khu O này, tôi và một vài người đã chuẩn bị một cuộc vượt ngục, trừ tính sẽ đi sang

Trung Quốc. Trại này trước đây có mấy người vượt ngục thành công qua Trung Quốc và có lên tiếng trên đài phát thanh. Nghe tin này chúng tôi càng quyết tâm hơn. Nhóm chúng tôi có 5 người gồm các anh Tiệp, Trinh, Thông và tôi cùng với một anh người Tàu là Tráng Giàng Thào. Kế hoạch đã được sắp xếp. Trưa ngày Chủ Nhật hôm đó, chúng tôi nấu một nồi chè ngọt ăn lấy sức để đêm nay hành động. Khi nồi chè vừa chín thì bất thần nghe tiếng kèn tập họp, có lệnh đổi buồng! Thế là chúng tôi phải bỏ kế hoạch. Đây là lần thứ hai có sự trùng hợp hết sức ngẫu nhiên. Điều này làm tôi nhớ lại một trường hợp ngẫu nhiên khác đã xảy ra trong chuyến tàu Sông Hương chở tù ra Bắc một năm trước. Sau khi đổi buồng, tôi và một số anh em được chuyển ra ngoài sung vào đội trồng bắp cải.

Khi chuyển ra ngoài, tôi vào ở trong buồng và nằm đúng vào chỗ của một anh tù hình sự tên là Hán Còi, mà anh em kể lại trước đó không lâu đã bị Nhân Điền chặt đứt đầu trong giờ ngủ trưa vì hai người tranh chấp nhau trong vụ chia thịt heo trong ngày lễ Tổng Kết Lao Động của Trại. Nhìn lên tường tôi còn thấy những vết máu của Hán Còi thấm vào một vài chỗ, nhưng đã mờ. Sau vụ đó Nhân Điền bị kêu án tử hình, nhưng khi chúng tôi tới trại Cổng Trời thì Nhân Điền đã được giảm án xuống chung thân. Sau đó anh ta tự sát hụt một lần bằng cách quán vãi vào cổ, tắm dầu và châm lửa.

Sau vụ đó Nhân Điền bị một vết sẹo thật to ở cổ, dĩ đâu anh cũng quán khăn. Từ đó anh cứ đi lang thang trong trại, không nói năng gì với ai. Thỉnh thoảng Nhân Điền vào chỗ tôi chơi. Thấy anh ta tôi cũng ngán, nhưng thật ra anh rất hiền, hỏi thì nhe răng cười, ít khi trả lời. Sau này tôi biết thêm câu chuyện thương tâm như sau. Lúc còn nhỏ chừng 15 tuổi, Nhân phá quá, nên mẹ của Nhân là một cán bộ khá cao cấp, bèn “gởi” Nhân vào Trường Bộ, tức là nhà tù Thiếu Niên phạm pháp để nhờ “giáo dục” giùm! Kết quả là như vậy. Khi tôi gặp Nhân Điền ở trại Cổng Trời, lúc bấy giờ anh đã ngoài 20 tuổi, đặc biệt là Nhân Điền nhìn rất đẹp trai, và mặc dù anh ta bị điên, nhưng chẳng bao giờ làm hại ai, từ sau vụ chặt đầu Hán Còi!

Vùng chung quanh trại Quyết Tiến này lạnh quanh năm nên rất thích hợp để trồng bắp cải. Do đó, trại có một ruộng trồng bắp cải thật mênh mông, cung cấp cho cả tỉnh Hà Tuyên. Công việc nặng nhọc nhất trong đội là gánh nước tưới hòa với phân người, còn gọi là phân bắc để tưới rau. Thật thảm thương cho những linh mục lớn tuổi và ốm yếu lúc bấy giờ như Cha Đinh Cao Thuấn và Cha Cao Đức Thuận, nguyên là Giám đốc Nha Tuyên Úy Công giáo của QLVNCH. Dù ốm yếu và lớn tuổi, các Cha hàng ngày vẫn phải gánh nước tưới và bị mấy anh tổ trưởng hình sự đày đến nơi đến chốn.

Linh Mục Phạm Ngọc Lan, vì lớn tuổi và quá yếu, hơn nữa lại bị bệnh phổi và không thể gánh nổi nước tưới nên được cho làm việc nhẹ hơn là dẫn trâu cho một người tù khác cày. Những con trâu mới vực nhiều lúc chưa quen mang ách cứ dùng dằng chạy tới chạy lui làm anh tù hình sự cầm cày phía sau vừa quát trâu vừa chửi người dắt trâu: “ĐM thằng già vô tích sự!” Riêng Cha Cao Đức Thuận, vì có cây Thánh giá bằng vàng đeo trên cổ, anh tổ trưởng Phùng xin, ngài không cho nên bị anh ta hành tội. Khi Cha Thuận gánh nước tưới, tổ trưởng Phùng đứng kiểm soát, đợi khi ngài gánh gần tới nơi, anh ta đập thùng cho đổ và nói là gánh lụng, bắt gánh lại!

Hết Thiên Nhiên Tới Người

Trại Quyết Tiến lại có hình thức xuất quân lao động theo kiểu “hàng đội”, tức là đội trưởng sau khi báo số, sẽ bắt đầu đếm một hai, một hai... như trong một đội quân thì đội viên trong hàng phải bước đều theo nhịp đếm. Tôi nghiệp cho hai linh mục già Đinh Cao Thuấn và Phạm Ngọc Lan không bước đều chân được nên bị phạt. Buổi trưa khi đội vào trại nghỉ thì hai linh mục già này bị tổ trưởng bắt ra đứng giữa sân cạnh nhà ăn để tập bước. Tổ trưởng ngồi trong nhà ăn đếm, hai linh mục già đứng ngoài nắng chang chang giậm chân tại chỗ tập bước suốt buổi trưa! Bước sai thì tổ trưởng chửi ra: “ĐM, mang lon Đại tá nguy mà không biết bước đều!” Càng chửi Cha Thuấn càng luống cuống bước sai nhịp đếm. Tôi ngồi nhìn cảnh đó mà như xót xa đoạn trường! Tôi cảm thấy đau. Đau cho một kiếp người mang thân phận tù. Đau vì tình người bạc bẽo, vì cảnh người hành hạ người. Thiện và ác gặp nhau nơi ‘bể khổ’, để rồi dường như có kẻ đã mất tính người!

Đội tôi do anh Cường cũng là tù hình sự làm đội trưởng. Anh Cường này là người biểu thị quyền uy đội trưởng tới mức tối đa. Lúc đó Cường chừng 35 tuổi, to lớn, mập mạp và trắng trẻo. Lúc nào anh cũng mặc bộ đồ 4 túi may bằng vải của màu áo Thủy Quân Lục Chiến miền Nam. Anh ta bước đi thật oai vệ, mặt mày lúc nào cũng nghiêm trang không mấy khi cười, có hai anh tù tà lọt đi hai bên. Các anh tù hình sự trong đội gọi anh là “Ông Tướng”.

Trước kia Cường là bộ đội ngành vận tải, sau đó âm mưu cướp đoạt máy xe hàng của quân đội nên bị kết án tù 20 năm, lúc chúng tôi ở đó thì anh chỉ còn 10 năm vì được giảm án khá nhiều lần. Anh này cai trị tù hình sự dưới tay, không biết khoan nhượng, anh nào trong đội bị anh hành hạ thì không còn đường nào mà kêu.

Tôi nhớ có lần khi đội đang chia thức ăn chiều thì Cường gọi Xuyên “Già” tới. Xuyên lúc đó đã ngoài 50 tuổi, người thấp bé, vì lớn tuổi nên có biệt hiệu là Xuyên Già. Tôi nghe kể có lần Xuyên phát biểu: “Vì anh Cường không có tiền nên anh ấy không nhiệt tình nhờ cán bộ mua hàng cho đội.” Vạ miệng hại thân, câu đó vô tình tới tai “Ông Tướng” và chiều hôm đó Xuyên Già phải trả giá. Cường nổi giận gọi Xuyên tới và dùng hết sức lực đánh, đá, đập người tù già như một quả bóng trong chân. Xuyên Già quỳ gối xuống giữa sân lạy xin tha, nhưng Cường thuận chân đá một phát, Xuyên bay vào bể cạn. Cường điên tiết ra lệnh cho Xuyên bò ra và tiếp tục đánh cho tới lúc nạn nhân nằm bất động mới cho hai tên tà lọt khiêng lên bệnh xá.

Hôm đó một phần Cường nổi giận với Xuyên Già, nhưng tôi đoán phần khác cũng để dành mặt mày anh tù chính trị vừa nhập vào đội của anh. Tuy nhiên, suốt thời gian đó chưa lần nào Cường xúc phạm gì tới nhóm tù chính trị chúng tôi. Ngược lại anh tổ trưởng Phùng, có tên là “Phùng điên” thì thật là quá đáng! Anh này tội giết người và bị kêu án tử hình, sau đó giảm xuống chung thân và sau xuống còn 18 năm.

Dưới Trướng Của Lưu Mạnh

Một đêm trong lúc họp buổi, Phùng ngồi vắng tục chửi 'ĐM' mấy người đập dệp anh ta vất lẩn lóc giữa lối đi. Thật sự là Cha Cao Đức Thuận đập dệp anh ta, vì lúc đó ngài rất già yếu và mắt kém. Nghe chửi quá, Cha Thuận ngồi bên này lên tiếng:

-Buồng thì chật và đông người và anh vất dệp ở lối đi nên đôi lúc anh em vô tình giẫm lên.

Nghe Cha Thuận trả lời anh ta nổi điên. Anh ta muốn dùng díp này để đay nghiến Cha Thuận, vì xin cây Thánh giá nhưng bị từ chối. Thế là anh quát:

-ĐM ! Có mắt để làm gì hở?

Và sau câu đó anh ta tiếp tục chửi một thôi một hồi, toàn là những tiếng chửi thề tục tĩu nhất. Trong khi anh chửi, Cha Thuận ngồi chịu trận và khoanh tay ngồi gục đầu xuống gối. Bên kia anh ta chỉ tay vào Cha Thuận quát:

-ĐM! Thằng già đó! Ngồi ngẩn đầu lên! Đang họp mà ngồi thế hả?

Cha Thuận bướng bỉnh đáp lại:

-Anh quyền gì mà không cho tôi cúi đầu?

Nghe Cha Thuận trả lời, anh ta nổi điên thực sự, nhảy phóc sang nhanh như một con khỉ, định hành hung Cha Thuận. Nhưng anh khựng lại khi thấy tôi bất ngờ đứng lên, hai bàn tay tôi nắm lại. Thấy tôi đứng dậy, một vài anh em nhóm Nam Hà ngồi bên Cha Thuận cũng đứng dậy theo. Anh ta hiểu ngay tình thế nên không dám động tới Cha Thuận, nhưng sau đó chửi bới cho đã cơn giận. Để mặc cho anh ta điên cuồng chửi bới, Cha Thuận và chúng tôi ngồi yên không ai lên tiếng.

Tôi theo đội trông bấp cải được mấy hôm thì được lệnh ở nhà để viết tường thuật, tức là khai báo lý lịch. Có 3 người khác cũng ở nhà cùng viết là các anh Nguyễn Vượng Thọ, nguyên Tổng thư ký Bộ Tư pháp, anh Lê Văn Khương, nguyên Quản đốc trại tù Côn Sơn và Phạm Dương Đạt, một Thiếu tá Thủy Quân Lục Chiến. Vì chỉ có 4 người viết nên không có thủ tục rườm rà như lần khai báo ở trại Nam Hà năm trước. Từ đó hàng ngày khi đội đi lao động, chúng tôi ở nhà viết "luận án" dưới sự hướng dẫn và kiểm soát của một cán bộ giáo dục người Tày là Chuẩn úy Siển. Anh là một người ít nói và hiền hậu hiếm có trong số cán bộ trong tù.

Lúc bấy giờ tôi ăn uống và sinh hoạt chung với Cha Thuận. Mỗi buổi trưa và chiều nhìn cảnh các linh mục già nua lang thang léch thếch theo đội đi lao động về tôi thấy thâm sâu làm sao! Chúng tôi mới lên Cổng Trời chưa đầy một năm nhưng cái đói và cái rét đã "ăn" hết thịt mấy người tù, nhất là các linh mục già, chỉ còn chừa lại xương với da. Người nào cũng má hóp trơ xương mặt ra rất thảm hại.

Lúc nhìn những hình hài này, tôi chợt nhớ lại ngày xưa, có lần một người ở quê tôi rộng một hầm cá lóc, vì tát đìa có nhiều quá nên rộng đó để ăn dần. Chừng mấy tháng sau tát hầm bắt cá lên, tôi tới coi

và thấy tất cả mọi con cá gần như chỉ có cái đầu, còn thân và đuôi cá thì dẹp lại nhỏ xíu trông rất thảm hại và lạ lùng. Vì tôi chưa bao giờ được thấy cá lóc bị teo như vậy nên hình ảnh đó làm tôi nhớ hoài. Lúc ở trại Cống Trời, khi nhìn thân hình những người tù, nhất là các linh mục già tự nhiên tôi nhớ mấy con cá bị rộng trong hầm năm xưa!

Có lần tôi thấy mặt mày Cha già Phạm Ngọc Lan bị trầy trụa, tôi hỏi tại sao, Cha cho biết bị trâu đập vì hôm đi dẫn con trâu ghé mới vực cày, thằng tù hình sự cầm cày đánh trâu mạnh quá nó giật mình phóng tới làm Cha Lan ngã xuống bị trâu giẫm lên! Tôi nghe mà xót xa trong lòng.

Cũng trong thời gian viết tường thuật này, có một buổi chiều chúng tôi nghe tiếng quát tháo và tiếng đấm đá tung bưng phía bên kia hàng rào bằng ván. Khi ghé mắt nhìn qua, tôi bị tối mắt khi thấy một nhóm rất đông cán bộ quây đánh anh Nguyễn Huy Khoan cách tàn nhẫn vì anh Khoan trốn trại trong lúc đi lao động tự giác. Anh đã đi sâu qua khu rừng, chẳng may một cán bộ đi bắn chim phát giác bắt lại, dẫn về trại và cho ăn đòn hội chợ. Anh Khoan là người tù Biệt Kích, anh là người rất tốt, hiền từ, ăn nói thật nhỏ nhẹ, trước kia là tổ trưởng tổ mộc khi tôi còn trong khu O.

Sau khi lên 'Cống Trời' vài tháng, chúng tôi nghe nói nhiều tới chiến tranh với Trung Quốc. Trong trại có một loa phóng thanh đặt ở hội trường và hàng đêm chúng tôi được nghe tin tức thời sự. Trong các bài bình luận, càng ngày thái độ của Chính phủ Việt Nam chống và chửi Trung Quốc càng nặng giọng và trong những lần học tập chính trị, cán bộ nói nhiều về mộng xâm lăng bành trướng của bá quyền bắc phương. Tình hình càng lúc càng căng thẳng và trong trại râm rì tin đồn về chiến tranh sẽ xảy ra.

Nếu thực sự có chiến tranh biên giới xảy ra thì chúng tôi là những người chịu ảnh hưởng trước nhất, vì trại Quyết Tiến nằm ở vùng địa đầu giới tuyến, chỉ nằm cách biên giới Trung Quốc quãng 10 cây số tính theo đường chim bay. Những hôm trời quang mây tạnh chúng tôi nhìn thấy được dãy núi bên trung Quốc. Tâm trạng chúng tôi lúc bấy giờ vừa lo âu, vừa sợ lại vừa mừng, nhưng cũng chỉ biết phó thác số phận cho Trời. Trong thời gian này đội vẫn đi lao động bên ngoài và bốn người chúng tôi vẫn ngồi nhà viết tường thuật.

Ngày Phục Sinh

Tới tháng 7 năm 1978, tình hình biên giới Việt-Hoa trở nên rất căng thẳng. Thỉnh thoảng chúng tôi nghe tiếng đại bác từ xa phía biên giới Trung Quốc vọng về. Mấy anh tù hình sự đi lao động tự giác bên ngoài về cho biết đó là quân đội Trung Quốc tập trận, vì trại này nằm cách biên giới không xa nên tiếng súng lớn nghe rất rõ. Ban ngày thỉnh thoảng chúng tôi cũng thấy máy bay chiến đấu bay lượn trên vùng trời khu vực trại tù. Những hiện tượng này cho phép chúng tôi phỏng đoán sắp có chiến tranh xảy ra.

Suốt trong tháng 7 đó, tất cả tù nhân chúng tôi, ngày Chủ Nhật được lệnh đi đào giao thông hào cách ngoài trại một dãi. Chúng tôi đào chiến hào khá dài, bề ngang 2 thước, sâu cỡ đầu người. Khi công

tác này bắt đầu, chúng tôi có cảm giác như đã ngửi thấy mùi thuốc súng đâu đây. Nhiều người bàn ra tán vào về cái giao thông hào rộng và sâu này. Có lần chúng tôi được nghe cán bộ giải thích, đào như thế để ngăn trâu bò của dân vào phá hoa màu của trại. Có kẻ nói, để lực lượng võ trang của “ta” chống cự khi quân đội Trung Quốc tràn qua biên giới, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn nghĩ, biết đâu những người chủ trương đào hầm này lại có một ý khác nữa. Ý nghĩ này tôi không tiện nói ra nhưng nó ám ảnh tôi không lúc nào nguôi!

Ngày 2 tháng 8 năm 1978 là một thời điểm đáng ghi nhớ trong đời tôi. Chiều hôm đó trước giờ xuất quân đi lao động, có tiếng kèn tập họp lên hội trường. Khi nghe tiếng kèn, tôi có linh tính rất mạnh là có một biến cố gì quan trọng. Sau khi tập họp xong, ông trại trưởng, lúc bấy giờ vẫn còn là Đại úy Lãng, thông báo, để tạo điều kiện cho việc cải tạo thuận tiện hơn, Bộ Nội vụ quyết định đưa số tù nhân của trại về miền xuôi.

Vừa nghe tới đó cả hội trường vỗ tay la lối vang dậy. Một nỗi mừng quá lớn bộc phát tự nhiên làm không ai kiềm hãm được nỗi vui trong lòng, cứ phải la hét, cứ phải nói, cứ phải nhảy nhót, cứ phải vỗ tay, cứ phải quay sang bắt tay người này vỗ vai người khác. Tôi ngồi thừ người trong trạng thái vui mừng tột độ chỉ biết âm thầm nói câu “Tạ ơn Chúa!” Tôi không ngừng cầu xin Chúa che chở trong cơn khó khăn. Tôi biết rằng, có thể đó là một trong những ngày vui nhất của cuộc đời tôi cho tới lúc này.

Phải mất một hồi lâu cán bộ mới vẫn hỏi được trật tự để ông trại trưởng tiếp tục nói, nhưng hình như không ai trong chúng tôi còn muốn nghe gì thêm. Đối với chúng tôi, chỉ cần biết được rời khỏi ‘Cổng Trời’ là đủ rồi. Không cần biết sẽ đi về đâu, ở trại nào, chuyện đó tính sau, vì ra khỏi ‘Cổng Trời’ là còn hy vọng được sống.

Sau đó ông trại trưởng phổ biến thêm thời giờ và chi tiết cuộc chuyển trại. Tôi nghe nhưng không chú ý lắm vì trong 3 năm qua tôi đã chuyển trại 6 lần và biết tất cả những gì phải làm. Chiều hôm đó cán bộ Siển vào thu bài viết, tôi bảo đang viết dở dang, anh ta bảo như thế không cần thu, và tôi chấm dứt việc khai báo tại trại Quyết Tiến từ đó.

Trong đêm cuối cùng ở trại Cổng Trời, tôi thấy quên hết mọi ưu phiền, và lạ lùng hơn nữa là thấy như không phải là đang ở tù. Nếu từ trước nay, trại Cổng Trời đồng nghĩa với một thứ “tử địa” thì bây giờ tôi thấy nó chỉ còn là một nơi ghi lại một phần kỷ niệm đời tôi như bao nhiêu nơi khác. Từ nay Cổng Trời không còn hiện diện trong tôi như một nhân tố tiêu diệt mà chỉ là một nơi giúp cho tôi đung chạm tới sự khắc nghiệt của thiên nhiên, cảnh khổ của tù hành hạ tù và nhất là bóng dáng của Thần Chết mình mặc áo choàng đen, người không có thịt chỉ có xương, tay cầm liềm hái đang từng bước đi tới.

Hôm sau là một ngày rất đẹp trời lại nắng ấm, một ngày thời tiết đẹp hiếm có của vùng này. Tôi có cảm tưởng vui vì tôi cho rằng vị thần coi thời tiết thấy hối hận, vì đã đối xử quá tệ bạc với chúng tôi trong suốt 8 tháng qua, và hôm nay làm một cử chỉ đẹp, coi như là món quà tạ lỗi trước lúc chia tay!

Mọi người tù được điều lên xe. Tôi bị còng dính với một anh bạn và chúng tôi ngồi chen chúc trong xe. Dù chật chội, nhưng tôi không lấy thế làm phiền. Khi xe ra khỏi trại một đổi và từ trên đỉnh núi cao chậm chậm đổ dốc, tôi nhìn xuống thấy những vầng mây trắng vương chân vào lưng chừng núi. Những đám mây trắng lững lờ bên dưới rất xa, có lẽ phải dưới xe tôi đến hàng nghìn thước.

Cảnh này đẹp lạ lùng, vẻ đẹp thần tiên cứ như mơ, làm tôi mãi mê ngắm nhìn. Lúc ngồi trên cao nhìn xuống những đám mây lững lờ trôi tít mù bên dưới, tôi chợt hiểu hết ý nghĩa hai tiếng “Cổng Trời” mà một người giàu óc tưởng tượng nào đó đã dùng để gọi trại Quyết Tiến mà chúng tôi vừa từ giã ra đi.

6 - TRỞ LẠI TRẦN GIAN



Đầu tháng 8 năm 1978, khi chiến tranh biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc sắp sửa bùng nổ, nhóm tù 48 người chúng tôi được di tản khỏi trại trừng giới “Cổng Trời” để về trại Thanh Cẩm thuộc tỉnh Thanh Hóa. Chúng tôi biết là người ta sợ nếu xảy ra chiến tranh thì Trung Quốc tràn qua biên giới sẽ giải thoát các tù nhân. Cùng đi với chúng tôi trong chuyến đó còn có 38 anh em Biệt Kích, nhưng họ về trại Lam Sơn, trước kia còn gọi là trại Lý Bá Sơ cũng trong tỉnh Thanh Hóa. Các anh em Biệt Kích này đã nhảy dù ra Bắc trong những năm 1962 và 1963. Họ bị bắt cầm tù đã lâu ở nhiều trại khác nhau tại miền Bắc trước khi bị đưa lên “Cổng Trời”. Khi chúng tôi gặp các anh em Biệt Kích ở trại Quyết Tiến vào năm 1977, có người đã ở tù 14 hoặc 15 năm rồi! “Nhóm 48 Quyết Tiến” chúng tôi gồm có 15 linh mục và một số anh em thuộc đủ mọi thành phần bị coi là nguy hiểm trong số tù chính trị miền Nam được tuyển chọn từ nhiều trại khác nhau đưa lên.

Cõi Tiên và Địa Ngục

Ở Cổng Trời, các tù nhân cảm thấy từ con người tới thiên nhiên đều đứng về phe đối nghịch với họ. Từ các cán bộ cai ngục với cách thức đối xử tàn nhẫn với tù nhân tới sự hành hạ dã man của các đội trưởng tù hình sự đối với đội viên, từ sự chém giết lẫn nhau trong đám tù hình sự tới cái đói triền miên trong lúc phải đi làm lao động khổ sai, tất cả đều nói lên nỗi khắc nghiệt, cay đắng, tủi nhục và uất hận của đời người. Còn nữa, yếu tố thiên nhiên với cái lạnh chết người ở đây lại càng thu hẹp thêm khoảng cách giữa sống và chết của người tù. Cái lạnh miền sơn cước “Cổng Trời” thật đáng sợ. Về mùa đông không mấy ngày nhiệt độ nhích lên quá con số không. Biết bao thành phần phản kháng chống chế độ cộng-sản đã chết ở đây.

Chúng tôi bị đưa lên Cổng Trời cũng là để chuẩn bị bước sang bên kia thế giới. Chỉ sau một vài tháng bị đày lên đó, tôi đã thấy bóng dáng Thần Chết tay cầm liềm hái đang dò từng bước đi tới. Có lẽ các linh mục già yếu và các anh em lớn tuổi trong nhóm càng thấy rõ hơn. Vì lý do đó, trong suốt ngần ấy

năm tù, chỉ có hai ngày làm tôi vui mừng và sung sướng nhất. Lần thứ nhất là ngày được di chuyển ra khỏi trại Cổng Trời vào đầu tháng Tám năm 1978 để về trại Thanh Cẩm trong tỉnh Thanh Hóa, và lần thứ hai tôi sẽ nói sau.

Trong hoàn cảnh đó việc Trung Quốc chuẩn bị tấn công vào vùng biên giới Việt Bắc được coi là cơ hội may mắn đối với các tù nhân bị lưu đày ở trại này. Năm đó Hoa Quốc Phong đang là Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Trung Quốc. Chính nhờ cơ hội đó, chúng tôi mới được chuyển về xuôi và một số anh em chúng tôi còn được sống sót tới ngày hôm nay.

Thật khó có thể diễn tả được tâm trạng vui mừng và cảm giác hạnh phúc của tôi cùng các bạn tù trong đêm cuối cùng ở trại Cổng Trời. Khi đọc các dòng này xin mời bạn dùng một chút trí tưởng tượng để cảm nghiệm được nỗi hạnh phúc tột cùng của tôi lúc đó. Hãy tưởng tượng là bạn bị kết án tử hình và sẽ bị hành quyết. Trong nỗi buồn tuyệt vọng và đau khổ chờ chết, bất ngờ có lệnh khoan hồng ban ra. Cũng chính vì niềm vui quá lớn đó mà tôi còn nhớ trên chuyến xe chở chúng tôi rời trại Cổng Trời, có một anh “phát biểu” câu nói sặc mùi phản động mặc dù rất chí lý: “Anh em à! Tôi đề nghị sau này chúng mình được tha về rồi, sẽ góp tiền lại đúc tượng của Hoa Quốc Phong đặt trên bàn thờ nhé.” Có nhiều tiếng reo vui phụ họa: “Nhất trí! Mỗi người một ý!” Hôm đó ngồi trên chiếc xe chật ních và bị còng tay dính chùm từng đôi một nhưng có lúc tôi lại tưởng chừng như mình đang đi cắm trại ở một vùng thắng cảnh miền núi đẹp mê hồn ở vùng địa đầu quê hương. Nhất là khi nhìn xuống từng đám mây đang bay là đà hàng ngàn thước bên dưới chân núi trong một buổi sáng trời trong nắng ấm. Nhìn cảnh đó tôi nghĩ thầm: “Nếu mình không đi tù làm sao thấy được cảnh đẹp mê hồn này.”

Trở Lại Trần Gian

Trên đường xuôi về trại Thanh Cẩm, chúng tôi dừng chân một đêm tại trại Văn Hòa ở ngoại ô Hà Nội. Trại này xây dựng chưa xong, còn ngổn ngang vật liệu xây cất, gập đềm đó mưa to nên trong trại lầy lội bùn sinh dơ bẩn. Chúng tôi ghé vào trại này lúc quá nửa đêm, mệt nhọc, đói khát và bẩn thỉu. Có nhiều người buồn đi đại tiện đến mức không còn chịu đựng nổi phải la lối trên xe và yêu cầu dừng lại để giải quyết nhu cầu tự nhiên này, nhưng vì lý do an ninh, cán bộ áp tải tù không cho xe dừng lại ban đêm. Vì trại chưa có cầu tiêu nên cả nhóm chúng tôi buộc lòng phải giải quyết vệ sinh ngay trong sàn nhà lầy lội bùn sinh nơi chúng tôi tạm nghỉ qua đêm.

Chiều tối ngày 4 tháng 8 năm 1978, nhóm “48 Quyết Tiến” chúng tôi lang thang léch thếch, tay xách, nách mang, bước vào cổng trại Thanh Cẩm dưới cơn mưa tầm tã để bắt đầu một giai đoạn mới trong kiếp sống tù đày. Chưa ai biết những gì đang chờ đợi trước mắt, nhưng anh em chúng tôi vui vẻ bảo nhau: “Bất cứ kiểu gì cũng còn tốt hơn Cổng Trời”.

Vừa bước vô tới hội trường giữa sân trại, một cảnh tượng lạ lùng đập vào mắt khiến tôi ngạc nhiên và vẫn còn nhớ mãi, đó là hình ảnh của cán bộ trực trại. Lão này độ ngoài 50 tuổi, người ngòm trông bẩn thỉu và bèo nhèo như một cái nùi giẻ, loại nùi giẻ của thợ máy xe. “Cái nùi giẻ” đó đang say rượu, chân

nam đá chân chiêu, tay cầm gậy trúc cao quá đầu, múa may theo từng nhịp và la hét quát tháo ầm ĩ. Rõ ràng là ông ta muốn dằn mặt bọn “lính mới” chúng tôi. Cái hình thù dị hợm này xem chẳng giống ai. Chân mang ủng cao gần tới đầu gối, hai ống quần ka-ki vàng của công-an xắn một cách vô trật tự lên tới bẹn để lộ một khúc chân đen đen mốc mốc trông đến khiếp! Nhìn lão cán bộ Thượng úy trực trại dị hợm này, tôi lại liên tưởng tới bức tranh biếm họa vẽ hình Táo Quân. Một Táo Quân đang say rượu!

Trước mặt và chạy quanh ông ta, là hai anh tù mặc đồng phục màu xanh, chân mang dép râu, lẳng xăng khua khoáng như những con rối để dẫn chúng tôi vào chỗ phải vào. Tôi biết ngay đây là hai anh trật tự, vì trên trại Cống Trời cũng có một anh tù hình sự làm trật tự. Nhiệm vụ của anh là giúp cán bộ khám xét khi nhóm 20 anh em chúng tôi trong đội trừng giới từ trại Nam Hà mới chuyển lên đúng vào ngày lễ Giáng Sinh năm 1977. Anh ta làm việc một cách từ tốn và chậm rãi, chứ không quá lẳng xăng như hai anh trật tự này.

Tổ Chức Trong Trại

Các trại tù thuộc Bộ Nội Vụ, do công-an quản lý được tổ chức như sau: Đứng đầu trại là một Ban Giám Thị gồm trại trưởng, trại phó và các ban, ngành lo về các phần vụ chuyên môn như Ban Giáo Dục, Ban An Ninh, Ban Hồ Sơ, Ban Tài Chánh, Ban Cấp Dưỡng v.v... Các tù nhân trong trại được phân làm từng đội, mỗi đội do một tù nhân làm đội trưởng và một cán bộ quản giáo trông coi. Đội trưởng do Ban Giám Thị trại chỉ định theo đề nghị của Ban An Ninh.

Mỗi khi các tù nhân được di chuyển ra khỏi trại, như đi lao động chẳng hạn, phải có một hoặc hai cán bộ võ trang vác súng dài đi theo canh giữ. Ban đêm, các cán bộ võ trang này thay phiên nhau tuần tra trong và ngoài vòng rào của trại để ngăn ngừa tù nhân trốn trại. Ban ngày các tù nhân thuộc trách nhiệm của ban quản giáo, và ban đêm, sau khi điểm danh vào buồng, họ thuộc trách nhiệm của cán bộ võ trang.

Trực tiếp lo về sinh hoạt và đời sống của tù nhân có Ban Trục Trại, đứng đầu là một cán bộ Trục Trại. Để điều hành công việc trong trại, cán bộ trục trại thường chọn một số tù nhân được trại tín nhiệm để phụ trách các công tác như trật tự, y tế và văn hóa. Nhóm này còn được gọi là Ban Thi Đua. Các chức vụ trong Ban Thi Đua này do Ban Giám Thị chỉ định theo đề nghị của Ban An Ninh. Trong các công tác kể trên, công tác trật tự được coi là quan trọng nhất, do một anh trật tự điều hành.

Anh này có quyền hành nhất trong trại, chỉ sau cán bộ mà thôi. Muốn được làm trật tự thường phải có nhiều công trạng với trại, được trại tín nhiệm. Thêm vào đó cũng còn phải có sức mạnh nữa. Ngoài nhiệm vụ trông coi trật tự trong trại, anh trật tự còn phụ giúp cán bộ trục trại coi khu kiên giam và khu kỷ luật, như khóa cùm các tù nhân bị phạt kỷ luật vào buổi tối và tháo ra vào buổi sáng. trật tự cũng có nhiệm vụ gánh khẩu phần ăn lên phát cho các tù nhân bị kiên giam và kỷ luật mỗi ngày hai lần, trưa và chiều. Đồng thời, trật tự cũng đi điểm danh với cán bộ trục trại vào buổi tối, sau đó khóa các buồng

và sáng ra mở cửa buồng. Mỗi lần trật tự làm công tác trên khu kiên giam hay khu kỷ luật thường có cán bộ đi theo, nhưng cũng rất nhiều khi trật tự chỉ đi một mình, lúc đó vai trò của anh không khác gì của một cán bộ.

Ở một vài trại, các anh trong Ban Thi Đua có phòng riêng, ban đêm không ngủ chung với các tù nhân khác. Cũng có những người tuy không có “công trạng” nhiều với trại, nhưng nhờ đút lót tiền của cho cán bộ trực trại và cán bộ an ninh nên được cho làm trật tự. Chức trật tự thuộc diện “sĩ quan” so với đám tù. Họ không phải đi lao động vất vả như các anh em khác. Họ có quyền hành và dĩ nhiên là được tự do hơn. Cũng có trường hợp được chọn nhờ to con lớn xác và có tướng mạo trông “ngầu”! Đây cũng là một yếu tố quan trọng để được chọn vì làm trật tự ngầm hiểu là giữ vai trò quả đấm của trại.

Hai Anh Trật Tự

Hai anh trật tự trại này, một anh độ ngoài 40 trông bộ dạng lăm lè và ít nói. Anh kia trẻ khoảng chừng 30 tuổi, lẳng xẵng hơn. Anh này mập tròn và béo tốt nhưng hơi bị tật. Da mặt anh bóng láng, khác hẳn với các thân hình xanh xao gầy còm của nhóm anh em chúng tôi vừa mới nhập trại. Anh trẻ này đang cố gắng làm mặt “ngầu” để thị uy với các lính mới trong một cung cách cố gắng thấy rõ. Miệng anh lúc nào cũng la hét, tay anh chỉ hét bên nọ đến bên kia, nhưng không bao giờ nhìn thẳng vào mặt ai trong bọn chúng tôi.

Nhóm chúng tôi di chuyển rời rạc. Những người còn khỏe đi nhanh tới chỗ tập trung ngay trong hội trường nằm giữa sân trại, còn những người ốm yếu bệnh tật lờ mờ theo sau. Tôi nhớ lúc đó anh Nguyễn Sỹ Thuyên gàn kiết lỵ, vừa tới nơi tập trung đã vất phịch cái bao áo quần và chặn màn bản thiêu xuống nền hội trường, rồi nằm ngửa người trên đó. Tôi cũng quá mệt nên tới ngồi cạnh bên anh. Sau một lúc, anh Thuyên lấy lại được bình tĩnh và dùng cùi chỏ thúc nhẹ tôi, hất mắt hướng về cán bộ trực trại và ghé bên tai tôi nói nhỏ: “Mẹ! Cái thằng này trông như ở lỗ cống mới móc lên!” Tôi chưa kịp ra dấu phát biểu đồng tình thì giật mình vì một giọng quát từ sau lưng: “Còn hai anh này! Không lo thu xếp ‘nội vụ’ còn ngồi nói chuyện chi đây? Bộ muốn chống đối hả?” Tôi quay lại và chạm ngay cặp mắt trắng dã của tên trật tự trẻ mà từ lúc đầu tôi đã gườm hằm. Tôi đứng dậy bỏ đi vì biết rằng đây không phải là chỗ tốt để bày tỏ một thái độ nào khác hơn, vừa đi tôi vừa nghĩ bụng là mình phải cẩn thận với tên này.

Trong giờ điểm danh chiều hôm sau, tôi và một số anh em trong nhóm 48 Quyết Tiến bị đưa lên nhốt trên khu kiên giam, số còn lại ở dưới “làng” làm thành một đội mới là Đội 16 và anh Nguyễn Văn Phước được chỉ định làm đội trưởng. Anh Phước là một Thiếu tá Hải quân, từ đảo Guam trở về trên chuyến tàu Việt Nam Thương Tín. Khi về tới Việt Nam, anh bị đưa thẳng vào tù, bị đày ra Bắc và lên “Cổng Trời” với chúng tôi.

Kiên giam trại Thanh Cẩm là một khu nhà hình vuông xây cất rất kiên cố, được chia thành bốn buồng nằm bốn góc như hình chiếc bánh chưng được cắt đều làm tư. Chúng tôi gọi khu này là Nhà Bàng vì có mái bằng đúc bằng xi-măng. Mỗi buồng có hai cửa sổ khá rộng được chắn bằng những song sắt to

gần bằng cổ tay. Trong buồng có bệ nằm bằng xi-măng cao khoảng 80 phân và một lối đi từ cánh cửa sắt tới vách ngăn khu vực cầu tiêu. Mỗi buồng chứa được từ năm tới bảy người nằm theo kiểu xếp cá hộp. Ban đêm thường là có một người xuống nằm ngủ dưới lối đi vì bệ nằm quá chật.

Khu kiên giam được dùng để giam riêng các tù nhân bị coi là nguy hiểm. Họ phải sống cách ly với các tù nhân khác. Tù nhân ở khu này tuy không bị cùm chân nhưng suốt ngày đêm bị khóa trong buồng, trừ hai bữa ăn, trưa và chiều thì được mở cửa để ra ngoài lấy thức ăn, nước uống và làm vệ sinh, mỗi lần khoảng mười lăm phút.

Thông thường, mỗi tuần một lần, tù nhân ở Nhà Bàng được đi tắm giặt dưới sông Mã trước cửa trại. Các tù nhân ở kiên giam và kỷ luật thường là đi tắm chung và bị canh gác rất cẩn thận. Khi nào cán bộ võ trang bận, hoặc vì lý do gì khác thì ba tuần hoặc một tháng mới được đi tắm một lần.

Trại Tù Thanh Cẩm

Tôi bị đưa ngay vào kiên giam vì bị xếp vào loại tù nguy hiểm. Nhờ một số tù nhân đang bị giam ở đây, vài ngày sau chúng tôi nắm vững vị trí và tình hình của trại này. Trại Thanh Cẩm lúc đó chia làm hai K (Khu). Chúng tôi ở K1 gồm toàn chính trị miền Nam khoảng 400 người, đa số là cựu viên chức hành chánh của chế độ miền Nam cũ và một số anh em thuộc tổ chức Phục Quốc hay vượt biên bị bắt. Không có thành phần cựu quân nhân trong lúc này. K2 nằm cách K1 khoảng 3 cây số và được dùng để giam tù hình sự.

Một số anh em tù chính trị từ Long Thành đến đây vào tháng 12 năm 1976 kể lại cho chúng tôi biết là trại này có đến ba K. K1 là phân trại mà chúng tôi đang ở, gồm một nửa là tù chính trị miền Nam và một nửa là tù hình sự. Phân trại này trước đây là nhà tranh, có hàng rào tre nhiều lớp bao bọc chung quanh, dùng để giam tù hình sự. Sau khi chiếm được miền Nam, Bộ Nội Vụ ra lệnh xây cất gấp những dãy nhà gạch và một vòng tường kiên cố để đón tù chính trị miền Nam, vì tù nhân miền Nam được coi là thành phần nguy hiểm, phải được canh giữ rất cẩn thận.

Khi các anh em từ trại Long Thành trong Nam chuyển ra đây thì phía bên phải của trại đã có bốn dãy nhà ngói, còn bên trái là ba căn nhà tranh và một khu nhà kỷ luật xây bằng đá tối om, có lỗ thông hơi rất nhỏ, được dùng để giam những người bị kỷ luật và những người Trung Quốc bị bắt ở vùng biên giới và bị kết tội làm gián điệp. Chúng tôi thường gọi khu này là Nhà Đen vì nó tối đen u ám, lại lợp bằng thứ vải nhựa màu đen. Khu kiên giam mà chúng tôi đang ở là khu nhà mới xây cất để đón chúng tôi.

Khu trại K2 nằm về phía Nam khoảng hơn hai cây số và được dùng để giam các tù chính trị miền Bắc, khoảng 160 người, đa số là giáo dân và tu sĩ Công Giáo thuộc các tỉnh Thanh Hóa, Thái Bình và Nam Định. Họ bị bắt từ năm 1970 khi Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đổ bộ qua Campuchia. Hà Nội sợ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bắt thần đổ bộ ra Bắc, nên cô lập các thành phần mà họ nghi có thể làm nội

ứng, tiếp tay cho “giặc”.

Thành phần tù chính trị này gồm những chức sắc trong các giáo xứ như chánh trương, trùm, trưởng và những người lãnh đạo các đoàn thể như thiếu nhi Thánh Thể, Liên Minh Thánh Tâm hoặc những người phụ trách các công việc phụng vụ trong nhà thờ như ban Khánh Tiết, ban Thánh Ca, ban Giúp Lễ v.v... Có một số nhỏ thuộc loại “tu chui”, vì đi tu mà không được công-an cho phép. Anh em kể lại rằng nhóm này có tinh thần quật cường. Họ sống với nhau rất đoàn kết, đùm bọc và thương yêu nhau. Hầu hết tù chính trị miền Bắc không được thân nhân tiếp tế, chỉ sống nhờ khoai sắn của trại và rau cỏ trong rừng. Gia đình họ quá nghèo, không đủ ăn nên không thể tiếp tế được.

Đến năm 1978 nhóm này được chuyển đi xây cất trại Thanh Phong thuộc một vùng khác cách đây không xa, cũng ở trong tỉnh Thanh Hóa. Khi họ rời trại Thanh Cẩm, thì K2 được phá hủy để trồng hoa mầu. Khu trại K3 nằm về phía Bắc, cách K1 ba cây số, giam toàn tù hình sự. Một số anh em Biệt Kích miền Nam nhảy dù ra Bắc trong các năm 1962 và 1963 cũng bị giam ở đây, nhưng anh em sống tập trung ở một nhà riêng. Họ được giao cho phụ trách nhà máy đèn, nhà nấu rượu và một số công việc linh tinh chung cho cả trại. Khi K2 bị phá hủy thì K3 trở thành K2.

Trại Thanh Cẩm nằm trên bờ sông Mã, thuộc vùng thượng du của tỉnh Thanh Hóa, cách biên giới Việt-Lào khoảng 30 cây số, ở độ cao hơn mặt biển khoảng 400 thước. Trại này nằm ở vị thế hiểm trở, phía trước là sông rộng, chung quanh núi non bao bọc, chỉ có con đường độc đạo ra vào trại. Có mấy làng mạc của người Mường nằm rải rác cách xa trại vài cây số. Vị trí địa lý và nhân tình ở đây không thuận lợi cho việc trốn trại. Vượt qua núi cao để ra khỏi vùng này rất khó vì đó đây quanh trại là nhà dân. Nếu gặp tù trốn trại, họ sẽ báo cho công-an để được thưởng lương thực hay rượu. Từ thị xã Thanh Hóa vào đây chỉ khoảng 80 cây số, nhưng đường núi hiểm trở và lưu thông khó khăn. Số tù nhân trốn được ra khỏi trại mà đi thoát rất hiếm, nhưng không phải là không có.

Đầu năm 1978, có một nhóm tù nhân chính trị được chuyển từ trại Quảng Ninh tới, đa số là các bạn trẻ trong tổ chức Phục Quốc và những người vượt biên. Họ được gọi chung là “nhóm phản động”. Khi tôi đến đây thì trại đang xây thêm phòng giam để nhận thêm một số tù nhân chính trị nữa. Nhiều nơi đá gạch còn ngổn ngang. Nói chung, trại Thanh Cẩm này đang trên đà “làm ăn phát đạt”, cứ mỗi năm lại xây thêm nhà mới!

Trật Tự “Giả Cây”

Cán bộ trực trại mà tôi gặp khi mới bước chân vào đây là Thượng Ủy Phú. Anh em chúng tôi gọi ông là “Phú Già”, và kính cẩn hơn nữa gọi bằng “lão”. Lão này nghiện rượu nặng và rất khoái nhậu thịt chó. Lão đúng thuộc loại cán bộ bầy nhầy, sáng say chiều xỉn. Giọng nói thì lè nhè và mặt mày lúc nào cũng đỏ gay như gấc!

Chúng tôi cũng được biết anh trật tự “lớn” tên Phạm Đình Thăng, người Quảng Ngãi. Nghe nói lúc

trước anh là Nghị viên Hội Đồng Tỉnh Lâm Đồng. Mắt anh hay nhìn lấm lét, nhưng thuộc loại có nhiều kinh nghiệm nên hành động có chừng mực để tránh tai tiếng. Anh biết một số anh em chúng tôi là linh mục, nên cũng tỏ vẻ kính trọng, tuy anh không phải là người Công Giáo. Trước mặt cán bộ anh cũng làm ra vẻ xum xoe, đôi khi cũng to tiếng với chúng tôi, nhưng anh không độc ác, mà đôi khi còn giúp đỡ vài chuyện vặt vãnh như cho mỗi bữa hút thuốc lào hoặc chuyển giúp vài món đồ giữa anh em chúng tôi ở các buồng kiên giam khác nhau v.v... Anh Thăng cũng là người khá vui tánh và tôi còn nhớ vài câu chuyện nhỏ về anh.

Một ngày nọ, bất ngờ trại cho tù ăn một bữa thịt bò. Đây là một niềm vui, vì những dịp nào trại cho ăn thịt mà trong tù gọi là “ăn tươi” chúng tôi đều thuộc nằm lòng, và số những lần “ăn tươi” này không nhiều hơn số đếm trên đầu các ngón tay. Trưa hôm đó, khi gánh thức ăn lên khu kiên giam, Phạm Đình Thăng đi tới từng buồng, đứng bên ngoài cửa sổ, mặt mày hớn hờ, miệng anh ta be be báo tin vui: “Bữa nay ăn một trăm phần trăm ‘bóp!’” Anh ta lập đi lập lại “tin vui trong ngày” đó rất nhiều lần. Sau này hỏi ra mới biết là con bò kéo cày của trại bị sụp hố què chân nên phải làm thịt, và mỗi người trên khu kiên giam chúng tôi được hai hoặc ba miếng thịt bò to cỡ bằng đầu ngón tay út của một em bé lên 10! Dù vậy anh em chúng tôi cười đùa bảo nhau: “Giá mà trại này có nhiều cái hố như vậy thì hay biết mấy!”

Cũng chính anh Thăng đã báo cho chúng tôi hay tin Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã qua đời. Khoảng hơn tháng sau, anh lại lên báo tin Giáo Hoàng chết. Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

– Mới chết rồi sao lại chết gì nữa hả anh?

Phạm Đình Thăng trả lời:

-Cái ông mới lên cũng chết luôn rồi!

Đó là một vài điều tôi còn nhớ về anh Thăng là trật tự chính trong trại lúc đó. Anh trẻ kia tên Trương Văn Phát, người Tàu lai ở Chợ Lớn, làm thợ đóng giày, bị bắt vì tội vượt biên, làm phụ tá trật tự và đúng là một tên hắc ám. Không biết ở dưới “làng” anh ta xử sự ra sao, nhưng mỗi khi có việc gì liên quan tới chúng tôi trên khu kiên giam là anh ta quát tháo, nạt nộ và luôn dùng cách nói đe dọa: “Các anh hãy liệu hồn!” Đây là lý do tại sao Phát được chọn làm phụ tá trật tự.

Trong tất cả các trại mà tôi được biết, trại nào cũng chỉ có một trật tự mà thôi. Tuy nhiên trại Thanh Cẩm này là trường hợp ngoại lệ, có tới hai người, một chánh và một phó! Tôi nghe nói, sở dĩ Trương Văn Phát được cho làm trật tự vì anh ta đã hối lộ cho “Phú Già”, cán bộ trực trại. Một số anh em cùng di chuyển từ trại Quảng Ninh lên trại Thanh Cẩm với Trương Văn Phát có kể lại rằng, khi còn ở trong Nam, Phát ăn uống sinh hoạt chung với một anh bạn có nhiều tiền. Khi bị chuyển ra Bắc, sợ giữ nhiều tiền trong người sẽ bị công-an khám phá lấy mất, nên anh bạn giao cho Trương Văn Phát giữ phân nửa, nhờ ra người này bị mất thì còn người kia. Không ngờ khi ra tới đất Bắc mỗi người được đưa về

một trại khác nhau, nên Phát đương nhiên trở thành sở hữu chủ số tiền của anh bạn kia.

Khi đến trại Thanh Cẩm, gặp ngay “Phú Già” nghiện rượu, thèm thịt chó, tiền lương không đủ nhậu, Phát đã từ từ bỏ tiền ra mua rượu thịt cho “Phú Già” nhậu, nên “Phú Già” đã đưa Phát lên làm trật tự “phó”. Tôi không biết câu chuyện được kể lại này có hoàn toàn đúng như vậy không, nhưng điều tôi biết rõ là chức trật tự phó của Trương Văn Phát tại trại tù Thanh Cẩm là một biệt lệ của các trại tù cộng-sản.

Để bày tỏ sự khinh bỉ tư cách và con người của Trương Văn Phát, anh em tù nhân có người gọi anh ta là trật tự “giả cây”. Dĩ nhiên là họ gọi lén lút sau lưng, nếu để Phát nghe được và mách với “Phú Già” thì chắc chắn là anh nào gọi như thế sẽ phải trả một giá đắt cho cái vạ miệng của mình.

Nhân đây tôi cũng muốn nói thêm về “Phú Già” đôi chút cho mặn mà câu chuyện. Khoảng hai năm sau khi chúng tôi tới trại, tức là năm 1980, “Phú Già” giải ngũ, cởi lớp áo công-an, về móc củ cỏ chung quanh khu vực trại. Tôi nghe mấy anh bạn ra ngoài lao động về kể chuyện, lúc này người ngọm ông ta rất tàn tạ và dơ bẩn.

Thỉnh thoảng “Phú Già” đi mò cua bắt ốc có tạt qua chỗ các đội đang lao động ngồi nói chuyện dăm ba câu với các cán bộ và các tù nhân, vì dù sao cũng là chỗ tình cũ nghĩa xưa. Ông ta vừa nói chuyện vừa vớ ống điếu cày của các anh tù, kéo một hơi liền mấy bi thuốc lào, xong đứng lên mang giỏ, đội nón rơm lên đầu và xách gậy bỏ đi. Không có mấy người biết lão già gầy đét, xấu xí và đen thui thúi như một con dế than đó đã một thời hét ra lửa khi làm cán bộ trực trại và cũng là người đã ban cho Trương Văn Phát chức trật tự phó ở trại này.

Nhóm Tù Quân Đội

Chúng tôi đến trại Thanh Cẩm được vài tháng thì Phạm Đình Thăng được tha về. Trước đó không bao lâu, trại Thanh Cẩm đã tiếp nhận thêm 300 tù nhân mới, đó là các anh em quân nhân từ trại Yên Bái chuyển về, trong số này có một vài người tôi quen biết. Một đôi lần trong lúc được xuống bờ sông tắm giặt, thấy lại các anh em, tôi rất mừng, nhưng chúng tôi không dám nói với nhau một lời, chỉ lấy mắt chào nhau, vì tôi đang ở kiên giam và được xếp vào thành phần “nguy hiểm” nên bị cấm tiếp xúc với các tù nhân ở dưới “làng”.

Các anh em Quân đội bị đưa ra Bắc, lúc đầu được phân phối rải rác trong các trại do bộ đội quản lý ở vùng thượng du Bắc Việt. Về sau, vì tình hình biến động ở biên giới như tôi đã nói ở trên, các trại này được giải tán và chuyển về các trại ở miền đồng bằng hay thượng du miền Trung, do công-an quản lý, trong đó có trại Thanh Cẩm.

Khi Phạm Đình Thăng đi rồi, Trương Văn Phát tạm thời làm trật tự “chánh”. Phát có vẻ lúng túng, một phần vì còn quá trẻ chưa có kinh nghiệm, một phần bị anh em trong trại coi không ra gì. Mặc dù Phát đang giữ chức trật tự, nhưng nhóm tù trẻ Phục Quốc cùng đi với Phát từ trại Quảng Ninh đến trại

Thanh Cẩm, chẳng những không ngán Phát mà còn hay trêu chọc. Nhóm này coi Phát như một phu gánh thức ăn lên khu kiên giam và khu kỷ luật, và là một tên đầy tớ để cán bộ sai vặt mà thôi.

Vì tự biết là mình đang bị coi thường, Phát đã cố gắng tỏ ra uy quyền, nhưng càng tỏ ra uy quyền lại càng lộ bịch và càng bị các anh em dưới “làng” trêu chọc. Dưới “làng”, Phát phải chịu thua, anh ta chỉ còn có thể tỏ ra uy quyền với các anh em chúng tôi ở khu kiên giam mà thôi. Mỗi lần có công việc liên quan tới chúng tôi, Phát thường ra lệnh và quát tháo ầm ĩ. Anh em bực mình lắm, nhưng cố nhịn vì sợ Phát “đi ” bằng nhiều cách, như không chịu mở cửa sớm khi cho ăn hoặc tự ý giảm bớt khẩu phần khoai sắn ít ỏi của chúng tôi. Tiêu chuẩn phần ăn của những tù kiên giam chỉ có 9 ký lô mỗi tháng, nếu bị Phát bớt nửa thì nguy to. Biết được chỗ yếu này nên Phát càng làm già hơn.

Như tôi đã nói, ở khu kiên giam tuy chúng tôi không bị cùm nhưng bị nhốt trong buồng cả ngày lẫn đêm. Trừ buổi trưa và buổi chiều được mở cửa cho ra lấy thức ăn và làm công tác vệ sinh, đó là thời gian hạnh phúc trong ngày. Mặc dù mỗi buồng trong khu kiên giam đều có bể nước và nhà cầu, nhưng trong thời gian đầu, cửa vào cầu tiêu bị khóa lại không cho sử dụng nên chúng tôi đành phải giải quyết việc đại tiểu tiện vào trong các ống bầu, là các ống tre có ruột khá to được dựng đứng ở góc buồng. Tới giờ trật tự mở cửa phát thức ăn, chúng tôi chia phiên nhau đi đổ các ống phân và ống nước tiểu vào hố phân nằm ngay sau hè Nhà Đen. Đây là những giây phút thoải mái nhất trong ngày đối với chúng tôi.

Lúc đó có người lợi dụng “thời cơ”, liếc trước nhìn sau, nếu thấy cán bộ hay anh trật tự không để ý là ra hiệu chào các bạn buồng bên hoặc nhanh tay lẹ chân truyền cho nhau vài bi thuốc Lào hay tí quà cáp linh tinh. Ai không có nhiệm vụ thì đứng vươn tay vươn chân hít thở không khí trong lành. Nhưng rất tiếc là Phát không cho chúng tôi được hưởng một vài phút thoải mái này. Anh ta thúc giục chúng tôi phải làm công tác vệ sinh một cách nhanh chóng để trở vào buồng giam. Có khi chúng tôi làm công việc vệ sinh chưa xong thì đã nghe Phát quát: “Khẩn trương lên nào! Vào buồng! Hết giờ rồi!”

Tôi nhớ một buổi trưa nọ tới phiên tôi đổ ống bầu, vì phân đầy quá nên tràn ra ngoài bết cả vào tay. Trong khi tôi đang lúi húi tìm nước rửa thì có tiếng Phát giục tôi vào buồng. Tôi giả vờ không nghe, anh ta tiến lại phía tôi quắc mắt nạt:

-Tôi bảo vào buồng! Bộ tại anh điếc hả?

Biết tên này muốn gây chuyện lời thôi, tôi nghe nóng gáy nhưng cố bình thần:

– Tay đầy cứt, tôi phải kiếm nước rửa đã chứ?

– Thì vào buồng mà rửa.

Tôi trả lời tinh bơ:

– Trong buồng lấy nước đâu rửa?

Anh ta bực tức:

-Lấy nước uống mà rửa!

– Rồi lấy gì uống?

Trương Văn Phát đành cầm miệng đứng nhìn. Tôi vừa nói vừa đi lại bể nước cạnh Nhà Đen để tìm lon nước rửa tay, bực tức Phát chỉ mặt tôi nói:

– Này! Anh hãy liệu hồn! Đừng có mà tưởng ‘cha cố’ là không ai dám làm gì nhá!

Cách gọi “bọn cha cố” là một cách gọi xách mé mà cán bộ dùng để gọi các linh mục chúng tôi. Trương Văn Phát cũng “ăn cố” và gọi theo cách đó. Tôi yên lặng bỏ đi vô buồng, mặc dù không nhìn lại, nhưng tôi cũng hình dung được đôi mắt Phát đang đổ lửa nhìn theo các bước chân không có gì là “khẩn trương” của tôi.

Lúc bấy giờ chúng tôi gọi các anh tù kiên giam như chúng tôi là “heo nhốt chuồng”. Gọi như vậy nghe hơi kỳ nhưng chắc không còn hình ảnh nào đúng hơn để so sánh. Cả ngày chúng tôi chỉ lẩn quẩn trong căn buồng chật chội, nói chuyện mãi rồi cũng hết chuyện để nói. Chúng tôi bày ra đủ thứ trò để giải trí như lấy giấy vẽ thành cờ tướng, cờ domino, bài xì phé v.v... Chơi đi chơi lại hàng giờ trong khi đợi chờ hai bữa ăn.

Lúc bấy giờ là thời điểm “cả nước đang gặp khó khăn, dân ta đang phải khắc phục những hậu quả còn tồn tại do Mỹ ngụy gây ra!” Cán bộ giáo dục nói như thế, nên cả trại lúc đó phải tạm khắc phục ăn ngô, ăn khoai lang, ăn sắn mà trong Nam gọi là khoai mì. Mùa nào thức đó. Có lúc ăn sắn cả tháng liên tiếp, nên mặc dù bụng đói còn cào nhưng mỗi lần người mùi “ngà voi chung cách thủy”, có người đã buồn nôn. Nhưng rồi cũng phải ăn vì không ăn “ngà voi” thì biết ăn cái gì để sống?

Nhân Vật Lạ Xuất Hiện

Một buổi chiều nọ, trời bỗng đổ mưa tầm tã làm nước đọng vũng chung quanh khu kiên giam. Vùng rừng núi Thanh Cẩm này thường có mưa to và giông bão, có lần mưa đá, những hòn bằng nắm tay rơi đầy trong sân. Thời tiết ở đây thật khắc nghiệt. Dân chúng quả là đủ kiên nhẫn để chống chọi với các thiên tai mà người cán bộ vô thần cộng-sản gọi là “giặc trời”. Sau cơn mưa trời quang trở lại. Trong lúc anh em chúng tôi đang ngồi bó gối nhìn ra cửa sổ nói chuyện trên trời dưới đất như thường lệ cho qua thời giờ, bỗng nghe tiếng chìa khóa lách cách bên ngoài. Chúng tôi ở buồng 1, ngay lối ra vào nên khi nghe tiếng động ở cửa là biết ngay có người vào. Việc cửa khu kiên giam được mở vào giờ bất thường như thế này bắt buộc chúng tôi phải theo dõi xem chuyện gì xảy ra.

Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy một anh tù lạ mặt vác cuốc bước vào sân, trong buồng chúng tôi đoán với nhau rằng anh này là anh trật tự mới. Sở dĩ chúng tôi đoán như vậy vì không một anh tù nào được vào khu vực này, trừ các anh có chức vụ như trật tự, văn hóa và y tế. Vả lại, một mình Trương Văn Phát

không thể nào có cái đáng nổi vai trò trật tự. Việc thay đổi một anh trật tự có ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của anh em chúng tôi, nên tất cả năm người trong phòng đều dán mắt vào khe song cửa sắt để quan sát. Anh tù lạ mặt này, nước da ngăm đen, thân hình cao ráo, gân guốc và mạnh mẽ, khác với vẻ mập bệu và đi đứng lệt bệt của Trương Văn Phát.

Người tù lạ mặt bước vào sân, bộ mặt làm lì, chẳng để ý gì tới nhóm chúng tôi đang cố dí mắt vào song sắt cửa sổ nhìn ra. Anh ta bắt đầu cuốc đất, đào rãnh khai thông những vũng nước mưa đọng ngay bên ngoài cửa sổ buồng chúng tôi. Anh vung những nhát cuốc trông thật “chất lượng” và thành thạo. Lúc anh quay mặt vào, tôi được dịp quan sát kỹ lưỡng hơn.

Anh ta khoảng 40 tuổi, trông rất rắn chắc, tay chân dài lều khều, cái tướng mà người Nam chúng tôi thường gọi là “chân chồi cổ loi”. Mặt anh ta dài và xương xẩu, tóc thưa và hơi hói trán, cặp mắt sâu, tròng trắng nhiều hơn tròng đen. Điểm đáng lưu ý nhất nơi anh là cái miệng. Tôi không biết coi tướng, nên chẳng biết phải diễn tả như thế nào, chỉ biết là có một cái gì không ổn nơi cái miệng đó, vì đôi môi của anh ta hình như chưa được cấu tạo đầy đủ làm môi trên và môi dưới không giáp mí nhau. Đúng ra không phải là cái môi theo nghĩa thông thường, mà là hai mảng thịt mỏng màu đen tái và lúc nào cũng nhơm nhớp nước bọt. Lâu lâu tôi thấy anh ta lè lưỡi liếm nước bọt bám ở hai bên khóe mép.

Anh mặc đồng phục màu xanh của tù, chân mang dép râu, cặp quần hai bên hông được lộn lên thành một búi như đang giấu hai quả trứng bên trong. Cảm nghĩ đầu tiên của tôi sau vài giây quan sát là anh này không phải là một tay vừa. Tôi nghĩ, nếu quả thật anh ta được cử làm trật tự thì không dễ thờ đâu. Trông anh ta có một cái gì khác cả Phạm Đình Thăng lẫn Trương Văn Phát, và “cái gì khác” đó không hứa hẹn một tương lai sáng sủa nào cho anh em tù kiên giam chúng tôi.

Anh ta cầm cú cuốc đất, ít khi ngước mặt nhìn lên và cũng chẳng buồn để ý tới chúng tôi đang chen nhau bên trong cửa sổ, đang dí mắt vào các song sắt để theo dõi quan sát anh. Có lúc tôi thấy anh ta dừng tay nghỉ mệt, dựng cái cuốc dưới chân, đứng thẳng người lên, khạc nhổ một bãi nước bọt vào lòng bàn tay và áp lòng bàn tay kia vào xoa đi xoa lại thật mạnh, tay nọ nắm bóp tay kia, xong lại khom người xuống tiếp tục cuốc đất. Ngay cả những lúc ngừng tay như vậy, anh ta cũng chẳng hề nhìn thẳng vào chúng tôi bên kia song sắt, chỉ cách anh ta chừng một thước tây.

Từ bên trong cửa sổ, chúng tôi cố gọi chuyện với anh. Rõ ràng là anh không muốn trả lời, nhưng nhiều người hỏi quá buộc lòng phải đối đáp nhát gừng. Sau một cuộc phỏng vấn với tất cả nhiệt tình của người hỏi và được trả lời một cách miễn cưỡng, chúng tôi được biết anh ta từ trại quân đội ở Yên Bái mới được chuyển về đây ít lâu và vừa được trại cử làm trật tự thay cho Phạm Đình Thăng đã ra về. Anh ta cho biết là người Công Giáo ở xứ Gia Cốc, Hồ Nai, người Bắc di cư, gốc Địa phận Hải Phòng. Nghe tới hai tiếng Hải Phòng, Cha Chu Văn Oanh, một linh mục lớn tuổi trong buồng tôi mừng rỡ:

– Anh gốc Địa phận Hải Phòng hả? Tôi cũng Hải Phòng nè! Thế anh có biết Cha nào gốc Hải Phòng không?

-Cha Bình!

Cha Oanh vội rước lời:

– Cha Bình làm quản lý của địa phận Hải Phòng, bây giờ Cha đang phục vụ tại Giáo phận Long Xuyên chứ gì?

– Đúng rồi!

Cha Oanh hớn hờ:

– Cha Bình là bạn thân của tôi, hai người thân nhau lắm!

Thình lạng một lúc khá lâu như để lựa lời, một lúc sau anh nói ngắn gọn:

– Cha Bình là chú tôi.

Cha Oanh vui mừng ra mặt:

-Thế thì may quá, không ngờ được gặp cháu Cha Bình ở đây. Nếu anh có viết thư, nói tôi là Cha Oanh, không, phải nói Cha Oánh ngài mới biết, vì lúc bấy giờ tôi tên là Oánh, gửi lời hỏi thăm ngài nhé! Thế anh tên là gì nhỉ?

– Thi!

-Cái gì Thi?

Anh ta ngập ngừng tỏ vẻ hơi khó chịu trước cái cách “thấy sang bắt quàng làm họ” một cách quá lộ liễu của ông linh mục già này. Nhưng cuối cùng cũng đáp gọn:

-Bùi Đình Thi!

Tôi cũng có chút hơi ngỡ ngàng trước thái độ cầu thân thái quá của Cha Oanh, nhưng trong lòng tôi lúc đó cũng mừng thầm, vì từ nay có một người Công Giáo làm trật tự. Anh ta lại có chú làm linh mục, bạn của Cha Oanh, chắc từ nay cảnh sống kiên giam sẽ đỡ hơn, không như tên Phát “vô đạo” hỗn láo, đối xử với chúng tôi thật chẳng ra gì! Ngon đà, Cha Oanh còn hỏi thêm mấy câu nữa, nhưng anh ta vác cuốc bỏ đi nơi khác làm Cha Oanh cụt hứng.

Chọn Thế Đứng

Cảnh sống thiếu thốn về vật chất, cộng thêm những khổ ải tinh thần đã làm một số người gục ngã. Cái đói nó hành hạ thân xác chúng tôi một cách triền miên. Gần như tối nào cũng vậy, cứ vào khoảng 9 giờ, lúc nghe chương trình phát thanh Quân Đội Nhân Dân qua cái loa trong trại, là tôi cảm thấy con đói lên đến cực độ.

Hiện tượng này ngày nào cũng giống nhau. Bắt đầu tôi cảm thấy mệt lả, không còn ngồi được nữa và phải nằm dài xuống, kể đến là ù tai, hoa mắt và mồ hôi toát ra ướt cả lưng, rồi bất tỉnh không còn biết gì. Cũng may, tình trạng này chỉ kéo dài chừng vài ba phút, sau đó tự nhiên tôi cảm thấy trong người khỏe khoắn trở lại, ngồi dậy lau mồ hôi và cơn đói cũng biến mất! Cứ thế, chúng tôi chờ đợi 13 tiếng đồng hồ sau mới được lãnh khẩu phần, mỗi người vài chiếc “ngà voi”! Anh em tù chúng tôi lúc đó hầu như ai cũng biết câu này: “Không ăn thì đói, ăn vào đói hơn!”, vì khi ăn vào dạ dày bắt đầu bị đánh thức và hoạt động, nhưng không có chất liệu gì cho nó làm việc.

Cái đói triền miên, cộng với thái độ hận thù của những người công-an áo vàng và hai anh tù trật tự áo xanh hắc ám, khiến chúng tôi lúc nào cũng cảm thấy ngọt ngào khó thở. Chúng tôi sống mà không có gì trước mắt để hy vọng, không biết ngày mai của mình sẽ ra sao.

Tù chính trị chúng tôi không có tòa nào xử, không có kêu án, nhưng được gọi bằng cái tên rất đẹp là “Tập Trung Cải Tạo”. Nếu ai “cải tạo tốt” sẽ được đảng và nhà nước khoan hồng cho về đoàn tụ với gia đình! Tôi còn nhớ mãi hình ảnh của anh Lâm Thành Văn, người bạn tù cùng buồng, có nhiều đêm trần trọc không ngủ được, anh kéo tôi xuống góc phòng sát vách nhà cầu ngồi hút thuốc lào. Hút xong, hai anh em ngồi nói chuyện rù rì một lát. Lần nào Lâm Thành Văn cũng buồn rầu nói: “Chắc nó giam mình chết rục xương trong tù quá anh Lẽ ơi!”

Tôi nhớ mãi ba tiếng “chết rục xương” của Văn, mà mỗi lần nghĩ tới tôi vẫn còn xúc động.

Riêng số anh em thuộc nhóm 48 Quyết Tiến từ Cổng Trời về, chúng tôi tự biết rõ số phận đã được nhà cầm quyền cộng-sản định đoạt như thế nào rồi. Vì sợ có chiến tranh biên giới nên chúng tôi mới được về đây, bằng không thì giờ này chúng tôi đang chết dần chết mòn ở Cổng Trời. Họ không giết chúng tôi công khai, nhưng họ tha tội chết mà hành tội sống. Mặc dù cán bộ vẫn luôn nói tới tính khoan hồng nhân đạo của đảng, nhưng chúng tôi quá hiểu, đây là một lối tuyên truyền láo khoét để ru ngủ những kẻ nhẹ dạ. Trong cảnh khốn cùng và tuyệt vọng đó, ai cũng mong có ngày về, nhưng mỗi người có một lối suy nghĩ và thái độ khác nhau.

Đại đa số sống an phận và để mặc cho số mệnh đưa đẩy, tới đâu thì tới. Một số người cố lập công “cải tạo tốt” để được về sớm bằng cách làm mật báo, theo dõi các anh em trong buồng và trong đội. Có người đã bày ra những chuyện lếu láo hại anh em. Có người đã thực sự “bán linh hồn”, công khai đứng hẳn về phía cộng-sản và có những hành động còn “cộng-sản” hơn những người cộng-sản bình thường. Một số khác chủ trương phải tìm cách thoát ra được khỏi nơi này mới mong được sống còn, trong số đó có tôi.

Chúng tôi đều biết rõ trại Thanh Cẩm nằm trên một ốc đảo, chung quanh núi sông bao bọc, đường ra là độc đạo, nên muốn thoát khỏi chốn này không phải là chuyện dễ. Mấy anh Tàu “gián điệp” bị giam ở nhà kỷ luật rất giỏi về phương hướng và mưu sinh, nhưng lần nào trốn ra cũng bị bắt lại. Tuy nhiên, trong số tù hình sự vượt ngục mà chúng tôi biết từ ngày đến trại Thanh Cẩm cũng có vài người thoát

được.

Như vậy chuyện trốn thoát khỏi trại Thanh Cẩm không phải là hoàn toàn vô vọng. Chúng tôi biết nếu bị bắt lại, sẽ bị đánh đập và hành hạ dã man, nhưng trong cảnh khốn cùng, tôi nghĩ phải chấp nhận mọi rủi ro. Chúng tôi thường bảo nhau, vượt ngục là đi vào cõi chết để tìm sự sống.

“Trung Quốc Vĩ Đại!”

Đầu năm 1979, chiến tranh Trung Quốc-Việt Nam lên tới cao điểm. Đêm đêm, cái loa của đài phát thanh trong trại vang lên inh ỏi tin tức chiến sự và những lời chửi bới Trung Quốc. Tiếng chửi bới cứ ra rả ngày đêm rót vào tai chúng tôi. Họ dùng đủ mọi hình thức và mọi kiểu để chửi Trung Quốc, từ tin tức, bình luận, kịch nghệ, âm nhạc v.v... Từ chửi thanh tới chửi tục, kiểu gì cũng có.

Tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao các thợ viết kịch của chế độ cộng-sản Việt Nam đã sáng tác được những vở kịch chửi Trung Quốc nhanh và hay đến như thế. Những khẩu hiệu ngày trước Hồ Chí Minh dùng để ca ngợi người anh em Trung Quốc “núi liền núi, sông liền sông”, bây giờ không còn nữa. Thay vào đó, lúc này họ “ca ngợi” Trung Quốc bằng hai câu thơ mà đêm nào chúng tôi cũng nghe trong chương trình phát thanh Quân Đội Nhân Dân. Nghe mãi rồi tôi thuộc nằm lòng:

“Quốc kỳ là váy đàn bà,
Quốc huy là cái bội gà mang theo!”

Sờ dĩ có hai câu thơ hạ cấp ấy vì theo họ nói, lính Trung Quốc đánh tràn qua các làng mạc Việt Nam ở vùng biên giới, đã vơ vét tài sản của dân chúng không chừa một thứ gì, kể cả váy đàn bà và cái bội nhốt gà. Vì thế, Chính phủ Việt Nam nghĩ rằng lính Trung Quốc mang váy đàn bà về làm quốc kỳ thay cho cờ đỏ ở góc có mấy ông sao, và cái bội nhốt gà được sơn lại thành màu đỏ để treo lên tường làm quốc huy!

Tôi xin ngả mũ thán phục óc tưởng tượng vô cùng phong phú của những cán bộ tuyên truyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đêm đêm nằm nghe chửi kiểu này, tôi mỉm cười nghĩ thầm rằng, may mà các “người bạn Trung Quốc vĩ đại” không hiểu được tiếng Việt, nếu hiểu được chắc họ cũng nhưc đầu không kém gì anh em tù Thanh Cẩm chúng tôi. Tôi thấy cách nói “trò hề chính trị” ít có chỗ nào được dùng đúng nghĩa hơn chỗ này!

Gặp Lại “Cố Nhân”

Cuộc sống của tôi đang đều đều trôi qua một cách nặng nề như thế, thì một ngày kia, vào khoảng tháng 2 năm 1979, có phái đoàn Cục Cảnh-sát vào thăm khu kiên giam trong giờ ăn trưa. Phái đoàn chừng bốn, năm người mặc áo sơ-mi trắng ngắn tay, quần màu vàng, áo bỏ ngoài quần, đầu đội nón cối, vai mang sắc-cốt. Mới nhìn qua trông giống như một tốp thợ sửa điện, hoặc mấy ông thợ hoạn lợn mà lúc còn nhỏ tôi thường thấy đi vào làng thiến heo.

Họ chỉ trở, nói năng gì đó với ông trại trưởng, lúc đó là Thiếu tá Thực, theo hướng dẫn phái đoàn. Ông trại trưởng có vẻ khép nép khi nói năng đối đáp lại. Nhìn thấy thái độ của trại trưởng đối với mỗi phái đoàn, chúng tôi có thể đoán được tầm quan trọng của từng phái đoàn. Thành thạo có những phái đoàn khác nhau vào thăm trại, nhưng không phải lần nào trại trưởng cũng hướng dẫn. Có khi người hướng dẫn phái đoàn chỉ là một sĩ quan cấp nhỏ đi theo. Lúc ấy tôi biết ngay đó chỉ là loại phái đoàn loại “dỏm”.

Trưa hôm ấy, như thường lệ sau khi Bùi Đình Thi mở cửa buồng, chúng tôi ra ngoài, người lấy com, kẻ quét tước dọn dẹp. Lúc này không còn phải đi đổ các ống bầu nữa, vì chúng tôi đã được sử dụng cầu tiêu trong buồng. Thông thường như mọi ngày khác, khi anh trật tự mở cửa buồng cho tù ra sân, chúng tôi rất vui vẻ, đi lại nhón nháo, có khi lợi dụng lúc không ai để ý còn “quan hệ linh tinh” với các anh em buồng bên cạnh. Tuy nhiên, hôm đó mọi chuyện được làm trong bầu khí yên tĩnh và trang nghiêm, khác với ngày thường vì đang có phái đoàn Cục Cảnh-sát đứng trong sân quan sát.

Nhóm người lạ mặt này đứng yên lặng nhìn chúng tôi mà không hỏi han gì, khiến cho bầu không khí lúc bấy giờ càng trở nên căng thẳng. Lấy thức ăn xong, chúng tôi vào buồng và Bùi Đình Thi đóng cửa, cài then bên ngoài bằng song sắt như thường lệ. Trong lúc anh em đang chia thức ăn trong buồng, nhìn ra ngoài, tôi chợt thấy một người cao lớn mặc sắc phục công-an bước vào sân. Tôi giật mình khi nhận ra Đại tá Hoàng Thanh, một thứ “khắc tinh” của tôi từ nhiều năm qua. Tôi lẩm bẩm một mình: “Gặp lại cố nhân nữa rồi!”

Đại tá Hoàng Thanh làm Cục trưởng Cục Cảnh-sát thuộc Bộ Nội Vụ. Lúc ấy ông đã ngoài 50, người cao lớn dềnh dàng nhưng không mập, lưng tôm, mặt bẹt, đôi gò má nhô cao, miệng rộng, các kẽ răng đen lại vì nhựa thuốc lào và chè (trà) đặc. Điểm trái ngược trên khuôn mặt rộng bèn bẹt này, là cặp mắt tí hí thật nhỏ và tròn như mắt loài chồn cáo. Mắt ông ta không bao giờ đứng yên mà lúc nào cũng chao đảo, liếc qua liếc lại. Cho dù thiện ý đến đâu, tôi cũng không thể hình dung được một sự lương thiện tối thiểu nào ẩn nấp đằng sau đôi mắt ấy.

Tôi đã từng chạm mặt với Hoàng Thanh nhiều lần ở trại Nam Hà trước khi bị đi đày lên Cổng Trời. Khi nói chuyện với tôi, thành thạo ông ta có cười nhưng chỉ cười bằng miệng, còn đôi mắt và khuôn mặt không dự phần một chút nào vào tiếng cười ấy. Tôi vẫn ngại tiếng cười của ông ta, loại tiếng cười được phát ra qua kẽ răng khép kín tạo thành một hơi gió xì xì như tiếng rít của loài rắn lục trong đêm.

Dưới cái nhìn của tôi lúc đó, Hoàng Thanh là một mẫu cán bộ Việt cộng điển hình, vì trông ông ta rất giống các hình vẽ cán bộ Việt cộng trong các tranh biếm họa ở miền Nam trước kia, nhưng có điểm hơi khác là ông ta thiếu hàm răng vầu.

Hoàng Thanh dừng lại giữa sân nói gì đó với cán bộ trực trại một chập, rồi cả hai đi thẳng tới cửa buồng 1 của chúng tôi và dừng lại một lúc bên ngoài cửa sắt. Vì cánh cửa che khuất nên tôi không biết ông ta đứng đó làm gì, nhưng tôi đoán là ông ta đang đọc bảng tên dán ở cửa buồng. Linh tính

báo cho biết là sắp có chuyện liên hệ đến tôi, nên tôi lo chuẩn bị tinh thần, vì từ trước tới nay, chưa lần nào gặp tôi mà Hoàng Thanh để tôi yên bao giờ.

Tôi đoán không sai! Ông ta bước trở ra sân, vẫy tay gọi Bùi Đình Thi lại để mở cửa buồng. Nghe tiếng chìa khóa mở cửa lách cách bên ngoài, trong buồng chúng tôi ngưng chia thức ăn và ngồi cả lên bệ nằm bằng xi-măng. Cửa buồng mở ra, Hoàng Thanh bước vào một mình.

Ông ta đi dọc theo lối đi ngăn trước mặt chúng tôi một cách chậm rãi có chủ ý. Chúng tôi lên tiếng “chào cán bộ” theo quy định và ngồi yên chờ đợi. Ông ta bước chậm, hai tay chấp sau lưng và nhìn thẳng vào mặt từng người chúng tôi, như một ông tướng đang duyệt qua hàng quân của mình. Bầu không khí trong phòng lúc đó trở nên nặng nề và căng thẳng khác thường.

Từ lúc bước vào buồng, Hoàng Thanh không nói một lời nào. Khi đi tới cửa cầu tiêu ở vách bên trong, ông ta quay trở ra, gần tới cửa buồng. Tôi mừng thầm nghĩ bụng, như vậy chắc là xong, lần này chẳng có việc gì xảy ra. Nhưng khi ra tới cửa, bất ngờ ông ta quay lại, chỉ thẳng vào tôi và hát hàm hỏi bằng cái giọng khàn khàn quen thuộc:

– Anh mang kính ngòi trong cùm kia có phải là anh Nguyễn Hữu Lễ không?

Tuy trong lòng đang lo ngại, nhưng tôi đáp lại thật gọn và rõ ràng:

-Báo cáo cán bộ, đúng, tôi là Nguyễn Hữu Lễ.

Ông ta nhếch mép cười, vẫn cái cười có hữu mà tôi e ngại, nhẹ nhàng nói:

-Tôi cũng định hôm nào rảnh, mời anh lên để chúng ta nói lại một chút về vụ tàu Sông Hương, anh Lễ nhé!

Nói xong ông ta bỏ đi ra cửa, không đợi tôi trả lời. Tôi ngồi lặng yên và bàng hoàng khi nghe Hoàng Thanh nhắc tới vụ tàu Sông Hương và nghĩ bụng, “thế là tên cáo già này chưa buông tha mình!”

7- CÁI GIÁ CỦA TỰ DO



Lúc này số người trong buồng 1 khu kiên giam đã thay đổi, không còn là số người hai tháng về trước. Việc xáo trộn người qua lại giữa các buồng tại khu kiên giam, cũng như ở khu kỷ luật là biện pháp của trại, để phòng các tù nhân cấu kết nhau để tổ chức vượt ngục. Các anh em dưới “làng” lâu lâu cũng bị đổi buồng như vậy. Việc phân tán này không theo một quy luật thời gian nhất định nào, nhưng thường là cứ vài ba tháng đổi buồng một lần, nhưng nếu buồng nào có dấu hiệu gì khả nghi,

sẽ bị đổi nhanh hơn. Sống chung trong buồng 1 với tôi lúc bấy giờ có những người sau đây:

– Anh Nguyễn Sỹ Thuyên, ngoài 50 tuổi, người lớn tuổi nhất trong buồng, nguyên là giáo sư dạy toán tại nhiều trường trung học ở Sài-Gòn. Anh là người có tinh thần quật khởi, lại có tài làm thơ và có nhiều bài thơ Đường rất hay. Anh cũng là người bạn tù lâu nhất của tôi trong buồng này. Chúng tôi bị giam chung với nhau ngay từ trại Gia-Ray ở trong Nam, đi chung chuyến tàu Sông Hương ra Bắc, ở chung tại trại Nam Hà, cùng bị đày lên Cổng Trời và cùng trong Nhóm 48 Quyết Tiến chuyển về trại này.

– Anh Trịnh Tiểu, 51 tuổi, Đại tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH). Anh đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Trưởng Phòng 2 của Quân Đoàn II, Tỉnh trưởng cuối cùng của tỉnh Ban Mê Thuột. Tôi gặp anh Tiểu tại trại Cổng Trời. Anh từ một trại ở miền Trung bị đưa lên đó sau tôi ít lâu và cùng chuyển về trại Thanh Cẩm trong nhóm 48 Quyết Tiến.

– Anh Đặng Văn Tiếp, 46 tuổi, Thiếu tá Không quân QLVNCH, sau đó làm Dân Biểu Quốc Hội. Anh là người anh kết nghĩa với tôi từ trên trại Cổng Trời. Anh Tiếp hiểu biết rộng và có nhiều kinh nghiệm chính trường. Vào tù, anh vẫn giữ thái độ hiên ngang bất khuất. Anh đã lãnh đạo cuộc chống đối trong trại Hà Tây và là một trong những tù chính trị miền Nam bị đày lên Cổng Trời sớm nhất.

-Anh Lâm Thành Văn, 40 tuổi, chủ xe đồ chạy đường Sài Gòn – Đà Lạt, bị bắt vì tham gia tổ chức Phục Quốc. Anh Văn đã ở trại Thanh Cẩm khá lâu và bị lên kiên giam trước khi chúng tôi từ Cổng Trời chuyển tới đây.

– Linh Mục Nguyễn Công Định, 45 tuổi, Tuyên úy Quân Đội tại Cần Thơ. Tôi cũng gặp Cha Định tại Cổng Trời. Ngài từ trại Quân đội Yên Hạ chuyển lên đó cùng với một số Linh Mục Tuyên Úy khác sau tôi ít lâu. Cha Định cùng về trại này một lượt với tôi.

Tôi là người trẻ tuổi nhất trong buồng với 36 tuổi đời. Trong tù, anh em thường gọi tôi cách thân mật của người miền Nam là “cậu Bảy” theo thứ tự anh chị em trong gia đình. Một phần cũng tránh lối xưng hô theo tước vị tôn giáo không phù hợp trong hoàn cảnh này.

Tối hôm ngày chạm mặt bất ngờ với Đại tá Hoàng Thanh, tôi cảm thấy bất an trong lòng về một viễn ảnh đen tối đang chờ đợi tôi. Vụ âm mưu đánh cướp tàu Sông Hương chở tù nhân ra miền Bắc là một bản án treo của tôi. Mặc dù đã hai năm qua rồi, nhưng tôi biết cán bộ còn đang điều tra ráo riết về vụ này. Vụ tàu Sông Hương là một điểm “chạm nọc” trong tâm trí tôi. Mỗi lần nghe cán bộ nhắc tới, tôi cảm thấy lo âu cho tương lai của mình.

Từ lâu nay, tôi cũng đã chuẩn bị sẵn những câu trả lời trong trường hợp bị thẩm vấn về vụ này. Nếu không chối được thì tôi sẽ nhận lãnh hết mọi trách nhiệm trong âm mưu này để những anh em khác khỏi bị liên lụy vào. Tôi cũng biết là hình phạt dành cho tôi cũng sẽ tương xứng với tính cách nghiêm trọng của những việc tôi đã làm trong chuyến tàu đó. Tôi bàn riêng với anh Đặng Văn Tiếp, người anh kết nghĩa với tôi, về thái độ của Đại tá Hoàng Thanh và chia sẻ với anh một tương lai đen tối đang chờ

tôi.

Anh Tiếp hiểu được tâm trạng của tôi vì ở trại Cống Trờì chúng tôi thường xuyên bàn định về con đường phải đi trong tương lai. Anh cũng biết số phận mà chế độ này sẽ dành cho anh, sau những hành động chống đối có tính cách bạo động của anh tại trại Hà Tây, nhất là sau vụ anh tổ chức lễ tang và đọc diếu văn tưởng niệm Luật sư Trần Văn Tuyên qua đời trong trại tù Hà Tây, vì anh Tiếp là một luật sư và ông Trần Văn Tuyên là thủ lĩnh luật sư đoàn trước kia. Đây là hành động mang màu sắc chính trị, một điều tối kỵ trong nhà tù cộng-sản.

Cả hai anh em tôi bàn đi tính lại nhiều lần trong những ngày tiếp theo và cảm thấy đã đến lúc phải tìm mọi cách thoát ra khỏi nơi này, điều mà chúng tôi ấp ủ từ lâu. Nếu thoát được, cuộc đời chúng tôi sẽ có nhiều thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp. Nếu chẳng may thất bại, chúng tôi sẽ phải trả một giá đắt. Điều này chúng tôi biết rất rõ và chấp nhận.

Anh Đặng Văn Tiếp là một luật sư, nguyên là Thiếu tá Không Quân QLVNCH. Sau khi giải ngũ, anh đã ứng cử Dân Biểu Quốc Hội đơn vị Tân Bình, tỉnh Gia Định và là Dân Biểu thuộc phe đối lập trong Quốc Hội cho tới ngày 30.4.1975. Trước kia tôi có gặp anh vài lần khi hoạt động trong Phong Trào Chống Tham Nhũng của Linh Mục Trần Hữu Thanh. Vào tù, chúng tôi gặp lại nhau ở trại Cống Trờì. Anh lên trại này trước tôi vài tháng. Lúc bấy giờ anh là một trong những người mà tôi mến phục vì anh là người có tư cách, hiểu biết rộng, từng trải việc đời và có khí phách hiên ngang. Tôi mến anh vì đức, kính trọng anh vì tài, và chúng tôi gặp nhau nơi ý chí kiên cường bất khuất ngay trong ngục tù cộng-sản.

Từ những điểm tương đồng và thái độ tương kính đó, chúng tôi dần dần thân thiết nhau và kết nghĩa anh em. Tôi nhận Tiếp là anh vì anh lớn hơn tôi đúng 10 tuổi. Con người nghĩa khí đó lại cũng vừa là người con chí hiếu, một người bạn tình chung thủy. Anh thường nói chuyện với tôi về người mẹ mà anh rất yêu quý và những kỷ niệm thật đẹp giữa anh và chị Huyền Thanh, người mà anh đã chuẩn bị để cưới làm vợ. Từ ngày gặp nhau trên trại Cống Trờì, anh Tiếp và tôi đều nghĩ rằng, chỉ có một cách duy nhất để sống còn là vượt ngục, vì chúng tôi biết nhà cầm quyền cộng-sản đã quyết định cho chúng tôi chết dần chết mòn trong trại tù. Câu nói ngắn gọn của Đại tá Hoàng Thanh càng tô đậm thêm cái tương lai vốn đã đen tối của tôi và khơi dậy một cách mãnh liệt ý định vượt ngục luôn luôn lảng vảng trong đầu óc tôi.

Khi còn ở Cống Trờì chúng tôi cũng đã một lần có ý định vượt ngục qua Trung Quốc, nhưng không thực hiện được vì bất ngờ bị đối buồng ngay trong buổi trưa, trước đêm chúng tôi dự định hành động.[1] Biết rằng đây là việc vô cùng nguy hiểm, và tôi đã từng chứng kiến cái giá mà những người vượt ngục thất bại đã phải trả như thế nào, nhưng chúng tôi thấy không còn cách nào khác hơn là phải chấp nhận trả cái giá đó.

Vượt ngục và vượt ngục!

Lúc đang ở khu kiên giam tại trại Thanh Cẩm, tôi vẫn luôn có ý định vượt ngục. Tuy nhiên, vượt ngục từ khu kiên giam trại Thanh Cẩm quả thực là chuyện quá khó khăn vì có nhiều yếu tố bất lợi. Ngoài yếu tố nội tại với thân thể gầy còm, ốm yếu do thiếu dinh dưỡng sanh ra bệnh tật, cộng thêm buồng giam xây dựng kiên cố và chẳng có một thứ gì bằng kim loại trong buồng. Yếu tố ngoại tại cũng không kém phần khắc nghiệt.

Bên ngoài là 2 lớp hàng rào kẽm gai của khu kiên giam và cuối là bức tường cao bằng đá xanh, cao quãng 5 thước chung quanh trại, trên mặt tường là một hàng rào kẽm gai cao khoảng 1 thước. Có quá nhiều vấn đề phải giải quyết trước khi bắt tay vào việc. Trước tiên là phải thuyết phục để sáu người trong buồng đều đồng ý, nếu ai yếu quá không thể tham gia được, phải làm sao bảo đảm cho họ ở lại mà không bị hành hạ và ngược đãi.

Anh Tiếp và tôi bắt đầu bằng việc thăm dò tư tưởng của từng người, phải rào trước đón sau rồi mới dám gợi ý, vì nhớ có ai không đồng ý và báo cáo ý định vượt ngục với cán bộ, lúc đó tai họa sẽ không lường được. Vì sống với nhau đã lâu, chúng tôi cũng đã một phần nào đoán biết được tâm trạng của nhau nên bắt đầu với những người có nhiều hy vọng nhất.

Khi nghe chúng tôi bày tỏ ý định, hai anh Nguyễn Sỹ Thuyên và Trịnh Tiểu đồng ý ngay, nhất là anh Thuyên rất mừng rỡ. Anh nói với chúng tôi: "Trời! Tôi đã mong ước chuyện này từ lâu! Tôi cảm ơn hai ông rất nhiều". Riêng anh Lâm Thành Văn còn lưỡng lự vì anh đang đau dạ dày khá nặng, nhưng cuối cùng rồi cũng đồng ý sau khi anh em hứa nâng đỡ nhau trên đường trốn thoát. Chúng tôi gặp trở ngại với Cha Nguyễn Công Định, ngài nhất định không tham gia. Sau khi nghe tôi đề cập tới vấn đề này một cách bóng gió, nửa đùa nửa thật, Cha Định trả lời tôi dứt khoát:

– Chừng nào được gọi tên là về, tôi không đi đâu cả, dù cửa mở cũng không đi đừng nói trốn!

Tôi hỏi lại:

– Nhưng nếu năm người chúng tôi đi cả thì bác tính sao?

Tưởng là tôi nói đùa, ngài trả lời:

– Các người đi thì cứ đi, tôi ở lại một mình chứ sao!

– Rồi bác trả lời sao với cán bộ?

– Trả lời sao kệ tôi!

Thấy câu chuyện đã đi vào ngõ cụt, tôi cười giả lả:

- Không đơn giản như bác nói đâu, nhưng mà này, nói chơi đấy nhá!

Chúng tôi gặp trở ngại khá lớn đầu tiên khi Cha Định quyết tâm ở lại. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn lén lút

chuẩn bị những gì có thể làm được. Lúc bấy giờ còn phải đề phòng cán bộ và trật tự bên ngoài, và trong buồng phải làm sao cho Cha Định thấy như không có chuyện gì sắp xảy ra. Chúng tôi nghĩ rằng Cha Định không hại chúng tôi, nhưng thái độ có vẻ lo lắng hay một lời nói vô tình nào đó của ngài có thể làm cho cán bộ và trật tự nghi ngờ có âm mưu trốn trại, lúc đó thì mọi chuyện sẽ hỏng khi chưa bắt đầu và hậu quả không lường được.

Không có cách nào khác hơn, nên năm người trong buồng quyết định vượt ngục, còn Cha Định ở lại. Vấn đề là bàn tính với nhau xem cách nào hay nhất để giúp Cha Định không bị tra tấn đánh đập sau khi chúng tôi trốn đi. Về thời điểm vượt ngục, chúng tôi đồng ý chọn ngày N là mùng 1 tháng 5 năm 1979. Ngày đó là ngày lễ Quốc Tế Lao Động, cả trại được nghỉ. Hơn nữa, theo kinh nghiệm chúng tôi biết thì hôm đó cán bộ được một bữa “bồi dưỡng”. Họ sẽ đánh chén say sưa và chểnh mảng trong việc canh gác ban đêm.

Dụng Cụ Đào Tường

Về dụng cụ đào tường, chúng tôi chỉ có một miếng sắt giệp thật cứng, dài độ 20 phân được mài nhọn như cái đục. Đây là dụng cụ chủ yếu và duy nhất mà chúng tôi có trong tay để thực hiện cuộc vượt ngục. Dĩ nhiên là không có dụng cụ này thì đã không có kế hoạch tiếp theo. Miếng sắt này hình thù giống như ngọn giáo, gắn ở cánh cửa vào cầu tiêu. Một đầu có lỗ tròn nhỏ để xỏ vào khoen sắt có đầu nhọn như cây đinh đóng vào cánh cửa gỗ nhà cầu. Cây đinh dài ló đầu nhọn ra phía sau cánh cửa rồi bẻ gấp lại, đầu kia của miếng sắt có xẻ rãnh rộng 1 phân dài 3 phân ở giữa để khi đóng cửa sẽ ập vào một thanh sắt hình chữ U gắn trên bờ tường, lúc đó thanh sắt hình chữ U sẽ nhô ra chui ngang khe rãnh của miếng sắt và có ống khóa bóp lại ở phần bụng của chữ U bên ngoài và cánh cửa không còn mở ra được.

Khi chúng tôi mới tới, cửa nhà cầu bị khóa lại và tù nhân phải đại tiểu tiện trong các ống bầu bằng tre dựng bên ngoài cửa nhà cầu như tôi đã nói ở trên. Một thời gian sau cửa vào cầu tiêu được mở và chúng tôi sử dụng cầu tiêu qua một lỗ tròn có cái mẹt chứa phân bên dưới. Mỗi ngày có một anh tù mở cửa gỗ phía sau nhà, vào hầm gánh phân ra cung cấp cho đội trồng rau xanh.

Từ khi cửa được mở ra thì miếng sắt được treo lơ lửng vô dụng trên cánh cửa vào nhà cầu. Miếng sắt màu đen vô tội được đóng vào cánh cửa nhà cầu này vô tình trở thành cơn cám dỗ và cũng dự phần rất lớn vào việc thúc đẩy tôi thực hiện ý định vượt ngục. Ngay trong ngày đầu khi cửa vào cầu tiêu không còn khóa lại và thấy miếng sắt treo lơ lửng trên cánh cửa gỗ tôi đã nghĩ: “Tại sao mình không dùng miếng sắt trời cho này để đào tường vượt ngục?”

Khi quyết tâm thực hiện kế hoạch vượt ngục thì việc đầu tiên là chúng tôi lén lút tháo miếng sắt ấy ra, mài cho bén và gắn hờ trở lại chỗ cũ, để khi hành động thì tháo ra dễ dàng. Nhưng cái khoen sắt có đầu nhọn như cây đinh, đóng vào cánh cửa để treo miếng sắt giệp này lại to như chiếc đũa, và phía đầu nhọn ló ra sau cánh cửa được đóng gấp lại rất chắc. Muốn lấy được miếng sắt giệp này thì việc

đầu tiên là phải làm sao kéo thẳng đầu nhọn của cây đinh, đóng gập sau cánh cửa ra mới cầm miếng sắt giệp xoay tròn và rút ra được.

Trong hoàn cảnh khu kiên giam, chúng tôi không được giữ bất cứ một thứ gì là kim loại trong buồng, thì việc kéo thẳng đầu một cây sắt to bằng chiếc đũa đóng gập vào phía sau cánh cửa gỗ không phải là chuyện đơn giản. Nhìn qua ngó lại, tôi thấy chỉ còn sót lại hai thứ bằng kim loại là chiếc muống nhôm tôi cố gắng giấu được qua bao nhiêu lần khám xét và một vật bằng kim loại hợp pháp khác là cái quai xách của lon Guigoz đựng nước uống của anh Lâm Thành Văn, làm bằng ruột dây kẽm gai.

Anh Lâm Thành Văn ở khu kiên giam này trước chúng tôi và không hiểu vì lý do gì anh còn giữ được cái quai xách bằng dây kẽm này trong khi mấy anh em chúng tôi lên sau đã bị tháo vát đi hết và chúng tôi phải xé dây bao cát ra để làm quai xách cột trên miệng lon Guigoz khi lấy nước sôi.

Cái quai xách lon nước uống của Văn vô tình trở nên cứu quý! Chúng tôi tháo đoạn dây thép ấy ra, mài cho thật nhọn và nhủi một đường trên cánh cửa gỗ chui lòn bên dưới đầu nhọn gập lại của cây sắt. Sau khi xỏ lòn được đoạn dây kẽm bọc ra phía sau cây sắt, chúng tôi nối đoạn dây kẽm lại thành một khoen tròn và dùng thế đòn bẩy nạy cây đinh thẳng ra! Vấn đề khó khăn coi như được giải quyết.

Sau đó chúng tôi tháo miếng sắt giệp ra, mài đầu kia thật bén như dao và hơi khói cho đen lại, rồi gắn trở lại cánh cửa coi như không có chuyện gì xảy ra. Dĩ nhiên là việc này chúng tôi phải giấu Cha Định. Thời gian tiếp theo, miếng sắt vẫn treo lơ lửng trên cửa và từ cán bộ tới trật tự chẳng ai để ý gì tới cái miếng sắt nhỏ vô tội này. Nhưng nhóm chúng tôi, đặc biệt là cá nhân tôi thì không hiểu tại sao, cứ thỉnh thoảng tôi lại đưa mắt liếc nhìn miếng sắt đó, dù không muốn nhìn nhưng vẫn cứ phải nhìn!

Lúc bấy giờ chúng tôi cũng đã bảo nhau, nếu bất ngờ bị đổi buồng thì coi như không có gì xảy ra, còn trong trường hợp cán bộ hay trật tự phát giác ra miếng sắt bị tháo ra và mài nhọn, chúng tôi chỉ việc bày tỏ thái độ “vô cùng ngạc nhiên” là xong. Vì buồng này đâu có phải chúng tôi là những người chiếm ngự đầu tiên! Và lại khi đưa chúng tôi vào buồng này có ai để ý gì hoặc là chụp hình vị thế của miếng sắt vô tội vạ ấy đâu.

Với miếng sắt nhọn và bén như lưỡi dao này, chúng tôi đã tạm yên tâm về dụng cụ đào tường, vì trong hoàn cảnh đó không thể tìm được thứ gì tốt hơn! Ngoài ra, còn có một cái muống bằng nhôm cũng có thể có chút giá trị nào đó, mặc dù chúng tôi biết là dụng cụ bằng nhôm rất mềm, nhưng đó là dụng cụ bằng kim loại duy nhất, sau miếng sắt “báu vật” mà chúng tôi đang có.

Về địa điểm để đào tường, sau khi đã nghiên cứu từng nơi từng chỗ và quan sát trong ngoài cẩn thận, chúng tôi thấy không còn chỗ nào tốt hơn là vách tường sau cửa cầu tiêu thông ra cái hầm chứa phân. Hầm này nằm bên dưới cầu tiêu của 4 buồng kiên giam và ăn thông ra phía sau của khu nhà bằng, bởi một con đường, chỉ rộng chừng một thước rưỡi như một cái rãnh nằm giữa hai buồng phía sau, vừa đủ cho người tù vào hầm gánh phân ra. Hầm chứa phân có một cánh cửa bằng gỗ chắc chắn,

ban ngày mở ra nhưng chiều tối khi điếm danh được khóa lại.

Khu Nhà Bàng được xây dựng như chiếc bánh chưng được cắt làm tư nhưng hai buồng sau hẹp hơn hai buồng trước một chút vì bị xén đi mỗi bên một ít để làm cái rãnh thông vào buồng chứa phân này. Theo dự trù, sau khi chúng tôi đào xong bức tường sau của vách cầu tiêu, sẽ chui ra và lọt được vào hầm chứa phân. Xong lại phải đào bật tung bản lề cánh cửa gỗ của hầm chứa phân rồi mới có thể bò theo con hẻm giữa hai buồng phía sau, lần tới chân bức tường rào của khu, sau khi vượt qua bức tường này mới ra tới chân của bức tường xây bằng đá xanh cao 5 thước, có hàng rào kẽm gai cao quãng 1 thước ở bên trên. Bức tường trại này chỉ có một lối ra vào duy nhất là cổng trại nơi có lính canh gác ngày đêm. Cổng trại cũng là nơi ở và làm việc của cán bộ trực trại.

Nói tóm lại, nếu muốn thoát được ra bên ngoài, chúng tôi phải làm sao vượt qua được 4 trở ngại sau đây: bức tường bằng gạch phía sau cầu tiêu, cách cửa gỗ chặn lối ra vào của hầm chứa phân, bức tường thấp của khu kiên giam, và cuối cùng là bức tường bằng đá xanh của trại, cao 5 thước.

Từ khi có ý định đào tường vượt ngục, chúng tôi để tâm quan sát khu vực này và thăm dò tìm hiểu nơi các anh tù hình sự trong đội xây dựng đang xây cất khu nhà kỷ luật gần bên. Chúng tôi cũng dò hỏi mấy anh tù gánh phân thật cẩn thận về hình dạng, cách cấu trúc và giờ giấc đóng mở cửa của hầm chứa phân. Nói tóm lại chúng tôi điều nghiên vấn đề này, ngay tới cả những chi tiết nhỏ nhất theo cách thức và hoàn cảnh lúc bấy giờ cho phép.

Sau khi tìm hiểu những dữ kiện cần thiết, chúng tôi vẽ ra một bản đồ chi tiết bằng cách lấy than vạch lên bệ nằm để anh em cùng nghiên cứu, nhưng việc nghiên cứu bản đồ này cũng phải giả vờ như anh em ngồi xúm lại chơi cờ tướng trong lúc Cha Định ngủ trưa để tránh sự nghi ngờ của Cha Định.

Từ khi bắt đầu thai nghén kế hoạch cho tới ngày N (1-5-1979) chúng tôi có 2 tháng để điều nghiên và chuẩn bị. Có hai việc phải làm cùng một lúc là vừa âm thầm chuẩn bị dụng cụ, thăm dò tìm hiểu tất cả những chi tiết liên quan tới cuộc vượt ngục lại vừa phải canh chừng, đề phòng và khéo léo làm sao để Cha Định không nghi ngờ và đoán biết ý định của 5 người chúng tôi. Công việc sau này là việc khó nhất vì trong một căn buồng giam nhỏ chỉ vừa đủ chỗ cho 6 người nằm trở đầu ngược nhau mà chúng tôi phải giấu Cha Định mọi chuyện, từ lời nói tới các việc làm và cả ánh mắt cái nhìn nữa.

Hàng ngày tôi vẫn có thói quen ngồi bên cửa sổ nhìn lên tít bức tường đá xanh, bao chung quanh trại và điều nghiên việc làm thế nào để có thể vượt qua bức tường đó một cách an toàn cho cả 5 người chúng tôi. Nếu chỉ riêng cá nhân tôi và anh Tiếp với anh Tiểu thì không đến nỗi nào, nhưng có anh Thuyên khá lớn tuổi và nhất là Lâm Thành Văn lại yếu vì chứng đau dạ dày, cần sự nâng đỡ của anh em trong nhóm nhiều hơn. Hàng ngày tôi vẫn ngồi ngược mắt nhìn bờ tường nhưng khi thấy Cha Định tới gần là tôi phải quay đi giả vờ đứng bên cửa sổ hít thở không khí và làm như không có chuyện gì xảy ra.

Phải nói là trong 2 tháng trời đó, anh Tiếp và tôi là người anh em giao cho công việc điều nghiên và chuẩn bị, chúng tôi đã phải vận dụng hết khả năng, tìm tòi, óc sáng kiến, óc tưởng tượng cho kế hoạch đầy nguy hiểm này. Sự có mặt của Cha Định đã làm cho công việc trở nên khó khăn gấp bội. Trong buồng chúng tôi vẫn phải giữ nhịp độ sinh hoạt bình thường như chơi cờ tướng, cờ domino. Vì không thể tìm đâu ra quân cờ thật nên chúng tôi dùng giấy vẽ chữ các quân cờ tướng và các điểm tròn của cờ domino để chơi giải trí và cho qua thời giờ. Khi cần trao đổi câu chuyện liên quan tới kế hoạch chúng tôi đợi lúc xuống sông Mã tắm giặt mới đứng gần nhau mà nói chuyện rù rì. Có những lần lợi dụng trong lúc phát thức ăn chúng tôi được vài phút ra sân làm vệ sinh mới có thể lén lút trao đổi vài câu chuyện.

Cũng may buồng giam có cánh cửa ngăn cách với khu vực có cầu tiêu và bể chứa nước bên trong nên có cần bàn việc gì chúng tôi đợi lúc Cha Định ngủ mới lén vô cầu tiêu mà bàn chuyện. Suốt trong hai tháng trời đó, chúng tôi cố gắng tìm hiểu và dự trù những chuyện có thể xảy ra, kể cả những chi tiết nhỏ nhất cũng được đặt ra, lại phải phân công nhau ra dòm chừng Cha Định. Vì tính cách quan trọng của cuộc vượt ngục nên chúng tôi dồn hết tâm trí và sức lực để chuẩn bị các thứ cần thiết. Chúng tôi đang sắp sửa chơi một canh bạc lớn, và trong canh bạc này, chính mạng sống của chúng tôi được đặt xuống chiếu bạc trước mặt.

Dốc Tâm Chuẩn Bị

Có quá nhiều chi tiết phải làm trong thời gian chuẩn bị cho chuyến đi định mệnh này. Chúng tôi phân công mỗi người lo một việc, nhưng luôn hội ý với nhau xem công việc tiến triển ra sao và có gì khó khăn phải giải quyết. Có hai kế hoạch được đặt ra. Kế hoạch một là nếu thoát ra được bên ngoài trước nửa đêm, chúng tôi sẽ đi vào rừng về hướng Tây qua biên giới Lào, để rồi từ đó tìm đường qua Thái Lan. Kế hoạch hai, nếu bị trở ngại và ra bên ngoài muộn, chúng tôi sẽ xuôi dòng sông Mã để ẩn nấp, chờ dịp tốt sẽ đi vào rừng.

Chúng tôi quyết định nếu ra ngoài được chỉ có hướng đi duy nhất là đi băng qua rừng để tới đất Lào, rồi từ Lào tìm qua Thái Lan. Theo kế hoạch đó, yếu tố thời gian thật vô cùng quan trọng, phải cố gắng vượt qua được biên giới Việt-Lào cách trại 30 cây số càng sớm càng tốt, vì chúng tôi không thể nán ở lại sống trà trộn trong dân chúng tại miền Bắc được.

Khi còn ở trại Công Trôi, chúng tôi đã học được kinh nghiệm của mấy anh em tù Biệt Kích là những người được huấn luyện kỹ lưỡng để thả ra Bắc, nhưng cuối cùng cũng bị dân chúng phát giác. Điều trở ngại đầu tiên là giọng nói giữa hai miền Nam-Bắc khác nhau quá xa, vừa mở miệng ra là người khác sẽ biết ngay người đó ở vùng nào trên đất nước! Hơn nữa, dân chúng trong vùng Thanh Hóa này, nhất là những người Mường ở chung quanh trại Thanh Cẩm này rất nghèo và mỗi lần bắt được tù vượt ngục, họ được thưởng công rất hậu hĩnh. Họ được thưởng gạo, rượu và bằng khen.

Gạo và rượu dĩ nhiên rất quý báu đối với người dân thiếu ăn gần như quanh năm trong vùng núi đá và

thiên nhiên rất khắc nghiệt này, nhưng thức ăn chỉ có giá trị tạm thời. Riêng bằng khen mới là điều người dân trong vùng mơ ước vì có giá trị về lâu về dài. Trước tiên là được miễn góp ngày công lao động cho hợp tác xã, sau đó còn được ưu tiên trong những đợt cấp phiếu mua nhu yếu phẩm trong các dịp Tết hoặc trong những đợt mua hàng tiêu chuẩn bất thường khác trong năm. Nói tóm lại, công việc bắt tù vượt ngục là một nghề tay trái kiếm ăn rất khá của dân chúng trong vùng rừng núi chung quanh trại.

Vi thế khi vừa nghe 3 tiếng súng báo động cho biết có tù vượt ngục, là mạnh ai người ấy chạy đi săn lùng. Có người còn mang bao tải theo sẵn để bắt được tù là có ngay 30 ký gạo của trại tù thưởng công, mang về cho gia đình ăn bữa cơm tiếp theo. Tôi còn nghe nói ở những trại chỉ có tù hình sự mà thôi thì phần thưởng không đáng gì, nhưng các trại giam tù chính trị miền Nam như trại Thanh Cẩm thì việc bắt được tù vượt ngục quả là niềm mơ ước thường xuyên của dân chúng. Biết như vậy nên chúng tôi quyết định nếu thoát ra ngoài được là phải trốn biệt trong rừng, tránh tiếp xúc với bất cứ một con người nào khi còn trên phần đất quê hương.

Điều an ủi là vùng rừng núi hiểm trở này dân cư rất thưa thớt và đa số là người dân tộc thiểu số, những người có truyền thống chịu đựng sự khắc nghiệt của con người và của thiên nhiên. Người dân trong vùng phần đông sống bằng nghề trồng trọt và đốn củi rừng. Những anh tù hình sự cho biết, chung quanh trại và cả đi sâu vào rừng cũng có những nương sắn nương khoai của dân chúng.

Có khi họ chỉ trồng xuống rồi phó mặc cho thiên nhiên, tới ngày thu hoạch thì vác mai, vác cuốc vào rừng đào khoai giữ sẵn mang về. Có khi thu hoạch được khá nhưng phần đông đã bị tàn phá bởi thiên nhiên, bởi thú rừng và nhất là bởi đám tù tự giác hình sự. Dĩ nhiên là khi trù tính kế hoạch vượt ngục và việc mưu sinh thoát hiểm, chúng tôi cũng nghĩ tới các ruộng trồng khoai sắn này.

Nếu trường hợp phải trốn xuống sông Mã, chúng tôi phải đề phòng dân đánh cá trên sông. Trại Thanh Cẩm nằm trên vùng thượng nguồn sông Mã nên cá chẳng có bao nhiêu. Về mùa nắng, nước sông rất cạn và chảy lờ đờ có chỗ còn lòi cả đá ở đáy sông lên. Lúc bấy giờ chỉ có loại cá nhỏ như cá mương. Dù vậy khi có mưa, nước sông sẽ dâng lên rất nhanh vì bao nhiêu nước trên rừng đổ xuống. Nếu hôm nào mưa to thì nước sẽ dâng thật cao, cao gần tới bờ sông và nước đổ xuôi dòng mạnh như thác, mang theo cây cối, gỗ lác, gia súc, có khi cuốn băng cả ghe xuống nhà cửa của dân chúng ở hai bên bờ sông.

Sau những lần mưa to, sông có nhiều nước và cá mương cũng nhiều, đó là lúc người dân đánh cá hoạt động khá nhiều trên sông. Cá mương là loại cá nhỏ, chỉ to bằng ngón tay, đi từng đàn và tìm thức ăn trên mặt nước. Người dân đánh cá mương phải phối hợp đi trên hai chiếc thuyền, một lớn, một nhỏ. Thuyền lớn một người chèo và một người điều khiển cái vó trước mũi (Vó là tấm lưới có hai còng căng ra), còn thuyền nhỏ có người chèo và một đứa trẻ con ngồi cầm chiếc mồi bằng ống tre.

Khi người bên thuyền lớn hạ vó xuống nước thì thuyền nhỏ chèo ra xa trước mũi thuyền nhỏ, trong khi

đưa bé cầm mõ ghe gõ lóc cóc, lóc cóc liên hồi để đuổi đàn cá mương chạy vào vó và người bên thuyền lớn cất vó lên. Có những lúc trúng, cũng được khá nhiều cá trong mỗi lần cất vó, nhưng thường thì chỉ được dăm ba con, có khi chẳng có con nào!

Vì trại Thanh Cẩm nằm không xa bờ sông Mã bao nhiêu, nên những tiếng mõ lóc cóc của người dân đánh cá mương trở thành âm thanh quen thuộc đối với chúng tôi. Nhất là về đêm, tiếng mõ càng vang xa nghe rõ mồn một, như một điệu nhạc buồn trên sông Mã, lúc nào cũng chỉ có hai nốt: lóc cóc, lóc cóc, lóc cóc!

Có những đêm về sáng, tôi nằm trong kiên giam nghe vắng vắng tiếng mõ của người đánh cá mương trên sông, hòa lẫn với tiếng kêu gọi sáng của loài chim rừng lúc nào cũng 4 tiếng đi liền mà anh em tù chúng tôi nghe là chim “bắt cô trói cột, bắt cô trói cột!”. Rồi tới giờ, lại có thêm tiếng cồng trại tập trung phát ra từ thanh sắt gõ vào cái vỏ bom sắt treo bên ngoài cổng trại, đánh thức tù dậy đi lao động. Ba thứ âm thanh đó hòa lại với nhau vọng tới tai người tù biệt xứ, như một bản hợp tấu thật náo nê, giữa núi rừng Thanh Cẩm!

Song song với chi tiết vượt ngục, chúng tôi cần phải có một thang dây để leo qua bờ tường đá cao 5 thước bao quanh trại. Sở dĩ chúng tôi cần thang dây vì anh Lâm Thành Văn lúc bấy giờ khá yếu, không thể bám dây cột gút để leo lên tường cao như các anh em khác. Một vấn đề được đặt ra là làm thế nào móc được thang dây lên tróc bức tường, trong khi chúng tôi ở khu kiên giam này không “một tác sắt trong tay”!

Lúc đó tôi để ý và thềm đến rõ dãi, mấy cái móc sắt trong hai quang gánh của Bùi Đình Thi và Trương Văn Phát dùng để gánh cơm nước lên khu kiên giam và kỷ luật. Đây là một dụng cụ thật lý tưởng để móc đầu thang dây lên tróc bờ rào, nhưng chúng tôi rình mãi mà không thể nào lấy được các móc sắt đó. Sau cùng, chúng tôi phải tìm cách làm một móc sắt theo cách thức của mình.

Tôi cho là một sự may mắn khác khi tôi chợt để ý tới đoạn dây phơi quần áo của tù trong sân khu kiên giam ngay trước cửa buồng 1 của tôi. Vì chỉ có khoảng sân này là rộng nhất trong 4 buồng của khu kiên giam Nhà Bàng, nên có chôn hai cái giá gỗ cách chừng 4 thước để căng mấy dây phơi, cho tù nhân phơi áo quần, mỗi lần được đi tắm giặt dưới sông Mã lên. Các dây phơi này thật bệ rạc. Có đoạn bằng dây ny lon, có sợi làm bằng dây điện nhưng có một đoạn làm bằng dây thép gai đã được gỡ bỏ hết gai nhọn. Tôi chú ý đoạn dây thép này.

Tôi quyết tâm phải đánh cắp đoạn dây thép này để làm cái móc sắt cho đầu thang dây. Nhưng đánh cắp được đoạn dây thép này cũng không phải là chuyện dễ, vì mỗi lần đi tắm về, chúng tôi phơi quần áo chưa xong là trật tự đã giục vào buồng, có giờ đâu mà ra tay? Khổ nỗi, chỉ có lúc sau khi tắm đó chúng tôi mới có lý do để “đụng” tới dây phơi giữa sân. Sau cùng, tôi cũng tìm ra được giải pháp.

Dựa vào yếu tố tâm lý, tôi biết là chẳng bao giờ có ai để ý tới đoạn dây phơi quần áo của tù trong khu

kiên giam làm bằng chất liệu gì. Làm bằng gì đâu có là vấn đề, điều quan trọng là đoạn dây phơi còn đó để mỗi khi tắm giặt có chỗ phơi áo quần là được rồi. Chỉ trừ trường hợp đoạn dây đó mất đi thiếu hụt chỗ phơi mới có người để ý. Nhưng nếu có ai thắc mắc, thì chỉ là những người tu, vì không có chỗ cho họ phơi áo quần, họ phải xin cán bộ cho dây khác. Riêng cán bộ và hai anh trật tự thì để ý làm gì về sợi dây phơi của tù.

Nghĩ như vậy nên chúng tôi âm thầm chuẩn bị một sợi dây bện bằng sợi tháo ra từ bao cát, có màu sắc và độ to bằng dây thép gai dùng để phơi áo quần bên ngoài. Sau đó mỗi lần đi tắm về, trong lúc giả vờ phơi áo quần, chúng tôi chia phiên tháo dần hai đầu dây thép và cột hờ lại dùng để cho rơi xuống. Làm thế nào để trong lần cuối cùng, dây thép này sẽ tháo ra thật dễ dàng, và cột dây bằng sợi bao cát thế vào, mà không ai chú ý. Điều quan trọng là trong lần cuối cùng, việc này phải làm cho thật nhanh và tránh sự chú ý của tất cả mọi người khác.

Tôi được anh em giao phó công tác chết người này, vì nó là sáng kiến của chính tôi! Một kế hoạch chi tiết “tiền vượt ngục” này đã được 5 người thảo luận kỹ càng, chờ tới ngày đi tắm sắp tới là thực hiện. Tôi đợi chờ trong lo âu!

Thử Thách Đầu Tiên

Sáng hôm đó là ngày quyết định. Theo đúng kế hoạch cả 5 người chúng tôi, hôm buổi sáng được xuống sông Mã tắm đó, ai cũng mang một ít quần áo đi giặt. Riêng hai người cao nhất trong nhóm là Đặng Văn Tiệp và Lâm Thành Văn còn giặt cả màn nữa!

Sau khi đi tắm về, chúng tôi tới bên dây phơi giữa sân trước cửa buồng phơi áo quần như thường lệ. Hôm đó cán bộ võ trang dẫn chúng tôi đi tắm không theo vào sân khu kiên giam, chỉ có hai anh trật tự, đang đi lại lảng vảng, chờ chúng tôi phơi quần áo xong thì lùa vào buồng khóa cửa lại.

Vi đã phân công trước, nên trong lúc 4 người bạn giữ áo quần và chặn ra “phơi” để che mắt Bùi Đình Thi và Trương Văn Phát, tôi lẹ làng cột dây giả vào, và tháo đoạn dây thép, cuộn tròn lại nhét vào người. Tôi hành động nhanh như máy. May mắn làm sao! Không ai thấy, và sau này cũng chẳng ai biết gì về sợi dây phơi “dỏm” mà tôi đã cột thay vào giá phơi áo quần này.

Mang đoạn dây thép “báu vật” về buồng, chúng tôi quấn nhập lại nhiều lần rồi uốn thành cái móc sắt thật lý tưởng cho thang dây. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi giấu móc sắt này trong bể nước gần bên cầu tiêu. Sau miếng sắt giẹp, cái móc sắt này là báu vật thứ hai mà chúng tôi có lúc bấy giờ. Điều đáng nói là cho tới lúc đó Cha Định vẫn chưa biết gì về hai món “báu vật” này. Chúng tôi đã có móc sắt cho chiếc thang dây, nhưng chính chiếc thang dây lúc đầu tưởng là dễ dàng, nay lại hóa ra vô cùng rắc rối, mặc dù trong kế hoạch vượt ngục, chúng tôi đã dự trù tất cả mọi trường hợp có thể xảy ra.

Trong buồng kiên giam lúc đó trống trơn, chỉ có một chỗ duy nhất chúng tôi có thể cất giấu “món đồ phi pháp” trước lúc vượt ngục là cái bể nước tối om, nằm kế bên cầu tiêu. Bể này hứng nước mưa từ

mái “Nhà Bể” chảy xuống qua cái lỗ hổng ngay trên miệng bể. Trong mùa khô hoặc lúc trời không mưa, có mấy anh tù trong đội gánh nước cung cấp nước, gánh lên và đổ vào bể từ một cánh cửa bên hông buồng. Thành bể cũng được xây dựng nóc nhà chỉ chừa một lỗ hổng chừng 50 phân vuông có song sắt và cao trên đầu người.

Mỗi chiều khi điểm danh và trước khi khóa cửa buồng giam, lần nào cán bộ hoặc trật tự cũng bước vào khu vực cầu tiêu kiểm soát, nhưng chỉ coi có nơi nào bị đào khoét gì không và chẳng bao giờ để ý trong bể nước có gì. Một phần trên miệng bể chỉ có một lỗ vuông nhỏ chấn song sắt, phần khác khu vực này luôn luôn là tối om, muốn nhìn vào bên trong bể nước phải đứng trên một thứ gì kê lên cao và phải dùng đèn bấm mới thấy được. Trong khi đó khi cần giấu thứ gì, chúng tôi thả ngằm dưới đáy hồ, có những đoạn dây cột tua tua, khi cần thì dùng móc sắt rà kéo lên.

Đề phòng trường hợp bị xét buồng hay đổi buồng bất ngờ, chúng tôi đã có thủ sẵn một cái bao cát, bên trong có những hòn đá mà khi đi tắm chúng tôi nhặt về. Nếu thỉnh linh có “động” là chúng tôi sẽ cho tất cả “đồ nghề” vào cái bao cát có dằm đá sẵn để chìm xuống dưới đáy bể nước. Nếu chỉ là khám xét rồi lại vào buồng cũ, thì sẽ vớt bao lên tiếp tục kế hoạch, nhưng trong trường hợp đổi buồng thì coi như là “ý trời”. Về sau này vô tình cán bộ phát hiện ra chiếc bao cát đó, cũng chẳng biết là của ai vì đã có biết bao nhiêu lớp tù, đến rồi đi, trong 4 buồng của khu kiên giam Nhà Bể như một thứ nhà trọ của khách vãng lai này.

Cho tới một vài ngày trước lễ Lao Động năm đó chúng tôi cũng chưa chắc là kế hoạch có thể thực hiện được, vì trước những dịp lễ lớn bao giờ cũng có cuộc khám xét “nội vụ” và có thể bị xáo trộn tù nhân giữa các buồng trong khu kiên giam. Đây là biện pháp an ninh thông thường. Những dịp khám xét đồ đạc, chúng tôi biết trước, nhưng việc đổi buồng thì không theo một định kỳ nhất định nào. Thông thường thì đổi trước các dịp lễ, nhưng cũng có lúc tự nhiên một người hoặc vài người bị gọi ra chuyển qua buồng khác.

Có điều rất lạ, mặc dù tôi đã biết trước những dịp khám xét buồng theo định kỳ nhất định trong năm rồi, nhưng mỗi lần khám xét, mà chúng tôi gọi là “bán chợ trời” đó tôi vẫn cảm thấy lo lắng, chán nản mệt nhọc và gần như muốn bệnh! Sở dĩ gọi là “bán chợ trời” vì tất cả “nội vụ” của chúng tôi được mang hết ra khỏi buồng, bày từng cụm từng cụm giữa sân và ngồi gần bên đó chờ cán bộ và trật tự tới lục tung hết lên. Nhìn cảnh này, thật không có gì ngán cho bằng. Ai cũng biết là trong tù chật chội và chúng tôi đã phải thu xếp áo quần chần chiếu và đồ dùng thật gọn gàng mới có đủ chỗ để nằm và sinh hoạt trong buồng. Sau mỗi lần khám xét là lục tung tóe như vậy, có khi hàng tuần lễ sau cũng chưa có thể xếp gọn lại được.

Sau khi đã khám xét xong và của ai người ấy ôm trở vào buồng, lúc đó nhìn càng ngán ngẩm hơn! Lúc đó đồ đạc, áo quần chần chiếu mùng mền, chén bát...vương vãi khắp nơi. Trong lúc đó bao giờ tôi cũng nằm ngửa lên trên đồng đồ đạc nhắm mắt một lúc cho lại sức, sau đó mò dậy hút điếu thuốc lao

trước khi bắt đầu việc thu xếp lại “nội vụ”! Tôi nhìn các anh em khác và thấy hình như ai cũng có tâm trạng và hành động như tôi lúc bấy giờ. Những cuộc khám trại thông thường là như vậy, nhưng nếu những lần khám trại sau cơn mưa hoặc đang lúc khám mà bị mưa thì càng khốn nạn hơn!

Một điều ngán ngẩm khác nữa trong lúc khám trại là chúng tôi sẽ bị tịch thu hoặc là bị vất đi một số đồ dùng mà chúng tôi đã ra công góp nhặt được. Trong tù thì cái gì cũng quý, cái gì cũng cần dùng và cái gì cũng sẽ có công dụng của nó, từ một mảnh giấy báo, một đoạn dây ni-lông, một cái lon rỉ sét, một mảnh vải rách, một cái hộp nhựa, một bao ni-lông...tất cả đều là của quý. Chúng tôi nhặt những thứ này trong những lần đi tắm, và phải mắt trước mắt sau, mới dám tạt ngang qua đồng rác bên ngoài cổng trại để thu hoạch được những thứ đó, nhưng mỗi lần khám trại, cán bộ và trật tự lấy vất đi, không thương tiếc.

Trong lần khám trại trước lễ Lao Động năm 1979 đó, chúng tôi càng ngán hơn vì có thể hồng kế hoạch vượt ngục đã tới hồi kết thúc. Mặc dù chúng tôi chưa có thứ gì có thể bị hồ nghi là chuẩn bị vượt ngục, nhưng có 3 thứ chúng tôi vẫn lo sợ bị phát giác. Trước hết là miếng sắt đã được mài thật bén hơn khói cho đen, và gắn lại trên cánh cửa vào cầu tiêu, thứ nhì là cái móc sắt và cái bao cát dằn đá thả chìm trong đáy hồ nước và thứ ba là số muối khá nhiều của Lâm Thành Văn, mặc dù đã cẩn thận phân tán cho 5 người, mỗi người giữ một ít trong lúc mang đồ đạc ra trong khi khám trại.

Vì biết là phải đi một thời gian lâu trong rừng, chúng tôi cố gắng để dành một ít muối ăn dọc đường. Số muối này được bòn mót từ phần muối ít oi của anh Lâm Thành Văn được cấp phát mỗi bữa ăn, vì anh đau dạ dày không ăn được khoai sắn, nên trại cho ăn cháo trắng và muối. Và dĩ nhiên điều lo sợ cuối cùng là nếu chúng tôi bị đổi buồng thì coi như xong chuyện.

Rồi cuộc khám trại trong dịp Lễ Lao Động năm đó cũng qua đi, không có xáo trộn người giữa các buồng. Các tù nhân ở buồng nào về lại buồng đó, để chuẩn bị “mừng” lễ Lao Động. Riêng 5 người trong nhóm âm mưu vượt ngục chúng tôi cũng về lại buồng 1 cùng với Cha Định. Thời gian quyết liệt đã tới!

Cho tới lúc gần ngày lễ Lao Động rồi mà Cha Định chưa biết gì, và chúng tôi đợi sau khi khám trại xong mới bắt đầu làm chiếc thang dây. Khi anh Tiệp và tôi đập các ống bầu ra lấy thanh tre làm nấc ngang cho thang dây, nghe tiếng động bên trong nhà cầu phát ra, Cha Định bên ngoài hỏi vọng vô:

– Các người làm gì thế?

Cha Định rất là “bất hòa hợp” với chúng tôi. Ngài luôn luôn gọi chúng tôi là “các người” thay vì tiếng “các anh”. Tôi lên tiếng trả lời:

– Bọn này đập ống bầu ra làm đóm thuốc Lào bác ạ!

Từ bên ngoài, Cha Định nói vọng vào, bằng giọng nói nghe sắc bén như lưỡi dao của người thái thật:

-Này, các người cẩn thận đấy nhé!

Chúng tôi ngừng tay và yên lặng nhìn nhau sau câu nói đó. Thật tình tôi không hiểu hai chữ “cẩn thận” mà Cha Định vừa nói có ý nghĩa gì? Nó mang ý nghĩa sự khuyên lơn, sự che chở hay sự đe dọa. Tôi cầu mong cho hai nghĩa trước đúng, nhưng trong lòng tôi bắt đầu áy náy sợ câu nói này rơi vào nghĩa thứ ba! Nhưng dù trong ý nghĩa nào đi nữa, từ đó trở đi chúng tôi rất cẩn thận, tránh gây sự chú ý của Cha Định. Như tôi đã nói vì Lâm Thành Văn bị đau dạ dày và yếu nên phải cẩn thận dây cho anh. Tuy nhiên không làm sao có thể tìm ra dây được. Chúng tôi nghĩ tới áo quần, nhưng áo quần cũng không đủ. Cuối cùng phải dùng chần xé ra kết lại thành giây.

Chúng tôi xé một chần mỏng xếp lại mấy lớp và may thành những đoạn dây dài. Trong thời gian chuẩn bị vượt ngục tôi đã làm một cây kim khá to bằng cây đinh 6 phân nhọn được lúc đi tắm. Phải mất khá lâu mới mài cây đinh nhỏ lại thành cây kim, tôi dùng đá đập dẹp một đầu và dùng mảnh thủy tinh cửa đi cửa lại cho tới khi thủng lỗ có thể xỏ chỉ qua. Chúng tôi dùng chỉ tháo ra từ bao cát là loại chỉ rất chắc chắn để may các lớp chần lại với nhau. Sau khi có dây, chúng tôi dùng các thanh tre đập ra từ các ống bầu cũ làm các thanh ngang của chiếc thang.

Ngoài sự chuẩn bị các dụng cụ cần thiết ra, hàng ngày chúng tôi ngồi lại điều nghiên về cách thức đào tường và ước tính thời gian dự trù cho mỗi giai đoạn. Phải nói là không một chi tiết nào mà chúng tôi không dự trù, không bàn tính và không tìm cách giải quyết. Sau khi có thang dây, chúng tôi đã lên Cha Định, mang vào cầu tiêu móc thang lên song sắt bể nước và đứng lên nhún, thử độ bền chắc của chiếc thang.

Trù tính thì giờ là việc chúng tôi suy nghĩ bàn tính nhiều nhất, phải mất bao nhiêu thời gian cho việc đào tường, bao nhiêu thời gian đào cửa vào hầm chứa phân, ra khỏi hầm chứa phân rồi phải canh chừng cán bộ tuần tra ban đêm như thế nào trước khi leo qua tường rào giữa các khu. Bao nhiêu thời gian để cả 5 người vượt qua được bức tường bao quanh trại và bao nhiêu thời gian để vào rừng. Nói chung những gì chúng tôi có thể nghĩ ra và tiên liệu, chúng tôi đã làm tới mức tối đa. Trong đó việc vượt qua bức tường trại cao 5 thước bên trên có hàng rào kẽm gai được chúng tôi nghiên cứu và phân công thật cẩn thận. Vì 5 người chúng tôi khác nhau về tình trạng sức khỏe, về tuổi tác và sự tháo vát nên kế hoạch chi tiết về việc này được phân chia như sau:

Khi ra đi, Đặng Văn Tiếp sẽ thủ chiếc thang dây có thanh tre ngang để leo lên và một đoạn dây thòng ra bên ngoài để tuột xuống, và anh sẽ là người ra ngoài đầu tiên. Kế đó là Nguyễn Sỹ Thuyên, người thứ ba và ở giữa là Lâm Thành Văn, người thứ bốn là Trịnh Tiểu và cuối cùng là tôi. Phân chia như thế vì anh Đặng Văn Tiếp tháo vát và xông xáo nhất, Lâm Thành Văn vì yếu nên cần có hai người bên ngoài và hai người bên trong nâng đỡ. Tôi là người trẻ nhất, ra sau cùng, có nhiệm vụ gỡ thang dây và đoạn dây bên ngoài để phi tang và nếu có gì trục trặc thì tôi còn có thể xoay xử được.

Chi tiết thực hiện sẽ như sau: Ra tới chân tường, Đặng Văn Tiếp sẽ đứng trên vai tôi và anh Trịnh

Tiểu, tay cầm thanh tre đã cọt sần móc sắt trên đầu thang dây, móc vào trụ sắt của hàng rào kẽm gai trên tróc bức tường, và lần theo thang dây leo lên. Tới đầu tường sẽ cột đoạn dây khác thông ra bên ngoài tường và bám vào dây đó tuột xuống. Những anh em khác sẽ theo thứ tự như vậy, cũng leo lên vai Tiểu và tôi rồi bám thang dây leo ra. Anh Tiểu là người áp chót sẽ đứng lên vai tôi, còn tôi một mình sẽ leo ra sau cùng một cách dễ dàng. Thứ tự đó được nghiên cứu cẩn thận vào những buổi trưa, lúc Cha Định không để ý, chúng tôi vào buồng cầu tiêu thực tập công việc leo qua tường này.

Đội Chờ Trong Âu Lo

Tôi cảm thấy lúc bấy giờ thời gian đi quá mau. Chưa chi đã tới ngày 1.5.1979, ngày lễ Quốc Tế Lao Động, một ngày rất quan trọng đối với chúng tôi. Lễ Quốc Tế Lao Động là một ngày lễ được mừng khá lớn trong chế độ cộng sản. Trưa hôm ấy, các tù nhân chúng tôi được ăn một bát cơm trắng, một bát canh và vài ba miếng thịt heo to bằng đầu ngón tay cái. Đó là một trong năm hoặc sáu lần tù nhân chúng tôi được “ăn tươi” trong một năm.

Trong bữa ăn, năm người chúng tôi cùng ngồi lại bên nhau để nói lên lời thề hứa sẽ nâng đỡ nhau trên bước đường gian nan thử thách sắp đến, sẽ coi nhau như anh em ruột thịt và giúp nhau trong cuộc sống tương lai. Sau đó, chúng tôi nghỉ ngơi và chuẩn bị tinh thần cho công việc quan trọng tới nay.

Nói là nghỉ ngơi nhưng thực ra tôi có nghĩ gì được đâu. Nhớ lại trước đây hai tháng, khi ý định vượt ngục từ khu kiên giam này mới được manh nha thành hình, chúng tôi hội ý nhau để chọn ngày lý tưởng là đêm 1 tháng 5. Khi quyết định chọn ngày đó, tôi thấy không có gì phải suy nghĩ. Vì ngoài tất cả yếu tố thuận lợi khác, thì ngày 1 tháng 5 lúc đó hãy còn khá xa, còn đủ thời gian để chuẩn bị. Và lại từ đó tới ngày thực hiện kế hoạch có thể còn xảy ra nhiều chuyện bất ngờ trong môi trường tù tội vốn có quá nhiều chuyện bất ngờ này.

Nếu xảy ra việc đổi buồng, hoặc có một người lạ được đưa vào đây, hay một anh em nòng cốt nào trong số 5 người chúng tôi bị chuyển qua buồng khác hoặc một người bị bệnh bất ngờ hay... Có biết bao nhiêu chuyện bất ngờ có thể xảy ra và cho dù một chuyện nhỏ nhất cũng bắt buộc chúng tôi phải bãi bỏ kế hoạch. Nhưng rồi mọi việc qua đi một cách trơn tru nhẹ nhàng trong thời gian hai tháng qua. Không có ai bị đổi đi buồng khác, cũng chẳng có ai khác vào buồng này. Như vậy việc chuẩn bị đang được tiến hành từng bước với mỗi ngày qua đi gần tới ngày định mệnh của đêm nay.

Trước đó chúng tôi vẫn luôn cầu mong, nếu may mắn Cha Định được chuyển đi buồng khác thì không còn gì lý tưởng hơn. Nhưng cầu mong chỉ để cầu mong thôi, làm gì có chuyện quá may mắn như vậy. Thực tình mà nói, tôi thấy tỷ lệ phần thắng trong cuộc vượt ngục này khá thấp so với những vấn đề khó khăn mà chúng tôi đang gặp phải. Việc khó khăn hàng đầu là sự có mặt của Cha Định. Chúng tôi đang dồn hết sức lực và tâm trí vào một việc làm cực kỳ nguy hiểm như vậy, một sai sót nhỏ cũng có thể mất mạng như chơi, thế mà chúng tôi không dám bàn tán chia sẻ ý kiến với nhau chỉ vì sự có mặt của Cha Định. Thậm chí chúng tôi ít khi dám ngồi gần nhau lâu vì sợ Cha Định nghi ngờ là có âm mưu

gì đây.

Nếu gặp phải một người tù nào khác có lẽ sẽ đỡ hơn, đằng này Cha Định với tánh tình khinh khỉnh và không hòa hợp được với bất cứ người nào trong 5 anh em chúng tôi thì càng có lý do để chúng tôi đề phòng. Nếu không khéo, Cha Định chỉ cần viết một mảnh giấy con, cuộn lại bằng cây tăm búng ra ngoài cho cán bộ tổ cáo âm mưu của chúng tôi thì sao? Chính vì lý do đó, tuy thời gian dài hai tháng trôi qua mà thực sự chúng tôi chưa có thể chuẩn bị sẵn sàng tất cả những gì đáng lẽ phải chuẩn bị và bàn bạc nhau kỹ lưỡng và chi tiết hơn.

Vấn đề vô cùng quan trọng là chiếc thang dây, chúng tôi đã làm rồi nhưng chưa được đưa ra thử độ chắc độ bền của các dây vải một cách cẩn thận, chỉ vì Cha Định luôn có mặt trong buồng. Ngay cả việc tháo miếng sắt trên cánh cửa mài cho bén, tới việc thực tập tư thế đứng trên vai nhau khi bắt đầu leo qua bờ tường cao 5 thước chung quanh trại, chúng tôi cũng chưa thực hiện được. Còn bao nhiêu thứ khác, chúng tôi cũng làm, cũng thực tập nhưng chưa được hoàn hảo theo ý muốn.

Bây giờ, trưa ngày 1 tháng 5 đã tới. Chỉ còn quăng 5 tiếng đồng hồ nữa là chúng tôi sẽ bắt đầu một việc, mà cho dù là thành công hay thất bại cũng không có thể nào dừng lại được .

Sau bữa ăn trưa hôm đó, buồng chúng tôi trở nên yên lặng và nặng nề một cách khác thường, mang tính cách u sầu, có vẻ chết chóc nữa. Tâm trạng của nhóm 5 người chúng tôi thì khỏi phải nói. Căn cứ vào những gì đang bòn chòn và lo lắng một cách thật dữ dội trong lòng tôi lúc bấy giờ, tôi có thể suy ra được tâm trạng 4 người kia cũng thế.

Riêng về Cha Định, kể từ đêm qua khi tôi chính thức thông báo sự việc, tôi thấy Cha Định sống trong tình trạng như người bị động kinh. Mặt ngài tái bệch, đôi môi lúc nào cũng run rẩy, mắt nhắm nghiền ngòai yên bất động dựa lưng vào tường trông như hình người bằng sáp. Cái trán của Cha Định hói và bóng láng mọi ngày, bây giờ càng căng thẳng ra và trông ngài càng hói nhiều hơn. Kể từ đêm qua tới giờ, Cha Định không hề nói với ai trong buồng một lời nào. Ngài ngòai yên dựa lưng vào bức tường sát vách cầu tiêu hướng mặt ra phía cửa cái, suốt từ đêm qua tới nay như một xác ướp. Có lúc tôi có cảm tưởng là Cha Định không hề có mặt trong buồng này.

Phần ăn của Cha Định trong ngày lễ Lao Động vẫn còn để nguyên một chỗ trong góc phòng, ngài cũng chẳng buồn lấy thứ gì đây cái bát đựng mấy miếng thịt heo kho với nước muối. Những miếng thịt được thái ra bằng con dao cùn, đang nằm chơi vơi trong cái bát nhựa và có váng mỡ đọng ở trên phần có nước. Nhìn những miếng thịt lợn, phần nhiều là bầy nhầy những mỡ, trên da còn rất nhiều lông cạo không kỹ trông nó xấu xa, dị hợm. Tự nhiên tôi so sánh mấy miếng thịt heo đó với kiếp sống người không ra người của chúng tôi lúc bấy giờ.

Có lẽ vì tâm trạng quá bòn chòn lo lắng làm ảnh hưởng tới bộ máy tiêu hóa và tôi cảm thấy như ruột gan đang quặn lên. Phần khác vì bầu không khí trong buồng lúc đó nặng nề, đầy vẻ sầu thảm cộng

với gương mặt của từng người trong buồng. Lúc đó tất cả 6 người đều cởi trần mặc quần đùi, trông thật xấu xa, kỳ dị. Ai nấy đầu tóc cũng rối bù vô trật tự, thân thể không còn thịt, để lộ ra những chiếc xương sườn nằm cong queo trên những lồng ngực xẹp lép. Nhìn cảnh tượng đó, rồi lại nhìn miếng thịt heo, trên da còn đầy lông, đang nằm chơi vơi trong cái bát nhựa bạc màu của Cha Định, tự nhiên tôi đâm ra buồn nôn. Tôi đứng lên bước vào nhà cầu gục đầu trên cái lỗ to bằng bề tròn chiếc bình thủy đựng nước sôi. Sâu bên dưới có cái sọt đan bằng tre, bên trên có có lót lá chuối tươi.

Từ trong nhà cầu bước ra, tôi thầm mong cho thời gian qua nhanh, rồi ra sao thì ra. Sống trong bầu khí quái đản và căng thẳng này, tôi cảm thấy như muốn kiệt sức, mặc dầu tôi biết là chúng tôi phải dùng tới sức lực cuối cùng của cơ thể để đào tường vượt ngục đêm nay.

Chung quanh tôi, các anh em mỗi người một tư thế. Anh Đặng Văn Tiếp đang ngồi xếp bằng tròn ngay giữa cửa sổ trong tư thế tập yoga, mắt hướng ra phía ngoài sân. Anh Lâm Thành Văn đang lên cơn đau dạ dày có lẽ do tâm trạng quá lo lắng gây ra và đang ngồi lấy tay xoa bụng. Anh Trịnh Tiểu đang bận lúi húi với mấy bộ áo quần, có lẽ anh chuẩn bị mặc vào để ra đi, trong lúc anh Nguyễn Sỹ Thuyên đang cẩn thận gạt cái bác của chiếc đèn nhỏ xíu để sát vào góc buồng, ngay trước cửa bước vào khu vực cầu tiêu và bể nước. Gương mặt người nào người ấy có vẻ rất nặng nề như đeo một tảng đá hàng chục ký lô!

Tâm trạng tôi lúc bấy giờ như một thí sinh đang ngồi chờ chủ khảo phát đề tài thi. Bầu không khí trong buồng lúc này trở nên yên tĩnh cách khác thường, ai nấy đều làm lì ít nói. Thật tình là chúng tôi chẳng có chuyện gì để nói trong lúc này, ngoại trừ thỉnh thoảng ghé miệng nhắc nhau một vài chi tiết trong các phần hành đã được phân công sẵn. Tôi cảm thấy mệt nên bước tới ghé vào tai nói với từng người hãy lo cầu nguyện.

Lúc này, mỗi người tùy theo tín ngưỡng của mình, âm thầm cầu nguyện cho công việc đầy nguy hiểm và có tính cách sống chết tới nay. Tôi leo lên bệ, ngồi dựa lưng vào bức tường đối diện với Cha Định. Nhìn cảnh Cha Định đang ngồi như pho tượng, tay khoanh trước ngực, mắt nhắm nghiền trong một thái độ khổ sở lạ thường làm tôi nhớ lại câu chuyện tối hôm qua.

Vì cùng là linh mục với nhau, tôi được anh em giao cho nhiệm vụ thông báo cho Cha Định một ngày trước khi chúng tôi hành động. Mặc dù đây là một công tác tôi thấy thật khổ tâm, nhưng cũng hiểu là các anh khác không ai có tư thế như tôi để làm việc này. Vào khoảng 9 giờ tối hôm qua, ngày 30.4.1979, tôi lấy hết cam đảm bước xuống chỗ Cha Định đang nằm dưới lối đi trước mặt để xin xưng tội. Tôi muốn xưng tội để dọn mình sẵn sàng trước khi bắt tay vào làm một công việc rất nguy hiểm và có thể dẫn tới cái chết bất cứ lúc nào.

Sau khi xưng tội, tôi báo cho Cha Định biết dự tính của chúng tôi sẽ được thực hiện vào tối ngày mai. Tôi biết rằng, dù Cha Định không đồng ý, ngài cũng không thể nói ra với bất cứ ai về những gì mà ngài đã được nghe biết trong tòa giải tội, vì đây là một bí mật tuyệt đối thuộc về án tín tòa giải tội mà các

linh mục phải giữ, cho dù vì phải giữ bí mật đó mà phải thiệt hại cho bản thân mình, ngay cả trường hợp phải chết để bảo vệ bí mật đó thì vị linh mục cũng phải chấp nhận. Đây là luật buộc nặng nhất đối với chức vụ linh mục, không những phải giữ bí mật tuyệt đối về những gì đã nghe biết trong tòa giải tội mà cũng không được nói những lời gì để người khác có thể đoán được những điều đó. Chính vì thế phải hiểu rằng những gì một hồi nhân nói với linh mục trong tòa giải tội là người đó nói với một xác chết!

Sau khi được tôi thông báo tin động trời mà có lẽ từ lâu nay ngài cũng có ý nghi ngờ, Cha Định bỗng chốc trở nên bị kích động một cách dữ dội và bắt đầu khóc lớn tiếng. Trong một thái độ hốt hoảng và bán loạn tâm trí, ngài đi tới đi lui, dọc theo lối đi mà trước đây hai tháng, Đại Tá Hoàng Thanh đã đi trước mặt chúng tôi. Tay chân ngài múa máy liên hồi trên không, rồi lại chống nạnh ngang hông và thỉnh thoảng lại nói bâng quơ: “Các người ác lắm! Các người giết tôi đi! Các người hãy giết tôi đi!” Vừa nói ngài vừa gật gật cái đầu trong tư thế tuyệt vọng hết cách cứu chữa. Lúc đó năm người chúng tôi yên lặng ngồi nhìn nhau và cảm thông với tâm trạng lo âu sợ hãi của Cha Định. Đồng thời cũng rất lo ngại, nếu lúc bấy giờ bên ngoài có cán bộ đi qua, có thể nghe tiếng Cha Định đang nói khá to và biết được câu chuyện. May là không có ai bên ngoài lúc đó.

Đợi cho cơn xúc động của Cha Định lắng dịu xuống, lúc ấy anh Nguyễn Sỹ Thuyên, với tư cách là người lớn tuổi nhất trong số các anh em, lên tiếng xin lỗi Cha Định và phân trần với ngài về quyết định chẳngặng đặng dừng của chúng tôi và mời Cha Định cùng tham gia. Tuy nhiên Cha Định bày tỏ thái độ từ chối dứt khoát.

Chờ khi Cha Định đã trở lại bình tĩnh, chúng tôi mời ngài ngồi lại và cùng nhau thảo luận tìm cách thức nào an toàn cho Cha Định, tránh cho ngài tội bao che vụ trốn trại. Bàn đi tính lại một lúc lâu, cuối cùng chúng tôi chọn một giải pháp này: Trước khi ra khỏi phòng, chúng tôi giả vờ trói tay nhét giẻ vào mồm Cha Định làm như ngài bị chúng tôi uy hiếp, không thể chống cự và cũng không thể kêu la được. Mặc dù đây không phải là một giải pháp hay, nhưng chúng tôi thấy không còn cách nào khác hơn. Sau đó giải tán ai về chỗ nấy để ngủ vì đã muộn, nhưng tôi biết đêm qua chẳng có ai có thể ngủ ngon giấc. Nhất là Cha Định chắc là khốn khổ trần trở suốt đêm qua nên hôm nay, ngày 1 tháng 5, trông Cha Định thất sắc, đôi mắt thâm quầng và cái trán hói đã lảng hôm nay lại bóng hơn rất nhiều.

Trời càng về chiều, tôi càng cảm thấy nôn nao, ruột gan cồn cào dữ dội. Kể từ lúc bị bắt vào tù trong 4 năm qua, tôi đã quyết tâm vượt ngục 3 lần và đây là lần thứ tư. Lần đầu tiên trong đêm cuối cùng ở trại Gia Ray trước khi xuống tàu ra Bắc. Lần đó tôi và người bạn là Phạm Thế Khải thức suốt đêm trong buồng chờ cơ hội nhưng bên ngoài lính canh nghiêm ngặt khác thường. Lần thứ hai, trên chuyến tàu Sông Hương chờ từ ra Bắc, kế hoạch cướp tàu giải thoát tù nhân của chúng tôi phải bãi bỏ vào giờ chót vì cơn bão trái mùa. Lần thứ ba, ở trại Cống Trời, tôi cùng với anh Tiếp và ba người khác định đào tường vượt ngục qua Trung Quốc nhưng bất ngờ bị đổi buồng chỉ trước đó 10 tiếng đồng hồ nên phải bỏ kế hoạch. Giờ đây, tôi đang ngồi yên chờ đợi giây phút quyết liệt trong lần đi vào cõi chết để

tim cái sống một lần nữa.

Mặc dù suốt hai tháng qua chúng tôi đã dồn hết tâm trí vào việc nghiên cứu và chuẩn bị cho đêm nay, nhưng lúc này, chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa là tới giờ hành động, tôi có cảm tưởng là mọi việc còn quá lỏng lẻo. Dù vậy, cũng không biết phải làm gì hơn trong lúc này ngoài việc dựa lưng vào tường và khoanh tay đợi chờ giây phút hành động. Giây phút đó là lần ranh giữa sự sống và cái chết. Đó là giây phút của định mệnh và sẽ bắt đầu ngay sau khi cán bộ và trật tự điểm danh xong và ra khỏi khu kiên giam.

Trong lúc thần kinh căng thẳng quá, tôi mong cho có tiếng keng điểm danh rồi mọi việc sẽ ra sao thì ra. Nhưng đồng thời tôi cũng mong cho thời gian mấy tiếng đồng hồ cuối cùng trong ngày này kéo dài bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Nếu có thể thì kéo dài đến vô tận và không bao giờ có tiếng keng điểm danh chiều tối hôm nay! Thì ra, khi con người sắp bước vào lần ranh của sự sống và cái chết bị giao động cách dữ dội do bản năng sinh tồn gây ra. Đây chính là giây phút mà tôi quyết định phải đi tới, và đi bằng bất cứ giá nào để tìm TỰ DO, dĩ nhiên là chúng tôi đã chấp nhận trả tới cái giá cao nhất cho hai chữ TỰ DO, là cái giá của chính mạng sống mình.

Cuối cùng, tiếng keng điểm danh ở công trại rồi cũng vang lên.

Canh Bạc Cuộc Đời

Thường ngày tôi không để ý gì tới tiếng keng điểm danh buổi chiều, nhưng tiếng keng hôm nay đã làm tôi rợn người. Tự nhiên tôi bị nổi da gà và tim tôi bắt đầu đập sai nhịp, trong lúc máu dồn nhanh lên mặt khiến tôi choáng váng và mặt mày nóng hừng hực, như củ khoai lang lùi trong đồng than hồng vừa được khêu ra. Cảm giác này trong đời tôi chỉ mới gặp thấy lần đầu.

Kể từ lúc khám trại chiều hôm qua và tất cả 6 người trong buồng 1 của tôi trở lại buồng cũ, chúng tôi mới chắc chắn có thể tiếp tục kế hoạch vượt ngục. Những thứ bất hợp pháp cần thiết cho cuộc vượt ngục như móc sắt...chúng tôi cho chìm xuống đáy bể nước khi mang đồ đoàn ra sân khám xét đã được vớt lên. Chiếc thang dây được ráp nối cho thành hình và không sợ còn bị khám buồng bất ngờ nữa. Những thứ “quốc cấm” đó giờ này đang được cuộn tròn và giấu trong các túi, dùng làm gối đầu của tôi. Riêng miếng sắt giệp treo lưng lửng trên cánh cửa vào khu nhà cầu vẫn nằm yên tại vị trí cũ. Nếu có ai nhìn thoáng qua một cách vô tình sẽ không thể nào nhận ra được sự khác biệt nơi miếng sắt hiện lành vô tội đó. Thực sự nó đã khác đi rất nhiều.

Kể từ hôm anh em tôi hì hục tháo được miếng sắt ra và mài nhọn rồi gắn lại chỗ cũ, không hiểu tại sao lúc nào cặp mắt của tôi và của các “thủ phạm” khác cũng dán vào miếng sắt, nhất là trong các giờ điểm danh ban chiều. Có những lần mấy anh trật tự hoặc cán bộ vào điểm danh mà vô tình dừng lại nhìn vào cánh cửa có miếng sắt đang treo lơ lửng là tim tôi gần như ngừng đập, và nghe lòng bùng trong lồng tai. Ngay cả lúc ban ngày không có ai lên kiểm soát nhưng chúng tôi cũng hay liếc nhìn miếng

sắt, làm như thế nếu không nhìn sẽ bị người ta ăn trộm mất báu vật đó.

Chiều nay, cũng như thường lệ, sau khi nghe tiếng keng, chúng tôi ngồi thành hàng ngay ngắn trên bệ nằm, chờ cán bộ và trật tự vào điểm danh. Lúc đó tôi nghe trong bụng ruột gan bị cồn cào dữ dội, cảm thấy mệt gần như mất thở. Tôi liếc nhìn qua Cha Định lúc đó cũng đang ngồi yên trong hàng ngang, như tư thế thông thường hàng ngày ngồi chờ điểm danh. Điều làm tôi lo lắng là mặt mày Cha Định lúc đó trắng bệch ra như người bị thương hàn vừa mới bình phục. Vì đêm qua tôi đã báo cho Cha Định tất cả thời giờ và cách thức vượt ngục, nên lúc này tôi lo sợ rui ro Cha Định vì quá khiếp đảm và đợi lúc cán bộ vào điểm danh chiều nay sẽ tố cáo thì sao!

Có tiếng các xâu chìa khóa khua rồn rền bên ngoài, rồi cửa vào khu kiên giam mở ra. Mọi việc diễn ra một cách bình thường như mọi ngày, không có dấu gì khác lạ. Mặc dù ngày mai là ngày lễ nghỉ, có thể trại sẽ tăng cường biện pháp an ninh kỹ lưỡng hơn, nhưng tôi rất mừng khi thấy mọi việc diễn ra bình thường.

Tôi ngồi thăm thì cầu xin trên phù hộ cho đừng có chuyện gì xảy ra trong giây phút quyết định cuối cùng này. Tôi biết rằng chỉ cần một trục trặc nhỏ cũng sẽ có hậu quả khốc liệt không thể lường được. Mấy anh em trong nhóm tôi chắc lúc đó cũng có tâm trạng như tôi nên nhìn ai nấy cũng ngồi trang nghiêm chỉnh tề như những vị thánh sống, ai nhìn vào thấy cũng thương.

Chỉ có điều khác là khi tôi liếc nhìn qua hai bên, tôi cũng bắt gặp những con mắt của các vị “thánh sống” đó, ngồi yên như các pho tượng, cũng cuốn tròn tròn mắt sát vào đuôi mắt nhìn tôi! Cái cảnh những bức tượng gỗ đang liếc nhìn ngang như vậy, nếu có ai đem vẽ thành tranh chắc trông sẽ rất buồn cười.

Hai anh trật tự Bùi Đình Thi và Trương Văn Phát chạy vọt vào sân, mắt láo liên, tay cầm cái búa bằng gỗ có cán dài gõ nghe côm cốp vào tường xem coi có chỗ nào bị đào, và gõ vào các song sắt cửa sổ coi có nơi nào bị cưa hay bị phá hoại gì không. Vì ngày nào cũng phải đối diện với hai anh trật tự ác ôn này, nên tôi nhớ hình ảnh, cách ăn mặc, cách đi đứng của hai anh này rõ ràng như hình xăm trở trên thân thể.

Một điểm đặc biệt mà tôi ghi nhận là hai anh trật tự này không bao giờ nhìn thẳng vào mắt của ai trong đám tù khu kiên giam. Nhưng khi hai anh này đã nhìn thẳng vào mắt ai, là người đó gặp chuyện lời thôi. Nhẹ nhất cũng vài lời mắng chửi và nặng hơn là vài cú đấm, hoặc hơn thế nữa.

Cán bộ đi điểm danh hôm đó tên là Hạ. Anh là người ít nói, nước da ngăm đen, có nhiều vết lang ben trên mặt và cổ. Cán bộ Hạ đứng ngoài cửa buồng nhìn vào, Trương Văn Phát đã chạy trước qua buồng bên để gõ búa dọn đường, chỉ có Bùi Đình Thi đi vào kiểm soát trong nhà cầu của buồng chúng tôi. Tôi nín thở hồi hộp và cầu trời cho Thi đừng để ý tới miếng sắt đeo tòn teng trên cánh cửa nhà cầu, vì nếu để ý quan sát sẽ thấy miếng sắt giẹp này có cái gì không bình thường. Nếu Bùi Đình Thi phát giác

ra miếng sắt này, chẳng những kế hoạch vượt ngục đổ vỡ trước lúc bắt đầu, mà chúng tôi chắc chắn sẽ bị rắc rối to. Mặc dù lúc bấy giờ nếu bị phát giác miếng sắt đã mài bén, chúng tôi đã có câu trả lời là không biết và sẽ nói là ai đó đã mài từ trước khi chúng tôi vào buồng này.

Cũng may là Bùi Đình Thi chỉ làm các công việc như thường ngày và không để ý tới cái đầu miếng sắt trên cánh cửa vào nhà cầu đã mỏng và nhọn hơn nhiều! Lúc này trong buồng, không phải chỉ có miếng sắt mài bén, mà còn chiếc thang dây đã hoàn thành có móc sắt hẳn hoi được bó lại như cái gói đang nằm sau lưng tôi. Nếu vì lý do gì mà chiếc thang dây này bị phát hiện ra thì cho dù...trời cũng không cứu được chúng tôi đừng nói chi tới người phạm! Điềm danh xong, cán bộ Hạ và hai trật tự Thi – Phát ra khỏi vòng rào của khu kiên giam. Giờ hành động đã tới!

Điềm Chạng Lành: Tắt Đèn

Theo đúng kế hoạch, sau khi cán bộ và hai anh trật tự vừa khuất dạng, tôi lẹ làng bước xuống để tháo miếng sắt đã được cài lại một cách hờ hững trên cánh cửa vào nhà cầu. Khi tôi vừa với tay kéo cánh cửa để tháo miếng sắt thì một việc bất ngờ xảy ra: Hơi gió tạo ra bởi việc kéo cánh cửa làm tắt ngọn đèn! Chuyện này chưa bao giờ xảy ra trong buồng từ trước tới nay!

Đây là cái đèn dầu nhỏ làm bằng lọ thuốc Penicilin mà lúc nào cũng được chúng tôi chăm sóc cẩn thận và để sâu vô góc tường, ngay lối vào nhà cầu. Trong suốt thời gian ở buồng này, có lúc ngọn đèn này cũng bị tắt nhưng không phải vì lý do đóng hoặc mở cửa nhà cầu mà vì thiếu dầu. Buồng tôi được cấp phát một lượng dầu tối thiểu dùng thắp ngọn đèn, để ban đêm cán bộ làm nhiệm vụ canh gác có thể thấy được các tù nhân trong buồng sau khi đèn điện trên trần tắt lúc 10 giờ đêm. Phần chúng tôi cũng hết sức bảo vệ nó để có lửa hút thuốc Lào. Để cho chắc ăn, chúng tôi giao cho anh Nguyễn Sỹ Thuyên là tay nghiện thuốc Lào nặng, cần có lửa trong buồng nhất, lo việc trông nom ngọn đèn, và từ trước tới giờ tôi để ý anh Thuyên chăm sóc ngọn đèn như chăm sóc con người trong mắt anh.

Theo quan niệm thông thường của người đời, đèn bị tắt là một điềm gở, nên lúc đó cả năm người ngồi lặng yên nhìn nhau, lòng đầy lo ngại. Riêng tôi, mặc dù trong lòng bất an, nhưng tự an ủi mình rằng, có thể vì vội vàng, tôi đã kéo cửa nhà cầu mạnh tay và tạo ra hơi gió làm tắt đèn, có thể thôi, chẳng có gì phải lo ngại. Khi đó tôi để ý thấy sự lo ngại và sợ sệt hiện rõ trên mặt vài anh em, nhất là Lâm Thành Văn. Từ chiều tới giờ thỉnh thoảng Văn kêu đau vì chứng bệnh dạ dày tái phát mạnh do ảnh hưởng sự lo lắng quá độ. Thấy tắt đèn, Văn bước xuống ngồi gần bên tôi lo lắng hỏi:

– Anh Lễ ơi! Đèn tắt, đêm nay không thấy đường làm sao đào tường?

Mặc dù nói thế nhưng tôi biết trong lòng Văn lo chuyện khác. Vấn đề mang tính cách duy tâm là việc hên xui, may rủi trước hiện tượng tắt đèn, nên tôi đáp.

– Không sao đâu anh, mình sẽ kéo lửa và đốt đèn lại. Có thể chậm một chút nhưng sẽ làm được. Còn việc tắt đèn chẳng qua tôi vô ý kéo cánh cửa mạnh quá tạo ra hơi gió thôi, chẳng có gì đáng quan tâm

đâu.

Anh Thuyên chen vào:

– Bằng mọi giá mình phải tiếp tục thôi các ông ạ! Mọi thứ đã chuẩn bị hết cả rồi, nếu không đi thì giấu vào đâu? Tình thế này không thể dừng được nữa.

Trong khi đó Đặng Văn Tiếp vội vàng lục tung túi đồ nghề dùng để kéo lửa ra, và chúng tôi không chậm mất một giây, lo việc hì hục kéo lửa, theo cách thức tay không lấy lửa mà tôi học được trong tù. Đó là dùng một bánh xe bằng dáy của hộp sữa, đục 2 lỗ nhỏ ở giữa để xỏ dây qua và kéo cho xoay tròn. Khi bánh xe xoay hết vòng tròn sẽ theo đà dây kéo mà xoay ngược lại, cứ thế lúc nào bánh xe cũng quay tít rất nhanh. Khi đó cho cạnh bánh xe chạm nhẹ vào một vật bằng sứ, là cái khu bát. Khi bánh xe kim loại quay tít chạm vào khu bát sẽ bắn ra những tia lửa, có một miếng “bôi” sẵn để hứng những tia lửa đó. Miếng “bôi” là phần than tro của một miếng vải đã đốt cháy và để cho tắt ngay, phần than tro còn dính trên đầu miếng vải sẽ bắt dính các tia lửa rất nhạy. Chúng tôi chuẩn bị sẵn vài ba miếng bôi này, được gói cẩn thận trong bao ny-lon cho khỏi bị ẩm ướt. Trong tù tôi đã học được những kỹ thuật loại mưu sinh thoát hiểm mà người sống bình thường ngoài xã hội không bao giờ biết được. Trong đó, có kỹ thuật tay không lấy lửa.

Mặc dù tôi đã chuẩn bị những đoạn dây se lại từ những sợi dây dù chắc chắn tháo ra từ ruột áo giáp, nhưng vì hời hả tôi làm đứt gần hết các đoạn dây xỏ ngang qua lỗ đục giữa cái bánh xe kim loại là dáy của hộp sữa đặc có đường.

Tình cảnh chúng tôi lúc bấy giờ như cây tên đã lắp vào dây cung kéo thẳng, chỉ còn có cách buông ra mà thôi! Các việc khác phải hoãn lại để lo kéo lửa. Bình thường tôi kéo lửa không khó lắm, chỉ cần vài phút là xong. Nhưng lúc này vì quá lo âu và cố gắng làm cho nhanh nên tôi lại càng trở nên vụng về và kéo lửa mãi không được. Càng không kết quả tôi càng luống cuống, càng luống cuống tôi càng không kết quả! Tôi biết là lúc bấy giờ một phút qua đi có nghĩa là mạng sống chúng tôi bị thu ngắn lại. Trong khi hì hục kéo lửa, đầu óc tôi nóng ran như muốn bốc khói. Hai tai nghe lùng bùng, da mặt nghe rát và gàn như không còn cảm giác bén nhạy như lúc bình thường

Những đoạn dây đầu đã toi tả và đứt quãng nhưng vẫn chưa lấy được lửa làm tôi chết điếng cả người. Cuộc vượt ngục thành công hay thất bại một phần lớn cũng tùy thuộc vào việc tôi có lấy được lửa hay không và lấy được sớm hay muộn! Khi xỏ luồn sợi dây cuối cùng vào lỗ miếng sắt, tự nhiên tay tôi run nhè nhẹ vì nếu đoạn dây cuối cùng này bị đứt nữa thì coi như cuộc vượt ngục bất buộc phải hủy bỏ và hậu quả sẽ không lường được. Tôi âm thầm cầu nguyện.

Trong lúc đó Cha Định vẫn đang ngồi dưới lối đi, chỗ ngài nằm ngủ hàng đêm, vì ở đó rộng rãi thoải mái hơn trên bệ nằm chật chội khó xoay trở. Cha Định ngồi dựa lưng vào cánh cửa buồng bằng sắt trong tư thế yên lặng chẳng nói một lời trong khi nhóm mấy người chúng tôi cũng đang ngồi dưới

đường đi nhưng sát ở cửa vào cầu tiêu và chấu đầu vào nhau trong việc kéo lửa. Riêng Nguyễn Sỹ Thuyên đã được phân công ngồi ngay cửa sổ nhìn ra sân để nếu có cán bộ bước vào sân khu kiên giam thì lên tiếng: “Chào cán bộ” thật to để báo động cho anh em chúng tôi biết kịp thời.

May làm sao, tôi lấy được lửa trong lần cố gắng với đoạn dây cuối cùng này. Tất cả chúng tôi thờ phào nhẹ nhõm khi nghe mùi khói bốc ra từ miếng bổi và sau đó tôi đã thổi lên thành ra lửa ngọn để thắp đèn. Chúng tôi vượt qua được trở ngại đầu tiên khi thắp đèn lại được nhưng phải trả giá bằng một lượng thời gian vô cùng quý báu trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Trong lúc cẩn thận nâng niu cái đóm để thắp đèn khi đó tôi nhớ tới câu nói: “Thời giờ là tiền bạc”. Lúc này thời giờ đối với tôi còn quý gấp trăm triệu lần hơn tiền bạc. Tôi nói lầm bầm : “Thời giờ là mạng sống” .

Mũi Dao Định Mệnh

Chúng tôi giao cái đèn cho anh Thuyên và dặn anh bằng mọi giá phải bảo vệ ngọn lửa vì một khi đã bắt tay vào việc rồi thì ngọn đèn là vấn đề sống còn. Chúng tôi kéo vào bên trong để bắt đầu công việc trong tình trạng thần kinh căng thẳng tột cùng vì biết là một khi đã bắt đầu đào tường rồi, sẽ không thể nào dừng lại được. Lúc bấy giờ Cha Định ngồi lặng thinh, dựa tường, nhắm nghiền mắt lại. Trong lúc chúng tôi vào phía bên trong thì may mắn thay, trời bắt đầu đổ mưa, và cơn mưa càng lúc càng to như thể trời đang đứng về phía chúng tôi.

Trời mưa sẽ giúp chúng tôi ba điều kiện thuận lợi. Trước hết là có nước để tưới vào gạch làm cho vôi vữa mềm ra lúc đào tường. Thứ nhì, tiếng mưa sẽ át tiếng động lúc đào tường và cho dù có cán bộ đứng bên ngoài buồng cũng không thể nghe được vì có tiếng nước mưa đang chảy ầm ầm vào bể từ cái lỗ trên nóc nhà bằng. Nhưng yếu tố cuối cùng quan trọng nhất vì mưa to, cán bộ sẽ lười biếng và ít đi tuần trên khu nhà Bằng chúng tôi. Chúng tôi bắt đầu việc đào tường.

Vai trò của từng người được phân chia rõ ràng. Anh Tiếp và tôi sẽ thay nhau đào tường và lấy gạch ra, vì chỗ ngồi để đào là một cái hốc khá hẹp nên chỉ đủ cho một người ngồi ở đó để đào tường. Anh Tiểu và anh Văn lo việc thông dây mức nước trong bể chuyển cho tôi giội lên chũng chỗ đang đào. Anh Thuyên đang ngồi bên cửa sổ nhìn ra sân buồng, canh chừng cán bộ, và giả vờ hát nghêu ngao để lấn át tiếng đào tường sột soạt bên trong.

Miếng sắt dụng cụ đã được tôi tháo ra khỏi cửa, được quán vải thật dày phía cuối để làm cái cán. Mặc dù đã được quán vải khá nhiều lớp nhưng khi cầm vào cũng không có thể như cầm con dao hoặc cái đục có cán bằng gỗ hẵn hoi, nhưng trong tình thế đó, như vậy đã quá tốt rồi. Anh Đặng Văn Tiếp là người đào nhát đầu tiên. Trước khi ấn mũi sắt nhọn vào bức tường, anh Tiếp quay lại nói với tôi, đang ngồi cầm lon nước kể bên bằng một giọng thật căng thẳng và đầy lo âu:

– Đây là mũi dao định mệnh, cậu Bảy nhé!

Tôi nhìn anh gạt đầu và nói:

– Cầu xin Đấng Thiêng Liêng phù hộ cho anh em mình!

Nghe nói xong câu đó, anh Tiếp ấn mạnh mũi dao định mệnh khoét sâu dần vào bức tường như bản của trại tù Thanh Cẩm. Bức tường của trại tù giam hãm sự tự do của chúng tôi một cách phi lý và dã man. Trong lúc đó tôi biết mũi dao định mệnh này một khi đã thọc sâu vào tường sẽ không bao giờ có thể dừng lại được và cuộc đời chúng tôi, tương lai chúng tôi và cả mạng sống chúng tôi nữa cũng đang đi theo với mũi dao định mệnh này.

Bất giác tôi nhớ tới giờ này bên ngoài xã hội cũng đang có biết bao nhiêu đồng bào tôi cũng đang thọc mũi dao định mệnh vào bức tường vô hình giam hãm cả một dân tộc bằng hành động vượt biên trốn khỏi một nhà tù lớn hơn! Những đồng bào vượt biên đó và 5 anh em tôi ở trong đây đều hành động vì một mục đích giống nhau, chúng tôi muốn tìm TỰ DO, dù có phải trả giá TỰ DO bằng cái chết chúng tôi cũng sẵn sàng để trả tới giá.

Chỉ có một điều khác là các đồng bào vượt biên tìm tự do bên ngoài có thể dừng chân lại khi thấy không an toàn, còn tình cảnh chúng tôi ở trong tù vào lúc này không thể nào dừng lại được nữa. Đã phóng lao chúng tôi phải theo lao.

Anh Đặng Văn Tiếp đang dồn hết sinh lực và sự khéo léo của con người anh vào việc đào tường. Đôi tay anh hoạt động lanh lẹ như con chuột đang đào hang. Mảnh sắt nhọn trong tay anh làm việc cật lực như một lưỡi cưa máy, khi thì đưa lên khi thì kéo xuống, khi thì rạch vào các khe xi măng giữa hai hòn gạch, khi thì cố lòn sâu vào giữa khe để moi những hòn gạch ra. Nhờ có tiếng nước mưa đang chảy ầm ầm vào bể, chúng tôi càng yên tâm hơn để đào.

Bầu khí lúc đó yên lặng khác thường, không có âm thanh nào khác ngoài tiếng nước chảy từ mái nhà xuống bể và tiếng thở hồng hộc của anh Tiếp. Anh Tiếp cầm cúi đào điên đảo đại, đào sống đào chết, đào với tất cả sức lực và ý chí của con người anh. Anh Tiểu và anh Văn đứng cạnh bể nước thông dây kéo từng lon nước lên chuyển cho tôi để tưới nước vào các chỗ Tiếp đặt mũi sắt nhọn vào. Bốn người chúng tôi hợp lại thành một “bộ máy đào tường” đang hoạt động hết tốc lực. Lúc này còn ánh điện của cái bóng đèn tròn trên trần phòng giam và ánh sáng lọt vào cầu tiêu qua cánh cửa mở. Nhờ có ánh sáng, chúng tôi đào tường khá thuận tiện, nhưng phải làm cho nhanh, đào được càng nhiều càng tốt vì đèn điện sẽ tắt sau 10 giờ đêm, chừng đó mọi việc sẽ khó khăn hơn với chiếc đèn dầu leo lét chỉ to bằng ngón chân cái.

Vì chỗ ngồi để đào là một cái hốc hẹp, chỉ đủ chỗ cho một người, và anh Tiếp đang ngồi đó, tôi đứng ngay sau lưng anh, khom người giúp rút từng hòn gạch ra. Được một lúc, tôi để ý thấy trên viên gạch toàn là máu tươi đỏ thẫm. Tôi nhìn xuống tay anh Tiếp, thì ra các mảnh vải quần vào cán miếng sắt gập đã rách nát ra và cạnh của thanh sắt cửa đứt tay anh Tiếp chảy máu ròng ròng mà anh không hề hay biết. Tôi vỗ vai Tiếp nói:

– Anh! tay anh đổ máu rồi! Dừng lại! Dừng lại !Em vào thay cho!

Anh Tiếp vẫn cầm cúì đào và hỏi lại:

– Cậu bảo cái gì?

-Tay anh bật máu ra kìa anh không thấy à? Nhìn tay anh kìa.

Nghe tôi nói, anh Tiếp nhìn chỗ tay cầm miếng sắt. Anh dừng tay, đặt miếng sắt xuống và xòe bàn tay phải ra. Bàn tay anh đã rách nát và đầy máu me tự lúc nào. Anh ngoái đầu ra phía sau bảo tôi

– Cậu Bẫy! Đưa cho anh thêm vải để bó cán dao, vải này rách nát ra cả rồi.

Tôi đáp:

-Anh ngừng tay nghỉ chút đi.

Anh Tiếp gắt tôi:

– Thì cậu lấy thêm vải mang lại đây, nhanh lên, nghỉ sao được mà nghỉ?

Nói xong, anh quán sơ lại mảnh vải đã rách tả tơi ở cán miếng sắt giẹp và tiếp tục đào.

Tôi rời chỗ anh và trở ra ngoài vớ được chiếc áo hay chiếc quần gì của ai tôi cũng không để ý, vội vàng xé những mảnh vải dài, bề ngang chừng 5 phân như những cuốn băng của các y tá và mang ngay vào trong cầu tiêu, lúc đó Tiếp vẫn đang hì hục đào. Tôi buộc lòng phải nắm áo anh kéo đứng dậy để anh nghỉ, trong khi tôi bó vải vào cán miếng sắt và sau đó vào thay anh.

Anh Tiếp đứng lên sau một lúc đào khá lâu. Lúc này trông anh phờ phạc, mệt nhọc và nhất là bàn tay phải của anh máu chảy đầm đìa lẫn vào với đất cát và vôi vữa trông rất thương tâm và thảm hại. Tôi bảo Văn lấy lon nước gội rửa tay cho Tiếp trong lúc tôi quán thêm vải vào cán miếng sắt. Lần này thì tôi quán nhiều hơn. Sau đó, anh Tiếp và tôi thay đổi vị trí cho nhau và công việc đào sống đào chết lại tiếp tục.

Việc đào bức tường khó khăn hơn chúng tôi tưởng. Tường được xây bằng xi-măng già, rất cứng. Chỗ ngồi lại là một góc hẹp, khó xoay trở và chỉ vừa đủ chỗ cho một người, vì thế một người đào thì ba người phải đứng phía sau lo các việc khác chứ không thể cùng ngồi xuống để tiếp tay được. Nhưng cho dù có đủ chỗ cho hai người cũng không làm gì hơn trong khi chúng tôi chỉ có một dụng cụ duy nhất là miếng sắt giẹp có đầu nhọn. Thực ra, chúng tôi cũng có 1 cái muống bằng nhôm nhưng không thể dùng được với loại tường cứng như thế này.

Trong hoàn cảnh đó, bốn người thi nhau hì hục đào và đào với tất cả sức lực của con người. Miếng sắt dùng để đào tường mặc dù đã quán vải vào để cầm nhưng chẳng bao lâu vải lại bị rách, lòì cạnh mảnh sắt ra và cửa rách da thịt tay chúng tôi làm máu đổ ra lai láng. Mặc dù vậy, chúng tôi cũng cầm

đầu cắm cổ mà đào, người này mệt thì người kia vào thay không ngơi nghỉ một giây phút nào vì thì giờ lúc đó chính là mạng sống. Kẻ đào tường, người ngồi bên giội nước cho mềm xi-măng, người khác thông dây lấy nước từ bể nước. Chúng tôi hoạt động đều đặn và hết tốc lực như một nhà máy sản xuất xe hơi theo hệ thống dây chuyền, sản phẩm được chuyển từ khâu này sang khâu khác và thành quả cuối cùng là những viên gạch ương ngạnh được chúng tôi móc ra khỏi bờ tường và vất ngổn ngang trong căn buồng chật chội.

Dù sao chúng tôi cũng gặp một điều may mắn là trong khi đang đào tường thì bên ngoài trời đổ mưa xối xa. Vì mưa to nên cán bộ canh gác càng lười biếng lên tuần tra trên khu kiên giam, nhất là ban ngày các anh đã chèn chén say sưa. Thật vậy, suốt trong đêm, không có bóng dáng một cán bộ nào bước vào khu kiên giam và anh Thuyên cứ ngồi hát nghêu ngao bên trong cửa sổ mà chưa phải sử dụng tới cái khẩu hiệu “chào cán bộ” lần nào.

Trong khi chúng tôi đào tường, có tiếng đấm vào tường của các anh em bên các buồng khác, như thể là việc đào tường ở buồng này, các buồng bên đều biết. Các tiếng đập tường có ý nhắc nhở chúng tôi làm khẽ thôi vì ở các buồng bên đều nghe biết. Chúng tôi thỉnh thoảng nghe các tiếng ám hiệu đó nhưng không quan tâm vì lúc bấy giờ chúng tôi chẳng còn tâm trí đâu mà để ý các tín hiệu đó. Việc quan trọng vào bậc nhất là đào tường, đào càng nhanh càng tốt, đào nhanh thì sống, đào chậm thì chết. Có thể thôi.

Thỉnh thoảng tôi bước ra và thấy đồ đạc trong buồng bị vất ngổn ngang và bẽ bộn như một đồng rác thành phố. Vì chúng tôi đã chấp nhận ra đi nên chẳng còn bận tâm đến khung cảnh trong buồng nữa, mặc nó muốn ra sao thì ra. Cha Định lúc đó ngồi dựa lưng vào tường, ngược mặt lên trần nhà, mắt nhắm nghiền, đôi môi luôn mấp máy. Tôi đoán là ngài đang đọc kinh cầu nguyện và có lẽ cầu cho chính ngài nhiều hơn là cho chúng tôi.

Về phần tôi, lúc bấy giờ chẳng còn tâm trí đâu để mà cầu nguyện nữa! Thực ra, những gì tôi cầu xin ơn trên phù giúp thì tôi đã cầu nguyện từ mấy tháng nay. Lần cuối cùng tôi cầu nguyện cách khấn khoản là lúc tôi dùng đoạn dây dù cuối cùng để kéo lửa cách đây mấy tiếng đồng hồ. Và lần đó thì lời cầu xin của tôi được ơn trên phù giúp, cuối cùng tôi đã lấy được lửa .

Đào Sống Đào Chết!

Theo kế hoạch dự trù, chúng tôi phải ra khỏi buồng trước nửa đêm, vì sau khi ra khỏi buồng còn phải gỡ bản lề cánh cửa gỗ vào hãm cầu tiêu và sau đó, phải vượt qua hai bức tường nữa mới chính thức bước vào khu vực tự do. Mặc dù chúng tôi dùng tới sức lực cuối cùng nhưng kết quả không được mấy vì xi măng xây tường này quá cứng. Tệ hơn nữa là những viên gạch trong góc, miếng nọ nằm đè lên miếng kia rất khó kéo ra, mặc dù vôi vữa chung quanh đã được róc sạch. Cứ thế, chúng tôi mãi mê đào bới cật lực tới gà gáy lần thứ nhất (quãng một giờ sáng) mà vẫn chưa xong bức tường. Nghe tiếng gà gáy, tôi điếng cả người và càng tăng tốc độ đào.

Khi nghe tiếng gà gáy, tôi nghĩ là cuộc vượt ngục đã thất bại. Cái cảm giác khi phải đương đầu với thực tại lúc cán bộ lên kiểm tra và bắt gặp chúng tôi đang ở trong tình cảnh này khiến tôi kinh hoàng và da thịt tôi tự nhiên trở nên tê dại. Đáng lẽ giờ này chúng tôi đã ra bên ngoài và đang tìm đường lẩn tránh vào rừng phía biên giới Lào -Việt, nhưng ngược lại vẫn còn loay hoay như con thú bị bẫy sập đang tìm đường thoát thân trong chiếc lồng có lưới sắt.

Một câu hỏi góm ghê chợt hiện ra trong đầu tôi: "Nếu tới sáng ngày khi cán bộ và trật tự lên kiểm tra buồng mà chúng tôi vẫn chưa ra ngoài được thì sao?". Tôi chết điếng người và không dám suy nghĩ tiếp theo. Điều tôi biết chắc là chúng tôi đã thất bại, nhưng còn nước thì còn tát như có lần tôi đọc câu tiếng Anh: "Where there is life, there is hope." Vì chúng tôi còn sống nên chúng tôi còn hy vọng. Nghĩ như thế nên càng hè nhau tăng cường tốc độ đào tường lên tối đa vì mỗi phút qua đi là tôi cảm thấy mạng sống mình bị thu ngắn lại.

Chúng tôi không dừng tay lấy một giây mặc dù tay đã rách nát, máu dính đỏ thẫm những viên gạch vừa được lấy ra, nhưng đặc biệt tôi không hề cảm thấy một chút đau đớn nào. Anh Văn và anh Tiểu cũng vào thay cho anh Tiếp và tôi rất nhiều lần, nhưng thấy cách hai anh làm không nhanh nhẹn nên anh Tiếp và tôi nói hai anh chỉ lo cung cấp nước càng nhiều càng tốt để giội vào tường cho hai chúng tôi đào. Bất ngờ lúc đó, Văn lại lên cơn đau dạ dày, một phần vì lo lắng, phần khác Văn đã làm việc quá sức. Chúng tôi bảo Văn ra ngoài nằm nghỉ để có sức lúc ra đi, còn lại ba người cố sức chống chọi với Tử Thần mà trí tưởng tượng của tôi đang phác họa ra.

Tôi thấy một hình hài cao lêu khêu, bên trên là chiếc đầu lâu nhẵn thín với hai hốc mắt sâu hoắm, mình khoác chiếc áo choàng đen rộng phùng phình đôi tay dang rộng, hai bàn tay lòi ra khỏi áo choàng chỉ có xương và không có da thịt. Một tay cầm chiếc liềm hái dài ngoằn, lưỡi liềm hái sáng choang ... Cái hình hài quái đản đó đang trườn người bước tới bằng một tốc độ rất nhanh và tưởng là không có gì có thể cản lại được!

Sau khi gà gáy lần thứ nhất một lúc, chúng tôi mới đào xong một lỗ hổng chỉ vừa đủ thân người lọt qua. Ngay lúc đó, cả ba người vội chui lọt qua lỗ này để vào hầm chứa phân vì còn phải phá một cánh cửa bằng gỗ khác nữa mới ra bên ngoài được. Chúng tôi rơi vào cái hầm chỉ cao vừa quá đầu người, là nơi để các sọt chứa phân, chung cho bốn buồng của khu kiên giam, bên dưới các lỗ cầu tiêu.

Lúc mới lọt xuống đây, chúng tôi cũng thử gỡ bản lề cánh cửa chặn lối ra phía sau. Nhưng xi măng ở đây cũng rất cứng và lúc đó đã muộn, nên thay vì đào cái bản lề cửa như đã dự tính, chúng tôi hè nhau kéo mạnh đánh "ầm" một phát làm bật tung tất cả đinh của cánh cửa ra. Mặc dù có tiếng động mạnh nhưng không vang xa, vì khi ấy trời đang mưa to, nhưng các anh em tù nhân ở ba buồng bên trên sẽ nghe rất rõ. Bằng chứng là tiếng đấm vào tường của các anh em ở 3 buồng kia càng to và nhiều hơn. Tình thế này thúc bách quá, đã quá muộn rồi, buộc chúng tôi phải đánh ván bài liều, vì không còn cách nào hơn. Cho dù tiếng cánh cửa bị kéo bật tung đinh ra đánh "ầm" vang dội đó làm

cán bộ nghe được chúng tôi cũng đành chấp nhận. Còn nước thì còn tát!

Cái Giá Của Tự Do

Sau khi phá bật cánh cửa hầm chứa phân để có thể ra đi, chúng tôi vội vàng chui trở lại vô buồng để lấy thang dây và các vật dụng cần thiết. Cả ba chúng tôi leo trèo nhanh như khỉ. Có lúc tôi nghĩ có lẽ khỉ cũng không thể nào lanh lẹ hơn tôi lúc bấy giờ. Vì đứng bên dưới chồm lên không cách gì thót lên tới cái lỗ hồng vừa đào nên chúng tôi phải cõng nhau lên cho vừa tầm mới có thể chui trở lại vào buồng và người cuối cùng là tôi đưa hai tay cho người bên trong nắm lấy kéo lên. Dĩ nhiên, khi kéo như thế, tôi sẽ bị rách da bụng nhưng cho dù là rách một mảnh da bụng, hay một chục mảnh da bụng đi nữa, cũng có là gì, so với cái viễn tượng về một trận đòn hội chợ nếu chúng tôi bị bắt lại.

Khi trở lại vào buồng, chúng tôi thấy anh Thuyên và Văn đã sẵn sàng và đang ngồi đợi. Tôi vội chụp lấy những thứ gì đã sắp đặt sẵn cho vào túi. Để việc đi đường gọn nhẹ, chúng tôi bảo nhau không ai mang theo thứ gì, nhưng mỗi người mặc vào người vài ba lớp quần áo để có mà dùng trên đường đi. Phải làm thế nào để hai tay được rảnh rang vì còn phải leo qua tường và nhất là phải thật gọn nhẹ trong lúc trốn chạy trong rừng, hoặc nếu phải lội xuống dòng sông Mã. Buồng giam chúng tôi mọi ngày vẫn ngăn nắp, gọn gàng nhưng lúc này trở bẽ bộn như một đống rác, ướt đẫm những nước nôi, đất cát và dơ bẩn như cái chuồng heo, nhìn vào thấy mà khùng khiếp.

Trước lúc rời buồng ra đi, chúng tôi tới chào từ giã Cha Định, lúc bấy giờ đang ngồi dưới đất và khóc nức nở. Lòng tôi đau xót khi nhìn thấy cảnh này. Tôi đến bên và quỳ xuống lạy Cha Định một lạy để từ giã. Tôi cũng có ý muốn lạy để xin lỗi ngài và xin phép được trói tay và nhét giẻ vào miệng ngài theo như kế hoạch đã bàn tính. Đây là cách giúp Cha Định có lý do để trả lời cho cán bộ là bị chúng tôi uy hiếp, còn cán bộ có tin hay không là việc khác.

Tôi làm các việc này trong sự nhanh nhẹn lạ thường trong lúc các anh khác đã lần lượt chui qua lỗ tường vừa đào được để ra hầm chứa phân và bò ra ngoài trước. Xong việc, tôi phóng nhanh như một vận động viên chạy nước rút, vội chui qua lỗ tường vừa đào rơi vào buồng chứa phân và theo các anh em kia. Lúc bấy giờ đã muộn, tôi nghe văng vẳng tiếng gà gáy lần thứ hai! Tôi bắt đầu cầu nguyện cho sự an toàn của 5 người chúng tôi và của Cha Định nữa.

Chúng tôi xếp hàng dọc chạy lần theo con đường hẹp từ cánh cửa vừa bị phá thông ra phía sau khu kiên giam. Con đường này chỉ rộng chừng 1.50m để người tù gánh phân ra vào lấy phân mỗi ngày trên khu kiên giam. Để chuẩn bị cho cuộc vượt ngục này, mọi chi tiết đều được chúng tôi nghiên cứu cẩn thận. Ngay cả việc thứ tự của mỗi người khi đi đứng và làm những phần hành khác nhau. Đặng Văn Tiếp là người khỏe và tháo vát nhất trong nhóm, lúc nào cũng đi đầu. Lâm Thành Văn là người có bệnh và yếu nhất trong nhóm nên đi giữa và tôi là người trẻ nhất đi ở cuối cùng để nếu có gì trục trặc bất ngờ tôi còn thể ứng đối được.

Anh Đặng Văn Tiếp dẫn đầu, nằm sát mặt đất bò ra ngoài quan sát, thấy không có ai, anh khoát tay ra hiệu cho chúng tôi bò ra tới bức tường khu kiên giam ngay bên góc nhà. Bức tường ngăn cách các buồng này chỉ cao chừng hai thước và chúng tôi leo qua một cách dễ dàng để tới bên chân tường cao của trại. Khu vực này, chúng tôi mới đặt chân tới lần đầu tiên sau 9 tháng sống trong trại này. Đó là một hành lang rộng quãng 5 thước và chạy dài theo bờ tường rất cao, xây bằng đá xanh, bao quanh trại. Trên mỗi góc của tường trại có chòi gác. Ban ngày lúc nào cũng có một cán bộ võ trang ngồi canh gác, nhưng chiều lại, sau khi điểm danh vào buồng khóa cửa, không còn cán bộ ngồi gác trên đó nữa, thay vào đó họ sẽ luân phiên đi tuần hành ban đêm trong khắp khu trại. Lúc này, chúng tôi đang tới giai đoạn chót cũng là giai đoạn khó khăn là vượt qua bức tường cao để thoát ra ngoài. Giai đoạn chót này đã được chúng tôi điều nghiên thật kỹ lưỡng và phân công rất chi tiết và cũng đã thực tập qua.

Vì đã được phân công và tập dượt trước nên khi vừa tới chân tường bao bọc chung quanh trại, anh Trịnh Tiểu và tôi ngồi xuống cho anh Tiếp leo lên đứng trên vai. Anh Tiếp tay cầm một thanh tre cột móc sắt ở đầu thang dây, giơ lên cao và móc vào cọc sắt của hàng rào dây thép gai trên tróc bờ tường, rồi thả thang dây xuống. Bờ tường cao ước chừng 5 thước nên chúng tôi đã phải dùng chiếc thang “người” để anh Tiếp có thể quàng được cái móc sắt vào trên tróc bức tường. Sau khi thang dây được thả xuống, theo đúng kế hoạch, anh Tiếp leo lên trước tiên. Khi lên tróc tường cao anh cột một đoạn dây nhỏ vào cọc sắt nơi móc thang dây, thò ra phía ngoài tường và bám theo dây này tuột xuống.

Anh Tiếp ra tới bên ngoài không bị trở ngại gì, mọi chi tiết dự trù được thực hiện đầy đủ và nhanh nhẹn. Tới phiên Nguyễn Sỹ Thuyên cũng leo lên tới trên đỉnh bức tường cao rồi đu dây bên ngoài xuống đất không có gì trở ngại. Nhưng tới phiên Lâm Thành Văn, xảy ra một rắc rối chết người!

Vì biết Lâm Thành Văn yếu nên anh Tiểu và tôi nâng anh lên cao một đôi. Khi Lâm Thành Văn bám thang dây leo được giữa chừng thì thang dây bị đứt làm Văn té lộn nhào xuống. May mà có Tiểu và tôi đưa tay hứng lấy anh và anh không bị ngã xuống đất. Thật là một đại họa ngoài sự dự trù của chúng tôi.

Lúc đó, tôi đứng bên dưới nhìn lên, hình ảnh một đoạn thang dây còn lại treo lơ lửng trên tường cao trông ghê rợn như giầy thòng lọng của cái giá treo cổ. Tôi thần thờ cúi xuống nhìn đoạn thang dây bị đứt nằm dưới đất rồi lại ngược nhìn phần còn lại treo quá cao bên trên, tôi điếng người chẳng biết tính làm sao. Nhìn cái móc sắt “báu vật” làm bằng dây phơi bằng thép gai bên lại mà chúng tôi đã bỏ ra bao nhiêu công sức và kế hoạch mới đánh cắp được, giờ này đã trở thành vô dụng và đang móc vào chân cọc sắt trên tróc bờ tường cao.

Tình thế trở nên vô cùng bi đát, vì ba người còn kẹt lại bên trong không làm sao với tới đoạn thang dây ngắn còn lại ở lưng chừng bờ tường. Tệ hại hơn nữa, chúng tôi cũng không có cách gì để báo tin cho hai người bên ngoài về tai nạn vừa xảy ra. Bụng dạ tôi lúc bấy giờ nóng như lửa đốt và tôi cũng nghĩ là anh Tiếp và anh Thuyên đang nấp bên ngoài cũng hết sức sốt ruột và lo lắng vì không biết chuyện

gì đã xảy ra bên trong. Tôi cố gắng đủ mọi cách để với lên thang dây bị đứt đang treo lơ lửng bên trên, nhưng vô hiệu quả. Tình thế trở nên tuyệt vọng, và khi nhìn về cuối chân trời, tôi thấy chân trời phía đông đã hơi ửng đỏ, lần đầu tiên tôi thấy cái chết đã gần kề và chắc chắn.

Vì không dự trù trường hợp chết người này nên trong tay chúng tôi lúc đó không còn có thứ gì để giúp với lên được tróc bờ tường đá xanh cao 5 thước này. Trong cảnh tuyệt vọng đó, tôi ngò xuống cho anh Tiểu đứng lên vai tôi và Văn đứng chông lên vai Tiểu với hy vọng sẽ nối lại được chiếc thang dây, nhưng không kết quả vì tôi không thể nào chịu nổi sức nặng của hai người. Vả lại, Lâm Thành Văn yếu quá, cũng không thể đứng lên cao trong tư thế mà những người làm xiếc còn phải cẩn thận! Chúng tôi làm đi làm lại, và lần nào leo lên rồi cũng té nhào xuống như những quả mít chín rụng phình phịch xuống mặt đất có nhiều cỏ sát chân bờ tường.

Sau khi cố gắng bằng đủ mọi cách nhưng không kết quả, tôi đành phải bảo hai người bạn ngò xuống đợi và tôi chạy trở vào buồng.

Lúc bấy giờ biết là đã muộn và cuộc vượt ngục coi như đã thất bại, nên tôi không còn e dè như lúc mới vừa bò ra khỏi buồng. Lần này, tôi cố gắng chạy thật nhanh trở lại buồng, tiết kiệm được phút nào hay phút nấy. Tôi hành động vì sự thúc đẩy của bản năng sinh tồn và không còn biết lo sợ là gì. Lúc này, khi chúng tôi đi ra, ai nấy cẩn thận bò trườn sát mặt đất như những con sư tử rình mồi theo sự hướng dẫn và quan sát của anh Tiệp, lần này trở lại buồng, tôi cứ thế mà cắm đầu cắm cổ chạy. Cũng may lúc đó không có cán bộ nào đi tuần, nếu có, chắc tôi đã lãnh nguyên một băng đạn vào thân thể và sự việc đã hoàn toàn đổi khác. Tôi vượt qua bức tường thấp của khu vực kiên giam một cách nhanh nhẹn và dễ dàng như một con sóc và chạy vào hầm chứa phân mà tôi vừa từ bỏ lúc này.

Muốn trở vào buồng, tôi phải chui trở lại qua cái lỗ tường vừa đào nằm cao bên trên. Vì cao quá, tôi không thể với tới để chui trở vô buồng cho được. Lúc này có mấy người nên chúng tôi công nhau lên để chui vào, bây giờ chỉ có một mình tôi, sống hay chết gì cũng chỉ có một mình, và tôi phải tự xoay xở lấy. Trong lúc tuyệt vọng, tôi nhớ cánh cửa gỗ mà chúng tôi vừa kéo bật đinh lúc này, đang nằm gần lối ra vào hầm chứa phân.

Tôi mò lại tìm mấy tấm ván đang nằm rải rác gần đó mang lại và bắt dựng lên gần cái lỗ của bức tường. Khổ nỗi, những tấm ván này trơn trượt nên không dễ gì để tôi có thể bám mà leo lên được. Mấy lần tôi cố leo lên lại bị tuột xuống và rơi tồm vào cái sọt chứa phân, làm phân văng tung tóe trong cái hầm tối om! Sau mỗi lần thất bại, tôi cứ phải mò mẫm nhiều chỗ mới có thể tìm lại được những tấm ván để bắt đầu lại. Thật là khổ thân tôi, việc ra khỏi buồng đã khó mà trở lại vào buồng cũng không dễ gì hơn. Tôi loay hoay hết cách này qua cách khác, cuối cùng rồi cũng leo lên được và trườn người chui vào lỗ để trở vào buồng.

Căn buồng lúc này như một bãi chiến trường. Chỗ nào cũng bê bết những gạch, vôi vữa, áo quần, chăn, màn, chiếu... Trong một góc buồng sát cạnh lối đi vào cầu tiêu, chiếc đèn dầu bé nhỏ vẫn đang

leo lét cháy. Cha Định đang nằm dưới đất, thấy tôi bước vào vô cùng ngạc nhiên và lồm cồm mò ngồi dậy. Tôi chẳng nói với Cha Định một lời nào, chỉ vội vàng lục tung các thứ đồ đạc của tôi. Hai tay tôi bươi móc nhanh như một con chuột đào hang để mò tìm cái màn. Đây là loại màn lưới bằng ny-lon của quân đội rất bền chắc. Tôi cuộn cái màn vào bên trong áo, vội vàng quay trở lại chui qua lỗ tường vào hầm chứa phân và theo đường cũ chạy ra chân bờ tường, nơi hai người bạn còn đang ngồi chờ ngay bên dưới đoạn thang dây treo lơ lửng bên trên. Lúc này trời đã hừng sáng!

Tôi xoắn tròn cái màn lại, nối với đoạn thang bị đứt và cố gắng ném lên cho máng vào dây thép gai trên trần bờ tường. Vì tường cao quá nên tôi ném lên rồi lại rơi xuống, cứ thế tôi cố hết sức ném cái màn lên. Sau một lúc cố gắng, chiếc màn mắc dính được vào bờ rào dây thép gai trên trần bức tường. Sau khi ghi thử thấy chắc chắn, tôi bảo anh Văn bám vào leo lên trong khi Tiểu và tôi cố nâng Văn lên, nhưng Văn chỉ leo được một đoạn lại té xuống. Một lần, hai lần... Văn leo lên rồi lại té xuống vì anh đã quá yếu. Chỉ có thang dây với những thanh gỗ nằm ngang mới có hy vọng giúp được anh. Biết mình không thể leo ra được, Văn đau xót bảo:

-Tôi không đi được, hai anh lo tìm cách leo ra đi!

Tôi bảo Văn:

– Không thể được, chúng ta đã thề hứa cùng sống cùng chết với nhau, làm sao chúng tôi có thể bỏ anh cho đành?

Văn mệt nhọc, ngồi bệt xuống đất, xua tay từ chối. Khi thấy anh Tiểu định kéo anh trỗi dậy, anh nói với anh Tiểu:

– Anh Tiểu với anh Lễ lo đi đi, tôi đành bỏ cuộc! Hai anh đi ngay đi, ở đây chết cả đám, ích lợi gì!

Nói xong, Văn đứng lên, nắm lấy bàn tay tôi và tay anh Tiểu, bóp mạnh để từ giã, xong quay lưng đi dọc theo chân tường!

Tới phiên Trịnh Tiểu cố gắng bám cái màn leo lên, nhưng cũng không nổi mặc dù tôi hết sức cố gắng nâng người anh lên. Khi thấy không thể nào leo lên được, anh bèn quay sang bảo tôi lo trèo lên, còn anh đi thẳng thật nhanh về phía Văn, bỏ tôi đứng bơ vơ với chiếc màn treo lơ lửng trên bờ tường.

Lòng tôi buồn vô hạn khi nhìn theo bóng hai người anh em nắm tay nhau đi thật nhanh dọc theo chân tường về phía tay trái mất dạng. Đây là sự mất mát đầu tiên trong vụ vượt ngục. Không biết lúc đó trong thâm tâm hai anh nghĩ gì nhưng riêng tôi thật tan nát cõi lòng khi nhìn bóng hai anh đi xa dần, xa dần... Tôi cũng đoán biết những gì đang chờ đợi hai anh khi người cán bộ đầu tiên trông thấy. Tôi hiểu rằng, hai anh có ý đi thẳng để tôi khỏi bận tâm mà lo thoát ra ngoài cho nhanh.

Còn lại một mình, tôi lấy hết sức lực bám vào chiếc màn cố leo lên. Chiếc màn lưới nhùng nhằng bám vào các gai nhọn của hàng rào bên trên không có thể coi là một loại thang được. Nhưng trong

hoàn cảnh đó không hiểu sức lực ở đâu lại dồn về đôi cánh tay khẳng khiu của tôi và tôi đã bám lấy chiếc màn như một con thạch sùng đang bám vào tàu lá để leo lên. Tôi cố gắng nương tay làm sao cho cơ thể mình trở nên “vô trọng lượng” để chiếc màn lưới có thể chịu đựng.

Khi tôi leo lên gần tới đầu bờ tường, chiếc màn tự nhiên bị rách toạc một phát. Tôi vội vàng đưa một tay vớ được hàng rào dây thép gai trên tróc bờ tường, còn tay kia chới với giữa khoảng không trong khi tôi cách mặt đất bên dưới bằng cả chiều cao của bức tường! Trong cơn hoảng sợ đó, tôi còn cảm thấy được các gai thép nhọn đâm xuyên qua lòng bàn tay và nghe dòng máu nóng chảy ngược xuống nách, vì lúc đó chỉ có một tay đang ghi lại sức nặng của toàn bộ cơ thể. Mặc dù vậy, lúc ấy trong đầu óc tôi hiện ra hình ảnh tên cán bộ cầm khẩu AK chực nhả đạn vào thân thể đang treo lơ lửng của tôi đã làm tôi quên đau đớn. Bằng một sự cố gắng đến tột cùng, tôi nhào người nắm thật chặt vào dây thép gai đánh đu được lên trên đầu bờ tường.

Từ trên tróc bức tường cao nhìn ra ngoài, tôi thấy sợi dây nhỏ mà anh Tiếp cột vào chân cọc sắt dùng để tuột xuống vẫn còn đó nên vội bám vào dây đó và tuột xuống đất. Tôi chẳng còn nghĩ tới việc cuốn lấy cái màn bên trong, mà có muốn cũng không thể làm được vì cái màn bị móc chằng chịt vào dây thép gai, hơn nữa lúc bấy giờ đã quá muộn. Xuống tới chân tường, tôi bị choáng ngợp và thấy nhẹ nhàng trong cảm giác đang hít thở không khí tự do! Mặc dù đây chỉ là một thứ tự do chết người! Cái cảm giác “người tự do” lúc bấy giờ thật khó mà diễn tả cho được. Tôi nghĩ Tiếp và Thuyên ẩn nấp trong chuồng trâu đã sót ruột chờ tôi chỉ ít là hai tiếng đồng hồ! Một giờ lúc đó dài hơn một thế kỷ.

Vừa tuột xuống đất, tôi vội vàng chạy vào chuồng trâu để gặp Tiếp và Thuyên đang ẩn nấp và lo âu chờ tôi ở đó. Tôi không bao giờ quên được khuôn mặt vui mừng rạng rỡ của các anh khi gặp tôi. Tôi vội sơ lược cho hai anh biết sự việc xảy ra bên trong đã khiến anh Tiếu và anh Văn phải bỏ cuộc. Không chậm trễ một giây phút nào, ba người chúng tôi liền phóng chạy ngay về hướng bờ sông Mã cách đó chừng hai trăm thước. Tôi vừa chạy về hướng bờ sông Mã vừa nghĩ thầm là cuộc vượt ngục đã hoàn toàn thất bại, nhưng vẫn còn tin tưởng vào sự may mắn nào đó như một thứ phép lạ có thể xảy ra để cứu chúng tôi.

Sau khi chạy hết đoạn đường cạp theo bờ tường trại, chúng tôi băng qua đoạn đường đất gần bên lán mộc cạp theo một con con suối nhỏ. Con đường sũng ướt và đây đó có những vũng nước mưa còn đọng lại sau trận mưa to đêm qua. Sau khi qua khỏi lán mộc đã thấy bờ sông Mã lấp ló sau một đồi sắn mới được trồng cách đó không lâu, với những cây sắn vừa cao quá mắt cá chân một đôi. Chúng tôi hướng thẳng xuống một lùm bụi um tùm bên bờ sông, lúc đó nước dâng cao, chảy thật xiết rồi trầm mình xuống đó.

Dưới Dòng Sông Mã

Buổi sáng ngày 2 tháng 5 năm 1979 hôm đó, nước sông Mã dâng cao vì trận mưa to suốt đêm qua. Đây là vùng thượng nguồn, nước sông chảy một chiều và các cơn mưa đêm qua làm mực nước dâng

lên rất cao và chảy mạnh như thác. Chúng tôi trảm mình xuống sông, bơi theo dòng nước chảy mạnh, mò mẫm cập theo các bụi rậm bên bờ sông. Được một quãng khá xa, chúng tôi gặp cái hốc đá thật kín đáo, bên trên có một cây to, rễ cây tua tủa bao trùm kín cả miệng hang, tạo thành nơi ẩn nấp thật lý tưởng. Cả ba người lặn xuống nước chui vào ẩn nấp trong hang đó và chờ đợi.

Tôi ở trong cùng, sau tôi là Tiếp, còn Thuyên nấp bên ngoài, gần miệng hang. Chúng tôi yên lặng và nín thở đợi chờ. Thời gian lúc bấy giờ như ngưng lại để đủ cho tôi nhận định tình thế và cảm nhận hết cảm giác kinh hoàng của một con thú bị săn đuổi và đang bị dồn đến bước đường cùng. Lúc đó, tôi biết là mình sắp chết, tôi sắp phải từ giã cuộc đời ở tuổi 36 và tôi chẳng chút hối hận gì khi phải ra đi. Lúc đó, tôi nhớ tới cái giá của hai chữ TỰ DO sao mà cao quá. Tôi sắp sửa trả bằng cái giá mạng sống của tôi nhưng vẫn chưa mua được. Tôi nhớ lại trên quê hương tôi, có bao nhiêu người đã phải trả cái giá như tôi nhưng họ vẫn chưa mua được hai chữ TỰ DO!

Ôi! Huyền nhiệm thay hai chữ TỰ DO, hai chữ đó là giá trị tuyệt đối của đời tôi và cũng là của dân tộc tôi. Tôi không hối hận gì nếu phải chết ở tuổi 36 vì hai chữ TỰ DO, tôi chỉ tiếc là tôi phải kết liễu cuộc đời quá sớm khi tôi chưa có điều kiện để tranh đấu mang lại TỰ DO cho dân tộc tôi như lòng tôi mong ước. Đó là lý tưởng mà tôi hằng ấp ủ từ khi có trí khôn để nhận biết dân tộc Việt Nam của tôi là một dân tộc bất hạnh vì thiếu TỰ DO. Tôi khẳng định tôi được sinh ra đời làm người vì sứ mệnh đó. Tôi làm linh mục cũng vì sứ mệnh đó.

Nằm trong hang một lúc, chúng tôi nghe ba tiếng súng báo động có tù vượt ngục. Giây phút kinh hoàng nhất của chúng tôi đã tới. Tôi biết là mình đang ở trong tình trạng rất nguy hiểm, nhưng vẫn nuôi hy vọng là họ sẽ không tìm thấy chúng tôi đang ẩn nấp trong cái hang có lớp cỏ bao phủ bên trên và phải lặn xuống sâu mới vào được trong hang này. Biết đó là một hy vọng rất mong manh nhưng tôi vẫn nuôi hy vọng. Chúng tôi đứng yên lặng cho đến nỗi tiếng nước chảy róc rách bên ngoài cũng trở thành một tiếng động rất rõ ràng vọng tới tai tôi và làm tôi kinh hãi.

Vì chỗ chúng tôi nấp không xa trại bao nhiêu nên không bao lâu sau ba tiếng súng, tôi lặng người khi nghe rõ tiếng chân người chạy rần rạt ngay bên trên, chen vào với tiếng la hét, tiếng chó sủa và tiếng súng đạn va chạm nhau lách cách. Chúng tôi biết là cán bộ đang dắt chó săn truy lùng chúng tôi ráo riết. Mặc dù tôi đã biết trước và sẵn sàng đón nhận tình huống này, nhưng thật tình lúc đó tôi sợ đến điếng cả người và tôi nghĩ đây là phản ứng tự nhiên của bất cứ một sinh vật nào khi thấy mạng sống sẽ bị mất đi trong giây lát. Tôi yên lặng, nhắm mắt cầu nguyện và phó thác đời tôi trong tay Chúa.

Lúc sau, tiếng chân người xa dần khiến tôi mừng thầm nghĩ rằng họ đi qua luôn. Nhưng không bao lâu, lại nghe tiếng ồn ào trở lại, rồi tiếng la hét và tiếng chó sủa càng lúc càng gần hơn. Biết chắc là không thể thoát được, tôi lại dọn mình ăn năn tội một lần nữa để sẵn sàng đón nhận cái chết.

Lúc bấy giờ Nguyễn Sỹ Thuyên ở gần ngoài miệng hang, lội vào trong, đến nép sát vào với Đặng Văn Tiếp và tôi. Tự nãy giờ ba anh em tôi chẳng ai nói một lời nào. Lúc đó bất ngờ anh Tiếp quay sang ôm

lấy tôi xin tôi làm phép Rửa tội cho anh. Tôi đã khoát nước sông Mã làm phép Rửa tội cho anh Tiếp. Trong thời gian sống chung với tôi, anh Tiếp có ngờ ý muốn được Rửa tội, và tôi đã giúp anh về phần giáo lý.

Khi vừa Rửa tội xong, anh Tiếp ôm hôn tôi một cách vô cùng tha thiết như bày tỏ sự vui mừng và biết ơn. Tôi cảm thấy có một cái gì khác lạ trong cử chỉ này của anh Tiếp, nhưng tôi đâu có ngờ đó là cái hôn vĩnh biệt của người anh gửi lại cho người em trước khi anh Tiếp từ giã cuộc đời! Trong giây phút đó tôi cố quên đi tất cả những việc của đời người để hướng tâm hồn về cõi sống trường sinh. Tôi tự nhiên cảm thấy rất vui vì vào những giây phút cuối đời, tôi đã nhân danh Thiên Chúa mà ban Bí tích Rửa Tội cho anh Tiếp, là người anh kết nghĩa mà tôi vô cùng thương mến.

Lúc này thì tiếng la hét, tiếng người, tiếng chó sủa càng lúc càng gần hơn. Tôi không đoán được các loại âm thanh đó ở đâu nhưng tôi đoán có lẽ là ngay trên đầu chúng tôi vì bên bờ sông có một cây to mọc trồi ra mé nước và chung quanh có lùm bụi um tùm rất dễ cho người ta nghi tù vượt ngục rúc vào trốn trong đó.

Tôi đoán không sai, từ trong hang tối om khè vạch cổ nhìn ra, tôi thấy tên Thượng sĩ Hoàn mặc áo thun và quần đùi trắng với khẩu súng lục có dây đeo quàng ngang vai. Hắn đứng trên chiếc xuồng nhỏ, tay cầm cây tầm vông dài chừng ba thước, trên đầu có cây sắt nhọn mà tiếng miền Nam chúng tôi gọi là cây "xà-no" dùng đâm chuột hoặc đâm rắn trong các lùm bụi, nhất là trong mùa nước lên.

Tên Thượng sĩ Hoàn chỉ huy số cán bộ võ trang canh gác đêm vừa rồi, và việc chúng tôi vượt ngục đã làm cho hắn tức giận điên cuồng. Người hắn khá mập, hơi lùn và rất rắn chắc. Đặc biệt hắn có nước da đen, đen hơn những người có nước da ngăm đen bình thường. Nước da hắn đen nên càng làm cho đôi mắt hắn trắng dã dưới đôi chân mày thật rậm và gần đụng nhau trên sống mũi. Toàn diện khuôn mặt hắn lộ ra cái vẻ của hạng người "mặt đụt", thuộc loại ngu dần và hung ác. Hắn vừa chống xuồng vừa chọc cây sắt nhọn một cách hung bạo vào các bụi rậm bên bờ sông mà hắn nghi ngờ. Thấy chiếc xuồng đang trôi từ từ xuống chỗ chúng tôi đang nấp, tôi mất hết hy vọng! Đã vậy tôi còn nghe tiếng người đàn bà trên thuyền đánh cá bên sông gọi vọng sang, giọng lanh lảnh:

-Chúng nó vừa ở ngay đấy thôi!

Tên Hoàn quay mặt sang hỏi:

– Ở mô?

-Đâu trong bụi rậm trước mặt ấy, tôi vừa nom thấy chúng ngay bụi ấy!

Theo sự chỉ dẫn của người đàn bà, tên Thượng sĩ Hoàn vạch từng bụi cỏ, rọi đèn pin xuống và cuối cùng hắn đã tìm thấy chúng tôi. Thế là hết!

Giây Phút Kinh Hoàng

Thật khó mà diễn tả được tâm tư của tôi trong lúc bấy giờ. Tôi nghĩ là cuộc đời của ba anh em tôi chấm dứt kể từ giây phút đó. Cuộc vượt ngục đã hoàn toàn thất bại và chúng tôi phải sẽ trả cái giá cho việc làm này. Lúc đó tôi có thể hình dung ra được chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo, bởi tôi đã được chứng kiến cảnh tù nhân bị hành hạ khi vượt ngục thất bại. Họ bị đánh đập và hành hạ như một con thú. Có người đã bị đánh chết một cách thê thảm. Lúc đó, tôi ôm ghì lấy anh Tiếp và nói: “Anh em mình nhất định không ra, cho nó bắn chết ở đây!” Khi nghe tôi nói, anh Tiếp càng ôm lấy tôi chặt hơn, trong khi tiếng la hét đầy thú tính của bọn người đang đứng trên bờ sông như một tốp thợ săn đã bao vây được con mồi, chỉ còn chờ giương cung hạ thủ. Tên Thượng sĩ Hoàn như một hung thần đang lồng lộn la hét giục chúng tôi ra. Tiếng la hét của hắn đầy vẻ man dại và điên cuồng như muốn xé tan màn sương mai của vùng rừng núi âm u Thanh Cẩm.

Nguyễn Sỹ Thuyên nấp ở bên ngoài lòi ra trước, trong khi anh Tiếp và tôi ôm nhau ghì cứng trong hang, nhất định không ra. Sau khi la hét một hồi thấy không lay chuyển, tên Hoàn vạch cổ che trên rễ cây, dí mũi súng lục lạnh toát vào thái dương của tôi, miệng hắn la hét một cách man dại: “Lẽ! Mà có bơi ra không? Hay đợi tao bắn nát đầu mày ra, hả?” Thực tình mà nói, lúc bấy giờ tôi chỉ mong cho hắn siết cò. Tôi nghĩ đó là cách giải quyết tốt nhất. Nhưng tên Hoàn không bóp cò súng vào thái dương tôi mà quay súng ngược lên bắn chỉ thiên mấy phát. Đó là dấu hiệu báo cho các nhóm đang tụy lũng khác biết là đã bắt được tù vượt ngục.

Thấy la hét không kết quả gì, hắn bèn điên cuồng chụp lấy cây “xà no” mà hắn để trên thuyền, chọc một cách điên cuồng vào hang. Mũi sắt nhọn trúng vai anh Tiếp. Qua ánh đèn pin của hắn, tôi thấy máu anh Tiếp tuôn ra đổ thắm một vùng nước. Trước tình thế này, chúng tôi thấy không còn cách nào khác hơn là phải lòi ra. Anh Tiếp bắt đầu lòi ra khỏi hang trước, tôi lòi theo sau. Từ mí nước lên tới bờ còn khá cao.

Tôi hành động như một cái máy. Hai tay nắm lấy từng bụi cỏ, tôi bò dần lên bờ sông trong lúc đám đông chừng vài chục người, cả công an, cai ngục lẫn dân chúng đang đứng lố nhố trên bờ sông nhìn xuống theo dõi cảnh tôi đang lóp ngóp bò lên bờ. Lúc ấy, tôi có tâm trạng của một tử tội, trên đường đi tới pháp trường.

Cái Giá Phải Trả

Vừa bò lên tới bờ sông, tôi gặp ngay tên Chuẩn úy Lãng, Sĩ quan An ninh của trại, đang cầm trở ngược đầu cây súng AK đứng chực sẵn. Khi tôi đứng vừa đúng tầm, hắn chấp hai tay quơ một cú cực mạnh, tổng trọng cái báng súng vào giữa ngực tôi, đẩy tôi ngã lộn xuống nước. Cú đòn này được coi như tiếng trống mở màn cho một thảm kịch sắp được trình diễn trong giây lát. Khi tôi té xuống sông, tên Thượng sĩ Hoàn đứng trên thuyền dùng xà-no thọc vào lưng tôi, bắt leo lên bờ. Tôi lại lần từng bụi cỏ bò lên, tên Chuẩn úy Lãng vẫn đứng chờ tôi, nhưng lần này hắn không đánh nữa mà túm tóc tôi kéo mạnh lên bờ. Một tên cán bộ bước tới, tháo lấy cái khăn tôi cột ngang thắt lưng, trong đó tôi có cất cái kính

đeo mắt. Kính của tôi bị mất từ lúc đó.

Cách đó không xa, tôi thấy một tốp chừng mười tên cán bộ đang vây quanh anh Tiệp, hò hét và đánh đấm túi bụi. Trông thấy cảnh đó, tự nhiên tôi nhớ lại một câu thành ngữ La-tinh mà tôi đã học hồi còn ở Chủng viện: “Người đối với người còn hơn chó sói!”. Hình ảnh anh Tiệp đứng cao lêu khêu trên đồi sấn, lúc này sấn non mới lên cao độ một gang tay, mình mẩy anh ướt đẫm, tả tơi, chung quanh là một lũ cán bộ cộng-sản đang điên cuồng gào thét, đánh đập, khiến tôi liên tưởng tới một cảnh trong cuốn phim “Cuộc Đòi Chúa Cứu Thế”, lúc Chúa Giêsu vác Thánh giá lên đỉnh đồi Golgôtha, một đám đông quân dữ đang vây quanh hò hét, đánh đập. Tôi chẳng biết so sánh như vậy có phạm thượng hay không, nhưng đó là cảm nghĩ mà tôi thấy thật rõ rệt lúc bấy giờ. Vừa trông thấy tôi, một bọn khác xông vào và tôi chịu số phận y như anh Tiệp. Lúc đó anh Thuyên ở đâu và số phận anh ra sao tôi không biết.

Những cú đá đầu tiên khiến tôi đau điếng cả người, nhưng sau một chập, tôi không còn nghe đau đớn nữa vì toàn thân tôi đã tê dại. Những cú đòn về sau, tôi chỉ còn cảm giác qua chấn động, như âm thanh của một quả bóng được đá dội vào tường. Lúc đó, tôi không còn biết đến cảnh vật chung quanh, nhắm mắt cắn răng chịu đòn không hề kêu la một tiếng. Trong cảnh hỗn loạn của những tiếng la hét man dại đó lại có giọng quát khá to của một người nào đó mà tôi không còn đủ tâm trí để nhận ra, tôi chỉ đoán là của ông trại trưởng: “Thôi! Tôi bảo các đồng chí thôi! Tôi bảo các đồng chí thôi!”.

Sau tiếng quát đó, chẳng những chúng không dừng tay mà lại càng đánh đá dữ dội hơn. Tôi đã từng chứng kiến nhiều cảnh cán bộ đánh tù trong ngục tù cộng-sản. Tôi hiểu rằng những lời ngăn can kia là một thứ ám hiệu cho cán bộ càng hành hạ tù tàn nhẫn hơn, trong khi đó người ngoài nhìn vào vẫn tưởng rằng đảng rất nhân từ, vì người thay mặt cho đảng đã lên tiếng ngăn can!

Đánh đập chán chê, chúng đẩy tôi đi về phía trại. Lúc mở mắt ra tôi không còn thấy anh Tiệp ở đâu nữa. Tôi loạng choạng lê bước đi trước, một số đông cán bộ ồn ào theo sau. Gần tới cầu ván bắc qua con suối cạn trước trại mộc, có Thượng sĩ Khải là võ sĩ huấn luyện viên võ thuật cho cán bộ, đang đứng thủ thế ở phía trước và chờ tôi đi tới. Người hấn cao gàn thước tám, và thật rắn chắc. Hấn mặc áo thun, quần đùi trắng, chân mang giày vải, đang trong tư thế sẵn sàng. Khi tôi vừa đến đúng tầm, hấn nhún người nhảy vọt lên cao tổng nguyên gót chân vào mặt tôi khiến người tôi bị bắn tung và lộn nhào xuống suối cạn ở gần đó, máu mũi và máu miệng tôi chảy ra lênh láng.

Tôi phải công nhận, đây là một cú đá rất đẹp, đúng bài bản và có tính cách biểu diễn nghiệp vụ! Có bị đòn như thế tôi vẫn thấy “hãnh diện” hơn là lúc nãy bị một đám cán bộ bu vào như những con ngựa non háu đá. Chúng đánh đấm tôi túi bụi nhưng chất lượng lại kém so với cú đá của tên Khải mà tôi vừa lãnh nhận!

Lúc nằm dưới suối cạn, tôi vẫn còn tỉnh nhưng chợt nghĩ là phải giả vờ chết, bằng không tôi sẽ chết thật. Nghĩ vậy nên tôi nằm yên bất động. Cán bộ trên bờ gọi giục, tôi cũng nằm yên. Có mấy anh nhào

xuống đánh tiếp, tôi cứ mặc kệ và nằm ngửa ra như một xác chết. Có lẽ họ tưởng là tôi đã chết nên gọi hai trật tự Bùi Đình Thi và Trương Văn Phát xuống suối cạn kéo xác tôi lên và mang về trại.

8 - CHUYỆN THƯƠNG TÂM



Hai anh trật tự Bùi Đình Thi và Trương Văn Phát, mỗi người một bên nắm lấy cổ tay tôi kéo lê về trại. Lúc đó lưng và mông tôi lét trên đường đá cục, đau đớn không chịu được, nhưng biết làm gì hơn lúc bấy giờ? Quãng đường từ con suối cạn vào tới sân trại khá xa, vì phải qua hết lán mọc và một dãy buồng giam nằm dọc theo con đường sỏi đá này, rồi mới tới cổng trại. Chúng kéo tôi thẳng vào sân trại và vắt xác tôi nằm ngửa trên nền xi-măng của hội trường giữa sân trại. Nằm yên một chốc, tôi mê đi, không còn biết gì nữa, và tôi cũng chẳng biết mê man như thế bao lâu vì lúc đó tôi đã mất hết ý niệm về thời gian.

Lúc chợt bừng tỉnh lại, tôi mở mắt ra và thấy Bùi Đình Thi đang cầm xô nước lạnh giội lên mặt tôi. Vừa thấy tôi tỉnh lại, anh ta vội đặt cái xô xuống và nhanh như con hổ sợ con mồi vượt chạy mất, anh ta nhảy chồm lên, hai tay túm lấy một cánh tay tôi kéo thẳng lên, đồng thời dùng gót chân đạp một cách điên cuồng vào ngực, vào bụng tôi, miệng anh ta sùi bọt mép nghiêng răng trợn mắt nói như muốn hực hơi: “ĐM mày Lẽ! Ăn cơm không muốn mày muốn ăn cứt! Mày muốn chết tao cho mày chết!”. Cho tới ngày tôi chết, có lẽ tôi cũng không bao giờ có thể quên câu nói này của Bùi Đình Thi, vì đó là lần đầu tiên tôi nghe một giáo dân chửi một linh mục như thế.

Đánh đập chán chê, anh ta bỏ tôi nằm yên. Sau này mới biết anh ta quay sang “thăm” hai anh Đặng Văn Tiếp và Nguyễn Sỹ Thuyên đang nằm rải rác gần đó. Tôi lại rơi vào cơn hôn mê một lần nữa, cũng chẳng biết trong bao lâu. Khi bừng tỉnh lại, tôi thấy Bùi Đình Thi đang cầm hai chân tôi kéo lên các bậc thềm đúc bằng xi măng từ hội trường lên khu kiên giam, lưng và đầu tôi va mạnh lớp bốp vào các bậc thềm, cả thấy 12 bậc. Sự đau đớn thái quá đó làm tôi bừng tỉnh lại và nhờ đó tôi mới chứng kiến cảnh tượng hãi hùng khác: Cảnh anh Đặng Văn Tiếp bị Bùi Đình Thi đánh chết tại chỗ. Cảnh tượng này đã in vào tâm trí tôi như một hình xăm trở trên da thịt và chắc chắn sẽ không bao giờ có thể tẩy xóa được!

Mạng Người Thứ Nhất

Bùi Đình Thi kéo tôi vào lại buồng 1, nằm quay mặt ra cửa. Buồng này là nơi chúng tôi vừa đào tường vượt ngục đêm qua. Vừa quẳng tôi vô buồng, Thi vội quay trở ra cửa khu kiên giam đẩy mạnh anh Đặng Văn Tiếp vào. Từ lúc thấy anh Tiếp bị đánh ở bờ sông cho đến lúc đó là bao lâu, tôi cũng không thể đoán được vì tôi đã mất ý niệm về thời gian, và anh Tiếp bị đòn nhiều ít thế nào tôi cũng chẳng hay. Tôi chỉ biết lúc này trông anh còn có vẻ khá hơn tôi, tuy đáng anh tả tơi sũng ướt nhưng anh còn

đi đứng được.

Chung quanh anh ló nhỏ một số cán bộ. Tôi nghe có cả tiếng phụ nữ, chắc là vợ con cán bộ cũng chạy lên xem cảnh hành hạ tù vượt ngục. Tôi không biết lúc bấy giờ ai đã quật anh Tiệp ngã xuống, nhưng tôi thấy rõ Bùi Đình Thi nhảy chồm tới vỗ lấy anh Tiệp. Hắn dùng 2 tay túm lấy một tay anh Tiệp kéo lên và dùng gót chân dậm một cách điên cuồng lên ngực, lên bụng anh Tiệp, giữa tiếng chửi bới cổ vũ một cách điên cuồng của số đông cán bộ cộng-sản vây quanh.

Nằm nhìn ra cảnh ấy, tôi biết là anh Tiệp không thể nào chịu nổi cú đòn hiểm độc này, tôi nghe anh Tiệp kêu lên thật to: “Chắc con chết mất Mẹ ơi!” Tôi không ngờ đó là câu nói cuối cùng của đời anh. Anh đã chết sau câu nói đó!

Không ai có thể ngờ được cuộc đời đã từng ngang dọc oai hùng của anh Đặng Văn Tiệp đã bị chấm dứt một cách tức tưởi, dưới gót chân của Bùi Đình Thi như thế này, vào một buổi sáng âm u, ngày 2 tháng 5 năm 1979 trong nhà tù Thanh Cẩm, lúc anh vừa 46 tuổi. Dĩ nhiên, chế độ cộng-sản là kẻ chủ trương, nhưng Bùi Đình Thi đã thay cho chế độ bạo tàn này, giết anh Đặng Văn Tiệp một cách thật dã man! Người cộng-sản ném đá giấu tay, họ đã dùng tù giết tù. Nếu tôi không sống sót, thì ai biết được để ghi thêm một thảm trạng tày trời, đau đớn và đầy nhục nhã này trong ngục tù cộng-sản?

Hôm nay, ngồi nhớ lại cảnh tượng này lòng tôi đau nhói. Tôi có cảm tưởng như đang ngồi xem một đoạn phim chiếu những hình ảnh méo mó, bệnh hoạn làm ruột tôi co thắt lại và tôi cảm thấy buồn nôn! Trong cả cuộc đời tôi, không cảnh nào làm tôi đau xót bằng cảnh này. Tôi nhớ lại một đoạn trong phim “Quo Vadis?” mà tôi đã xem qua. Đó là cảnh một đám khán giả khát máu trong một hí trường thời cổ đại La Mã đang la hét điên cuồng cổ vũ những con ác thú cắn xé các nạn nhân Thiên Chúa Giáo bị kết án tử hình được vát cho chúng. Nhớ lại cảnh thương tâm này, tôi phải ngưng lại để nói chuyện với anh Tiệp: “Anh Tiệp ơi! Giờ này oan hồn anh đang ở đâu? Anh có thấy được nước mắt nước mũi của em đang chảy dài ướt cả áo khi em ngồi đây viết lên những hàng chữ này không? Mỗi năm vào ngày giỗ của anh, em tắt nghẹn nhưng chưa bao giờ em khốn khổ như lúc này, lúc mà em phải nhớ lại từng chi tiết về cái chết của anh.”

Bùi Đình Thi lôi xác Tiệp vào và vát chông lên người tôi, lúc ấy tôi đang nằm như một thây ma bất động dưới lối đi, nơi mà mấy tháng trước đây Đại tá công-an Hoàng Thanh đã đi qua để nhìn mặt chúng tôi. Lúc này tôi nằm ngửa, còn xác anh Tiệp mềm nhũn nằm sấp áp lên người tôi. Trong tư thế đó, tôi là người thân yêu cuối cùng có mặt để đưa tiễn anh tôi về bên kia thế giới. Xác anh Tiệp thật nặng đè lên người làm tôi ngạt thở, tôi cố vùng vẫy lật xác anh qua một bên để có thể hít thở nhưng tay tôi không còn cử động được, và tôi cảm thấy mình sắp chết ngạt đến nơi. Cũng may lúc đó, có một cán bộ bước vào và tôi nghe tiếng của Bùi Đình Thi nói:

-Thằng Tiệp nó chết rồi!

Cán bộ ra lệnh.

– Lôi xác nó lên!

Xác anh Tiệp được lôi lên bệ xi măng, chỗ mà mọi ngày anh vẫn nằm, nhờ đó tôi không bị chết ngột. Lúc thấy tôi còn cử động và co đầu gối lên tựa vào tường, một tên cán bộ đã rút thanh sắt cài cửa buồng, đập mạnh lên đầu gối bên trái, làm chân tôi gập xuống. Trong khi đó tôi nghe tiếng chửi rủa léo nhéo của các phụ nữ bên ngoài cửa sổ và chúng ném gạch đá vào tôi, những viên gạch mà chúng tôi đào tường lấy ra hồi đêm qua.

Lúc đó nằm dưới lối đi nhìn lên, tôi còn thấy được đôi bàn chân gầy gò, dính đầy bùn đất của anh Tiệp thò ra ngoài bệ nằm xi-măng, và đó là hình ảnh cuối cùng tôi thấy nơi một người anh kết nghĩa mà tôi hết lòng yêu quý và kính phục.

Lúc nhìn thấy gót chân bắt động của anh nhô ra từ bệ nằm, tôi còn nhớ lại trước khi vượt ngục, tôi có khâu chiếc nhẫn vàng hai chỉ vào cái cúc quần của anh. Đây là chiếc nhẫn mà anh Thụy, em kế của Tiệp, đã khéo léo giấu trong một hộp sữa hai đáy gởi ra cho anh cùng với tám bản đồ và cái đĩa bàn lúc anh còn ở trại Hà Tây. Tôi chỉ nhớ được chừng đó, vì đây là hành trang quý nhất mà anh cần có khi quyết định vượt ngục. Không ngờ anh đã không sử dụng được thứ hành trang đó để đi tới nơi an toàn như anh mong ước.

Đi Vào Cõi Chết

Một lúc sau, tôi lại đi vào cơn hôn mê như một giấc chiêm bao kéo dài. Tôi thấy mình đang chơi với bước đi trên một vùng đầy mây trắng, đóng thành từng mảng cứng như nước đá, trong một khoảng không gian hoàn toàn yên lặng. Tôi đạp trên các vầng mây lần bước tiến lên mà chẳng biết là đi về đâu. Thình thoảng, một tầng băng vỡ ra, tôi bị hụt hẫng. Tôi bám vào thành các tầng mây khác leo lên và cố gắng bươn chải đi tới trong khoảng chân không mông lung huyền ảo. Kinh nghiệm của con người đang ở giữa lằn ranh của sự sống và cái chết cho tôi thấy cái chết thật nhẹ nhàng dễ chịu. Sự chết không phải là cái gì quá ghê gớm theo như quan niệm thông thường. Có đau khổ chăng là cho những người thân yêu còn ở lại.

Sau này, khi nhớ lại cảm giác của buổi sáng âm u trong trại tù Thanh cảm đó, khi mà xác tôi đã nằm bất động dưới sàn của buồng giam, lúc đó ai nhìn vào chắc sẽ ghê rợn hãi hùng trước cái thân ma bất động, áo quần ướt đẫm, mình đầy máu me và cát bụi. Nếu người thân yêu của tôi nhìn thấy cảnh đó chắc sẽ khóc hết nước mắt vì thương tôi đã phải chịu một cái chết quá là đau thương tàn nhẫn. Nhưng thực tình trong lúc đó tôi đang lơ lửng trên các tầng mây và cảm thấy rất nhẹ nhàng sung sướng trong một thứ hạnh phúc mà suốt cuộc đời với bao nhiêu lo âu phiền muộn, tôi chưa bao giờ được nếm qua.

Cảm giác hạnh phúc mà tôi có được lúc bấy giờ vượt ra ngoài hết những gì đã ràng buộc con người vào cuộc đời trần gian khổ ải bị bao vây bởi thất tình lục dục. Cái khoảng chân không mông lung huyền

ảo mà tôi đã được bước vào, trong khi thân thể tôi nằm dưới sàn đất, đó là một khoảng chân không yên lặng tuyệt đối và tôi nghĩ rằng không làm sao có được sự tĩnh lặng đó trong cuộc đời này.

Dĩ nhiên lúc đó tôi chưa hẳn đã đi vào cõi chết, nhưng tôi đã được bước tới ngưỡng cửa của sự chết và đã được “ném qua” mùi vị của sự chết. Tôi chưa có thể diễn tả về cái chết thực sự ra sao, nhưng có thể nói lên niềm hạnh phúc của tôi đã cảm nhận được trong buổi sáng sớm ngày 2 tháng 5 năm 1979 đó. Khi “tôi” đang ở trong trạng thái lơ lửng giữa các tầng mây, tôi còn biết là thân xác mình đang nằm bất động trong buồng giam và một cảm nghĩ rất lạ đã xâm chiếm lấy “tôi” lúc bấy giờ, và tôi không còn muốn quay về với thân xác nữa. Lúc đó tôi có cảm nghĩ là tại sao con người lại bận tâm trong những việc chẳng ra gì, mà người ta coi là quan trọng để rồi tự làm khổ mình và làm khổ người? Trong khi chỉ có sự thanh tịnh nơi cõi vĩnh hằng mới là nguồn vui đích thực và cuối cùng của nhân sinh.

Cái số tôi chưa chết trong ngày hôm đó, vì thực ra chỉ cần một người nào đang có mặt trong buồng lúc bấy giờ bồi thêm một cú đòn, hoặc chỉ cần lật sập lại để tôi không thở được là cuộc đời tôi chấm dứt. Mà cho dù có người nào đó đã làm như vậy, tôi cũng không oán trách, vì thân xác tôi đã hoàn toàn tê dại, không còn biết đau đớn là gì. Hơn nữa, nếu có ai làm như thế thì chắc chắn họ sẽ giúp đưa tôi thẳng vào vùng hạnh phúc tuyệt vời mà tôi đang chập chờn ở ngưỡng cửa. Dĩ nhiên là tôi rất quý cuộc đời và mạng sống tôi, vì cuộc sống con người chính là một hồng ân của Trời ban. Tôi chỉ muốn nói lại kinh nghiệm của một người đã chạm tới biên cương của sự chết và biết rằng chết là một trạng thái rất nhẹ nhàng êm ái.

Lần Xuống “Đáy Địa Ngục”

Tôi chẳng biết cơn hôn mê đó kéo dài trong bao lâu, nhưng tỉnh lại trong khi Bùi Đình Thi đang vác tôi ngang qua vai anh ta. Hai tay cầm lấy hai chân tôi, bụng tôi áp vào vai anh, đầu và hai tay thõng ra sau lưng. Lúc này con người tôi đã mềm nhũn và không thể tự mình cử động được. Vì bị dẫn vật quá mạnh theo nhịp bước chân của anh ta, tôi tỉnh cơn mê. Bùi Đình Thi vác tôi thẳng vào nhà kỹ luật và cùm chân lại. Đây là khu nhà kỹ luật vừa mới xây xong, để thay cho Nhà Đen không đủ kiên cố. Sau khi đặt nằm yên, tôi lại đi vào cơn hôn mê, vì con người tôi lúc này đang chập chờn ở giữa biên giới của sự sống và cái chết.

Khi tôi tỉnh lại thì trời tối đen như mực, chợt tôi nghe tiếng anh Nguyễn Sỹ Thuyên bên cạnh, mới hay anh cũng đang bị cùm chung một thốt với tôi. Anh nằm phía trong sát vách tường. Anh Thuyên cho biết lúc ấy có lẽ quá nửa đêm rồi, anh thều thào:

– Sáng nay, lúc thẳng Thi nó vác ông vào, lúc ấy ông đang mê man, tôi gọi mãi không thấy ông tỉnh dậy, tôi lo quá, tưởng là ông đi luôn rồi. Có biết Tiếp đâu không?

Tôi rên rỉ qua hơi thở:

– Tiếp chết rồi!

Thuyên kinh hãi kêu:

– Tiếp chết rồi à?

– Ừ, Tiếp chết rồi! Tiếp bị đánh chết trước cửa buồng mình. Nó vát xác Tiếp nằm đè lên người tôi.

Anh Thuyên yên lặng hồi lâu mới nói được:

-Tiếp chết rồi! Còn Tiểu và Văn ra sao?

– Tôi không biết.

Thuyên nằm lặng yên, không nói năng gì, nhưng tôi nghe tiếng anh đang khóc sùi trong bóng đêm. Tôi nằm bất động, nước mắt giàn giụa.

Khi tỉnh dậy được một lúc, tôi cảm thấy buồn nôn, định quay mặt nôn xuống sàn nhà nhưng tôi không còn sức để trở người nên nằm ngửa nôn thốc tháo ra ướt đầy mặt mũi, rất tanh hôi. Sáng hôm sau, khi trời sáng tôi mới thấy mình nôn ra toàn là máu tươi! Ban ngày, khi tiểu tiện cũng ra máu mà đại tiện cũng ra toàn là máu. Lúc đầu nhìn thấy cảnh tượng đầy máu me này tôi rất kinh hoàng. Tuy nhiên, tôi biết rằng nếu máu bầm trong cơ thể đã thoát ra ngoài được là điều tốt, còn nếu máu bầm ứ lại bên trong thì rất nguy hiểm.

Tình trạng anh Nguyễn Sỹ Thuyên lúc đó cũng tệ hại không kém gì tôi, cũng bị đánh đập tã tơi, giập nát cả người cũng như tôi và anh Tiếp. Anh cũng bị nôn mửa và đại tiểu tiện ra máu dầm dề. Trong tình cảnh đó, anh tỏ ra tuyệt vọng và nghĩ là mình không thể nào sống được. Sáng hôm sau, tôi thấy anh Thuyên không chịu nằm yên mà tay anh cứ mò mẫm như đang tìm một cái gì. Tôi nhìn xuống thì ngạc nhiên thấy anh đang định cắt đứt mạch máu ở háng bằng một con dao làm bằng nửa nắp lon sữa bò được mài bén. Không biết anh tù kỷ luật nào ở buồng này trước bỏ lại con dao này ở đây và anh Thuyên rờ được. Thấy vậy tôi la lớn:

-Anh Thuyên! Anh định làm gì vậy?

Anh Thuyên thều thào:

-Tôi biết trước sau rồi mình cũng chết, thà tự tử chết trước cho khỏe thân!

Tôi phản đối ý của anh:

-Anh Thuyên ơi, đừng làm như vậy! Thà để cho cộng-sản nó giết mình. Chúng ta không được quyền tự sát, hơn nữa làm như thế có ra gì?

Nghe tôi nói, anh Thuyên dừng tay lại. Từ đó chúng tôi luôn an ủi và nâng đỡ tinh thần của nhau. Phần tôi, luôn để ý tới các cử động của anh Thuyên, mặc dù tôi đã lấy miếng dao rồi.

Sự có mặt của anh Thuyên bên cạnh tôi trong hoàn cảnh lúc bấy giờ là một sự an ủi và nâng đỡ rất lớn cho cả tinh thần lẫn thể chất của tôi. Nhân nhớ lại câu chuyện này, tôi cũng muốn gửi tới anh Nguyễn Sỹ Thuyên tâm tình yêu mến thiết tha và lòng biết ơn chân thành của tôi. Mỗi khi nhớ lại cảnh tượng kinh hoàng của những ngày đầu tháng 5-1979 đó, tôi đều nghĩ rằng, nếu không có anh Thuyên bên cạnh trong những ngày đầu sau khi bị đánh đập giập nát cả người đó, chắc là tôi không thể nào sống sót được. Xin anh Thuyên hãy biết rằng, trong một ý nghĩa nào đó, chính anh là người đã cứu lấy mạng sống của tôi.

Những ngày tiếp theo, anh Thuyên và tôi vẫn thấy máu trong người ra nhiều quá nên chúng tôi gọi báo cáo cán bộ xin thuốc. Sau khi chửi bới một hồi, cán bộ đưa anh y tá, lúc bấy giờ là anh Điện, nghe nói là chánh án tỉnh Bình Dương, lên tiêm cho anh Thuyên và tôi mỗi người một mũi Vitamin K là loại thuốc cầm máu. Mũi thuốc tiêm này là ân huệ duy nhất của đảng ban cho chúng tôi trong suốt thời gian này.

Lúc đó, tôi tìm hết mọi cách cho máu bầm thoát ra khỏi thân thể, thoát càng nhiều càng tốt. Vài ngày sau, khi nước tiểu của tôi bắt đầu trong lại, tôi hứng lấy và uống mỗi ngày vài ba muống nước tiểu của chính mình. Một ít hiểu biết về y học cho tôi biết rằng trong nước tiểu có chất muối làm cho tan máu. Kết quả đúng như tôi mong muốn, mỗi khi uống thứ “thuốc” đó vào, tôi lại đi tiểu ra máu.

Tôi tiếp tục tự chữa cho mình như vậy trong thời gian chừng mười hôm, cho tới khi thấy trong nước tiểu không còn máu nữa tôi mới ngưng uống “thuốc”. Anh Thuyên cũng đã tự chữa trị cho anh cùng một cách thức như tôi. Nhờ cách đó cơ thể tôi dần dần khá lại và một tuần lễ sau có thể xoay trở người để đi đại tiểu tiện xuống sàn nhà. Nhưng phải mất ba tuần lễ tôi mới có thể ngồi lên được.

Tôi còn nhớ trong lần gượng dậy đầu tiên, anh Thuyên phải giúp tôi vì anh đã ngồi lên được trước tôi vài hôm. Anh dùng ống tay áo cột vào cổ rồi kéo tôi từ từ ngồi dậy. Sự cố gắng quá sức này làm tôi đau đớn tưởng chừng như cả bộ xương của tôi bị rời ra từng mảnh, nhưng tôi phải cố gắng ngồi lên, vì tôi nghĩ rằng nằm lâu ngày quá có thể bị liệt cột sống. Thời gian đó tôi sợ nhất là ho hoặc hắt hơi, vì mỗi lần ho và nhất là hắt hơi, cơ thể tôi bị giật mạnh làm các khớp xương như long ra và bay đi tung tóe, đau đớn không thể nào diễn tả được.

Mạng Người Thứ Hai

Mấy ngày sau tôi được biết hai anh Trịnh Tiểu và Lâm Thành Văn cũng bị đánh đập tả tơi và đang bị cùm chân trong nhà Nhà Đen. Cha Định cũng bị cùm bên đó, nhưng ở khác buồng. Khu kỷ luật Nhà Đen này sắp được phá đi và thay thế bằng khu nhà kỷ luật mới mà anh Thuyên và tôi hiện đang bị cùm.

Ngoài anh Tiếp bị giết một cách tức tưởi, bốn người còn sống trong vụ vượt ngục bất thành đang bị cùm ở hai nơi. Một tuần lễ sau ngày trốn trại, tôi được anh Nguyễn Tiến Đạt cũng đang bị cùm trên kỷ luật mới và được chỉ định làm trực sinh, báo tin anh Lâm Thành Văn bị Thi bỏ đói vừa mới chết. Nghe

tin này, anh Thuyên và tôi bàng hoàng xúc động. Một người anh em nữa đã ra đi . Mãi tới gần một tháng sau khi Nhà Đen bị phá bỏ, anh Trịnh Tiểu và cha Nguyễn Công Định chuyển khu kỹ luật mới và ở chung buồng tôi và anh Thuyên. Lúc bấy giờ anh Tiểu mới kể lại chi tiết về cái chết của Văn cho chúng tôi nghe.

Anh Trịnh Tiểu kể lại rằng, sáng ngày 2 tháng 5, khi vừa có ba tiếng súng báo động, cả anh và Văn đã bị cán bộ túm lấy đánh cho một trận, tuy không dữ dội như ba anh em chúng tôi bên ngoài nhưng anh Tiểu bị gãy một xương sườn. Sau đó cả hai người bị đưa vào cùm chung một buồng ở Nhà Đen.

Những ngày sau đó, Văn yếu nhiều vì vốn có chứng đau dạ dày khá nặng, lại bị đánh đập trọng thương và nhất là không ăn gì vào miệng. Từ trước tới nay, anh Văn có tiêu chuẩn ăn cháo trắng. Mỗi bữa ăn, anh được một bát cháo trắng và một muống muối hạt. Số muối này anh ăn không hết và thường chia cho các anh em trong buồng mỗi người một chút. Trước khi chúng tôi vượt ngục, trại cho ăn sắn thường xuyên, nhưng anh Văn vẫn ăn cháo với muối. Nhờ vậy từ khi có kế hoạch vượt ngục, chúng tôi để dành được mỗi ngày một ít muối phòng lúc ra rừng có muối mà ăn. Tới ngày vượt ngục, chúng tôi gom góp được chừng non bát muối.

Khi chúng tôi bị bắt, Thi đã xét thấy số muối đó trong túi của tôi và đó chính là nguyên nhân cái chết của Văn về sau này. Từ đó Thi không cho Văn ăn cháo nữa, mặc dù tiêu chuẩn trại vẫn có. Anh Tiểu kể lại rằng, khi gánh cháo lên tới khu kỹ luật, Bùi Đình Thi đá phăng cháo đi, bắt Văn ăn khoai hay sắn, những thứ mà Văn không thể nào nuốt được vì chứng bệnh dạ dày quá nặng. Bữa ăn nào anh Văn cũng kêu van năn nỉ, nhưng anh trật tự ác ôn trả lời một cách dứt khoát: “Cho ăn cháo để chúng mày lấy muối trốn trại à? Không ăn sắn được thì chết.”

Anh Trịnh Tiểu cho biết, trong suốt mấy ngày cuối cùng của cuộc đời, anh Lâm Thành Văn không có gì để bỏ vào miệng. Vì đang thời gian trại phải ăn khoai ăn sắn liên tục, anh chỉ uống nước cầm hơi. Đêm trước khi qua đời, Văn đã nói sáng như người nằm mơ và toàn nói về các món ăn. Có lần anh hỏi anh Tiểu là lon muối sả của anh đâu? Anh Tiểu nói làm gì có lon muối sả. Văn trả lời là lon muối sả người em dâu của anh vừa thăm nuôi đưa vào cho anh. Nghe như thế anh Tiểu biết là Văn đã nói sáng và chứng tỏ cơn đói hành hạ anh dữ dội.

Sáng sớm ngày cuối cùng của cuộc đời, Văn gọi Tiểu nhờ đỡ ngồi lên, vì anh không còn gượng dậy nổi. Khi Văn ngồi lên, với một chân trong cùm, chân kia co lại, anh ngồi gục đầu trên hai tay đang khoanh tròn đặt trên đầu gối. Anh ngồi yên một lúc lâu trong tư thế này, như vẫn thường ngồi hàng ngày. Thấy Văn đã ngồi yên, anh Tiểu bước chân không bị cùm xuống sàn, với lấy ống bầu đi đại tiện, nhưng mắt không rời Văn vì nhận thấy Văn đã có dấu hiệu gì hơi khác thường.

Trong khi anh Tiểu đang chân trên chân dưới vật lộn với cái ống bầu như vậy, chợt anh nhìn thấy Văn gục đầu mạnh xuống và không gượng dậy nữa. Anh gọi mấy tiếng không nghe trả lời, anh vội ném ống bầu xuống, đỡ Văn dậy, nhưng thấy Văn đã mềm nhũn! Lâm Thành Văn đã chết!

Anh Tiểu đặt Văn nằm cho ngay ngắn, vuốt mắt cho Văn và lên tiếng gọi báo cáo cho cán bộ. Anh Lâm Thành Văn đã chết vì đói! Anh chết dần chết mòn như ngọn đèn cạn dầu tới lúc phải tắt, khi chết, một chân Văn vẫn còn mang cùm!

Hai cái chết tức tưởi của anh Đặng Văn Tiếp và anh Lâm Thành Văn làm tôi đau đớn vô cùng. Niềm xúc động vẫn dâng trào như nén hương lòng tưởng nhớ đến hai người anh, đã cùng tôi chia sẻ khát vọng TỰ DO nhưng không thành.

Văn không thuộc nhóm 48 Quyết Tiến, nhưng anh từ trại Quảng Ninh đến. Tôi nghe kể lại, Văn và anh Đông cùng làm nghề lái xe khách và cùng bị bắt vì tội tham gia tổ chức Phục Quốc. Nhưng sau khi bị bắt một thời gian, hai người xích mích nhau vì những lời khai báo của anh Đông với công-an. Khi đến trại Thanh Cẩm, chuyện xích mích giữa hai anh trở nên trầm trọng. Một ngày kia, trong giờ chia thức ăn trưa, hai người cãi vã nhau, sau đó anh Văn dùng thanh sắt nhọn đâm vào lưng anh Đông. Vì lý do đó, anh Văn bị đưa lên cùm trên Nhà Đen một thời gian rồi đưa qua khu kiên giam. Văn đã ở khu kiên giam thời gian khá lâu trước lúc chúng tôi từ Cổng Trời chuyển về đây. Lâm Thành Văn chết đi để lại vợ và sáu con thơ, lúc đó đang ở xã Xuân Hiệp, Thủ Đức.

9 - “TÔI PHẢI SỐNG”



Người chết đã yên phận, mặc dù chết thật đau đớn và đầy oan nghiệt nhưng hai anh Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn cũng đã thoát khỏi địa ngục trần gian Thanh Cẩm. Riêng phần chúng tôi, ba anh em còn sót lại trong vụ vượt ngục đó, vẫn phải tiếp tục đền tội sống trong nhà kỷ luật suốt mấy năm trời. Nhà kỷ luật ở đây tự nó đã là địa ngục, có thêm trật tự Bùi Đình Thi vào, nó xuống sâu hơn mọi tầng của địa ngục và trở thành đày địa ngục! Nhưng ngay trong “Đáy Địa Ngục”, con người cũng có phần có số. Anh Trịnh Tiểu và anh Nguyễn Sỹ Thuyên may mắn hơn một chút vì không bị chiếu cố nhiều. Còn số phần của tôi kém may mắn hơn.

Phản Cha Nguyễn Công Định, vì không tham gia cuộc vượt ngục nên không bị đánh đập, nhưng cũng bị cùm trong nhà kỷ luật. Vì lý do đó, Cha Định rất oán hận chúng tôi, và sau này khi bốn người bị nhốt chung một buồng, đã có nhiều chuyện đau lòng xảy ra giữa Cha Định và ba anh em chúng tôi.

Trong tuần đầu sau khi bị đánh tã tơi, anh Thuyên và tôi bị cùm chân cả ngày lẫn đêm trong nhà kỷ luật mới. Cả hai chưa ai trở người được nên phải đại tiểu tiện và ói mửa ngay trên bệ nằm, xong dùng tay gạt phân xuống sàn và xé quần áo ra lau chùi. Tuy lúc ấy trong buồng có các ống bầu, dùng cho việc đại tiểu tiện, nhưng làm sao chúng tôi xử dụng được khi trở người còn chưa nổi?

Càng ngày đống phân trong buồng càng cao và bộ quần áo duy nhất của chúng tôi càng nhỏ lại. Tuy

vậy, tôi không hề cảm thấy mùi hôi thối gì cả, nhưng mỗi lần cán bộ đứng ngoài cửa sổ nhìn vào, tôi thấy họ phải đứng lùi ra xa và lấy tay bịt mũi lại. Lúc đó tôi mới biết là buồng mình kém vệ sinh! Tôi đang lo ngại, không biết xoay xở ra sao để che thân, khi áo quần đã xé gần hết, mà kêu xin nhiều lần cán bộ nhất định không cho, thì không ngờ anh Thuyên có giải pháp hay.

Sau khi đã ngồi lên được, anh Thuyên ngồi tẩn mẩn xé mảnh vải dài chừng ba gang tay, rộng một gang và tại bốn góc, cột dây vải khoảng hai gang. Nhìn thoáng qua trông như bộ Bikini của các bà các cô mặc khi tắm biển. Nhưng bộ "Bikini" này lại là hình chữ nhật, trông giống như loại điều giấy trẻ con hay thả chơi khi trời lộng gió. Với bộ "Bikini" này, khi mặc vào rất đơn giản, chúng tôi chỉ việc cột hai dây vải phía trước ra phía sau lưng, và hai dây sau lưng ra trước rún!

Tuy ăn mặc như vậy trông hơi có vẻ sexy nhưng gọn nhẹ, tiện dụng và đa năng. Khi cần, chỉ tháo hai gút dây ra là chúng tôi có ngay một khăn mặt để dùng. Thật tôi không ngờ, anh Thuyên là một giáo sư toán mà lại có khả năng bén nhạy của một nhà vẽ kiểu thời trang! Lúc bấy giờ không còn loại y phục nào phù hợp hơn cái "mốt" anh Thuyên đã sáng chế cho anh và tôi. Nhưng rất tiếc là mỗi người chỉ có một cái duy nhất, vì không còn vải để làm cái thứ hai.

Một buổi sáng trong tuần lễ thứ ba sau ngày vượt ngục, chúng tôi được tháo cùm lần đầu tiên và cho xuống sông Mã tắm giặt. Tất cả khoảng hơn 20 tù nhân trong khu kỷ luật, trong số đó có vài ba linh mục. Ai nấy trông thật bệ rạc, đứng xếp hàng đôi trước sân, tay ôm áo quần và các loại đồ chứa nước, chờ trật tự đếm số trước khi ra lệnh cho đi. Dĩ nhiên là có cán bộ vắc súng dài theo sau.

Lúc anh Thuyên và tôi mặc "Bikini" từ trong buồng 4 lê lét bước ra, tôi thấy mọi người trở mắt nhìn. Không biết anh em nhìn chúng tôi vì lối ăn mặc lạ đời, hay vì hai cái bộ xương biết đi, bị trét đầy cứt đá? Có lẽ cả hai! Hôm đó anh Thuyên và tôi không có gì để giặt, nhưng trước khi ra khỏi buồng, chúng tôi đã lẹ làng quơ hết số giẻ rách đã dùng trong việc đại tiện, vất rải rác dưới sàn, mang xuống sông giặt để dùng lại, vì chẳng còn đâu áo quần để xé nữa.

Vừa ra khỏi buồng, tôi bị quáng mắt và xiêu đảo, phải dừng lại hồi lâu mới bước đi, nhưng tôi lại không thể nhấc chân lên được vì quá kiệt sức. Người tôi bầm giập và tôi đã nằm một chỗ trong thời gian mấy tuần liền, nên gần như bị bại liệt. Cán bộ phải cho hai anh tù khác giúp kè tôi gượng bước đi. Anh Thuyên đỡ hơn tôi, có thể tự bước đi một mình nhưng trông dáng anh đi thật thê thảm. Hai chân dạng ra lét đi từng bước, lưng cong vòng như cái cạp nong, khi di chuyển, tưởng chừng đầu anh gần chạm đất!

Quãng đường tới bờ sông chỉ chừng hơn trăm thước, thế mà lúc đó tôi thấy sao đi mãi không đến nơi. Khi đi ngang qua hội trường giữa sân trại, tôi rùng mình nhớ lại cảnh tượng ở đây ba tuần trước với hình ảnh kinh hoàng của Bùi Đình Thi. Lúc này anh ta đi ngay sau lưng tôi vì tôi đang được diu lê từng bước, một cách mệt nhọc ở cuối hàng.

Khi tới nơi, cả bọn ùa xuống sông khua khoắng tắm giặt. Nước thượng nguồn sông Mã hôm ấy thật trong và cạn chỉ ngang tới cổ vì các ngày trước không mưa. Trầm mình trong dòng sông nước lạnh, tôi thấy rất dễ chịu. Nhất là vì đã tẩy rửa được bao nhiêu thứ dơ bẩn, cứt đá đang bám nặng trên người trong ba tuần lễ kinh hoàng vừa qua. Vừa kỳ cọ thân thể, tôi vừa nhìn các anh em, nhất là các anh em linh mục. Tôi thấy họ cũng đang nhìn tôi cách ái ngại nhưng không ai dám nói năng gì, chỉ có bốn mắt nhìn nhau thông cảm, vì tôi bị cảm tiếp xúc với tất cả mọi người. Hơn nữa, tôi biết là từ trên bờ sông lúc nào mắt của cán bộ và trật tự cũng dán vào tôi.

Tắm một chốc tôi đã thấy mệt thở dốc nên đứng yên đưa mắt hướng về phía xuôi dòng nước, bồi hồi nhớ lại cái hốc đá dưới gốc cây to bên bờ sông, nơi mà ba người đã ẩn nấp cách nay mấy tuần. Giờ này chỉ còn lại hai! Tôi không dám suy nghĩ tiếp, và cứ đứng yên ngâm mình trong nước nhìn đàn cá mương đang lao nhao ngụp lặn chung quanh mấy anh tù để kiếm ăn. Bọn cá mương này cũng già kinh nghiệm, biết rằng chỉ có tù đi tắm chúng mới được một bữa ăn thoải mái. Theo dõi đàn cá đang tranh ăn, tôi chợt suy nghĩ vớ vẩn: “Mấy con cá ngu này, chúng mày rớt được ghét của tao, nuốt vào không hóa đại cũng ói mửa!” Tôi nghĩ quần thể thôi, chứ cá mương ăn phân người, thì làm gì có chuyện ói mửa!

Một lúc sau có tiếng trật tự giục lên. Cả bọn chúng tôi lóp ngóp lội vô bãi cát lòi ngay lồi lên xuống. Lợi dụng lúc mọi người đang chen lấn không ai để ý, Cha Trần Văn Nghị, có lẽ vì thấy tôi “ăn mặc” quá thảm thương, đã lẹ làng dúm vào tay tôi cái khăn mặt đã giặt sạch vo tròn to chừng bằng cổ tay. Tôi vội vàng nắm lấy vì lúc bấy giờ đó là món quà rất quý.

Trên đường trở về buồng, tôi cảm xúc về tình nghĩa anh em và sự cảm thông Cha Nghị dành cho tôi. Tôi cảm thấy vui vì sự nâng đỡ tinh thần của các bạn tù, nhất là các anh em linh mục. Từ nay gia tài của tôi ngoài nửa manh chiếu rách, nửa cái chăn, một cái “Bikini” do anh Thuyên làm, còn có thêm cái khăn Cha Nghị vừa cho. Tôi mỉm cười tự nhủ: “Đời mình chưa đến nỗi nào!” Nhưng ở đời có mấy ai học được chữ ngờ!

Họa Vô Đơn Chí

Về tới buồng, mọi người lo giữ quần áo ra phơi trên các cánh cửa sổ. Tôi gần kiệt sức vì vừa leo lên hàng chục bậc xi-măng vào khu kỷ luật, nhưng cũng cố gắng giữ mớ giẻ rách và cái khăn Cha Nghị vừa cho ra phơi. Đó là loại khăn mặt khá lớn, màu trắng và có những ô vuông nổi lên như mặt trong của bao tử bò. Vừa vớ tay định máng cái khăn lên cánh cửa sổ, tôi bỗng giật mình vì câu hỏi quá bất ngờ từ phía sau:

-Lẽ! Cái khăn này ở đâu mà có?

Quay lại tôi thấy trật tự Bùi Đình Thi đang đứng ngay sau lưng tôi, một tay anh ta chỉ thẳng mặt tôi, tay kia chỉ cái khăn. Tôi thất kinh vì biết là tai họa tới nơi, nên vội nói dối:

– Tôi nhặt được dưới sông lúc đi tắm. Không biết của ai đánh rơi để tôi trả lại cho họ.

– Vô lý mà nhặt được! Nói thật đi, thằng nào cho mày?

Tôi vẫn giữ lập trường nhưng lần này bằng giọng khẩn thiết:

– Tôi nhặt dưới sông thật mà... anh Thi, có ai cho tôi đâu!

Bùi Đình Thi ngằn ngừ trong giây lát rồi bỏ đi. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Thoát nạn! Tôi cũng không biết nhờ nói dối hay ơn trên phù hộ mà tôi được thoát nạn. Khi anh trật tự đi rồi, tôi vội đi vào buồng, leo lên bệ xi-măng tường như đó là nơi an toàn. Nhưng tôi đã làm!

Chừng vài phút sau, Thi trở lại với người cán bộ võ trang có đôi mắt xước mà tôi không biết tên. Linh tính báo cho tôi biết chuyện chẳng lành, khi tôi thấy cả hai đi thẳng vô buồng tôi. Chẳng nói chẳng rằng Thi xông xộc tiến tới nắm lấy cổ tôi lôi xuống, tên cán bộ mắt xước thuận tay tổng ngay một quả đấm như trời giáng vào đúng cạnh sườn làm tôi gập đôi người lại. Vì đã quá suy nhược không thể chịu đựng được cú đòn đó, tôi kêu to lên một tiếng “Trời ơi!” rồi ngã vật xuống sàn. Có lẽ thấy tôi đã quá tệ, hay vì thấy tội của tôi không đáng trừng trị thêm nên anh ta đã dừng tay và đứng nhìn tôi, đang sùi bọt mép nằm oằn oại dưới đất, như con cá đang bị đập đầu.

Một lúc sau cán bộ ra lệnh: “Cùm cổ nó lại!” Bùi Đình Thi túm tóc kéo tôi lên và cùm chân lại. Vừa khóa cùm, Thi vừa mắng: “Đánh cho mày chừa! Nói dối quen mồm!” Trước khi ra đi, cán bộ mắt xước còn nhỏ đánh phệt một bãi nước bọt xuống sàn, không hiểu để tỏ thái độ khinh bỉ hay vì mùi hôi thối trong buồng đang xông lên. Mặc dù lúc chúng tôi đang tắm dưới sông, anh trực sinh, lúc bấy giờ là anh Nguyễn Tiến Đạt, đã rửa buồng và quét hết các đồng phân ra ngoài cửa.

Sau này tôi mới biết là Bùi Đình Thi đã đi hỏi các buồng ai cho tôi cái khăn và đã khám phá ra chính Cha Nghị đã cho tôi. Tội nghiệp cho Cha Nghị, ngài vì thương anh em mà bị nạn. Sau khi đánh tôi xong, anh cán bộ mắt xước và trật tự đi vòng ra phía trước, nện cho Cha Nghị một trận như tử, dập môi chảy máu và cùm chân ngài bảy ngày đêm. Bình thường thì chỉ bị cùm ban đêm! Về sau, tôi có dịp gọi qua xin lỗi ngài, nhưng Cha Nghị cười hề hề nói: “Lỗi quái gì? Được chia sẻ với anh một chút đau khổ là mình vui rồi!” Ngài còn nói thêm: “Tại hôm đó chúng nó đánh, mình đỡ trúng tay, chúng nó đau mới tức khí lên nện mình nhiều như vậy!” Nói xong câu đó, Cha Nghị lại nhe răng cười hề hề!

Tôi nằm liệt mấy ngày vì cú đòn hôm ấy. Ba tuần trước tôi bị đánh đập tàn nhẫn hơn nhiều, tuy nhiên lúc ấy cơ thể tôi còn khỏe mạnh nên có thể chịu đựng được. Và lại lúc đó, khi bị đánh đập quá nhiều, cơ thể trở nên tê dại và tôi không còn cảm giác đau đớn. Tôi gồng sức chịu đòn và không kêu la. Nhưng lần này lại khác, cơ thể tôi đã bị tổn thương trầm trọng đến nỗi một cơn ho hoặc cái hắt hơi cũng tưởng như xương cốt long ra từng mảnh.

Như thế, có thể hiểu được cú đấm như trời giáng vào cạnh sườn tôi hôm đó của anh cán bộ mắt xước,

làm tôi đau đớn chừng nào! Tiếng kêu “Trời ơi!” lúc đó là một phản ứng tự nhiên, tôi không thể nào kiềm chế được. Nhưng đó là tiếng kêu la duy nhất trong những lần tôi bị đánh đập trong nhà tù. Ngay cả trong trận đòn thập tử nhất sinh, như tôi sẽ kể về sau này, tôi cũng không kêu la như thế.

Nợ Đời Chưa Dứt

Sau vụ cái khăn mặt độ vài ba tuần thì Nhà Đen bị phá bỏ và số tù bị kỷ luật bên đó được chuyển sang khu nhà mới. Cha Nguyễn Công Định và anh Trịnh Tiểu vào ở chung buồng 4 với tôi và anh Thuyên. Buồng này nằm phía mặt sau của nhà kỷ luật. Lúc bấy giờ là mùa hè, trời nóng nực và oi bức, nhất là về đêm khi hơi nóng đã nung nấu nóc Nhà Bằng suốt ngày tỏa xuống. Buồng giam đã kín lại chật chội nên hơi nóng không có lối thoát ra đã biến căn buồng thành một thứ lò hấp bánh mì!

Mỗi ngày, chúng tôi chỉ mong tới giờ cho ăn để được hít thở chút khí trời khi cửa mở ra. Có lúc tôi nghĩ, nếu lúc bấy giờ Chúa ban cho tôi được ơn làm phép lạ, thì phép lạ đầu tiên tôi sẽ làm là có một lỗ hổng to bằng miệng cái lon sữa bò trở ra trên nóc nhà bằng, để hơi nóng dồn nén trong buồng có chỗ thoát ra và tôi có không khí để thở.

Vào những buổi tối của mùa hè oi bức, tôi có cảm tưởng không khí trong buồng đặc quánh lại như sữa hộp hoặc như kẹo mạch nha, và chúng tôi đã phải hít thở cái loại không khí “dẻo” ấy. Mặc dù đang vướng một chân trong cùm, nhưng ban đêm thỉnh thoảng tôi phải trườn người, cúi mặt sát sàn nhà, để tìm hít thở chút không khí còn sót lại bên dưới.

Lúc bấy giờ, tôi gần như chẳng còn quần áo gì. Khi ra ngoài đi tắm thì mặc “Bikini”, ở trong buồng thì ba anh em tôi đều trần truồng như người thời tiền sử. Riêng Cha Định không trốn trại nên còn giữ được một ít quần áo. Tôi có kêu xin mãi, nhưng cán bộ cũng chẳng cho áo quần để mặc. Một ngày nọ thấy một cán bộ lạ mặt khá lớn tuổi đi ngang qua bên ngoài cửa sổ, tôi gân cổ gọi to:

-Báo cáo cán bộ!

Cán bộ dừng lại, đứng cách xa song sắt cửa sổ một quãng, hỏi vọng vô:

-Anh nào gọi! Có việc gì?

Tôi trả lời thật lớn tiếng:

– Báo cáo cán bộ, tôi xin cán bộ một trong hai điều này: Hoặc là cho tôi áo quần để mặc, nếu không thì cho tôi một viên đạn. Tôi là con người chứ không phải là thú vật mà sống trần truồng!

Vi đã có dự tính trước nên tôi nói luôn:

-Nếu tôi chết trong nhà tù này thì thôi, nhưng nếu tôi còn sống, tôi phải tìm dịp nói cho thế giới biết cách đối xử vô nhân đạo đối với tù chính trị của chế độ Cộng sản Việt Nam! Tôi nghĩ rằng, trên thế giới này không một nước nào lại đối xử với tù chính trị cách dã man như vậy!

Có lẽ vì quá bất ngờ, ông ta đứng đó một lúc lâu không nói gì. Sau cùng hỏi:

-Anh tên là gì?

-Báo cáo cán bộ, tôi tên là Nguyễn Hữu Lễ!

– Anh thuộc diện gì?

– Tôi là linh mục Công Giáo.

Nghe nói thế ông ta cười nhạt và hỏi lại:

-Thế ra anh là dạng ‘cha cố’ hả?

Tôi trả lời cách nghiêm chỉnh:

-Báo cáo cán bộ, tôi đã nói, tôi là linh mục Công Giáo.

Ông ta hỏi tiếp theo:

– Anh làm gì bị kỷ luật?

-Báo cáo cán bộ, chúng tôi trốn trại.

Ông ta chậm rãi nói:

– Trốn trại à? To gan nhỉ!

.....

Không nghe tôi trả lời, cán bộ ngần ngừ một lúc rồi bỏ đi.

Tôi và các anh em trong buồng đang chờ đợi hậu quả của cuộc đối thoại này thì ngay chiều hôm đó, cán bộ sai trật tự Thi vất vào cho tôi một bộ quần áo, gồm một quần đen và một áo sơ-mi vải Oxford màu vàng còn khá mới, có đóng dấu “Cải Tạo” to tướng sau lưng. Mấy ngày sau tôi phải xé một đoạn ống quần ra dùng khi đại tiện và nếu trong những lần đi tắm tiếp theo mà tôi không nhặt được giấy báo hay giẻ rách nơi đồng rác thì số phận các tay áo rồi cũng sẽ như thế, vì không còn cách nào hơn.

Trực sinh khu kỷ luật bấy giờ là anh bạn trẻ tên Nguyễn Văn Hà, thay thế cho anh Nguyễn Tiến Đạt. Cả hai anh cũng là người trong nhóm 48 Quyết Tiến với tôi. Khi Hà vào buồng giúp đỡ các ống bầu phân và nước tiểu, anh thấy tôi xé ống quần dùng đi cầu bèn hỏi xin cái áo vàng để đổi thuốc lào. Tôi nói không có gì dùng khi đi cầu. Hà nói sẽ tìm cho một số giẻ rách dùng vào việc đó, vì cái áo vàng của tôi còn mới, xé các tay áo đi uổng lắm. Không nghĩ ngợi gì, tôi trao cho Hà cái áo. Ngay lúc ấy, tôi đâu ngờ rằng mình sẽ phải trả một giá quá đắt về việc này.

Mấy ngày sau tôi quên hẳn cái áo, và Hà cũng chẳng hề đưa tôi giẻ rách để dùng khi đại tiện như đã

hứa. Thật ra, tôi thấy chưa cần thiết lắm, vì tôi còn một ống quần đủ dùng tới ngày được đi tắm, khi đó tôi sẽ gạt qua đồng rác của trại nhật giẻ rách đem giặt sạch để dùng. Mỗi lần đi tắm là dịp vui, vừa được tắm giặt sạch sẽ, có khi lên trò chuyện vài câu với anh em các buồng khác hay anh em dưới “làng”. Khi cán bộ và trật tự lơ là, chúng tôi có thể gạt qua đồng rác trước trại, nhật nhanh một ít “chiến lợi phẩm”. Có lần tôi may mắn nhật được của quý, đó là cái bàn chải đánh răng đã mòn quá phân nửa, có lẽ của một anh tù nào dưới “làng” vất đi. Tôi mang xuống sông chùi rửa cẩn thận cho hết vi trùng và dùng luôn trong gần hai năm, cho tới khi đã mòn hết răng.

Vào một buổi sáng, chúng tôi được đi xuống sông Mã tắm như thường lệ. Sau khi trật tự mở khóa các buồng và đếm số xong, mọi người xếp hàng đôi đi xuống bờ sông. Lần này cũng chính anh cán bộ mắt xước vác súng dài theo sau canh giữ. Nhưng hôm nay chỉ có cán bộ mà không có trật tự đi theo. Vắng mặt Bùi Đình Thi, tôi cảm thấy thật dễ chịu. Các anh em khác cũng có vẻ thoải mái vì chúng tôi có thể trao đổi hay quan hệ linh tinh dễ dàng hơn, và dĩ nhiên là đồng rác bên ngoài cổng trại cũng được chúng tôi chiếu cố kỹ hơn.

Sáng hôm đó trời nắng ấm nhưng ánh nắng không gay gắt. Sau khi tắm rửa xong và trên đường trở về buồng, tôi thấy trong người sảng khoái lạ thường. Tôi ngửa mặt lên nhìn bầu trời trong xanh quang đãng và hít một hơi thật dài. Không khí trong lành chạy vào buồng phổi làm tôi dễ chịu. Tôi nở một nụ cười thật tươi và cảm thấy yêu đời, khi nhớ lại bao nhiêu tai nạn dồn dập trong mấy tháng trước bây giờ rồi cũng qua đi. Tôi đã bị đòn như tử hơn hai tháng rồi, và cơ thể tôi lúc này có phần phục hồi khá hơn. Tôi có thể tự bước đi, nhưng đi thật chậm vì còn quá yếu.

Vừa bước đi, tôi thầm nhớ lại câu người đời thường nói: “Hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai”, và nghĩ rằng tôi đã trả xong “nợ đời”. Trong chốc lát, tôi quên hết nỗi nhọc nhằn của cuộc sống hiện tại và cảm thấy yêu cuộc sống, yêu cảnh vật, yêu thiên nhiên, yêu con người, ngay cả những người đã hành hạ, đánh đập và ngược đãi tôi. Tôi âm thầm cầu nguyện cho họ, và lập lại câu nói của Chúa Giêsu khi Ngài bị đóng đinh trên thập giá: “Lạy Cha! Xin Cha tha cho chúng, vì chúng chẳng biết việc chúng làm.” Nói xong câu đó tôi cảm thấy trong lòng phơi phơi hân hoan.

Tôi lê lét bước đi cuối hàng, tay ôm một mớ “chiến lợi phẩm” lúc nãy thu nhật được ở đồng rác, làm lữ bước theo các bạn về buồng. Khi vừa tới nơi, tôi chợt thấy Bùi Đình Thi đứng trước cửa buồng và nhìn tôi bằng một cặp mắt hơi khác thường. Có anh cán bộ mắt xước cũng đang đứng bên cạnh. Tôi vội làm một cuộc xét mình chớp nhoáng, coi mình có phạm tội gì không và tôi yên tâm vì chẳng thấy mình có tội gì cả. Tôi nghĩ thầm: “Có lẽ tại mình sợ anh ta quá nên thấy anh ta nhìn, đâm ra hoảng thế thôi, chẳng có việc gì đâu!”

Tôi còn đang suy nghĩ lan man thì chợt thất kinh khi thấy trật tự Bùi Đình Thi, với vẻ mặt hầm hầm bước thẳng tới tôi. Tay trái anh ta cầm xâu chìa khóa to tướng, tay kia chỉ thẳng vào mặt gần đụng trán tôi, đôi môi run run hỏi:

- Lẽ! Cái áo vàng của mày đâu?

Tôi điếng cả người khi nghe câu hỏi đó! Người tôi tự nhiên chao đảo. Có cái gì như một dòng điện cực mạnh chạy rần rần dọc theo thân thể, khiến mặt tôi nóng bừng và các lỗ chân lông trong người tôi hở to ra. Một ít nước tiểu tự nhiên vọt ra quần, và tôi buồn đi đại tiểu tiện cùng một lúc!

Tôi chợt nhớ lại cái áo vàng mà tôi đã trao cho thằng Hà mấy tuần nay và biết là lúc chúng tôi đi tắm, Thi ở nhà đã lục soát kỹ luật và việc đã bại lộ. Đó là lý do tại sao hôm nay chỉ có anh cán bộ mắt xước theo xuống sông Mã canh giữ chúng tôi mà không có trật tự cùng đi như các lần trước. Đọc tới đây nếu có ai cho là tôi nhát胆 tôi xin chịu. Thành thật mà nói rằng lúc đó tôi sợ Bùi Đình Thi tới điếng cả người. Biết tai họa tới nơi, tôi vội nói dối:

– Tôi phơi áo trên cánh cửa sổ này, ai lấy lộn mấy hôm nay tôi tìm mãi không thấy, anh có thấy ở đâu cho tôi xin lại đi anh Thi.

– Sao thằng Hà nó nói mày đổi cho nó?

Tôi cảm thấy ù tai khi nghe tiếng “đổi”, vì luật lệ trong tù cấm mua bán đổi chác. Những người khác trong trường hợp này cũng gặp rắc rối huống gì tôi. Tuy đã tuyệt vọng nhưng tôi gắng gượng chống chế. Như người sắp chết đuối với lấy chiếc lá trôi bên cạnh, miệng lắp bắp tôi trả lời:

– Đâu có anh Thi! Tôi đâu có đổi! Chắc thằng Hà nó lấy lộn áo tôi rồi nói thế! Tôi đâu có đổi!

Trong lòng tôi lúc đó đang cầu mong sự thương hại của Thi. Tôi mong rằng anh ta sẽ tha thứ cho tôi vì thấy tôi quá sợ hãi và nhất là vì cái thân tàn ma dại của tôi. Tôi nhìn sang anh cán bộ mắt xước, nãy giờ đang theo dõi cuộc phán xét. Bộ dạng anh ta đã mất kiên nhẫn. Anh ta đứng yên không nói tiếng nào, nhưng hai bàn tay nắm lại chống lên cạnh sườn, các ngón tay đang co bóp liên hồi có vẻ ngứa ngáy khó chịu. Chợt Bùi Đình Thi chộp tay tôi dằn mạnh:

– Đi lại phía trước, mày nghe thằng Hà nói!

Anh cán bộ mắt xước vội đi trước dẫn đường với dáng đi lạnh lẽo khác thường. Bùi Đình Thi đẩy tôi đi giữa còn anh ta theo sau. Chúng tôi đi dọc theo con đường hẹp độ ba thước bề ngang, nằm giữa đầu hồi nhà kỹ luật và bờ tường dẫn ra các buồng phía trước. Tôi biết mình đang lâm nguy vì thằng Hà đã khai tất cả. Dù vậy, tôi vẫn còn hy vọng mỏng manh cuối cùng là mong thằng Hà sẽ làm cử chỉ anh hùng kiêu như “Lê Lai cứu Chúa”. Vì nếu nó có nhận ăn cắp áo thì cũng bị vài cái tát là cùng. Còn tôi, cho dù chỉ cần đổi cho nó cái áo thôi, cũng có lý do bị hành tội. Nghĩ như vậy nên khi còn cách buồng 1 của Hà khá xa, tôi gọi to lên cố ý làm ám hiệu cho nó:

– Hà ơi Hà! Sao mày lấy nhầm áo vàng tao phơi trên cửa sổ mà không trả làm tao kiếm mấy ngày nay. Anh Thi nói mày đang giữ áo tao. Trả áo lại tao đi Hà!

Tôi có ý bảo thằng Hà rằng tôi đã nói như thế, cứ nói vậy đi để cứu tôi. Nhưng có lẽ vì không hiểu ý tôi hay vì sợ bị đòn, nó nói vọng ra:

– Em đâu có lấy áo của anh! Anh đổi cho em ấy mà!

Chúa rất thánh ơi! Đó là câu trả lời tôi sợ nhất, nhưng ngược lại hai con người đi trước và sau tôi lúc này, chỉ mong có chừng ấy.

Bước Đường Cùng

Câu nói của Hà chưa kịp dứt thì bất ngờ một cú đấm như trời giáng của Bùi Đình Thi từ phía sau, tống vào lưng làm tôi bay tới trước. Anh cán bộ mất xước vội quay lại chụp lấy tôi và đấm vào bụng khiến tôi ngã ngửa ra phía sau. Trật tự Thi đón lấy đấm vào lưng tôi khiến tôi nhào tới phía trước. Cán bộ đấm vào bụng tôi té ngửa ra sau. Trật tự lại đấm tới. Cán bộ đấm lui... Cứ thế, kẻ đấm tới, người đấm lui làm bộ xương tôi bay đi bay về như hai cầu thủ đang chuyền nhau quả bóng trong một hành lang hẹp. Lúc bấy giờ tôi biết mình sẽ chết. Tôi muốn chạy nhưng chạy không thoát vì hành lang quá hẹp và đang bị chặn cả hai đầu. Hơn nữa tôi đã gần chết rồi, còn sức đâu nữa mà chạy! Lúc đó tôi không còn biết mình là ai nữa. Tôi như một con thú bị dính chân vào bẫy, có vũng vầy cũng không thoát ra được.

Cuộc hành tội kéo dài khá lâu. Trật tự và cán bộ thay nhau, mỗi người đã đấm tôi, đúng hơn là đấm vào bộ xương tôi chừng mười, mười lăm quả ở lưng và bụng. Đôi chân tôi yếu dần không còn chống đỡ được bộ xương, tôi bắt đầu ngã quy xuống đất trong khi miệng tôi lẩm bẫm: “Lạy Chúa! Xin nhận lấy linh hồn con!” Tôi nhắm mắt lại!

Hình ảnh cái chết lờ mờ hiện ra trong trí tôi. Cuộc đời tôi như thế là hết! Nhưng bỗng chốc tôi lại nghĩ: “Mình không thể chết như thế này được! Không thể được! Mình không có thể chết một cách phi lý như thế này được” Lúc đó tôi bèn dồn hết tàn lực của con người lên cổ họng và vận dụng tất cả ý chí, sức mạnh, sự quyết tâm và tất cả nhu cầu bảo toàn mạng sống của một sinh vật trước khi bị tiêu diệt để tôi hét to lên một cách khùng khiếp. Tiếng hét to nhất trong kiếp làm người của tôi. Tiếng hét to tới mức tối đa, mà cổ họng tôi có thể chịu được mà không bị vỡ tung bật máu ra. Tiếng hét to đến độ mà thân thể chỉ còn là bộ xương của tôi có thể chịu được, không bị bung rời bắn tung tóe ra từng mảnh. Tôi hét lên ba tiếng càng lúc càng to:

“TÔI PHẢI SỐNG!

TÔI PHẢI SỐNG!

TÔI PHẢI SỐNG!”

Tiếng hét vang dội núi rừng đó đã đốt cháy tất cả sức lực, khí huyết và ý chí còn lại của con người tôi như một thứ nhiên liệu bị đốt cháy rụi ra tro. Tôi không còn là tôi nữa! Không còn một thứ gì để sự

sống của tôi nương vào đó mà tồn tại nữa. Tôi nằm chờ chết!

Bỗng dưng bản năng sinh tồn trong tôi trở dậy một cách vô cùng mãnh liệt!

Tự nhiên tôi cảm thấy một sức lực phi thường ùa vào thân thể mà cả cuộc đời tôi cho dù là lúc sung sức nhất của tuổi đôi mươi cũng không thể có. Con người tôi như một quả bóng xì hết hơi bất ngờ được bơm căng cứng lên. Thân hình chỉ còn là bộ xương của tôi lúc đó tự nhiên biến thành thép! Lúc đó tôi nghĩ là tôi có thể quật chết và bẻ cổ một con bò mộng một cách dễ dàng như người ta bóp một con nhái. Đôi cánh tay khăng khịu như hai que củi khô của tôi tự nhiên có sức lao tới như viên đạn đồng bay vọt ra khỏi nòng súng. Đôi chân của tôi trở nên vững vàng như hai trụ cầu. Ý chí cao ngất trời lúc bấy giờ bảo tôi: “Chạy! Chạy! Chạy! Phải chạy thoát bằng mọi giá, nếu không chạy thì chết!”

Bất thần, như có một sức thiêng vô hình trợ giúp. Tôi bật vù lên, và nhào lộn như con sư tử bị thương. Tôi vọt quay lại, lấy hết sức lực húc mạnh vào Bùi Đình Thi. Vì quá bất ngờ không kịp đề phòng, và nếu có đề phòng cũng không thể nào chịu được sức mạnh của tôi lúc bấy giờ. Anh ta ngã bấn về một bên, té ngửa dưới đất. Tôi vọt phóng chạy như bay về buồng.

Bùi Đình Thi lồm cồm bò dậy rượt theo tôi bèn gót. Tôi biết nếu anh ta tóm được, chắc chắn hẳn sẽ giết chết tôi. Tôi nói điều này với tất cả sự xác tín, không phải suy luận để kết án con người.

Tôi hành động lanh lẹ như một con khỉ, phóng vô buồng, nhảy phóc lên bệ nằm, hai tay vồ lấy cái móng cùm bằng sắt nặng chừng ký rưỡi giờ lên và đứng trên bệ xi-măng cao thủ thế. Điều rất may mắn là lúc bấy giờ anh Thuyên đã rút song sắt xoắn 2 cái móng cùm ra, và để sẵn cái móng cùm của tôi ngay trên bệ nằm. Lúc đó tôi đã gần đứt hơi, há miệng thở hồng hộc vì trong cổ họng tôi hình như đang có cục than hồng và phải mở to miệng cho lửa phà ra! Bùi Đình Thi vừa trờ tới cửa buồng. Chợt thấy tôi đang đứng trên cao, tay cầm cái móng cùm quyết tâm thí mạng, anh ta còn đủ khôn nên khựng lại ngay cửa, cách chỗ tôi đứng độ 2 thước tây. Tôi trợn mắt hét thật to qua hơi thở gần muốn tắt nghẹn:

– Bùi Đình Thi! Tao đổi mạng với mày! Mày đã dẫn tao tới bước đường cùng. Bữa nay tao đổi mạng với mày! Mày vô đây! Vô đây! Vô đây!!!

Mặc dù đang điên tiết vì vô huyệt con mồi đã bị thương, nhưng Bùi Đình Thi không dám bước tới. Anh ta đứng tại cửa nhìn vào, cặp mắt tóe lửa, và cũng đang thở hồng hộc như tôi. Hai bên khóe mép anh ta đọng lại hai bệt nước bọt trắng to và nhễ nhãi. Anh ta nghiêng rặng nghe ken két, làm cái mồm bị kéo xuống méo mó dị dạng trông thật tởm! Bùi Đình Thi điên cuồng giơ thẳng tay chỉ vào mặt tôi nói: “ĐM mày Lẽ! Tao giế-ế-ế-ế-ế-t mày!”

Đây là lần thứ hai, Bùi Đình Thi đã dùng cách nói “ĐM mày Lẽ” đối với tôi! Nghe cách anh ta nghiêng chữ “giết” qua kẽ răng, tôi hiểu ngay chính cái móng cùm đã cứu mạng tôi.

Cán bộ mắt xước cũng vừa đi tới cửa buồng, có vẻ rất hài lòng trông thấy hai tên tù đang găm gù chực giết nhau. Nếu anh ta biết hai tên tù đó là một giáo dân và một linh mục, chắc là anh ta càng vui sướng hơn! Anh ta ra lệnh cho Bùi Đình Thi:

– Cùm cổ nó lại!

Thấy Bùi Đình Thi bước vào tôi nói:

- Báo cáo cán bộ, tôi không vào cùm. Nếu bị cùm anh Thi sẽ đánh tôi chết.

– Tôi bảo anh vào cùm!

– Nhưng cán bộ có bảo đảm là anh Thi không đánh tôi?

- Anh cứ vào cùm, tôi bảo đảm!

Có sự bảo đảm của cán bộ, tôi ngồi xuống để chân vào móng cùm cho Bùi Đình Thi xoắn thanh sắt qua khóa lại. Lúc anh ta cúi xuống, tôi nghe hơi thở hồng hộc và hôi tanh từ miệng anh ta thoát ra tràn cả vào mặt tôi làm tôi buồn nôn không thể chịu được. Tất cả cảnh tượng này diễn ra trước mắt các anh Trịnh Tiểu, Nguyễn Sỹ Thuyên và Cha Nguyễn Công Định. Cả ba người đang khẹp nép ngồi nhìn.

Lần đó tôi mới hiểu và cảm nhận được một loại sức mạnh của ý chí mà người ta thường gọi là bản năng sinh tồn. Bản năng sinh tồn là một bí mật của sinh vật, chỉ được khơi dậy khi sinh vật đó không còn phương cách gì để bảo vệ sự sống, lúc đó bản năng sinh tồn sẽ hoạt động. Trong đời tôi đã một lần phải dùng tới bản năng sinh tồn kỳ diệu này. Và nhờ có bản năng sinh tồn đó mà tôi còn hiện diện trên cõi đời này để chia sẻ kinh nghiệm đau thương nhưng vô cùng quý báu đó với các bạn.

Cơn Điên Loạn

Khi cán bộ và trật tự khóa cửa buồng và đi rồi, tôi nằm vật xuống bất động, kiệt lực, ngạt thở vì phổi tôi bị thương quá nặng không hô hấp được. Nằm yên một lúc tự nhiên cơn đau đớn của thể xác, sự suy nhược tinh thần và cơn uất ức làm tôi phát điên lên.

Với bản năng tự nhiên, tôi không còn cảm mình được nữa, tôi không còn nhớ mình là ai và cũng chẳng cần biết chung quanh đang có ai. Nằm ngửa trên bệ xi-măng với một chân dính vào cùm sắt, cổ tôi tắt nghẹn và nước mắt chảy ra giàn giụa, máu ở mũi tôi trào ra lênh láng. Tôi đã điên cuồng, lẫn lộn, giật chân bị cùm phát ra tiếng rầm rầm... rầm rầm... và tôi đã thốt lên những lời nguyện rửa, tôi gào thét: "Bùi Đình Thi ơi! Tao thề với mày! Tao thề với mày Bùi Đình Thi ơi! Sau này tao mà còn sống, tao sẽ tìm hết mọi cách bắt cho được mày và cả vợ con dòng dõi rấn độc nhà mày để tự tay tao mổ bụng móc gan mày, đặt trên bàn thờ hai anh Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn. Như vậy tao mới hả dạ, Bùi Đình Thi ơi! Bùi Đình Thi ơi! Bùi Đình Thi ơi!"

Trong cơn điên loạn và đau đớn tột cùng này, anh Trịnh Tiểu và anh Nguyễn Sỹ Thuyên đã vỗ về và

an ủi tôi. Anh Thuyên xé vải lau máu mũi cho tôi. Trong khi đó Cha Nguyễn Công Định ngồi bên kia dựa tường hát bản nhạc “Hè Về”: “Trời hồng hồng, sáng trong trong...” Thái độ này của Cha Định làm anh Trịnh Tiểu nổi giận, và anh đã cho nổ bùng một cơn thịnh nộ thật khủng khiếp. Buồng giam của tôi lúc đó trở thành một đáy địa ngục, một đáy địa ngục được hiểu theo nghĩa đen.

Phải một thời gian lâu tôi mới hồi tỉnh lại. Khi đã trở lại bình thường tôi cảm thấy thật hối hận vì câu nguyện rửa góm ghê độc ác đó của mình. Tôi cảm thấy mình thật sự là một kẻ yếu đuối, chưa làm chủ được chính mình như đôi khi tôi đã tưởng. Nhân tiện đây, tôi công khai xin lỗi các anh Trịnh Tiểu, Nguyễn Sỹ Thuyên và Cha Nguyễn Công Định, những người đã chứng kiến sự việc và đã nghe những lời nói độc ác đó của tôi. Tôi cũng xin lỗi anh Nguyễn Tiến Đạt, một tín đồ Công Giáo trẻ cùng ở khu kỷ luật với tôi lúc đó. Ngay sau khi biết tôi bị trận đòn chí tử, anh Đạt đang bị cùm ở buồng bên gọi sang an ủi tôi và có hỏi:

– Cậu Bảy nghĩ thế nào? Nếu sau này Bùi Đình Thi hối cải và xưng tội, liệu Chúa có tha cho anh ta không?

Lúc bấy giờ vì cơn tức giận đang sôi lên sùng sục, tôi đã trả lời Đạt bằng câu nói nghịch đạo lý và phạm thượng:

– Thằng đó hả? Nếu Chúa không vương chân bị đóng đinh vào Thánh giá, Chúa cũng sẽ cho nó một đạp rồi! Ở đó mà tha cho nó!

Chắc Đạt đâu có biết rằng, đã từ lâu tôi rất hối hận và xấu hổ, vì trong cơn tức giận tôi đã thốt lên lời bất xứng như vậy, từ cửa miệng của một linh mục, và do đó tạo gương mù gương xấu cho những người chung quanh, trong đó có Đạt. Đáng lẽ ra lúc đó tôi phải trả lời với Đạt rằng: “Nếu sau này anh ta thực sự sám hối, chắc chắn Chúa sẽ tha thứ. Vì lòng nhân từ của Chúa bao giờ cũng lớn hơn tội lỗi của con người.”

Vài lời về Trương Văn Phát

Tôi cũng muốn có vài lời về trật tự Trương Văn Phát. Tôi không nhớ có bị Trương Văn Phát đánh trong vụ vượt ngục và thời gian kỷ luật tiếp theo hay không. Tôi không nhớ nhiều về vai trò của Phát trong thời gian ở nhà kỷ luật, mặc dù lúc đó Phát vẫn còn làm trật tự phó cùng với Thi và vẫn lên xuống khu kỷ luật. Chỉ có một việc sau đây có liên quan tới Phát là tôi nhớ và nhớ rất rõ.

Vào khoảng tháng 7-1979, sau vụ vượt ngục 2 tháng, tôi đang bị cùm trong buồng 5 khu kỷ luật cùng với anh Nguyễn Sỹ Thuyên. Một buổi chiều nọ trong giờ điểm danh bên kiên giam, chỉ cách chúng tôi một bức tường, tôi nghe có tiếng la lối, tiếng chân người chạy, tiếng chửi bới, tiếng đánh đập một cách bất thường. Lúc đó chúng tôi ngồi trong cùm, đoán già đoán non, nhưng chẳng biết chuyện gì đã xảy ra bên khu kiên giam. Một lúc sau nghe có tiếng người lên khu kỷ luật, tiếng đám thù thụi, tiếng chửi bới, tiếng mở cửa buồng kế bên và chúng tôi biết là có người mới vừa bị đưa lên cùm.

Đợi sau khi trật tự và cán bộ đóng cửa buồng đi xuống, chúng tôi gọi vọng qua hỏi sự tình. Lúc đó mới biết người vừa bị đưa lên cùm kể bên là Cha Phạm Quý Hòa, một linh mục quăng 45 tuổi, người miền Trung. Tôi hỏi lý do và còn nhớ mãi câu trả lời đầy hài hước của Cha Hòa. Bằng một giọng miền Trung rất nặng, Cha Hòa nói: “Minh bóp ‘dại ngựa, bị ngựa đá!’” Mặc dù tình cảnh lúc đó thật đau đớn nhưng chúng tôi cười vang khi nghe câu trả lời đó của Cha Hòa. Sau đó ngài kể lại, khi bắt đầu giờ điểm danh buồng 3 khu kiên giam, sáu người trong buồng ngồi xếp bằng ngay ngắn trên bệ nằm, trật tự Trương Văn Phát đi vào điểm danh, tay cầm cái búa bằng gỗ dùng để gõ vào tường coi có chỗ nào bị đào bị khoét không.

Khi đi ngang trước mặt Cha Hòa, không hiểu lý vì do gì, hay chỉ vì ngứa tay, Phát nện cái búa một cú như trời giáng vào đầu gối Cha Hòa. Cha Hòa vụt nhảy xuống đánh trả lại Phát, làm anh trật tự bố láo này thất kinh vội chạy trở ra cửa thoát thân. Cha Hòa rượt theo, Phát quay lại ném chùm chìa khóa hàng mấy chục chiếc vào Cha Hòa, ngài né tránh kịp, chùm chìa khóa bay vào trúng cửa nhà cầu đánh “rầm” một tiếng và rơi xuống đất. Phát định chạy vào nhặt lại nhưng không dám vì Cha Hòa đang hờm bên trong.

Phát ta hờn vía lên mây! Vì mất chùm chìa khóa cửa các buồng giam, coi như anh ta đã mất mạng, nên vội chạy như bay xuống nhà cầu cứu với Thi và cán bộ. Ngay sau đó, cả hai tên trật tự và mấy cán bộ chạy vội lên khu kiên giam. Tới nơi, Thi vô buồng nhặt chùm chìa khóa và lõi ổ Cha Hòa ra sân, khóa tay lại, và hai anh trật tự thi nhau đập cho một trận mềm người. Sau đó đẩy Cha Hòa sang khu kỷ luật, vừa đi vừa đánh cho tới trước cửa buồng. Tôi dùng chữ “mềm người” theo nghĩa đen, vì sau đó mấy ngày khi được tháo cùm đi tắm chung, Cha Hòa bước đi vụng vẹo như người vừa ốm dậy. Sau trận đòn đó, Cha Hòa còn bị cùm hơn một năm trời trong nhà kỷ luật chỉ vì tội “bóp đá ngựa”!

Lon Nước Ân Tình

Tôi nghĩ là một thiếu sót lớn nếu tôi không nói lên cách công khai để cảm ơn một cán bộ có lòng nhân đã để lại một nét son trong đời tôi, ngay lúc tôi trong hoàn cảnh đau thương và tệ hại nhất ở nhà kỷ luật trại tù Thanh Cẩm.

Các cán bộ, nhất là những cán bộ trực trại, là những người trực tiếp ảnh hưởng tới sinh hoạt hàng ngày của chúng tôi. Nếu gặp cán bộ hiền hòa, chúng tôi đỡ khổ; nếu gặp phải cán bộ khó khăn hoặc hung ác, chúng tôi bị khổ đủ điều. Nên biết rằng, đa số cán bộ làm nhiệm vụ cai tù, nhất là cai tù chính trị là những người được huấn luyện để thi hành chính sách chuyên chính của đảng. Họ coi tù nhân chúng tôi là kẻ thù, và rất nhiều người đã biết họ phải làm gì với kẻ thù đang nằm trong quyền lực của họ.

Đại đa số cán bộ mà tôi đã gặp trong suốt 13 năm tù đã cho tôi một cái nhìn chung, phần đông họ chỉ làm việc như một nghề để sinh sống. Thỉnh thoảng có những người hành xử với tù nhân khắt khe và tàn nhẫn. Ngược lại cũng có những người hiền từ, dễ thương từ trong lời nói tới cách cư xử với tù

nhân. Những cán bộ này đã để lại trong lòng tôi sự biết ơn và quý mến. Như một đoạn trên tôi đã nói, đồng tiền có mặt phải và mặt trái của nó. Nếu thời gian sống trong nhà kỷ luật Thanh Cẩm có những cán bộ mà vừa nghe tới tên, hoặc vừa thoáng trông thấy từ xa đã làm tôi nổi da gà như Thượng sĩ Hoàn, Chuẩn úy Lăng, Trung úy Bộ, Thượng sĩ Khải v.v thì ngược lại cũng có người như Thượng sĩ Hạ, người cán bộ mà tôi muốn dành riêng một đoạn trong tập bút ký này để bày tỏ lòng quý mến và biết ơn.

Thượng sĩ Hạ là cán bộ trực trại trong ngày chúng tôi đào tường vượt ngục, có nghĩa là người chịu trách nhiệm về biến cố này. Bởi vậy, người mà tôi sợ nhất sau khi bị bắt lại không phải là ai khác ngoài Thượng sĩ Hạ. Hạ có thân hình cao lớn và rắc chắc, nước da ngăm đen, mái tóc bông bênh, mới nhìn qua thấy anh ta giống người Dân tộc thiểu số hơn là người Kinh. Điểm đặc biệt là anh có nhiều vết lang ben trên cổ và một ít trên mặt. Vì da anh khá đen nên các vết lang ben càng dễ nhận thấy. Tánh anh lầm lì, rất ít nói, mỗi lần lên khu kỷ luật hoặc kiên giam trong giờ cho ăn, anh thường đứng dựa vai vào tường, một chân đứng thẳng còn chân kia co lại gác chéo qua bàn chân kia. Cứ thế anh yên lặng nhìn trật tự chia thức ăn và nhìn chúng tôi đi lại nhưng chẳng bao giờ nói một lời nào. Sở dĩ tôi nhớ các chi tiết này vì trông anh lúc nào cũng có vẻ sầu đời hoặc như người đang thất tình, lúc bấy giờ anh khoảng chừng 27 tuổi.

Nhìn tướng người cao lớn, da đen ngăm và thái độ lầm lì, tôi rất ngại anh và dĩ nhiên là né tránh khi nào có thể tránh được. Tôi còn nhớ buổi chiều ngày 1 tháng 5-1979, chính cán bộ Hạ và hai trật tự Thi- Phát vào điểm danh buồng 1 kiên giam chúng tôi, và đêm đó chúng tôi đào tường vượt ngục. Sau khi vượt ngục thất bại, chúng tôi bị bắt lại và hành hạ dã man như tôi đã nói ở trên, nhưng điều đáng nói ở đây là tôi không hề thấy bóng dáng cán bộ Hạ trong số những người đánh đập chúng tôi lúc đó. Thay vào đó là thượng sĩ Hoàn, chỉ huy nhóm võ trang canh gác ban đêm trong ngày tôi vượt ngục, là người đánh đập và chửi mắng tôi nhiều nhất. Ngay từ lúc anh ta bắt chúng tôi từ dưới dòng sông Mã và cả lúc sau này khi tôi bị cùm trong nhà kỷ luật rồi, mỗi chiều lên điểm danh, Thượng sĩ Hoàn cũng đứng bên ngoài cửa buồng xỉ vả chửi bới tôi rất thậm tệ. Mỗi khi thấy thượng sĩ Hoàn và Bùi Đình Thi lên điểm danh, tôi ngán vô cùng! Cũng may là không phải chiều nào anh ta cũng lên điểm danh.

Sau gần một tháng kể từ ngày trốn trại và bị cùm trong nhà kỷ luật, tôi không thấy bóng dáng Thượng sĩ Hạ đâu. Tự dưng tôi cảm thấy mừng vì nghĩ rằng nếu gặp lại chắc là tôi sẽ no đòn với anh. Tôi thậm chí cầu mong cho cán bộ Hạ đổi đi nơi khác, vô tâm biệt tích, và đừng bao giờ quay lại trại này nữa. Vào một buổi xế trưa, chúng tôi được lệnh mang hết đồ đạc ra để khám xét. Việc này cũng thường xảy ra và không có định kỳ nhất định. Từ lúc có vụ vượt ngục của nhóm tôi, việc xáo trộn tù giữa các buồng có vẻ thường xuyên hơn.

Vừa khệ nệ ôm đồ đạc bước ra, tôi giật thót người khi thấy cán bộ Hạ và mấy cán bộ khác đang đứng dưới bóng cây ở đầu nhà cạnh bờ tường. Thấy cán bộ Hạ nhìn tôi chằm chằm, tôi lại càng lo sợ hơn. Điều mà tôi lo sợ cả tháng nay bây giờ đã tới! Tôi cúi đầu né tránh cái nhìn của cán bộ Hạ, và ôm mớ

đồ đạc để vào một góc khá xa nơi anh đứng. Lúc quay lại tôi vẫn thấy anh đang nhìn tôi, và tôi nghĩ giờ đến tội của tôi đã tới.

Thượng sĩ Hạ bước chậm chậm lại phía tôi. Tim tôi đập mạnh, người tôi nóng bừng trong khi đang chờ đợi để đón nhận điều tệ hại nhất sẽ xảy ra. Khi anh tới gần, tôi lên tiếng “chào cán bộ” theo luật trong tù. Anh chỉ khẽ gật đầu nhưng chẳng nói gì. Anh bước lại gần hơn, nhìn thẳng vào mặt tôi và nói nhỏ vừa đủ nghe: “Anh Lẽ, anh làm tôi mất tất cả!” Tôi rất ngạc nhiên và vui mừng trước thái độ hòa dịu một cách không ngờ của cán bộ Hạ. Tôi đáp lại một cách chân tình: “Tôi thành thật xin lỗi cán bộ, nhưng xin cán bộ hiểu cho hoàn cảnh của tôi.” Đó là câu đối thoại duy nhất với một cán bộ mà tôi phập phồng lo sợ cả tháng trời qua. Tôi thật không ngờ cán bộ Hạ là người có lòng nhân như thế.

Sau lần đó, thỉnh thoảng anh có lên điểm danh trên khu kỷ luật cùng với trật tự Bùi Đình Thi. Cán bộ Hạ vẫn làm lì như xưa, trên mặt và cổ vẫn còn các vết lang ben. Từ khi gặp lại trong lần kiểm tra đồ đạc dưới bóng cây, anh ta cũng chẳng nói thêm với tôi một lời nào. Cho tới một hôm vào quãng giữa tháng 7, gần hai tháng sau ngày chúng tôi bị cùm, trong buồng tôi có chuyện xảy ra.

Trời Thanh Hóa lúc này nóng như thiêu như đốt, nhà kỷ luật nóng bằng trở thành lò hấp người. Lúc bảy giờ anh Thuyên và tôi bị cùm trong buồng 5, mỗi ngày tiêu chuẩn nước được phát chung cho hai người là hai lon Guigoz (mỗi lon độ 3/4 lít), sáng một lon chiều một lon. Với lượng nước này, chúng tôi phải làm sao gói ghém vừa uống, vừa rửa ráy, vừa tắm, vừa giặt, vừa lau mồ hôi ban đêm trong cái lò hấp người này. Chúng tôi đã quyết định, bằng mọi giá phải để dành một lon nước qua đêm, vì ban đêm hơi nóng từ nóc Nhà Bàng đúc bằng xi-măng tỏa xuống, nóng không tưởng tượng được, cần có nước nhắm vào miệng cho đỡ khát.

Thời gian này trại thường cho tù ăn khoai lang với mắm chượp, là loại mắm cá thối được nấu ra thành nước. Mắm chượp tanh khủng khiếp, nhưng lúc bảy giờ chúng tôi lại thèm chất tanh nên mắm chượp vô tình lại trở thành món ăn ngon. Giờ cho ăn trên kỷ luật sớm hơn dưới “làng”. Ban trưa quãng 11 giờ và ban chiều quãng 4 giờ. Tiêu chuẩn hai người chúng tôi mỗi bữa ăn là ba củ khoai lang, to hơn đầu ngón chân cái một chút. Nếu chia ra mỗi người một củ rưỡi thì ít quá, nên tôi có sáng kiến, thay vì bẻ ngang thì chẻ dọc củ khoai, như thế mỗi người “giống như” được ba củ! Làm như vậy để đánh lừa cặp mắt, nhưng hình như cũng đánh lừa được dạ dày vì tôi thấy chia như vậy ăn vào “no” hơn và anh Thuyên rất phục tôi ở sáng kiến này.

Mỗi bữa ăn chúng tôi bẻ khoai lang ra, dĩ nhiên là cả vỏ, cho vào tô nước mắm chượp, chế thêm một ít nước lạnh vào, quậy cho đều và “húp”! Sau khi xong bữa “húp”, màn tiếp theo là uống nước. Ngồi trong lò hấp mà ăn khoai với mắm thối sẽ khát nước vô chừng. Con khát này không phải lúc đó mà thôi, nhưng sẽ kéo dài suốt đêm, nên việc để dành một lon nước qua đêm là yếu tố sống còn cho hai người. Những bữa “húp” của hai anh em tôi không có vấn đề gì xảy ra cho tới một ngày nọ. Hôm đó vì thèm thuốc Lào quá nên anh Thuyên, một tay nghiện thuốc Lào nặng, nói với anh trực sinh Nguyễn Tiến

Đạt làm sao tìm cho một bi thuốc Lào.

Buổi chiều cùng ngày, trong giờ đồ ống bầu và chia thức ăn, Đạt dúi vào tay anh Thuyên một bi thuốc Lào to bằng hột đậu, một que diêm và tí giấy bìa bao diêm. Tôi phải nói là Đạt đã cho anh Thuyên một kho tàng vô giá, vì từ ngày bị cùm trong kỷ luật đã gần 2 tháng, ngày nào anh Thuyên cũng nhắc thuốc Lào, bây giờ anh mới được toại nguyện. Khi làm việc này dĩ nhiên Đạt cũng phải gồng mình, vì nếu bại lộ thì Đạt cũng sẽ no đòn.

Chiều hôm đó, sau bữa “húp”, Bùi Đình Thi và cán bộ đã cùm chân chúng tôi lại và đi xuống, anh Thuyên nhờ tôi tiếp tay thu dọn các thứ trên bệ nằm cho gọn vì anh biết là sau khi hút thuốc Lào, anh sẽ say nghiêng say ngửa. Ai đã hút thuốc Lào thì biết, chỉ một đêm không hút, sáng hôm sau điều đầu tiên là say quắc khước, đừng nói chi gần hai tháng không có hơi thuốc nào như anh Thuyên. Vì trong buồng không có điều, nên anh phải dùng giấy quấn một cái “loa kèn”, nhét bi thuốc Lào vào đầu to của “loa kèn”, rồi ngậm nước trong miệng, châm lửa và...hít! Trước khi hút anh còn dặn tôi, nếu anh có say quá thì lấy tay nhấn nhấn vào ngực giúp anh thở, vì đã có người say thuốc Lào nghẹt tim không thở được mà chết.

Anh Thuyên chuẩn bị tinh thần để hít điều thuốc Lào “lịch sử” này, cẩn thận và trịnh trọng như một nghi lễ tôn giáo. Sau khi giúp anh bật được ngọn lửa, moi vào cái đóm bằng vải và kê vào đầu loa kèn, anh đã “hít...hít...hít” với tất cả sức lực của anh. Có lẽ trong đời anh Thuyên chưa bao giờ anh sung sướng như lúc anh đang ngửa mặt lên trời nhả khói ra trong lúc này! Bất thần anh ngã vật xuống! Ngậm nước trong miệng sặc ra ướt đầm, mắt anh đờ đẫn và sùi bọt mép!

Sau khi ngã xuống, cả hai tay anh quơ quơ trên không, cái chân không bị cùm của anh đá tứ tung. Miệng anh ú ớ gọi tên tôi, giọng đứt quãng: “Ông Lẽ ơi!, ông Lẽ ơi!...ông Lẽ ơi!...” Tôi thất kinh sợ anh chết, vội nằm xuống vuốt ngực anh, nhưng anh ta quay ngang, gạt tay tôi ra và cào cào lung tung như người đang bị ong đốt. Trong lúc say quá độ, anh Thuyên quơ tay đánh đổ lon nước “cứu mạng” duy nhất mà tôi đã cẩn thận nhét sát vào góc. Sở dĩ lon nước không thể để ở xa hơn được vì sau khi phát thức ăn chiều, chúng tôi đã bị cùm chân lại và mọi thứ phải được đặt vào tầm tay với để khi cần có thể lấy được.

Một hồi lâu anh Thuyên mới tỉnh lại và thất kinh trước việc anh đánh đổ lon nước. Lúc đó quãng 4 giờ chiều và chúng tôi phải đợi tới trưa hôm sau, tức là 19 tiếng đồng hồ nữa mới được phát nước! Khổ nỗi, ngay lúc bấy giờ tôi đã bắt đầu khát sau khi húp tô mẳm chược trộn khoai lang. Anh Thuyên cũng khát nước không kém gì tôi, nhưng lúc đó chúng tôi không làm gì khác hơn là chờ đợi cho tới giờ điểm danh, chừng đó có cán bộ lên để xin nước, mặc dù chúng tôi biết là rất ít hy vọng.

Riêng đối với Bùi Đình Thi chúng tôi chẳng có chút hy vọng nào. Điều quan trọng là cán bộ nào sẽ lên điểm danh khu kỷ luật chiều nay. Nếu gặp phải cán bộ Hoàn chắc chúng tôi chết mất vì không lần nào anh ta thấy mặt tôi mà không chửi bới. Có lần còn nhào vô buồng đập tôi mấy phát khi chân tôi đã xỏ

vào cùm. Nếu Hoàn mà lên với Bùi Đình Thi nữa thì vô phương.

Tới giờ điểm danh, chúng tôi đã khát gần cháy cổ. Nghe tiếng chìa khóa khua, chúng tôi mừng thầm, nhưng khi tới nơi nhìn ra chỉ thấy một mình Bùi Đình Thi. Có cán bộ nào đi sau hay không, chúng tôi không thấy. Khi trật tự mở khóa vào buồng kiểm tra cùm, tôi đánh bạo xin Thi cho nước uống vì đã lỡ làm đổ hết, không còn nước uống qua đêm. Thi trả lời: "Tiêu chuẩn nước của trại, chúng mày dùng đổ vào tường để đục tường đủ rồi, còn đòi nước gì nữa!" Thế là anh ta bỏ đi ra ngoài và khóa cửa buồng giam lại.

Lúc đó bên ngoài thấy có cán bộ bước tới, nhìn ra là cán bộ Hạ. Tôi mừng thầm trong bụng và tôi lớn tiếng xin cán bộ cho nước uống vì chúng tôi vô ý làm đổ hết và đang khát cháy cổ. Cán bộ Hạ chưa kịp trả lời thì Bùi Đình Thi đứng ngoài nói vọng vào cầu anh ta nói với chúng tôi lúc nãy. Nghe câu đó, cán bộ Hạ ngần ngừ như muốn từ chối. Cảm thấy như tới lúc lâm nguy, tôi xin tha thiết hơn:

-Xin cán bộ hãy lấy tình người mà thương chúng tôi, chúng tôi khát nước quá rồi. Đêm nay mà không có nước uống chắc chúng tôi chết mất!

Vừa nói tôi vừa bóp méo cái lon Guigoz cho lọt qua khe cửa sắt đưa ra bên ngoài. Cán bộ Hạ ngần ngừ một chút, xong ra lệnh cho trật tự:

– Anh Thi, đến bể lấy cho mấy anh ấy một lon nước!

Không còn cách nào khác, Thi đành phải vâng lời cán bộ, đến bên bể cạn và múc cho chúng tôi một lon nước. Nhưng khi trở lại thành cửa sổ, anh ta dẫn mạnh lon xuống làm nước đổ tung tóe và vui đi gần phân nữa. Đây là nước lấy trong bể cạn ở góc khu nhà kỹ luật. Bể này chứa chừng một thước khối nước dành cho tù giặt quần áo, và sau khi đổ ống bầu tay dính cút thì rửa trực tiếp vào đó. Tới chiều bùn sình và những gì nhơ bẩn đã lắng xuống và nước lại trong.

Phải nói anh Thuyên và tôi sống được qua đêm đó là nhờ lon nước ấy. Mặc dù đó là nước dơ nhưng có lẽ không còn vi trùng, vì theo tôi nghĩ tất cả vi trùng trong bể nước đó đã bị trúng độc chết hết rồi, còn đâu nữa để làm chúng tôi bệnh! Tôi không bao giờ quên ơn cán bộ Hạ và lon nước ân tình này.

Sau đó cán bộ Hạ rời trại một thời gian rất lâu. Cho tới một buổi trưa nọ vào năm 1986, tức là 7 năm sau, lúc đó tôi đã qua sống khu kiên giam mới cùng với các anh em linh mục khác, có lần cán bộ Hạ lên khu kiên giam thăm chúng tôi. Tình thế giữa tù nhân và cán bộ lúc này đã có sự gần gũi nhau hơn. Trong lần gặp lại đó, tôi có nhắc lại với anh về lon nước vào năm 1979 với lời cảm ơn chân tình, nhưng anh nói: "Tôi không còn nhớ!" Tôi trả lời: "Nhưng tôi còn nhớ và tôi sẽ nhớ mãi lon nước ân tình này". Nghe nói thế cán bộ Hạ nhìn tôi mỉm cười, nụ cười rất hiếm hoi trên khuôn mặt lầm lì cố hữu của anh. Đó cũng là lần cuối tôi gặp lại người cán bộ đã để lại trong tôi kỷ niệm thật đẹp về tình người trong nhà tù cộng-sản.

Gió Thoảng Trưa Hè

Không lâu sau đó, Bùi Đình Thi mất chức trật tự. Sự kiện này đối với tôi rất quan trọng, vì kể từ ngày đó cuộc sống tôi được nâng cấp: Từ đáy địa ngục, tôi được chuyển lên tầng trên của địa ngục! Ngày anh ta mất chức trật tự trong trại tù Thanh Cẩm cũng là một trong hai ngày vui mừng và hạnh phúc nhất trong 13 năm tù của tôi! Ngày đầu tiên là ngày 2 tháng 8 năm 1978, ngày tôi được chuyển ra khỏi trại trừng giới Cổng Trời!

10 - TẦNG ĐẦU ĐỊA NGỤC



Người ta thường nói: “Sống lâu lên lão làng!” Tôi cũng đã có lần thuộc dạng “lão làng” vào năm 1982, sau khi nằm liên tiếp ba năm trong nhà kỷ luật trại tù Thanh Cẩm. Với cái vốn thời gian đó, tự nhiên tôi trở thành “đại ca” trong khu kỷ luật lúc bấy giờ.

Kể từ khi tôi bị đưa lên cùm chân sau vụ vượt ngục bất thành ngày 2 tháng 5, 1979 cho tới lúc này, tôi cứ quanh đi quẩn lại trong sáu buồng của khu nhà kỷ luật. Tôi giữ vai trò người quản gia, trong khi các người tù khác chỉ là những khách vắng lai. Có người trụ lại một thời gian khá lâu đến hàng năm trời, nhưng cũng có những người ngắn hơn, lên đây một thời gian chừng vài tháng hay tuần hoặc vài ngày rồi trở xuống dưới “làng”. Cũng có người xuống “làng” ít lâu rồi lại lên khu kỷ luật như dân Âu Châu đi nghỉ hè ở vùng bờ biển hàng năm! Riêng tôi đã ba năm rồi, nhưng chưa được đi “nghỉ hè” lần nào. Cũng chính vì được tiếp xúc với nhiều đợt tù kỷ luật, chính trị cũng như hình sự, nên yếu tố “lão làng” của tôi được nhiều người biết tới.

Nếu yếu tố “lão làng” không mang ý nghĩa gì đặc biệt đối với nhóm tù chính trị thì ngược lại nó là vấn đề quan trọng, đôi lúc là nguyên tắc sống còn đối với những người tù hình sự. Nên biết điều này, giữa những người tù hình sự với nhau, sự kiêng nể các “đại ca” đã trở thành một thứ luật bất thành văn trong tù. Có những anh vì coi thường hoặc chệnh mảng việc tuân giữ quy luật này nên đã phải trả giá rất đắt. Suốt bốn năm qua tôi đã phải sống lẩn lộn với tù hình sự từ trại Cổng Trời về đây, nên đã có dịp chứng kiến nhiều trường hợp trả giá đó. Tùy theo mức độ nặng nhẹ khác nhau của các hình thức vi phạm nguyên tắc mà các tù nhân vi phạm bị “đại ca” ra hình phạt tương xứng theo luật giang hồ tù.

Nếu chỉ để cảnh cáo hoặc áp đảo tinh thần những “lính mới” để bắt phải đi vào khuôn phép thì chỉ cần sử dụng “chưởng”, hoặc “bẻ ngà”. Trường hợp nặng hơn thì bị “lấy cặp pha”, hoặc “xin cặp nạng”. Trường hợp nghiêm trọng và phải bảo vệ chỗ đứng thì đối phương sẽ được “cắt”. Những người tù hình sự có loại ngôn ngữ riêng bằng tiếng lóng. Gần như tất cả mọi người đều có một tên đệm kèm theo tên riêng. Và có một điều dường như ai cũng có thể biết được là họ chửi thề luôn miệng!

Hiện tượng “ma cũ ăn hiếp ma mới” trong giới tù hình sự là điều rất phổ biến và tự nhiên trong tù. Chắc hẳn nhiều người đã được nghe kể, và hơn nữa đã đọc những sách viết về đời sống ngục tù đề cập tới hình thức “tìm chỗ đứng” của các tù nhân cũ. Những anh tù mới vừa bước vào buồng sẽ bị những người cũ áp đảo bằng một trận đòn mềm người và bị bắt buộc phải khuất phục dưới trướng. Nếu người tù mới là tay hảo hán thì sau này sẽ “ngoi lên tìm chỗ đứng” bằng cách nào đó để nắm vai trò lãnh đạo.

Việc ngoi lên tìm chỗ đứng này được diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng điểm giống nhau duy nhất trong các cuộc tranh hùng đó là tính cách không khoan nhượng, nói rõ hơn là một mắt một còn. Vì thế, ngoài trường hợp những “đại ca” có tầm cỡ cao, nghĩa là những tù nhân khét tiếng mà ai nghe tới cũng phải cúi đầu chịu phục và dù ở đâu cũng có đàn em các cấp thì không nói, còn những tay mới vừa ngoi lên tìm chỗ đứng trong tù, khi đi ngủ chỉ nhắm một mắt. Ý muốn nói lúc nào cũng phải đề phòng kẻ bị thanh toán!

Dĩ nhiên các việc đó chỉ diễn ra trong giới tù hình sự. Dù vậy hoàn cảnh đã đẩy đưa tôi, một tù nhân chính trị, vào vị thế được kiêng nể trong giới tù hình sự tại khu kỷ luật này. Một sự việc xảy ra ngoài sức tưởng tượng mà trước đó tôi chưa từng nghĩ tới. Nó đột biến xảy ra vào một buổi sáng nọ khi cán bộ mở cửa và đẩy vào buồng tôi một anh tù hình sự còn trẻ măng, chừng ngoài 20 tuổi. Buồng tôi lúc đó có bốn chỗ cùm nhưng chỉ có ba người, tôi và hai anh tù Trung Quốc, còn một chỗ cùm trống dành cho anh tù mới này.

Chợt nghe tiếng mở khóa buồng, tôi vội lấy tấm chăn che ngang người, vì lúc đó cả ba chúng tôi đều trần truồng. Anh tù mới vừa bị đẩy vào đứng chết trân giữa buồng, vì từ ngoài sáng vào buồng tối làm anh quáng mắt. Anh ta cố gắng định thần trong một buồng giam nóng như hỏa lò và chắc chắn là rất thối tha này. Còn tôi ở đây đã lâu và nằm trong buồng đã quen với bóng tối nên tôi nhìn ra và thấy anh ta hầu như rõ mồn một!

Người anh trông nhỏ thó với mái tóc húi cao. Anh ôm trên tay chiếc chiếu cuộn tròn mà tôi biết bên trong là chăn và quần áo. Tay kia anh bưng một cái bát sắt có hoa màu đỏ, có đĩa sắt đặt lại bên trên, nên tôi không biết trong bát có gì. Dưới nách anh cặp một ống điếu cày có máng cái lon Guigoz lòng thông. Trong lúc anh tù mới đang chớp mắt nhìn quanh nhưng chưa thấy gì và nghe ba người chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Phổ Thông làm anh tưởng buồng này tất cả đều là tù Trung Quốc. Tôi nhận thấy trên mặt anh lộ ra vẻ sợ hãi. Có lẽ chưa kịp định thần thì cán bộ đã rút thanh sắt, xỏ chân anh ta vào cùm, khóa cùm bên ngoài buồng và đóng cửa bước ra. Cán bộ hành động nhanh như một cái máy, vì tôi biết anh ta không chịu nổi mùi hôi thối và bầu khí nóng như lò hấp của buồng giam.

Ban ngày trong căn phòng kín như cái hộp sắt có mở lò sưởi này, chúng tôi gần chết ngộp. Mỗi lần mở cửa là mỗi hồng ân trời ban, vì có không khí ủa vào buồng. Lúc đó chúng tôi thi nhau hít thở, càng mạnh càng tốt, càng nhiều càng tốt và cố rút vào buồng phổi không khí trong lành hiếm có để còn

được tồn tại. Đợi cho anh tù mới định thần xong, tôi lên tiếng:

– Mày thấy rõ trong buồng chưa? Mệt thì nghỉ đi.

Nghe tiếng tôi, anh ta rất mừng vì biết tôi là người Việt nên lễ phép nói:

– Em xin chào anh! Thưa anh có phải là anh ‘Nể’ (Lễ) không ạ!

Anh tù này nói thiệt là ngọng. Qua cách anh phát âm tên tôi, tôi hỏi:

– Sao mày biết tên tao?

-Ồi giờ! Anh ạ, đám bọn em có mấy thằng đi kỹ ‘nuật’ về, bọn chúng ca tụng anh ‘nắm’. Chúng bảo anh rất tốt!

Tôi phì cười:

– Xạo mậy! Mày tên là gì, làm sao mà bị đi cùm?

Có lẽ anh ta sợ, khi nghe giọng nói tôi cố tình tạo ra về “đại ca”. Càng sợ hơn nữa sau khi đã chớp mắt làm quen với bóng tối trong buồng và nhìn thấy hình dạng tôi đang cời trần, râu ria tua tủa rối ren vô trật tự, tóc tai bờm xờm đang ngồi cùng với hai anh Tàu to con và trần truồng như nhộng. Cảnh này mới bước vô, ai mà chẳng sợ. Anh ta trả lời cách khúm núm:

– Thưa anh, tên em là Huống. Em nhón một ít ‘nạc’ (lạc) của cán bộ, bị bể và đi cùm. À, em xin mời anh dùng bát cơm anh ạ!

Vừa nói Huống vừa vớ tay cầm cái bát sắt, mở đĩa đậy ra và nhẹ nhàng đặt bát cơm cạnh tôi.

Nhìn bát cơm, hai anh Trung Quốc lộ vẻ thèm thuồng tột độ. Bát cơm trắng quã là một bữa đại yến trong buồng kỷ luật đói triền miên này. Ngồi nhìn cả ba anh tù, tôi cảm thấy thương họ. Cuộc sống tù đầy đã biến đổi họ thành những con người không còn là chính con người thật của họ. Một người tù vừa bước vào cố nhịn phần ăn sáng còn của mình đổi lấy sự an toàn, còn hai người bạn Trung Quốc chỉ cần được ăn và không cần biết gì khác! Tôi hỏi Huống.

– Cơm này ở đâu mày có?

– Em còn ống gạo mới thổi trưa ‘lay’.

– Gạo mày lấy đâu ra?

-Em ‘nằm’ điếu đỏi gạo anh ạ. Bọn chúng vẫn gọi em ‘nà’ Huống “điếu cày” mà!

-Nếu đưa cơm cho tao thì mày lấy gì ăn?

-Em không đói đâu anh ạ!

Tôi đau lòng khi nghe câu đó, vì trong tù này ai mà không đói! Tôi bảo:

– Huống! Tao giả vờ hù dọa mày cho vui, mày đừng nghĩ tao như một tay đầu gấu hình sự. Ăn đi mày, ở đây chẳng chó nào mà chẳng đói.

Huống ngạc nhiên khi nghe tôi nói như thế, nhưng nó cũng chưa dám ăn. Tôi giục mấy lần nó mới dám bung bát cơm lên, miệng lí nhí nói: “Em xin anh!”

Tôi ngồi nhìn Huống “táp” vội bát cơm mấy cái đã hết sạch. Trông nó cũng đói không kém gì ba người chúng tôi trên khu kỷ luật này.

Kỹ Thuật Kiến Trúc

Nhà kỷ luật Thanh Cẩm là một nơi được nghiên cứu và thiết kế cẩn thận để tăng hiệu quả tối đa của tính chất độc ác trong việc trừng trị con người. Ở lâu trong đó tôi mới có dịp quan sát kỹ và đi tới kết luận: Không thể có một đồ án xây dựng nào tốt hơn khu nhà, mới vừa ba tuổi mà tôi là một trong số rất ít người được vinh dự là những thân chủ đầu tiên này.

Khu kỷ luật là một nhà nóc bằng hình chữ nhật có sáu buồng. Ba buồng phía trước trông ra một khoảng sân khá rộng và ba buồng phía sau mở cửa thông ra một lối đi hẹp chừng 3 thước, dẫn tới chân một bức tường đá xanh. Tường nhà dày 40 phân, mái nhà được đúc bằng xi măng cốt sắt. Mỗi buồng vuông vức với 3 thước mỗi chiều. Cửa sắt thật kiên cố và chỉ có một cửa sổ nhỏ 50 phân vuông chắn song sắt to bằng cổ tay em bé. Điểm đặc biệt mà tôi khâm phục sáng kiến là các buồng không phải cách nhau bằng một bức tường theo như các kiểu thông thường, nhưng buồng này cách buồng khác bằng một cái buồng xép bề ngang chừng một mét rưỡi, có cánh cửa chặn kiên cố bên ngoài.

Như vậy khi muốn bước vào buồng kỷ luật phải qua hai lần cửa, qua lần cửa gỗ vào buồng xép rồi mở cửa sắt vào buồng giam. Hai buồng giam có cửa sắt đối diện nhau. Tuy nhiên, vì nhu cầu có khoảng trống trống xi măng trước cửa buồng nên buồng 1 và buồng 6 nằm ở hai góc phía trước và phía sau chỉ cần qua một cửa sắt là vào buồng, trong khi tất cả các buồng khác phải qua hai lần cửa. Cái buồng xép nằm giữa hai buồng giam này là một sáng kiến thật độc đáo vì nó có ba công dụng thật rõ rệt. Thứ nhất là an ninh, người tù muốn vượt ngục phải qua hai lần cửa mới ra được. Thứ nhì là chặn không khí lại. Không khí muốn vào buồng giam phải qua hai lần cửa. Và ý thứ ba quan trọng nhất, cái thanh sắt to từ trong buồng giam xô qua các móng cùm ngoạm vào cổ chân những người tù được luôn qua một cái lỗ trong tường ló đầu ra buồng xép này và có ống khóa to khóa lại ở đây.

Như thế người tù ngồi bên trong buồng không bao giờ có thể đụng chạm tới cái ống khóa bên ngoài được. Chung quanh khu kỷ luật có tường cao ngăn cách với các khu vực khác trong trại, trên bờ tường có hàng rào kẽm gai. Đây chỉ là tường khu vực, chưa phải là bờ tường trại bằng đá xanh cao 5 thước bao bọc toàn thể trại tù Thanh Cẩm. Chỉ có một lối ra vào duy nhất là cổng trại được xây theo kiểu mẫu Khải Hoàn Môn (Arc de Triumple) của thành phố Paris bên Pháp. Cổng trại là phòng ở của cán

bộ trực trại và lúc nào cũng có lính canh.

Trong buồng có hai thớt nằm bằng xi măng hai bên một “phi đạo” ở giữa, mỗi thớt cao 80 phân và rộng cũng 80 phân dành cho hai người bị cùm. Thật sự tôi không nhớ rõ chi tiết về kích thước của cái thớt này, chỉ biết lúc bấy giờ chúng tôi gọi nó bằng cái tên khá dài: “Hai người thì thiếu, một người thì dư!” Như vậy sáu buồng khu kỷ luật chỉ được trang bị đầy đủ cho hai mươi bốn thân chủ. Có thời gian số người bị kỷ luật đông hơn 24 thì mỗi buồng có thể nhận thêm một tù nhân nằm dưới “phi đạo”, dĩ nhiên là không phải mang cùm. Ở kỷ luật mà không phải mang cùm cũng là một hồng ân. Thành thạo cán bộ chiếu cố cho vài người được hưởng đặc ân này. Riêng tôi không được hưởng quyền lợi này một đêm nào trong 1020 đêm ở nhà kỷ luật.

Thông thường những người đã ở lâu thì chỉ bị cùm một chân (cám ơn sự nhân đạo của đảng!). Thời gian ba tháng đầu bị cùm cả ngày lẫn đêm. Về sau chỉ cùm ban đêm, từ lúc cho ăn chiều cho tới quăng 7 giờ sáng hôm sau. Ngược lại, “những khách vắng lai”, tức là những người tù ở dưới “làng” bị phạt lên kỷ luật một thời gian ngắn, họ bị cùm một chân cả ngày lẫn đêm. Tuy nhiên, thời gian “tham quan” khu kỷ luật của họ chỉ kéo dài trong vòng một vài tuần lễ.

Buồng giam kín như bưng và tối đen. Chỉ phía ngoài gần cửa sổ có chút ánh sáng lọt qua song sắt, còn phía trong lúc nào cũng tối om om. Dù vậy, chúng tôi cũng không bị trở ngại vì đã quen với bóng tối. Từ bên trong buồng nhìn ra thấy bên ngoài rất rõ, nhưng từ ngoài nhìn vào qua song sắt cửa sổ thì không thấy gì bên trong. Nhất là những hôm nắng to người bên ngoài phải nhìn vào một lúc lâu mới biết có bao nhiêu người trong buồng. Trần nhà rất thấp. Đứng trên bệ nằm, có thể với tay gần đụng trần nhà, trên đó có bắt một bóng điện, ánh sáng leo lét và tắt từ 10 giờ đêm về sau.

Nhà Cầu “Nổi”

Buồng trống trơn không có thứ gì ngoài mấy cái ống bầu bằng luồng, một loại tre to và rỗng ruột. Đây là phương tiện toa-lét để tù nhân trong buồng đại, tiểu tiện vào đó. Trước mỗi lúc phát thức ăn trưa và chiều, một anh tù trực sinh vào từng buồng bưng các ống bầu phân và nước tiểu này ra đổ vào hố phân ở góc tường ngay trước cửa buồng 3 năm sát góc sân cập bờ tường phía trước. Hố phân này không có nắp đậy và đó là vương quốc của ruồi xanh.

Việc sử dụng nhà cầu nổi này không đơn giản, phải được chỉ dẫn và dĩ nhiên là cũng phải có kinh nghiệm. Lúc đó tôi đã là “con ma” trong khu kỷ luật rồi nên thích nghi hết mọi hoàn cảnh để sống còn. Việc sử dụng cái cầu tiêu lạ đời này không còn là vấn đề đối với tôi. Trái lại những “lính mới” thường gặp trở ngại trong những lần đầu. Lúc bấy giờ yếu tố “lão làng” của tôi lại có giá trị vì tôi phải mở một khóa cấp tốc hướng dẫn cách sử dụng loại nhà cầu “nổi” này như thế nào. Ban ngày lúc không phải cùm thì dễ hơn, nhưng lúc chân trong cùm mà buồn đi cầu thì không phải là chuyện đơn giản và trường hợp này “không thầy đố mày làm nên!”

Khi đi đại tiện, người tù phải dùng tới hai cái ống bầu, mỗi tay cầm một cái. Ống nước tiểu hứng phía trước và ống phân dĩ nhiên là phía sau. Trong khi thi hành bản năng sinh học tự nhiên của cơ thể con người, tù nhân phải ở thế đứng, hơi rùn người xuống một chút như thế “xuống tấn” của võ sĩ thái cực đạo mới đúng thế. Ống phía trước có thể là ống nhỏ, nhưng ống phía sau bắt buộc phải là ống có đường kính to và nhẹ. Yếu tố này rất quan trọng, vì trong lúc “thi hành nghĩa vụ” của bản năng, nói nôm na là “đi cầu”, người tù phải quàng tay ra sau để giữ cái ống bầu. Nếu ống này nặng quá thì kẹt đủ điều!

Có mấy lần ống này quá nặng, trong khi “đi cầu” ống đó càng lúc càng nặng vì phải chứa thêm, chứa thêm và cuối cùng người tù không thể giữ ống bầu sát vào hông đã vượt tay làm đổ phân tung tóe trong buồng. Nếu lúc đó có người đang ngồi ăn thì quả thật là bất tiện! Chúng tôi cố đi cầu vào buổi tối sau khi một chân đã dính vào cùm, một phần để tránh hai bữa ăn của anh em và phần khác cũng kín đáo hơn. Tuy nhiên, vào trường hợp bất khả kháng thì bất kể là ngày hay đêm, dù có phải đại tiện ngay trước mặt những người lúc họ đang ngồi ăn cũng không ai lấy thế làm phiền.

Vả lại, vì đã quen với cuộc sống tù quá ư là chật chội, bẩn thỉu và thiếu mọi tiện nghi tối thiểu của con người, nên chúng tôi chẳng ai cảm thấy mùi thối tha hôi hám gì trong cái buồng giam kín như cái thùng sắt này. Việc ai người ấy làm, chẳng ai để ý tới ai. Trong khi một người đang đại tiện thì có thể một anh khác đang ngồi ăn hoặc có người đang tập thể dục, ra cửa sổ hít thở, đang ngồi cầu kinh, chơi cờ hay may vá. Có mấy lần một vài “lính mới” vì chưa rành sử dụng ống bầu nên làm vương vãi đầy trên sàn nhà. Nhưng không hề gì, chốc nữa tới lúc cho ăn, chúng tôi sẽ nhờ anh trực sinh quét và hốt đi!

Ban ngày không bị cùm, “đi cầu” đã khó, ban đêm khi đã xỏ chân vào cùm mà muốn “đi cầu” thì quả là một cực hình! Lúc đó cần phải có một kỹ thuật cao hơn và những “lính mới” thường không làm được. Phần vì vướng một chân vào cùm, phần khác cổ chân họ còn nhiều thịt nên rất trở ngại trong cái móng cùm bằng sắt nhỏ hẹp. Trong khi đối với tôi và những “thường trú nhân” của khu kỷ luật lúc bấy giờ, cổ chân chúng tôi không to hơn cái ống bơm xe đạp bao nhiêu, nên việc xoay xở nhẹ nhàng khéo léo và lành nghề như một nhà ảo thuật.

Vào mùa hè, trời Thanh Hóa nóng như thiêu như đốt. Nhất là những ngày có gió Lào cộng vào, buồng kỷ luật biến thành cái hộp bằng sắt có mở lò sưởi ở số cao. Gió Lào là ngọn gió từ bên Ai-Lao thổi qua dãy Trường Sơn miền Trung Việt Nam, đưa hơi nóng từ dãy núi đá này qua các tỉnh miền Trung Việt. Hôm nào gió càng to thì càng nóng. Buồng giam chỉ có một cửa sổ duy nhất và rất hẹp, gió không thể lùa vào buồng được. Sức nóng hùng hực của mặt trời nung nóng nóc nhà bằng, ban đêm tỏa hơi nóng xuống buồng giam đã vắt cạn tới giọt nước cuối cùng trong thân thể gầy còm của chúng tôi.

Những đêm kinh hoàng như vậy, mỗi người trong buồng phải thủ sẵn một tô nước trích ra từ tiêu chuẩn nước trong ngày và một mảnh vải ngâm vào đó. Thành thạo lấy vải lau trên người cho da thịt tiếp xúc với sự mát lạnh của nước, sau đó vắt nước trở lại vào tô. Làm đi làm lại nhiều lần suốt đêm như

thế, khi nào kiệt sức thì ngã xuống nằm một chỗ rồi ngồi lên lau người tiếp. Sáng hôm sau nước trong bát đen như nước cống. Trong cơn chết ngạt đó, tôi thấy thứ quý báu nhất trên đời này không gì khác hơn là làn khí trong lành để con người có thể hô hấp và tồn tại. Một điều mà dường như không mấy ai để ý tới. Đó là hồng ân đầu tiên mà Thiên Chúa ban cho tạo vật. Lúc đó tôi cầu xin: “Lạy Chúa, nếu Chúa cho con có thể làm phép lạ thì phép lạ đầu tiên con làm là cho có một cái lỗ bằng hộp sữa trở ra trên nóc buồng, để không khí có thể lưu thông và con có thể hô hấp hầu bảo vệ mạng sống!” Tôi quyết tâm là nếu sau này còn sống, tôi phải nói lên cho mọi người, biết ơn và cảm tạ Chúa vì hồng ân cao cả của Ngài đã ban cho con người được có đủ không khí trong lành để hít thở.

Trong hoàn cảnh nghẹt thở đó, nỗi niềm hối hận trào dâng. Tôi hối hận vì có những lần trước kia tôi than thở oán trách vì bữa ăn không ngon, chai bia chưa đủ lạnh, đĩa rau không đủ tươi, chiếc áo không đẹp, chiếc xe không đúng kiểu, nhà cửa thiếu tiện nghi.... Và đặc biệt tôi muốn chia sẻ với những người may mắn, nhất là dân các nước tư bản, sinh ra trong nhung lụa, lớn lên trong tiện nghi, cuộc đời được bao quanh bởi thú vui và tiền của. Tôi muốn nói với những người may mắn đó rằng: “Các người đang ở trên thiên đàng mà các người không biết. Vì thế xin đừng bao giờ than trách về một vài bất tiện trong cuộc sống đã quá đầy đủ tiện nghi của mình, nhưng hãy biết mở tay ra bố thí và thương đến những kẻ khốn cùng!”

Những lúc nóng nực quá sức chịu đựng, chúng tôi đều trần truồng ngày đêm. Một phần vì mặc quần áo sẽ ướt đẫm và dán sát vào người không thể nào chịu được, phần khác, những người ở kỷ luật lâu như tôi không còn quần áo gì để mặc. Dường như ai cũng giống nhau trong buồng giam kỷ luật, chúng tôi chỉ chừa đủ một quần xé ống tới đầu gối và một cái áo xé tay tới sát nách, để khi cần phải ra ngoài hoặc lên cơ quan làm việc, còn bao nhiêu đều phải xé ra lau chùi khi đại tiện.

Trong thời gian kỷ luật, chúng tôi được xuống sông tắm mỗi hai tuần một lần. Tuy nhiên, nhiều khi cán bộ bận việc hay có gì bất thường thì phải chờ lâu tới ba tuần, nhưng ít khi nào quá một tháng mà chưa được tắm. Vì quá ba tuần mà chưa được tắm là bọn tù chúng tôi kêu la tru tréo điếc cả tai. Trong trường hợp đó buộc lòng phải cho đi tắm, nếu không phải vì lòng nhân thì ít ra để khỏi phải bị quấy rầy.

Thật ra đối với tôi lúc đó, việc được đi tắm sớm hay muộn hơn một tuần lễ không có gì đáng quan tâm. Điều quan trọng đối với tôi là cái đồng rác! Mỗi lần đi ngang đồng rác trước cổng trại là mỗi lần đời tôi như lên hương. Hai con mắt hoạt động tích cực để tìm nhặt những thứ cần thiết cho cuộc sống trong buồng như vải rách dùng đại tiện, bọc nylon làm nhiên liệu chất đốt, hoặc may mắn hơn thì ít giấy bao xi-măng làm vở viết học chữ Tàu, thứ ngôn ngữ tôi đang cố công học.

Cơn Mưa Trái Mùa

Đêm đó Huống nằm chung thớt với tôi. Tôi nằm sát vách và Huống nằm bên ngoài. Hai người nằm song song và đôi chân bị xoắn xù cùng chung một song sắt. Tôi cùm chân phải, Huống cùm chân trái. Một

lúc khá lâu, gần tới giờ tắt đèn đi ngủ, Huống kêu đau bụng và buồn đi cầu. Tôi cảm thấy như sắp gặp rắc rối.

Tôi vội ngồi lên chỉ cách cho Huống xoay người, bước một chân không bị cùm xuống sàn. Huống loay hoay cố gắng làm theo cách thức tôi bày, nhưng không được. Nó không biết xoay ngược người bước xuống sàn và quay lưng ra cửa sổ như thế nào. Tệ hơn nữa, trước đó 2 người đã đi đại tiện và các ống bầu đã nặng hơn. Trong lúc đang bối rối như vậy thì Huống đứng thẳng trên thớt và kêu lên:

-Anh ạ! Có giúp em! Khẩn trương “nên” anh, em đau bụng ‘nằm’ rồi!

Tôi đáp lời nhanh:

-Mày cố khắc phục, để tao bảo thằng Tàu nằm phía ngoài bên kia biểu diễn cho mày coi. Bước xuống! Mày đứng thẳng người trên bệ nằm như thế thì ỉa đại cái chó gì được! Sao không tuột quần xuống đi, còn xấu hổ à?

Tôi quay sang bảo anh Trung Quốc nằm bên ngoài ở thớt bên kia đứng xuống và biểu diễn màn đi cầu trong cùm. Anh Tàu bước một chân xuống và chụp lấy cái ống bầu biểu diễn cách đi cầu với chân trong cùm một cách nhẹ nhàng và đẹp mắt. Bên này Huống ta cố gắng tới đả để làm theo, nhưng mặt mày nhăn nhó kêu đau vì móng cùm cày vào cổ chân trong lúc anh cố gắng xoay người. Cổ chân anh gần chảy máu mà vẫn không xoay người bước một chân xuống sàn được, vì cổ chân anh ta to mà móng cùm lại nhỏ. Những móng cùm to hơn một chút thì bọn tù kỷ luật chúng tôi đã thủ mỗi người một chiếc như vật gia bảo của mình rồi, khách vãng lai phải chịu thiệt thòi hơn. Thấy không cách gì Huống có thể bước xuống sàn khi chân bị cùm, tôi hỏi:

-Mày có thể khắc phục tới sáng ngày không Huống?

– Chết mất anh ơi! Em chột dạ ‘nằm’ rồi, sắp sửa ra quần rồi anh ạ!

-Vậy mày đứng trên thớt làm được không?

-Em phải cố thôi! Em chột dạ ‘nằm’ rồi. Xin anh giúp chuyển ống bầu cho em với!

-Ban sáng mày ăn gì mà chột dạ?

-Em ăn “nạc” sống và uống nước “nạnh” vào! Khổ thân em!

Tôi bực mình nhưng buồn cười quá nói to nhưng thật vui:

– Khổ gì mày? Khổ tao thì có!

Nghe tôi to tiếng, Huống tưởng tôi nạt nên sợ cuống cuống vội vàng nói:

– Em xin anh! Em van anh!

Thái độ của Huống “điều cày” lúc này càng làm tôi tức cười không chịu được. Mặt mày nó nhăn nhó, tay chân cuống cuống. Thấy thế, tôi bước xuống cầm hai ống bầu lên và bảo nó:

– Vậy thì mày đứng trên bệ, tuột quần xuống, đứng dạng hai chân và rùn người xuống như cái thế con chó đang đứng ỉa! Mày có trông thấy con chó ỉa bao giờ chưa?

Huống đáp vội vàng:

– Có, có! Em còn ‘nạ’ gì chó ỉa cơ chứ!

– Được rồi! Một tay cầm ống bầu nhỏ hứng phía trước, tay kia cầm ống bầu to này áp sát vào sau mông. Phải nhớ áp thật sát vào mông nghe máy, nhưng máy thuận tay nào?

-Em thuận tay phải!

-Vậy máy dùng tay phải cầm ống bầu phía sau, vì nó nặng và khó điều khiển hơn cái hứng nước tiểu phía trước. Nhớ phải cầm thật chặt nghe chưa?

Tội nghiệp Huống! Anh ta vô cùng vất vả mới cầm được hai ống bầu cho đúng tư thế. Trong khi đó sự đòi hỏi càng lúc càng khẩn trương!

Chỉ dẫn cho Huống xong, tôi nằm dài thẳng người xuống và nhìn lên. Cái ống bầu “hậu vệ” của Huống đang chia thẳng vào mặt khiến tôi lo ngại. Tội nghiệp anh tù hình sự đang đứng trong một tư thế khom người rất kỳ dị. Đôi chân dang rộng, hai đầu gối co lại, người rùn xuống thấp và khom lưng cong người về phía trước. Tôi chưa trông thấy con người đứng trong tư thế đó bao giờ nên không biết diễn tả đó là cái thế gì! Nếu gọi thế “xuống tấn” trong thái cực đạo thì đôi chân phải dang rộng hơn, thân người phải thẳng và phải rùn người xuống thấp hơn mới đúng thế. Xem ra nó hơi giống cái thế của các vận động viên bơi lội trước khi lấy đà phóng xuống hồ bơi, nhưng chỉ giống ở cái lưng cong còn đầu gối các vận động viên phải thẳng, không thể như hai đầu gối của Huống trong lúc đang đứng ngay trước mắt tôi đây được.

Vì đã sống lâu năm ở đây, chứng kiến quá nhiều cảnh tù kỷ luật đứng đi cầu “nối” bằng hai ống bầu, nên tôi mừng tượng tới cảnh con chó đứng ỉa. Cũng may là Huống khá thông minh! Tôi vừa nói cái thế chó ỉa là anh ta hiểu ngay, nhưng lúc này anh ta biểu diễn không đúng lắm vì một cổ chân còn vướng vào cùm. Nhưng phải nói anh ta biểu diễn không đến nỗi tệ. Tay trái Huống cầm ống bầu nhỏ và dài phía trước coi bộ đã ổn, nhưng tay phải choàng ra phía sau dường như chưa làm chủ được cái ống bầu có đường kính khá to và nặng, vì bên trong đã có phân. Nằm dưới nhìn lên, tôi thấy tình thế quá đe dọa, tôi lo sợ lên tiếng:

– Huống! Huống! Đừng cầm trên miệng ống, không được đâu! Cầm ở lưng chừng một phần ba ống bầu mới được. Mày cầm như vậy làm sao thúc sát vào mông được!

Tôi càng lên tiếng anh ta càng lụp chụp. Tôi nghĩ rất nhanh, phải ngồi lên cầm giúp nó mới được, bằng không sẽ phải lãnh đủ. Tôi ngồi bật dậy, một tay vừa đưng tới ống bầu, chưa kịp nắm lấy thì bất thần tôi nghe một âm thanh lạ lùng và sắc nhọn như tiếng gió gào qua khe cửa: “Phụụụụ!” Đồng thời với cảm giác ấm và nặng như trận mưa tưới thẳng vào mặt tôi, cùng lúc với cái vị vừa chua vừa đắng ở đầu lưỡi! Tiếp theo là bản hòa âm ngay bên tai tôi, nhưng chẳng giọng nào ăn khớp với giọng nào. Có tiếng thì quá trầm như ếch kêu “Uỳụụ! Uỳụụ! Uỳụụ!” hòa với tiếng rít cao vút từng mây “Rooét! Rooét! Rooét!”

Bằng hành động phản xạ, tôi đưa hai bàn tay che mặt và nhắm mắt lại nên không bị nước bắn vào mắt. Nhưng từ tóc, đầu, mặt, hai mu bàn tay và dài xuống tới ngực lãnh trọn những gì tự nãy giờ bị nhốt trong bụng và đã hành tội Huống. Tôi chợt nhận ra phản xạ kỳ diệu của mi mắt. Nếu cái gì có thể làm nguy hại cho tròng mắt là nó tự động khép lại. Nhưng đôi môi con người lại không có được sự phản xạ đó. Nếu mi mắt chờ tới khi nhận lệnh của hệ thần kinh mới làm việc thì hôm đó không biết đôi mắt tôi sẽ ra sao.

Biết là tai họa xảy ra, Huống vội vàng quay người lại hét hoảng la lên: “Ồi giời ơi!Ồi giời ơi!” Trong lúc đó, một chân anh bị vướng trong cùm, tay kia cầm ống bầu phía trước, bàn tay phía sau bị ướt đẫm trơn trượt làm ống bầu nặng tuột rơi xuống đồ tháo, cút đái vương vãi nằm lãn lóc bét nhè trên chần chiếu của hai người! Tôi buột miệng kêu: “Trời ơi là trời! Biết nói làm sao đây?”

Sự việc xảy ra quá nhanh và bất ngờ khiến không ai kịp phản ứng gì. Hai người tù Trung Quốc bị cùm thốt bên kia nhìn thấy sự thể vụt ngồi lên chỉ trở và dùng tiếng tục tĩu nhất trong ngôn ngữ Trung Hoa để chửi Huống. Mặc dù Huống không hiểu tiếng, nhưng qua cách biểu lộ thái độ giận dữ anh ta cũng hiểu được hai anh tù ngoại quốc này muốn nói gì. Huống đứng chết trân run rẩy vì sợ hãi, luôn miệng kêu: “Anh ạ, em ‘nạ’ anh! Em ‘nạ’ anh xin tha cho em!”

Có lẽ trong thâm tâm lúc đó người tù hình sự đáng thương này nghĩ là anh ta đã phạm một lỗi lầm quá lớn trong tù là dám ỉa vào mặt “đại ca”, và tội này đáng chết! Huống ngồi bệt ngay xuống, không kịp lau chùi gì cả. Anh vội vàng cởi các nút áo ra mà tôi biết là để lau chùi cho tôi và chờ cuộc phán xét. Tôi cũng vội vàng ngồi lên và cởi cái áo đang mặc ướt đẫm ra lau mặt và lau tóc tai. Thấy tôi ngồi dậy, Huống quay lại chấp hai tay trước ngực lạy tôi như tế sao, đôi tay run rẩy, miệng lẩm bẩm:

– Em van ‘nạ’ anh, xin tha cho em! xin tha cho em!

Tôi chợt cảm thương Huống! Anh ta có tội gì đâu! Để bù lại cho nỗi lo sợ và thái độ van xin của anh, nên tôi buột miệng nói một câu hài hước làm Huống vô cùng ngạc nhiên. Cả hai anh Trung Quốc cũng lầy lảm lạp sau khi nghe tôi nói dịch ra tiếng Phổ Thông:

-Tao cảm ơn mày Huống! Trong kỷ luật tháng tắm hai lần, bữa nay mày cho tao tắm thêm một lần nữa là ba!

Nói xong tôi cười xòa, tay vỗ lên vai Huống và tiếp:

-Đừng sợ! Mày chẳng có lỗi gì cả. Đâu ai muốn như thế này. Chẳng qua vì hoàn cảnh mà anh em mình đành phải chịu!

Huống cảm động nói như muốn khóc:

– Em cảm ơn anh! Em cảm ơn anh thương em!

Vừa nói, nó vừa lấy áo mình lau người cho tôi. Tôi để yên cho nó làm việc đó, vì muốn chứng tỏ là tôi không buồn giận gì Huống cả. Chỉ có nụ cười của sự rộng lượng mới cứu vãn được tình thế lúc bấy giờ.

Lạ một điều là mặc dù lúc đó tôi bị phân người bê bết trên mặt mày đầu tóc, trên áo quần và chân mền, nhưng khi lau khô rồi, tôi lại chẳng nghe mùi thối tha gì cả. Điều này làm tôi ngạc nhiên về sự kỳ diệu của sự bão hòa khứu giác. Vì nếu trong hoàn cảnh đó mà khứu giác chúng tôi hoạt động một cách nhạy bén bình thường thì làm sao chịu được?

Đó là một tai nạn lớn, nhưng trong cái rủi cũng có cái may! May là việc này xảy ra chỉ còn cách năm ngày nữa là tới lượt chúng tôi được xuống sông Mã tắm giặt. Nếu tai nạn này xảy ra sau khi mới được đi tắm và phải chờ tới 15 ngày sau thì cũng hơi căng! Hôm ngày đi tắm, nước sông Mã thượng nguồn rất trong và mát đã giúp tôi tẩy sạch mọi thứ như bẩn trên người, và quần áo chăn chiếu cũng được giặt giữ cẩn thận. Hôm đó tôi lại cảm thấy mình trở nên thơm tho và tươi mát. Tuy nhiên, nhiều người khác lại không cảm thấy như tôi. Và câu chuyện sau đây chứng minh cho điều đó.

Một buổi sáng kia, nhóm tù trong khu kỷ luật chúng tôi cũng được ra tập hợp chung với tất cả những người khác dưới sân trại để cán bộ kiểm tra lại hồ sơ của từng người. Lâu ngày mới được ra sân và rất mừng khi gặp lại anh em. Tôi liền chạy tới ngồi bên Cha Cao Đức Thuận mà tôi gọi là “Bố Thuận”, lúc bấy giờ ở khu kiên giam. Cha Thuận rất thương tôi và chúng tôi đã từng sống và ăn uống sinh hoạt chung ở trại Cổng Trời. Lâu lắm không được gặp nhau, nên khi thấy Cha Thuận, tôi mừng quá. Và lại hôm đó lại được tiếp xúc tự do, nên tôi chạy ùa ngay tới bên Cha Thuận đang ngồi chung với các linh mục khác.

Điều làm tôi vô cùng ngạc nhiên là thái độ của Cha Thuận sao tỏ ra quá lạnh nhạt với tôi lúc đó. Tôi thực sự không hiểu sao con người nhân hậu đó lại mau thay tâm đổi tính như vậy. Hay cuộc sống khổ đau trong ngục tù đã biến “Bố Thuận” thành con người khác rồi chẳng? Lúc đầu tôi ngỡ là Cha sợ cán bộ vì tiếp xúc với tù kỷ luật, nhưng khi nhìn lại, tôi thấy cán bộ cho tiếp xúc tự do. Thái độ Cha Thuận làm tôi buồn nhưng không hiểu lý do.

Mãi về sau này, sau khi được tha ra khỏi nhà kỷ luật về sống chung với anh em linh mục khác, tôi mới biết lý do. Vừa gặp lại tôi, ngài nói ngay: “Chú còn nhớ hôm ra sân kiểm tra hồ sơ không? Thấy chú tôi

mừng và thương quá sức. Không ngờ con người chú quá tàn tạ và ra nông nổi đó. Nhưng khi chú tới ngồi cạnh bên làm tôi buồn nôn quá. Tôi suýt ói tại chỗ. Tôi không thể chịu nổi nên phải quay mặt đi, nhưng càng quay đi chú lại càng sấn tới. Lúc đó tôi không tiện nói, sợ chú buồn. Trời ơi! Người chú lúc đó thối tha và tanh tưởi như một đồng phân, không tưởng tượng được!”

Ăn Để Sống

Người ngoài nhận xét về tôi như vậy, nhưng cuộc sống trong buồng kỷ luật hằng ngày, thực tình chúng tôi không cảm thấy gì là khó chịu, là dơ bẩn cả. Việc ăn uống và tiêu tiểu cùng một chỗ trong nhiều năm liên tiếp khiến tôi không còn coi đó là vấn đề. Trong buồng không có mấy hôm là không bị be bét phân người. Nhiều hôm, các ống bầu không chứa hết và giờ mở cửa cho ăn khá muộn nên làm phân trong ống bầu sinh lên và tràn cả ra ngoài lối đi. Thậm chí có nhiều lúc, sau khi bụng các ống bầu trong buồng đem đổ vào hố phân xong, anh trực sinh trở lại chia thức ăn cho buồng. Chia xong anh bung tô canh vào để trên thành cửa sổ. Nhìn tô canh thấy phân người nổi lều bều trên mặt, chúng tôi chỉ việc dùng muỗng hớt ra vất đi và chia nhau húp! Thức ăn trong nhà kỷ luật chỉ có thế, chúng tôi phải ăn để sống còn.

Tù nhân trong kỷ luật bị phạt đủ mọi mặt, nhưng nặng nhất vẫn là phạt cái dạ dày. Khi đói người ta thèm nhất là chất ngọt và chất béo. Chất béo còn đỡ, nhưng thèm đường thì thèm một cách kinh khủng, thèm điên dại, thèm ngày thèm đêm, thèm cả trong giấc mơ, thèm cả trong trí nhớ và tự trách mình sao lúc thừa thãi đường thì lại không ăn. Có lúc tôi tự trách mình, tại sao lúc các cửa hàng, các chợ bán đầy đường, đường trắng, đường vàng, đường đỏ, đường cục, đường tán và đủ loại đường mà mình quá dại dột, không mua vài ba ký lô, hoặc 5 ký, 10 ký, 20 ký để ăn một lần cho đã!!!

Nhắc tới “đường” tôi nhớ lại một chuyện rất đau lòng. Sau khi bị đánh bầm giập vì vượt ngục trước đó vài tháng, tôi bị cùm chung với một số bạn tù trong buồng kỷ luật. Một ngày kia, một anh bạn tù được người nhà từ Sài Gòn ra thăm nuôi. Dĩ nhiên là người nhà đâu có hay anh đang bị cùm kỷ luật. Lần đó vì đang bị cùm nên anh bạn không được ra nhà khách gặp thân nhân, nhưng được nhận hơn chục ký thức ăn. Khi đưa thức ăn vào, cán bộ trực trại chỉ cho mang một ít thức ăn vào buồng, còn lại phải để trong phòng xếp bên ngoài. Cán bộ cho anh mang vào một ít thức ăn tươi và một gói chùng hơn ký lô đường móng trâu. Lúc đó tất cả đều đang đói và thèm thường đủ thứ.

Trong hoàn cảnh “lá rách đùm lá nát”, anh đã chia sẻ cho anh em trong buồng mỗi người một ít thức ăn tươi và một thỏi đường khá lớn. Không gì hạnh phúc hơn trong lúc này. Trống ngực tôi đánh như “trống châu” khi đưa tay nhận phần chia sẻ của người anh em bạn tù. Lòng tôi lâng lâng niềm xúc động. Miệng lắp bắp lời cảm ơn như em bé nhận được món quà quý mà em hằng ao ước. Tôi trịnh trọng đặt miếng đường xuống như nâng niu viên ngọc quý! Cứ sợ rơi, hoặc giả tự dưng nó biến mất thì chắc là tôi cũng “biến” theo.

Nhìn miếng đường mà tôi cứ mãi thầm cảm ơn anh bạn vì lòng tốt bao la đã chia sẻ cho tôi. Tôi nâng

niu và mân mê nó cứ như là chưa bao giờ thấy hoặc sờ tới miếng đường. Tạ ơn Trời và cảm ơn lòng tốt của người anh em bạn tù, tôi từ từ đưa thổi đường lên miệng, cắn từng miếng một như đưa dần cả hồn sống và sức sống vào người tôi. Cứ thế, tôi thường thức thổi đường cho đến khi nó bao trùm thân thể tôi trong mê mễ và hạnh phúc! Tôi mút mấy ngón tay đã từng nâng niu thổi đường như không muốn một chút hương vị ngọt nào bị lãng phí bay vào không gian vô tận. Sau giây phút mê mễ, tôi thấy nhớ da diết thổi đường mà tôi đã đánh mất vào thân thể tôi. Tôi nhớ và thèm nó như điên dại!

Thật vô cùng quý cho mỗi người chúng tôi khi nhận được được những gì anh bạn chia sẻ. Nhưng như tôi đã nói, trong cơn đói tột cùng đó tôi nghĩ có thể ăn một lúc chừng 5 ký lô đường mới đã cơn thèm! Nghĩ thương cho anh bạn, chắc chắn anh cũng thèm đường như tôi. Dĩ nhiên anh phải giữ lại cho riêng mình một phần quà mà gia đình mang ra. Vì tể nhị nên anh không ngồi ăn trước mặt mấy bạn tù còn lại. Đợi đến đêm anh mới âm thầm mở gói và nhẹ nhàng thưởng thức sự hạnh phúc như thiên đàng mà chất ngọt của đường mang lại.

Khổ nỗi, tôi nằm bên cạnh anh, mỗi lần nghe anh cắn miếng đường là ruột gan tôi lại quặn đau vì thèm khát. Tôi muốn phát điên vì thèm! Khi nghe tiếng anh nhai, tự nhiên cơ thể tôi run bần bật như người lên cơn sốt rét vì thèm đường. Tôi run mà không cách gì kềm lại được. Tôi cố nằm dịch ra, không chạm vào người sợ anh biết là tôi đang run. Bản năng sinh tồn thúc giục tôi mãnh liệt là phải mở miệng xin anh một chút đường để ăn cho đã cơn thèm, nhưng đồng thời lý trí tôi cũng còn đủ nghị lực phản kháng bản năng sinh tồn. Trong khi cơ thể đang run bần bật đó, tôi đã dùng hai ngón tay đút thật sâu vào hai lỗ tai để cố không nghe tiếng nhai sát bên tai.

Lúc đó tôi để tâm trí về dĩ vãng và nhớ lại thời trước lúc tôi còn làm việc ở Vĩnh Long. Một lần có dịp về Quận Chợ Lách chơi và ghé vào thăm gia đình Cha Oai là bạn tôi. Cha Oai có người anh làm chủ lò đường mía, lúc ra về anh biếu tôi 10 ký đường hột xoài làm quà. Mang 10 ký đường về tôi cũng chẳng biết làm gì với nó, mà để trong buồng thì đàn kiến lại tấn công. Tôi bèn gọi người quen nhận giùm và khi cô cháu mang bao đường ra khỏi phòng tôi cảm ơn rối rít. Lúc nằm nhớ lại tôi tự nghĩ: “Việc cho đi bao đường đó là hành động dại dột nhất mình đã làm trong đời!”

Mấy ngày sau anh bạn tù tốt bụng vẫn chia sẻ thức ăn cho chúng tôi, nhưng rồi lại có chuyện xảy ra. Một hôm, sau khi chia thức ăn ban chiều xong và cùm chúng tôi lại, hai anh trật tự Bùi Đình Thi và Trương Văn Phát mở cửa buồng xép và ăn cắp thức ăn của anh bạn tù, cho vào xoong đây nắp lại và mang ra ngay trước những con mắt chết đói của chúng tôi. Có lần anh bạn tù tức quá chịu không nổi, đứng trong buồng nhìn hai tên trật tự ăn cắp thức ăn của mình mang ra, anh định la lên “Quân ăn cắp!”, nhưng tôi ngăn lại vì biết hậu quả sẽ không lường được với hai tên hung thần này (hiểu theo nghĩa thật chính xác) trong nhà tù Thanh Cẩm lúc đó.

Trong khi tù đang chết đói thì thức ăn của anh bạn tù tốt bụng của chúng tôi lại bị để trong buồng xép! Mỗi ngày khi cho ăn, anh bạn tù đã phải van xin năn nỉ cán bộ mới cho nhỏ giọt một ít mang vào buồng.

Mấy ngày sau đánh mùi được thức ăn, bầy chuột đói trong trại tù chui vào tấn công ăn gần hết những gì hai tay trật tự Thi – Phát còn để sót lại và đáỉ ỉa be bét vào. Những ngày tiếp theo, lần nào gặp cán bộ anh bạn tù cũng năn nỉ “xin quà” như một điệu nhạc buồn kéo dài.

Cho tới một hôm Bùi Đình Thi thi chắm dứt bi kịch này bằng câu nói ngắn gọn: “Quà anh chuột ăn hết rồi!” Tôi nhớ mãi vẻ mặt đau thương của anh bạn tù khi nghe câu nói đó. Mà ai lại không cảm thấy đau khổ và xót xa khi bị kẻ khác ăn cướp một phần sự sống của mình? Trật tự Bùi Đình Thi nói đúng, quà của anh bạn đã bị chuột ăn hết rồi, cả chuột bốn chân lẫn “chuột hai chân”. Loại “chuột hai chân” ăn mạnh hơn nhưng nhân đạo hơn vì ăn mà không đáỉ vào chỗ còn lại, còn loại bốn chân thì “mất dạy” hơn, vừa ăn lại vừa đáỉ vào!

Anh bạn tù là người đầu tiên được gia đình thăm nuôi trong nhà kỷ luật mới này, và sáng kiến giữ quà lại trong buồng xếp của cán bộ sĩ quan công-an người Mường là trung úy Bộ, vô tình trở thành một tiền lệ. Một tiền lệ rất tai hại! Về sau này tất cả những ai có gia đình thăm nuôi hoặc nhận quà gửi theo đường bưu điện cũng phải chịu hệ thống này. Đám chuột đủ loại hoạt động mạnh hơn, trở nên mập béo hơn! Đám tù kỷ luật chúng tôi lại chịu thêm một cực hình mới của cái cảnh “Cắm treo để heo nhin đói!”

Người nhà chúng tôi từ miền Nam cách xa hàng ngàn cây số lặn lội ra tới đây thăm nuôi và quà cáp gọi ra tới trại cho chúng tôi thì bị chặn lại để xó cho “lũ chuột” hoành hành, trong lúc chúng tôi đang chết đói. Từ đó, những cái gạt đầu của cán bộ sau khi anh tù khổ chủ khép nép xin được ăn một tí quà của chính mình được coi là một ân huệ!

Vi đói triền miên nên tất cả những người ở kỷ luật lâu ngày như tôi chỉ còn lại có da bọc xương. Tôi vẫn còn nhớ được vài chi tiết về hình hài của mình lúc đó và có thể dùng than vẽ lại con người có đầu gối to bằng rưởi bắp đùi, bao nhiêu xương sườn lòi ra hết và bụng lép như bụng nhái.

Lúc xô chân vào cùm xong, tôi thường ngồi nắm cổ chân nằm gọn giữa vòng tròn ngón tay cái và ngón tay giữa, xoay đi xoay lại như đang nắm cái ống bơm xe đạp. Khi nằm ngửa trên chiếu, tôi phải dùng hai mu bàn tay lót dưới mông vì hai mảnh xương dẹp sau mông lòi ra, bén như một lưỡi dao mài sát thẳng xuống chiếu đau không chịu được. Tìm đâu ra cái gì để lót bên dưới, trong khi áo quần còn không có để mặc!

Cái Lưỡi Mèo

Thức ăn thì mùa nào thức ấy. Thông thường nhất là ngô, khoai và sắn, cơm trắng rất hiếm. Có khi còn cho ăn cả bã đậu nữa. Những hôm như vậy, chúng tôi đành phải nhin đói vì không làm cách gì có thể tống món đó vào dạ dày cho được, mặc dù đang đói mềm người. Có một dạo trại cho kỷ luật ăn bột lọc mà chúng tôi gọi là “lưỡi mèo”, vì những miếng bột lọc này trông thật giống cái lưỡi mèo. Trong kỷ luật tuy khổ nhưng thỉnh thoảng có cái vui của nó như chuyện lần đầu chúng tôi được cho ăn bột

lược.

Chiều hôm đó tới giờ cho ăn, anh trực sinh mang vào buồng tôi, lúc đó là 5 người, đặt lên thành cửa sổ cái nồi nhôm khá to hằng ngày vẫn dùng để đựng sắn, khoai. Khi nhìn vào, chúng tôi chỉ thấy miếng bột lược màu xám, to đúng bằng bao thuốc lá! Chúng tôi nhìn nhau lắc đầu hỏi: “Thế này là thế nào?” Và chúng tôi nghĩ là nhà bếp chia lộn phần ăn của một người cho buồng 5 người chúng tôi. Nghĩ thế chúng tôi không chia ra và ngồi chờ lúc điểm danh sẽ khiếu nại với cán bộ. Mấy tiếng đồng hồ sau đánh keng và cán bộ lên. Khi vừa tới buồng, tôi ngồi trong cùm nói vọng ra thật to:

– Báo cáo cán bộ, tôi có thắc mắc!

Anh cán bộ ngạc nhiên, tới bên ngoài cửa sổ hỏi vọng vào, giọng sắc như dao cạo:

- Gì thế?

– Báo cáo cán bộ, buồng này bị chia nhầm thức ăn.

Anh cán bộ tỏ vẻ ngạc nhiên:

– Sao lại có thế. Nhầm thế nào?

Tôi nói giọng quyết liệt hơn:

- Báo cáo cán bộ, buồng này năm người mà chỉ cho một phần ăn. Chúng tôi còn để đây chờ cán bộ giải quyết!

– Đâu, đưa tôi xem nào!

Tôi lẹ làng bước chân phải xuống sàn, chồm gần tới cửa sổ trong khi chân trái đang dính trong cùm giờ thẳng về phía sau như tư thế của người đang tập “Tai-Chi”. Tay tôi bưng cái bát sắt thủng đáy mà tôi đã vá lại bằng vỏ nhôm của cây kem đánh răng và cái “bao thuốc lá” nằm gọn giữa lòng bát. Khi vừa nhìn thấy miếng bột lược, anh cán bộ nói ngay:

– Các anh này buồn cười! Đây là tiêu chuẩn cho 5 người! Nhầm thế ‘lào’ được?

Tôi áp úng, trong lúc đưa một tay lên gãi đầu:

– Báo cáo cán bộ, nhưng...

- Nhưng cái gì? Cũng bằng ấy tiêu chuẩn bột, nhưng khi “lương” thì to ra, còn khi “nuộc” thì bé. Anh hiểu chưa?

Thấy tôi đứng lặng yên có vẻ chưa hiểu ra vấn đề, anh cán bộ vội kết thúc ngay cuộc đối thoại bằng câu nói tạo hiệu quả rất nhanh. Vừa nói anh vừa với tay cầm cái bát có “bao thuốc lá” nằm gọn lỏn bên trong và phán:

- Thế các anh có ăn không thì bảo?

Tôi sợ anh ta bực mình lấy “bao thuốc lá” đi thì khốn. Thà có ít còn hơn không, nên đáp vội, vừa nói vừa rút bát vào:

- Báo cáo cán bộ có, có, có! Chúng tôi ăn!

Người cán bộ mỉm cười bỏ đi. Tôi đoán không phải anh cười vì chúng tôi hiểu lầm phần ăn của một hay năm người, nhưng có lẽ cười vì thái độ của tôi trong câu nói sau cùng.

Những Thường Trú Nhân

Khu kỷ luật trại tù Thanh Cẩm có thể coi như một cơ sở cư trú. Ngoài tôi ra như một quản gia, còn lại ba hạng người khác làm thành nét sinh hoạt độc đáo của cơ sở này. Ba hạng người đó là những thường trú nhân, những khách kiều cư là những người tù Trung Quốc và cuối cùng là khách vãng lai. Thường trú nhân là những người ở đây dài hạn. Có những người đến đây ngay từ ngày đầu với tôi, có người mới dọn tới sau nhưng còn lưu lại sau khi một số có mặt ngay từ lúc đầu đã dọn ra.

Có mặt ngay từ buổi đầu với tôi gồm có những người dính líu trong vụ vượt ngục ngày 2 tháng 5 năm 1979 như các anh Nguyễn Sỹ Thuyên, Trịnh Tiểu và Linh Mục Nguyễn Công Định. Trong ba người này thì anh Trịnh Tiểu ở lâu nhất, có lẽ trên dưới hai năm. Ngoài ra có Linh Mục Phạm Quý Hòa dọn tới sau nhưng cũng ở đây thời gian rất lâu, vì tội “bóp dái ngựa”. Ngoài những người tù Trung Quốc mà tôi sẽ đề cập tới, thì có lẽ bốn người này sống trên kỷ luật lâu nhất, từ một tới hai năm.

Về phía các linh mục, ngoài Cha Hòa và Cha Định, tôi còn nhớ năm linh mục khác thuộc diện khách vãng lai là các Cha Trần Văn Nghị, Nguyễn Công Thành, Phạm Hữu Nam, Đinh Cao Thuần và Mai Quang Bao. Riêng trường hợp Linh Mục Phạm Chí Hùng vì bị cưa chân nên gửi tạm và ở một mình trong phòng 6 khu kỷ luật một thời gian khá lâu. Có chuyện lạ, Linh Mục Phạm Hữu Nam lại được xách gó ra về trong thời gian đang bị kỷ luật. Điều này làm tôi nhớ mãi, và sự kiện này càng củng cố thêm câu nói: “Không ai hiểu được chuyện cách mạng làm”. Một linh mục đang bị ở khu kỷ luật mà lại được xách gó ra về! Đúng là chuyện lạ khó tin nhưng có thật!

Trước đó không lâu có trường hợp bất ngờ của anh Nguyễn Đức Cảnh, trước kia là một phó Quận trưởng, dọn lên kỷ luật trong một đêm tối vào buồng tôi. Những ngày tiếp theo anh buồn rầu và tỏ ra thất vọng một cách rõ rệt, khác với thái độ chịu đựng của đa số người bị đi cùm. Tôi hỏi lý do, anh cho biết là dưới “làng”, anh thuộc diện cải tạo rất tốt, không hề bỏ một ngày lao động, không hề phát biểu linh tinh, chưa bao giờ vi phạm nội quy và các điều khoản “nếp sống văn hóa mới!” Vì thành tích lẫy lừng như vậy nên anh tự nghĩ rằng trong đội anh nếu người được tha về phải là Nguyễn Đức Cảnh, không thể rơi vào ai khác.

Vào thời đó, ngoài những dịp thông thường có đợt tha như Tết Tây, Tết Ta, lễ Quốc Khánh, lễ Lao

Động v.v... còn có những trường hợp “đột xuất” được gọi tên ra về, và điều này càng kích thích nhiều người nuôi hy vọng.

Chiều tối hôm đó, trật tự Bùi Đình Thi vào buồng gọi: “Anh Nguyễn Đức Cảnh, mang tất cả nội vụ ra!” Cảnh ta nghe gọi tên mình, tưởng là được gọi ra về sướng như lên mây xanh, mặt mày tái mét. Các anh em trong buồng bu quanh bắt tay chúc mừng. Cảnh tay chân run rẩy vì niềm vui bất ngờ quá lớn, vội vàng phân phát tất cả thức ăn và đồ đạc cho các bạn trong buồng. Anh còn thức ăn khá nhiều vì cô chị vợ mới ra thăm nuôi mấy ngày qua, vợ anh đã vượt biên và đang ở Mỹ gửi tiền về khá rộng rãi cho cô chị giúp thăm nuôi Cảnh.

Anh vẫy tay chào anh em và bước ra khỏi buồng, chỉ có mấy bộ quần áo trong cái túi xách nhẹ tưng. Khi ra tới ngoài, trật tự Bùi Đình Thi đưa Cảnh thẳng lên kỹ luật, mở cửa tổng vào buồng 3 của tôi. Cảnh vào buồng kỹ luật mang tâm trạng của con người vừa trên mây rớt xuống. Vừa thất vọng, vừa bị cùm chân, vừa sử dụng cầu tiêu ống bầu, lại vừa không thể nào nuốt được mấy củ sắn luộc chấm nước muối trong khu kỹ luật, trong khi tất cả thức ăn bổ béo từ Miền Nam đưa ra, Cảnh đã phân phát hết rồi. Cái lon Guigoz là bấu vật để đựng nước uống trong nhà kỹ luật anh cũng không có, anh còn nói là vừa cho đi gần hai chục cái lon Guigoz.

Mấy ngày sau Cảnh như người mất hồn. Tối giờ cán bộ lên cho ăn, anh hỏi cán bộ anh bị tội gì mà lên đây, cán bộ trả lời: “Anh này buồn cười! Tội của anh mà anh không biết thì làm sao người khác biết? Anh đừng có giả vờ!” Cảnh ta điên đầu vì câu trả lời kiêu huê tiền đó! Một hôm anh hỏi trật tự Bùi Đình Thi. Anh hỏi mãi mới được Bùi Đình Thi chiếu cố và trả lời như sau: “Anh thì cải tạo tốt nhưng anh lại quan hệ với người cải tạo không tốt!”

Lúc bấy giờ Cảnh mới vỡ lẽ ra. Mấy ngày trước trong buồng có một người tù nằm kề bên anh, ăn nói linh tinh đụng chạm tới chính sách. Cảnh ngồi dựa lưng vào tường nghe mà không chịu đi báo cáo. Có người khác lại báo cáo việc này với trật tự. Thế là Cảnh bị vác chiếu đi cùm. Nếu tôi nhớ không lầm thì phải hơn một tháng Cảnh mới được xuống làng để bắt đầu chu kỳ “cải tạo tốt” khác. Tôi còn nhớ mãi lúc Cảnh buồn quá, luôn miệng hát đi hát lại bản nhạc có mấy câu sau đây: “Ngày một ngày hai tiễn biệt nhau. Chẳng được cùng nhau chung lối sấu. Nhớ chuyện thế gian cười ngặt nghèo. Cùng buồn những chuyện thế gian đau!”

Anh Cảnh là một tín đồ Công Giáo ngoan đạo, và tôi rất quý mến anh trong thời gian sống chung trong khu kỹ luật.

Những Khách Kiều Cư

Sự có mặt của 15 người tù Trung Quốc trong khu kỹ luật suốt thời gian tôi ở đó cũng tạo cho cuộc sống có vẻ riêng biệt. Khi tôi ở kỹ luật được 3 tháng thì toán tù Trung Quốc từ khu K2 chuyển vào đây. Trông họ rất bệ rạc, rách rưới, lang thang lếch thếch, tay xách nách mang. Nhìn vào biết ngay là “ba

tàu"! Trong nhóm có vài anh rất cao và to. Có nhiều người gầy còm và vài anh nhỏ thó, tạo thành một nhóm người đầu thừa đuôi thẹo. Tới nơi, họ được phân chia ra các buồng kỷ luật và sống lẫn lộn với những người tù Việt Nam, cả chính trị lẫn hình sự. Hỏi ra tôi mới biết những anh tù Trung Quốc này có người đã bị giam hàng chục năm rồi và đã trải qua nhiều trại khác trước khi được chuyển về đây. Tất cả đều mang chung tội danh là "Gián điệp Trung Quốc".

Sống chung một thời gian, tôi biết có mấy anh qua biên giới để buôn bán thuốc men, đồng hồ, vài vóc mà bị bắt. Cũng có vài anh vì hoàn cảnh chính trị phải chạy thoát thân qua biên giới tìm cách trà trộn vào với đồng bào thiếu số, thay danh đổi họ để tìm cách sinh sống. Có người tìm đường vượt biên qua Miến Điện. Có anh là Vệ Binh Đỏ của Mao Trạch Đông trước kia, nay bị trả thù phải chạy trốn.

Đa số họ nói tiếng Phổ Thông. Một vài anh nói cả tiếng Quảng. Có mấy người biết chút ít tiếng Việt học được trong các trại tù ở Việt Nam. Nói chung, họ rất tạp nham về nhiều mặt. Vài anh thật hiền hậu dễ thương, nhưng cũng có mấy người gốc là tướng cướp đã từng cướp của giết người và sống ngoài vòng pháp luật trước khi bị bắt. Họ mang theo bản chất lưu manh, bạo tàn hung ác vào đây để đóng góp thêm cho cái đày đọa ngục trần gian này. Sự đói khổ triền miên và bị cùm trong những lò hấp người có tường rào bao bọc này đã làm vài người trong bọn họ phát triển tốt cùng bản chất dã man mà trước kia chưa có dịp mang ra thực hành. Nhất là khi vào tù, có dịp sống chung một buồng và có thể cấu kết nhau để tạo sức mạnh, họ trở thành những con người thật đáng sợ.

Những người tù xa tổ quốc này chỉ có một ý định duy nhất trong đầu là làm thế nào để được sống còn. Họ làm hết cách để khỏi chết đói trong những nhà tù Việt Nam có quá nhiều tù nhân chết vì đói này. Để có được miếng ăn, họ sẵn sàng trở thành những tên nô lệ, nịnh bợ, đầy tớ cho những người tù có thể bố thí cho họ một chút gì để ăn hoặc vật gì để dùng làm phương tiện kiếm ăn. Ngược lại, họ cũng sẵn sàng dùng sức lực để áp đảo, đánh cướp, giết người hoặc bất cứ một hành động bạo tàn nào khác để được có miếng ăn. Lúc bơ vơ và thất thế, họ tự biến thành những con chó con, nhưng khi có vây cánh, họ sẽ biến ngay thành một bầy hổ đói.

Trong bọn họ có những tay thật dữ dội, nhưng có những anh rất hiền từ, ốm yếu mà mấy anh đầu gấu kia gọi là "kho dự trữ". Ý muốn nói nếu họ không còn kiếm chác được thức ăn nơi nào khác thì quay về với "kho dự trữ" trong buồng này, bằng cách trấn lột phần ăn trại phát cho đám tù ốm yếu. Khi nào bọn đàn anh còn cào cấu được nơi khác thì tạm thời nhóm tù Trung Quốc trong "kho dự trữ" này còn được ăn trọn phần ăn chết đói của trại phát mỗi ngày.

Trong khi đó, về phía những người tù Việt Nam nói chung và những tù chính trị miền Nam chúng tôi nói riêng, mặc dù cũng đói khổ nhưng nếu sánh với những người tù Trung Quốc này, chúng tôi còn may mắn hơn nhiều. Tù hình sự miền Bắc được gia đình thăm nuôi tiếp tế. Họ chẳng có quà cáp gì nhiều. Hầu hết là một ít gạo, ít ruốc, vài cái bánh chưng, một ít hoa quả, chè Tàu và vài bánh thuốc Lào. Quanh đi quẩn lại chỉ có chừng ấy, vì đồng bào miền Bắc rất nghèo. Cửa ăn ở nhà còn không có

lấy đầu tiếp tế nhiều cho chồng con trong tù.

Chúng tôi, những người tù miền Nam thì xa xôi hơn, nhưng về điều kiện kinh tế thì khá hơn bà con miền Bắc. Những năm đầu, mặc dù chúng tôi chưa được gặp gia đình nhưng thỉnh thoảng có nhận được quà gửi ra theo đường bưu điện, trong đó có thực phẩm và thuốc men. Tuy số lần nhận quà rất hạn chế, mỗi 3 tháng được nhận gói quà không quá 5 ký lô, nhưng chừng ấy cũng giúp rất nhiều cho những người tù duy trì được sự sống. Nếu có những người gia đình khá giả thì nhận quà đều đặn và có chất lượng. Ngược lại, có nhiều người không có thân nhân hoặc gia đình khánh kiệt nên chẳng có quà cáp gì. Thỉnh thoảng lâu ngày được một gói nhỏ có ít thức ăn.

Hoàn cảnh bắt đầu khá hơn khi có chính sách cho người nhà miền Nam được phép ra Bắc thăm nuôi tù trại Thanh Cẩm. Chính sách này bắt đầu từ năm 1979, tức là 4 năm sau khi đợt tù miền Nam bị đưa ra Bắc. Đối với các trại khác tôi không biết rõ. Có thể chính sách thăm nuôi xảy ra sớm hơn. Điều này cũng được coi như là chính sách nhân đạo của đảng và nhà nước, nhưng cũng có thể được xem như một chính sách lợi dụng, vì lúc đó cả nước đói khổ, chính phủ không còn đủ sức nuôi tù và đã có quá nhiều tù nhân miền Nam chết đói trong các trại tù miền Bắc.

Khi có những đợt thăm nuôi thì đồng tiền và của cải bắt đầu vào trại. Do đó, vị thế giai tầng xã hội trong tù lại được phân định rõ ràng. Những người có của sống cao hơn, những người không có gì phải chịu lép vế. Nếu những năm trước tất cả những người tù miền Nam bình đẳng nhau trong cảnh chết đói, thì nay của cải đã nâng nhiều người lên bậc ông chủ. Đồng thời nó cũng giáng cấp nhiều người xuống thành "lái xe". Lái xe là tiếng dùng để chỉ những anh tù nghèo không có thăm nuôi tiếp tế phải phục vụ cho những anh tù có của khác trong nhóm sinh hoạt chung. Trong tình thế đó, nhóm "lái xe" rành nghề nhất là các anh tù Trung Quốc.

Học Tiếng Phổ Thông

Đầu năm 1980, tôi sống chung buồng kỷ luật với hai anh Trung Quốc và một người bạn tù miền Nam là anh Lê Thiên Bảo. Nhờ có Bảo nên trong buồng tôi có thể quân bình và tôi không bị hai anh tù Trung Quốc áp đảo. Bảo là một Hoa kiều ở Chợ Lớn, bằng tuổi với tôi. Trước kia anh là võ sư huấn luyện viên Thái Cực Đạo của Tổng Nha Cảnh Sát Quốc gia. Anh đã cùng đi với tôi trên tàu Sông Hương ra Bắc, ở chung trong trại Nam Hà, cùng bị đày đi Cổng Trời rồi cùng về trại Thanh Cẩm này với tôi trong nhóm "48 Quyết Tiến".

Lúc vào tù anh có dịp được sống gần với các linh mục và nhận thấy đời sống bác ái tốt đẹp của những con người tù đặc biệt này nên anh muốn tìm hiểu về Đạo Chúa. Lúc anh em sống chung trong kỷ luật, tôi đã giúp anh về giáo lý Công Giáo và sau này anh đã xin chịu phép Rửa Tội. Với bản chất nhân hậu và tính nết hiền hòa của một võ sư, anh rất được nhiều người quý mến và nể phục.

Anh Lê Thiên Bảo đồng thời cũng là người giỏi về ngôn ngữ. Anh nói cả tiếng Việt, biết chữ Nho lẫn

tiếng Phổ Thông và Quảng Đông. Ngày ngày, trong buồng Bảo nói tiếng Việt với tôi và tiếng Phổ Thông với 2 anh Trung Quốc. Ba người họ nói tiếng Phổ Thông với nhau nhanh như gió. Giọng líu lo như tiếng chim hót và nghe tiếng nào tiếng nấy đều giống y như nhau. Lúc đó, tôi chưa biết một tiếng Tàu nào cả. Khi nằm nghe họ nói chuyện, tôi thầm nghĩ trong lòng: “Trời! Bộ óc của con người là cái gì mà người ta có thể hiểu được thứ ngôn ngữ quái đản này”.

Một trong hai người Trung Quốc là anh Lý Đức Nghĩa, gốc người Hồ Nam, nguyên là một Vệ Binh Đỏ của Mao Trạch Đông. Sau khi Vệ Binh Đỏ thất thế và bị ruồng bắt, anh ta phải bỏ nước chạy trốn qua Việt Nam sống bằng nghề lục lâm thảo khấu.

Cũng nên biết là khi Mao Trạch Đông nắm quyền ở Trung Quốc, ông ta muốn thanh trừng các đồng chí cũ có thể tranh giành quyền lực với ông nên đã dùng sinh viên học sinh là Vệ Binh Đỏ và phát động phong trào cách mạng văn hóa để có lý do thanh trừng các cán bộ cao cấp trong hàng ngũ lãnh đạo. Nhiều đồng chí cũ của Mao đã phải chết vì tay Vệ Binh Đỏ. Sau này khi phong trào Vệ Binh Đỏ lên cao và lộng hành, Mao lại dùng quân đội tiêu diệt Vệ Binh Đỏ. Vì thế Lý Đức Nghĩa phải trốn chạy thoát thân qua Việt Nam.

Anh ta sùng bái Mao Trạch Đông một cách điên cuồng và tỏ thái độ khinh bỉ Cộng sản Việt Nam ra mặt. Anh ta nói Cộng sản Việt Nam là tờ phản thầy. Trước kia đội Trung Quốc lên đầu, sau này chửi lại Trung Quốc. Nghĩa bị bắt vào tù hàng chục năm nay với tội danh “gián điệp Trung Quốc”. Mặc dù sống trong tù Việt Nam lâu năm nhưng anh ta không nói được một câu tiếng Việt nào. Tuy nhiên nghe thì anh hiểu.

Anh chàng Lý Đức Nghĩa này người to cao và tính chất lưu manh hiện rõ ra tới ngoài da! Nhất là cặp mắt của anh ta. Anh có cặp mắt thật trong và hẹp như mắt sư tử. Mắt có đuôi dài và lúc nào cũng lác liên. Thành thạo liếc nhìn trộm. Có lúc tôi nghĩ, họa sĩ nào muốn tìm người mẫu để vẽ đôi mắt lưu manh nhất thì phải tìm tới anh chàng này. Lý Đức Nghĩa là một hiện tượng để lại trong tôi nhiều điều khó quên, vì anh ta có nhiều cái “nhất” trong nhóm tù Trung Quốc. Nói tiếng Phổ Thông đúng giọng nhất, vì quê hương anh rất gần Bắc kinh. Khéo tay nhất, chỉ cần vát cho anh một mảnh vải, chừng tiếng đồng hồ sau anh đưa lại một cuộn chỉ được xe bằng hai đầu ngón tay, đẹp không thua chỉ làm trong nhà máy. Ở dơ nhất, anh ta chưa bao giờ cầm cái bàn chải đánh răng, nên khi anh cười để lộ hàm răng trông giống như mảnh gỗ mục ngâm dưới nước lâu năm bị rong rêu và sò ốc bám tua tủa! Có lần tôi hỏi:

– Nghĩa à, tao lấy làm lạ, tại sao mày không đánh răng?

Nó trả lời tôi:

– Mao chủ xí (Mao chủ tịch) có bao giờ đánh răng đâu mà cũng làm chủ tịch Trung Quốc vĩ đại, cai trị hàng tỷ dân!

Thì ra anh chàng “Lý Tợ Dĩ” (Lý Đức Nghĩa) này sùng bái Mao Trạch Đông một cách điên cuồng, ngay cả sùng bái cái việc Mao suốt đời không bao giờ đánh răng! Và dĩ nhiên Lý Đức Nghĩa lưu manh nhất đám.

Lợi dụng hoàn cảnh sống chung với mấy anh Trung Quốc đó, và qua sự khuyến khích của Lê Thiên Bảo, tôi quyết tâm học cho bằng được một ngôn ngữ mới, đó là tiếng Phổ Thông. Tôi bắt đầu học nói trước và học viết sau, vì lúc đó trong buồng không có bút giấy.

Tôi chọn thời điểm để nhớ là vào sáng ngày 1 tháng Giêng năm 1980 và câu nói tiếng Quan Thoại đầu tiên là: “Chị tôi từ Sài Gòn ra thăm tôi”. Lý Đức Nghĩa giúp tôi luyện giọng và Lê Thiên Bảo giúp tôi dịch nghĩa tiếng Việt và chữ Nho. Bước đầu thật vất vả. Mỗi đêm, chân trong cùm, Lý Đức Nghĩa nằm kể chuyện về phong trào Vệ Binh Đỏ bên Trung Quốc, Lê Thiên Bảo dịch lại, còn tôi chú ý lắng nghe từng tiếng phát âm của Nghĩa. Thỉnh thoảng tôi kêu dừng lại để tôi tập phát âm cho đúng những tiếng tôi muốn học.

Tôi muốn nhắc lại để nhớ ơn của Lý Đức Nghĩa và Lê Thiên Bảo. Nhờ hai người đó tôi học được một ngôn ngữ mới mà có hàng tỷ người trên thế giới sử dụng. Tôi quyết tâm học cho bằng được và cố gắng ngày đêm. Khi đã nói được chút ít, hàng đêm tôi dùng ngôn ngữ này kể các câu chuyện trong Kinh Thánh cho các anh tù Trung Quốc nghe và dặn chỗ nào tôi nói sai thì chặn lại để tôi sửa.

Sau hai năm miệt mài và lúc nào cũng có dịp sống chung buồng với một anh Trung Quốc nào đó, nên ngay trong lúc còn ở khu kỷ luật tôi đã nói tiếng Quan Thoại lưu loát, cả tiếng lóng, thành ngữ và chữ thề nữa! Nhớ lại đoạn đường đã trải qua trong việc học ngôn ngữ này, tôi tưởng chừng như mình hạ một cây rừng xuống để đẽo gọt thành cây cột nhà. Tôi đã phải làm việc trong hai năm trời. Đầu tiên chặt các cành, lột vỏ cây, dùng rìu chém những chỗ nhô ra, dùng dao gọt lại, dùng bào làm cho láng và cuối cùng là đánh bóng cây cột thật tròn và thẳng.

Lúc đầu tôi chỉ học nói, về sau học đọc và viết. Lúc chưa có phương tiện, tôi phải dùng than vẽ chữ xuống nền nhà để học. Về sau này tới đời trật tự dễ dãi hơn, tôi có thể xin được bút chì và khi đi tắm nhặt những bao xi măng ở đồng rác trước cửa trại về vuốt ra cho thẳng làm vở. Những người Trung Quốc sống chung giúp tôi viết và đọc chữ Tàu. Có điều hơi thiệt thòi cho tôi là các anh Trung Quốc chỉ biết “chữ đơn giản”, tức là loại chữ cải cách mà chế độ Cộng sản Trung Quốc dùng. Trong khi “chữ cổ” thì khó và nhiều nét hơn, nhưng đa số sách báo trên thế giới đều dùng chữ cổ. Học nói được tiếng Phổ Thông tôi coi là một trong những sự đền bù xứng đáng cho những năm gian khổ mà tôi bị mất đi trong nhà kỷ luật trại tù Thanh Cẩm.

Số tù Trung Quốc lúc đầu khá đông nhưng về sau có nhiều người vượt ngục bị bắn chết, có một số chết bệnh hoặc chết đói. Năm 1980, chỉ còn lại khoảng 15 người sống vất vưởng trong kỷ luật và lệ thuộc vào sự giúp đỡ của anh em tù chính trị miền Nam. Khi sống chung buồng với chúng tôi, họ tỏ ra

ngoan ngoãn, nhưng khi sống riêng họ với nhau, hoặc trong buồng nào họ có số đông để trở thành sức mạnh áp đảo, họ trở thành thú dữ. Lúc đó, sự dã man của họ ngoài sự tưởng tượng của mọi người.

Bầy Ác Thú Trong Cơn Đói

Thời gian đó là vào cuối năm 1981. Anh trật tự lúc bấy giờ là Nguyễn Văn Bảy, mà chúng tôi gọi là Bảy Chà vì nước da của anh ngăm đen. Một con người hiền hậu và nhân từ. Anh được chọn làm trật tự không phải vì thành tích bất hảo, hoặc vì cán bộ muốn anh trở thành quả đấm để trừng trị tù, nhưng có lẽ anh được chọn vì cái bộ dạng rất “ngầu” của anh. Người anh to cao, da ngăm đen, ai chưa biết anh, mới nhìn vào đã thấy nhọn. Anh cũng từ trại quân đội chuyển về đây. Trước khi làm trật tự, anh có nhiệm vụ gánh phân trong trại nên còn được mệnh danh là “Bầy Cút!” Nếu mấy năm trước trật tự Bùi Đình Thi là một hung thần của khu kỷ luật thì lúc này trật tự Bảy Chà là cứu tinh của chúng tôi. Tôi phải nói lên điều này để bày tỏ lòng quý mến và biết ơn anh.

Lúc đó, tôi đang ở buồng bốn phía sau của khu kỷ luật cùng với vài người Việt Nam khác, thì trong buồng 5 cách vách buồng tôi có ba anh Trung Quốc đó là Chu Vạn Hồi, Lý Đức Nghĩa và Lưu Tùng. Chu Vạn Hồi trước kia là tên cướp. Nghĩa gốc Vệ Binh Đỏ và sau này qua Việt Nam sống nghề lục lâm thảo khấu. Tùng lớn tuổi là người hiền từ, ốm yếu như cây sậy, anh đi buôn vùng biên giới bị bắt. Sống trong buồng, Tùng bị Hồi và Nghĩa trấn lột gần hết phần ăn nên càng ngày càng gầy yếu, đi đứng không vững nhưng không dám lên tiếng.

Mặc dù tôi không sống trong buồng đó nhưng tôi còn lạ gì hai tên cướp Nghĩa và Hồi mà trong hai năm qua tôi đã sống chung buồng khá nhiều lần. Có một lần đi tắm chung dưới sông Mã, lợi dụng lúc vắng tôi hỏi Lưu Tùng có phải bị hai tên kia cướp cơm không? Tùng không dám trả lời nhưng, mắt trước mắt sau và xòe bàn tay phải ra cửa qua cửa lại dưới cổ. Tôi hiểu Lưu Tùng muốn nói gì qua dấu hiệu đó. Sau đó tôi nói lại chuyện này với anh trật tự Bảy Chà và anh hứa là sẽ báo cáo với cán bộ.

Mấy ngày sau, cán bộ đưa vào buồng 5 của mấy anh Trung Quốc này một anh tù hình sự bị phạt lên kỷ luật. Những anh tù kỷ luật thuộc loại “vãng lai” này, khi bị đưa lên kỷ luật họ bị cùm cả ngày lẫn đêm, nhưng chỉ một thời gian ngắn là được xuống. Số khách vãng lai này cứ có lai rai, khi thì một anh, có lúc vài ba anh. Vì thế việc anh tù hình sự vác chiếu vào buồng 5 lúc chiều cũng chẳng có gì đáng chú ý. Quãng sau 10 giờ đêm hôm đó, khi đèn điện vừa tắt được một lúc và ai nấy bắt đầu ngủ, bất thần tôi nghe một tiếng “Bùm” rất to từ buồng 5 vọng ra, tiếp theo là tiếng la thất thanh và vang dội trong đêm vắng của anh tù hình sự: “Báo cáo cán bộ, báo cáo cán bộ! Chúng nó giết tôi, chúng nó giết tôi! Cứu tôi! Báo cáo cán bộ!”

Tiếng la hét nghe thật rùng rợn trong cảnh hãi hùng của con người sắp bị giết chết làm tất cả tù nhân trong khu kỷ luật giật mình và nhón nháo gọi chuyển qua các buồng hỏi nhau coi chuyện gì xảy ra. Anh ta cứ gân cổ lên mà la như vậy cho tới lúc sau có mấy cán bộ xách đèn bấm chạy lên. Tôi nghe tiếng quát tháo, tiếng mở cửa buồng, tiếng cán bộ đe dọa mấy anh Trung Quốc và sau đó cán bộ đưa

anh tù hình sự ra khỏi buồng và khóa cửa lại, đi xuống.

Đối với tù trên khu kỷ luật, việc đánh nhau, la lối và báo cáo cán bộ là chuyện thường xảy ra. Chính bản thân tôi trước đó không lâu cũng đã cùng với ông Lê Văn Khương, nguyên Quản Đốc trại tù Côn Sơn, đã phải ra tay trừng trị Lý Đức Nghĩa vì anh ta cấu kết với một anh Hoa kiều khác trong buồng để cướp giật thức ăn của một người tù già là ông Hoàng A Giú. Nhưng cách anh tù hình sự kêu la thất thanh trong đêm đó làm tôi sinh nghi có chuyện gì rất nghiêm trọng, chứ không phải cuộc đánh nhau thông thường. Nhưng rồi câu chuyện đó cũng chìm vào quên lãng trong khu kỷ luật không mấy ngày là không có chuyện xảy ra này. Lúc đó tôi đâu có ngờ là trong buồng 5 đêm đó xảy ra một sự việc thật khiếp đảm, ngoài sự tưởng tượng của mọi người. Sự việc này lại có liên quan tới tính mệnh của tôi, mà mãi về sau này tôi mới biết được.

Tuần sau, lại có cuộc đổi buồng trên khu kỷ luật. Lần này cán bộ trực trại tên Thanh bảo tôi vào buồng 5 với ba anh Trung Quốc đó. Tôi nói với cán bộ Thanh là tôi và Lý Đức Nghĩa mới đánh nhau hôm Tết như cán bộ đã biết. Nếu tôi vào buồng đó chắc chắn sẽ có chuyện đáng tiếc xảy ra, và tôi xin cho tôi vào bất cứ buồng nào trong khu kỷ luật, trừ ra buồng với Lý Đức Nghĩa. Nghe tôi trình bày, cán bộ Thanh suy nghĩ một lúc rồi đưa tôi vào buồng 2 phía trước.

Những Khách Vãng Lai

Trong ba năm giữ vai trò quản gia trong khu kỷ luật trại Thanh Cẩm, tôi đã tiếp đón và tiễn chân rất nhiều người, tù chính trị cũng như hình sự và cả những người tù Trung Quốc như tôi đã nói.

Chúng tôi thường xuyên bị xáo trộn quanh đi quẩn lại trong sáu buồng nên tôi có dịp sống chung với nhiều người. Và nhờ đó tôi cũng theo dõi được tin tức sinh hoạt dưới làng. Tôi cũng nhắn qua các anh em vãng lai khi xuống làng hỏi thăm anh em bạn bè. Thành thạo những khách vãng lai cũng có mang lên cho các người trên kỷ luật ít thức ăn, vài quả ớt hoặc ít thuốc Lào, nhưng điều chúng tôi cần nhất là áo quần và chăn chiếu.

Trong thời gian Bùi Đình Thi còn làm trật tự thì việc cho quần áo bị cấm hẳn. Mặc dù cán bộ không bao giờ để ý chuyện này, nhưng nếu Bùi Đình Thi xét thấy là sẽ no đòn với anh ta. Vì thế, mặc dù lúc đó tôi sống trần truồng, nhưng các khách vãng lai khi xuống làng cũng không hề dám để lại thứ gì cho tôi. Khi Bùi Đình Thi mất chức trật tự rồi, cuộc sống tôi khá hơn, nhất là được áo quần chăn chiếu các anh em để lại. Từ khi anh Nguyễn Văn Bảy làm trật tự, tôi thấy cuộc sống trên kỷ luật có được hai chữ “thoải mái”. Rất tiếc là anh được làm quá muộn. Sau khi Bùi Đình Thi mất chức, tới anh Nguyễn Tấn Đạt. Khi Đạt về, tới anh Danh. Anh Danh lên chưa kịp làm việc đã được về, rồi mới tới Bảy Chà thay thế.

Lúc anh Bảy Chà làm trật tự, tôi đã ở kỷ luật hơn hai năm rồi. Khách vãng lai có người phải ở khá lâu, nhưng cũng có người chỉ vài hôm là được xuống đội. Khu kỷ luật như tôi đã nói có “đủ chỗ” cho 24

người bị cùm, nhưng có lúc đất khách sẽ có những người không phải cùm, nhưng nằm giữa phi đạo. Trái lại, có khi rất vắng, chỉ có những người thường trú và khách kiều cư. Về tiêu điều hiện rõ với một số phòng trống không.

Hoa Lạc Giữa Rừng Gươm

Có một lần rất đặc biệt, tôi được hân hạnh tiếp một người tù thuộc phái đẹp! Chiều tối hôm đó, cán bộ đưa một người đàn bà vào buồng trống ở cạnh buồng tôi để “gửi” nhò qua đêm. Khi cán bộ đi xuống rồi, tôi gọi qua hỏi thăm và biết đó là em dâu của anh Dương Văn Lợi. Sau khi anh Lợi cướp chiếc máy bay trực thăng của Bộ Chính Trị ngay tại phi trường Nội Bài ở Hà Nội và bay thành công qua Trung Quốc vào năm 1981, cả nhà anh ở Hà Nội bị vạ lây.

Người em dâu của anh Lợi bị bắt và trên đường bị đưa tới một trại giam nào đó, phải dùng chân qua đêm tại Thanh Cẩm. Khi biết tôi là bạn anh Lợi, chị mừng và vui vẻ trả lời các câu hỏi của tôi liên quan tới anh Lợi. Khi gần đi ngủ, chị gọi sang hỏi tôi với vẻ e lệ ngược ngùng, làm ơn bảo chị cách thức đi cầu! Tôi cảm thông vô cùng với tâm trạng người đàn bà khi phải hỏi một người đàn ông xa lạ về chuyện này. Tôi đoán là một mình trong buồng bên, chị cũng đã xoay sở hết cách nhưng không thành công với loại nhà cầu đặc biệt với hai cái ống bầu trong buồng!

Tôi gọi sang tận tình hướng dẫn, nhưng không biết kết quả ra sao. Vì vấn đề quá tế nhị nên tôi không tiện hỏi lại. Thực ra loại nhà cầu bằng hai ống bầu này được “vẽ kiểu” chỉ phù hợp cho giới mày râu mà thôi. Sáng hôm sau, vị khách quý thuộc phái đẹp này được đưa đi rất sớm. Kể từ đó, khu kỷ luật Thanh Cẩm chúng tôi không còn được hân hạnh đón tiếp khách vắng lai thuộc phái đẹp nữa.

Tướng Cướp Bình Thanh

Cuộc sống của tôi trong kỷ luật bắt đầu được cải thiện sau hai năm vì nhiều lý do, trong đó, sự ra đi của trật tự Bùi Đình Thi là lý do hàng đầu. Kế đến là được chị tôi từ Vĩnh Long ra Bắc thăm hai lần. Lần đầu vào năm 1980, tôi không được gặp mặt, chỉ được nhận 5 ký quà. Lần thứ hai, năm 1981, tôi được gặp mặt chị tôi 15 phút và nhận quà khá hơn. Tội nghiệp chị tôi trong chuyến đi thứ hai này, từ lúc rời nhà cho đến khi về tới nhà là 33 ngày, vì mưa bão làm sập cầu, ngập đường. Việc tôi được gặp chị tôi là một nguồn an ủi tinh thần rất lớn. Hơn nữa, có một ít thức ăn cần thiết cho sự phục hồi sức khỏe của tôi lúc đó. Ngoài ra, các khách vắng lai khi trở xuống làng cũng để lại cho tôi áo quần, chăn chiếu và đồ dùng. Nhờ đó, tôi không còn phải sống trần truồng như trước.

Thời trật tự Nguyễn Tấn Đạt, cũng là tù quân đội, anh làm lì ít nói nhưng không đánh người. Tới trật tự Nguyễn Văn Bảy, tôi mới thấy thực sự thoải mái cả cuộc sống vật chất lẫn tinh thần. Mặc dù hoàn cảnh vẫn như cũ, trời Thanh Hóa vẫn nắng như thiêu như đốt, gió Lào vẫn hùng hực lửa vào mùa hè, buồng giam khu kỷ luật vẫn mang tính chất khắc nghiệt của nó, nhưng lòng nhân đạo của con người hình như đã thắng sự khắc nghiệt của thiên nhiên này.

Nếu trước đây hai năm, tôi có thể bị cán bộ và trật tự đánh đập bất cứ lúc nào và bởi bất cứ lý do gì, thì lúc này, lớp cán bộ mới cũng không còn dữ dằn và quá giáo điều như lớp trước. Những anh tù có nhiệm vụ trong ban thi đua cũng thân ái, nhẹ nhàng và thỉnh thoảng còn tìm cách giúp cho anh em chúng tôi trên khu kỷ luật một chút gì cho cuộc sống dễ chịu hơn. Một điều đáng nói nữa là lúc đó chúng tôi đã được nhận quà gửi ra theo đường bưu điện mỗi 3 tháng một lần. Với tất cả những yếu tố đó cộng lại, tôi có thể kết luận cuộc sống của tôi sau hai năm trong kỷ luật đã bắt đầu "lên hương", mặc dù đêm đêm vẫn phải xỏ chân vào cùm sắt. Chính trong thời gian đó, tôi lại có dịp đón tiếp một đoàn khách đặc biệt.

Một buổi sáng nọ, từ trong buồng 2 phía sân trước cùng với một anh Hoa kiều người Chợ Lớn tên Lý Tử, tôi nhìn ra cửa sổ thấy cán bộ và trật tự dẫn một toán tù hình sự khoảng hơn chục anh đi vào khu kỷ luật. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là nhóm tù này khỏe mạnh. Họ mang rất ít đồ đạc. Mỗi người chỉ có một ba-lô khoác trên lưng. Họ ăn mặc gọn gàng và nhìn vào biết ngay là tù hình sự. Phần đông đều nhỏ người, chỉ trừ một vài anh cao lớn. Đa số đội mũ cối, mang giày vải. Có mấy anh mang dép nhựa, cũng có vài anh mang dép râu. Họ âm thầm bước đi không cười nói, nhưng không tỏ ra thiếu não và bệ rạc như khi tôi thấy toán tù Trung Quốc nhập vào khu kỷ luật này trước đây.

Tôi chợt chú ý tới một anh đi ở cuối hàng, vì anh này có dáng vẻ và phong thái khác hơn các người trong nhóm. Người anh to rắn chắc và rất tầm thước. Không cao mà cũng không thấp. Vai anh rộng và hơi vòng một chút như vai con rùa. Nước da trắng như một thư sinh. Nét mặt cân đối với đôi chân mày rậm hài hòa. Tóc anh dày, thật đen và húi cua. Anh có ít râu dưới cằm rất đen vì tương phản với làn da trắng của anh. Anh ta đẹp trai. Tuổi lúc đó chừng ba mốt ba hai là cùng. Anh mang ba lô trên lưng, chân mang giày vải, mặc quần tây màu nâu và áo bộ đội màu cứt ngựa. Một tay anh cầm cái mũ lưỡi trai màu đen. Nếu bình thường gặp anh một nơi nào khác có thể lầm anh là một cầu thủ đá bóng đi dượt bóng về, vì tướng anh rất phù hợp với hình ảnh đó.

Cả bọn đứng lại giữa sân ngay trước cửa sổ buồng tôi, trong khi trật tự mở khóa các buồng phía sau để phân bổ lính mới. Các anh nhón nhác nhìn vào các buồng, nhưng nhìn từ ngoài nắng chắc sẽ chẳng thấy gì. Tôi đứng sát vào song cửa sắt, nhìn ra và nói một câu với các tù nhân mới:

– Hê lô! Thân ái chào các anh em mới tới! Các bạn từ trại nào chuyển về?

Nghe tiếng tôi chào, mấy anh đứng gần quay lại nhìn về phía tôi và nheo mắt nhìn vào trong buồng, nhưng tôi biết là họ không thấy gì vì trong buồng tối om. Anh chàng đẹp trai nghe tôi chào, bước lại sát bên cửa sổ, tươi cười trả lời:

-Chào anh! Bọn chúng em từ xà lim Bộ chuyển về. Anh là người miền à? Nghe giọng anh bọn em nhận ra ngay. Anh ở kỷ luật bao lâu rồi?

-Vâng, tôi người Sài Gòn và ở kỷ luật hơn hai năm rồi!

Anh chàng nghe thế vội hỏi:

– Lâu vậy! Anh bị gì?

Tôi đáp gọn:

– Trốn trại!

Anh có vẻ thích chí, cười thật tươi:

– Nhất anh! Phải thế chứ. Trước trong Nam anh làm gì?

-Linh mục!

Anh thanh niên nghe không rõ, hỏi lại và kẻ tai sát vào song sắt:

– Em nghe không ra, anh nói trước kia anh là gì?

-Anh là linh mục, là Cha đạo ấy mà!

– Em hiểu rồi, anh làm việc trong nhà thờ chứ gì? Cha đạo mà đi tù lại vượt ngục! Nhất anh! Em là Bình Thanh, em rất muốn gặp anh. Thế tên anh là gì?

Vừa nói anh vừa cầm bàn tay tôi đang nắm song sắt cửa sổ. Trong khi đó cán bộ cũng vừa đi lại. Tôi nói:

– Anh cũng muốn gặp Bình Thanh. Anh tên Lẽ, cứ gọi là Anh Út.

– Vâng, anh Út!

Cán bộ phân bổ lính mới vào các buồng. Anh tù cao lớn đẹp trai tự giới thiệu là Bình Thanh, qua buồng 3 kế bên tôi. Có hai lính mới vào buồng tôi và một số ra các buồng phía sau.

Hai anh chàng vào buồng tôi khá nhỏ người, nói rất giọng Hà Nội. Ngay từ phút đầu đã tỏ ra rất lễ phép đối với tôi. Một anh nhỏ hơn, nước da ngăm đen là Bình Bưởi. Anh kia gầy và cao hơn là Tiến Ngựa. Tù hình sự không anh nào là không có tên đệm kèm theo. Vào buồng và dường như có vẻ mệt, hai anh cởi áo nằm nghỉ để lộ hai thân hình xạm trở đầy người. Bình Bưởi xạm cả lưng, bụng, hai đùi và hai cánh tay nữa. Qua một vài câu nói tôi biết Bình Bưởi tuy nhỏ hơn nhưng là đàn anh. Sở dĩ gọi là Bình Bưởi vì quê anh ở làng Bưởi, Hà Nội.

Hai anh cho biết nhóm này ở xà lim Bộ, tức từ Hà Nội, chuyển về khá đông, một số lớn ở dưới làng. Khi tôi nhắc tới Bình Thanh mà tôi gặp và nói chuyện mấy câu lúc nãy, Bình Bưởi chỉ đáp gọn một câu:

- Anh Bình Thanh là anh của bọn em. Anh ấy hay lắm đấy anh ạ!

Tôi đã sống chung với tù hình sự trên trại Cổng Trời và hiểu được “ngôn ngữ” và quy luật sống trong

tù của họ. Tiếng “anh” có một ý nghĩa rất quan trọng và ở giai tầng trên, trong khi hai tiếng “anh em” chỉ những người trong nhóm và hàng ngang. Tiếng “hay lắm” có nghĩa là đáng kính trọng, có tư cách và có vị thế lãnh đạo. Mặc dù hai anh này chưa biết tôi, nhưng nghe qua cách Bình Thanh bày tỏ thái độ với tôi lúc này, hai anh bắt đầu kính nể tôi.

Tới giờ cho ăn trưa, các buồng được ra sân một lúc để hít thở và dọn vệ sinh buồng. Cửa vừa mở, tôi thấy Bình Thanh chạy bay ra và đảo một vòng như con ngựa bị cuồng chân lâu ngày vừa mới xồng chuồng. Anh ta mặc quần đùi trắng, áo thun trắng, mang giày vải để lộ đôi chân khỏe mạnh, rắn chắc. Ngực anh nở nang và hai cánh tay to, một bên có xăm hình bàn tay cầm bó đuốc, bên kia là một cây kiếm. Tôi đoán là thân người Bình Thanh xăm trổ nhiều lắm, nhưng vì anh ta mặc áo thun nên không thấy hết được. Toàn thể con người anh ta toát ra sự cường tráng của người đang ở thời kỳ sức lực dồi dào và cuộn cuộn lên trong các bắp thịt. Thấy tôi bước ra, Bình Thanh chạy tới đưa cả hai tay ra nắm lấy hai tay tôi nói nhanh:

- Anh chờ em tí, em vào coi hai thằng em ra sao rồi trở ra ngay!

Nói xong, anh ta chạy ngay vào buồng hỏi Bình Bưởi và Tiến Ngựa ra sao, có thoải mái không, có cần gì không. Sau khi biết mọi việc tốt đẹp, Bình Thanh trở ra với tôi, nói:

- Anh Út! Vừa gặp anh em đã quý anh. Bọn trong buồng bên kia đều nể phục anh và nói là anh hay lắm. Em xin anh xem em như thằng em của anh nhé, anh Út!

Bình Thanh vừa nói vừa cầm bàn tay và nhìn vào mắt làm tôi rất cảm động. Lúc này, đứng gần thấy anh ta rất đẹp và dễ thương. Môi trên hơi ngắn hơn môi dưới một chút và khi nói chuyện hay đưa cằm ra phía trước trong cử chỉ thách thức. Đôi mắt anh ta đẹp, nhưng nhìn kỹ trong đôi mắt ấy, như ẩn hiện đâu đó nét hoang dại của loài sư tử. Tôi nắm tay Bình Thanh, nói:

– Bình Thanh! lúc này khi vừa trông thấy em anh đã quý. Từ nay em sẽ là em của anh. Anh là con Út trong gia đình, bây giờ anh có người em.

Tôi vừa nói vừa kéo Bình Thanh vào đôi cánh tay vừa mới phục hồi sức khỏe của tôi. Bình Thanh ôm lấy tôi thật chặt. Tôi cảm thấy niềm hạnh phúc dâng tràn trong lòng. Tôi cũng ngạc nhiên vì chúng tôi đến với nhau và chấp nhận nhau thật nhanh, không cần tìm hiểu thêm, không cần suy nghĩ, đắn đo. Tự nhiên, tôi thấy nơi người thanh niên xa lạ vừa gặp lần đầu này có một dáng vẻ khác người. Từ con người, lối ăn nói, cách bày tỏ tình cảm, sự chú ý săn sóc cho đàn em và qua câu nói của Bình Bưởi, tôi biết Bình Thanh là một tên lưu manh, nhưng là một tên lưu manh có tâm cỡ và bản lĩnh. Tôi thích mẫu người như anh, và tôi nhận Bình Thanh làm người em kết nghĩa do một thứ trực giác thúc đẩy, không hề suy nghĩ.

Những ngày tiếp theo, tôi thấy hiện tượng khá lạ lùng mà trong gần ba năm qua khu kỷ luật này chưa bao giờ xảy ra. Đó là một vài anh tù hình sự dưới làng lén leo qua những bức tường bao bọc chung

quanh khu kỷ luật để tiếp tế lên cho Bình Thanh và anh em. Thì ra, những anh hình sự khác ở dưới làng cũng nhận quyền và từng phục Bình Thanh đang bị cùm trong kỷ luật.

Những ngày sau, Bình Bưởi và các anh em trong nhóm cho tôi biết thêm về cuộc đời và thành tích của Bình Thanh, làm tôi càng quý anh hơn. Sau này, khi sống chung một buồng, tôi mới hiểu hết ý chí ngang tàng, cuộc sống lấy lòng và tư cách đàn anh đúng nghĩa của một “đại ca” trong giới giang hồ.

Theo lời các anh em trong nhóm, tên tuổi Bình Thanh được kính nể trong tù hình sự miền Bắc. Anh tù nào nghe tới tên cũng nể phục. Bất cứ anh tù nào mới bị bắt vào buồng và bị các đầu gấu khác bắt làm lễ ra mắt, chỉ cần nói có biết Bình Thanh là được an toàn. Bình Thanh không phải loại đầu gấu hiểu theo nghĩa tầm thường bắt nạt người yếu để kiếm ăn, nhưng là hạng anh hùng hảo hán, bênh vực đàn em và nếu cần chịu chết đỏi cho những người đàn em được no.

Tôi nghe kể về tư cách đáng nể phục của Bình Thanh, nhưng sau này, khi anh em tôi có dịp sống chung một buồng, tôi mới thấy rõ Bình Thanh là một hiện tượng của xã hội. Dĩ nhiên, trong giới lưu manh có quy luật của nó và anh nào không tuân giữ, đó sẽ bị Bình Thanh bắt khuất phục đến nơi đến chốn. Tuy nhiên, tự trong thâm tâm, anh là con người trọng nghĩa khinh tài. Anh rất coi trọng nhân nghĩa và bênh vực giới bị xã hội bất công đè bẹp.

Luật Giang Hồ

Tù hình sự có nguyên tắc và giai cấp rất rõ ràng, gồm các vị thế như sau: anh em, người ngoài, bề dưới, kẻ thù. Một khi đã kết nghĩa anh em là sẽ sống chết vì nhau, cho dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Người ngoài là những người có thể ngồi chung mâm nhưng không can thiệp vào chuyện của nhau. Bề dưới là phải từng phục bề trên vô điều kiện, nhưng bề trên đúng nghĩa là người biết thương bề dưới. Kẻ thù là hạng người phải tiêu diệt bằng bất cứ giá nào và ở đâu. Trong nhóm tù hình sự cùng về đây, chỉ có Bình Bưởi là anh em với Bình Thanh. Bình Bưởi nhỏ con, ốm yếu và đi tù từ năm 12 tuổi nên Bình Thanh thương yêu và săn sóc cách đặc biệt. Những anh còn lại, hoặc là người ngoài, hoặc bề dưới. Chỉ có một anh thuộc diện kẻ thù, tôi sẽ nói sau.

Nhóm Bình Thanh tới được vài ngày thì có một anh tên là Thụ ở buồng phía sau có gia đình vào tiếp tế. Anh này còn gọi là Thụ Con vì người nhỏ thó. Sau khi thăm gặp về, Thụ phạm một lỗi lầm quá nghiêm trọng, đó là quy luật về sự phục tùng của kẻ bề dưới. Có lẽ nó còn quá khờ hoặc là quá khinh suất nên thay vì làm theo nguyên tắc là mang tất cả quà gia đình mới tiếp tế tới chỗ Bình Thanh và nói: “Anh Bình, gia đình em vừa vào thăm cho ít quà, xin anh dùng chút quà mọn của gia đình em.” Chắc chắn là Bình Thanh sẽ cười và nói: “ĐM, người nhà mày mang vào thì mày liếm đi! Có thuốc Lào không, cho anh em tao vài bi được rồi!” Và mọi việc sẽ tốt đẹp. Đàng này, mãi tới chiều hôm đó, Thụ Con mới nắm một ít thức ăn, một ít ruốc và mấy ấm chè tới biếu. Tôi nghe Bình Thanh quát:

– ĐM mày, tao đâu có chết đỏi mà mày làm thế. Mày làm nhục tao đấy à? Mang về ngay!

Thụ còn đang đứng, Bình Thanh nổi nóng:

- ĐM, tao bảo mày cút ngay!

Thụ sợ quá, cầm gói thức ăn về. Mấy hôm liền, mặt mày Thụ tái mét vì sợ. Rủi cho anh ta, vài ngày sau đổi buồng và cán bộ đưa Thụ vào buồng Bình Thanh. Thụ đứng ngoài khóc rống lên và nhất định không vào, nhưng cuối cùng cán bộ đẩy anh ta vào khóa cửa lại. Có thể dùng hình ảnh con nai tơ bị nhốt vào chuồng sư tử để diễn tả nỗi sợ hãi của Thụ Con lúc bấy giờ. Biết như vậy, nên từ bên này, tôi gọi qua cho Bình Thanh bảo đừng đánh thằng Thụ, tội nghiệp nó. Bình Thanh trả lời:

– Vâng, em nghe anh, em chẳng làm gì nó đâu!

Và Bình Thanh để cho Thụ được yên, chẳng đá động gì tới chuyện mấy hôm trước. Nhưng có lẽ vì quá sức khiếp sợ, nên chiều hôm đó khi trật tự vừa mở cửa buồng cho ăn, Thụ vọt chạy như bay xuống công trại báo cáo cán bộ trực xin cho đổi buồng, lấy lý do là Bình Thanh cướp cơm của nó ăn! Chỉ có lý do đó mới đủ mạnh để mong được đổi buồng. Nhưng nó không ngờ là nó đang đọc bản án cho chính mình. Cán bộ dẫn nó lên và bắt nó vào buồng trở lại.

Khi cán bộ khóa cửa và đi xuống rồi, từ bên này tôi còn nghe được cơn thịnh nộ của Bình Thanh. Khi cơn thịnh nộ nổi lên, Bình Thanh định giết chết thằng Thụ Con vì lần đầu tiên trong đời bị nó làm nhục là nói anh ta cướp cơm của tù để ăn. Một sự hạ nhục quá sức chịu đựng của Bình Thanh. Bên kia Bình Thanh vừa chửi vừa “chường”, trong khi Thụ khóc lóc van lạy xin tha mạng. Tôi lại phải gọi sang nói chữa là vì nó sợ quá nên nói bậy, đánh như thế nó biết tội rồi. Có tiếng Bình Thanh trả lời:

- Anh coi đó, dám bảo em chán cơm! Anh bảo thì em tha mạng cho nó, nhưng em phải xin nó bộ ngà!

Nói xong, tôi nghe tiếng Bình Thanh:

- ĐM mày! Anh tao bảo, tao mới tha tội chết cho mày. Nhưng hòn đá đây, mày phải ghè cho hết bộ ngà, không chừa một chiếc nào. Mày tự làm hay muốn tao làm?

Không còn cách gì hơn, Thụ Con phải tự tay dùng hòn đá đập gãy không còn sót một chiếc răng nào! Chừng đó, Bình Thanh mới chịu tha cho. Lại một điều là từ đó về sau, Thụ Con theo hầu Bình Thanh như hình với bóng!

Nhân Vật Sửu Què

Sau khi trật tự Đạt được tha về và trật tự Bảy Chà lên thay, cuộc sống chúng tôi trên khu kỷ luật thoải mái hơn. Anh Bảy Chà còn lên cán bộ mở cửa cho chúng tôi chạy ra sân chơi và còn giúp chuyển quà cáp từ buồng này qua buồng kia, hoặc từ dưới làng lên kỷ luật. Đó là ân huệ mà lúc Bùi Đình Thi còn làm trật tự, chúng tôi nằm mơ cũng không thấy. Khi tôi bị chuyển ra buồng 4 phía sau, Bình Thanh vẫn ở buồng 3 phía trước chung với Tiến Ngựa và Sửu Què cùng nhóm với nhau.

Một buổi trưa, cán bộ dẫn lên một người tù miền Nam là anh Nguyễn Đức Khuân vì tội gửi thư chui bị bại lộ, trong thư lại có bản nhạc gọi Hồ Chí Minh là “con quỷ đỏ”. Khuân bị một trận đòn trên bờ dưới ruộng, bị đi cùm và đẩy vô buồng của Bình Thanh. Khuân là bạn rất thân của tôi, nên tôi gọi Bình Thanh và nói:

– Bình Thanh! Anh Khuân là bạn thân của anh đó. Hãy coi anh Khuân như chính anh nhé!

Bình Thanh đáp vọng lại:

- Vâng! Em biết rồi anh Út!

Khuân là người vui vẻ, ăn nói có duyên và rất giỏi nhạc. Gặp Bình Thanh là người thích tìm tòi học hỏi, nhất là các chuyện về miền Nam, nên hai người cũng tương đắc và quý nhau. Bình Thanh kính Khuân như người anh, điều này, vô tình lại làm Sửu Què khó chịu. Sửu bị ai đó đâm trúng gân chân nên đi hơi lệch, vì thế có tên là Sửu Què. Anh ta có ân oán gì đó với Bình Thanh từ ở trại nào trước kia, nhưng vào đây, Bình Thanh bỏ qua không muốn nhắc lại nữa. Một buổi trưa, trong lúc Khuân đang kể chuyện và Bình Thanh đang hứng thú lắng nghe, Sửu Què không dẫn được cơn bực tức, đã chửi Khuân:

– ĐM, toàn nói phét!

Khuân nghe Sửu Què chửi, dừng lại không kể chuyện nữa, trong khi Bình Thanh đùng đùng nổi giận. Thứ nhất, Sửu Què dám hỗn với Khuân là người tôi dặn Bình Thanh hãy đối xử như với tôi. Do đó, khi chửi Khuân thì cũng như chửi tôi. Tội này rất nặng! Điều thứ hai là Bình Thanh và Tiến Ngựa đang hứng thú nghe các chuyện về miền Nam. Bị cụt hứng bất thần, Bình Thanh vùng dậy, rút con dao làm bằng thanh sắt đập dẹp mà lúc nào cũng giấu trong gối, đè Sửu Què xuống, dí dao vào cổ chửi và đòi đâm. Khuân phải can ngăn mãi mới xong. Nhưng từ lúc đó, bầu khí trong buồng nặng nề, căm lạng và bực dọc. Sau đó, có lẽ vì số chết của Sửu Què đã tới nên mới khiến anh ta đến bên Bình Thanh đang ngồi thờ hồng học vì bực tức, xin lỗi và nói:

– Anh Bình Thanh hãy nhìn vào cặp mắt tôi coi. Tôi có phải là con người gian ác gì đâu mà anh nói tôi như thế!

Đang lúc bực tức và lại nghe Sửu Què biện bạch, Bình Thanh nhìn vào mắt nó và nhớ lại ân oán năm xưa. Bình Thanh bèn đè cổ Sửu Què xuống, dùng con dao ngoáy móc mắt Sửu Què làm anh ta kêu la vang dội cả khu kỷ luật. Khi cán bộ lên tới nơi và mở được cửa buồng ra thì một con mắt của Sửu Què đã nằm dưới đất và Bình Thanh đang đè ngoáy dao vào con mắt thứ hai. Nhờ Sửu Què giãy giụa quá nên con mắt thứ hai chưa kịp móc thì cán bộ đã vào tới buồng và giải thoát cho anh ta. Khi thấy cán bộ vừa chạy lên, Bình Thanh dùng con dao rạch một đường trên cánh tay mình cho máu chảy ra. Lúc cán bộ bước vào buồng, Bình Thanh cầm con dao đưa cho cán bộ coi và nói:

– Báo cáo cán bộ! Anh Sửu vào đây còn dấu được con dao trong ống điếu. Lúc này, tôi đang ngủ say,

không hiểu nguyên do gì anh ta đâm tôi. May mà tôi đỡ kịp nên chỉ thương ở cánh tay, máu còn đang chảy, cán bộ xem này!

Tiến Ngựa vội thêm:

– Báo cáo cán bộ! Anh Sửu hăm dọa giết anh Bình từ lâu rồi. Lúc này, nếu tôi không la lên kịp thì nó đã đâm anh Bình thủng tim rồi!

Đúng là miệng lưỡi của lưu manh có khác! Cán bộ nghe thế mắng cho Sửu Què một trận, tịch thu con dao và đưa anh xuống trạm xá băng bó vết thương. Cán bộ không nói gì Bình Thanh vì anh ta là “nạn nhân” chỉ tự vệ! Câu chuyện này chưa chấm dứt ở đây.

Khi Sửu Què đang nằm bệnh xá thì Bình Thanh nhắn đàn em dưới làng “cát” giúp Sửu Què. Quãng nửa tháng sau, Sửu mang một mắt trở về làng, ở chung với đàn em của Bình Thanh. Ngay đêm đầu tiên, khi Sửu đang ngồi uống chè trên sàn bên kia, thì bên này, Tuấn Béo cầm con dao rùng nháy phất qua, chém một phát chẻ đầu Sửu Què ra làm đôi, chết không kịp trối. Tuấn béo bị đưa lên kỷ luật ngay đêm đó, nằm một mình một phòng riêng. Sau này, có tòa án lập ngay trong trại, xử Tuấn Béo 18 năm tù.

Cuộc Tương Phùng

Sau vụ Sửu Què bị chém chết một thời gian, khu kỷ luật lại đổi buồng và cán bộ chỉ định tôi vào buồng 5, nơi có ba anh Trung Quốc là Lý Đức Nghĩa, Chu Vạn Hồi và Lưu Tùng đang ở. Nhưng tôi xin với cán bộ cho đi buồng khác. Trước đó mấy ngày, tôi cũng biết vụ mấy anh Trung Quốc trong buồng này đánh một anh tù hình sự tét đầu chảy máu. Anh ta đã la ầm lên trong đêm và cán bộ phải lên đưa anh đi bệnh xá. Nhưng không phải vì chuyện đó mà tôi xin đổi buồng khác, vì lúc đó tôi đâu có biết hết tính cách nghiêm trọng của vụ đánh người này. Tôi xin đi nơi khác là vì mới vừa trừng trị Lý Đức Nghĩa khi nó cướp bánh chưng của một người tù già. Sau vụ đó, chúng tôi bị đổi đi mỗi người một nơi, bây giờ mà gặp lại trong một buồng chắc chắn sẽ có vấn đề lớn. Cán bộ nghe qua có lý và cho tôi ra phía trước, vào buồng 2 với Bình Thanh và đưa Phi Tàu vào buồng 5 thay tôi.

Được vào buồng 2 với Bình Thanh, tôi vô cùng sung sướng. Từ khi Bình Thanh về đây đã hơn một tháng rồi, nhưng anh em tôi chỉ gặp được nhau trong các giờ mở cửa cho ăn và lúc đi tắm dưới sông Mã. Lúc khác thì gọi nhau từ buồng này qua buồng khác nói chuyện mà chưa bao giờ được sống chung buồng như anh em tôi mong muốn.

Khi thấy tôi ôm chần chiếu theo cán bộ từ phía sau đi vòng ra phía trước và đứng trước cửa buồng 2, Bình Thanh đứng bên trong nhìn ra mừng quá nói to:

– Bình Bưởi đâu? Đưa đôi giày vải đây cho anh! Anh phải ‘tả’ cho anh Út một trận trước khi vào buồng này!

Bình Thanh nó trêu tôi như thế.

Trong lúc đứng chờ cán bộ mở cửa buồng, tôi nhớ lại trong sáu buồng của khu kỷ luật này, không có buồng nào mà tôi chưa ở qua. Mỗi buồng đều có một kỷ niệm riêng, nhưng chưa bao giờ tôi bước vào buồng nào với tâm trạng vui mừng và sung sướng như lúc đang chờ để vào buồng 2 với người em kết nghĩa của tôi như lúc này.

Tôi vừa bước vào, chưa kịp để đồ đạc xuống thì Bình Thanh đã ôm chầm lấy tôi và hôn lấy hôn để lên tóc, lên trán, lên mặt tôi và anh em tôi ôm nhau một hồi lâu. Sau đó, Bình Bưởi cũng tới ôm lấy tôi để nhận anh nhận em, trong khi Bình Thanh quay lại bảo hai anh kia;

– Thăng Thịnh với thăng Trọng Loe, đây là anh tao! Chúng mày phải biết sống sao cho phải.

Khi nghe Bình Thanh nói thế, tôi nghĩ đây chỉ là sự giới thiệu thôi. Tôi không ngờ đó là một cái lệnh và lệnh rất nghiêm như tôi sẽ kể dưới đây.

Trong buồng lúc đó đã 4 người, tôi vào là 5, nên một người được cán bộ cho khỏi phải cùm là Trọng, còn gọi là Trọng Loe vì mồm anh rất rộng. Trọng Loe lớn hơn Bình Thanh chừng vài ba tuổi nhưng thuộc dạng bề dưới và không được ngồi ăn chung. Còn anh kia tên Thịnh, mệnh danh là Thịnh Capitaine. Tôi không hiểu tại sao anh có tên đệm tiếng Tây như vậy. Anh này cỡ tuổi với Bình Thanh nhưng người ốm yếu hơn so với Bình Thanh. Thịnh thuộc diện người ngoài, được ngồi chung mâm nhưng chẳng có liên hệ gì với nhau. Tôi nằm chung thớt cùm với Bình Thanh và nằm bên trong.

Tôi cảm thấy mệt mỏi, vì mỗi lần chuyển buồng là phải khám xét đồ đạc, phải khâu vác và nhiều chuyện linh kinh khác. Mặc dù lúc đó người tôi đã khá hơn rất nhiều, nhưng vì cùm lâu quá nên một chân tôi gần như bại liệt và điều kiện sống trong kỷ luật đã làm thân thể tôi hao mòn. Tôi nằm xuống nghĩ ngợi và tự nhiên cảm thấy lạ lùng cho cuộc đời tù của tôi. Lúc này, tôi là một linh mục đang bị nhốt chung buồng với một tướng cướp khét tiếng của miền Bắc và vài tên lưu manh khác. Nhưng lạ lùng thay, đây là con người mà tôi yêu thương một cách đặc biệt.

Tôi thấy trong lòng dâng lên niềm vui khó tả khi nhìn thấy Bình Thanh đang ngồi thu xếp các thứ đồ đạc của tôi cho gọn trong lúc tôi nằm nghỉ. Lần đầu tiên tôi mới thấy Bình Thanh cởi trần, để lộ cái lưng rộng bè bè và bộ ngực nở nang, bụng thon và cặp chân rắn chắc. Bình Thanh xâm trở nhiều hơn tôi tưởng, cả trước ngực và sau lưng. Phía trước là hình “lưỡng Long tranh Châu”, hai con rồng thật to tranh nhau trái châu. Phía sau là hình Phật Bà Quan Âm chiếm trọn cái lưng. Bên dưới có hình lưu hương đang tỏa khói và bên dưới nữa là hai hàng chữ:

Khi tôi chết ai là người xây nắm mộ

Cổ quan tài ai khóc tiễn đưa tôi?

Hai bên cánh tay cũng xâm hình ngọn đuốc tự do, bên kia là cây kiếm báu. Sống lâu với tù hình sự,

tôi nghiệm ra hai thứ để làm thành một anh tù thuộc diện lưu manh. Đó là xâm trổ và chửi thề hai tiếng ĐM! Thiếu một trong hai thứ đó không thể là một “lưu manh toàn diện” được.

Tư Cách Một Đàn Anh

Lúc mở cửa cho ăn, chúng tôi được ra ngoài chạy chơi, phơi áo quần và rửa buồng. Những việc này chỉ có được từ khi anh Bảy Chà làm trật tự. Khi mang thức ăn vào buồng, chính Bình Thanh đứng ra chia thức ăn. Trong buồng có 5 người nên Bình Thanh chia ra làm 5 phần bằng nhau. Sau khi chia, anh gạt ngay 2 phần cho Trọng Loe, nói:

– Mày làm nhiều, mày ăn nhiều!

Bốn người còn lại chỉ có 3 phần ăn để chung vào nhau và lúc nào Bình Thanh cũng nói:

– Anh với Bình Bưởi ‘liếm’ đi! Em chết thế nào được!

Và Bình Thanh nhường phần ăn của mình cho anh và cho em, còn anh ta chỉ ăn một chút để đừng chết đói. Sau này khi có ai cho thứ gì, nếu nhiều thì Bình Thanh ăn một tí, còn ít thì Bình Thanh nói:

– Thôi anh với Bình Bưởi liếm đi!

Có lần, chị tôi từ miền Nam ra thăm trong khi tôi đang sống chung buồng với Bình Thanh, khi trở vào buồng, tôi có mang theo một ít thức ăn. Bình Thanh chỉ để lại một phần vừa đủ cho 5 người trong buồng ăn một bữa, còn lại bao nhiêu phân chia từng gói nhỏ và đem phân phát cho tất cả các buồng trong khu kỷ luật. Tới buồng nào anh cũng nói:

– Đây là quà của anh tao cho. Chị tao từ miền Nam mang ra, chúng mày ăn lấy thảo với anh em tao!

Dĩ nhiên, chúng tôi cũng dành ra một chút quà để gửi qua cho các linh mục đang ở khu kiên giam Nhà Bàng, chỉ cách một bức tường với khu kỷ luật. Tôi rất hài lòng với việc làm này của Bình Thanh, vì anh em tôi vẫn nói với nhau, kiếp tù là khổ chung, làm gì để an ủi và cho nhau một chút niềm vui cũng là điều nên làm. Khi làm như vậy, chính Bình Thanh cũng muốn mua nhân nghĩa và để mọi người quý mến tôi.

Trong lần chị ra thăm đó, tôi được gặp chị 15 phút. Tôi đã nói với chị thật nhiều về Bình Thanh là người em kết nghĩa. Tôi cũng nói là sẽ có ngày Bình Thanh tìm tới thăm chị dưới một hình thức ngụy trang nào đó. Vì từ khi gặp nhau, chúng tôi đã hoạch định một kế hoạch vượt ngục rồi.

Trong buồng, Trọng Loe thuộc diện bề dưới nên anh phải làm tất cả mọi việc như quét lau sàn, lấy nước, giặt giũ ở giếng cạnh phía sau, lấy áo quần phơi vào buồng v.v... Nói chung, anh ta phải làm tất cả mọi việc trong buồng và lúc nào cũng để mắt nhìn Bình Thanh coi có điều gì anh làm cho Bình Thanh bực mình hoặc trái ý không. Mỗi lần Bình Thanh nói gì với anh, tôi thấy Trọng Loe mặt mày tái mét và run rẩy. Tôi không ngờ anh ta sợ Bình Thanh đến độ như vậy.

Tôi cũng không ngờ Bình Thanh lại quá khắt khe đối với Trọng Loe nên có lần tôi đã vô tình gây ra một việc làm tôi hối hận. Vì Trọng Loe biết Bình Thanh rất quý và tôn trọng tôi nên anh ta cũng biết phải đối xử với tôi như thế nào rồi. Nhưng một ngày kia, trong giờ mở cửa lấy thức ăn, tôi ra bẻ cạnh phía sau giặt áo. Vừa chùng, Bình Thanh gọi tôi vì có một đàn em dưới làng leo qua tường vào khu kỹ luật và muốn chào tôi. Tôi nói với Trọng Loe đang xách nước kế bên:

-Trọng Loe, giặt giúp anh cái áo rồi phơi trên tường rào nhá!

Tôi không nghe anh ta đáp lại nên nghĩ là anh đã nhận lời nên để áo đó và chạy ra phía trước. Việc Trọng Loe có vẻ lăm li và không trả lời tôi làm tôi suy nghĩ. Hay là tôi đã làm gì cho anh ta buồn chẳng? Nhưng thấy chẳng có chuyện gì, vì tôi đối với anh ta rất tốt. Chợt tôi nhớ lại trường hợp Sửu Què. Lúc đó, vì Bình Thanh coi trọng Khuân làm cho Sửu Què tức bực mới sanh chuyện. Bây giờ, có thể Trọng Loe bực tức vì Bình Thanh quý mến tôi chẳng? Tôi cứ suy nghĩ điều đó cho tới lúc vào buồng. Trong lúc Bình Thanh đang chia thức ăn, tôi nhìn ra không thấy áo phơi đâu cả, mới hỏi Trọng:

-Trọng, áo anh nhờ giặt, em phơi đâu không thấy?

Trọng Loe trả lời với vẻ mặt đanh lại, tôi chẳng hiểu anh ta bực chuyện gì:

-Anh không thấy em bận, lấy nước còn không kịp sao?

Câu trả lời móc họng quá bất ngờ của Trọng Loe làm tôi nổi giận. Vì trên nguyên tắc, trong buồng này anh ta phải làm mọi việc cho tất cả mọi người, và bù lại Bình Thanh cho anh ta hai phần ăn mỗi bữa. Nhưng tôi không bao giờ cậy thế anh em hoặc dùng miếng ăn để sai khiến anh ta. Tôi đã hiểu và đau khổ quá nhiều với tâm trạng của một người tù thất thế. Tôi thương cho thân phận của Trọng Loe, một vợ 2 con, chẳng qua vào tù vì yếu đuối mà phải chịu lép vế dưới luật tôn ti trật tự của giới lưu manh. Những việc có thể làm tôi đều làm và không sai khiến Trọng như các anh khác trong buồng. Tôi nói với Trọng:

-Trọng, sao em trả lời với anh như thế? Anh biết em bận lấy nước chứ. Nhưng nếu em không giặt áo giúp anh được em phải nói cho anh biết. Đàng này, em không nói gì cả, anh tưởng em đã nhận lời. Nếu em bận, anh sẽ giặt lúc khác có sao đâu!

Nãy giờ Bình Thanh đang chia thức ăn, vụt bật dậy như một cái lò xo, bước tới chụp cái gối bó bằng chiếu, rút con dao dẫu trong đó ra. Con dao này chỉ bé bằng đầu ngón tay, làm bằng thanh sắt dài đập dẹp một đầu. Cầm dao trong tay, Bình Thanh quát:

– ĐM mày Trọng Loe, mày quá đáng, mày quá đáng! ĐM mày, anh tao mà mày còn coi không ra gì thì tao mày coi ra gì? Cái loại chó như mày không đáng sống trên đời.

Vừa nói, Bình Thanh vừa chụp ngực áo của Trọng Loe quật nằm ngửa xuống bệ nằm, tay phải giơ cao con dao định đâm xuống. Thấy vậy, cả ba người chúng tôi vội lao tới chụp lấy cánh tay Bình

Thanh, nhưng anh ta quá khỏe, vung một phát hai anh kia văng ra. Tôi vẫn nắm lấy cánh tay Bình Thanh, cố gỡ con dao ra, miệng quát thật to:

-Bình Thanh! Bình Thanh! Tha cho nó. Em nghe anh, em làm như thế anh mang tiếng ác!

Mặc dù trong cơn điên tiết nhưng nghe tôi nói thế, Bình Thanh chịu để cho tôi gỡ lấy con dao ra khỏi tay và dùng hai bàn tay chụp cổ Trọng Loe dựng đứng lên. Lần đầu tiên tôi thấy được cơn thịnh nộ của Bình Thanh. Đôi mắt Bình Thanh trở nên hoang dại như đôi mắt hổ. Hàm răng rít lại, cầm dưới đưa ra xa. Các bắp thịt trên người được vận dụng nổi lên cuộn cuộn. Hai tay nắm cổ Trọng Loe, lúc này như một hình nộm, nhấc lên cao và quát vào mặt:

– ĐM mày, nếu không vì anh tao, tao đã giết chết đồ chó đẻ mày rồi! Mày hiểu chưa? Mày hiểu chưa?

Vừa hỏi, Bình Thanh vừa lắc thân thể Trọng Loe lúc này như một cây sậy. Sau đó, Bình Thanh xô anh ta ra xa, rồi chụp tay kéo thật mạnh lại trong lúc co cùi chỏ lên kê đúng giữa ngực. Tôi nghe một tiếng “lự” và thấy máu tươi từ miệng Trọng Loe trào ra, chảy lênh láng dưới sàn. Tiện tay, Bình Thanh xô Trọng Loe nằm sấp lên vũng máu. Một cảnh tượng thật kinh hoàng diễn ra trước mắt tôi. Cái cảnh lưu manh trị nhau trong tù!

Tôi đỡ Trọng Loe nằm lên bệ, lau chùi máu trên người và xúc dầu cao cho anh ta. Qua cơn kinh hoàng, Trọng Loe gượng mở mắt ra, nhìn tôi và nói nhỏ:

– Em cảm ơn anh!

Tôi ngồi nhìn người bạn tù, cảm thấy hối hận và xót xa trong lòng, đáp lại:

-Trọng, anh xin lỗi em, em đừng oán trách!

Trọng Loe lắc đầu nhè nhẹ và nhắm nghiền đôi mắt.

Đêm đó, tôi trách Bình Thanh quá nặng tay với Trọng Loe khi tội nó không đáng bị như thế, và việc nó bị đòn nặng làm tôi cảm thấy buồn và hối hận. Bình Thanh trả lời:

– Anh là một nhà tu nên lúc nào cũng nói tới chuyện thương người. Bọn lưu manh chúng em nó khác. Không thể, không trị được chúng nó đâu anh ạ! Anh biết không, chưa bao giờ em rút “gươm ra khỏi vỏ” mà xô trở vào nếu chưa dính máu. Chỉ trừ lần này vì anh mà em lỗi quy luật!

Sau đó, Bình Thanh nhắc lại chuyện của Bùi Đình Thi mà tôi đã kể chi tiết cho Bình Thanh nghe. Cũng trong đêm đó, Bình Thanh nói:

-Anh thấy đó, thằng Trọng Loe nó chỉ hỗn với anh thôi, em đã trừng trị nó như thế nào. Còn thằng Bùi Đình Thi, ĐM nó, cái số nó còn lớn! Nếu lúc này nó còn ở tù, trại này hay bất cứ trại nào khác, thì thật là cái phúc cho em! Nhưng em không giết loại người như nó, giết bần tay lắm. Em chỉ muốn xin nó cặp

pha và đôi đũa. Còn cất nó là mình vô tình làm phúc cho nó!

Tôi trả lời:

– Chuyện của Bùi Đình Thi đã ba năm qua. Lúc mới bị đòn, anh cũng điên tiết lắm nhưng bây giờ anh đã nguôi ngoai rồi. Anh đã tha thứ cho nó, vì tha thứ làm tâm hồn anh được thanh thoi...

Bình Thanh cướp lời tôi:

-Sao anh lại nói thế? Tội nó làm sao tha thứ được anh?

Tôi đáp:

– Anh là một linh mục. Anh là người rao giảng tình thương và sự tha thứ mà Chúa Giêsu đã dạy và làm gương!

Bình Thanh nghe tôi nói thế cười bên tai:

– Anh à! Ông Chúa của anh buồn cười thật. Chắc chắn là ông ta không thể là Chúa của em rồi!

Tôi nghiêm giọng:

– Bình Thanh! Anh không muốn em điếu cọt trong vấn đề này. Tôn giáo là vấn đề lớn của con người trên mặt đất. Anh muốn em phải có thái độ tôn kính khi nói đến tôn giáo. Bất kỳ một tôn giáo nào mình cũng phải tôn trọng cả. Em nói là em tôn trọng anh, tại sao em lại xúc phạm tới Thiên Chúa là Đấng anh tôn thờ! Em làm anh buồn.

Bình Thanh nghe tôi nói thế, quay sang ôm vai tôi nói:

– Anh Út! Em nói đùa thôi, em nói đùa cho vui. Em không có ý xúc phạm Đấng Bề Trên đâu. Có điều anh nói tới việc tha thứ cho thằng Bùi Đình Thi làm em khó hiểu quá. Khi nghe kể về hành động ác nhân của nó trong trại này và việc nó hành hạ anh, nghe qua em đã nổi điên lên rồi. Hôm anh vào buồng, khi em ôm thân thể chỉ còn bộ xương của anh làm em nhớ lại cảnh thằng Thi nó quần thảo anh làm máu em sôi lên. Bây giờ, anh lại nói chuyện tha thứ cho tên sát nhân đó. Thực em khó hiểu quá. Em là một thằng lưu manh, em không phải là một Cha đạo như anh!

-Nhưng em là em của anh.

– Anh nói đúng, vì là em của anh nên em phải làm nhiệm vụ của em.

Tôi hỏi lại:

– Nhiệm vụ gì?

-Nhiệm vụ báo thù cho anh.

Tôi thấy Bình Thanh cứ loanh quanh vấn đề này nên nói:

-Anh đã nói là anh tha thứ rồi thì còn thù gì nữa mà báo. Vả lại, báo thù thì chuốc oán thôi, ích lợi gì?

Bình Thanh cãi lại:

-Anh tha là chuyện của anh, còn ân oán giang hồ là luật của cuộc đời, của bọn lưu manh chúng em.

– Thế em không nghĩ là tình thương và sự tha thứ mang lại hạnh phúc cho con người, còn ân oán giang hồ chỉ tạo thêm hận thù, ghen ghét làm khổ con người sao?

Bình Thanh mĩa mai:

-Anh Út! Anh đang giảng đạo cho em đấy à?

-Đúng, anh đang giảng đạo cho em đây. Nếu anh không giảng cho em thì còn giảng cho ai, vì anh thương em quá là thương!

Bình Thanh suy tư một lúc rồi nói:

– Anh Út ơi! Lúc này anh chưa giảng đạo cho em được đâu. Em sanh ra để làm thằng lưu manh chứ đâu phải để làm con Chúa. Làm con Chúa mà bắt em tha thứ thì em không thể nào làm con Chúa được.

Tôi nói rất nghiêm túc:

– Bình Thanh à! Có rất nhiều người lúc đầu cũng nói như em, nhưng có một ngày rồi ơn Chúa đến để cải đổi tâm hồn họ và họ đã thành con Chúa.

Bình Thanh nói nghiêm trang:

– Em mong ngày đó đến với em.

Tôi nắm lấy bàn tay đưa em tướng cướp nói nhỏ:

-Anh cầu nguyện cho em.

Bình Thanh để tay trong tay tôi rất lâu, rồi nở nụ cười thật hồn nhiên, nói:

– Em không ngờ đời em lại có người anh là một linh mục!

Tôi đáp ngay:

-Anh cũng không ngờ đời anh lại có người em là một tướng cướp. Tướng cướp Bình Thanh.

Hai anh em yên lặng một lúc, Bình Thanh thờ dài nói:

– *Đời, c'est la vie!*

Tôi cười:

– *Em học ở đâu được câu tiếng Pháp đó?*

Bình Thanh trả lời:

-Thế anh không thấy câu đó xăm trên lưng em à?

Tôi nhớ lại trên lưng của Bình Thanh có xăm hình Phật Bà Quan âm rất to, bên dưới là lư hương tỏa khói, kế đó là câu 'Đời, c'est la vie!' và bên dưới cùng là câu: "Khi tôi chết ai là người xây nấm mộ? Có quan tài ai khóc tiễn đưa tôi?"

Trọng Loe nằm liệt mấy ngày rồi trỗi dậy lo các việc thường ngày. Trong thời gian anh nằm thì Bình Thanh quan tâm cho anh ta thức ăn, mà anh em dưới làng đã gửi lên.

Kiếp Sóng Giang Hồ

Những ngày tháng cùm chung này là dịp để anh em tâm tình với nhau về cuộc đời mình. Bình Thanh tên thật là Đỗ Thanh Bình, năm đó 33 tuổi, quê ở Hưng Yên, gia đình khá giả. Bố là một Thiếu tá công an, mẹ là giáo viên. Lớn lên, Bình học rất thông minh, văn hay chữ tốt và rất khéo tay. Lúc trưởng thành, Bình rất khỏe mạnh, thân hình rắn chắc.

Về tâm tính, ngay từ bé đã bày tỏ chí khí hiên ngang, đôi lúc tới chỗ bạo động. Trong một lần, lúc chưa được 20 tuổi, Bình đã can thiệp cho một người bị công an chặn xe làm tiền trái phép. Cậu đánh anh công an máu me lênh láng nên bị bắt nhốt vào đồn. Bố nghe tin, tới xin lãnh về. Nhưng bố vừa tới nơi đã thấy mọi người rầm rộ đổ xô đi tìm, vì anh lợi dụng lúc người lính gác dẫn đi đại tiện bên ngoài, đã đánh gục anh lính gác và chuồn khỏi nhà giam của đồn công an. Từ đó, Bình không trở về nhà nữa, phiêu bạt khắp nơi, kết nạp băng đảng. Với tính khí bạo động và chống lại sự đè nén bắt công của xã hội, triệt tiêu giới cầm quyền áp bức, bênh vực người cô thế, cộng với thân hình vạm vỡ và diện mạo khôi ngô, Bình được nhiều anh em nể phục và sớm trở thành khuôn mặt có tên tuổi trong giới giang hồ miền Bắc.

Vốn khéo tay và mưu lược, Bình tổ chức băng đảng, khi giả dạng bộ đội, khi giả dạng công an với tất cả mọi thứ giấy tờ, chứng minh thư còn "thật hơn là giấy thật!" Nhiều anh bộ đội, cả sĩ quan nữa, "nhảy dù" đi phép, đã phải chết cay chết đắng vì bị "Thượng úy Bình Thanh" xét giấy tờ và tóm được giải vào đơn vị nhốt. Có năn nỉ kiêu gì "Thượng úy Bình Thanh" cũng không tha!

Bình Thanh đứng đầu băng đảng cướp khi mới 26 tuổi và chuyên "mượn" các kho hàng, xe vận tải của quân đội, các hợp tác xã, kho hàng của xí nghiệp quốc doanh. Khi nào kẹt lăm hoặc vào mùa "giáp hạt", mới phải hoạt động trên "bè dài". Cũng trong thời gian đóng giả làm trung úy chỉ huy một tốp lính

lái xe vận tải mà Bình Thanh gặp và yêu một cô gái trong đoàn văn công tên là Hường. Bình Thanh kể lại tôi nghe câu chuyện tình bắt đầu rất nhẹ nhàng nhưng rồi càng lúc càng sâu, và cũng vì lụy với giai nhân mà cuộc đời của một tướng cướp lấy lòng phải chịu đầy gian truân.

Câu chuyện bắt đầu vào buổi sáng kia, trong một lần “Trung úy bộ đội” Bình Thanh và một anh bộ đội đi qua phố ở Hà Tĩnh và vào quán gọi thức ăn. Bàn bên kia có mấy cô gái đẹp đang uống nước, trong đó có một cô chừng 20 tuổi, xinh nhất đám. Bên này, Bình Thanh gọi với sang tán tỉnh và làm quen. Trong khi đó, có năm anh bộ đội khác bước vào, kéo ghế ngồi bên cạnh bàn mấy cô gái. Có lẽ mấy anh bộ đội này người địa phương nên quen biết mấy cô. Hơn nữa, có lẽ ỷ vào số đông nên chặn ngang giữa đường và quay sang nói chuyện với các người đẹp, không coi ông “Trung úy” mặt còn non choẹt và anh bộ đội lạ mặt kia ra gì. Tướng cướp Bình Thanh và tên lưu manh đàn em, không nói một tiếng nào, bước qua túm cổ mấy anh bộ đội đánh luôn.

Vi bị tấn công bất ngờ, không kịp chống đỡ, nên ngay trong giây phút đầu, hai trong năm anh bộ đội đã bị Bình Thanh đánh gục xuống bàn. Còn lại ba chọi với hai. Cuộc ẩu đả bất ngờ làm bàn ghế trong quán vỡ tan tành. Mấy cô gái vội rút vào trong đứng nhìn ra. Chỉ một lúc sau, ba anh bộ đội còn lại cũng nằm gục trong quán dưới những cú đòn ác hiểm của một tướng cướp mà lúc đó ai cũng tưởng là Trung úy bộ đội này. Bình Thanh bị tét môi, máu chảy khá nhiều, đưa cánh tay lên quệt máu. Xong xuôi, anh móc túi lấy một số tiền lớn đặt lên bàn, có ý thường sự hư hại bàn ghế trong quán, cúi nhặt nón cối đang nằm lăn lóc dưới sàn, bước tới nghiêng mình chào người đẹp đang giương đôi mắt bỏ câu ra nhìn, rồi đội nón ra đi, trong lúc đó người đệ tử đứng ngoài cửa quán canh chừng. Chợt người đẹp có đôi mắt chim câu lên tiếng:

– Ông sao ngược!

Bình Thanh nghe nói quay lại, không hiểu cô gái muốn nói gì. Lúc đó cô gái cười thật nhí nhảnh và chỉ vào cái mũ cối trên đầu Bình Thanh nói:

– Ông sao ngược! Anh đội mũ ngược rồi. Ông sao quay về phía sau kia! Ông sao ngược kia!

Thì ra trong lúc vội vã, hoặc là bị người đẹp “hóp hòn” khiến Bình Thanh không còn để ý gì chung quanh nên đội mũ lộn ngược ra sau mà không hay biết! Ba tiếng “Ông sao ngược” của người đẹp có đôi mắt chim câu trong một quán ăn buổi sáng hôm đó, đã trở thành những nốt nhạc đầu tiên trong bản tình ca vô cùng thấm thiết nhưng đầy nước mắt và đau thương giữa một giai nhân xứ Hà Tĩnh và một tướng cướp hào hoa.

Giai Nhân và Tướng Cướp

Cuộc tình của hai người càng ngày càng thấm thiết mặn nồng. Bình Thanh nhiều lần đưa Hường ra thăm Hà Nội, nơi mà Hường chưa có dịp ra. Những lần đi xem phim, xem kịch, xem xiếc với người tình sĩ quan đẹp trai và hào hoa đã làm Hường vô cùng hạnh diện. Các loại quà cáp, áo quần, nữ trang mà

Bình Thanh sắm sửa cho đã làm cho Hường vốn đã đẹp lại càng đẹp hơn.

Từ đó, cuộc đời người con gái trong ban múa của đoàn Văn Công xứ Hà Tĩnh chỉ toàn là màu hồng. Nhiều lần, bố mẹ nàng có đề cập tới việc tổ chức đám cưới cho Hường và Bình, nhưng Bình cứ tìm cách nói khéo là chờ thêm một thời gian. Thực ra, Hường chưa thấy cần thiết phải có đám cưới, một phần vì nghề nghiệp của nàng, phần khác, cuộc sống mặn nồng của một người tình đối với nàng đã quá hạnh phúc. Việc tổ chức đám cưới tất nhiên sẽ tới, nhưng còn phải một thời gian.

Thương cho Hường sống với người yêu gần hai năm trời mà không hề biết Bình Thanh là người sống ngoài vòng pháp luật, cứ tưởng là một sĩ quan trong ngành vận chuyển. Lúc nào cũng thấy có lính tráng đi theo, súng ống đầy người và lái những xe tải chở đầy hàng hóa, nhưng thường là chờ về đêm.

Cho tới một đêm nọ, trăng sáng thật tỏ, sau khi lái xe về nhà Hường xong, Bình và cả bọn ra sông tắm trong lúc Hường làm cơm. Bữa cơm đã sẵn sàng nhưng chưa thấy Bình trở lên nên Hường ra bờ sông gọi Bình và lính tráng về ăn cơm. Bình đang tắm, nghe Hường gọi, cứ thế lội lên bờ, trong khi chỉ bận chiếc quần đùi và áo thun trắng mà chẳng để ý gì. Vì áo thun trắng ướt, dính sát vào người nên dưới ánh trăng, người Bình để lộ ra toàn bộ hình xăm trổ trên thân thể, cả trước ngực lẫn sau lưng đều xâm kín hết. Đây là sự vô ý rất tai hại vì trong suốt thời gian qua Bình đã chủ ý che giấu việc này bằng mọi cách và không bao giờ để cho Hường thấy lúc anh đang cởi trần.

Hường vô cùng kinh ngạc với sự phát hiện bất ngờ này, khi nhìn thấy thân thể Bình dưới ánh trăng sáng tỏ. Chừng đó, Hường mới té ngửa ra. Gạn hỏi mãi, cuối cùng, Bình đành phải thú nhận tất cả sự thật. Bình là một tướng cướp giả dạng sĩ quan ngành lái xe, vì bộ đội đâu được quyền xâm trổ như vậy. Hường khóc hết nước mắt về chuyện này! Bình Thanh đã quỳ xuống trước mặt Hường, xin Hường tha thứ:

– Vì quá yêu em, anh không dám nói sự thật. Anh sợ mất em!

Hường đau khổ vô cùng khi biết Bình Thanh là con người sống ngoài vòng pháp luật, nhưng vì tình yêu đã quá mặn nồng nên từ đó, Hường đành phải chấp nhận là người tình của tướng cướp Bình Thanh. Một chuyện mà chỉ có mình nàng biết.

Hai năm sau, lúc Bình Thanh 28 tuổi, bị “bể” trong vụ đánh cướp cửa hàng lương thực tỉnh Hải Dương, anh bị bắt và bị kêu án 10 năm, giam ở một trại trong tỉnh Quảng Ninh. Hường từ miền Trung lặn lội ra thăm Bình trong tù ở tận vùng cực Bắc. Vào tù chưa đầy một năm, Bình Thanh vượt ngục. Công an theo dõi và biết anh có người yêu ở Hà Tĩnh, nên cử người kiên nhẫn theo dõi Hường và cuối cùng đã vây bắt được Bình Thanh ở Hà Tĩnh.

Lúc bị bắt, anh chống cự, bị người công an đánh nên anh tức khí, giật súng tháo chạy, công an đuổi theo nhắm bắn, anh quay súng lại bắn chết công an, nhưng chạy không thoát vì bị dân quân bắt được. Ra tòa, Bình Thanh bị kêu án mới 15 năm, hủy án cũ. Từ đó tới nay, 6 năm qua, Bình Thanh đã vượt

ngục tất cả 5 lần. Lần nào cũng thành công, nhưng rồi bị bắt lại vì tay anh hùng hảo hán này là người rất nặng nghĩa tình và lụy sắc đẹp của giai nhân! Khi chuyển về Thanh Cẩm, Bình Thanh còn mang bản án 15 năm vì mỗi lần vượt ngục lại bị tăng án. Nhưng Bình Thanh nói với tôi: “Án thì án thế thôi, có nhà tù nào giam hãm được em đâu anh”!

Nằm chung một thớt, cùng chung một cùm và nghe Bình Thanh kể lại chuyện cuộc đời mình và Hường, tôi quá thương cho người con gái. Mặc dù chưa biết mặt, nhưng lúc này, Hường đã là em dâu của tôi. Định mệnh đã đưa cô vào chiếc quán ăn năm nào và cũng định mệnh đã khiến cô phát ra ba tiếng “Ông sao ngược” trong lần đó để rồi đời người con gái đẹp phải dở dang vì yêu say đắm một tướng cướp. Và nếu như sau này, Hường biết được đoạn cuối cuộc đời của Bình Thanh như tôi đã biết thì nàng sẽ đau khổ tới đâu?

Anh Hùng Náo

Khi tôi từ chối vào buồng 5 với mấy anh Trung Quốc để vào buồng 2 với Bình Thanh thì Phi Tàu, một anh Trung Quốc to lớn như đồ vật, vào buồng đó thay tôi, và anh này cũng không phải là tay vừa. Có điều là anh ta thâm trầm và mưu lược, không quá lưu manh lộ liễu như Lý Đức Nghĩa. Có thêm Phi Tàu vào, số phận của anh tù ốm yếu Lưu Tùng càng bi thảm hơn. Tôi có nói tình trạng này với trật tự Bảy Chà, không biết anh Bảy có báo cáo lại cho cán bộ không vì vẫn chưa thấy đổi buồng cho Lưu Tùng đi nơi khác.

Càng ngày tôi càng thấy Lưu Tùng xiêu vẹo hơn và tôi biết là đã tới tình trạng báo động. Mấy anh Tàu kia kèm Lưu Tùng rất kỹ, sợ anh ta mách với cán bộ. Một bữa nọ, trong giờ mở cửa cho ăn, thấy Lưu Tùng ngồi phoi nắng một mình ở góc sân và chung quanh không có ai, vì mấy anh Tàu kia người thì lấy nước, người thì giặt giũ đằng xa, tôi bước tới chỗ Lưu Tùng ngồi và hỏi bằng tiếng Phổ Thông:

-Lưu Tùng, có bị chán cơm không?

Anh ta nói nhanh:

-Lý có, chiêu min! (Anh Lễ ơi, cứu mạng tôi!)

Tôi hỏi nhanh là cướp thế nào, anh cho biết hai ngày ăn được một bữa, còn 3 bữa kia bị cướp. Tôi nói lại việc này với anh Bảy Chà, anh nói đã báo cáo cho cán bộ rồi nhưng chưa được giải quyết. Thật ra thì cán bộ chẳng quan tâm gì tới việc những người tù với nhau.

Tôi về buồng nói với Bình Thanh và mấy anh em khác là nếu cán bộ không can thiệp thì mình phải ra tay cứu Lưu Tùng, nếu chờ cán bộ, chắc anh ta sẽ chết trước khi được giải quyết. Trong gần ba năm qua, tôi đã biết rõ về sự dã man, độc ác của ba anh tù Trung Quốc kia. Hơn nữa, hôm nay, chính tại tôi còn được nghe rõ là hai ngày Lưu Tùng mới được một bữa ăn, trong khi người khác ăn mỗi ngày hai bữa còn thấy đói.

Chúng tôi nói trước với anh trật tự Bảy là chiều hôm đó, để tránh rắc rối cho anh, chỉ cần anh mở cửa các buồng xong, anh lánh mặt đi nơi khác chừng 15 phút. Trước đó, vào buổi trưa, tôi thấy Bình Thanh và 3 anh nữa, Bình Bưởi, Tiến Ngựa, Thịnh Capitaine ăn mặc chỉnh tề. Riêng Bình Thanh mang giày vải vào và chuẩn bị những chiếc vớ cẩn thận để làm “chường”. Trước giờ cho ăn chiều hôm đó, khi anh Bảy vừa mở cửa buồng, 5 phía sau, thì nhóm 4 anh nầy chạy bay về phía sau như toán lính đột kích, xông vô buồng 5. Một anh chặn cửa, ba anh nhào vô đánh Phi Tàu, Lý Đức Nghĩa và Chu Vạn Hồi toi bời hoa lá. Bình Thanh dùng “chường” quạt cho Phi và Nghĩa như cả người, máu me văng đầy tường. Chừng 15 phút sau, trật tự Bảy “biết được” chạy tới thì Phi Tàu và Nghĩa nằm như thây ma bất động! Chu Vạn Hồi bị đánh ít hơn còn gượng đứng dậy đi được. Ngay chiều hôm đó, buồng 5 được giải tán mỗi người một nơi, nhờ đó, Lưu Tùng kéo dài sự sống được vài năm nữa.

Bình Thanh và tôi ở chung buồng khá lâu cho tới đầu năm 1982. Lúc gần Tết, chúng tôi chuyển qua buồng 1 ở góc nhà. Buồng này chỉ có một cánh cửa thay vì hai cánh như các buồng khác. Trong buồng, ngoài tôi và Bình Thanh ra còn có Thịnh Capitaine và Minh Lùn.

Khi qua buồng 1, chúng tôi đã nghiên cứu hết mọi chi tiết và sẽ tổ chức vượt ngục trong dịp trước Tết. Nếu ra ngoài thành công, tôi sẽ ở miền Bắc với Bình Thanh một thời gian rồi xuôi Nam trước khi tìm đường ra nước ngoài. Nếu lần vượt ngục trước thất bại vì toàn là người miền Nam, lần này với Bình Thanh, người đã vượt ngục thành công 5 lần tại các trại miền Bắc, tôi cảm thấy rất yên tâm. Vả lại, Bình Thanh rất khỏe và rành rẽ đường đi nước bước ở miền Bắc.

Trong buồng, chúng tôi đã chuẩn bị hết mọi thứ cần thiết, nhất là giấy đi đường có đóng dấu ký tên hẳn hoi, chúng nhận là người của hợp tác xã đi lấy lá dong để gói bánh chưng cho hợp tác xã. Tôi phải khâm phục tài khéo của Bình Thanh trong việc tạo giấy tờ và con dấu giả. Trong buồng thì Bình Thanh đã làm một cái móng cùm giả, còn giống hơn móng cùm thật. Bình Thanh luôn miệng nói với tôi:

– Ở những trại giam khác, kiên cố bằng mấy ở đây, em còn ra đi dễ dàng. Trại này chỉ là đồ chơi!

Bình Thanh còn nói với tôi:

-Ra khỏi đây rồi đi với em, anh không phải bận tâm một điều gì cả.

Tôi đang vui mừng về viễn ảnh sẽ vượt ngục ra ngoài và sống phiêu bạt ở miền Bắc với Bình Thanh một thời gian, thì một buổi sáng kia, đúng 10 hôm trước khi chúng tôi hành động, tôi được gọi ra khỏi nhà kỷ luật trước sự bàng hoàng của hai anh em tôi.

Phút Chia Tay

Tôi được tha ra khỏi nhà kỷ luật sau gần ba năm cùm chân, từ tháng 5 năm 1979 tới tháng 2 năm 1982. Tôi từ giả Bình Thanh ra đi mà trong lòng buồn vơi vợi. Cán bộ đưa tôi qua buồng 4 khu Kiên

Giam “Nhà Bàng” sống với một số linh mục. Tôi còn nhớ ở buồng 4 đó, có Cha Cao Đức Thuận, Lê Đức Triệu, Khổng Năng Bao. Khi tôi rời buồng kỷ luật ra đi, Bình Thanh nhớ tôi nên lúc nào mở cửa cho ăn là Bình Thanh cũng nhảy tót và leo qua hàng rào vào buồng kiên giam thăm tôi. Trật tự Bảy chỉ đứng nhìn mà không can vì anh biết là có can cũng không được, nên Bảy đành phải đứng canh cán bộ cho Bình Thanh nhảy rào qua với tôi.

Các linh mục khác trong buồng 4 khu kiên giam lúc bấy giờ, rất ngạc nhiên về tình cảm đặc biệt giữa tôi và Bình Thanh. Khi qua đây, tôi mới biết là trong dịp trước Tết năm đó, Cha Nguyễn Huy Chương, một linh mục lớn tuổi nhất mà chúng tôi gọi là Bố Chương, có cô cháu từ Sài Gòn ra thăm cho khá nhiều quà. Vì rất thương tôi, Bố Chương biếu cho cán bộ một ít quà và nói: “Báo cáo cán bộ! Tôi nghiệp anh Lễ bị cùm chân 3 năm rồi. Nhân dịp Tết xin cán bộ tha cùm cho anh Lễ được qua sống với anh em chúng tôi!”.

Cũng vì lời xin đó mà cán bộ tha cho tôi. Bố Chương cứ nghĩ là đã làm một việc rất tốt giúp tôi. Thực sự, đó là việc vô cùng tốt đẹp nếu lúc đó chúng tôi không có kế hoạch vượt ngục từ khu kỷ luật, và ngày thực hiện kế hoạch đã gần kề. Tôi tiếc vô cùng, nhưng cho đây cũng là ý Chúa.

Gạt Lệ Ra Đi

Mười ngày sau, trong giờ cho ăn chiều, Bình Thanh leo rào qua ôm hôn tôi tha thiết và nói: “Đêm nay em đi, anh cầu nguyện cho em. Em đến chào tạm biệt, và có thể là vĩnh biệt anh!” Nói xong, anh em tôi ôm nhau khóc như mưa. Các người khác trong buồng ngồi nhìn ngạc nhiên không biết nguyên nhân tại sao. Nhưng làm sao tôi nói được lý do.

Trước đó, tôi đã cẩn thận dặn Bình Thanh, chuyến này về đừng bao giờ tìm cách liên lạc với Hường, kéo lại bị sa lưới như những lần trước. Hãy vào Nam gặp chị Hai của tôi trước và các việc liên hệ với Hường về sau này chị Hai sẽ cho ý kiến và thu xếp giúp cho. Tôi cũng giao cho Bình Thanh giữ một tấm hình gia đình của chị dâu và các cháu mà chị Hai mang ra trong lần thăm nuôi vừa qua. Đây là bằng chứng để nếu Bình Thanh có tới thăm, chị sẽ biết Bình Thanh là ai, vì mặc dù tôi đã nói với chị về Bình Thanh nhưng chị chưa biết mặt người em này bao giờ.

Tôi cũng cẩn thận dặn mật mã để Bình Thanh viết thư vào trại cho tôi, nhưng chỉ viết khi vào miền Nam, vì viết từ miền Bắc rất dễ bị nghi ngờ. Tôi dặn là trong vòng ba tháng mà chưa vào Nam được thì phải viết thư vào cho tôi biết. Nếu sau ba tháng mà không có tin gì từ miền Nam hoặc miền Bắc thì coi như Bình Thanh đã chết. Tôi cũng đã dặn dò tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra để giúp Bình Thanh về cuộc sống trong Sài Gòn mà Bình Thanh chưa bao giờ vào. Cuộc chia tay này cảm động nói không nên lời.

Đêm đó, tôi nằm trong buồng 4 khu kiên giam, không chợp mắt một chút nào. Có lúc tôi ngồi đọc kinh lần chuỗi, kêu xin Chúa và Đức Mẹ phù hộ cho Bình Thanh. Tới nửa đêm vẫn chưa nghe tiếng súng

báo động, tôi rất mừng vì biết giờ nào Bình Thanh sẽ ra đi. Thời gian trôi qua đã lâu nhưng vẫn chưa nghe tiếng súng. Tới gần sáng, vẫn chưa nghe. Tới giờ điểm danh cũng chưa nghe tiếng súng. Tôi thăm thì tạ ơn Chúa và biết là Bình Thanh đã thoát. Tới giờ điểm danh sáng, tôi ngồi trong buồng nhìn ra, thấy trật tự Bầy hót hải chạy và báo cáo cán bộ có tù vượt ngục. Có tiếng cán bộ chạy lên rần rật, sau đó là 3 tiếng súng báo động. Bấy giờ trời đã sáng tỏ. Tôi nói ra thành tiếng “Tạ ơn Chúa!”

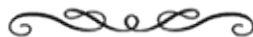
Chiều tối hôm đó, tôi thất kinh khi nghe tiếng ồn ào bên khu kỷ luật, tiếng đánh đập, tiếng la hét. Sau đó, anh Bầy cho biết là Minh Lùn, trong nhóm vượt ngục với Bình Thanh, bị bắt lại, đưa về trại và bị đánh đập tàn nhẫn và chết trong khu kỷ luật. Còn Bình Thanh và Thịnh chưa nghe tin tức, chắc là thoát rồi!

Quãng hơn tháng sau, tôi được thư chị Hai tôi. Sau khi kể chuyện nhà cửa, chị viết: “Chị quên nói với em là tuần trước cháu Hoàng trên đường đi công tác ghé qua nhà thăm chị. Thấy ba người lạ mang súng vô nhà chị sợ! Chừng nhận ra Hoàng chị mừng lắm! Bầy giờ nó là trung úy rồi. Nó bảo lâu quá mới trở lại nên không còn nhớ đường. Phải hỏi người ta chỉ vào nhà mình. Ba người ở lại ăn cơm rồi đi. Hoàng nói tuần sau nó sẽ lên Thành Phố tìm thăm Thu. Nghe nói bây giờ Thu đã dời nhà về Hồ Nai.” Đọc thư chị, tôi mừng suýt nữa la lên. Tôi mừng vô hạn, như vậy là Bình Thanh đã thoát vô Nam, đã gặp chị tôi và sẽ lên Hồ Nai tìm người quen mà chỉ có chúng tôi mới biết.

Chừng vài tháng sau, tôi nhận một thư của người cháu đi bộ đội tên Bùi Thanh Hoàng ở Sài Gòn gửi ra thăm. Hoàng có nhắc lại lần xuống thăm chị tôi ở Vĩnh Long. Hoàng kể lúc đầu chị Hai không nhận ra, chị tôi sợ mất hồn! Nhất là khi thấy súng ống, đạn dược. Hoàng cho biết sau đó lên tìm người bạn ở Hồ Nai và có cho ít quà lưu niệm. Hoàng nói tiếp trong thư là: “Có lẽ cháu sẽ qua Campuchia một thời gian, và sẽ viết cho chú khi thuận tiện”. Tôi đọc thư mừng lắm, nhưng chữ viết không phải của Hoàng, vì tôi còn lạ gì nét chữ đẹp như rồng bay phượng múa của Bình Thanh.

Đó là thư đầu tiên và cũng là thư cuối cùng, vì từ đó, tôi không còn nghe thêm gì về Bình Thanh nữa. Điều này làm tôi rất hoang mang. Nếu không liên lạc với tôi, ít ra Bình Thanh cũng sẽ liên lạc với chị tôi, nhưng tuyệt nhiên không hề có tin tức gì. Sáu năm sau, tức là năm 1988, khi rời trại Thanh Cẩm về lại trại Nam Hà, tôi vẫn không nghe thêm một chút gì về Bình Thanh, một tướng cướp ngang trời dọc biển trở thành người em kết nghĩa của tôi, và tôi vô cùng thương mến.

Trại tù Thanh Cẩm nằm sâu trong vùng rừng núi âm u của tỉnh Thanh Hóa, mà tôi đã sống ở đó 10 năm, đã dệt thành phần lớn kỷ niệm đời tù của tôi, trong đó, tướng cướp Bình Thanh là một dây tơ thật đẹp.



Bút Ký
TÔI PHẢI SỐNG
của Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ
PHẦN III - TỰ DO VÀ HY VỌNG

11 - NGÀY TRỞ VỀ

Tính tới tháng Giêng năm 1988, tôi đã bước vào năm tù thứ 12, trong đó có 11 năm lê lết qua các trại tù khắc nghiệt miền Bắc.

Cho tới thời gian này, số tù nhân miền Nam ở rải rác trong các trại miền Bắc không còn bao nhiêu. Ngoại trừ những người đã bỏ mình vì khổ ải, một số đông đã được tha về và một số khác đã chuyển vào các trại trong miền Nam. Có những người được về khá sớm ngay từ năm 1980. Từ đó, mỗi năm đều có những đợt phóng thích, khi nhiều khi ít, năm nào cũng có. Ngoài những trường hợp được tha lẽ tẻ và bất ngờ, mỗi năm thường có những mốc thời gian để các tù nhân chúng tôi mong đợi và bàn tán. Những dịp để hy vọng đó là Tết Dương Lịch, Tết Âm Lịch, lễ Lao Động 1 tháng 5 và ngày Quốc Khánh 2 tháng 9. Trong năm còn có đợt tha nhân dịp sơ kết và tổng kết, nhưng không nhiều lắm.

Hát Lâu Châu Mỏi

Thời điểm đó tôi đang ở trại Thanh Cẩm. Trại này cũng đã có một số rất đông được về và một số chuyển vào trại Hàm Tân trong Nam. Con số tù miền Nam còn lại trong trại Thanh Cẩm không tới 200 người, trong đó có 29 linh mục. Nếu so sánh với lúc đông nhất vào năm 1979 thì lúc này còn lại không tới một phần ba. Các linh mục ở khu kiên giam mới xây, cũng nhà nóc bằng rất kiên cố, nằm hướng ra cổng trại. Khu nhà này chia ra 6 buồng liền nhau, có tường cao ngăn cách và có cổng vào riêng biệt. Trước mỗi buồng có khoảng sân nhỏ tráng xi-măng sạch sẽ và có bể nước dùng chung cho 2 buồng giáp nhau.

Bên trong cửa sắt của mỗi buồng là lối đi rộng 1 thước từ cửa cái dẫn vào tới vách bên trong, chia ra một bên là nhà cầu có cửa vào và một bên là bệ nằm bằng xi-măng cao khoảng 60 phân, đủ chỗ cho 6 người nằm sát cạnh nhau. Mỗi buồng có một cửa sổ khá rộng chắn song sắt to, nhưng không to bằng song sắt nhà kỷ luật. Cửa sổ này đủ rộng để cho buồng thoáng khí và cũng dễ dàng cho cán bộ nhìn vào kiểm soát. Trên nguyên tắc, khu vực này “nội bắt xuất, ngoại bắt nhập”, nhưng trên thực tế không quá khắt khe như vậy.

Về phần mấy người tù Trung Quốc đang ở trong khu Nhà Bằng, tức là khu Kiên Giam cũ. Những người tù ngoại quốc này đã bị giam hơn 15 năm rồi. Lúc đầu, nhóm của họ khá đông, nhưng dần dần một số

chết bệnh, một số chết đói, có mấy anh vượt ngục bị bắn chết và bây giờ chỉ còn lại 10 người

Khi tôi rời khu kỷ luật qua sống bên kiên giam, và Bình Thanh vượt ngục đi rồi, trại Thanh Cẩm còn xảy ra hai vụ án mạng khác nữa, nhưng toàn là bên hình sự. Vụ thứ nhất xảy ra ở khu kỷ luật khi Yên Con dùng tảng đá to đập đầu Chiến Chàm chết ngay tại chỗ trong giờ phát thức ăn trưa, lúc Chiến Chàm đang ngồi sẵn sóc đấm rau muống anh trồng trước sân khu kỷ luật. Sau đó, Yên Con bị kê án tử hình, nhưng một thời gian sau giảm xuống còn chung thân.

Vụ khác xảy ra dưới làng sau đó ít lâu, khi Minh Con đâm Toàn Quảng một nhát thấu tim, chết không kịp trở. Anh Toàn chết oan chỉ vì gia đình mới tiếp tế cho ít lạc nên để trong hòm khóa lại. Đêm đó, Minh Con mò tới lấy trộm, cầm con dao nhọn đang nạy hòm. Toàn Quảng nghe động thức dậy, ôm chầm lấy Minh Con từ phía sau. Minh Con bị tóm bất ngờ nên đâm ngược ra sau để giải vây, không ngờ thọc mũi dao nhọn đúng ngay vào tim Toàn làm anh ta chết ngay tức khắc! Sau đó, Minh Con bị xử trong một phiên tòa thiết lập ngay trong trại, kê án 18 năm. Cả ba anh Chiến Chàm, Yên Con và Minh Con đều có ở chung buồng với tôi một thời gian trên khu kỷ luật, trong đó Minh Con sống chung buồng với tôi lâu nhất. Minh Con người nhỏ bé, lúc đó khoảng 18 tuổi, nhưng đã là lưu manh chuyên nghiệp từ năm 12, ăn cắp lẹ như sóc và đi Trường Bộ, tức nhà tù thiếu niên phạm pháp, từ năm 13 tuổi.

Luật lệ trong tù tới lúc này cũng khá co giãn, không còn khắt khe như những năm đầu. Người đời thường nói "hát lâu thì châu môi". Hoàn cảnh trong tù cũng vậy, lúc đó, chúng tôi nhận thấy rõ tâm trạng mỗi một bao trùm trại Thanh Cẩm. Không phải chỉ những người tù cảm thấy mỗi một mà ngay cả những cán bộ làm việc trong tù cũng vậy.

Bầu khí căng thẳng, sứt máu, giáo điều và đầy hận thù của những năm đầu khi chúng tôi mới được chuyển ra Bắc không còn nữa và cơn sốt thời cuộc sau khi cộng sản chiếm miền Nam đã giảm cường độ một cách rõ rệt. Một điều ai cũng thấy là bầu khí trong trại tù lúc này dễ thở hơn rất nhiều so với cái thời hắc ám của 10 năm về trước.

Cò Dại Được Mùa

Nhớ lại thời gian mới tới trại này 10 năm về trước, tôi vẫn còn cảm thấy lạnh người và khó hiểu. Tại sao vào thời kỳ đó, lòng dạ con người trở nên kinh khủng như vậy? Hay là lòng hận thù giữa người với người giống như một thứ dịch dễ lây và nhiều người bị nhiễm? Tại sao vào những năm đó, trại Thanh Cẩm lại hội tụ nhiều con người hắc ám như thế? Những người có nhiệm vụ áp đảo và trừng trị tù như cán bộ trực trại, cán bộ an ninh, cán bộ võ trang, hoặc những người thay mặt cán bộ để áp đảo tù nhân như các anh trật tự thì không nói làm gì. Đảng này những anh tù được chỉ định làm các việc chuyên môn cũng hắc ám không kém, như anh văn hóa, và cả anh y tá nữa!

Thời Bùi Đình Thi và Trương Văn Phát làm trật tự, trong trại có một anh tù làm y tá tên Hiền. Vai trò y

tá phải hiểu là để xoa dịu sự đau khổ thể xác cho tù nhân, nhưng anh y tá tên Hiền này lại chẳng “hiền” chút nào. Anh thật là “dữ” và ác đức nên được anh em tặng cho danh hiệu “lượng y như đao phủ” thay vì “lượng y như từ mẫu” như người đời thường hay nói! Riêng anh tù làm văn hóa tên là Thuật thì phải nói là quá quắt.

Chức vụ gọi là văn hóa tức là lo việc phát báo chí, thư từ, quà cáp, giúp cán bộ trong các buổi học tập, nhưng anh văn hóa Thuật này là một biệt lệ. Lúc bấy giờ, Thuật còn rất trẻ, có lẽ chừng 26 tuổi (năm 1979) là cùng. Nghe nói anh là một sinh viên bị bắt vì tham gia phong trào Phục Quốc. Người Thuật thấp bé con con, mặt thò, mũi nhọn, đi chân chữ bát, nói năng sắc bén. Thời kỳ đó tôi đang bị cùm chân trong nhà kỷ luật sau vụ vượt ngục bất thành. Tôi ở trong buồng kỷ luật cùng với 4 người khác. Ban ngày chúng tôi được tháo cùm.

Một buổi sáng nọ, trước giờ cho ăn, tôi đứng bên trong cửa sổ với một anh bạn khác. Hai người chúng tôi trao đổi câu chuyện có mùi “phản động”. Trước lúc nói chuyện, tôi đã cẩn thận nhìn ra ngoài cửa sổ, thường thì cán bộ và trật tự chỉ lên trong giờ cho ăn, và lúc này chưa tới giờ ăn. Khi đang mải mê câu chuyện, tự nhiên tôi có linh tính như có người bên ngoài đang nghe lóm, nên dí mặt vào song sắt nhìn ra ngoài lần nữa cho yên tâm. Vì tường nhà kỷ luật rất dày và cửa sổ lại hẹp, chừng 50 phân vuông nên tầm nhìn ra ngoài rất hạn hẹp.

Khi tôi dí sát mặt vào song sắt nhìn ra thì vừa thấy Thuật đang đứng yên, dựa lưng vào tường. Anh ta đứng nép sát lưng vào vách tường, sát bên cửa sổ. Anh ta đã đứng đó tự bao giờ và nghe tất cả những gì chúng tôi nói. Bị bắt quả tang, tôi ngượng ngùng làm sao! Khi vừa trông thấy tôi, Thuật tiến lại đứng ngay bên ngoài, chỉ cách tôi bằng một song sắt. Trong lúc tôi đang bối rối và ngượng ngùng, chưa biết phải làm gì thì Thuật lên tiếng, giọng nhẹ nhàng và sắc bén:

– Hai anh nãy giờ nói cái gì?

Chúng tôi yên lặng, chưa biết trả lời sao thì Thuật lên tiếng nói tiếp:

-Anh Lẽ, nãy giờ anh nói cái gì? Tiếp tục nói đi. Tôi nghe anh nói nhiều lắm, mà sao bây giờ anh câm? Nói đi! Nói nữa đi!

Tôi thấy tình thế này quá đáng và trơ trẽn quá, nên rời chỗ đứng, định bước vào phía trong, nhưng Thuật lên giọng gọi lại:

– Anh Lẽ, đứng đây, anh không được đi! Anh bước lại đây, tôi muốn nghe anh nói!

Lúc đó, vừa xấu hổ, vừa bực mình, vừa điên tiết trước thái độ quá quắt của anh tù trẻ con này, nên tôi bước lại cái thớt nằm bằng xi măng và ngồi xuống, không thêm quay lại cửa sổ. Thái độ này của tôi làm Thuật nổi giận nên nói to vọng vào:

-Anh Lẽ, lại đây! Hay anh muốn tôi xuống gọi cán bộ lên?

Tôi chọt suy nghĩ rất nhanh, nếu không trở lại cửa, anh ta sẽ bực tức xuống gọi cán bộ hoặc trật tự lên, chắc chắn tôi lại bị một trận đòn nữa, trong khi lần hành hạ vừa rồi làm tôi chưa đi đứng vững. Nghĩ như vậy, tôi bước trở lại cửa và đối diện với Thuật. Anh ta từ bên ngoài chỉ ngón tay gằn đưng vào trán tôi, nghiêm mặt nói:

– Các anh hãy liệu thần hồn! Vào đây rồi hãy bỏ tư tưởng phản động đi nhá. Anh ăn đòn như thế vẫn chưa đủ hả anh Lễ?

Tôi ngượng ngừng đứng lặng yên như trời trồng. Sau câu đó, Thuật dừng lại một chút, đoạn tiếp tục:

– Lần này tôi tha cho, nhưng hãy liệu thần hồn, tôi bắt được mấy anh nói chuyện phản động một lần nữa thì đừng có trách.

Nói xong, anh ta bỏ đi. Chúng tôi quay lại chỗ nằm, nhìn nhau thình lạng. Riêng tôi cảm thấy như máu đang sôi sùng sục lên trong quyết quản làm mặt tôi nóng bừng. Nhưng trong hoàn cảnh đó đành phải cắn răng chịu đựng.

Tình Thế Đổi Thay

Những năm về sau này cuộc sống chúng tôi trong trại Thanh Cẩm dễ thở hơn. Sau những đợt tù chính trị miền Nam được tha về hoặc được chuyển vào Nam, có một số tù hình sự được bổ sung vào và con số tù nhân trong trại lúc nào cũng ở con số chừng 400 người. Khi trật tự Bảy Chà được tha về, thì một anh tù hình sự tên là Tơ lên thay thế làm trật tự. Anh trật tự hình sự này cao to và rất khỏe. Đám tù hình sự rất kiêng nể anh. Mặc dù vậy anh đối xử với số tù chính trị còn lại và nhất là đối với các tù nhân linh mục rất tử tế và kính nể. Ngược lại chúng tôi cũng giúp anh về nhiều mặt vì lúc đó chúng tôi nhận được quà tiếp tế từ miền Nam tương đối dễ dàng.

Chúng tôi gọi anh trật tự Tơ bằng cái tên thân mật là “Jimmy” theo cách thức trong báo viết tên của vị tổng thống Hoa Kỳ lúc bấy giờ là ông Jimmy “Ca-Tơ “. Điều đáng nói là suốt thời gian 4 năm từ 1977 tới 1981, ông Jimmy” Ca-Tơ “ làm tổng thống Mỹ, tôi chỉ biết tên ông trên mặt báo nhưng chưa bao giờ được trông thấy hình của ông nên cũng chẳng hình dung được con người ông ra sao!

Tính từ năm 1979, hai năm sau ngày tôi ra Bắc, đến nay đã gần 10 năm qua, tình thế lúc này đã khác đi rất nhiều. Tù nhân chúng tôi được liên lạc với gia đình, được có người nhà trong Nam ra thăm nuôi và được nhận quà gửi ra theo đường bưu điện. Cuộc sống trong tù khá hơn và những người có gia đình khá giả hay có bà con nước ngoài tiếp tế thì dư thừa, sống xa hoa trong trại. Trong khi đó, các cán bộ vẫn thiếu thốn, nghèo xơ nghèo xác. Dần dần, họ hiểu ra những công thức chính trị rỗng tuếch không làm cho bao tử người ta đầy, không mang lại cơm hai bữa, không mang lại áo quần, thuốc men cho cuộc sống hàng ngày.

Nếu cả nước lúc đó đang lâm vào tình trạng đói khổ, thì các cán bộ làm việc trong các nhà tù là những

người thiết thòi nhất. Trong tình thế đó, đồng tiền lại ngoi lên chiếm vị trí cố hữu ngàn đời của nó, như lối định nghĩa đồng tiền của mấy anh tù hình sự bằng mấy câu có vần như sau: “Đồng tiền là Tiên là Phật, là sức bật của tuổi trẻ, là sức khỏe của tuổi già, là đà danh vọng, là lọng che thân, là cân công lý. Đồng tiền hết ý!”

Và đồng tiền “hết ý” thật! Chính đồng tiền đã trở thành cây cầu bắt ngang lằn ranh giữa cán bộ và tù nhân để tạo nên mối tương quan hai chiều. Trong mối tương quan này, cả hai cùng có lợi. Vào những năm cuối cùng ở trại Thanh Cẩm, các anh em linh mục chúng tôi sống chung nhau trong một khu vực ngăn cách với số tù nhân khác. Lúc bấy giờ có một số giáo dân xứ Bắc Hải ở khu vực Ngã Ba Ông Tạ trong Nam vì thương hoàn cảnh các linh mục bị tù quá lâu nên đã tự động quyên góp và tổ chức gửi quà cho chúng tôi theo đường bưu điện. Nhờ đó cuộc sống của nhóm linh mục không còn phải thiếu thốn như các năm đầu.

Chúng tôi không hề biết mặt những ân nhân hiếm có này, chỉ biết họ qua các tên đề ngoài những gói quà và các thư ngắn kèm theo. Dần dần chúng tôi trở nên thân thiết với các bà các cô trong nhóm ân nhân đó. Trong hoàn cảnh ấy chỉ có các phụ nữ mới có thể làm các việc như thế mà không sợ bị dòm ngó, theo dõi. Tôi vẫn nhớ và biết ơn những chị em trong nhóm này như các chị Đinh Thị Thập, Nguyễn Thị Dương, Cát Thị Kim Chi, hai chị em Trần Thị Nhị và Trần Thị Kim Loan, Ông Bà Kim Tâm và một số người khác nữa mà tôi không nhớ tên.

Ngoài ra lúc đó anh em linh mục trong tù cũng nhận được quà tiếp tế của Thầy Chiếu, Cha Vũ Khoa Cử, Cha Phạm Hữu Nam từ Sài Gòn và của Cha Mai, thay mặt đức Hồng Y Trịnh Văn Căn ở Hà Nội gửi giúp chúng tôi. Cha Phạm Hữu Nam ở tù chung với chúng tôi nhưng được về sớm. Khi về Sài Gòn, Cha Nam đã cùng với người cháu là cô Nguyễn Thị Hải rất tận tình lo gửi quà giúp cho số linh mục còn lại trong tù.

Các linh mục, tuy là ở khu kiên giam nhưng nhờ sự giao tế quà cáp với cán bộ, nên thỉnh thoảng chúng tôi cũng tiếp xúc được với anh em trong các buồng khác. Nhờ đó, chúng tôi có thể giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho một số người cần giúp, nhất là những người sống trong trại lâu năm mà không có thân nhân, đặc biệt là nhóm tù hình sự. Vì sự giúp đỡ rộng rãi đó mà anh em trong trại lúc bấy giờ, mỗi khi nhận được quà, thường gọi đùa là “Vatican viện trợ!”

Lúc đó chúng tôi cũng được phát báo để đọc hàng ngày, tiếng trong tù gọi đọc báo là “học tập báo chí”. Chỉ có hai tờ báo là tờ Nhân Dân và Quân Đội Nhân Dân. Tôi để ý thấy lúc bấy giờ người ta dùng hai chữ nhân dân khá nhiều. Cái gì cũng nhân dân, tòa án Nhân Dân, công an Nhân Dân, quân đội Nhân dân, viện kiểm sát Nhân Dân. Có điều tôi không hiểu và vẫn còn thắc mắc hoài là tại làm sao người ta lại không gọi Ngân Hàng Nhân Dân mà lại gọi là Ngân Hàng Nhà Nước!

Tin tức báo chí thật ra chẳng có gì đáng chú ý. Vì là cơ quan tuyên truyền của đảng nên các bài báo phần nhiều nặng nề chính trị đầy những lý luận khô khan và nặng nề. Báo Quân Đội Nhân Dân thì

thỉnh thoảng còn có các bài viết về khoa học, lịch sử, y học... Còn báo Nhân Dân thì toàn chính trị là chính trị. Cầm tờ báo lên chẳng biết đọc cái gì!

Nơi trang nhất của báo Nhân Dân bao giờ cũng đăng tin tức về thành quả nông nghiệp. Thành tích thu hoạch các vụ Hè Thu, vụ Đông Xuân của hợp tác xã này hoặc hợp tác xã nọ là bao nhiêu tấn thóc. Bao giờ các vụ thu hoạch này cũng vượt chỉ tiêu. Có những hợp tác xã vượt chỉ tiêu thấy mà phát sợ. Đọc tin tức nông nghiệp trên báo Nhân Dân nhiều lúc tôi đâm ra lo. Nếu tình trạng bội thu này kéo dài mà nhà nước ta không lo xuất khẩu gạo cho nhanh thì đất nước ta lấy kho lẫm đâu mà chứa cho hết số thóc vượt chỉ tiêu! Có lần chia sẻ sự lo lắng này với một anh bạn tù, anh mỉm cười nói nhỏ vào tai tôi: “Anh đừng có lo, trong tờ báo Nhân Dân này chỉ có cái ...địa chỉ tòa soạn là in đúng thôi!”

Điểm đặc biệt của báo Nhân Dân là rất ít đăng hình ảnh. Chỉ trừ một bức hình nho nhỏ nơi trang nhất, hoặc cùng lắm là có thêm một hình nhỏ hơn ở cuối trang, còn lại kín cả tờ báo toàn chữ là chữ! Bình thường cầm tờ báo lên đã chóng mặt với cái rừng chữ, nhưng nếu vào các dịp đại hội đảng thì chữ nghĩa càng nhiều và nhỏ hơn! Tôi nhớ những lần tờ báo đăng nguyên văn bản báo cáo chính trị của Tổng Bí Thư đảng. Nhìn bản báo cáo chính trị trải dài hết trang này qua trang khác của tờ báo làm tôi rợn người.

Có lần tôi cũng quyết tâm đọc thử một lần coi người ta nói cái gì trong bản báo cáo chính trị đó mà chữ nghĩa tràn giang đại hải như vậy. Sau khi đọc mỏi cả mắt tôi mới thấy người ta viết thật nhiều nhưng ý chẳng được bao nhiêu. Tôi chợt nghĩ thương cho các đại biểu ngồi trong hội trường phải nghe cho hết bản báo cáo chính trị này, thỉnh thoảng còn những chỗ dừng lại để vỗ tay theo người đọc nữa, chắc cũng mệt không kém gì tôi đang ngồi đập đá dưới nắng mùa hè trong trại tù Thanh Cẩm trong ngày có gió Lào!

Báo Quân Đội Nhân Dân dễ đọc hơn, vì còn có những bài thuộc phạm vi nghiên cứu hoặc tin tức thời sự kèm theo, với khá nhiều hình ảnh. Qua đó chúng tôi biết một phần nào tin tức bên ngoài. Cũng trong báo Quân Đội Nhân Dân này có lần tôi đọc loạt bài đăng làm nhiều kỳ về “tên phản động Võ Đại Tôn” từ nước ngoài về cố ý xâm nhập biên giới để chống phá chánh quyền cách mạng đã bị “quân đội Nhân Dân ta “ bắt giam và xét xử tại Hà Nội” vào năm 1982. Bài báo kèm theo khá nhiều hình ảnh của “tên phản động Võ Đại Tôn” lúc bị xét xử và đưa ra trình diện với báo chí trong và ngoài nước tại Hà Nội. Dĩ nhiên lúc đọc tin đó tôi rất quý mến và cảm phục tinh thần bất khuất của Đại Tá Võ Đại Tôn.

Cũng có thời gian tôi đọc loạt bài rất dài nói về cái chết của “tên phản động Hoàng Cơ Minh” kèm theo với nhiều hình ảnh về “tội ác phản cách mạng” của nhóm Mặt Trận do Hoàng Cơ Minh cầm đầu xâm nhập phá hoại... Dĩ nhiên là tôi phải đọc ...giữa hai hàng chữ. Khi đọc các tin tức liên quan tới các ông Võ Đại Tôn và Hoàng Cơ Minh đó, tôi cảm thấy vui và nghĩ rằng ít ra trong thời buổi lúc bấy giờ còn có được những con người như vậy.

Cũng nhớ lần tôi đọc thấy trong báo Quân Đội Nhân Dân đăng bức hình của ông Nguyễn Cao Kỳ,

mang kính đen, đang chen chúc giữa đám đông cố ôm càng máy bay trực thăng ở tòa Đại Sứ Mỹ để di tản khỏi Sài Gòn trong một ngày cuối tháng tư năm 1975. Tôi không biết đây là hình thật hay người ta dùng kỹ thuật ghép hình để cố ý bêu xấu ông. Bên dưới tám hình in những lời lẽ có tính cách sỉ nhục ông Kỳ khá nặng nề.

Tù nhân trại Thanh Cẩm, năm nào chúng tôi cũng có một đợt học tập chính trị trên hội trường nằm tận ngoài cơ quan. Những lớp này được tổ chức chung cho cả hình sự lẫn tù chính trị, có một cán bộ tuyên huấn từ trung ương về nói chuyện và thường thì năm nào cũng một cán bộ đó. Vì cứ bốn cũ soạn lại nên chúng tôi thuộc gần như nằm lòng những gì ông sắp nói. Trong các bài học tập chính trị, năm nào ông ta cũng kể lại câu chuyện ông đi thăm nước Kuwait, là nước có nhiều dầu hỏa, và thấy trẻ con xứ đó chơi đánh đáo bằng những đồng tiền vàng. Ông nói mỏ dầu nước ta còn lớn hơn mỏ dầu ở Kuwait, và sẽ có lúc trẻ con Việt Nam sẽ chơi đánh đáo bằng tiền vàng.

Vì năm nào ông ta cũng kể lại câu chuyện đó nên mỗi lần được thông báo có đợt học tập chính trị, chúng tôi bảo nhau: “Chuẩn bị sắp có đợt...đánh đáo!” Và đúng y như vậy, ông cán bộ này nói một thôi một hồi rồi thì bắt đầu...đánh đáo bằng tiền vàng. Cho tới một lần kia, trong lúc ông ta đang say sưa...đánh đáo thì giữa hội trường vang lên một giọng nói thật to, át cả tiếng cán bộ tuyên huấn:

– ĐM! Ăn sắn mà nói phét!

Nghe câu đó, cả hội trường cười rần, nhưng chỉ có tù hình sự dám cười, còn tù chính trị chúng tôi cứ phải giả vờ như không nghe! Người cán bộ tuyên huấn đang...đánh đáo bị mất hứng, dừng lại, trong khi cán bộ quản giáo đội hình sự đứng lên quát to:

-Anh nào ăn nói bố láo thế hả? Anh nào? Anh nào?

Khi biết là một anh tù thuộc diện lưu manh đã nói, cán bộ chỉ mắng qua loa rồi bỏ qua. Nếu là tù chính trị chúng tôi, chắc là hậu quả không lường được.

Cây Đa Cũ, Bến Đò Xưa

Ngày 27 tháng Giêng năm 1988, bất thần chúng tôi được lệnh chuyển trại! Như vậy, tính ra tôi đã ở trại Thanh Cẩm còn thiếu 6 tháng nữa là đúng 10 năm. Trong lần chuyển trại này, tất cả tù chính trị miền Nam cùng với nhóm tù Trung Quốc đều rời trại Thanh Cẩm và được đưa về trại Nam Hà, trong tỉnh Hà Nam Ninh. Trại Nam Hà đối với những người khác là chỗ mới, nhưng riêng với tôi, đây là cuộc tái ngộ, vì tôi đã sống ở trại này 11 năm về trước, khi được chuyển từ trong Nam ra vào tháng Tư, 1977.

Tôi quay trở lại trại Nam Hà với tâm trạng chán chường và buồn nản của con người đang đi trong một vòng tròn khép kín. Mười một năm qua với bao đổi thay trong số những anh em bạn bè đã ở đây với tôi trước kia. Có người đã chết, có người đã được về, một số chuyển vào các trại trong miền Nam và

một số nhỏ vẫn đang còn ở đây. Riêng tôi, bị gọi ra trong đêm Giáng Sinh 1977 để đưa lên trại trừng giới “Cổng Trời”, rồi 8 tháng sau được chuyển về “đáy địa ngục” Thanh Cẩm và bây giờ lại lộn trở về trại Nam Hà. Lúc từ già ra đi, tôi là một thanh niên khỏe mạnh 34 tuổi. Hôm nay trở lại, tôi đã là một người trung niên 45 tuổi, thương tật đầy người và tóc đã trở màu muối tiêu. Thật là ngán ngấm và trớ trêu cho cuộc đời!

Trại Nam Hà không thay đổi nhiều trong thập niên qua, chỉ có thêm một số dãy nhà cạnh bên nhà bếp nằm sát bờ tường hướng ra cổng trại. Nhưng điều đập vào mắt tôi mạnh nhất là sự bừa bãi, lộn xộn và bệ rạc của các buồng giam. Ngày tôi còn ở đây, phía sau các buồng là đường đi rộng rãi. Bây giờ, nơi đó được che thêm những tấm vải bạt, vải nhựa chi chít như các sạp cá chợ Cầu Ông Lãnh! Ngày trước, chung quanh các buồng sạch sẽ, thoáng mát, bây giờ chất cao ngất nào hòm rương, nào thùng thau, nào xoong chảo, chén bát, bao bì, túi cùi... không thiếu một thứ gì trên cõi đời này. Thật chẳng khác nào khu chợ chó đường Hàm Nghi trong những năm cộng sản chưa chiếm miền Nam.

Khi tới nơi, tôi mới biết là cũng có nhiều tốp tù nhân miền Nam từ các trại khác rải rác ở miền Bắc cũng được đưa hết về đây, biến trại Nam Hà thành một kho chứa hàng. Vì thế, chỉ trong một thời gian ngắn, con số tù nhân trong trại trở nên đông đúc một cách khác thường, nhưng tôi không biết rõ là bao nhiêu.

Về đây, tôi gặp lại một số người ở chung với tôi trước kia. Tất cả đã thay đổi rất nhiều qua năm tháng vì sự lao nhọc, vì thiếu thốn và đói khát trong tù. Có những người đã từng ở chung đội với tôi trước kia, gặp lại nhau vô cùng mừng rỡ. Khi hỏi thăm mới biết đa số đã chết, phần nhiều là chết đói, và được chôn ở nghĩa địa nằm sát bờ rào trại mà ngày tôi ra đi, nghĩa địa này chưa có. Hỏi thăm kỹ mới biết phần lớn những người chết là thành phần trẻ. Trong lúc đói quá và không tự kiếm chế được, họ đã ăn các loại rau rừng dơ bẩn và phần đông chết vì bị kiết lỵ.

Lần này tôi về đây, trong trại có một số tướng lĩnh miền Nam. Những người này tới trại sau khi tôi đã được chuyển đi. Tôi không biết nhiều các vị tướng này, duy chỉ có Tướng Trần Bá Di là tôi quen, vì lúc ông làm Tư lệnh Sư đoàn 9 đóng ở Vĩnh Long, cũng là lúc tôi đang làm việc tại Nhà Thờ Chánh Tòa. Tướng Di là người Công giáo và thường hay đi lễ nhà thờ đó, nên chúng tôi biết nhau. Tôi cũng gặp một số linh mục Tuyên Úy từ các trại khác về đây. Trong số đó có mấy người là bạn học với tôi trong Đại Chung Viện Sài Gòn, một số khác tôi chỉ nghe tên nhưng chưa biết nhau bao giờ.

Vòng Tròn Khép Kín

Sáng hôm sau, số tù trại Thanh Cẩm chúng tôi được phân phối vào các đội và các buồng. Tình cờ tôi được trở lại buồng cũ trước kia, buồng 6, nơi tôi bị gọi ra trong đêm Giáng Sinh 1977. Chẳng phải hạnh phúc gì khi được trở lại buồng cũ, vì buồng nào cũng chỉ là nhốt tù! Nhưng dầu sao nó cũng để lại những dấu ấn kỷ niệm quen quen của đời tù.

Vào buồng cũ, tôi lại cố ý chiếm cái chỗ cũ trước kia của tôi trong góc phía trên. Nhìn lên bờ tường, tôi

vẫn còn thấy cây đinh mà chính tay tôi đã đóng 11 năm về trước để treo lon nước. Cây đinh vẫn còn đó nhưng đầu đã mòn bóng láng.

Đêm đầu tiên, chập chờn trong giấc ngủ, tôi nằm nhắm mắt nhưng cứ tưởng như mình đang nằm ở đây vào đêm 23 tháng 12 năm 1977. Trong phút chốc, quãng thời gian 11 năm của đời lao tù lướt qua như không hiện hữu.

Tôi tưởng chừng như có nghe kể một câu chuyện về một người tù nào đó bị gọi ra khỏi buồng 6 này trong đêm Giáng Sinh 11 năm về trước. Người đó vô tình lại trùng tên và trùng họ với tôi. Số phận người đó ra sao kể từ đêm Giáng Sinh năm đó tôi không biết được. Còn tôi đang nằm đây, ngủ một giấc ngủ thật dài đúng 11 năm, một giấc ngủ thật nhiều mộng mị và hôm nay chợt giật mình thức giấc. Khi tỉnh dậy mở mắt ra nhìn lên tường vẫn còn thấy cái lon Guigoz đựng nước uống treo lủng lẳng trên cây đinh tôi đóng trên tường. Có khác chăng là bạn bè nằm kế bên bây giờ là những người mới, già nua và mệt mỏi.

Ngày hôm sau và những ngày kế tiếp, chúng tôi vẫn chưa đi lao động. Khi tới một trại mới, tù nhân còn phải lo làm các thủ tục hành chánh, khám xét đồ đạc, lo khám bệnh, lo việc lưu ký tiền và đồ vật... Cán bộ trong trại toàn là những người lạ, chỉ có một người tôi đã gặp 11 năm về trước, đó là Thượng Úy Thịnh. Khi chúng tôi mới tới trại Nam Hà năm 1977, anh này mới là thượng sĩ trực trại. Tôi nhớ rất rõ vì anh có những nét đặc biệt khó quên. Người anh cao to, nước da đen, chân mày rậm và xước. Khi bước đi, lưng anh hơi khum và khuỳnh hai cánh tay cho oai vệ hơn. Thời đó, Thượng sĩ Thịnh là một thứ hung thần và được chúng tôi tặng cho biệt hiệu là “Quận Hách”. Bây giờ, sau 11 năm, gặp lại “Quận Hách” đã là thượng úy, nhưng có lẽ bị thất sủng nên chỉ là quản giáo coi một đội hình sự làm thủy lợi.

Cán bộ trực trại bây giờ là Trung Úy Lực, khoảng ngoài 30 tuổi, nước da ngăm đen. Mặc dù còn trẻ, nhưng tóc anh đã bạc khá nhiều. Trung Úy Lực không mấy khi cười nói, nhưng anh em ở đây lâu cho biết, anh ta rất tốt và dễ dàng. Sau này, tôi được biết đa số tù nhân ở đây là người có của, họ đã giúp cán bộ trực trại và các cán bộ khác rất nhiều và điều này đã tạo nên sự thân thiện, gần gũi giữa cán bộ và tù nhân. Qua ngày thứ hai, chúng tôi lo làm thủ tục gửi tiền lưu ký.

Vào những năm sau cùng ở trại Thanh Cẩm, tù nhân được liên lạc với gia đình khá dễ dàng nên nhiều người được gia đình gửi tiền ra cho. Nhưng với luật lệ trong tù, chúng tôi không được giữ tiền mặt mà phải gửi lưu ký, giống như mở trương mục trong ngân hàng. Tiền bạc và sổ sách do cán bộ tài vụ của trại cất giữ. Khi cần mua bán gì, cán bộ sẽ ghi vào sổ riêng của từng người. Lúc còn ở trại Thanh Cẩm, chúng tôi cũng nhờ cán bộ giúp mua nhiều thứ hàng, nhưng khi về trại này, chúng tôi mới ngạc nhiên về tình trạng mua bán công khai và nhộn nhịp như một siêu thị! Thậm chí trong trại Nam Hà này có vài người chuyên nghề buôn bán để gửi tiền về gia đình, những người này được tặng danh hiệu là “Chành”. Có vài anh “Chành” buôn bán phát đạt bằng mấy lần người dân bên ngoài! Điều này càng

xác định hơn nữa cho sức mạnh của đồng tiền.

Gió Thoảng Trưa Hè

Cán bộ tài vụ trại Nam Hà lúc bấy giờ là một phụ nữ. Hôm đó, trong khi chúng tôi đang chọn rận thu xếp đồ đạc trước cửa buồng thì cô ta bước vô sân, tay cầm quyển sổ bìa cứng, màu đen khá dày. Khác với thái độ cách ngăn và hách dịch của nhiều cán bộ lo phần hành chuyên môn mà tôi từng gặp ở các trại, cô cán bộ tài vụ này rất duyên dáng, bước vào sân với nụ cười thật tươi trên môi. Khi chúng tôi quay lại chào, cô cười đáp:

– Gớm! Sao mà các anh lăm đồ đạc thế!

Đó là câu nói đáp lại lời chào. Sau đó, cô tự giới thiệu là cán bộ tài vụ và nói anh đội trưởng cho anh em tới để xác nhận tiền lưu ký của trại Thanh Cẩm chuyển đến. Cô nói khi cô gọi tên ai thì tới xác nhận, nếu đúng thì ký tên vào sổ. Nói xong, cô ngồi ngay xuống bậc thềm cao khoảng 5 tấc của buồng giam, trong khi chúng tôi đứng vây quanh chờ đợi.

Trong khi chờ gọi tên mình, tôi để ý quan sát người nữ cán bộ khoảng 30 tuổi này. Cô đã gây ấn tượng tốt ngay từ phút đầu. Vóc người cô nhỏ nhắn và gọn gàng, nước da trắng ngần, khuôn mặt trái xoan và có sự hài hòa cân đối giữa mũi, miệng và đôi mắt. Cô mặc áo sơ mi trắng, quần đen, chân mang dép nhựa đen có gót khá cao. Tôi đoán là cô muốn cho mình cao hơn một chút với đôi dép này. Đầu để trần, mái tóc được kẹp và vuốt ngược lên đỉnh đầu một cách đơn giản, nhưng làn tóc mây dài lại được nhẹ nhàng thả hờ xuống hai bên má. Cô không trang điểm, không chải chuốt, tất cả đều bình dị và tự nhiên.

Mới nhìn qua, cô không phải là người phụ nữ đẹp sắc sảo, nhưng cô có cái đẹp bình dị và rất duyên dáng trong cách gọi chuyện và nói cười với những người đang tiếp xúc. Người nữ cán bộ này nói năng chậm rãi, nhẹ nhàng và khi cười để lộ hàm răng trắng có 2 chiếc răng khểnh. Khi nói chuyện, cô có thói quen kéo dài tiếng sau cùng tạo nên vẻ độc đáo. Cô hay dùng chữ “gớm” một cách khéo léo để diễn tả thật nhiều ý nghĩa trong nhiều trường hợp. Có một anh, có lẽ vì chữ ký có vẻ tài tử, sau khi kiểm lại số tiền và ký tên vào sổ, được cô chiếu cố với nụ cười hồn nhiên khi nhìn anh ký, với câu:

– Ôi giỏi ơi! Chữ ký của anh sao mà “gớm” thế!

Sau khi hoàn tất công việc, cô ở nán lại trong sân, hỏi thăm chúng tôi một lúc rồi từ giã ra đi. Có mấy người bàn tán sau khi cô bước ra khỏi sân.

Những ngày tiếp theo, tôi tìm dịp thăm lại các bạn đã ở với tôi tại trại này trước kia. Trong số đó, có mục sư người Thượng là Điều Huỳnh. Ngày trước, chúng tôi chơi rất thân và thường để giờ chia sẻ Kinh Thánh với nhau. Từ 11 năm qua, anh Điều Huỳnh vẫn ở trại này, nên qua anh, tôi có thể biết tất cả những diễn biến trong trại. Những biến cố gì quan trọng đã xảy ra, những nhóm nào tới, những ai

đã được về, ai đã chết và chết bằng cách nào, những ai được chuyển về Nam v.v... Về lại chốn xưa, nhìn khung cảnh trại và cảnh vật chung quanh, tự nhiên tôi nhớ rất nhiều những người bạn ở cùng phòng, mà bây giờ đã nằm yên dưới lòng đất. Tôi nhớ từng người, từng tên, từng khuôn mặt, cả tính tình và cách ăn nói, cũng như lối pha trò đùa vui của họ.

Giờ Thứ Hai Mười Lăm

Chúng tôi về đây không bao lâu thì có đợt tha thật đông và thật linh đình trong dịp Tết Mậu Thìn 1988. Thì ra, sở dĩ tù nhân chính trị miền Nam các trại khác được tập trung về đây là để nhà nước biểu diễn trong đợt tha ngoạn mục này. Đây là đợt phóng thích được tổ chức một cách rầm rộ nhất từ trước tới nay. Trong lễ phóng thích, có rất đông cán bộ trung ương cùng với phái đoàn báo chí và các hãng thông tấn trong và ngoài nước. Số tù chính trị miền Nam được tha trong đợt này lên gần tới con số ngàn người.

Cũng trong lần tha đó, tất cả tù nhân linh mục đều được về chỉ còn sót lại hai người là Cha Nguyễn Bình Tĩnh, thuộc giáo phận Ban Mê Thuột và tôi. Cũng vì có các phóng viên nhà báo nên trong ngày lễ phóng thích đó, những người nào không được tha đã bị đưa đi giấu ngoài đồng. Một số khác, có tôi ở trong đó, bị nhốt trong các buồng nằm tận bìa rào của trại, cửa bị khóa, cửa sổ bị kín và cổng vào buồng cũng khóa. Điều tệ hại hơn nữa là những người bị giấu này lại “quên” cho ăn, tới khi lễ phóng thích xong và phái đoàn báo chí rời trại rồi mới được ăn bữa sáng, lúc bấy giờ đã gần 4 giờ chiều! Hôm đó, những ai được tha về thì hí hửng như lên mây, còn người ở lại đói mờ con mắt!

Sáng hôm sau, trại tù Nam Hà trở nên tưng bừng náo nhiệt chưa từng thấy. Hàng ngàn con người đi lại rộn ràng giữa các buồng và trong sân. Chỗ nào cũng vang dậy tiếng cười, tiếng nói, tiếng gọi nhau ơi ới. Tôi buồn bã ngồi một chỗ, tựa lưng vào tường, khoanh tay trước ngực và theo dõi cảnh người ta bắt tay từ giã, nhắn gửi, dặn dò nhau, trông chẳng khác nào một đàn ong vỡ tổ.

Những thứ đồ đạc, hòm rương, bao bì, túi cói, nồi niêu, xoong chảo mà hàng chục năm nay cố xếp gọn vào một nơi nào đó, bây giờ được vỡ tung ra nằm la liệt khắp nơi. Đồ ăn, thức uống, gạo thóc, củi đuốc được lôi ra. Thứ gì có thể mang theo được thì mang, cái gì trở cho người ở lại thì cho, còn cái gì không cần thì vất đi. Hàng mấy trăm con người được tha về, bày biện đồ đạc đầy ngập cả phòng, ra tới ngoài sân. Trông họ như những người đang sống trên mây. Họ cứ phải di chuyển liên tục.

Hình như sự vui mừng quá độ lúc đó bắt buộc miệng họ phải nói, chân họ phải bước đi. Họ lảng xảng bắt tay người này, vỗ vai người nọ, mừng mừng tủi tủi, chúc nhau muôn điều may mắn trong cuộc sống tương lai màu hồng trước mắt. Lúc đó, tự nhiên tôi nhớ lại hình ảnh trong phim “Ten Commandments”(Mười Điều Răn), đoạn diễn tả cảnh người Do Thái nhận nhíp trong ngày ông Moses dẫn họ ra khỏi nước Ai Cập, chấm dứt thời kỳ nô lệ.

Khi nhìn cảnh anh em bắt tay từ giã ra về, lòng tôi buồn vô hạn. Nhất là khi thấy các anh em linh mục

đã từng chung sống với tôi trong nhiều năm qua, bây giờ ra đi, khiến tôi bị hụt hẫng và cảm thấy bị mất mát quá lớn. Những năm tháng dài anh em sống chung với nhau, tôi không nhận thấy hết được ý nghĩa của một thứ tình gia đình. Giờ đây, qua giây phút chia tay, tôi chợt thấy trống vắng và mất đi sự hỗ trợ rất cần cho cuộc sống trong tù. Lúc đó, hai hàng nước mắt tôi chảy dài một cách tự nhiên và tôi không sao kềm hãm được. Không hiểu tại sao tôi đã khóc! Về sau này, có thì giờ suy nghĩ, tôi biết lúc đó tôi khóc vì phải chia tay với những người quá thân ái, quá gần gũi và giúp tôi rất nhiều trong những năm chung sống. Nhất là giai đoạn tôi vừa ở nhà kỷ luật mới ra, với thân tàn ma dại và tinh thần sa sút.

Sự nâng đỡ về tinh thần và vật chất của các anh em linh mục thật quý báu đối với tôi lúc bấy giờ. Một lý do khác làm nước mắt tôi chảy dài là tôi cảm thấy quá xót xa cho thân phận mình. Tôi thật sự bị hụt hẫng vì đã đặt hy vọng quá nhiều sẽ có tên trong đợt tha này. Sáng hôm đó, có nhiều anh em linh mục đi ngang chỗ tôi nằm nhưng chỉ dám liếc nhìn mà không dám tới. Tôi biết là các anh em rất thương và cảm thông với tâm trạng đau buồn của tôi nên không tới bắt tay từ giã, sợ nỗi buồn của tôi sẽ tăng thêm.

Nhớ lại thời gian 30 anh em linh mục chúng tôi ở riêng biệt trong khu kiên giam trại Thanh Cẩm, tôi coi đó như một hồng ân cho riêng đời tù của tôi. Mặc dù sống chung lâu ngày trong phòng giam chật hẹp và thiếu thốn mọi tiện nghi, đôi khi giữa các anh em linh mục cũng có những va chạm, xích mích và cãi vã nhau, có lúc cũng nặng lời to tiếng, nhưng không bao giờ chúng tôi để các sự va chạm ấy kéo dài qua đêm.

Vì ở trong khu vực riêng biệt, có tường rào bao bọc, nên chúng tôi có điều kiện thuận tiện để dâng Thánh Lễ với nhau hằng ngày, sau giờ điễm danh vào buồng. Trước khi cùng dâng Thánh Lễ, nếu ai có điều gì buồn phiền và xích mích nhau trong ngày, anh em xin lỗi và tha thứ cho nhau để mọi người trở nên hòa thuận tốt đẹp, như không có chuyện gì xảy ra. Dĩ nhiên, đã là con người thì ai cũng có bản tính khác nhau, dù họ là linh mục hay người thường. Hoàn cảnh tù đầy nghiệt ngã có khi đã đẩy con người xuống đáy tầng địa ngục. Lúc đó, bản tính bất toàn của con người muốn tìm một chút thoải mái riêng tư cũng bộc lộ qua cách hành xử của vài anh em linh mục, kể cả tôi.

Dẫu vậy, xét chung, tôi phải ghi nhận là tập thể linh mục trong tù lúc đó là một tập thể rất tốt. Đa số là những con người hiền hậu, rộng lượng và đầy tình bác ái. Không phải chỉ đối xử tốt trong tình thương yêu với nhau mà thôi, mà còn tốt với tất cả mọi tù nhân khác, khi điều kiện có thể giúp đỡ họ được. Tôi rất hãnh diện có mặt giữa tập thể linh mục đó. Họ như là những chứng nhân đích thực của tình yêu Thiên Chúa giữa những anh em tù và cả về phía cán bộ nữa.

Lúc bấy giờ, tôi là người trẻ tuổi nhất trong số linh mục mà phần đông là những Tuyên Úy Quân Đội trình diện đi học tập, chỉ có chừng 5 hoặc 7 người bị bắt vì lý do khác như tôi. Một điều tôi ghi nhớ mãi và hứa là khi nào có dịp kể lại giai đoạn tù tội, tôi phải nói lên sự kính mến của tôi và của anh em đối

với một vị linh mục trong nhóm là Cha Đinh Trọng Tự, Tuyên Úy Quân Đội thuộc giáo phận Cần Thơ. Cha Tự học trên tôi 3 năm trong Đại Chủng Viện Thánh Giuse tại Sài Gòn. Mặc dù trên tôi 3 lớp, nhưng Cha Tự đã khá lớn tuổi vì Cha đã có thời động viên đi quân dịch và mang cấp bậc thiếu úy. Sau khi giải ngũ, ngài trở lại đi tu tiếp.

Cha Đinh Trọng Tự lúc ở Thanh Cẩm quãng 45 tuổi, người gầy ốm và cao lêu khêu như cây tre miếu, nói năng nhỏ nhẹ và ôn tồn. Sống giữa tập thể anh em linh mục, có kẻ lớn người nhỏ, Cha Tự đã tỏ ra là một người hiền hòa thân ái và được tất cả anh em kính mến. Đặc biệt là nếu có sự va chạm cãi vã nhau giữa anh em, thì chính Cha Tự là người làm hết mọi cánh để mang lại hòa khí giữa anh em. Thông thường, vai trò trung gian hòa giải của Cha Tự đều được anh em nghe theo. Nhưng cũng có mấy lần gặp trường hợp căng thẳng quá, tôi thấy Cha Tự đã phải khóc khi nhìn hai người đang bắt hòa tha thứ cho nhau.

Tính tình nhân hậu và ôn hòa đó của Cha Đinh Trọng Tự đã đóng góp rất nhiều trong sự mang lại đoàn kết và thân ái giữa tập thể anh em linh mục trong tù. Lúc bấy giờ, anh em chúng tôi thường nói với nhau, nếu Tòa Thánh cho chúng tôi chọn một giám mục để hướng dẫn cộng đồng dân Chúa trong tù, chúng tôi sẽ chọn Cha Đinh Trọng Tự. Ngoài ra, giữa chúng tôi cũng có những linh mục lớn tuổi và đáng kính. Các ngài để lại trong tôi sự thương mến và kính phục về tư cách, sự hiền từ và tinh thần bác ái cao độ như các Cha Đinh Cao Thuấn, Cao Đức Thuận, Lê Đức Triệu (nhạc sĩ Hoài Đức), Phạm Ngọc Lan. Những linh mục cao niên này thường được chúng tôi gọi là “Bố” để bày tỏ sự tôn kính.

Khi những người được phóng thích đã ra về, trại Nam Hà trở nên xác xơ, buồn tẻ và trống vắng khác thường. Chỉ còn lại một ít tù chính trị miền Bắc và 350 người miền Nam. Sau đợt tha đó, tôi được chuyển qua một đội tạp dịch, lo dọn dẹp vệ sinh và các việc linh tinh khác bên trong trại. Đội này do anh Cửa, trước kia là đại tá tỉnh trưởng Châu Đốc, làm đội trưởng.

Lúc bấy giờ, trong trại cũng còn lại 9 vị tướng, sống trong một buồng riêng và không đi lao động bên ngoài. Về phía linh mục, còn lại 7 người của cả miền Bắc lẫn miền Nam. Miền Bắc có các Linh Mục Thi, Hiếu và Vĩnh. Miền Nam có Cha Nguyễn Bình Tĩnh và tôi, cộng thêm hai linh mục, Nguyễn Văn Lý và Lê Văn Nghiêm, thuộc Tổng giáo phận Huế, mới bị bắt 2 năm, đưa ra trại Thanh Cẩm với chúng tôi và cùng chuyển lên đây.

Anh Em Chia Lìa

Đêm đầu tiên, sau khi các linh mục được tha đã rời trại ra về, tôi nằm trần trọc không sao ngủ được. Sự thất vọng ê chề đã làm tôi đau đớn. Phải nói là từ lúc bị bắt, không một lúc nào sự ước muốn tự do không hành hạ tôi. Những năm đầu, nhận biết thân phận mình nên tôi chưa dám mơ tưởng tới việc được tha về. Lúc đó, tư tưởng vượt ngục lại ám ảnh tôi rất mãnh liệt. Cho dù thời gian nào, trại nào, hoàn cảnh nào tôi cũng đều tìm cách vượt ngục, nếu không bằng cách này thì bằng cách khác, kể cả những cách nguy hiểm và liều lĩnh nhất. Sau vụ vượt ngục bất thành năm 1979 tại trại Thanh Cẩm, tôi

đã phải trả một giá quá đắt và sau vụ đó một thời gian rất lâu, tôi không còn hy vọng được tha như những tù nhân khác.

Tới năm 1986, tức là 8 năm sau ngày vượt ngục bất thành, tôi lại bắt đầu có hy vọng vì trong thời gian đó có rất nhiều người được tha. Mỗi năm, số người được tha càng nhiều và những dịp cứu xét tha càng thường xuyên hơn. Lúc đó, ngồi nhìn những anh em được thơ thới hân hoan ra về, trong đó cũng có vài linh mục, lòng tôi đầy những ước mơ, cho dù là một thứ hy vọng khá mong manh.

Bắt đầu năm tù thứ 10, tôi càng hy vọng nhiều hơn, vì nghe nói mỗi lệnh tập trung cải tạo là 3 năm, mà tôi đã ở tù 10 năm, tức là được 3 lệnh rồi. Thông thường, những người đã ở tù 3 "lệnh", sẽ dễ dàng được cứu xét hơn. Như tôi đã nói, mặc dù đây chỉ là thứ hy vọng mong manh, nhưng con người sống phải có cái gì để hy vọng, nếu không còn hy vọng thì còn gì là cuộc sống? Tâm trạng tôi lúc đó cũng như người mơ trúng số độc đắc. Mỗi tuần đều mua một tờ vé số để nuôi hy vọng có ngày trúng lô độc đắc, mặc dù biết là rất mong manh. Riêng tôi, giống như người mơ trúng số mà không có tiền mua vé số!

Bước qua năm thứ 11, tôi càng hy vọng nhiều hơn. Mặc dù lúc bấy giờ tôi vẫn còn ở khu kiên giam, nhưng ngay cả trong khu kiên giam và kỷ luật cũng có người bất thần được gọi tên ra về như trường hợp Cha Phạm Hữu Nam, được gọi ra về từ trong nhà kỷ luật trại Thanh Cẩm! Biết đâu có ngày sẽ có tên mình? Niềm ước mơ thầm kín này thường ám ảnh tôi một cách mãnh liệt về đêm. Vì ban ngày còn phải đi lao động và biết bao nhiêu việc phải làm của kiếp tù, nên không có thì giờ để mơ mộng.

Sau vụ vượt ngục bất thành năm 1979, tôi bị đánh đập quá tàn nhẫn và sau đó bị cùm 3 năm làm cơ thể tôi quá suy nhược, nên lúc này, tôi không dám nghĩ tới chuyện vượt ngục nữa mà dành tất cả nghị lực cho những giấc mơ đẹp về viễn ảnh một ngày nào đó được trả tự do. Rất nhiều đêm, tôi nằm suy nghĩ và thử tưởng tượng xem lúc nghe có tên mình trong danh sách được tha, tôi sẽ mừng biết là chừng nào! Đây là một giấc mộng thật thích thú.

Để trả lời câu hỏi đó, tôi cố nhớ lại tất cả những dịp vui của đời mình để so sánh với tin vui được trả tự do như thế nào. Thật ra, đời tôi không có có nhiều dịp vui lớn ngoài những lần như thi đậu tiểu học, đậu trung học đệ nhất cấp, đậu tú tài, tốt nghiệp chương trình Đại Chung Viện và được thụ phong linh mục. Những dịp đó cũng rất vui nhưng nếu được nghe tin trả tự do chắc là tôi sẽ mừng nhất!

Qua năm thứ 12, niềm hy vọng lại càng thúc bách tôi khi gần như toàn bộ số anh em trong nhóm 48 Quyết Tiến của tôi đã được tha về gần hết. Qua năm thứ 13, tôi càng nôn nóng hơn vì sau đợt tha dịp đầu năm Dương Lịch, con số tù chính trị trại Thanh Cẩm chỉ còn lại không tới 100 người cùng với 10 người Trung quốc đã bị giam ở đây hơn 15 năm rồi. Trong lúc tôi hy vọng và chờ đợi niềm vui lớn thì bất thần có lệnh chuyển trại vào cuối tháng Giêng năm 1988. Tất cả tù chính trị, kể cả các anh Trung Quốc đều phải chuyển đi. Và tôi trở về trại Nam Hà này như đã nói ở trên!

Nhận Ra Ý Chúa

Đêm đó, trong lúc tuyệt vọng, tôi ngồi trong màn cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin cho con biết ý Chúa muốn gì nơi con. Con đã tù 13 năm và chịu bao nhiêu thứ cực hình. Các anh em khác chưa ai phải chịu cảnh khốn khổ như con, nhưng đã được về tất cả, riêng con phải tiếp tục chịu cảnh này. Xin cho con biết ý Chúa muốn gì nơi con.” Cầu nguyện xong, tôi ngồi yên lặng, và lúc đó tôi có cảm tưởng như nghe một tiếng nói bên tai: “Cha muốn con tiếp tục ở đây với những tù nhân khốn khổ còn lại, để con yêu thương, an ủi, giúp đỡ và chia sẻ đời con với họ. Và cuối cùng, Cha muốn con được cùng chết với họ ở đây trong môi trường lao lý này.”

Thật là bất ngờ như một phép lạ! Tự nhiên một nỗi vui vô cùng lớn lao xâm chiếm tâm hồn tôi. Một nỗi vui mà suốt cả cuộc đời tôi chưa bao giờ có được. Niềm vui của người được chọn và trao cho một sứ mệnh mang tình yêu của Thiên Chúa đến cho mọi người, nhất là những người tù cùng khổ. Tôi coi đây là sự mặc khải riêng tư của Chúa đối với tôi. Bỗng chốc tôi thấy con người tôi khác hẳn. Tôi không còn mong được ra về, cho dù một chút cũng không. Từ nay nhà tù là nơi tôi sống, những tù nhân khốn khổ là anh em tôi để tôi yêu thương và an ủi họ, các cán bộ là những người tôi phải cảm hóa và chỉ cho họ con đường đức tin và hy vọng.

Qua sáng ngày, tôi cảm thấy mình đã trở nên một con người khác, một con người được giao sứ mạng làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa giữa anh em. Việc đầu tiên tôi làm trong buổi sáng hôm đó là ngồi xuống viết một lá thư cho chị tôi ở miền Nam. Trong suốt 13 năm qua chị tôi đã lo lắng cho tôi. Những năm về sau này, chị đã 2 lần lặn lội ra trại Thanh Cẩm thăm nuôi tôi. Nhưng vì lúc đó tôi đang bị cùm trong nhà kỷ luật, nên lần đầu chị không được gặp tôi và lần sau được gặp 15 phút trong chuyến đi từ khi rời nhà đến lúc trở về vừa đúng 33 ngày! Trong thư tôi bảo chị từ nay đừng gửi quà cho tôi nữa, vì trong 13 năm qua gia đình chẳng còn gì. Tôi cho biết lúc này tôi rất hạnh phúc và đầy đủ, chị không phải lo nghĩ gì về tôi nữa.

Những ngày tiếp theo, tôi bắt đầu cuộc sống hạnh phúc trong tù. Trước hết, tôi để ý chọn một số anh em để cho thành hình một nhóm nhỏ mà tôi tạm gọi là “Cộng đoàn tình thương”. Mục đích của nhóm là an ủi và giúp đỡ những anh em khốn khổ, đặc biệt là những người không có thân nhân gia đình thăm nuôi tiếp tế. Lúc đó các anh em được tha về có để lại cho tôi khá nhiều thức ăn, đồ dùng, quần áo. Tôi giao cho anh em trong nhóm đem phân phát giúp những người thực sự cần giúp đỡ.

Lúc này nhóm anh em gần gũi với tôi nhất là những anh tù Trung Quốc, những người đã sống chung với tôi thật lâu trong nhà kỷ luật trại Thanh Cẩm. Giữa chúng tôi có mối liên hệ tình cảm sâu xa. Lợi dụng lúc sống chung, tôi đã học tiếng Quan Thoại với họ. Tôi đã cố gắng học không ngừng trong 2 năm và sau đó sống chung với mấy anh Trung Quốc nên có thể thực tập mỗi ngày và khi lên tới trại Nam Hà tôi đã nói rất thông thạo tiếng Quan Thoại. Tôi đã dùng ngôn ngữ này để dạy giáo lý cho họ. Trong những ngày nghỉ, tôi thường tới các buồng thăm viếng anh em, nhất là những người mới được

Rửa Tội trong tù. Riêng buồng 9 là buồng các vị tướng lãnh ở, không ai được vào ra tiếp xúc. Nhưng lúc bấy giờ qua sự liên lạc khéo léo với cán bộ trực trại, tôi lấy lý do xin qua học đàn Ghi-ta với bác Lê Minh Đảo, nhưng thật ra là để giúp về mặt tinh thần cho các tướng lãnh này.

Ngày 28 tháng Năm 1988, tức là hai tháng sau đợt tha rằm rộ vào dịp Tết, trại Nam Hà lại có biến cố lớn. Tất cả tù nhân miền Nam được đưa vô trại Hàm Tân trong Nam, chỉ có 3 người còn lọt sổ ở lại. Ngoài tôi ra còn có Linh Mục Nguyễn Bình Tĩnh, giáo phận Ban Mê Thuột, bị tình nghi dính líu tới nhóm Fulro và anh Nguyễn Đức Khuân bị bắt vì tham gia phong trào Phục Quốc. Lúc ở trại Thanh Cẩm anh sáng tác bản nhạc có đoạn gọi Hồ Chí Minh là con quỷ đỏ. Chẳng may bản nhạc bị bại lộ, anh bị đánh toi bời và sau đó đưa lên cùm trên kỷ luật chung với tôi một thời gian khá lâu.

Nếu trại Nam Hà bắt đầu xác xơ kể từ sau đợt tha gần như “xóa sổ” hôm Tết, thì bây giờ trở nên tẻ liệt khi tù chính trị miền Nam không còn nữa. Tình thế bất ngờ tạo cho tôi thành một thứ “đại tư bản” trong tù. Số anh em được tha và số vừa chuyển về Nam để lại cho tôi tất cả “tài sản” của họ. Nếu trước đây có thời kỳ tôi không có cái quần để mặc, cái bát đựng thức ăn, cái lon Guigoz đựng nước uống thì bây giờ tôi có hàng mấy trăm cái hòm, thùng thau, chén bát, bao bị, áo quần, thuốc men v.v... không biết cơ man nào mà kể. Lúc này nhóm “Cộng đoàn tình thương” của chúng tôi cũng đã bắt đầu lớn mạnh và số đồ dùng anh em để lại thật đúng lúc. Anh em trong nhóm tôi thực tập cuộc sống chia sẻ với những người cùng khổ, một điều mà họ không bao giờ nghĩ là có thể có trong môi trường này.

Sau khi trợ trợ một mình ở lại, tôi càng nhận rõ được sứ mệnh của mình hơn. Lúc đó tôi được nhập vào đội chính trị miền Bắc với công tác đi đào thủy lợi. Trong buồng tôi cũng có những anh Trung Quốc, tuy không cùng đội nhưng sống chung buồng. Những anh Trung Quốc chỉ lao động bên trong trại, không được ra ngoài. Từ đó, hàng đêm tôi dạy giáo lý và dâng Thánh Lễ trong buồng.

Một hôm, tôi Rửa Tội cho 2 anh Trung Quốc và quyết định dâng Lễ công khai. Tối hôm đó sau khi vào buồng, anh em nhộn nhịp cười nói, uống chè, hút thuốc ào như thường lệ. Đúng giờ, tôi đứng lên vỗ tay mấy tiếng làm mọi người ngỡ ngàng, sau đó tôi nói thật to để cả buồng cùng nghe: “Tôi xin anh em làm ơn giữ thinh lặng trong chốc lát, tôi sắp sửa Rửa Tội cho hai người bạn, và đây là một nghi lễ tôn giáo rất quan trọng. Mặc dù anh em không phải là Thiên Chúa Giáo nhưng tôi cũng xin anh em tôn trọng nghi lễ này. Tôi cũng nói với các anh em là khỏi báo cáo với cán bộ vì việc tôi làm lễ công khai, ban giám thị đã biết.”

Điều rất lạ lùng, sau khi nghe tôi nói, cả buồng lặng yên và tôi cử hành nghi thức Rửa Tội cho 2 anh Trung Quốc một cách thật trang nghiêm, cảm động.

Sau đó, tôi sống chung một buồng với 10 anh tù Trung Quốc. Những anh Trung Quốc này, trong những năm sau cùng ở Thanh Cẩm, đã được các linh mục giúp rất nhiều, cả về tinh thần lẫn vật chất, nên họ rất thân thiện và gần gũi với các linh mục. Riêng đối với cá nhân tôi, còn thân thiết với họ hơn vì đã sống chung với nhau mấy năm trong kỷ luật và hơn nữa tôi còn nói được tiếng của họ. Đó cũng là yếu

tổ nối kết tình thân. Khi lên trại Nam Hà và sống chung buồng, tôi dạy giáo lý cho một số anh Trung Quốc, trong đó có anh Chu Vạn Hồi.

Cho tới lúc đó, Chu Vạn Hồi vẫn chưa nói được tiếng Việt, chỉ bập bẹ ít câu. Những năm qua, khi sống gần các linh mục, Chu Vạn Hồi đã tỏ ra thân ái, ngoan ngoãn và biến đổi như một con người mới. Anh ta thường hay tâm sự với tôi và hối hận vì các việc làm sai trái cướp bóc trước kia. Anh ta xin tôi giúp anh có niềm hy vọng để sống vì lúc đó anh còn quá trẻ, mới vừa ngoài ba mươi tuổi.

Ngay từ ở Thanh Cẩm và sau này lên Nam Hà, tôi đã dành nhiều thời giờ để hướng dẫn Chu Vạn Hồi và vài anh Trung Quốc khác. Tôi dùng nhiều gương các vị thánh cũng đã có thời làm lạc như Thánh Phaolô để nói với anh là Thiên Chúa sẽ thương những con người làm lạc biết hồi tâm thống hối. Sau thời gian tìm hiểu và thử thách, tôi Rửa Tội cho Chu Vạn Hồi trong một nghi lễ khá long trọng tại trại tù Nam Hà. Anh chọn Tên Thánh là Phaolô, một vị tông đồ của dân ngoại mà anh rất sùng kính. Tôi cũng nhận Hồi làm đứa con tinh thần của tôi và Hồi rất sung sướng về điều này.

Câu Chuyện Hãi Hùng

Nếu việc Rửa Tội cho Chu Vạn Hồi làm tôi cảm thấy hạnh phúc trong sứ mệnh linh mục, thì thái độ rất lạ lùng của Hồi trong đêm vừa Rửa Tội xong đó đã làm tôi ngạc nhiên. Khoảng 9 giờ tối hôm đó, Hồi tới chỗ tôi, nằm xuống bên cạnh, quay sang ôm lấy vai tôi, gục đầu vào ngực tôi và bắt đầu khóc nức nở. Cử chỉ này của Hồi làm tôi cảm động và ngạc nhiên. Tôi thắc mắc không hiểu nguyên nhân nào đã khiến một tên cướp trước kia bây giờ lại có thái độ như vậy? Hay là anh khóc vì quá vui mừng sau khi chịu phép Rửa Tội? Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Chu Vạn Hồi, con làm sao vậy?

Nghe tôi hỏi, Hồi càng khóc to hơn. Nước mắt chảy ướt cả vai tôi và vai anh ta run rẩy trong bàn tay tôi. Biết là Hồi có điều gì cảm động mãnh liệt nên tôi không hỏi nữa nhưng dùng bàn tay phải xoa nhẹ trên đôi vai rất gầy của người bạn tù ngoại quốc vốn là tên cướp mà bây giờ đã tìm thấy con đường Đức Tin và lại là con tinh thần của tôi. Sau cơn xúc động, Hồi ngược mặt lên nói trong nước mắt:

– Bố ơi! Có lần con đã sắp giết bố để ăn thịt rồi!

Nói xong được câu đó, Hồi khóc rống lên làm những anh em kế bên kinh ngạc, nhưng không ai biết chúng tôi nói gì. Hình như cảm thấy nhẹ người sau câu đó, Hồi trở nên khá bình tĩnh sau khi nước mắt đã chảy xuống nhiều. Tôi vẫn ôm vai nó hỏi:

-Chu Vạn Hồi, con nói gì? Sao lại giết bố? Bố không hiểu chuyện gì cả?

Hồi trả lời tôi cách rành rọt từng tiếng một. Lúc đó, tôi đã nói tiếng Quan Thoại rất sõi, nên hiểu hết những gì Hồi nói:

– Làm sao bố hiểu được chuyện này khi con và Lý Đức Nghĩa giữ kín trong lòng từ nhiều năm qua. Bây giờ Lưu Tùng chết rồi, chỉ còn lại con và Lý Đức Nghĩa. Con gọi nó lại đây để xin lỗi bố sau khi con kể lại đầu đuôi câu chuyện mà bố đã biết qua một phần.

Nói xong, Hồi bước xuống đi gọi Nghĩa nằm tận cuối buồng. Tôi ngồi một mình phân vân không hiểu Hồi muốn nói tới chuyện gì. Chuyện gì mà nó nói là tôi đã biết một phần. Chu Vạn Hồi làm tôi rất thất vọng. Khi cả hai trở lại, Hồi nói:

-Lý Đức Nghĩa, anh ngồi xuống đây. Đêm nay tôi đã là con của Chúa, và người mà chúng ta vẫn gọi là Anh Lễ ngày trước bây giờ là bố của tôi. Tôi phải kể lại câu chuyện của buồng 5 ở kỷ luật Thanh Cẩm năm xưa để xin bố tôi tha thứ cho chúng mình.

Nghe nhắc tới đó, Nghĩa hiểu ngay câu chuyện nên có vẻ bối rối, nói nhỏ với Hồi bằng tiếng Quan Thoại mà chính nó đã dạy cho tôi:

– Anh Hồi à, chuyện đã qua từ lâu rồi còn nhắc lại làm gì?

-Mặc dù là đã lâu, nhưng tôi không an tâm khi chưa thú tội với người mà bây giờ tôi gọi là bố. Anh hãy ngồi xuống đây với tôi.

Nói xong, Hồi ngồi dịch sang một bên và kéo Nghĩa ngồi xuống. Cả ba người chúng tôi ngồi dựa lưng vào tường, tôi ngồi giữa hai người. Chu Vạn Hồi bắt đầu kể:

– Câu chuyện đã 8 năm qua rồi, nhưng con nhắc lại và tin chắc là bố còn nhớ. Bố còn nhớ cái đêm thằng ‘Lưu manh’ bị tụi con đập trong buồng 5, nó la hét và cán bộ phải lên mang đi bệnh xá?

– Có, bố còn nhớ rõ lắm, chuyện đó xảy ra trong buồng 5 và bố ở buồng 4 kế bên nghe nó la hét thét thanh trong đêm và cán bộ lên đưa nó ra khỏi buồng trong đêm.

-Đúng rồi, như vậy là bố còn nhớ.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Nhưng tại sao con muốn nhắc lại chuyện đó? Có gì đặc biệt không?

– Vì chuyện này có liên quan tới bố. Nếu lúc này bố không là bố của con thì con không nhắc lại làm gì, nhưng bây giờ bố là cha mẹ con, con không thể giữ trong lòng, nhưng phải nói ra, mặc dù đã nhiều năm qua rồi.

Tự nãy giờ Nghĩa chỉ ngồi yên cúi đầu, lúc biết là Hồi sẽ kể hết đầu đuôi câu chuyện, Nghĩa quay sang tôi, nói:

- Anh Lễ, tôi xin lỗi!

Tôi nói với cả hai:

– Tôi chẳng hiểu gì cả. Hãy kể tôi nghe đi!

Chu Vạn Hồi khoanh tay, mắt nhìn lên trần nhà và bắt đầu câu chuyện một cách chậm rãi, dĩ nhiên là bằng tiếng Quan Thoại:

- Lúc đó, con và Lý Đức Nghĩa vì quá tuyệt vọng và khổ sở đói khát sau hơn chục năm tù, và lúc nào, ở đâu cũng bị nhốt trong kỷ luật. Chúng con muốn chết, nhưng phải chết cách nào để cho mọi người biết là vì sự dã man của chế độ Cộng sản Việt Nam mà chúng con phải làm như vậy. Chúng con quyết định gây tiếng vang bằng cách giết và ăn thịt bất cứ một người tù Việt Nam nào bước vào buồng 5 lúc bấy giờ.

Chúng con đã định, sau khi giết chết, sẽ moi bộ đồ lòng ăn trước, vẫn để xác chết nằm đắp chăn, cán bộ điễm danh nhìn vào vẫn thấy đủ số và một người đang ngủ. Sau đó chúng con sẽ lóc thịt và ăn dần cho tới khi bị phát hiện. Dĩ nhiên là tội con sẽ bị bắn, nhưng chúng con muốn dùng hành động man rợ này để tố cáo sự dã man của chế độ Cộng sản Việt Nam. Vì thực tình lúc đó chúng con không còn thiết sống nữa. Trong buồng có Lưu Tùng, nhưng dù sao nó cũng là người Trung Quốc nên chúng con không giết nó. Nó ốm yếu như một cây sậy, giết lúc nào cũng được! Chúng con chỉ lấy phần ăn của nó đi và chỉ cho nó ăn vừa đủ sống.

Hồi dừng lại, với tay lấy lon nước thấm giọng. Tôi ngồi yên lặng và rùng mình khi nghe Hồi chậm chậm kể lại câu chuyện mà tôi đã biết được một phần, vì chính tôi lúc đó đã can thiệp để cứu Lưu Tùng. Hồi tiếp:

- Chiều hôm đó, cán bộ đưa một thằng 'Lưu manh' vào buồng con và cơ hội đã tới. Vừa xỏ chân vào cùm xong là nó lăn ra ngủ. Điều này càng dễ dàng cho chúng con thực hiện kế hoạch và chúng con nói tiếng Phổ Thông với nhau nó chẳng hiểu gì. Nó bị cùm với Lưu Tùng thót bên kia và nằm phía ngoài. Thót bên này con nằm bên ngoài, Nghĩa nằm bên trong.

Chờ cho đèn điện trong buồng tắt, trong lúc nó đang ngủ mê, con bước một chân xuống sàn lấy cái ống bầu nước tiểu và đổ hết nước tiểu ra. Cái ống bầu đó dài và nặng, con dùng hết sức lực của hai cánh tay giáng một phát cực mạnh vào đầu nó. Con nghĩ là nó sẽ chết ngay vì cú đập đầu bất ngờ này, nhưng cái thằng nó khỏe. Ống bầu vỡ tan tành, máu văng tung tóe nhưng nó không chết mà lại hét to lên: "Báo cáo cán bộ! Báo cáo cán bộ!" Lúc đó con chồm qua dùng hai tay bóp cổ nó như thế này... Con làm bố coi!

Anh ta dùng hai bàn tay bọc lấy phía sau cổ tôi. Hai ngón tay cái như thép của nó ấn nhẹ vào dưới cổ phía trước của tôi. Nó chỉ ấn nhẹ, mà tôi có cảm tưởng là cổ họng tôi đã vỡ ra. Tôi phải kéo tay nó . Hồi nói tiếp:

- Bố thấy đó, con chỉ ấn nhẹ mà bố không chịu nổi nhưng không hiểu sao đêm đó con dùng hết sức lực ấn xuống mà nó không chết. Rõ ràng là ý Chúa còn thương con, nếu nó chết thì con đâu có ngày hôm nay. Đây là điều lạ lùng. Nhưng còn một việc lạ lùng khác mà con biết là Chúa cứu con, đó là khi cán bộ nghe tiếng la hét chạy lên. Lúc đó, con chồm xuống đứng áng ngang cửa sổ cố ý che đèn bấm cán bộ rọi vào buồng quan sát. Bất thần có một cán bộ võ trang chọc thật mạnh lưỡi lê ở đầu súng vào buồng, đứng vào giữa thanh sắt song cửa sổ tóa lửa. Theo phản xạ, con né sang một bên, và lưỡi lê chệch sang phía bên kia. Đúng là phép lạ Chúa cứu con, vì nếu con né phía ngược lại thì lưỡi lê sẽ chọc đúng vào tim! Bây giờ con mới hiểu là Chúa đã cứu con.

Hồi dừng lại, khoanh tay trước ngực ngược mắt lên trong thái độ tạ ơn. Xong anh kể tiếp:

- Cán bộ mở cửa buồng đưa thằng 'lưu manh' đi xuống bệnh xá vì bị vỡ đầu máu me lênh láng. Khi cán bộ xuống rồi, con và Nghĩa bèn vắt máu từ cái chần của nó được gần đầy bát máu. Tụi con dùng đóm tre đun bát máu thằng 'lưu manh' cho nóng lên và chia nhau uống! Lưu Tùng nhìn thấy cảnh đó run sợ nói không ra lời. Lúc bấy giờ đói quá con uống máu người mà không thấy tanh gì cả. Lại một điều là uống máu người xong tụi con giống như bị nghiện, càng mong có dịp được uống nữa!

Tôi cảm thấy lạnh người khi nghe Chu Vạn Hồi và Lý Đức Nghĩa, hai người mà tôi rất thương mến trong những năm qua, lại là những kẻ đã từng uống máu người. Lúc này tôi mới lên tiếng:

-Lúc nãy, con nói là con định giết bố, lúc nào?

-Bố có nhớ lần đổi buồng ngay sau đó và cán bộ Thanh định đưa bố vào buồng 5 của con không?

Tôi nhớ rất rõ việc đó, nên nói:

- Có, nhưng bố không vào và xin cán bộ cho đi buồng khác vì bố và ông Khương mới đánh Lý Đức Nghĩa trước đó, nếu bố vào....

Hồi cướp lời tôi:

-Bố ơi! Đây là một phép lạ khác, phép lạ này còn lớn hơn nữa. Bố biết không, sau lần giết hụt anh tù hình sự mà không bị phát hiện, tụi con đã bàn lại kế hoạch và nạn nhân thứ hai không thể nào sống sót được. Chúng con đang mong đợi thì trưa hôm đó cán bộ đưa bố vào. Lúc bấy giờ, chúng con đã trở thành loài thú say máu người và sẽ giết để ăn thịt bất cứ người tù Việt Nam nào. Khi biết người đó là bố chúng con càng mừng hơn, vì giết và ăn thịt một người tù chính trị miền Nam có tên tuổi như bố thì cái chết của chúng con sẽ được thế giới biết tới nhiều hơn. Và lại, Lý Đức Nghĩa rất mừng vì có dịp báo thù. Nó nói bố và ông Khương đánh nó hôm Tết vì nó cướp bánh chưng.

Lúc bố đứng ngoài sân, trong buồng con và Nghĩa đã bàn kế hoạch với nhau thật nhanh, không thể bàn khi bố vào buồng vì bố biết tiếng Phở Thông. Chúng con cũng đe Lưu Tùng, nếu nó làm một ám hiệu gì với bố nó sẽ chết ngay. Nhưng sau đó bố lại xin cán bộ không vào buồng con và cán bộ đưa

Phi Tàu thay vào đó! Nếu bố vào buồng 5, tụi con đã giết bố rồi!

Khi Phi Tàu vào nhập bọn, chúng con càng có sức mạnh và quyết tâm giết người ăn thịt hơn. Nhưng chưa có dịp ra tay thì một hôm bị thằng đại “Lưu manh” Bình Thanh xông vào buồng đánh Phi Tàu và Nghĩa nằm liệt hàng tháng trời. Con cũng bị đánh, nhưng nhẹ hơn, và ngay chiều hôm đó bị đổi buồng mỗi đứa một nơi!

Hồi dừng lại, nắm lấy bàn tay tôi hôn và nói:

– Xin bố tha thứ cho con!

Nãy giờ, Nghĩa ngồi yên cú đầu, lúc này mới lên tiếng lần thứ hai:

– Anh Lễ, tôi xin lỗi anh!

Tôi ngồi yên nhắm mắt và lạnh người khi hồi tưởng lại những tháng ngày đã qua trong 3 năm tôi lăn lộn trong kỷ luật Thanh Cẩm. Thật tôi không thể ngờ có những chuyện như vậy đã xảy ra.

Tôi nắm lấy tay hai người bạn tù Trung Quốc, những con người khốn cùng đã chia xẻ một phần cuộc đời của họ với tôi. Tôi nắm lấy bàn tay họ thật lâu và ngồi yên, để cho hai hàng nước mắt tôi tuôn rơi. Thấy tôi ngồi yên, nước mắt chảy dài, Chu Vạn Hồi quay sang ôm lấy tôi và cả hai cùng khóc. Lúc đó, Nghĩa cúi đầu, miệng lẩm bầm mấy câu tiếng Phổ Thông, một ngôn ngữ mà chính nó đã dạy cho tôi:

-Lý có! Tui pủ xì!(Xin lỗi anh Lễ, xin lỗi!)

Chúa Nói Trong Con

Hôm sau, tôi bị gọi lên gặp trại trưởng vì dâng Thánh Lễ công khai. Ông ta nạt nộ quát tháo, bảo tôi phải “câm miệng” lại, và còn dọa sẽ tống tôi vào cùm. Tôi trả lời rất khiêm tốn nhưng thẳng thắn:

– Báo cáo cán bộ, tôi là một linh mục, thì cho dù ở đâu tôi cũng phải làm nhiệm vụ Linh Mục của tôi và việc làm của tôi không ảnh hưởng gì tới sự an ninh của trại. Cán bộ khỏi phải dọa nạt tôi. Việc cùm kẹp đánh đập tôi đã chịu quá quen trong tù rồi. Bây giờ còn lại hai điều tôi xin với cán bộ. Một là bắt tôi chết, hai là để tôi làm nhiệm vụ rao giảng lời Chúa. Tôi phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời loài người.

Thấy không thể lay chuyển được tôi, họ giao tôi lại cho cán bộ quản giáo. Hôm sau, cán bộ quản giáo gọi tôi tới, trách móc tôi việc dâng Lễ và giảng dạy công khai làm ban giám thị khiển trách anh. Cuối cùng anh nói:

-Anh Lễ này, nếu anh không còn thương anh nữa thì xin anh thương tôi và vợ con tôi. Anh tiếp tục làm như thế, tôi là người gặp rắc rối trước tiên.

Tôi trả lời:

– Tôi cảm ơn cán bộ đã thông cảm với tôi, cán bộ đã nói thế thì từ nay tôi sẽ không dâng Thánh Lễ công khai nữa, nhưng sẽ dâng Lễ âm thầm.

Các ngày Chúa Nhật và ngày nghỉ, nhóm chúng tôi ngồi quây quần ngoài sân và chia sẻ Lời Chúa với nhau. Lúc đầu, nhóm chỉ có những anh Trung Quốc nên tôi dùng tiếng Quan Thoại trong việc này, về sau có những người Việt nên tôi phải dùng hai thứ tiếng. Nhóm của chúng tôi càng ngày càng có nhiều người tham gia. Tôi dạy giáo lý và chuẩn bị Rửa Tội cho 3 người trong thời gian sắp tới.

Lúc đó, đội của tôi do một anh thanh niên người Dân Tộc làm đội trưởng. Cũng nên biết trong tù chúng tôi gọi tất cả những người không phải là người Kinh bằng một tên chung là người “Dân Tộc”, ý nói là dân tộc thiểu số. Có thể họ mà người Mường, người Mán, người Thượng, người Nùng... Công việc của đội chúng tôi là đào kinh dẫn nước vùng đầm lầy chung quanh trại Nam Hà để cố biến vùng này thành khu vực có thể canh tác được. Một thời gian sau, cán bộ chỉ định tôi thay thế anh người Dân Tộc làm đội trưởng vì anh này viết chữ không rành! Chính trong thời gian này, khi không còn những tù chính trị miền Nam, tôi có dịp tiếp xúc nhiều với những cán bộ có phần hành chuyên môn trong trại.

Đội Khai Thác Đá

Đội tôi làm thủy lợi một thời gian thì chuyển qua khai thác đá để bán cho các hợp tác xã xây dựng các nơi, nhất là ở Hà Nội. Trại Nam Hà nằm trong một thung lũng, chung quanh núi non bao bọc. Con đường từ Phủ Lý vào trại hai bên là núi đá cao, và đội chúng tôi khai thác đá trong các dãy núi cao lởm chởm này. Đánh đá là một công việc nặng nhọc và đầy nguy hiểm. Tôi nghe kể lại trước đây có mấy tù nhân đã bỏ mạng hoặc thương tật khi làm công việc này. Vì thế, khi lãnh trách nhiệm cho đội đánh mìn khai thác đá, tôi đã phải hết sức cẩn thận để bảo vệ cho anh em. Công việc của đội chúng tôi gồm các khâu như sau:

1. Chọn địa điểm đánh mìn: Việc này do chính tôi lựa chọn. Tôi phải tìm chỗ nào cho nổ mìn để có nhiều đá vỡ ra từ nhiều góc cạnh khác nhau, nhưng phải là nơi thuận tiện để người châm ngòi nổ có thể chạy nấp được.

2. Đục lỗ vào đá để nhét thuốc nổ: Mỗi ngày tôi chọn từ 8 tới 10 chỗ tùy theo số người lao động trong đội. Sau đó tôi phân công từng đôi một để họ đục lỗ trong đá bằng cái búa nặng chừng 1 ký lô và một cây sắt đầu dẹp, gọi là cây “choàng”. Một người cầm búa, một người cầm choàng. Làm sao trong ngày mỗi cặp phải đục một lỗ sâu 1 thước vào trong đá.

3. Nhét thuốc nổ và châm mìn: Đây là công việc nhẹ nhàng nhất nhưng lại là công việc nguy hiểm nhất. Tôi chọn một anh tù lanh lẹ và tháo vát làm công việc này. Trong khi cả đội lao động vất vả thì anh này lo dọn đường trên núi để chạy tới chỗ nấp an toàn sau khi châm mìn. Buổi chiều, sau khi các lỗ đục xong, anh lo việc nhồi thuốc nổ vào lỗ và phân chia dây cháy chậm tùy theo số lỗ và khoảng cách giữa các lỗ mìn cho hợp lý. Vì tiêu chuẩn dây cháy chậm chỉ có chừng ấy, anh phải phân ra để

đốt và bảo đảm quả mìn đầu tiên không nổ trước khi anh chạy vào chỗ nắp đã chuẩn bị sẵn. Có trường hợp anh tù bị nổ banh thân trước khi chạy tới chỗ nắp vì chia dây cháy chậm không hợp lý.

4. Khâu dọn đá: Sau khi nổ mìn làm vỡ ra các tảng đá thật to, một nhóm tù sẽ lên vằn cho rơi xuống bãi và dùng búa tạ 5 ký đập cho vỡ ra thành những tảng đá nhỏ bằng quả dưa.

5. Khâu vác đá: Sau khi đá được đập ra thành cỡ vừa phải, những anh tù vác đá chất thành đồng hình chữ nhật để đo thành từng khối giao cho các xe tải của hợp tác xã.

Phần tôi, trong vai trò đội trưởng, có nhiệm vụ phân công cho anh em và theo dõi quan sát, đốc thúc anh em làm việc, cũng như cố gắng đừng để tai nạn xảy ra. Chính tôi là người quyết định giờ cho nổ mìn, nên trước đó tôi và anh đội phó ra đường cái gần bên báo hiệu cho xe cộ và người đi bộ. Mỗi ngày chúng tôi cho nổ mìn buổi chiều trước khi các xe tải lấy đá và chùng một tiếng đồng hồ trước khi thu quân. Sau khi nổ mìn xong, toán dọn đá phải lên lần những tảng đá to xuống để sáng ngày đội có việc làm. Trong thời gian tôi làm đội trưởng, mọi việc diễn tiến tốt đẹp, không xảy ra một ai nạn nào. Chỉ có một lần duy nhất bị trục trặc và gây ra sự cãi vã gay gắt giữa cán bộ quản giáo và tôi.

Chiều hôm ấy, chúng tôi châm 10 lỗ mìn, nhưng chỉ nổ 9 tiếng và một quả bị lép. Đây là điều chúng tôi e ngại nhất, vì quả mìn lép có thể sẽ thúi luôn, hoặc có thể nổ lại bất cứ lúc nào, nhất là khi có sự chuyển động gần đó. Sau khi mìn nổ một lúc, cán bộ bảo tôi cho toán dọn đá lên. Tôi trả lời là còn một quả chưa nổ, nếu đội lên lúc này rất nguy hiểm, hãn đội lúc nữa.

Khoảng chừng 15 phút sau, cán bộ quản giáo lại giục tôi cho đội lên dọn đá, tôi cũng nói chưa an toàn, vả lại chỉ còn nửa giờ nữa là thu quân nên tôi xin cho đội ngồi nghỉ sáng mai hãy dọn đá. Cán bộ không nghe, cho là tôi muốn chống đối, anh nói rằng làm như thế đội sẽ không đạt được mức khoán của ban giám thị. Tôi trả lời đây là sự trục trặc ngoài ý muốn, không phải vì đội lười biếng hoặc chống đối lao động. Mấy anh tù trong đội xanh mặt ngồi theo dõi cuộc cãi vã. Cuối cùng, cán bộ dọa sẽ đưa tôi lên ban giám thị, cho là tôi cãi lệnh cán bộ và có ý chống đối lao động. Dọa nạt tôi xong, anh ta trực tiếp ra lệnh cho đội lên dọn đá. Trong khi các anh tù còn đang do dự chưa biết nghe ai, tôi tới bên cán bộ nói thật bình tĩnh:

– Báo cáo cán bộ, trước khi cán bộ trực tiếp ra lệnh cho đội, xin hãy cách chức đội trưởng của tôi. Nếu không tôi vẫn không đồng ý cho đội lên núi.

Trong khi anh ta ngằn ngữ và giận tím gan, nhưng không biết trả lời sao thì tôi nói thêm:

– Nếu đội lên mà quả mìn lép phát nổ làm chết người, ai chịu trách nhiệm?

Trong khi anh cán bộ trẻ tuổi nhưng rất hung hăng này định phản công, tôi đành phải chưng “kinh thánh” của họ ra, tôi nói tiếp:

-Tôi còn nhớ bác Hồ có nói ‘Con người vốn quý’. Trong trường hợp này mạng sống con người phải

quý hơn chỉ tiêu làm đá. Nếu cán bộ cho câu nói của bác Hồ là sai thì xin ký tên vào đây, rồi tôi cho đội lên!

Nói xong, tôi đưa cuốn sổ ghi công của đội và cây bút. Nhưng anh đã bỏ đi. Tôi cho đội ngồi nghỉ cho tới giờ thu quân. Trong thời gian làm đội trưởng, tôi tìm hết cách để bảo vệ anh em trong đội, vì tôi nghĩ nếu tù mà không thương tù thì đội ai vào đây thương mình?

Biểu Lộ Tình Người

Đi lao động một thời gian, tôi bị một trận kiết lỵ thập tử nhất sinh. Cũng may có thuốc anh em vô Nam để lại nên tôi qua khỏi nhưng còn yếu chưa có thể theo đội đi lao động. Lúc đó Cha Hiểu là đội phó thay tôi coi đội, còn tôi nghỉ ở nhà lo giúp anh trực sinh buồng làm vệ sinh khu vực chung quanh. Một buổi sáng rảnh rỗi, tôi ngồi trong nhà ăn, đọc tác phẩm “Chiến tranh và Hòa Bình” của Léon Tolstoi. Bộ sách giá trị này của một người bạn vô Nam để lại cho tôi.

Trong khi đang đọc thì Trung Úy T., Sĩ quan an ninh của trại bước vào. Sẵn có óc cầu tiến và thích tìm hiểu, anh ta ngồi xuống với tôi và nói về tác phẩm này vì anh cũng đã đọc qua. Sau đó chúng tôi bàn về những tác phẩm hay mà anh ta đã đọc hoặc muốn đọc. Phần nhiều những sách anh nói tới, tôi đều đọc qua và chúng tôi bàn với nhau về chuyện văn chương rất tương đắc. Điều tôi nhận xét đầu tiên về người cán bộ này là anh thích văn chương, đọc sách nhiều, thích tìm hiểu nhưng chưa “tiêu hóa” được, đúng hơn là anh không đủ trình độ tiêu hóa những tư tưởng trong các tác phẩm anh đã đọc.

Sau lần nói chuyện, thỉnh thoảng anh lại vào chỗ tôi chơi và câu chuyện thường là xoay quanh những vấn đề trong một vài quyển sách mà anh đọc. Chúng tôi cùng bàn với nhau rất tương đắc. Anh đọc khá nhiều loại sách của các tác giả Tây phương và cả Tam Quốc Chí, Thủy Hử và nhiều sách khác nữa.

Thời gian sau, tôi khỏe lại và theo đội ra ngoài lao động nên ít khi gặp lại người cán bộ an ninh thích tìm hiểu về sách vở này. Một hôm, anh gọi tôi lên làm việc. Cũng nên biết qua, cán bộ an ninh trong trại quyền hạn rất lớn và khi gọi ai đi “làm việc” thì hiểu là người đó không phải đi lao động. Sau khi xuất trại lao động xong, anh cho một cán bộ vào đưa tôi ra văn phòng của anh, nằm khá xa bên ngoài cổng trại.

Khi tôi bước vào, anh đón tôi bằng một nụ cười, mặc dù đó không phải là nụ cười hoàn toàn thân ái, nhưng cũng không phải là nụ cười giả tạo. Phải nói là nụ cười của hai người đã có những lần nói chuyện với nhau về một vấn đề không nằm trong phạm vi giữa cán bộ và tù nhân, đó là vấn đề văn chương. Hôm đó, anh mặc quần màu vàng của công an, áo sơ mi trắng ngắn tay. Phòng làm việc này khá nhỏ và đơn sơ, chỉ có một tủ nhỏ có lẽ chứa hồ sơ, một cái bàn nhỏ bên trên có bộ chén trà và bao thuốc lá thơm. Bên cạnh bao thuốc lá có một bia đựng hồ sơ mà tôi đoán là hồ sơ của tôi.

Từ khi về lại trại Nam Hà tới giờ đã 5 tháng, nhưng tôi chưa bao giờ được gọi đi làm việc. Thật ra, cũng

chẳng còn gì để mà họ khai thác. Những gì đã xảy ra trong 13 năm qua, họ đã biết quá rõ về tôi. Và lại lúc này gần như tất cả những người tù miền Nam đã được về hết rồi, còn khai thác gì nơi tôi nữa. Nghĩ như vậy nên tôi rất bình thản, và nhất là tôi đã nhiều lần tiếp xúc với người cán bộ an ninh của trại này rồi. Sau khi pha trà và mời thuốc tôi một cách khá thân mật, anh ta nhẹ nhàng bảo tôi là những lần trước nói chuyện với tôi, anh thấy rất thích và hôm nay muốn để tôi ở nhà để nói chuyện tiếp.

Lời mở đầu câu chuyện của anh làm bầu khí giữa hai người trở nên nhẹ nhàng và tự nhiên. Chúng tôi ngồi uống trà nói chuyện. Phần đầu câu chuyện liên quan tới sách vở, sau đó bàn qua về các trào lưu tư tưởng Âu Châu. Anh hỏi tôi về ngày tàn của đế quốc La Mã, về cuộc cách mạng Pháp năm 1789, những điều này anh có đọc nhưng không hiểu hết. Sau một lúc nói chuyện rất tự nhiên, anh hạ giọng hỏi tôi:

– Anh Lẽ, một phần nào anh đã hiểu tôi, vậy tôi muốn nghe anh nói thật ý nghĩ của mình. Anh nghĩ thế nào về chủ nghĩa cộng sản?

Câu hỏi này của người Sĩ quan an ninh của trại làm tôi hơi đắn đo. Chưa bao giờ tôi gặp trường hợp như vậy cả. Anh ta nói đúng, một phần nào tôi đã hiểu được tư tưởng của người cán bộ có cái nhìn phóng khoáng này. Suy nghĩ một lúc, tôi nói rất thân ái:

– Ông T. à, tôi không nghĩ là ông thăm dò tư tưởng tôi.

Anh ta cười nhẹ, một cái cười có vẻ khổ tâm vì người đối thoại chưa tin nơi sự thành thật của mình, trong khi đã giải bày cặn kẽ. Anh trả lời:

– Anh Lẽ, tôi đã đọc hồ sơ anh thật kỹ, và chính cũng vì hiểu anh nên tôi mời anh lên để nói chuyện riêng tư. Tôi còn phải thăm dò anh làm gì nữa.

Nói xong, anh ta lật bìa kia của bìa đựng hồ sơ của tôi, cho tôi thấy hàng chữ nằm ngang: “Thành phần không thể cải tạo được”, đóng bằng nét mực đen. Đó là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy cái bìa hồ sơ cá nhân của tôi. Tôi buồn bã đáp lời:

-Ông T. à! Ông hỏi thì tôi phải nói, cho dù sau đó ông có cùm tôi, tôi cũng vẫn nói.

Tôi dừng lại một chập rồi nói tiếp:

-Mà nói cho cùng, tôi đã quen với cảnh bị cùm rồi, còn gì phải sợ nữa! Tôi nói thật lòng, tôi vẫn nghĩ là chế độ cộng sản không thể tồn tại được ông ạ!

Nói xong, tôi nhìn cán bộ T.. Anh ngồi yên, gật đầu nhẹ nhẹ và hỏi:

- Anh căn cứ vào đâu mà nghĩ như thế?

- Câu hỏi của ông quá rộng, tôi không thể kể hết nguyên nhân. Nhưng chỉ nguyên một việc chủ nghĩa

cộng-sản chủ trương đi ngược lại với bản chất tự nhiên của con người là nhu cầu chiếm hữu cũng đủ nói lên điều tôi khẳng định. Quyền tư hữu là một quyền căn bản thiết thân của con người, nó đi liền với bản năng của con người. Ai cố gắng tước bỏ điều đó là chống lại với khuynh hướng tự nhiên, mà hễ điều gì đi ngược lại với khuynh hướng tự nhiên thì không thể nào tồn tại được. Thực tế, quyền tư hữu con người có bị tước đoạt được hay không, ông là một đảng viên, ông hiểu rõ hơn tôi!

Anh ta ngồi trầm ngâm sau câu trả lời khá dài của tôi. Một lúc sau anh ta nói, nói thật nhỏ chỉ vừa đủ hai người nghe:

– Anh Lễ, anh hãy giữ suy nghĩ ấy trong lòng và đừng nói ra, không có lợi. Tôi cũng có suy nghĩ như anh. Nhưng anh biết hoàn cảnh tôi, tôi sinh ra và lớn lên trong chế độ. Anh Lễ, tôi quý anh, nên tôi thành thật khuyên anh là khi nào được về anh hãy tìm cách ra khỏi nước mà sống. Phần tôi, không làm gì khác hơn được. Vả lại, còn miếng cơm manh áo của gia đình vợ con tôi nữa!

Nghe anh nói, tôi rất cảm động. Vô tình tôi định cầm lấy bàn tay anh, nhưng chợt nhớ lại dù sao cũng còn bức tường ngăn cách giữa hai người mà lúc này chưa có thể vượt qua được, nên tôi dừng tay lại. Trong thâm tâm, tôi quý mến người cán bộ này hết sức và thương cho hoàn cảnh của anh. Từ đó, chúng tôi rất quý nhau. Bên ngoài chúng tôi bị hoàn cảnh ngăn cách nhưng bên trong chúng tôi đã coi nhau như bạn. Đúng hơn, anh ta coi tôi như một người anh.

Cộng Đoàn Tình Thương

Trong thời gian này nhóm “Cộng đoàn tình thương” chúng tôi đang trên đà phát triển mạnh. Những anh tù tôi vừa Rửa Tội xong đã trở nên những chiến sĩ đức tin rất nhiệt thành. Qua việc thực tập cuộc sống chia sẻ trong tù, các anh thấy có một lý tưởng để sống vì đây là một kinh nghiệm lạ lùng. Đối với các anh em đó, làm gì có cuộc sống chia sẻ trong môi trường chỉ biết có bắt nạt, lừa đảo, tranh giành, chém giết nhau vì miếng ăn như trong nhà tù này. Các anh em đã tìm thấy được niềm vui trong khi thực hiện các lời trong bài hát “Kinh Hòa Bình” của Thánh Phanxicô Assisiô mà tôi tập cho anh em hát. Cả những anh Trung Quốc cũng hát tiếng Việt, nhưng tôi dịch nghĩa sang tiếng Tàu cho họ: “Chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân.”

Đây là lúc tôi nhận thấy rõ rệt nhất những hoạt động của chức vụ Linh Mục đạt được nhiều kết quả và Chúa đã làm nên những điều kỳ diệu đối với đám tù nhân khốn khổ của chúng tôi. Ngày càng thấy yêu thích cuộc sống của tôi lúc bấy giờ. Một cuộc sống rất hạnh phúc mà trước kia lòng ước vọng tự do thúc đẩy quá mãnh liệt đã che lấp không cho tôi nhận ra đâu là ý Chúa muốn tôi phải làm.

Có những đêm tôi dạy giáo lý cho một số anh em, kể chuyện Kinh Thánh cho một số khác. Anh em vui vẻ, ngồi lắng tai nghe. Có nhiều người cảm động nói từ trước tới nay chưa bao giờ được nghe những lời như thế. Từ lâu nay, cứ tưởng Công Giáo là một cái gì ghê gớm và độc ác và như bản như được diễn tả trong phim “Ngày Lễ Thánh” được nhà nước cho chiếu khắp nơi, hoặc trong cuốn sách

“Gia-Tô Tây Dương Bí Lục” mà đảng cộng-sản phổ biến rộng rãi để nói về “nguồn gốc” và cách hành đạo của Thiên Chúa Giáo! Có những anh thành thật nói, nếu con không gặp Cha làm gì con hiểu được con người phải có tình thương và sự tha thứ! Những nhận xét đơn sơ của các anh tù đó đã an ủi tôi và tôi cảm ơn Chúa đã cho tôi được sống trong hoàn cảnh này. Điều làm tôi mừng và cảm thấy hạnh phúc là Chúa đã gọi tôi làm chứng nhân cho tình yêu Chúa ngay trong môi trường đầy hận thù này.

Lúc đó, có một số giáo dân ở xứ Bắc Hải trong Nam quyền góp gửi quà cho các linh mục. Bây giờ tất cả được về, họ vẫn tiếp tục gửi quà cho tôi. Mỗi lần nhận được quà, tôi dành một phần, giao cho anh em trong nhóm “Tình thương” phân phát, bắt đầu từ những anh em túng thiếu nhất. Nói về phần nhân loại thì thực sự lúc đó tôi đang sống trong ngục tù, nhưng về phần tinh thần thì tôi phải nói thẳng là chưa bao giờ tôi thấy hiệu quả trong chức vụ Linh Mục như lúc bấy giờ. Khi tôi ý thức và chọn con đường làm linh mục lúc 20 tuổi là chính vì lý tưởng phục vụ tha nhân, và lúc này tôi đang được sống trọn vẹn cho lý tưởng mà tôi đã chọn.

Tôi vẫn biết không có gì là bền vững trong nhà tù. Di chuyển và thay đổi là chuyện thường xảy ra. Dù vậy, tôi vẫn mong cuộc sống như hiện tại kéo dài, vì tôi coi đây là chỗ mà tôi phải sống. Nếu ý Chúa muốn tôi phải chết ở đây, trong khi tôi đang thi hành chức vụ Linh Mục như thế này, thì cũng là điều tôi mong muốn.

Về phía cán bộ, dần dần tôi không còn thấy họ là những con người đáng sợ và xa lạ nữa. Ngược lại, họ cũng chỉ là những người vì hoàn cảnh, vì cuộc sống mà khép mình vào một khuôn khổ, mà chính họ cũng không thấy thoải mái trong khuôn khổ này. Nếu những năm đầu, một số cán bộ đã hành sử quyền hạn thái quá làm cho tôi đôi lúc có ý tưởng ghét bỏ con người, thì giờ đây, sau hơn chục năm giao tiếp, tôi thấy các cán bộ là những người đáng thương hơn là đáng trách.

Có đáng trách chẳng là một thể chế chính trị, chỉ biết phục vụ cho quyền lợi của đảng mà đã trói buộc cả một dân tộc vào trong guồng máy đó. Cơ chế đảng cộng sản như một con quái vật do con người sanh đẻ ra nó, nhưng khi sanh nó ra rồi, thì không cách gì có thể kềm chế được sự hung hãn của nó. Nó quay ra ăn thịt bất cứ ai, ngay cả người sanh đẻ ra nó.

Đối với tôi, điều quan trọng không phải là chúng ta tiêu diệt con người, ngay cả những con người đang phục vụ trong chế độ cộng sản. Điều chúng ta phải làm là bằng mọi cách loại bỏ cơ cấu chính quyền vô nhân được xây dựng trên một ý thức hệ ngoại lai lỗi thời. Chính ý thức hệ đó đã làm tan nát tình dân tộc của chúng ta. Ngay chính những người đang phục vụ đảng, cũng có người biết là họ đang đi sai con đường, nhưng khi đã dính chân vào tròng, họ không còn đường trở lui.

Trừ ra những kẻ chủ trương duy trì cơ cấu đảng để trục lợi, để đè đầu cỡi cổ dân tộc, để hối lộ, tham nhũng, vơ vét tài nguyên đất nước, những kẻ đó là tội đồ của dân tộc. Trong khi đó, đa số cán bộ ở cấp thấp là nạn nhân hơn là tội phạm. Tư tưởng này đã làm tôi thoải mái trong cuộc sống lúc bấy giờ và tôi nhìn tất cả đều là những người anh em. Cho dù là họ có thể không chấp nhận tôi, nhưng tôi vẫn

nhận họ là những người anh em với tôi trong đại gia đình dân tộc.

Cũng trong thời gian này lại có một hiện tượng lạ xảy ra trong trại. Lúc đó, một anh Trung Quốc trong số con cái tôi tên Trịnh Minh Hoa, nguyên trước kia là một y sĩ bên Tàu, tự nhiên anh nổi tiếng về việc chẩn bệnh. Anh bắt mạch và đoán đúng những chứng bệnh mà không ai tìm ra. Các bệnh nhân sau đó đi bệnh viện kiểm chứng, các bác sĩ cũng nói y như vậy. Anh dùng cách bắt mạch, coi mắt, coi lưỡi và các móng tay của bệnh nhân và nói thật chính xác người đó mắc chứng bệnh gì. Bệnh nhân mua thuốc uống thì khỏi.

Tin lành đồn xa. Bắt đầu có nhiều cán bộ và gia đình họ vào nhờ anh Minh Hoa xem mạch bốc thuốc. Lúc đầu chỉ trong phạm vi trại Nam Hà, về sau này có những người từ các nơi xa cũng tới tìm anh. Anh Minh Hoa lại không nói được tiếng Việt nên tôi đóng vai trò người thông dịch. Lúc này Trung Úy T. cũng có ý muốn nhờ tôi dạy Anh văn, nên nhân cơ hội tôi lo thông dịch giúp tiếng Quan Thoại, anh xin với cán bộ quản giáo cho tôi khỏi đi lao động. Từ đó tôi giao đội lại cho đội phó và ở nhà dạy tiếng Anh vào các buổi chiều cho Trung Úy T.

Thời gian đó, Trung Úy T. thường hay vào chỗ tôi chơi vào các giờ ban sáng. Thường là tôi pha chè (nước trà) mời và chúng tôi cùng ngồi uống chè bàn việc học Anh văn. Anh rất thích học nhưng vì thiếu căn bản nên không tiến bộ nhiều, nhất là việc luyện giọng buổi ban đầu rất khó khăn. Trung Úy T. lúc đó quảng 35 tuổi, khổ người rắn chắc, da trắng, mắt hơi nâu và có nhiều râu như người lai Tây. Anh là người hay nói cười, tánh tình cởi mở, phóng khoáng. Gia đình anh ở Hà Nội, vợ là cô giáo và có một cháu gái 4 tuổi, đang ở với mẹ. thỉnh thoảng anh đưa cháu xuống trại chơi vài hôm. Cháu rất xinh trong bộ đồ đầm màu trắng. Sự quan hệ giữa chúng tôi càng ngày càng mật thiết qua các lớp học tiếng Anh này.

Có những cán bộ làm việc lâu trong trại đã khá thân thiện với những người tù miền Nam ở đây trước tôi, trong đó có Trung Úy Lực là cán bộ trực trại. Anh quen biết tôi nhiều trong thời gian tôi hay qua lại buồng 9 của các tướng lãnh trước kia. Thời gian đó, anh hay vào buồng ngồi đánh cờ tướng. Ngoài ra, người nữ cán bộ tài vụ mà tôi gặp ngay từ ngày đầu, sau này tôi biết tên là KT, thỉnh thoảng cũng vào chỗ tôi chơi. Nhất là sau ngày cô đi Nam trong dịp chuyển tù về trại Hàm Tân. Sự đi lại và tiếp xúc đó dần dần tạo nên sự cảm thông giữa người với người. Lúc đó, điều tôi nhận thấy rõ rệt là khoảng cách lẫn ranh do ý thức hệ tạo ra càng lúc càng thu hẹp lại và lu mờ dần. Điều này càng củng cố lý luận của tôi, chỉ vì một chủ nghĩa ngoại lai mà dân tộc Việt Nam chúng tôi bị phân rẽ và nhìn nhau như kẻ thù. Trong thực tế, dân tộc chúng tôi là một, chẳng có vì lý do gì phải chia rẽ, hận thù hoặc chém giết nhau.

Tư tưởng này ám ảnh tôi từ những ngày tôi mới bị bắt vào tù qua các câu chuyện tôi không sao quên được. Khi đó, tôi đang ở trại Gia Ray, tỉnh Long Khánh. Hàng ngày, đội chúng tôi đi lao động khai hoang dọn đất chung quanh trại cho những đội trồng trọt canh tác. Thường thì chúng tôi lao động

không xa khu vực nhà khách, tức là chỗ để thân nhân tù nhân lên thăm gặp. Như thế mặc dù không được tiếp xúc nhưng người nhà có thể thấy chúng tôi đang cuốc đất khai hoang gần bên.

Có một lần, tôi không nhớ vì chuyện gì mà một anh cán bộ võ trang rất trẻ, chừng 18 tuổi, tập trung cả đội lại đứng dọc theo vách sau nhà khách và chửi mắng chúng tôi thậm tệ trước mặt bao nhiêu thân nhân của tù đang đứng chờ trong nhà khách. Khi chửi, có lúc cao hứng anh gọi chúng tôi là “những con rận sống trong cặp quần của đàn bà! Cách mạng không bắn các anh vì sợ tổn một viên đạn của nhân dân!” Chúng tôi đứng yên trong hàng và cúi đầu nghe anh ta chửi, trong khi đó tôi thấy một số các bà các cô đứng trong nhà khách gần đó đưa tay gạt nước mắt.

Lúc đứng trong hàng, lòng tôi vô cùng đau xót vì thương anh cán bộ còn trẻ này được huấn luyện để chửi những con người đáng tuổi Cha chú mình. Tôi chợt nghĩ nếu tôi có con thì anh ta đáng tuổi con trai lớn của tôi, và nếu anh ta sanh ra trong xứ đạo tôi có thể anh là một trong những học trò giúp lễ của tôi! Bỗng dưng tôi thương anh hết sức, và qua anh, tôi thương cho một thế hệ trẻ Việt Nam sanh ra và lớn lên trong chiến tranh tàn dã hành sử theo cái nhìn của những con người vì một chủ nghĩa ngoại lai mà quên đi tất cả tình dân tộc. Anh đang phục vụ cho một thể chế chính trị đang chiến thắng, nhưng anh đâu có hiểu rằng thể chế nào rồi cũng sẽ qua đi, chỉ có dân tộc là trường tồn.

Cánh Hoa Đồng Nội

Lúc này, tôi thường có dịp tiếp xúc với cô KT, người cán bộ tài vụ. Sau chuyến vô miền Nam, cô có nhiều chuyện để nói với tôi. Tôi phải nhận là chuyến vào Nam lần đầu tiên đó đã làm cô thích thú. Cô đã thay đổi cái nhìn và lối suy nghĩ rất nhiều. Một hôm, cô vào trại tìm tôi có việc liên quan tới tài chánh, sau đó cô hỏi trong Nam tôi ở tỉnh nào. Tôi nói ở Vĩnh Long, thuộc miền đồng bằng sông Cửu Long. Tôi kể với cô sơ qua về phong cảnh và sự trù phú của miền Tây. Cô rất chăm chú nghe nhưng có vẻ không hiểu lắm vì chuyến đi Nam vừa rồi của cô ít giờ quá, không có dịp đi thăm nhiều nơi, và nhất là không quen ai trong Nam. Cô vui vẻ hỏi tôi:

– Anh ở Vĩnh Long nhưng có biết nhiều về thành phố Hồ Chí Minh không?

Tôi bị dị ứng khi nghe ai gọi Sài Gòn bằng cái tên chính trị của nó. Mặc dù cô gọi tên đó một cách rất tự nhiên, tôi trả lời:

-Cái thành phố mà cô vừa hỏi thì tôi không biết, nhưng tôi biết Sài Gòn rất rõ vì tôi học ở đó 7 năm.

Người nữ cán bộ tỏ ra bất ngờ trước câu trả lời của tôi. Cô nhìn tôi bằng đôi mắt mở to dưới hàng mi cong, nhưng liền đó cô tỏ ra nhạy cảm với tâm trạng tôi nên yên lặng, mỉm cười:

-Anh Lẽ này! Sao mà anh “góm” thế? Thôi, đừng để những việc đó làm chúng ta mất vui. Tôi chẳng có ý gì đâu, tôi chỉ muốn nghe anh nói thêm về thành phố Hồ...thành phố Sài Gòn, mà phải nói là tôi rất thích trong lần vào đó. Lần đó, có mấy anh ở đây nhờ tôi tới thăm gia đình. Người nhà tiếp tôi nồng

hậu lắm anh ạ. Tôi được tặng nhiều quà lắm. Lúc trở ra, cháu trai rất thích vì mẹ mang về nhiều đồ chơi.

Nói xong nàng nở nụ cười thật hồn nhiên của một cô gái quê Việt Nam thuần túy. Sau đó, nàng nói qua các nơi nàng đã có dịp ghé như Thủ Đức, Nhà Bè v.v... Những đêm ở Sài Gòn, cô ở và làm việc tại An Ninh Nội Chính, và hỏi tôi có biết nơi đó không. Tôi nói đã bị giam ở đó khi vừa bị bắt và tôi có bà cô ở đối diện bên kia đường.

Từ đó, KT hay vào thăm tôi vào buổi sáng trong giờ cả trại đi lao động, vì cô biết tôi bận lớp Anh văn ban chiều. Khi vào, trên tay nàng lúc nào cũng có quyển sổ tài chánh, nhưng có rất nhiều lần cuốn sổ ấy không được dùng vào việc gì. Những lần vào chơi, cô thích kể chuyện về chuyến đi Nam cho tôi nghe, nói là cho tôi đỡ nhớ nhà! Giọng nói rất nhẹ nhàng, dí dỏm, phù hợp với vóc dáng mảnh mai của nàng.

Lúc nào KT cũng mang tính cách đơn sơ và e lệ của một cô gái mới lớn, điều này trái ngược với tuổi đời trên dưới ba mươi của nàng. Mái tóc dài che phủ bờ vai. Về sau này, mái tóc được quấn ngược lên cao, vì buổi trưa hè hôm ấy, KT vào thăm và tôi khen quấn như thế đẹp. Cũng không mấy khi thấy nàng mặc sắc phục, vì có lần nàng mặc sắc phục, lúc vui miệng tôi nói:

-Không hiểu tại sao, khi thấy cô mặc sắc phục công an tôi sợ lắm.

Nàng làm ra vẻ nghiêm trang, hỏi tôi:

-Tại sao anh lại sợ?

– Tôi cũng chẳng biết tại sao! Có lẽ tại máu tôi không hợp với màu sắc này!

KT không nói gì, yên lặng trong giây lát và nhìn tôi tỏ vẻ cảm thông vì nàng đã biết lịch sử đau thương của cuộc đời tù tội của tôi. Lúc sau nàng hỏi:

– Anh Lễ này, nghe nói lúc ở trại Thanh Cẩm anh trốn trại và bị hành hạ kinh lắm phải không? Anh ở trại đó bao lâu nhỉ?

-Vâng, lần đó tôi bị đánh nhiều và bị cùm 3 năm!

– Kinh thế! Anh ở trại đó trong bao lâu?

– Đúng mười năm cô ạ, từ 1978 tới 1988. Khi mới từ Nam ra năm 1977, tôi vào trại Nam Hà này. Sau đó, chuyển lên “Cổng Trời” mất một năm. Chừng chiến tranh biên giới xảy ra, tôi được đưa về Thanh Cẩm 1978, rồi lại về đây! Lúc tôi ở đây lần đầu, ông Thịnh mới là Thượng sĩ trực trại. Bây giờ gặp lại, ông ta đã là Thượng úy rồi. Cô KT này, mười một năm về trước, khi tôi ở trại này, lúc bấy giờ cô làm gì và ở đâu?

- Năm đó tôi chưa vào ngành, còn ở nhà quê tại Vũ Lễ, Thái Bình.

Cô nói tiếp giọng nói thật buồn:

– Anh Lễ, sau thời gian tiếp xúc với các anh miền Nam và nhất là sau chuyến đi này, tôi đã hiểu được các anh nhiều hơn. Sau khi có dịp nói chuyện nhiều với anh, tôi thật kính phục những con người như anh.

Đã từ lâu, tôi nhận thấy tình cảm đặc biệt của nàng đối với tôi qua cử chỉ, thái độ và cách nói năng. Càng ngày, tôi càng hiểu điều đó qua ánh mắt, nụ cười trong các câu chuyện nàng kể, nhất là qua sự ân cần giúp đỡ tôi trong các việc liên quan tới phần vụ của nàng, mặc dù trong tư thế quá khác biệt. KT là một cán bộ và đã có chồng con, nàng có một đứa con trai độ 6 tuổi. Còn tôi là một tù nhân, lại là một linh mục và là kẻ đã gây ra quá nhiều sóng gió trong trại. Nhưng các thứ đó hình như không là trở ngại đối với tình cảm dạt dào của nàng.

Khoảng đầu tháng 6 năm 1988, lại có biến chuyển khác. Tất cả những người tù Trung Quốc được chuyển hết đi nơi khác. Tôi rất buồn khi phải chia tay với họ. Tôi đã ở chung và chia sẻ bao nhiêu đau khổ với họ trong những năm ở nhà kỷ luật trại Thanh Cẩm. Những người tù ngoại quốc này thường sống dựa vào sự giúp đỡ tinh thần và vật chất của chúng tôi. Ngược lại, họ đã giúp tôi học và nói thông thạo tiếng Quan Thoại.

Tất cả những người Trung Quốc này đã bị giam 16 năm rồi. Về trại này, tôi đã Rửa Tội cho 5 người và tôi coi họ như những người con tinh thần của tôi. Tôi đã giúp họ tìm thấy niềm vui trong cuộc đời khổ ải qua các việc bác ái trong nhóm “Cộng đoàn tình thương”. Trước đó, tôi cũng thường nói với họ, cuộc sống trong nhà tù thay đổi lúc nào không hay, tôi muốn gửi nơi anh em đức tin mà anh em đã lãnh nhận qua Bí tích Rửa Tội. Sau này, hãy mang đức tin đó gieo rắc nơi nào các anh em sẽ tới, nhất là có dịp mang về quê hương Trung Quốc của anh em. Việc ra đi của nhóm tù Trung Quốc làm tôi u sầu trong một thời gian rất lâu. Từ đó về sau, tôi không còn bao giờ nghe biết gì về họ nữa!

Sau khi nhóm tù Trung Quốc chuyển đi rồi, tôi cảm thấy rất trống vắng. Tôi vẫn ở nhà dạy tiếng Anh cho Trung Úy T. Những buổi sáng rảnh rỗi, tôi thường giúp anh trực sinh buồng lo quét dọn vệ sinh, lấy nước sôi cho buồng, sau đó ngồi trong nhà ăn soạn bài vở cho giờ lớp ban chiều. Thường thì chỉ có mình Trung Úy T. học, nhưng có mấy lần vài cán bộ khác cũng vào dự thính lớp tiếng Anh của tôi. Lúc bấy giờ đã cuối chầu, trại Nam Hà sao thật buồn tẻ. Số tù hình sự đông hơn tù chính trị miền Bắc.

Cuối Chặng Đường

Một buổi sáng giữa tháng 7 năm 1988, Trung Úy T. vào thăm tôi. Hồi này trình độ tiếng Anh của anh đã tương đối khá nên mỗi khi anh vào, chúng tôi tập chào nhau bằng tiếng Anh và đàm thoại vài câu ngắn và dễ. Anh tỏ ra rất thích thú khi bập bẹ được vài câu tiếng Anh trong khi tất cả mọi cán bộ khác chẳng ai biết chút gì. Anh rất siêng học, chỗ nào không hiểu thường mang vào hỏi tôi và tỏ ra rất hứng

thứ khi có dịp thực tập với tôi.

Khác hơn mọi lần, sáng hôm đó, vừa ngồi với tôi một lúc, anh đứng lên từ ghế, nói là đang chuẩn bị đi phép một thời gian và chúc tôi ở lại mạnh giỏi. Anh cũng không nhắc gì tới việc học tiếng Anh đang dở dang. Khi tôi nhắc việc này, anh yên lặng một lúc rồi nói cứ tạm thời nghỉ, khi anh về hẵng hay. Nhưng sau đó anh nói tiếp, nếu vì lý do gì không gặp lại thì tôi hãy nhớ lời anh dặn. Tôi hơi ngạc nhiên vì thấy có cái gì hơi khác trong lời nói của anh. Nếu chỉ đi phép vài ngày như những lần trước thì sao anh lại dặn dò tôi như thế. Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

– Ông T., ông nói gì vậy? Bộ ông chuyển đi nơi khác à?

Anh ta đáp tự nhiên:

-Không hẳn đâu anh ạ! Nhưng làm sao biết được chuyện ngày mai!

Nói xong anh đứng lên và nhìn tôi mỉm cười. Tôi nói tiếp:

-Cho tôi gửi lời thăm gia đình ông, thăm cháu bé và cô.

Anh ta gật đầu:

– Cám ơn anh Lễ. Anh ở lại mạnh giỏi, tôi đi đây.

Nói xong, anh bước ra cửa khá nhanh, tôi theo sau tiễn chân. Trước khi khuất dạng vào hành lang dẫn ra sân trại, anh còn quay lại nhìn tôi mỉm cười và đưa bàn tay trái lên làm dấu hiệu từ ghế rất nhẹ nhàng.

Khi cán bộ T. đi rồi, tôi quay vào buồng, vừa đi vừa thắc mắc về lời chào tạm biệt của anh. Những lần trước, khi về Hà Nội hoặc đi phép vài ngày anh cũng vào chào từ ghế tôi và nói nghỉ học một vài hôm. Nhưng cách nói úp mở hôm nay của anh làm tôi đoán anh sẽ chuyển đi nơi khác. Ý nghĩ này làm tôi chột buồn, rất buồn. Thì ra tôi quý mến người cán bộ này sâu đậm hơn là tôi tưởng! Nếu thực sự anh đi nơi khác thì tôi mất một người bạn quá tốt trong hoàn cảnh đặc biệt này. Tôi đã mất các anh em linh mục, tôi đã mất những người bạn trong đợt chuyển vào Nam, tôi vừa mất những anh Trung Quốc mà tôi coi là con tinh thần của tôi, bây giờ nếu tôi mất Trung Úy T. nữa, chắc chắn là tôi sẽ rất buồn. Tôi thậm chí mong cho việc đó đừng xảy ra.

Trở vào nhà ăn, tôi ngồi xuống ghế vì cảm thấy hơi choáng váng khó chịu trong người. Quyển vở tôi soạn bài Anh văn chiều nay đang nằm trên mặt bàn. Tôi với tay gấp lại vì chiều nay không có lớp. Tôi ngồi thừ ra một hồi lâu và ôn lại kỷ niệm về người cán bộ an ninh mà tôi quý mến. Tôi hồi tưởng lại từ lần đầu gặp gỡ tới những ngày tháng chúng tôi gặp nhau trong lớp tiếng Anh. Tôi vẫn nhớ lời anh thường nói: “Anh Lễ, tôi cám ơn anh đã giúp tôi biết về tiếng Anh.”

Thời gian trước đó trong trại lại kháo láo nguồn tin, “sắp có đợt tha”! Cá nhân tôi chẳng mong được về

và cũng chẳng để ý tới những diễn biến có dấu chỉ sẽ được phóng thích. Lần đầu tiên tôi nghe nói tới vấn đề này khi được thư của người bạn gửi vào cho biết đang có cuộc thương thuyết Mỹ-Việt. Phía Hoa Kỳ đại diện bởi Tướng hồi hưu John Vessey, đặc phái viên của Tổng thống Reagan, bàn về vấn đề bình thường hóa ngoại giao giữa hai nước. Một trong các điều kiện phía Mỹ đưa ra là yêu cầu Chính phủ Việt Nam phải thả hết những lãnh đạo tôn giáo còn trong tù. Anh em cho biết là tôi có hy vọng được về nhờ yếu tố này.

Ngoài ra, một số người về trước, qua Mỹ, cũng đã nhờ Tổ chức Ân xá Quốc Tế can thiệp giúp để tôi được phóng thích. Tôi nghe chỉ để mà nghe, chẳng mong mỏi và cũng chẳng hy vọng, nhất là tôi không coi đó là điều cần thiết nữa. Lúc đó, tôi đang bận tâm củng cố lại nhóm "Cộng đoàn tình thương", sau khi số anh em Trung Quốc nhiệt tình đã ra đi. Nhóm tù chính trị miền Bắc cũng rất hăng say trong hoạt động của nhóm trong lúc này.

Bấy giờ lại có một dấu hiệu khác. Khoảng tháng 6 năm 1988, có phái đoàn y tế của bộ về làm việc trong trại. Khi phái đoàn y tế vào trại, tôi được gọi lên và hỏi qua về bệnh tình, về thời gian cải tạo. Có điều rất buồn cười là anh cán bộ y tế lại méo mó nghề nghiệp. Khi biết tôi là một linh mục anh hỏi tôi nghĩ gì về vụ phong thánh cho 117 Thánh Tử Đạo sẽ diễn ra vào ngày 19 tháng 6. Lúc đó, vấn đề phong thánh đang gây tranh luận. Trong tù, có báo Nhân Dân và qua đó, tôi được biết Nhà nước Việt Nam phản đối vụ này ghê lắm. Tôi trả lời với ông ta:

– Tôi ở trong này không có đầy đủ thông tin nên tôi không có ý kiến gì, nhưng tôi cũng xin trả lời. Với tư cách là người Việt Nam, thân xác tôi thuộc quyền Chính phủ Việt Nam, nhưng với tư cách là một linh mục, linh hồn tôi thuộc về Tòa Thánh. Bất cứ điều gì Tòa Thánh quyết định, tôi vâng theo.

Nghe tôi nói thế, anh ta không hỏi thêm nữa.

Khi tôi về buồng, các anh em tới thăm và cho biết, khi phái đoàn y tế vào trại gọi ai là người đó được về. Nghe xong tôi chỉ cười nói: "Chùng nào dê đực để con tôi mới được về!" Trong tù không có tin gì làm mọi người háo hức và sẵn đón cho bằng tin có đợt phóng thích, vì thế mấy ngày nay cả trại cứ bàn tán xôn xao về tin này.

Khi cán bộ T. đi phép được một ngày thì anh văn hóa tên Quỳnh, người Hải Phòng, có biệt danh là "Quỳnh Ngựa" vì mặt anh dài, nói với tôi sau khi từ cơ quan trở về: "Tôi nghe nói anh có tên trong đợt tha lần này."

Đó là lần đầu tiên sau 13 năm tôi được nghe nói tôi có thể được tha về. Nhưng khổ nỗi, tin này đến với tôi trong lúc tôi không còn mong đợi nữa, nếu không muốn nói là thất vọng khi nghe tin đó. Vì nếu có về đi nữa thì cũng chỉ là chuyển từ một nhà tù nhỏ sang một nhà tù lớn. Khi bước ra khỏi đây để trở về xã hội bên ngoài, chưa chắc gì tôi đã yên thân. Trong khi đó, tôi đã tìm được ý nghĩa đích thực của cuộc đời phục vụ trong nếp sống ở đây.

Sáng hôm sau, trại xuất quân lao động nhưng tôi vẫn được nghỉ vì chưa bình phục hẳn sau trận kiết lỵ và cán bộ y tế cho tôi nghỉ dưỡng bệnh một thời gian dài. Buổi sáng trong trại rất vắng lặng, thỉnh thoảng thấy trực sinh các buồng đi lại dọn dẹp hoặc lấy nước sôi. Trong lúc tôi đang giúp anh trực sinh buồng quét sân thì cô KT bước vào.

Hôm nay cô vào sớm hơn thường lệ, trên tay không cầm quyển sổ quen thuộc, chỉ có một tờ giấy trắng được cuộn tròn lại như ống tre. Mỗi lần cô vào chơi đều mang lại cho tôi niềm vui với nụ cười rất tự nhiên và cách nói chuyện thật duyên dáng của cô. Thấy cô bước vào sân, tôi dừng tay và tiến ra tới đầu hồi nhà ăn của đội gần bên cửa ra vào sân, tiếp chuyện:

– Sao mấy hôm nay không thấy cô đâu cả?

KT trả lời có vẻ kín đáo:

– Mấy hôm rồi tôi bận quá anh ạ!

Tôi đùa lại bằng một câu có vẻ triết lý...vụn:

-Có lần tôi đọc được câu:“Người bận việc là người hạnh phúc!” Cô đang hạnh phúc đấy!

Cô cười, đáp lại:

– Gớm thật! Anh thì lúc nào cũng chữ với nghĩa! Tôi xin nhường cái hạnh phúc đó cho anh, tôi chỉ muốn được nghỉ ngơi thôi!

-Cô không nhường thì tôi cũng đã có rồi, lúc nào tôi chẳng bận.

KT tấn công:

– Anh nói thế! Như hôm nay không lao động, anh bận gì nói tôi nghe nào?

– Tôi bận mà cô không biết đó thôi.

Cô trợn mắt nhìn tôi:

– Anh bận gì?

-Tôi bận suy nghĩ đến cô đi đâu từ mấy ngày nay!

Cô cười bẽn lễn :

– Gớm! Anh nói thế!

-Tôi biết ngay là cô không tin, đúng không?

Nàng yên lặng một chút, khẽ e lệ, gật đầu:

– Tôi tin!

Tôi đùa vui:

– Cô thấy chưa? Tôi đang bận nên lúc nào tôi cũng hạnh phúc!

Sau câu nói đùa của tôi, cả hai cùng cười. Cô bước lại gần tôi và nói nhỏ nhẹ cách bí mật:

– Anh Lễ này, anh khao đi!

Tôi đoán biết có cái gì khác thường trong thái độ của KT sáng nay. Nhất là sau những tin đồn “có đợt tha” trong mấy ngày qua và đặc biệt là anh “Quỳnh Ngựa” đã nói với tôi. Mặc dù đoán biết một phần nhưng tôi cũng giả vờ bình thản:

-Thì lúc nào cô vào chơi mà tôi chẳng khao, khi thì uống chè, khi thì ăn kẹo...!

Thấy tôi có vẻ không hiểu, cô hạ giọng nói nhỏ:

-Anh Lễ này, anh có tên được về đấy!

Như vậy là chắc rồi. Cái tin đó cuối cùng đã đến với tôi. Cái tin mà cả chục năm trời qua, tôi mong đợi ngày đêm. Cái tin mà trước đây tôi cứ tưởng tượng nó rất ghê gớm và không có một biến cố vui mừng nào trong đời tôi có thể so sánh được! Nhưng lúc này khi nó đến, tôi lại đón nhận nó hết sức hững hờ và lạnh nhạt. Tôi hiểu điều đó nên cố không làm phật ý người đưa tin, người cán bộ mà tôi quý mến. Tôi yên lặng, lấy lại vẻ trang nghiêm:

– Tôi không tin.

Nghe tôi nói thế, KT tỏ vẻ cảm thông vì có lần tôi cũng nói cho cô biết là ngoài bìa hồ sơ tôi có hàng chữ: “Thành phần không thể cải tạo được”. Nàng mỉm cười kín đáo:

-Anh Lễ, tôi cho anh coi cái này.

Vừa nói cô vừa mở tờ giấy cuộn tròn trong tay ra trao cho tôi:

-Anh coi nhưng không được tiết lộ cho tới khi công bố. Nếu anh nói ra thì tôi và anh chung một cùm đấy.

Tôi đáp:

-Như thế thì càng thích chứ sao!

– Anh Lễ này! Lúc nào anh cũng đùa!

Vừa nói nàng vừa giả vờ giật lại không trao tờ giấy cho tôi. Đó là một phụ bản giấy đánh máy của Quyết Định tha. Có lẽ là bản thứ 3 hay thứ 4 gì đó, nét chữ không rõ nhưng đọc được dễ dàng. Trong

danh sách có tên 14 người và tên tôi nằm ở sau cùng. Có cả tên Cha Nguyễn Bình Tĩnh, anh Nguyễn Đức Khuân và một tu sĩ miền Bắc.

Tôi chăm chú đọc mảnh giấy khá lâu, không phải để coi có những ai nhưng vì lúc đó tôi đang ở trong một tâm trạng hết sức lạ lùng. Tôi đọc đi đọc lại tên của tôi, nhưng tôi lại có cảm tưởng không phải là tôi mà là một cái tên rất quen thuộc. Tên trong tờ giấy này không thể là của tôi, vì chẳng bao giờ tôi nghĩ là tên tôi có thể nằm trong một mảnh giấy bắt đầu bằng hàng chữ “Quyết Định Tha” được. Thấy tôi cầm tờ giấy khá lâu, KT đưa tay đón lấy. Tôi trả lại nàng với tâm trạng bàng hoàng khiến nàng phải kêu lên:

-Anh Lễ! Được tha mà trông anh sao lại buồn thế?

Tôi chỉ thình lạng lắc đầu, vì nói sao cho nàng hiểu được tâm trạng tôi. Lúc đó tôi chợt nhớ tới Trung Úy T. và những lời úp mở của anh khi từ giã tôi ngày hôm qua. Anh biết tôi được về nhưng không thể nói ra được và tôi đã đoán sai. Thay vì anh đổi đi thì tôi sẽ ra về trong thời gian anh đi vắng. Tôi đoán là anh cũng buồn như tôi.

Kê Ở Người Đi

Đêm cuối cùng ấy, khi tôi đến từ giã anh em, nhất là những người con tinh thần tôi sinh họ lại trong đức tin, nước mắt chúng tôi chảy ra khá nhiều. Tôi ôm lấy từng người con vào lòng, như muốn truyền sức mạnh cho những người tôi đã Rửa Tội và đức tin họ còn non nớt. Lúc ban chiều, tôi cũng đã đi các buồng để từ giã anh em trong nhóm “Cộng đoàn tình thương”. Tôi trao lại tất cả những gì tôi có cho người tôi chỉ định thay thế tôi điều khiển Cộng đoàn. Tâm trạng chúng tôi đêm ấy đau buồn vì biết là Cha con sẽ chẳng còn bao giờ gặp lại nhau nữa!

Hôm sau, trại công bố chính thức, sau đó, những người được tha về ra cơ quan để lặn tay và ký tên vào giấy ra trại. Trong giấy ra trại có ghi: “Đương sự phải về trình diện chánh quyền địa phương trong thời hạn một tháng kể từ ngày ký”. Xếp tờ giấy làm tư, tôi cho vào túi áo trước ngực được may phía bên trong, cài kim băng cẩn thận để ngăn ngừa trộm cắp.

Tôi bước sang phòng KT kế bên làm các thủ tục về tiền nong. Còn một số tiền ở nhà mới gọi ra cho tôi, KT chưa kịp ra bưu điện lãnh, tôi gửi lại cô làm quà cho cháu. Tôi là người cuối cùng lên cơ quan làm thủ tục, vì trước khi bước ra khỏi cổng trại, tôi phải dừng lại khá lâu để bắt tay từ giã quá nhiều anh em còn ở lại. Họ tiễn đưa tôi tới cổng trại và mỗi người cố nói với tôi một vài lời trước giờ chia ly. Riêng các anh em ở chung buồng, đêm qua chúng tôi đã thức với nhau gần suốt đêm.

Sau khi hoàn tất mọi việc, tôi khoác chiếc ba-lô nhẹ hẫng lên vai và bước ra khỏi phòng tài vụ. KT xếp sổ sách giấy tờ trên bàn, đứng lên đi vòng ra phía sau chiếc ghế dài bằng gỗ nặng chắc chắn, bước theo ra, tiễn chân tôi. Chúng tôi đi song song bên nhau trong một hành lang dài và hẹp dẫn ra phía mặt tiền nhà nằm dọc theo đường cái.

Chúng tôi yên lặng bước đi, chẳng ai nói với ai câu gì, nhưng tôi có cảm tưởng chính sự thình lình trong lúc này lại nói lên nhiều hơn. Tự nhiên tôi chợt nhận ra, người con gái đang bước đi bên cạnh tôi lúc này không còn là người cán bộ tài vụ nữa, mà là người thân thiết của tôi. Nàng đã trở lại thành một người phụ nữ bình thường như bao nhiêu người phụ nữ khác với những xúc cảm tự nhiên trước lúc chia tay người thân và không còn hy vọng gặp lại.

Khi cả hai ra gần tới ngõ, tôi bất chợt dừng lại, quay sang nhìn KT và bắt gặp đôi mắt màu đen đang mở thật to nhìn tôi, hai hàng mi dài và cong. Nàng đang chớp mắt để che giấu sự xúc động. Tôi nhìn sâu vào mắt nàng, nói nhanh mấy câu giã từ:

– Thôi giã biệt KT! Chúc cô và gia đình ở lại gặp nhiều may mắn. Xin cảm ơn sự lo lắng và giúp đỡ của cô trong thời gian qua.

-Anh Lễ! Đừng nói lời cảm ơn! Những gì tôi làm là do lòng quý mến của tôi đối với anh. Cháu trai sẽ mừng khi nhận quà của anh. Anh được ra về tôi mừng lắm. Tôi thật không biết phải nói gì trong lúc này. Chúc anh lên đường bình yên, nhớ bảo trọng thân thể và cầu mong anh xây dựng một tương lai tốt đẹp. Về Nam, có gặp các anh ở trại này cho tôi hỏi thăm.

Vừa nói, nàng vừa tiến lại sát bên tôi trong một cung cách rất tự nhiên của người em gái trong lúc tiễn biệt người anh. Tôi nắm lấy và bóp nhẹ bàn tay bé nhỏ có các ngón thon dài của K.T. Nàng để yên bàn tay trong tay tôi. Tôi nghe tay nàng nóng, đang run nhẹ. Đây là lần đầu và cũng là lần cuối tôi cảm lấy bàn tay nàng, mặc dù trong thời gian mấy tháng qua, đã nhiều lần gặp nhau. KT từ tốn quay lại trong tư thế mặt đối mặt và đặt bàn tay còn lại lên tay tôi, nắm chặt lấy và nâng thật chậm lên cao tới cằm. Mắt nàng ướt long lanh, chớp thật nhanh và đang ngược nhìn tôi trong lúc lập lại lời từ biệt. Giọng nàng nhẹ như hơi thở:

– Anh đi bằng yên.

Tôi buông tay nàng ra. Chẳng nói thêm lời nào, tôi quay đi, xoắn lại chiếc ba-lô trên vai và bước vội mấy bậc tam cấp lên đường cái. Vừa bước lên mặt đường, tôi nghe tiếng KT gọi với theo:

-Anh Lễ, tôi nói cái này!

Tôi dừng bước, quay lại và đã thấy nàng đứng ngay sau lưng. Trong lúc hai người đứng giữa vùng ánh sáng của nắng ấm ban mai, tôi thấy nàng đẹp một cách thật hồn nhiên. Một vẻ đẹp kín đáo và đơn sơ của loài hoa dại trong đồng nội.

Thời gian qua, tôi vẫn nhận thấy nơi nàng sự duyên dáng qua thái độ đối xử và cách nói năng, nhưng hôm nay, tôi thấy nàng còn có một cái gì khác biệt hơn. KT mặc áo sơ-mi màu hoa cà, quần đen, tóc quấn ngược lên cao để lộ cái ót trắng ngần. Hình ảnh này tôi đã thấy nhiều trong những lần nàng vào khu giam cầm tôi trước đây. Nhưng sao hôm nay, tôi thấy nàng như một con người khác. Có lẽ nhờ

vị thế ngăn cách giữa hai người không còn nữa, hay vì vẻ thân thương và gần gũi đã làm nàng xinh đẹp hơn mọi ngày? Tôi bỗng buột miệng nói lên ý nghĩ trong đầu:

-Hôm nay tôi trông KT như một người khác!

Nàng mở thật to đôi mắt đen láy, nhìn tôi cách ngạc nhiên hỏi lại:

– Khác thế nào hở anh?

Tôi đáp gọn:

– Trông xinh hơn mọi ngày!

Mặt nàng tự nhiên đỏ ửng. Nàng vội ngoái đầu theo phản ứng tự nhiên, tỏ vẻ e thẹn và lắc lư người như để từ chối lời khen của tôi. Nàng bước tới gần, nói thật nhỏ, mặc dù gần đó chẳng có ai:

– Sau này anh ở đâu và làm gì, anh nhớ thư cho biết nhé!

-Viết thư từ, tôi sợ trở ngại cho công tác của cô.

Nàng đáp nhanh:

-Anh cứ viết thẳng về địa chỉ ở Thái Bình ấy, chẳng hề gì đâu!

Tôi ngần ngừ một lúc và gật đầu, trong lúc vẫy tay từ giã nàng và quay gót bước đi. Bên tai còn nghe vọng tiếng nói cuối cùng của nàng:

-Anh đi bằng yên, nhớ nhé.

Quãng Đường Trước Mặt

Tôi bước nhanh theo dọc con đường lớn chạy trước mặt dãy nhà dài dẹt làm khu hành chánh của cơ quan, hướng về phía khu nhà của gia đình cán bộ nằm cách xa cổng trại khoảng vài trăm thước, để ra đường cái đón xe khách đi Phủ Lý, để từ đó lên Hà Nội. Ánh nắng chói chang và khung cảnh mới lạ làm tôi choáng ngợp. Tôi lầm lũi bước đi như người trong cơn mộng du đang lảng lảng giữa thực và mộng.

Tới chỗ chờ xe tôi dừng lại, quay nhìn trại Nam Hà lần cuối. Trại trông sao thật vắng lặng và buồn tênh, không ngờ nơi đó lại chôn giữ một phần lớn kỷ niệm của đời tôi. Lúc đứng đó tôi chợt nhận ra, trong số không biết là bao nhiêu chục ngàn tù nhân trong Nam bị đưa ra Bắc cách nay đã hơn một thập niên, tôi là người tù miền Nam cuối cùng bước ra khỏi trại giam miền Bắc! Tôi bỗng buột miệng nói: “Thời gian qua mau! Mới ngày nào mình ngỡ ngàng trên chuyến xe ca từ Hải Phòng đến đây trong đêm sương mù giá lạnh, mà bây giờ đã gần 12 năm! Đời người như một giấc chiêm bao....”

Có chiếc xe khách đang từ xa chạy tới. Tôi giơ tay lên đón.

CUỐI CHUYỆN



Đèn đường vẫn hắt nhẹ những tia sáng yếu ớt vào phòng. Tiếng côn trùng rả rích gọi bạn về khuya. Đâu đây nghe tiếng gió đưa xào xạc như nhẹ rơi những cánh lá vàng không buồn sống. Tôi ngồi lên, bước tới bật đèn và nhìn đồng hồ trên tường, thấy đã gần hai giờ sáng. Vì nằm lâu nhưng không ngủ được nên thấy người hơi choáng váng. Tôi đưa hai bàn tay lên xoa mặt, đan các ngón tay vào đầu tóc rối bù vì trần trở mãi trên gối.

Nhà Chung Hà Nội thật êm ắng. Thỉnh thoảng, vài tiếng thạch sùng tắc lưỡi tìm mồi đêm. Hình ảnh quá khứ cứ nhảy múa trong đầu. Cái nọ nối tiếp cái kia, có lúc lại đan chặt và dính chum vào nhau như một vở bi hài kịch kéo dài. Tôi cảm thấy hơi nóng đầu như một bộ máy chạy liên tiếp mấy tiếng đồng hồ không nghỉ.

Tôi bước vào nhà tắm bật đèn lên. Nhà tắm và cầu tiêu chung trong một phòng lớn, có lẽ lớn hơn buồng giam bốn người trong khu kỷ luật trại Thanh Cẩm một chút, thật sạch sẽ, tường lát gạch men bóng láng. Trên tường có 2 cái giá máng khăn, một chiếc khăn tắm lớn và chiếc khăn mặt nhỏ được gấp làm tư cẩn thận. Trên bàn rửa mặt bằng men trắng kiểu cổ, có vòi nước máy và một chiếc khay nhỏ đựng bàn chải đánh răng, cây kem nhỏ, cái lược và dao cạo râu loại rẻ tiền nhưng mới toanh. Trong lúc đang dùng phương tiện trong nhà vệ sinh, tôi chợt mỉm cười khi nhớ tới hai cái ống bầu bằng tre trong buồng kỷ luật trại Thanh Cẩm!

Sau khi rửa mặt, chải đầu và lau khô bằng chiếc khăn mặt thơm mùi bột giặt, tôi đứng ngắm mình trong gương, mỉm cười lần nữa. Lần này thì cười tươi hơn và nghĩ thầm: “Trông mình cũng chưa đến nỗi nào!” Mặc dù biết là rửa mặt xong sẽ rất khó ngủ lại nhưng lúc đó con người tôi quá bản thân, như người đang ốm nên phải rửa mặt mới dễ chịu được. Và thật vậy, sau khi rửa mặt, tôi thấy khỏe khoắn, dễ chịu và tươi mát ra.

Tôi không trở lại giường nhưng mở cửa ra hành lang, đứng tựa lan can nhìn xuống. Phố xá giờ này đang vắng tanh. Lâu lắm mới có tiếng xe máy và bóng vài người đi xe đạp thoáng qua phố chánh, nơi mà trưa hôm qua, bộ ba tướng sĩ tượng chúng tôi bỡ ngỡ bước vào Nhà Chung này. Bên kia đường, nơi chiều qua, các người trẻ tới khiêu vũ, giờ này không một bóng người. Tất cả đều trở nên yên lặng trong đêm tĩnh mịch.

Tờ Giấy Ra Trại

Kể từ lúc cho vào túi tờ “Giấy Ra Trại” màu nâu rách mép và làm bằng chất liệu kém nhất mà tôi mới thấy lần đầu, cho tới giờ, thời gian qua đi chưa đầy 24 tiếng. Lúc vừa bước ra khỏi cơ quan của trại Nam Hà để đón xe lên Hà Nội sáng hôm qua, tôi cứ suy nghĩ vẫn vơ về tờ “Giấy Ra Trại”, đang nằm sâu trong túi áo ngực được may bên trong và cài hai lần kim băng, lúc nào cũng cộm cộm trên ngực.

Tôi suy nghĩ mãi về sự tương phản quá lớn lao giữa hình dạng và nội dung của nó. Khi người cán bộ đặt “Giấy Ra Trại” trên bàn và bảo ký tên vào, tôi ngạc nhiên đến bất lịch sự khi nhận cây bút, cúi khom người, kéo một hàng ngoằn ngoèo như con giun vào chỗ dành cho đương sự ký tên. Nói rõ hơn là mảnh giấy đó không đáng để tôi ký tên vào. Ngay lúc đó, tôi nghĩ mình như bị xúc phạm khi cơ quan trại Nam Hà cấp cho tôi một thứ giấy tờ có giá trị pháp lý lâu dài mà lại là một tờ giấy đen thui đen thui, chất lượng còn kém hơn giấy bao xi măng và bìa thì rách nát như cái răng cưa. Như vậy có ý gì? Chẳng lẽ Nhà nước không có thể cấp cho tôi một tờ giấy ra trại bằng chất liệu thông thường khác hay sao?

Lúc nhận tờ giấy, tôi cảm thật nhẹ tay, chỉ sợ vô ý làm nó rách ra từng mảnh thì phiền! Tôi đã thầm nghĩ: Trời! Cuộc đời mình trong 13 năm tù đã đen và rách nát mà miếng giấy ra trại này nó còn đen và rách nát hơn cả đời mình! Nhưng tôi mỉm cười, tự an ủi: Ít ra, nó cũng có giá trị nhờ các hàng chữ đánh máy!

Trên đường từ trại Nam Hà qua phà Phủ Lý rồi lên Hà Nội, tôi không ghi nhận được nhiều hình ảnh. Lúc đó tâm trạng tôi còn lâng lâng và khá mệt mỏi nên chỉ nhắm mắt tựa đầu vào băng ghế xe suốt quãng đường. Nhưng từ lúc đặt chân xuống Hà Nội và nhất là sau khi vào Nhà Chung Hà Nội, tôi ghi nhận được nhiều hình ảnh và có nhiều cảm nghĩ. Từ Đức Hồng Y Căn, Đức Cha Sang, hai anh em thầy Trác và thầy Trạc, Cha Sinh, và các Cha, các Thầy tôi gặp trong nhà cơm chiều tối hôm qua. Rồi khung cảnh Nhà Chung Hà Nội với lối kiến trúc cổ điển, cộng với nét sinh hoạt thứ tự lớp lang từ trên xuống dưới trong cơ sở này, đều là những kinh nghiệm lạ đối với tôi.

Tôi đứng thẳng người, uốn ngực về phía trước và hít một hơi thật dài và sâu. Làn không khí trong lành của thủ đô Hà Nội trong buổi sáng tinh sương lúc này làm tôi sáng khoái. Tôi bật thành tiếng: “Tạ ơn Chúa đã cho con có làn khí trong lành này để thở!”

Sau khi nói câu đó, tôi hồi tưởng lại những đêm mùa hè trong buồng giam khu kỷ luật trại Thanh Cẩm. Tình cảnh tôi lúc đó chẳng khác gì đang bị cùm trong một cái thùng sắt kín mít và đang mở lò sưởi ở số cao. Có những đêm gần chết ngạt vì không thể hít vào buồng phổi chất khí nóng hừng hực đó, không cách gì hơn, chúng tôi phải gào thét khan cả cổ gọi cán bộ lên vì có người gần chết ngạt. Khi cán bộ mở cửa buồng ra, làn không khí bên ngoài ập vào làm tôi sung sướng và hạnh phúc, tưởng là trên đời này không còn thứ hạnh phúc nào lớn lao hơn! Nhưng khi cánh cửa sắt buồng giam đóng lại rồi, đám tù nhân khốn khổ trần truồng và đang bị cùm chân lại phải trở về tình trạng cũ.

Lúc bấy giờ, trong cơn vật vờ của loài sinh vật đang cố gắng dùng hết khả năng thích ứng của cơ thể để bảo tồn sự sống đó, tôi đã quyết tâm nếu còn sống sót, về sau này, mỗi lần tôi có thể hít thở được vào buồng phổi làn khí trong lành, tôi phải tạ ơn Chúa vì hồng ân vĩ đại mà Ngài ban cho tôi. Tôi cũng quyết tâm phải chia sẻ kinh nghiệm này với tất cả mọi người: “Chúng ta hãy tạ ơn Chúa vì hồng ân vĩ đại là Ngài đã ban cho ta có đủ không khí trong lành để thở.”

Tôi biết chắc là có người sẽ không nghe, không nhớ, thậm chí có người sẽ mỉm cười vì cho rằng tôi đã bất bình thường sau những năm tù tội kéo dài khi kêu gào nhân loại phải tạ ơn Chúa về một chuyện chẳng ra đâu! Vì hít thở không khí là một việc tự nhiên và vô thức của cơ thể, ngay cả lúc ngủ con người vẫn hô hấp thì làm gì phải bận tâm? Trong cuộc đời này còn quá nhiều chuyện lớn khác phải lo, phải nghĩ và phải tạ ơn khi mình có được. Tôi sẽ trả lời: “Thưa bạn, vì bạn chưa lâm vào cảnh của tôi nên bạn chưa cảm thấy làn không khí trong lành quý báu như tôi cảm nhận”.

Lúc này, đã gần ba giờ sáng và sau một ngày đi đường vất vả hôm qua, tôi vẫn chưa thấy buồn ngủ. Thì ra, làn không khí trong lành lúc đó cộng với tâm trạng trong đêm đầu tiên được ra khỏi tù và sau khi đã rửa mặt, chải tóc và lau mặt bằng chiếc khăn trắng, sạch và thơm, ba yếu tố đó cộng lại đã làm tôi tỉnh hẳn ra. Tôi cảm thấy yêu đời, yêu cuộc sống này một cách mãnh liệt và quyết tâm sống quãng thời gian thần tiên độc nhất vô nhị của đời mình trong lúc này thật tích cực. Tôi vẫn biết là quãng đường trước mặt sẽ còn nhiều thử thách, nhưng chuyện đó tính sau. Tôi không muốn những lo âu phiền muộn chưa xảy ra đó làm giảm đi cảm giác tuyệt vời tôi đang được hưởng trong lúc đứng một mình ở hành lang bên ngoài phòng khách của Nhà Chung Hà Nội này.

Đứng một lúc, tôi thấy mỗi chân nên vào phòng nhắc ghế ra ngồi. Đó là chiếc ghế mây khá to nhưng rất nhẹ, lòng ghế sâu và có chỗ tì tay hai bên. Tôi kê ghế sát vào hàng rào chắn phía trước để khi ngồi tôi có thể gác chân lên một trong những thanh của hàng rào trong một tư thế thoải mái nhất. Tôi nhẹ nhàng ngồi xuống ghế trong tư thế tự do, riêng tư, lười biếng và bất lịch sự, đầu ngửa về phía sau tựa hồ lên thành ghế, hai tay dang rộng, đôi chân duỗi thẳng gác lên một thanh của hàng rào. Trong tư thế đó, tôi đưa mắt nhìn cảnh vật trước mắt ẩn hiện cái được cái mất qua những ánh đèn điện bóng tròn của đường phố Hà Nội.

Tôi nhìn một cách bàng quơ nhưng không chú ý tới một điểm nào. Tôi muốn tận dụng phút giây thư giãn tinh thần trong lúc này sau mấy tiếng đồng hồ tôi nằm trằn trọc trên giường nhưng không ngủ được khi những chuyện của hơn chục năm qua lần lượt hiện lên trong tâm trí tôi như một cuốn phim quay chậm. Trong lúc đang ngồi thoải mái tựa đầu vào thành ghế, tôi nhắm mắt lại và tự hỏi: Quãng đời 13 năm tù và những kinh nghiệm buồn vui mình đã trải qua đó có giá trị gì cho bản thân mình và cho người khác? Tôi ngồi yên và cố trả lời câu hỏi đó.

Đối với tôi, giai đoạn đó cho tôi khá nhiều điều hiểu biết.

Bài Học Của Trường Đời

Trước tiên, về phương diện tôn giáo, trong cảnh khốn cùng đó, tôi nhận thấy vai trò của một linh mục thật vô cùng cần thiết để mang lại tình thương và niềm hy vọng trong khung cảnh mà hai thứ giá trị này rất hiếm, nếu không muốn nói là không có. Chính tình yêu và niềm hy vọng của chân lý Phúc Âm đã cho tôi điểm tựa và tôi chia sẻ hồng ân này với các bạn tù mà tôi có dịp sống chung.

Tôi nghĩ rằng, trong môi trường tù ngục đày đọa đầy đó, tôi đã sống sử mệnh linh mục có nhiều kết quả hơn 6 năm trước ngày tôi vào tù, và có lẽ hơn cả những năm về sau này trong cuộc đời còn lại, mặc dù tôi chưa biết được cuộc đời rồi sẽ ra sao, ở đâu và làm gì. Hơn nữa, qua các biến cố xảy ra tưởng chừng như vô tình, nhưng sau này, tôi nhận ra đó chính là sự quan phòng của Thiên Chúa, và tôi luôn nghĩ rằng, trong hết mọi hoàn cảnh, luôn có bàn tay của Thiên Chúa che chở cuộc đời tôi.

Về con người, trước tiên tôi khẳng định là không than phiền hoặc oán trách gì những cán bộ làm việc trong tù. Tôi biết đa số họ làm việc vì cuộc sống và miếng cơm manh áo. Vai trò của một cán bộ trong tù cũng như bao nhiêu công việc của người dân khác đang làm nơi các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp khác. Đôi lúc, có vài cán bộ vì bản chất hung ác và được huấn luyện để phục vụ cho bộ máy kềm kẹp của đảng, làm cho cảnh sống tù đày chúng tôi khốn khổ, ngược lại, cũng có những cán bộ sống thân tình và biểu lộ lòng nhân đạo một cách rất cảm động.

Vào thời gian cuối cùng trước khi được tha về, tôi đã có dịp tiếp xúc thân mật hơn với nhiều cán bộ và tôi thấy họ là những người đáng thương hơn là đáng trách. Có người còn để lại trong lòng tôi sự quý mến và biết ơn sâu xa. Do đó, tôi không hề oán trách bất cứ một cán bộ nào tôi đã gặp trong suốt 13 năm tù, ngay cả những cán bộ đã từng chửi mắng, đánh đập hành hạ tôi cách này cách khác. Tôi cũng không hề oán trách những anh em tù đã ngược đãi và vì sự nhẹ dạ đã hãm hại tôi.

Điều đáng nói chính là chủ trương trong chế độ lao tù cộng sản. Chúng tôi vào tù với cái tên rất đẹp là “Tập trung Cải tạo” kèm theo lời hứa “Chừng nào cải tạo tốt thì về!”. Và như vậy, chúng tôi bị tước đoạt quyền hy vọng là lý do sống của con người. Câu nói “chừng nào cải tạo tốt thì về” đó, đã ngầm khuyến khích sự chia rẽ và phản bội nhau trong số tù chính trị miền Nam. Nói về tâm trạng tuyệt vọng lúc đó, sau khi vào tù, tôi nhớ lại có lần đọc ở đâu mấy câu thơ của thi sĩ Dante người Ý, tả cảnh địa ngục, tạm dịch như sau:

Trên ngưỡng cửa địa ngục có khắc câu này:

“Hỡi những kẻ sắp bước vào đây
Hãy để niềm Hy Vọng lại bên ngoài!”

Sống trong tình trạng tù mù đó, tôi luôn nghĩ, nếu bị kêu án 5 năm, 10 năm hoặc 20 năm hay lâu hơn nữa, tôi vẫn vui hơn vì ít ra còn có một cái mốc thời gian để hy vọng. Đàng này không ai thực sự biết được số phận của mình ra sao! Không còn gì khốn khổ hơn tâm trạng của một con người sống trong tuyệt vọng!

Cái kiểu treo củ cà rốt trước mõm con lừa đang kéo xe bằng luận điệu: “Các anh đang chơi bóng đá và đang ở gần cuối của hiệp hai rồi, chỉ còn mấy phút cuối cùng nữa là có tiếng còi tan trận đấu! Cố gắng lên!” Chúng tôi nghe đến nhàm tai cách nói đó của cán bộ giảng huấn khắp các nơi, và các “trận bóng đá” này trại nào cũng có! Nhưng khổ nỗi, mấy phút cuối cùng của trận đấu lại là thời giờ bằng

dây thun chất liệu tốt, có thể kéo giãn ra đến vô tận!

Trong hoàn cảnh đó, lời hứa mù mờ “cải tạo tốt được về” đã thành cơn cám dỗ cho một số người nhẹ dạ cố gắng cải tạo tốt. Có vài người còn muốn cải tạo “thật tốt!” Mà cách tốt nhất là quên đi mình là ai, quên đi những người đang mặc bộ đồng phục tù như mình là ai, để rồi phản bội lại chính mình và phản bội anh em đồng cảnh. Lời hứa mù mờ đó, theo tôi, là chủ trương thâm độc nhất của chế độ nhà tù cộng sản. Nó đã hành hạ tâm trí chúng tôi và đã gây ra bao nhiêu tác hại, khiến những con người khờ khạo tin vào lời hứa đó để hãm hại chính anh em mình.

Và như tôi đã nói, sự đau thương và nhục nhã mà tôi đã phải chịu 13 năm trong ngục tù cộng sản, không phải là cực hình trên thân xác như sự hành hạ, cùm kẹp, đánh đập đói khát, trần truồng, chết ngạt, chửi mắng... như tôi đã nhớ lại, nhưng là tình trạng tuyệt vọng và nhất là khi phải chứng kiến và chịu đựng sự phản bội của một vài người trong số tù chính trị miền Nam.

Cũng từ kinh nghiệm đó cho tôi hiểu biết hơn về lòng dạ con người. Khi con người lâm vào cảnh túng cùng và không còn được che giấu dưới những bộ y phục, những huy hiệu, cấp bậc, chức vụ trước kia, họ đã lộ nguyên hình là những con người. Khi con người sống chen chúc nhau trong cảnh khổ cùng, đói khát và tuyệt vọng trong thời gian dài hơn chục năm trời, đã cho tôi rút được bài học đắng cay sau đây: “Lòng nhân đạo của con người có giới hạn, nhưng sự ác độc của loài người thì vô tận, nhất là khi sự ác độc đó được dung dưỡng bởi hoàn cảnh xấu xa.”

Dân Tộc Việt Nam Của Tôi

Thời gian dài, nhất là 3 năm lặn lội trong đáy địa ngục khu kỷ luật trại Thanh Cẩm, đã cho tôi cơ sở để nói rằng trong mỗi con người đều có phần THIÊN và phần ÁC ngang ngửa nhau, và tùy thuộc vào môi trường sống mà phát triển. Nếu con người được sống trong một môi trường đạo đức và luật pháp được tôn trọng thì phần THIÊN sẽ phát triển và đè bẹp phần ÁC. Ngược lại, nếu con người rơi vào hoàn cảnh xấu xa, hận thù và không luật lệ thì phần ÁC sẽ ngoi lên và ngự trị.

Trong tù, tôi đã chứng kiến và chịu đựng những hành động ác độc của một số cán bộ và những người tù phản bội. Tôi biết một phần cũng do bản chất tàn bạo của họ, nhưng nếu không có sự dung dưỡng và khuyến khích của chế độ thì các việc đó đã không xảy ra, hoặc nếu có xảy ra, cũng không đi tới chỗ quá tàn nhẫn như thế. Từ nhận xét đó, tôi kết luận: “Không bao giờ oán trách con người, không bao giờ thù hận con người, không bao giờ tiêu diệt con người nhưng bằng mọi giá phải loại bỏ bất cứ chế độ xấu xa nào đã khuyến khích và dung dưỡng sự hận thù giữa người với người, và thay vào đó một xã hội lành mạnh để con người được phát triển phần LƯƠNG THIÊN của mình.”

Những năm tù cũng cho tôi có dịp chia sẻ và sống với nỗi đau thương chung của Dân tộc mà nếu không trải qua kinh nghiệm đó, có lẽ tôi không biết hoặc biết rất hời hợt về số phận đau thương của đồng bào Việt Nam. Qua đó, tôi thương và gắn bó với Dân tộc tôi nhiều hơn.

Tôi cũng nghĩ rằng, sau này, tôi có bồn phận phải chia sẻ kinh nghiệm của đời tôi với nhiều đồng bào của tôi, nhất là với thế hệ trẻ Việt Nam là những người không bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh tương tàn do ý thức hệ gây ra.

Tôi muốn gửi lại cho thế hệ mai sau một lời tâm huyết là đừng bao giờ mê muội vì một chủ thuyết ngoại lai nào mà quên đi tình Dân Tộc, để rồi cảnh nòi da xáo thịt lại tái diễn. Thể chế chính trị nào rồi cũng sẽ qua đi, triều đại nào rồi cũng sẽ sụp đổ, chỉ có Dân Tộc là trường tồn. Lịch sử đã chứng minh, chế độ nào càng tàn ác, càng bạo ngược bao nhiêu thì càng mau sụp đổ bấy nhiêu. Không một chế độ nào dùng họng súng và nhà tù để cai trị mà vững bền được, chỉ có lòng nhân mới cảm hóa được con người.

Tôi vẫn biết là trên quê hương tôi tiếng súng đã im từ nhiều năm qua, nhưng trong lòng người dân Việt Nam, cuộc chiến vẫn chưa tàn, và cuộc chiến đó càng kéo dài bao nhiêu thì càng tác hại cho Dân Tộc tôi bấy nhiêu.

Cuộc Chiến Chưa Tàn

Bên cạnh đó, tôi biết những hệ lụy của một cuộc chiến tương tàn kéo dài mấy chục năm trên quê hương và đã giết hại và làm khổ hàng triệu đồng bào ở cả hai miền Nam Bắc như là một vết thương còn đang chảy máu, khó mà có thể quên ngay được. Tôi vẫn biết sự căm tức và lòng hận thù nhau giữa những người Việt Nam bị lôi kéo vào cuộc chiến tương tàn ấy, còn đang cao ngút trời, khó mà có thể kêu gọi sự tha thứ ngay được.

Tôi kính trọng và cầu nguyện cho những người đã chết trong cuộc chiến tại Việt Nam. Tôi cảm thông nỗi khổ đau và căm hờn của tất cả những nạn nhân cả hai bên trong cuộc chiến. Tôi cảm thương cho số phận của những thương phế binh của cả hai bên trong cuộc chiến, đang phải kéo lê quãng đời còn lại trong cảnh tật nguyền, thiếu thốn và bị lãng quên. Tôi chia sẻ sự đau thương tủi hờn của các bạn tù chính trị của tôi trong các trại tù mang tính chất trả thù và tiêu diệt mang tên “trại cải tạo” của chế độ cộng sản sau khi quê hương đã im tiếng súng.

Chính bản thân tôi là một chứng nhân và cũng là một nạn nhân còn sống sót của chế độ lao tù đó. Tôi đã lẫn lộn trong một giai đoạn đen tối của lịch sử. Trong đó, sự ác độc của con người được dung dưỡng và khuyến khích, và đã có những con người hành động ác độc hơn loài ác thú thả lỏng dây cương. Có lúc, sự tàn ác của người đối với người đã vượt quá sự tưởng tượng và khả năng chịu đựng của con người.

Chính tôi, mặc dù là một linh mục, tôi đã có lần phải buông ra những lời nguyện rửa góm ghê, độc ác nhất mà lúc bình thường tôi không bao giờ dám nghĩ tới. Đó là một thực tế đau lòng đã và có thể là còn đang xảy ra trên quê hương tôi, giữa những người Việt Nam với nhau.

Một câu hỏi được đặt ra cho tất cả mọi người Việt Nam, sau khi quê hương đã im tiếng súng, và mỗi

người bắt buộc phải có một câu trả lời :

“ Đứng trước tình cảnh của Dân Tộc Việt Nam như thế, bạn phải làm gì, và làm như thế nào?”

Câu hỏi này được đặt ra cho tất cả mọi người Việt Nam, không phân biệt đang sống trong nước hay ở hải ngoại, không phân biệt đang ở vị thế cầm quyền hay là người dân bình thường, không phân biệt thuộc về phía nào trong cuộc chiến trước kia, không phân biệt là kẻ đã gây ra tội ác hay là nạn nhân của những tội ác do kẻ khác gây ra.

Can Đảm và Khoan Dung

Chúng ta biết rằng Dân Tộc bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tương tàn vượt ra ngoài sự kiểm soát của mình. Toàn thể dân tộc Việt Nam là nạn nhân của một trò chơi chính trị lớn. Khi hai miền Nam Bắc đã bị những thế lực ngoại bang dẫn đưa vào cuộc chiến rồi, lúc đó, dù có muốn dừng tay lại cũng không dừng được. Như thế, toàn thể dân tộc Việt Nam là những nạn nhân, là những người thua cuộc.

Đây là lúc người Việt Nam phải có can đảm đặt vấn đề một cách thẳng thắn và tìm phương cách giải quyết vấn đề trong tinh thần hiểu biết và thái độ bao dung như thế mới mong thoát ra khỏi sự ràng buộc của dây hận thù oan trái đang trói chặt thân thể Dân Tộc do hậu quả của bao năm chiến tranh tương tàn để lại.

Trong cuộc chiến không có tiếng súng này, dân tộc Việt Nam không còn chiến đấu vì một chế độ này hay chế độ khác. Không chiến đấu để khôi phục lại một chế độ vừa sụp đổ, cũng không chiến đấu để cố bảo vệ chế độ độc tài thối nát đang ngự trị trên quê hương. Đây phải là cuộc chiến của lương tri con người để chọn cái Đúng và loại bỏ cái Sai, để chọn cái Thiện và loại bỏ cái Ác cho con đường Dân Tộc phải đi.

Kẻ thù của dân tộc Việt Nam lúc này không còn phải là những con người đã đứng bên này hay bên kia chiến tuyến trong quá khứ, nhưng là bất cứ thể chế chính trị nào cướp đi quyền lợi tự nhiên của những thành phần Dân Tộc khác. Đã đến lúc lương tri tổng hợp của dân tộc Việt Nam phải nhận diện và loại bỏ bất cứ một chế độ bất nhân nào, cho dù là mang tên tuổi gì, chủ nghĩa gì mà trong đó các quyền sống căn bản của người dân bị những kẻ nắm quyền cướp đoạt. Một chế độ chính trị không phải tốt hay xấu vì tên gọi của nó, nhưng tốt hay xấu là do đường lối, chính sách, và cách hành xử của những kẻ cầm quyền.

Đây là một vấn đề khó khăn nhưng là vấn đề sống còn cho tương lai dân tộc Việt Nam. Không phải vì vấn đề quá lớn hoặc cảm thấy khó khăn mà chúng ta không muốn hoặc không có can đảm tìm một giải pháp cho vấn đề. Theo tôi nghĩ, không có một vấn đề gì mà chúng ta không thể giải quyết được trừ ra việc chúng ta không muốn giải quyết vấn đề.

Ngày nay xã hội Việt Nam sau một thời gian im tiếng súng giống như bề mặt của một đại dương chỉ

hơi gợn sóng lẫn lẫn. Trong thực tế dưới đáy đại dương đó, đang có những đợt sóng ngầm chỉ chờ cơ hội bộc phát. Những đợt sóng ngầm này là kết tinh của bao nhiêu bất công, chém giết, cướp đoạt tài sản, hận thù, oan nghiệt đang tích lũy trong lòng dân tộc. Nhất là qua cảnh bất công gây ra bởi những kẻ đang nắm quyền. Họ tự coi là chủ nhân ông và giữ độc quyền lãnh đạo đất nước. Họ cấu kết nhau trong đồng phục đã nhạt màu của một chủ nghĩa ngoại lai để vơ vét tài sản của Dân Tộc. Họ đề đầu cỡi cở thành phần thất thế và hút máu thành phần dân tộc khác qua nạn tham nhũng công khai và có hệ thống.

Những đợt sóng ngầm đó phải được loại ra khỏi lòng đại dương dân tộc Việt Nam càng sớm càng tốt. Vì càng kéo dài nó càng tích lũy sức tàn phá tinh thần dân tộc. Tôi có thể khẳng định là dần dần sẽ có những con người đang nằm trong guồng máy cai trị nói lên tiếng nói của lương tri. Có lúc họ sẽ thức tỉnh trước sự sai trái về con đường có hại cho Dân Tộc mà họ đã đi.

Tôi đã có dịp nghe được những tâm tư thầm kín này nơi một số cán bộ trong nhà tù trong thời gian cuối cùng trước khi tôi được tha về. Tôi biết hiện tượng này rất phổ biến và đang dày dò tâm can của một số người đang nằm trong bộ máy cầm quyền nhưng chưa tới lúc thuận tiện để họ có thể bày tỏ công khai. Khi hoàn cảnh cho phép để họ bày tỏ sự thức tỉnh, lúc đó họ là những người đáng quý và đáng kính trọng cho dù trước kia và ngay trong hiện tại họ đã ở đâu và làm gì. Họ sẽ là những người trong vị trí thuận lợi để đóng góp cho sự nghiệp tranh đấu cho cái THIỆN và loại bỏ cái ÁC ra khỏi chế độ cầm quyền.

Khi nguồn sức mạnh của ý chí quật cường và lương tri tổng hợp của dân tộc được khơi dậy sẽ không có một thế lực chính trị nào cho dù bạo ngược tới đâu có thể cưỡng lại được. Trong khi đó, những kẻ thù của Dân Tộc không mừng gì hơn là có những người lúc nào cũng chỉ gằm gừ chực loại nhau trong một bài toán không có đáp số và họ được rảnh tay để ngang nhiên tự tại nắm quyền. Theo tôi, chừng nào mà những người trong cuộc chiến trước kia biết nhận ra nhau, hiểu biết nhau và hợp tác nhau trong cuộc chiến tranh đấu cho cái THIỆN của dân tộc, chừng đó mới có thể nói tới việc đưa dân tộc Việt Nam chúng ta tới một tương lai tươi sáng.

Lúc đang đắm chìm trong suy tư về vấn đề này, tự nhiên tôi nhớ lại một câu chuyện đã nghe khá lâu, còn nhớ mãi. Năm 1966, khi tôi đang học năm Thần học thứ nhất tại Đại chủng viện Sài Gòn, có linh mục Gérard Gagnon vào thăm và nói chuyện với tất cả chủng sinh. Cha Gagnon là linh mục Dòng Chúa Cứu Thế, người Canada, đã sống ở Việt Nam trên 30 năm nên nói tiếng Việt lưu loát. Trong lần nói chuyện đó, ngài có kể lại câu chuyện, trong một lần ngài cỡi xe mô-tô từ Đà Lạt về Sài Gòn, tới khúc đường vắng, bị Việt cộng chặn lại, bắt dẫn vào rừng tuyên truyền. Cảnh Việt cộng chặn xe, bắt người vào rừng để tuyên truyền là chuyện thường xuyên lúc bấy giờ. Vì biết ngài là linh mục nên người cán bộ tuyên truyền hỏi:

– Anh nghĩ thế nào, Đạo Công Giáo của anh đã hoạt động gần hai ngàn năm rồi mà mới được mấy

trăm triệu tín đồ, còn chủ thuyết cộng sản mới ra đời có 50 năm mà đã chiếm một phần ba nhân loại. Như thế, giữa đạo của anh và chủ thuyết cộng sản cái nào hay hơn?

Cha Gagnon trả lời:

-Tôi cũng không biết, nhưng phải đợi chủ thuyết cộng sản được gần hai ngàn tuổi như đạo Công Giáo, lúc bấy giờ tôi mới trả lời anh được!

Câu chuyện Cha Gagnon kể tuy đã 20 năm rồi nhưng tôi còn nhớ rất rõ, vì tôi thích câu trả lời đầy ý nhị của ngài.

Trong khi ngồi nghĩ miên man, lúc đó tôi quyết định khi nào thuận tiện tôi sẽ ghi lại chi tiết những gì đã xảy ra trong tù và những suy tư của tôi qua những biến cố đó. Nếu tôi có ghi lại, không phải để than oán cuộc đời, cũng không phải để trách cứ con người. Tôi muốn chia sẻ kinh nghiệm của tôi với nhiều người.

Tôi cũng muốn viết để bày tỏ lòng biết ơn những tâm hồn cao thượng trong số những anh em đồng cảnh và cả một vài cán bộ mà tôi đã gặp được trong tù. Tôi cũng viết để tưởng nhớ những người đã cùng sống với tôi và đã chết trong tù.

Nhưng quan trọng hơn cả là tôi muốn ghi lại như một bài học của lịch sử, gửi tới đồng bào Việt Nam mà tôi yêu mến, nhất là những người trong thế hệ trẻ, không phân biệt Nam hay Bắc, không phân biệt đang sống trong nước hay ở hải ngoại, không phân biệt tôn giáo, không phân biệt bây giờ và trước kia thuộc về thể chế chính trị nào, không phân biệt đã từng đứng về phía nào trong cuộc chiến tương tàn trên quê hương, không phân biệt là nạn nhân hay là tác nhân đã gây nên nỗi khổ cho các nạn nhân, những lời tâm huyết sau đây:

Đồng bào Việt Nam thương mến,

Máu dân tộc Việt Nam đổ ra đã đủ rồi

Vết tích đau thương còn lưu lại trên thân thể trong cuộc đời còn lại và trong tâm hồn của những thương phế binh của cả hai bên trong cuộc chiến tương tàn đã gây đau khổ đủ rồi .

Nỗi đau thương của người dân vô tội Việt Nam đã quá nhiều rồi.

Cơn điên loạn vì tôn thờ chủ nghĩa ngoại lai đã giết hại đồng bào đủ rồi.

Bom đạn của ngoại bang đã cày xé nát thân thể Mẹ Việt Nam quá nhiều rồi.

Sự nghi ngại nhau giữa các thành phần dân tộc, giữa các tôn giáo đã từng tác hại cho tình đoàn kết dân tộc đã quá nhiều rồi.

Lòng hận thù và lòng tham lam vô độ của những kẻ có thể lợc qua các thời đại như con thú dữ thả

lòng dầy cương, đã hoành hành và hãm hại thành phần thất thế và không có tiếng nói trong dân tộc đủ rồi. Hãy nhớ rằng thể chế chính trị nào rồi cũng sẽ qua đi, chỉ có Dân Tộc là trường tồn.”

Hãy để những dị biệt của quá khứ lại phía sau và cùng nhau xây dựng một tương lai sáng lạng cho Dân Tộc trong một xã hội Tự Do, Công Bằng và Phát Triển.

Và chủ yếu là tôi muốn gửi tâm tình thiết tha sau đây tới thế hệ trẻ Việt Nam

Các bạn trong thế hệ trẻ thương mến,

Dân tộc chúng ta đã trải qua một giai đoạn u buồn đầy máu và nước mắt. Những người trong thế hệ trước, mặc dù có nhiều cố gắng nhưng chưa mang lại được tình thương và sự đoàn kết dân tộc. Tôi ước mong điều đó sẽ thành tựu trong thế hệ của các bạn. Xin các bạn đừng để cho những biến cố đau thương của lịch sử trói buộc mình, hãy dùng lịch sử như một bài học để có thể tránh tái diễn thảm cảnh cho dân tộc.

Hãy để cho những người chết được nghỉ yên. Hãy kính những anh hùng nhưng không sống vì họ. Lịch sử dân tộc là một cuộc hành trình tiếp diễn và mỗi thời đại sẽ sinh ra những anh hùng dân tộc mới. Theo tôi nghĩ, những anh hùng dân tộc thực sự là những người có can đảm vượt ra ngoài sự ràng buộc của quá khứ để hướng về tương lai với sự hiểu biết và khoan dung.

Đừng ngồi đó để ngậm ngùi lịch sử hay than van oán trách con người, nhưng hãy dùng lịch sử như ngọn đèn soi sáng con đường dân tộc ta phải đi.

Khi nhìn lại giai đoạn lịch sử cận đại, tôi thấy cuộc chiến tương tàn đầy máu và nước mắt kéo dài mấy mươi năm trên quê hương chúng ta, cuối cùng đã im tiếng súng. Nhưng trong lòng dân tộc Việt Nam, cuộc chiến vẫn chưa tàn. Điều thật trớ trêu là cuộc chiến đó không có kẻ thắng mà chỉ có những người thua, và những người thua cuộc đó chính là DÂN TỘC VIỆT NAM. Hãy để cho bóng tối đi qua và cùng nhau hướng về nguồn ánh sáng của BÌNH MINH DÂN TỘC trong cuộc sống Công Bằng, Tự Do và Phát Triển.

Tôi ngồi trên ghế, gục đầu yên lặng khá lâu để cầu nguyện theo ý hướng đó.

Bước Vào Tương Lai Vô Định

Một lúc sau, tôi cảm thấy lạnh và nghĩ là tốt hơn nên vào phòng cố gắng ngủ một chút sau một ngày đi đường mệt nhọc. Và lại, sáng ngày còn nhiều việc khác để làm. Tôi tính việc đầu tiên trong ngày là phải tìm đến làng Bưởi để dò hỏi tin tức về Bình Thanh mà sáu năm qua tôi không nghe biết tin tức gì. Tôi quay vào phòng, đóng cửa lại và leo lên giường ngồi đọc kinh. Đọc kinh xong tôi nằm xuống, quyết tâm sẽ dỗ giấc ngủ bằng câu nói: “Quên hết mọi chuyện! Phải ngủ cho khỏe để mai còn đi. Đừng có như cái đêm vừa được ra khỏi nhà kỹ luật!”

Vừa liên tưởng tới cái đêm được ra khỏi nhà kỷ luật ở trại Thanh Cẩm sáu năm về trước, đầu óc tôi lại căng thẳng và suy nghĩ.

Tôi nhớ lại đêm hôm đó vừa được chuyển từ kỷ luật qua khu kiên giam sống với một số linh mục khác. Đêm đó, mọi người trong buồng ngủ say, nhưng sao tôi cứ trần trọc mãi không ngủ được. Tôi nằm trăn trở từ bên này qua bên kia để cố dỗ giấc ngủ nhưng không tài nào chợp mắt. Khổ hơn nữa, khi phải nằm nghe tiếng ngáy đều của anh em trong buồng.

Tôi khó ngủ có lẽ vì nhiều lý do. Một phần vì tâm trạng người tù được tha cùm sau gần ba năm trong kỷ luật, tôi nằm tính lại đúng 1020 ngày đêm! Một phần nhớ em tôi là tướng cướp Bình Thanh ở chung buồng kỷ luật mà tôi vừa từ giã ra đi. Phần nữa, tôi cảm thấy thiếu một thứ gì đó rất quen thuộc. Chừng nhớ ra mới biết là thiếu cái móng cùm ngoạm vào cổ chân. Thì ra trong 1020 đêm liên tiếp đó, đêm nào tôi cũng đi ngủ với một chân xỏ vào cùm, và đêm nay cả hai chân nằm ngoài. Thừa một chân, tự nhiên sao cảm thấy nó vương vís kỳ dị!

Tới quá nửa đêm vẫn chưa chợp mắt, tôi lò mò xuống ngồi ở lối đi trong buồng, hút thuốc Lào. Nghe tiếng động, Cha Lê Đức Triệu, tức nhạc sĩ Hoài Đức, cũng thức giấc và bước xuống ngồi hút thuốc với tôi. Cha Triệu mà tôi gọi là Bố Triệu, là tác giả bài Thánh ca Giáng Sinh “Cao Cung Lên” rất phổ biến. Người cao và gầy ốm, tướng đi khoan thai đĩnh đạc, bộ râu cằm không nhiều nhưng khá dài. Nhìn qua phong thái, Cha giống như một tiên ông đạo cốt trong truyện Tàu.

Trước đó, Cha Triệu đã giúp phổ nhạc cho bài thơ tôi làm sau khi vào tù một năm. Tôi cũng chẳng biết người linh mục nhạc sĩ này thực sự có hứng, hay vì nể nang trước lời tôi yêu cầu, mà phổ nhạc bài thơ lục bát 12 câu tôi soạn, có tựa đề khá trữ tình: **“Đếm hạt mưa rơi!”**, như sau:

Phòng giam vắng lạnh về đêm,
Ngoài trời mưa đổ tãng thêm nỗi sầu.
Xa người xa đã bấy lâu
Đêm nay gởi nhớ thương sầu về ai?
Nhớ ai tôi nhớ đêm ngày,
Bao đêm thức trắng đắng cay mỗi mòn.
Nhạc buồn tiếng đế nỉ non!
Đế ơi! Không ngủ đế còn gọi ai?
Hay lòng đế cũng đắng cay,
Thương vay khóc mượn cho hai cuộc đời?
Lặng nhìn đếm hạt mưa rơi,
Bao nhiêu giọt nước bấy lời nhớ thương!”

Tôi không biết làm thơ và cũng chưa bao giờ làm thơ cả, mặc dù tôi rất thích thơ. Đêm đó, vào năm 1977, một mình trong xà lim trại Phan Đăng Lưu buồn quá, nhìn ra ngoài qua cái lỗ vừa đút lọt cái ca

đựng nước trên cửa sắt buồng giam, bên ngoài lại mưa rỉ rả. Tôi bèn thử thò vận, đánh bạo ê a vài câu thơ đó, và cố nhớ trong lòng.

Tôi chẳng biết nó có đúng niêm đúng luật gì hay không. Nếu quý vị nào thấy mấy câu thơ đó kỳ quá, xin cứ xé bỏ trang sách này cho tôi đỡ ngượng. Dù vậy, tôi cũng xin sự rộng lượng của độc giả, vì bài thơ con cóc này là bài thơ duy nhất tôi sáng tác trong 13 năm tù, và đúng hơn là trong cả đời tôi, ít ra là cho tới lúc này.

Cha Triệu vui vẻ hỏi thật nhỏ:

– Chú Lễ chưa ngủ à?

Tôi trả lời:

– Sao đêm nay con khó ngủ quá bố Triệu ơi! Cứ nằm lăn lộn trở trăn hoài!

Cha Triệu về bị thuốc vào nỡ điếu, hỏi:

– Sao khó ngủ? Bộ nóng lắm hả?

– Không phải đâu bố, phòng này mát hơn bên kỹ luật nhiều!

Bố Triệu ngửa mặt lên trời, nhả khói xong hỏi:

– Thế sao không ngủ được?

– Con ngủ bên kỹ luật bị cùm một chân quen rồi, qua đây thiếu cái móng cùm con thấy một chân bị thừa thãi và nhẹ tong. Cứ nằm quơ quơ trên không hoài không biết để chân đó ở đâu!

Nghe tôi nói Cha Triệu bật cười thành tiếng, quên cả có người đang nằm ngủ kế bên. Vẫn giữ nụ cười thoải mái và rạng rỡ, vị linh mục nhạc sĩ nói:

– Cái chú này! Thiệt tình tôi chẳng biết chú ra làm sao!

Trở Về Thực Tại

Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Một giấc ngủ thật say, yên lành và không mộng mị.

Có tiếng gõ cửa khá to, tôi giật mình choàng dậy, tưởng là đang còn trong tù, nghĩ vội: “Chết cha rồi, mình ngủ quên để cán bộ phải vào gọi, chắc là đội đã báo số xuất trại rồi!” Tôi ngồi bật dậy như cái máy, mở mắt ra và ngạc nhiên thấy khung cảnh lạ. Không biết mình đang ở đâu. Nhưng một giây sau tôi nhận ra thực tại, nên vội tuột xuống giường và bước ra mở cửa phòng.

Khi vừa đưa tay chạm cái quả nắm bằng sứ trắng tinh trên cánh cửa phòng khách ở Nhà Chung Hà Nội, tôi cảm thấy lạnh nơi lòng bàn tay đồng thời với tâm trạng hạnh phúc của con người TỰ DO. Tôi

cảm nhận giây phút sung sướng tuyệt vời lúc đó như đang được bay bổng lên chín tầng mây vì đây là lần đầu tiên sau 13 năm trời tôi được tự tay mở cửa buồng vào buổi sáng sau khi thức dậy.

Nhớ lại trong thời gian hơn chục năm trong tù, sáng nào tôi cũng nghe tiếng keng vang lên ở cổng trại, sau đó là tiếng chìa khóa khua rổ rẹt cộng với tiếng lòi tói va chạm vào cửa sắt. Có khi là tiếng rít chói tai của song sắt cài cửa to như cổ tay trẻ em, khi cán bộ hoặc người tù trật tự rút một cách mạnh bạo và hối hả thanh sắt đó ra khỏi các khoen sắt để mở cửa buồng giam.

Vì đã quen nghe âm thanh ấy như một điệu nhạc buồn mỗi buổi sáng nên lúc đó tôi không chú ý nhiều. Bây giờ nhớ lại tôi mới rùng mình ghê rợn. Lúc đó, sau khi cửa buồng giam mở ra, đám tù nhân chúng tôi xếp thành hàng một bước ra cho người ta đếm. Cảnh này giống y như ở một nông trại, mỗi sáng người chủ nông trại đếm lại từng con thú trong bầy súc vật đang từ chuồng chen lấn nhau ra. Cái khác nhau duy nhất là bầy súc vật có khi chạy nhảy vô trật tự, còn đám tù chúng tôi thì đi ngay hàng thẳng lối, đầu cúi gằm xuống. Mới sáng hôm qua đây tôi cũng còn sống trong khung cảnh “cúi đầu bước ra” ấy ở trại tù Nam Hà.

Lúc này, khi cách cửa phòng khách mở ra, tôi thấy bên ngoài ánh nắng ban mai đã chói chang và báo hiệu một ngày đẹp trời. Một thầy phòng bộ có mái tóc đầu đinh, mặc quần đen, áo sơ mi trắng ngắn tay, bỏ ngoài quần, chân mang sắn-đan màu đen, đứng bên ngoài cửa tươi cười: “Chào Cha! Chắc hôm qua Cha đi đường mệt nên ngủ ngon, con đã gọi cửa khá lâu. Xin lỗi con phải đánh thức Cha. Đức Hồng Y mời Cha xuống ăn điểm tâm.”

Tôi không kịp nhìn đồng hồ trên tường, vội đáp lại: “Chào thầy...” và lí nhí thêm câu gì tôi cũng không nhớ. Nhưng tôi còn nhớ là lúc bước vội vào nhà tắm, tôi tự hỏi: “Ông này là Trác hay Trạc đây hả trời?!”

Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ

Mùa Thu Năm Quý Mùi 2003



PHỤ CHƯƠNG 1

CÁI CHẾT CỦA TƯỚNG CƯỚP BÌNH THANH



Sau khi ra tù tôi ở lại miền Bắc nửa tháng. Trong thời gian này, tôi đã tìm tới làng Bưởi để tìm Bình Bưởi, dò hỏi tin tức về Bình Thanh, nhưng không ai biết. Bình Bưởi có thể biết nhưng người nhà cho hay là Bình Bưởi đã bị bắt lại vào tù rồi. Vì vậy, tôi không thể nào tìm ra manh mối. Sau đó, tôi đi thăm khá nhiều địa điểm du lịch ở nội thành Hà Nội và một số giáo phận miền Bắc như Bắc Ninh, Hải Phòng,

Bùi Chu và Thái Bình. Ngoài việc thăm các giám mục và linh mục để tìm hiểu về hoàn cảnh giáo hội miền Bắc, tôi còn thăm một số bạn tù đã về trước tôi.

Sau đó, tôi xuôi tàu Thống Nhất về Sài Gòn vào đầu tháng 8 năm 1988. Về Sài Gòn tá túc ở nhà một người cô và có một lần lên về quê thăm mộ cha má. Má tôi đã chết 11 năm trước, khi tôi còn trong tù. Tôi không thể về nhà quê cách công khai vì sợ chính quyền địa phương có thể bắt lại bất cứ lúc nào, trong khi ở thành phố lớn như Sài Gòn để sống trà trộn hơn. Hoàn cảnh tôi lúc đó không thể sống ở lại quê hương vì tôi không được trả quyền công dân, không có hộ khẩu và dĩ nhiên là không được thi hành những công việc thuộc chức vụ Linh Mục. Do đó, tôi đã trình bày hoàn cảnh với Giám Mục Vĩnh Long, bấy giờ là Đức Cha Nguyễn Văn Mậu, với những lý do trên và ý định vượt biên.

Tôi vượt biên bằng cách cải trang, thay danh đổi họ và đi đường bộ qua Campuchia. Từ Campuchia, tôi qua Thái Lan bằng tàu đánh cá Thái và tới được trại tị nạn Banthat, nằm ngay sát biên giới Thái-Campuchia vào tháng Giêng năm 1989. Vào trại tị nạn tôi ở chung nhà với hai thanh niên là hai anh em Văn và Võ mà lần đầu tiên tôi gặp trong trại này.

Một buổi trưa nọ, khi ba cha-con tôi đang ngồi trong nhà, có một người đàn ông lạ mặt, khoảng ngoài 40, bước vào nhà. Anh mặc áo thun trắng, quần dài và người anh có nhiều vết xăm trổ, lòi ra từ hai cánh tay. Nhận xét đầu tiên của tôi không mấy tốt đẹp về con người này. Vì lúc đó, trại rất đông và anh ta ở khác khu, lại không phải là người Công Giáo nên tôi chưa từng có dịp gặp và biết anh. Bước vào nhà, tôi chưa kịp mời ngồi thì anh ta đã lên tiếng hỏi:

– Xin lỗi, anh là Cha Lễ và có phải là Cha Lễ ở Bưng Trường không?

Tôi giật mình vì người đàn ông xa lạ này biết quá nhiều về tôi. Tôi trả lời:

– Vâng, tôi là Cha Lễ ở Bưng Trường đây. Nhưng sao anh lại biết tôi?

Người đàn ông lạ mặt chẳng lộ vẻ gì khác trên mặt, vẫn giữ thái độ xa lạ nói tiếp:

– Như vậy, chắc anh biết Bình Thanh?

Tôi bật đứng lên, bước tới chụp lấy vai anh:

– Anh nói gì? Anh biết Bình Thanh à? Trời! Tôi mong tin Bình Thanh đã 7 năm nay. Anh nói tôi nghe hiện nay Bình Thanh, em tôi ra sao?

Tôi hỏi một thôi một hỏi làm anh ta đứng chết trân, không trả lời tôi câu nào, nhưng chỉ nói:

– Thế thì sáng ngày mai, quãng 9 giờ, mời anh tới chỗ tôi để chúng ta nói chuyện.

Nói xong, anh ta cho tôi số nhà và khu vực anh ở rồi quày quả bước ra trước sự ngạc nhiên của tôi và hai thanh niên trong nhà. Thái độ của người đàn ông lạ mặt này càng làm tôi nôn nóng hơn. Đêm đó,

tôi lại trần trọc không ngủ được, cứ bồn khoăn mãi về thái độ có vẻ bí mật của người đàn ông lạ mặt, làm tôi lo sợ về một hung tin liên quan tới Bình Thanh. Dầu sao, tôi cũng phải chuẩn bị tinh thần để đón nhận tin đó.

Hôm sau, tôi tới nhà anh ta theo giờ hẹn và thấy anh chỉ ngồi một mình, có đứa bé chừng 3 tuổi đang chơi ngoài sân. Thấy tôi tới, anh mời vào nhà ngồi xuống ghế có chiếc bàn ọp ẹp trước mặt. Anh ngồi đối diện và rót nước mời. Tôi móc bao thuốc lá mời lại. Anh rút một điếu, ngậm nơi môi và bật lửa cho tôi trước. Anh làm các việc này trong thình lịnh khác thường, không có gì là vội vã và cũng chẳng tỏ ra dấu gì đặc biệt khi mời một người khách tới nhà. Tôi chẳng hỏi han gì, vì mục đích hôm nay tôi tới đây đã rõ ràng không cần phải hỏi, không cần thúc giục. Tôi thấy có cái gì hơi khác lạ trong sự chần chừ của người chủ nhà lạ mặt này.

Sau khi kéo hơi thuốc lá đầu tiên, anh ta vờ lấy chén trà nhưng không uống, chỉ kê lên môi rồi hạ xuống. Tôi đoán chừng như anh ta có tâm sự gì khó nói, tôi càng dăm ra lo lắng hơn. Nãy giờ tôi vẫn ngồi thình lịnh đợi chờ. Anh ta đặt chén trà xuống bàn, vừa xoay xoay chén vừa nhìn thẳng vào tôi, và lên tiếng gọi tên tôi một cách rất bất ngờ:

– Anh Út!

Tôi giật mình, vì chỉ có Bình Thanh mới gọi tôi bằng tên này, ngoài ra, không ai biết được, nếu Bình Thanh không nói cho người đó biết.

Thấy tôi giật mình sửng sốt, anh ta nói tiếp luôn:

– Anh Út, Bình Thanh đã chết rồi anh!

Tôi ngồi chết lịnh! Hình như anh ta nói tiếp theo một câu gì nhưng tôi không còn nghe được nữa. Tâm trạng tôi lúc đó như người vừa bị trúng đạn. Có một cái gì như một cú đập vào thái dương quá nặng làm tôi lảo đảo. Tôi gỡ điếu thuốc trên môi ra, dí vào cái đĩa gạt tàn trước mặt, gục đầu xuống trên hai tay đang ôm trán.

Tôi ngồi chết lịnh! Một lúc sau, nước mắt bỗng tuôn trào thành dòng. Càng lúc cơn xúc động càng lúc càng dâng cao, cổ tôi như bị tắc nghẽn. Tôi khóc thực sự, và không kiềm hãm được trước mặt người đàn ông xa lạ vừa báo tôi một hung tin. Tôi vẫn ngồi tại chỗ, cho tay vào túi quần, nhưng không có khăn tay, tôi kéo vạt áo sơ-mi, tháo cặp kính để lên mặt bàn và dùng vạt áo chùi nước mắt đang tuôn trào, không kiềm hãm được. Tôi đứng dậy lảo đảo bước ra ngoài.

Ra tới đầu nhà, tôi bước tới, đứng dựa vào một thân cây, cúi đầu xuống và ôm mặt khóc như một đứa trẻ con. Tôi chưa nghe anh bạn nói lý do và Bình Thanh đã chết lúc nào nhưng tôi cũng có thể đoán ra là em tôi đã chết từ lâu rồi, và phải là cái chết không bình thường. Tự nhiên trong lúc đó, tôi thấy lại con người của Bình Thanh đang vui vẻ, cười đùa, nói năng trước mặt như lúc anh em tôi còn sống

chung trong tù. Tôi nhớ lại Bình Thanh có lần nói với tôi: “Em không bao giờ chết trên giường bệnh”. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao hôm qua anh bạn này không báo tin tại nhà tôi, mà lại mời tôi tới nhà anh, lúc không có người chung quanh.

Một lúc sau, anh chủ nhà bước ra mời tôi trở vào nhà. Tự nhiên, tôi thấy quý anh, vì lúc này, anh là người có thể chia sẻ với tôi nỗi đau quá bất ngờ này.

Vừa ngồi xuống ghế, anh bắt đầu nói, không cần đợi tôi hỏi gì thêm:

– Anh Út, tên em là Đạo, em là bạn của Bình Thanh. Em và một thằng bạn nữa cùng đi với Bình Thanh xuống Bưng Trường thăm chị Hai. Lần đó, chị Hai sợ cuống cuống khi thấy bọn em đóng giả làm bộ đội bước vào nhà. Chắc là chị Hai đã kể lại chuyện này với anh?

Tôi ngồi yên gật đầu. Đạo nói tiếp:

– Bình Thanh đã chết lâu lắm rồi anh ạ, chỉ vài tháng sau khi tụi em xuống nhà thăm chị Hai thôi.

Tôi trả lời là tôi cũng đoán biết như vậy, vì nếu Bình Thanh còn sống thì làm gì sáu, bảy năm rồi không tin cho anh. Đạo nói tiếp theo :

– Bọn em quen nhau từ miền Bắc. Khi Bình Thanh vượt ngục ra gặp lại và một tháng sau bọn em tìm đường vô Nam, cũng đóng giả làm bộ đội. Bình Thanh quyết tâm phải xuống Vĩnh Long thăm chị Hai mà Bình Thanh đã coi là người chị từ sau khi kết nghĩa với anh trong tù. Bình Thanh nhắc về anh luôn với sự quý mến rất đặc biệt.

Sau đó, Đạo kể lại thời gian ở Sài Gòn, có mấy ngày Bình Thanh một mình đi Hồ Nai, nói là đi vì một việc riêng. Lúc đó, Bình Thanh có ý hoạt động cầm chừng và chờ tôi về để cùng nhau vượt biên ra nước ngoài. Nhưng Bình Thanh cũng biết là tôi khó mà về sớm nên đã nghĩ tới việc trở ra Bắc lại để đánh cướp và giải thoát tù, vì Bình Thanh biết hết ngõ ngách và giờ giấc sinh hoạt trong trại tù Thanh Cẩm. Nhưng kế hoạch này, trước tiên, phải có nhiều tiền mới thực hiện được. Đó cũng là lý do cả bọn kéo qua Campuchia bằng xe tải của bộ đội.

Uống chút nước, Đạo kể tiếp:

– Lúc đó, ở Nam Vang người Việt mình đông lắm và các băng đảng hoạt động rất mạnh, cả người Việt lẫn Campuchia. Các băng đảng phải loại nhau để làm chủ tình thế. Chẳng may trong một cuộc chạm súng với băng Việt khác gần Nam Vang, Bình Thanh bị thương nặng và chết ngày hôm sau trong lúc anh em vây quanh.

Sau khi an táng Bình Thanh gần một ngôi chùa ngoài thủ đô Nam Vang, bọn em kéo về Việt Nam. Từ đó, em ở lại sinh sống trong Nam và cưới vợ, có một cháu trai anh thấy đó. Sau đó, bọn em vượt biên qua đây và không ngờ được gặp anh.

Ngồi nghe Đạo kể về cái chết của Bình Thanh, lòng tôi buồn vô hạn. Tôi hỏi thăm về Hường thì Đạo cho biết Bình Thanh nói với anh rằng, lúc còn trong tù, tôi dặn rất kỹ là khi vượt ngục ra, Bình Thanh đừng bao giờ gặp Hường, cho dù bất cứ nơi nào trong đất nước, vì Bình Thanh vượt ngục là người ta sẽ theo dõi Hường từng bước đi. Do đó, Bình Thanh chỉ báo tin cho Hường và thu xếp để cả hai ra nước ngoài, nhưng việc này còn phải chờ đợi tôi. Sau khi Bình Thanh chết, các anh em cũng không báo hung tin cho Hường, sợ Hường buồn khổ và làm liều!

Sau đó, chúng tôi trao đổi thêm nhiều điều tôi muốn biết về Bình Thanh và trước khi từ giã ra về, Đạo đứng lên nói nghiêm trang:

– Anh Út, anh có tin là oan hồn của Bình Thanh xui khiến cho chúng mình gặp nhau ở đây không?

Tôi đứng yên một lúc, đưa tay ra bắt lấy tay Đạo và nói thay cho câu trả lời:

– Bình Thanh là con người rất nặng tình nặng nghĩa!

Đêm đó, trong căn nhà lá nhỏ của trại tị nạn tôi thức khuya, chong đèn ngồi một mình ở phòng ngoài trong khi hai anh em Văn và Võ ngủ bên trong. Hai thanh niên xa lạ này đã ở trại tị nạn một thời gian trước khi tôi tới trại Banthat. Ba cha-con tôi sống chung nhà và rất thương yêu, quý mến, lo lắng cho nhau.

Tôi ngồi một mình đốt hết điếu thuốc này sang điếu khác, nhưng chỉ hút một hơi rồi để xuống cái gạt tàn trên bàn. Tin Bình Thanh chết làm tôi gần như kiệt lực. Ngày còn với nhau trong tù, anh em quyết định sẽ ra nước ngoài sinh sống và chừng đó Bình Thanh sẽ từ bỏ kiếp sống giang hồ mà hoàn cảnh trong đất nước đã tạo nên. Lúc này, tôi đã vượt biên qua Thái Lan, đang đứng trước ngưỡng cửa của thế giới tự do thì Bình Thanh không còn nữa.

Tôi ngồi ôn lại từng kỷ niệm với Bình Thanh. Tôi nhớ lại hàng chữ xăm trở sau lưng em tôi, bên dưới hình cái lư hương đang tỏa khói và trên cùng là hình Phật Bà Quan Âm thật to: “Khi tôi chết ai là người xây nấm mộ. Cổ quan tài ai khóc tiễn đưa tôi”. Bình Thanh là một tướng cướp có thể bị nhiều người ghét bỏ và nguyên rủa, nhưng với riêng tôi, Bình Thanh là một trong những người tôi thương mến nhất trên đời. Là một tướng cướp, nhưng là một tướng cướp hào hiệp. Tình người của Bình Thanh đã mang đến cho tôi khoảng trời màu hồng trong cái đêm đen của đáy địa ngục trong khu kỷ luật trại tù Thanh Cẩm. Bình Thanh là một tướng cướp có nhiều hành động tàn ác, nhưng tàn ác vì hoàn cảnh mà không vì bản chất. Ngược lại, tôi đã chứng kiến và là nạn nhân của một vài người mang danh hiệu và chức vụ rất cao đẹp, nhưng vào tù lại hành động tàn ác không phải chỉ vì hoàn cảnh mà cả do bản chất nữa. Sánh với những con người này thì tướng cướp Bình Thanh đứng ở một nấc cao hơn trong bậc thang giá trị làm người.

Tôi đứng lên bước vào buồng trong, mở túi ra tìm cái bấm móng tay nhỏ, đã rỉ sét, mà Bình Thanh giao lại tôi như một vật kỷ niệm trong buổi chiều cuối cùng trước khi vượt ngục từ khu kỷ luật trại tù

Thanh Cẩm 7 năm về trước. Cái bấm móng tay này lúc nào tôi cũng mang theo, ngay cả lúc ra đi vượt biên.

Trở ra ghé ngồi và nhìn vật kỷ niệm nhỏ này khiến tôi nhớ lại từng chi tiết của buổi chiều cuối cùng còn thấy nhau. Trong giờ phát thức ăn ban chiều hôm đó, Bình Thanh trèo tường ngăn hai khu Kiên Giam và Kỷ Luật, qua gặp tôi và cho biết đêm đó sẽ đi và xin tôi cầu nguyện. Lúc đó, anh em tôi đã chảy nước mắt khi Bình Thanh ôm tôi nói: “Em từ giã anh và có thể là vĩnh biệt anh.” Lúc bấy giờ tôi cũng có cảm tưởng đó là lần cuối cùng anh em còn thấy nhau trên cõi đời. Không ngờ điều tôi lo lắng đó đã trở thành sự thật.

Tôi lại nhớ tới một kỷ vật khác, và giở bàn chân trái lên, kê đèn lại để nhìn cho rõ cái dấu xăm trở rất nhỏ gần mắt cá phía trong. Dấu xăm chữ “H” chỉ to bằng đầu ngón tay mà tự tay Bình Thanh đã xăm cho tôi trong buồng 2 khu kỷ luật trại tù Thanh Cẩm vào năm 1982. Lúc đó, Bình Thanh nói: “Em xăm cho anh cái dấu này trên bàn chân, chỗ dễ nhìn thấy nhất để mỗi khi xỏ chân vào cùm anh cũng nhìn thấy, và sau này nếu anh còn có dịp mang giày, khi xỏ chân vào giày anh cũng thấy cái dấu chữ “H”, nghĩa là “HẠN”, để nhắc anh nhớ thời gian này.”

Cái dấu xăm trở đó dĩ nhiên là còn trên bàn chân tôi và sẽ theo tôi suốt đời, nhưng cái ý nghĩa của nó đã đổi khác. Chữ “H” ở đây không còn là “HẠN” nữa, nhưng tôi coi đó là bắt đầu của chữ “HOPE” trong tiếng Anh, là niềm “Hy Vọng”. Vì qua những kinh nghiệm đau thương mà tôi đã từng trải, tôi Hy Vọng vào một tương lai tươi sáng cho dân tộc Việt Nam và sẽ không để cho sự hận thù của hoàn cảnh lịch sử trói buộc.

Có tiếng bước chân nhè nhẹ phía sau lưng, tôi quay lại, thấy Võ từ trong buồng bước ra đến bên tôi nói nhỏ:

– Khuya lắm rồi sao Cha chưa ngủ? Để con dọn ghế bố cho Cha.

Trong hai anh em thì Võ gần gũi tôi nhất. Nó lo lắng từng miếng ăn giấc ngủ cho tôi. Tôi thương nó nhất và cũng bị tôi la rầy nhiều nhất! Vừa nói, Võ vừa bước lại gần bàn viết nhỏ hẹp của tôi trong căn nhà lá ọp ẹp mà ba cha-con tôi sống. Võ xê dịch bàn ra một chút để lấy chỗ bước vào phía trong mắc màn cho tôi. Vừa mắc màn, Võ hỏi tôi bằng cái giọng rề rề cố hữu:

– Con thấy từ sáng tới giờ, hình như Cha có chuyện gì rất buồn. Chuyện gì vậy Cha?

Tôi lắc đầu trả lời:

– Bây giờ khuya rồi, sáng ngày Cha kể con nghe.

Ngồi nhìn Võ đang vờ tay mắc màn trên chiếc ghế bố cho tôi, tự nhiên tôi nhớ tới Bình Thanh. Hoàn cảnh đã đưa đẩy tôi vào tù gặp Bình Thanh và cũng lại hoàn cảnh đưa đẩy tôi tới trại tị nạn Thái Lan

và gặp Võ. Tôi biết là tôi sẽ còn gắn bó với anh thanh niên xa lạ này lâu dài, vì những ngày tháng sống chung, tôi rất thương Võ, và coi như đứa con trai của tôi.



PHỤ CHƯƠNG 2

NHỮNG CUỘC GẶP GỠ



A. Gặp lại các bạn tù.

Tôi sống trong trại tị nạn Thái Lan một năm rưỡi, cho tới giữa năm 1990, qua định cư và làm việc tại thành phố Auckland, nước Tân Tây Lan (New Zealand), một quốc gia quần đảo trong vùng Nam Thái Bình Dương. Tôi đến đây theo lời mời của Giám Mục Denis Browne, giám mục Giáo Phận Auckland, để phụ trách Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại giáo phận này.

Hai năm sau, 1992, tôi bắt đầu đi khá nhiều nơi trên thế giới để cùng với đồng bào Việt Nam hải ngoại tranh đấu cho Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam. Trong thời gian đi lại nhiều nơi, tôi có dịp gặp lại rất đông những người tôi đã từng quen biết trước kia trong nhiều lãnh vực. Có những người bà con, đồng hương, bạn học, giáo dân trong các giáo xứ ở Việt Nam ngày trước, những người ở trại tị nạn với tôi và những người đã từng ở tù chung với tôi trong nhiều trại tù khác nhau từ Nam ra Bắc. Đặc biệt nhất là hai người đã cùng tôi chịu đựng gian khổ trong kỷ luật, sau khi vượt ngục bắt thành tại trại Thanh Cẩm ở miền Bắc năm 1979, là anh Trịnh Tiểu và anh Nguyễn Sỹ Thuyên.

Anh Trịnh Tiểu tới Mỹ và định cư tại Sacramento. Anh hoạt động rất hăng say và có uy tín trong Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Sacramento. Anh giữ chức vụ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, trong khi một chiến hữu rất tích cực khác là anh Trần Văn Ngà, giữ chức Chủ tịch Ban Chấp Hành.

Nhưng chẳng may, mấy năm sau anh Tiểu bệnh và qua đời vài ngày trước Tết năm 1996. Vì cận ngày Tết, tôi không thể có mặt trong đám tang anh, nhưng sau đó, tôi qua làm Lễ Giỗ 100 ngày cho anh. Hiện nay, chị Phi Nga là người vợ sau của anh Tiểu và con gái là cháu Thảo Trâm đang sống ở Sacramento. Ngoài ra, hai người con đời hôn nhân trước của anh là Trịnh Xuân Thọ và Trịnh Thị Trúc Mai đang sống ở Virginia, Hoa Kỳ.

Anh Nguyễn Sỹ Thuyên qua Mỹ và định cư tại San Jose. Tôi có tới thăm anh tại đó. Sau một thời gian có lẽ vì cuộc sống quá cô đơn và buồn tẻ nên anh đã quay trở lại Việt Nam.

Trong số những người ở tù chung, đa số khi gặp lại, chúng tôi rất mừng và đầy tình thân ái vì cùng chung cảnh khổ và cũng đã từng giúp nhau, chia sẻ với nhau trong cảnh khổ cùng. Thứ tình nghĩa

này rất sâu đậm mà người ngoài cuộc nhiều khi khó có thể cảm thông được. Gặp lại nhau, tất cả anh em bạn tù rất vui mừng và đầy thân ái. Nhất là khi ngòi nhắc lại các tình huống trong thời gian tù mà chúng tôi sống với nhau.

Nhân cơ hội này, tôi cũng muốn bày tỏ sự vui mừng và biết ơn khi các anh em đã giúp tôi khi vừa vượt biên tới trại tị nạn Thái Lan năm 1989, và sau này đã ân cần tiếp đón tôi trong nhiều năm qua. Tất cả các anh em đều là những người tôi quý mến, cho dù một số người tôi chưa được dịp biết trong tù nhưng vì sống chung trại nên sau này chúng ta vẫn nhận nhau là những người anh em.

Tôi đã gặp một số đồng anh em tại nhiều tiểu bang của Hoa Kỳ, một số tại Canada, Pháp và vài anh em ở Úc Châu là nước láng giềng với tôi. Trong khuôn khổ cuốn sách này, tôi không thể kể ra hết tên từng người. Ngoài hai anh Trịnh Tiểu và Nguyễn Sỹ Thuyên, tôi muốn nhắc tới với sự biết ơn và quý mến hai anh Nguyễn Văn Bầy (Bầy Chà, Virginia) và Nguyễn Tiến Đạt (San Barnadino, CA) là những người đã giúp tôi rất nhiều lúc tôi đang bị cùm trong nhà kỷ luật. Xin các anh em còn lại nhận lòng quý mến và biết ơn của tôi.

B. Gặp thân nhân anh Đặng Văn Tiếp

Ngay từ khi ra tù về tới Sài Gòn, tôi đã cố công dò hỏi tìm chị Hoàng Thị Huyền Thanh và anh Đặng Văn Thụ, hai người mà anh Tiếp đã nói với tôi rất nhiều trong thời gian anh em tôi sống chung nhau ở Cống Trời và sau này trong khu Kiên Giam, trại Thanh Cẩm.

Có người chỉ, tôi tìm đến gia đình ông Hoàng Xuân Tửu để hỏi thăm nhưng được cho biết là chị Huyền Thanh cũng như anh Thụ đã sống ở nước ngoài. Tôi nghĩ là không có cơ hội được gặp, vì lúc đó tôi chưa biết là có thể ra khỏi Việt Nam được không. Sở dĩ tôi quyết tìm ra manh mối gia đình vì anh Đặng Văn Tiếp và tôi đã kết nghĩa anh em. Tôi muốn tìm gặp những người thân yêu mà tôi chưa một lần được gặp gỡ này để nói lại những gì tôi đã biết về những ngày sau cùng của anh Tiếp và nhất là bí ẩn về cái chết của anh Tiếp mà người ngoài không bao giờ có thể biết được.

Cũng may, sau đó tôi vượt biên thành công qua trại tị nạn Thái Lan vào đầu năm 1989. Lúc ở trại tị nạn Thái Lan, tôi có gặp anh Thành là bạn luật sư với anh Đặng Văn Tiếp, vì Tiếp cũng là một luật sư. Anh Thành có nhắc với tôi nhiều kỷ niệm về anh Tiếp. Tôi cố dò hỏi tin tức và gửi lời nhắn đăng trên báo Việt Nam bên Mỹ, bên Pháp với hy vọng ai đó có thể giúp tôi tìm ra manh mối liên lạc với những người mà tôi rất muốn tìm kiếm, nhưng cũng chẳng có kết quả gì. Sau đó, tôi tới định cư tại New Zealand vào giữa năm 1990.

Năm 1992, tôi có dịp qua Mỹ lần đầu tiên để tham dự Đại Hội của Hội Đồng Việt Nam Tự Do theo lời mời của Tiến Sĩ Lê Phước Sang. May mắn trong dịp đó, tôi tìm gặp được gia đình anh Đặng Văn Thụ tại Maryland, chị Hoàng Thị Huyền Thanh ở Paris bay qua Mỹ, và các người khác trong gia đình họ Đặng.

Về phía gia đình họ Đặng, trên Thụ còn có anh Đặng Văn Giám, sau đó có chị Đặng Thị Nhâm và sau cùng là Đặng Văn Thủy ở Virginia. Về phía chị Huyền Thanh, còn có chị Hoàng Thị Bích Đào ở California và anh Hoàng Văn Khuê ở bên Pháp với chị. Từ đó, hai gia đình nhận tôi là một thành phần trong gia đình và ngược lại tôi cũng coi hai gia đình về phía anh Thụ cũng như về phía chị Huyền Thanh là gia đình của tôi. Về sau này, mỗi khi qua vùng phía Đông Hoa Kỳ tôi đều ở tại nhà của gia đình anh chị Thụ – Liên và ba cháu Sâm, Bi và Bé mà tôi rất thương mến. Khi qua Pháp chị Thanh cũng thương và lo cho tôi như một người em.

Qua anh Tiếp, tôi đã nhận được tình cảm mới trong hai gia đình. Cái chết của anh Tiếp là nỗi đau đớn chung của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi đau đớn vì mất người thân yêu, nhưng chúng tôi biết là cái chết của anh Tiếp đã mang lại rất nhiều ý nghĩa. Đầu tiên hết là bày tỏ tính nghĩa khí và hiên ngang của con người không chịu khuất phục trước bạo quyền. Cái chết của anh Tiếp còn mang lại ý nghĩa của sự nối kết tình thân.

Ngày 2 tháng 5 năm 1999, gia đình chúng tôi tổ chức Lễ Giỗ 20 năm ngày anh Đặng Văn Tiếp qua đời tại nhà anh Thụ ở Bethesda, Maryland. Lần đó, tôi được các anh chị cho phép đứng ra thay mặt cả họ, cảm ơn tất cả quý khách và bạn bè thân hữu. Tôi đã nói: “Đời người ai cũng chết một lần, không chết cách này thì cũng chết cách khác. Anh Tiếp đã chọn một cái chết để làm bài học cho nhiều người. Anh chết để mang lại tình thân. Anh cũng không ra đi trong cô đơn, vì anh đã nằm chết trên chính thân thể của một người em. Hôm nay, đã 20 năm qua rồi, nhưng tôi biết anh đang mỉm cười nhìn thấy cảnh này. Mọi người đến đây vì thương anh và mến anh”.

C. Những Cuộc Gặp Gỡ Bất Đắc Dĩ

Nhưng đau đớn thay, cũng có những trường hợp gặp lại nhau trong sự cay đắng, phũ phàng!

Khi tôi phải gặp lại anh Bùi Đình Thi, thì quả là một điều nặng nề và đau khổ cho cả hai. Trong chuyến đi Âu Châu năm 1995, tôi có ghé qua California một thời gian để thăm viếng bạn bè, đa số là các bạn cựu tù chính trị. Khi vừa gặp tôi ai cũng hỏi là tôi đã gặp Bùi Đình Thi hiện ở Santa Ana chưa? Anh ta và gia đình đã tới Mỹ theo diện HO.

Từ đó, tên tuổi Bùi Đình Thi là đề tài chính trong câu chuyện của anh em cựu tù nhân chính trị. Khi sang Pháp và một số nước Âu Châu, tôi có gặp một số anh bạn tù, họ cũng lôi đề tài này ra nói, mặc dù có người không hề ở chung trại Thanh Cẩm với tôi. Trên đường về, tôi có ghé lại Orange County một lần nữa và lần này, tôi đã có dịp nói chuyện với anh ta qua điện thoại. Việc gặp lại Bùi Đình Thi làm tôi khổ tâm, vì bao nhiêu kỷ niệm đau thương của 15 năm trước trong nhà tù Thanh Cẩm mà tôi đã cố chôn vùi, bây giờ lại bùng sống dậy trong tôi.

Để bày tỏ sự tha thứ cho Bùi Đình Thi, năm sau, khi trở lại Mỹ, tôi đã đích thân tới thăm và bắt tay anh vào buổi chiều tối ngày 9 tháng 9 năm 1996, tại nhà của anh ở Westminster. Cùng đi với tôi, có anh

Lê Sơn và Nguyễn Tiến Đạt là hai người cũng đã ở tù chung trong trại Thanh Cẩm và biết rất rõ những việc Bùi Đình Thi đã làm trong thời gian giữ chức trật tự trại tù Thanh Cẩm.

Tôi muốn mời hai người bạn tù này chứng kiến cảnh tôi gặp Bùi Đình Thi, phần khác cũng phải nói thẳng ra là tôi không dám đi một mình. Để đánh dấu sự kiện này, anh Nguyễn Tiến Đạt có chụp một vài tấm hình mà hiện tôi còn giữ. Lần đó, ngồi đối diện nhau tại chiếc bàn nhỏ, bên cạnh là Lê Sơn, có vợ của Bùi Đình Thi đang đứng kế bên, tôi có hỏi: “Anh Thi, tôi tới đây tức là tôi đã tha thứ tất cả cho anh. Nhưng còn một thắc mắc ám ảnh tôi mãi mà tôi không sao giải tỏa được và hôm nay tôi muốn hỏi anh, “Tại sao anh cố ý giết tôi?” Giữa tôi và anh không hề biết nhau, không thù không oán, hơn nữa tôi là một linh mục còn anh là một giáo dân. Tại sao anh quyết tâm giết tôi?” Lúc đó Bùi Đình Thi cúi đầu khá lâu mới ngẩng mặt lên nói nhỏ: “Thưa Cha, con khó nói lắm!” Tôi đáp: “Nếu anh không nói được thì tôi không ép, nhưng như thế thì sự thắc mắc này sẽ theo tôi cho tới ngày tôi chết!” Chúng tôi ở lại nhà Bùi Đình Thi chừng nửa giờ đồng hồ. Trên đường về, tâm hồn tôi thấy nhẹ.

Nhưng khổ nỗi, Bùi Đình Thi không những chỉ đánh đập một mình tôi mà còn đánh đập nhiều người khác, trong đó có vài ba linh mục. Nặng nề nhất là anh đã giết chết hai người tù miền Nam là Thiếu Tá Dân Biểu Đặng Văn Tiếp và anh Lâm Thành Văn. Vì thế, sự xuất hiện của Bùi Đình Thi cũng như việc ngang nhiên sinh sống ngay bên cạnh các gia đình, anh em, thân nhân, bạn bè của những nạn nhân mà anh đã giết được coi như hành động thách thức lương tâm tất cả mọi người.

Riêng tôi, trong suốt gần 20 năm qua, nhiều lần tôi định ngồi ghi lại vụ sát nhân thật dã man trong nhà tù cộng sản mà tôi vừa là nhân chứng vừa là một trong những nạn nhân may mắn còn sống sót. Nhưng mỗi lần cầm bút để ghi lại, tôi vẫn phân vân tự hỏi: “Có ích lợi gì không việc khơi lại đống tro tàn của quá khứ? Việc ghi lại này sẽ có tác dụng như thế nào đối với thủ phạm, đối với các bạn tù, đối với thân nhân của các nạn nhân và các người quen biết tôi, đối với thân nhân và những người quen biết thủ phạm và cả đối với những người sẽ đọc câu chuyện này? Với tư cách là một linh mục, tôi có nên ghi lại những điều mà tôi biết sẽ gây nên những đau xót hay công phẫn nơi nhiều người hay không

Sau thời gian dài suy nghĩ và nói chuyện với nhiều người, tôi thấy đã đến lúc phải nói lên tất cả sự thật của vụ sát nhân đó để làm sáng tỏ những khúc mắc đang âm ỉ làm nhức nhối tâm hồn của nhiều người, và để rút ra một bài học cho những người chỉ vì những suy nghĩ nông nổi mà đã hành động bất chấp lương tri để mưu cầu những lợi ích thấp hèn. Khi phải ngồi viết lại những dòng này, lòng tôi đau đớn vô cùng. Tôi dùng chữ “phải ngồi viết lại” vì trước đây tôi đã cố chôn vùi câu chuyện kinh hoàng này vào dĩ vãng. Trước đó, tôi nghĩ rằng người chết thì đã chết rồi, còn thủ phạm thì đang ung dung sống dưới sự che chở của chế độ cộng sản tại Việt Nam. Nếu tôi viết lên câu chuyện này ở nước ngoài, có thể còn bị mang tiếng là vu cáo người vắng mặt.

Nay thủ phạm đã được đến Hoa Kỳ, tôi không còn ngại bị hiểu lầm là vu cáo người vắng mặt, và tôi sẽ gửi cho đương sự một bản của bài viết này. Nhiều anh em bạn tù đã thúc giục tôi phải nói lên sự

thật để xác định một thái độ, dù đó là một thái độ bao dung.

Tôi đã tha thứ cho Bùi Đình Thi, mặc dù những hậu quả mà anh ta đã gây ra trên thân thể tôi khi ở trại Thanh Cẩm nay vẫn còn nguyên vẹn đó. Nhưng tôi và một số anh em vẫn nghĩ rằng tôi có trách nhiệm phải tường thuật mọi chuyện đã xảy ra để giúp anh ta có sự sám hối, và những người khác khi ở vào vị thế của anh ta, đừng vì những suy nghĩ nông cạn mà gây ra đau khổ cho đồng loại.

Mặc dù tôi đã tha thứ, nhưng tha thứ không có nghĩa là che giấu hoặc chối bỏ sự thật. Tôi phải kể lại, vì chuyện này có liên quan tới nhiều người và nhiều giới khác nhau. Hơn nữa, đây còn là một bản phận buộc tôi phải nói lên, như một nhân chứng trước tòa án của lương tâm con người. Tôi phải nói lên trước công luận thế giới về thực chất của chế độ nhà tù cộng sản. Chính vì những lý do đó mà tôi gọi câu chuyện này là “Một Vấn Đề của Lương Tâm”. Xin đọc chi tiết trong tập Bút Ký này.

Tôi viết bài đó như là nén hương lòng thắp lên trước bàn thờ hai anh Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn, để vong linh hai anh được nhẹ nhàng ở thế giới bên kia. Tiếp đến, qua bài đó, tôi xin gửi đến những anh em tù nhân đã từng bị hành hạ đánh đập như tôi, để chia sẻ những tổn thương mà chúng tôi phải gánh chịu trong suốt cả cuộc đời còn lại. Tôi cũng muốn viết lên câu chuyện đó như những lời phân ưu của tôi gửi tới thân nhân của những người đã chết trong ngục tù cộng sản về những đau thương mà quý vị đã phải gánh chịu.

Tôi viết lên chi tiết vụ vượt ngục ngày 2 tháng 5 năm 1979, về cái chết của hai anh Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn và về những lần Bùi Đình Thi đánh đập tôi. Sau đó tôi xác định thái độ của cá nhân tôi. Tôi tha thứ cho Bùi Đình Thi, nhưng còn những nạn nhân mà anh đã giết chết và đánh đập thì anh phải đến van xin sự tha thứ, qua bức thư tôi gửi cho anh dưới đây kèm theo với bài viết:

Anh Bùi Đình Thi,

Tôi biết chắc là trước sau gì rồi anh cũng sẽ đọc bài này. Mặc dù tôi không thể dùng ngòi bút vẽ lại thật giống con người và lòng dạ của anh, cũng như phác họa này có thể coi như một cái gương cũ khá lu mờ, để anh nhìn vào đó mà nhận ra chính mình. Khi đọc những gì tôi đã viết trên, có thể có người cho rằng, mặc dù đã hơn 17 năm qua, sự oán giận trong lòng tôi vẫn còn. Tôi biết có người sẽ chỉ trích tôi và tôi có thể viết khác hơn để khỏi bị chỉ trích như thế, nhưng tôi muốn ghi lại một cách trung thực các việc đã xảy ra trong trại tù Thanh Cẩm. Tôi biết sau khi đọc câu chuyện này, sẽ có người không tin, cho là tôi bịa đặt ra câu chuyện. Điều này cũng dễ hiểu thôi vì họ không thể nào ngờ có chuyện thương tâm như thế. Ngay cả chính tôi cũng không ngờ! Còn có nhiều thiếu sót về các hành động của anh trong câu chuyện này và chỉ có hai người biết rõ những thiếu sót đó là anh và tôi. Tôi còn nhớ và nhớ rất rõ nhiều chuyện về anh, không phải tôi cố ý hoặc ghét bỏ gì anh, nhưng xin anh hiểu cho, dù có muốn quên đi tôi cũng không thể nào quên được vì tôi là nạn nhân trực tiếp của anh. Những gì mà tôi đã bỏ qua cũng có thể được giải thích một cách khá dễ dàng: Tôi muốn viết bài này không phải với mục đích để hài tội anh, nhưng với mục đích nói lên một số tình trạng bi thảm đã xảy ra trong nhà tù

cộng sản, trong đó có sự tiếp tay của anh, mặc dù ở đó, anh và tôi cũng như các anh em khác đều là nạn nhân.

Trong suốt những năm qua, gần như lúc nào tôi cũng nhớ anh. Cái tên của anh đã đi liền với cuộc đời tôi! Mỗi khi có ai nhắc tới chuyện tù tội là tôi nhớ đến anh. Mỗi khi trở trời trái gió, cơ thể tôi đau nhức như dần, là tôi nhớ đến anh. Mỗi năm làm Lễ Giỗ anh Tiếp và anh Văn, tôi lại nhớ đến anh nhiều hơn. Nhiều lần trong giấc mơ tôi cũng thấy anh, và từ khi nói chuyện với anh qua điện thoại vào tháng Tám năm 1995 tại Santa Ana, tôi gần như không quên anh được. Có điều lúc này tôi nhớ không phải để tức giận như những ngày đầu sau khi anh đánh đập tôi, mà nhớ để cầu nguyện và xin ơn tha thứ cho anh. Cũng qua điện thoại hôm đó, vợ anh khóc lóc xin tôi nói giùm với các nạn nhân khác của anh, mà phần lớn đang có mặt tại Mỹ, xin họ tha thứ cho anh. Tôi sẽ làm chuyện đó, nhưng tôi cũng xin dùng câu chuyện này để nói với anh một vài lời.

Chắc anh còn nhớ rất rõ cái ngày anh và tên cán bộ có đôi mắt xước, đánh đấm tôi dữ dội vì tôi cho thằng Hà cái áo vàng? Tôi biết anh nhớ chuyện này rất rõ vì trong lần nói chuyện qua điện thoại, tôi có hỏi là lúc đó anh suy nghĩ như thế nào mà anh đánh đập tôi quá tàn nhẫn như vậy? Anh ngần ngừ một lúc lâu, sau cùng anh không trả lời thẳng vào câu hỏi của tôi mà anh lại nói: “Thưa Cha, con chỉ nhớ là con đánh Cha có một lần, khi Cha cho thằng Hà cái áo!”

Anh biết không? Sáng hôm đó, sau khi anh đánh tôi gần chết, may mà tôi tháo chạy được vô buồng, tôi đã chụp lấy cái móng cùm, nhẩy lên bệ nằm, đứng thách thức và chờ đợi anh. Bản năng sinh tồn bắt buộc tôi phải có hành động quyết liệt như thế, vì nếu không có hành động quyết liệt đó, tôi không còn đến ngày hôm nay. Lúc đó, tôi đã thật sự sẵn sàng! Đã 17 năm qua rồi mà mỗi lần nhớ lại cảnh ấy tôi vẫn còn rùng mình! Tôi cảm ơn anh lúc đó đã kịp thời dừng chân lại. Nếu anh bước vô buồng, chắc chắn là tôi sẽ đập nát đầu anh ra, vì anh đã hành tôi phát điên lên và dồn tôi vào con đường cùng. Dĩ nhiên, sau khi tôi đập vỡ sọ anh thì cộng sản cũng sẽ giết tôi. Cái chết thì tôi đã sẵn sàng chấp nhận, nhưng những hậu quả tiếp theo có thể không lường được và rất đáng buồn. Hình ảnh một linh mục giết một bạn tù bao giờ cũng là một hình ảnh khó dung tha được, nhất là khi bạn tù đó là một tín đồ Công Giáo và tôi là người có nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng cho anh và mọi người. Người đời không biết lý do, sẽ nguyên rủa và gọi tôi là linh mục sát nhân. Cộng sản được cơ hội tốt nhất để phỉ báng các tôn giáo, nhất là Công Giáo. Gia đình tôi cũng như bạn bè và những người thân yêu của tôi sẽ tủi nhục khi có ai nhắc đến tên tôi. Giáo hội Công Giáo đau buồn vì có một linh mục vào tù không kèm chế được tính nóng nảy, đã giết chết một con chiên tín hữu của mình để rồi bị lãnh án tử hình. Tôi cảm ơn Chúa và cảm ơn anh đã không để hậu quả đó xảy ra bằng việc anh dừng chân ngoài cửa mà không xông vào buồng để tóm lấy tôi!

Tâm tôi đã trở lại an bình từ lâu rồi. Chính tình thương và sự tha thứ đã đem an bình đến cho tôi và làm cho cuộc sống tôi tốt đẹp lại sau những năm tháng dài bị đày đọa cả thể xác lẫn tinh thần. Mỗi lần nhớ tới anh, tôi lại đọc lời kinh nguyện cho anh và tôi vẫn ước mong anh có lúc hồi tâm suy nghĩ và

sám hối tội lỗi của mình. Thời gian mười mấy năm qua chắc cũng đủ dài để anh nhận ra được những tội ác anh đã gây ra trong nhà tù Thanh Cẩm. Tôi tin rằng, đến nay, anh đã nhận ra được ác tâm của cán bộ cộng sản đã nhờ bàn tay anh để giết chết những người không cùng tư tưởng với họ. Họ đã dùng tay anh để đánh đập, hành hạ và giết chết những chiến hữu trước đây đã cùng đứng chung một chiến tuyến với anh. Họ đã nhờ tay anh để đánh đập và hành hạ các linh mục mà trước kia và ngay cả lúc này, anh dùng chữ “Cha” để gọi họ. Khi mấy cán bộ võ trang định nhảy vào đánh anh Tiếp, Chuẩn Ủy Lãng phụ trách về an ninh đã gọi giựt lại và bảo: “Hãy để cho chúng nó thanh toán nhau!” Họ muốn bắt chước Philatô ngày xưa để nói: “Ta vô tội trong việc giết những người này. Các anh cứ xử sự với nhau”. Họ không muốn lãnh tiếng xấu là đã đối xử hung ác với các tù nhân chính trị mà luôn luôn họ tuyên bố là sẽ được đối xử khoan hồng. Tôi xin hỏi anh, chế độ đó đã đền ơn cho anh được những gì? Có lẽ lúc đó anh nghĩ rằng nếu anh hành động như thế, anh sẽ được về sớm. Anh muốn đổi sự tự do của anh bằng chính máu của các chiến hữu trước đây của anh. Tôi tin rằng nay anh đã nhận ra đó là một sự lầm lẫn lớn, việc anh phải xin được đến định cư tại Hoa Kỳ đã chứng minh cho điều đó.

Có lẽ cái hình phạt nặng nề nhất đối với anh là cái nhìn của các bạn bè khi gặp lại anh ở bất cứ nơi nào tại Việt Nam hay tại Hoa Kỳ. Tôi nghe nói lúc nào anh cũng muốn chạy trốn tất cả. Điều đó chứng tỏ là anh cũng biết tên anh đã được khắc ghi trong lòng những người ở trại Thanh Cẩm bằng một nét mực đen. Tên của anh cũng đã được ghi vào “lịch sử đen” của trại tù Thanh Cẩm. Tôi rất thương cho vợ anh. Khi nói chuyện với tôi qua điện thoại, chị ấy đã khóc lóc: “Cha ơi! Từ ngày chồng con được về, gia đình con như sống trong địa ngục. Con có nghe người ta nói là trong tù chồng con đã đánh đập các Cha, bây giờ nghe Cha nói con mới biết thêm là chồng con giết người! Con không ngờ là anh đã làm chuyện đó, và con biết là chúng con bị Chúa phạt!” Lời khóc than của chị đã xác nhận những gì từ lâu tôi nghĩ về anh và gia đình anh là đúng, mặc dù tôi không bao giờ mong việc đó xảy ra.

Anh Bùi Đình Thi, hôm nay tôi viết cho anh không phải trong tâm trạng đầy uất hận và sợ hãi của lúc đang sống với anh trong trại Thanh Cẩm, mà viết với tâm hồn thanh thản của một người đã lấy lại được sự an lành, cả trên thể xác lẫn trong tâm hồn. Các thương tích do anh gây ra trên thân xác và trong tâm hồn tôi đã hóa thành sẹo. Tối hôm đó, chúng tôi ở nhà anh Lê Sơn tại Fullerton, khi anh Nguyễn Tiến Đạt gọi anh, sau đó trao máy điện thoại cho tôi và nói: “Cậu Bảy nói chuyện với Bùi Đình Thi đi!” Khi cầm ống nghe, tôi vẫn chờ đợi anh gọi tôi như lúc ở trại Thanh Cẩm, nên tôi lên tiếng: “Chào anh Thi, tôi là Lê thăm anh đây!” Khi anh ngần ngừ chưa xác định được người bên kia đầu dây, tôi phải nói thêm: “Chắc lâu rồi anh không còn nhớ. Tôi là thằng Nguyễn Hữu Lễ, vượt ngục và bị cùm trong nhà kỷ luật trại Thanh Cẩm đó, anh nhớ ra chưa?” Lúc đó anh trả lời: “Cha Lễ đó hả, Cha có khỏe không?” Câu trả lời của anh làm tôi ngạc nhiên vì không ngờ anh đã dùng lối xưng hô “cha, con” một cách rất tự nhiên. Tôi thấy thương anh và cảm động vì anh đã gọi tôi bằng tiếng “Cha”. Không phải tôi ham thích khi có ai xưng hô theo tước hiệu của tôn giáo này, nhưng với anh, tôi thực sự sung sướng vì tôi còn được nghe tiếng gọi ấy từ cửa miệng của anh. Lúc đó tôi nghĩ rằng từ nay tôi có trách

nhệm đối với anh.

Lúc này, sau 17 năm qua đi, tôi đang nói với anh bằng tâm tình của một Linh Mục muốn nói với một tín hữu, một người anh em có chung với tôi một Phép Rửa, một Niềm Tin và một Niềm Hy Vọng. Tôi muốn thông đạt lại với anh chân lý của Phúc Âm: “Tình Yêu của Thiên Chúa bao giờ cũng lớn hơn tội lỗi con người”. Qua điện thoại, anh nói là anh hối hận về những việc làm sai trái của anh. Như thế, anh đã đưa ra một lời thú tội và nếu anh thật lòng sám hối, anh sẽ được lãnh ơn tha thứ.

Về phần tôi, anh hãy yên tâm vì tôi đã tha thứ tất cả cho anh. Nhưng trong thời gian làm Trật Tự trại Thanh Cẩm, anh không chỉ hành hạ cá nhân tôi mà còn đánh đập nhiều người khác, chẳng hạn các Linh Mục Mai Quang Bao, Phạm Quý Hòa và Phạm Hữu Nam. Nhưng việc anh phải chịu hậu quả nặng nề và lâu dài nhất là việc anh giết chết hai anh Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn. Đó là một món nợ máu mà anh đang mắc với các nạn nhân của anh cũng như đối với thân nhân, bằng hữu và chiến hữu của họ. Muốn được tha thứ, anh cũng phải nhìn nhận tội lỗi của mình và trực tiếp xin được tha thứ. Những người anh đã đánh đập, nhất là các linh mục, tôi nghĩ họ cũng bỏ qua cho anh, nhưng dù sao anh cũng phải xin tha thứ. Gia đình Lâm Thành Văn, tới nay tôi chưa nhận được tin tức gì, nhưng thế nào tôi cũng sẽ liên lạc được và thông báo cho anh biết sau. Với gia đình anh Đặng Văn Tiếp, từ sau ngày liên lạc được năm 1992, họ đã coi tôi như là một thành phần trong gia đình. Tôi hiểu được sự đau đớn và mất mát thật lớn lao mà anh đã gây ra cho gia đình họ Đặng. Riêng đối với chị Huyền Thanh, người vợ sắp cưới của anh Tiếp, chị đã phải sống trong u sầu, đau xót và thương tiếc, kể từ khi nghe tin anh Tiếp bị anh giết tới nay. Khi nghe anh qua Mỹ, sự đau khổ của chị ấy lên đến cùng cực! Xác anh Tiếp được chôn vùi sơ sài tại đồi tranh gần K2, tôi tin rằng anh còn nhớ nơi này. Khoảng một năm sau, nhờ có người giúp đỡ, người nhà anh đã lên đến Thanh Cẩm bốc mộ anh và đưa hài cốt anh về an táng tại Nam Định, là cố hương của anh.

Anh Thi! Tuy giờ này nắm xương tàn của Lâm Thành Văn và Đặng Văn Tiếp đã nằm yên trong lòng đất, nhưng tôi nghĩ rằng vong linh của họ vẫn còn vương vấn bên anh. Để giúp hai anh ấy được siêu thoát, anh cũng cần đốt một nén hương, thành tâm xin họ tha thứ cho anh. Nếu có thể được, anh xin phép thân nhân cho anh được đến lạy trước bàn thờ anh Tiếp. Tôi có thể đi với anh để làm chuyện này. Tôi tin rằng, sau khi làm chuyện đó, thân nhân của anh Tiếp được giảm bớt ưu sầu, và anh cùng với gia đình anh có thể được sống bình an hơn trên đất Mỹ. Những người khác nhận thấy sự thành tâm thống hối của anh, họ cũng sẽ tha thứ cho anh. Tôi sẽ giúp anh trong việc này, vì đây là một trong những nhiệm vụ của Linh Mục.

Tôi cũng gửi tới các bạn cựu tù nhân chính trị, nhất là bạn tù Thanh Cẩm mấy lời như sau:

Các anh em thân mến,

Tôi cảm thông thật sâu xa tâm trạng của những nạn nhân bị Bùi Đình Thi đánh đập trong tù. Tôi cũng chia sẻ sự đau khổ với gia đình và bạn bè của hai anh Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn. Bản thân

tôi là một nạn nhân may mắn còn sống sót. Dù vậy, tôi cũng xin bày tỏ tâm tình sau đây:

Trong trại tù cũng như sau khi ra ngoài xã hội, các anh em đã từng tỏ dấu khinh bỉ và có khi nguyên rủa những người khi ở trong trại đã làm “ăng-ten” báo cáo gian dối để hại anh em và lập công với cán bộ cộng sản. Dĩ nhiên, lúc đó, chúng ta không thể chấp nhận và dung tha cho những kẻ đã hành hạ và giết chết anh em thay cho cán bộ cộng sản.

Nhưng những gì chúng ta suy nghĩ và uất hận khi còn ở trong trại tù đã dần dần phai đi với thời gian. Những người có hành vi bất xứng khi ở trong trại, nay bắt chợt gặp anh em ở một nơi nào đó, tuy anh em không tiếp đón họ một cách ân cần và thân mật như những anh em khác, nhưng ít ai còn nghĩ rằng phải bắt những người này đền tội như khi còn ở trong trại. Riêng các hành động của Bùi Đình Thi, một số anh em đã nghĩ rằng ít ra cũng bắt anh ta phải chịu một hình phạt nào đó, vì không thể để cho một tên sát nhân sống ung dung tự tại như vậy được. Tuy nhiên, cho đến hôm nay, mặc dầu không ai muốn tiếp xúc với anh ta, tôi thấy rằng hình như không ai còn muốn đòi nợ máu nơi anh ta nữa mà chỉ muốn Bùi Đình Thi có một hành vi sám hối nào đó.

Tôi nghĩ rằng, Bùi Đình Thi đang chịu một thứ hình phạt rất nặng nề đó là mặc cảm tội lỗi, vì thế luôn luôn phải tìm cách lẩn tránh anh em, ngay cả khi đã đến được Hoa Kỳ. Tôi tin rằng, hình ảnh của hai anh Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn luôn theo đuổi Bùi Đình Thi trong suốt 17 năm qua, như cặp mắt đã nhìn Cain trong Thánh Kinh, sau khi Cain đã giết người em của mình là Abel. Đối với Bùi Đình Thi, không có gì đáng sợ bằng hai hình ảnh đó. Theo tôi nghĩ, mặc dù Bùi Đình Thi hung ác tự bản chất, nhưng nếu không có cán bộ cai ngục dung dưỡng và lợi dụng anh ta để thực hiện ý đồ thâm độc của chúng, thì anh ta không có dịp để bộc lộ tính chất ác độc của anh ta một cách dữ dội như vậy.

Francis Bacon đã nói: “Một người khi báo thù thì chỉ ngang hàng với kẻ thù của mình, nhưng khi bỏ hết những thù hận, họ là người trên”. Những gì Bùi Đình Thi đã chịu 17 năm qua, tôi nghĩ rằng đã tạm đủ, nay, nếu anh ta thật lòng sám hối và muốn làm một cái gì để chuộc lại lỗi lầm của mình, tôi xin các anh em cũng sẵn sàng bỏ qua. Bằng tình thương và sự tha thứ, chúng ta không những tìm được sự bình an trong tâm hồn mình, mà còn đem lại bình an cho một con người đã quay trở lại và cả gia đình anh ta nữa.

Xin tình yêu và bình an của Thiên Chúa đến trên tất cả chúng ta.

Sau đó, tôi có nhờ Linh Mục Mai Khải Hoàn, lúc bấy giờ là người phụ trách Cộng Đoàn Công Giáo nơi Bùi Đình Thi và gia đình anh sống, chuyển giúp cho anh một bản.

Khi bài viết của tôi phổ biến, có một số người muốn có thái độ với Bùi Đình Thi, nhưng tôi đã cản ngăn tất cả vì chủ trương của tôi trong vấn đề này là tha thứ và tha thứ vô điều kiện, và câu chuyện này sau đó trở nên lắng dịu. Gia đình và thân nhân của anh Đặng Văn Tiếp cũng không muốn có thái độ gì với Bùi Đình Thi. Mặc dù Bùi Đình Thi có gọi điện thoại nhắn vào máy mấy lần cho anh Đặng Văn Thụ ở

Maryland, nhưng Thu không muốn tiếp xúc với người đã giết anh mình. Ngày 2 tháng 5 năm 1999, gia đình cùng thân nhân và bạn bè của anh Đặng Văn Tiếp tổ chức lễ giỗ 20 năm ngày chết của anh tại nhà anh Thu ở Bethesda, Maryland. Dịp này, tôi cũng nói lên thái độ của cá nhân tôi và gia đình họ Đặng mà qua anh Tiếp, đã coi tôi như một người trong gia đình. Chúng tôi không muốn nhắc tới Bùi Đình Thi.

Cho tới năm 2001, Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển đưa vụ này ra trước Sở Di Trú Hoa Kỳ. Những người có trách nhiệm trong cơ quan Di Trú có phỏng vấn tôi thêm vài chi tiết liên quan tới bài viết của tôi. Có mấy nhà báo tiếng Việt và tiếng Anh ở California cũng phỏng vấn tôi về vụ này. Tôi chỉ trả lời những gì tôi biết, tôi đã viết ra và đó là sự thực.

Lúc đó, câu chuyện lại trở nên nóng và nhiều người bàn tán. Có người cho tôi biết là một vài bài báo tiếng Việt lên tiếng "lý luận" rằng, câu chuyện tôi viết về hành động của Bùi Đình Thi trong trại tù Thanh Cẩm là câu chuyện tưởng tượng, thực tế làm gì có chuyện như vậy!

Tôi không có giờ đọc các bài báo đó, nhưng điều này không làm tôi ngạc nhiên vì ngay cả chính tôi là người trong cuộc mà đôi lúc còn không thể ngờ có chuyện như thế xảy ra thì một vài người nào đó ngồi nhà "suy luận" thì làm sao có thể tin được! Như thế những người đã viết các bài báo đó không có gì đáng trách cả, mà ngược lại, chúng tôi rất đồng quan điểm với nhau là việc làm của Bùi Đình Thi lúc làm trật tự trong trại tù Thanh Cẩm, vượt ra ngoài sự tưởng tượng của mọi người. Có lẽ cũng còn nhiều người nghĩ như vậy, nhưng chỉ có một vài người muốn viết ra.

Ngược lại, thái độ của Bùi Đình Thi thật đáng trách!

Lúc đó, anh lại công khai chối bỏ hết qua khứ! Bùi Đình Thi lên tiếng trên báo chí và đài phát thanh ở California nói là anh chẳng có làm gì sai trái trong khi làm trật tự trại tù Thanh Cẩm. Và còn thách thức là ai có thể đưa ra bằng chứng anh đã đánh người trong trại Thanh Cẩm! Một lần nữa, anh lại bắt buộc tôi phải có nhận xét về con người anh, một điều mà tôi không bao giờ muốn. Nếu trước kia khi làm trật tự trong tù cộng sản đã có những hành động độc ác, thì qua Mỹ, anh lại là con người điều ngoa khờ khạo. Điều ngoa vì anh đã thẳng thừng chối bỏ hết tội ác anh đã gây ra làm đau khổ cho bao nhiêu người, bao nhiêu gia đình. Khờ khạo vì anh quên rằng có rất nhiều nạn nhân và chứng nhân đang sống chung quanh anh và biết hết các việc anh đã làm. Hơn nữa, trong những xứ tự do với hệ thống thông tin ngày nay, việc kiểm chứng không có gì là khó. Và anh buộc tôi phải trưng ra bằng chứng!

Tôi thiết nghĩ, giữa tôi và Bùi Đình Thi đã biết nhau quá nhiều rồi, chúng tôi chẳng cần bằng chứng gì với nhau, vì bằng chứng rõ rệt nhất mà cả hai người chúng tôi đều biết là cái thân thể đầy tật nguyền thương tích của tôi do hậu quả những trận đòn của anh. Nhưng vì sự việc đã ra công khai và để một số người khỏi phải hoang mang, tôi nói chuyện này với một nạn nhân khác của Bùi Đình Thi là Linh Mục Phạm Quý Hòa, hiện đang sống ở New Caledonia. Cha Hòa có gửi một số giấy tờ mà tôi kèm theo đây. Khi đưa ra bằng chứng này, tôi cũng muốn nhắc với các bạn nào đã viết báo trước kia rằng:

“Thưa các bạn, các bạn đã viết rất đúng! Ngồi nhà suy luận như các bạn thì chuyện Bùi Đình Thi giết đồng cảnh và đánh đập các bạn tù, kể cả các linh mục là ngoài sức tưởng tượng và không thể nào xảy ra được. Nhưng thưa các bạn, thực tế cuộc đời không đơn giản như mình suy luận. Chính tôi cũng vậy, trước khi đi tù, tôi cũng khờ khạo, cho đến nỗi nghĩ rằng tù chính trị miền Nam ai cũng là người tốt cả. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, tôi đã chứng kiến cảnh những người bạn tù trẻ và cương trực rượt đánh bọn ăng-ten, có người vỡ đầu, có kẻ què chân. Chừng đó tôi bắt đầu sáng mắt ra, và khi rơi vào tay Bùi Đình Thi rồi, tôi mới biết là lòng nhân đạo của con người có giới hạn, nhưng sự ác độc của loài người quả là vô tận. Những hành động của Bùi Đình Thi mà tôi kể lại khá chi tiết vì chuyện đó xảy ra cho chính bản thân tôi làm sao tôi không biết? Nếu trước kia, khi đọc bài đó các bạn cho là chuyện khó tin, thì nay hy vọng là sau khi đọc qua thủ bút bằng chứng của nạn nhân khác, các bạn sẽ nói ‘Chuyện khó tin nhưng có thật!’”

Các bằng chứng này sẽ được in trong phần hình ảnh, nhưng vì chữ viết tay khó đọc, nên tôi đánh máy lại vào đây và bản viết tay thư này của Linh Mục Phạm Quý Hòa và một số chứng từ khác cũng sẽ được in để rộng đường dư luận. Việc phải đưa ra các bằng chứng này là một việc làm ngoài ý muốn của tôi.

Linh Mục Phạm Quý Hòa

Eglise du Christ Roi

10, rue Berthelot

2è Vallée du Tir

98800 NOUMEA

Ph/Fax.27.20.29 Nouméa 22-06-01

Nouvelle Calédonie.

(Pacifique du Sud)

Cha Nguyễn Hữu Lễ thân mến,

Qua báo chí và do một người cháu tù Hoa Kỳ cho biết thì U.B cứu người vượt biển sẽ đưa ra tòa tên Bùi Đình Thi để tước quyền tỵ nạn, rồi trục xuất về Việt Nam, vì lúc ở trong trại Thanh Cẩm, Thi đã làm tay sai đắc lực cho cộng sản và cùng với tên Trương Minh Phát đã đánh chết anh Đặng Văn Tiệp, rồi còn tiếp tục hành hạ anh Lâm Thành Văn đến chết bằng cách bỏ đói. Ngoài hai người tù bị chết, hai tên hung thần Thi và Phát còn đánh đập tàn nhẫn nhiều người khác như Cha Nguyễn Hữu Lễ, ông Nguyễn Sĩ Thuyên và Trịnh Tiểu trong vụ trốn trại ngày 2-5-1979. Đó là vụ tôi biết rõ, vì lúc xảy ra, tôi đang ở buồng 3 khu kiên giam trại Thanh Cẩm cùng khu với các nạn nhân vừa nêu. Nhưng vừa rồi Cha gọi điện thoại cho tôi và báo tin cho biết là tên Thi đã chối tất cả tội ác nó đã đối xử với anh em bạn tù. Do đó Cha yêu cầu tôi biên cho Cha một lá thư làm chứng rằng tôi có biết rõ vụ đó. Vậy đây tôi xin đáp lời yêu cầu của Cha.

Nhưng trước tiên, tôi xin được nói về tôi là nạn nhân của tên Thi và Phát, sau đó sẽ nói lại về các người khác.

Thời gian hai tên Thi và Phát làm trật tự là thời gian kinh hoàng nhất trong suốt 10 năm tôi bị giam tại trại Thanh Cẩm. Hai tên này đối xử với anh em rất tàn ác. Chúng đánh đập bất cứ ai, già trẻ lớn bé nó đánh tất, đánh bất cứ vì lý do gì, hễ nó muốn đánh là nó đánh, không cần biết cái cơ nó đánh đúng hay không. Có một lần tên Phát đã đánh tôi tại buồng 3 Kiên giam. Vì quá uất ức trước sự tàn ác của nó, nên tôi đã đánh lại tên Phát. Sau đó tên Phát đã chạy xuống báo cáo với cán bộ trực là thiếu úy Vân. Lập tức, ông Vân và 2 cán bộ võ trang cùng với tên Thi kéo lên, lôi tôi ra ngoài cổng khu kiên giam, rồi tên Bùi Đình Thi khóa hai tay tôi lại sau lưng không cho tôi đỡ đòn, thế là hai tên mặc sức đấm đá tôi túi bụi, trước sự hiện diện của ông Vân và 2 tên võ trang. May mà nhờ ông Vân bảo thôi, nên hai tên Thi-Phát mới ngưng tay, không thì tôi cũng đã bỏ xác tại khu kiên giam như anh Đặng Văn Tiếp. Sự việc xảy ra lúc 6 giờ chiều ngày 26-7-1979.

Trước ngày này chừng một tuần thì hai tên Thi Phát cũng đã đánh Cha Mai Quang Bao ở buồng 4 Kiên giam một trận toại bời. Số là Cha Mai Quang Bao bị nhốt ở buồng 4 Kiên giam cùng chung buồng với anh Nguyễn Đức Khuân. Anh Khuân có nhận được bưu kiện từ gia đình trong Nam gửi ra. Một bữa nọ, giờ mở cửa phát cơm sáng, Cha Mai Quang Bao lợi dụng xin tên Phát qua buồng 3 để xin đốt đèn hút thuốc, luôn tiện anh Khuân có gửi qua biếu Cha già Chương một gói bột Bích Chi nhỏ. Khi Cha Bao chuyền túi bột qua cửa sổ thì chẳng may tên Phát thấy. Thế là sau khi đã phát cơm cho 2 khu xong thì tên Thi và Phát trở lên buồng 4 lại, có cả cán bộ đi theo, mở cửa lôi cổ Cha Bao ra, đóng cửa lại, đoạn hai tên Thi Phát đấm đá Cha Bao túi bụi, nghe đui đui như đấm vào 1 tấm ván cửa, làm vang cả qua phòng bên cạnh cũng nghe thấy. Đánh chán tay tụi nó kéo Cha Bao qua cùm bên khu kỷ luật.

Sau đây tôi nói rõ hơn về vụ tên Thi đánh chết bạn tù sáng ngày 2-5-1979. Vụ này xảy ra khi tôi ở buồng 3 Kiên giam, cùng khu với các nạn nhân của Thi Phát. Đêm 1 rạng 2 -5-1979 các bạn tù là Cha Định, Cha Lễ, anh Tiếp, anh Văn, và ông Tiếu, ông Thuyên ở buồng 1. Các bạn này đã đào tường để trốn, chỉ trừ Cha Định. Nhưng cuộc vượt ngục thất bại, nên sáng ngày 2-5-1979 các bạn đã bị bắt lại. Thế là hai tên hung thần Thi Phát trút đổ tất cả sự sục sôi căm tức lên đầu các bạn trốn trại. Chúng đã đánh chết anh Đặng Văn Tiếp ngay sáng ngày 2-5-1979. Còn Cha Nguyễn Hữu Lễ và ông Nguyễn Sĩ Thuyên thì bị hai tên Thi Phát đánh, đá, đập, bầm dập thân xác, đến nỗi hai người phải chết ngất từ 6 giờ sáng ngày 2-5-1979 đến sáng hôm 3-5-79 mới tỉnh lại. Đánh đập bầm giập xong, khi hai người đã bất tỉnh không đi được thì tên Thi cầm chân kéo nạn nhân như kéo một con chó chết vào cùm ở khu kỷ luật.

Còn ông Trịnh Tiếu và anh Lâm Thành Văn thì chúng lôi đi cùm ở nhà đen, tức nhà kỷ luật cũ. Đến ngày 6 -5-79 thì tôi được biết là anh Văn cũng đã chết, vì bị thắm đòn và bị tên Thi không cho ăn, nên chết đói; vì anh Văn bị bệnh đau bao tử, không ăn sắn được, nên phải ăn cháo, mà Thi đem cháo từ nhà bếp lên, xong hát đồ ra chỗ đồ phân tù, chứ không cho anh Văn ăn. Tôi biết được vậy là vì sau đó

tôi ở chung với ông Trịnh Tiểu bên khu kỹ luật mới, nên nghe ông kể lại.

Tất cả những gì tôi viết trên đây đều là sự thật. Sở dĩ Bùi Đình Thi chối các tội ác nó đã gây ra cho anh em bạn tù là vì hắn đã đi học tập cải tạo nên thầy nó là bọn cộng sản đã dạy cho nó phải nói láo, phải chối tội đã phạm, như chính tên phát ngôn viên bộ ngoại giao Hà Nội Phan Thúy Thanh đã nói với phóng viên hãng AP rằng: “Việt Nam kiên quyết khẳng định không hề tra tấn bất cứ một tù nhân chiến tranh nào”. Thầy nào trò nấy mà!

Chẳng những tên Bùi Đình Thi đáng trục xuất về với Việt Cộng, mà tôi xin đề nghị với Ủy Ban là phải vận động các đoàn thể chính trị viết kiến nghị lên Quốc Hội và Chính Phủ Mỹ phải ra luật trục xuất tất cả mọi tên mang danh tỵ nạn để hoạt động cho Cộng Sản Việt Nam trên đất Mỹ, như tên Trần Trường chẳng hạn. Vì như thế thì đâu còn đúng với danh nghĩa và quy ước về người tỵ nạn. Tôi rất mong các đoàn thể chính trị nghiên cứu đề nghị này.

Thưa Cha Lễ. Đó là tôi nói đúng như tôi biết xin Cha tùy nghi sử dụng. Chúc Cha khỏe và thành công.

Mến.

(Ký tên)

Đây, thêm một nhân chứng sống trong nhà tù Thanh Cẩm thời gian xảy ra vụ Bùi Đình Thi làm trật tự 2-5-1979. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với Linh Mục Phạm Quý Hoà tại địa chỉ trên.

Một lá thư khác đề ngày 30-7-01 của Cha Hòa như sau:

Nouméa 30-7-01

Thăm Cha Lễ và anh Xuân

Và tất cả các bạn Thanh Cẩm.

Tôi xin gửi lời thăm Cha Lễ và tất cả các bạn. Chúc Cha và các bạn luôn khỏe mạnh. Phần tôi không được khỏe lắm.

Xin gửi tới các bạn bản sao mà hôm nay tôi gửi cho ông Peter Nguyễn ở Los Angeles theo lời yêu cầu của ông, để các bạn dễ theo dõi.

Trong bì này tôi gửi 2 xấp. 1 xấp là do ông Peter Nguyễn Fax qua cho tôi. Còn 1 xấp là do tôi sửa chữa lại.

Số là vào lúc 11 giờ ngày 17-7-01, một cú điện thoại gọi cho tôi từ Mỹ. Người gọi không nói tên và nghề nghiệp gì, chỉ nói là muốn nói chuyện với Cha Hòa. Tôi xưng: Tôi là Cha Hòa đây. Người bên kia hỏi: Cha có biết Bùi Đình Thi đánh và mấy người chết ở Thanh Cẩm? Vâng tôi biết Bùi Đình Thi đánh và chính Bùi Đình Thi đã đánh tôi. Tôi kể lại cho người đầu dây nghe và họ ghi lại. Sau cuộc điện đàm,

người đó hỏi Cha có E-mail không? Không, tôi chỉ có Fax. Nhưng Fax của tôi lại bị hỏng. Chỉ nhận được mà không gửi đi được. Cuộc điện đàm chấm dứt. Sau chừng nửa tiếng, thì tôi nhận được Fax mà người lúc nãy phỏng vấn tôi. Tôi xin kèm theo đây bản Fax mà ông đối thoại hỏi nãy đã gửi cho tôi.. Trong đó có nói là cứ sửa chữa rồi kể thêm rồi gửi lại cho ông ở Los Angeles theo địa chỉ ở cuối thư Fax.

Tôi thấy bản ông ta ghi có nhiều điểm sai, không rõ. Nên tôi đã làm lại 1 bản mới , đồng thời kể thêm truyện Cha Mai Quang Bao bị Thi-Phát đánh tại trước cửa buồng 4 Kiên giam Thanh Cẩm. Xong tôi đem ra tòa Thị Trưởng Nouméa xác nhận chữ ký của tôi, rồi gửi lại cho ông Peter Nguyễn theo địa chỉ ở cuối thư Fax. Tôi xin gửi Cha và các bạn biết, để tùy nghi mà ứng xử.

Trong thư gửi cho Cha Lễ hôm 22-6-01, nơi trang 2 tôi đã vô ý viết sai một con số khi kể lại việc Cha Lễ bị Thi Phát đánh chết ngất. Thay vì ngày 2 tháng 5 năm 79 thì tôi đã viết lộn là ngày 2 tháng 7 năm 79.

Sau khi phát hiện ra chỗ sai thì tôi có gọi điện thoại cho anh Xuân để bảo sửa lại thì Tổng Đài điện thoại cho biết là số điện thoại đó không còn được sử dụng nữa. Vậy nếu thật sự anh Xuân đã đổi số điện thoại thì xin anh vui lòng cho biết số mới để tiện việc liên lạc khi cần. Nhất là trong vụ Bùi (thối thì có!) này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ chỉ huy và các đơn vị lẻ tẻ rải rác khắp thế giới.

Ở trong 1 thư Fax có hàng ghi: Operation "TWO FACES" Phải chăng nay là một chiến dịch tổng cổ hết mọi tên tay sai của VC về với bố chúng nó. Nếu có như vậy thì Hòa này hoan hô hết mình. Xin các bạn cố sức hoạt động để mở mắt cho bọn Mỹ Mù, cứ nhắm mắt nhận bừa tất cả vào đất Mỹ để tự vỗ ngực xưng mình là nhân đạo! Xin các bạn gào thét vào tai tụi mỹ cái chân lý này: "Nhân đạo là tự sát"

Nếu tụi Mỹ mù biết mở mắt ra thì sẽ khám phá ra hàng chục ngàn Trần Trường còn ẩn mặt chứ không chỉ có một Trần Trường đâu. Không biết bao giờ thì tụi Mỹ nó hết ngu!

Chào tạm biệt Cha Lễ , anh Xuân và tất cả các bạn. Chúc tất cả khỏe.

Mến

(Ký tên) Hòa

Ngoài hai lá thư viết tay này, Linh Mục Phạm Quý Hòa cũng có một bản tường thuật dài 2 trang bằng Anh ngữ gửi Sở Di Trú Hoa Kỳ, một bản sao gửi cho tôi và cũng được in trong phần hình ảnh này.

Bản tường thuật bằng Anh ngữ của Linh Mục Phạm Quý Hòa gửi Sở Di Trú Hoa Kỳ:

My name is PHAM, Hoa Quy. I was born on 04/20/1930, in Ha Tinh, Vietnam. I became a priest in 1960. I am a citizen and national of New Caledonia (France). I am presently residing in New Caledonia.

I met a man called BUI Thi Dinh(BUI) at Camp Thanh Cam. BUI was al TRAT TU VIEN(Head of

prisoners)in the camp. Another prisoner named TRUONG Phat Minh assisted BUI.

I remember an incident that happened to me on 07/26/1979, at approximately 6:00 PM, in Camp Thanh Cam. BUI's assistant TRUONG was doing the evening security roll call in the camp. TRUONG opened the door to my cell and entered to check the toilet area. As he walked past me, TRUONG suddenly hit at my knee very badly with his wooden hammer. Once he finished checking the toilet area, and as he was leaving the cell, TRUONG stared at me with furious eyes,. I also stared back at him with a scornful smile, and he didn't like the way I looked at him, so TRUONG came back into the cell in order to hit me again. But as he raised the hammer, I immediately got up and attacked him to protect myself. TRUONG was terrified running out of the cell. As I was chasing TRUONG, I called upon a friend named LE, Bao Thien, another prisoner in the same cell to come and help me. A policeman standing there ordered me to return into the cell, and told TRUONG to shut the door. Later, TRUONG returned with BUI and a Lieutenant named VAN, from communist army. TRUONG opened the door, pulled me out, and they started to beat me. BUI held my arms behind me and punched me repeatedly in the back and hip, while TRUONG hit me in the face, chest and stomach. They hit me continuously until the Lieutenant told them "it was enough". After that, they pulled me into the cell and closed the door.

I remember another incident that happened approximately one week before that. At that time BUI and TRUONG also beat Father MAI, Bao Quang very heavily. Father MAI was a Priest belonging to the diocese of Bui Chu. He was locked in cell 4 with a fellow prisoner named KHUAN, Nguyen Duc. During the lunch time of food distribution, Father MAI asked TRUONG to go to cell 3 to have a smoke. Taking advantage of this. MAI passed to Father NGUYEN, Chuong Huy a small pocket of rice powder, gift of NGUYEN, Khuan Duc. But TRUONG saw what he did. When the food distribution was over, TRUONG returned with BUI, opened the door to cell 4 and pulled Fr MAI out. TRUONG and BUI started to beat Father MAI, very heavily. The beating was so severe that the sound of each hit could be heard from the surrounding ceells, including mine, which all had closed doors. When they finished, TRUONG and BUI took Father MAI to put him to lock his legs. When passing my cell(cell 3), I saw that Father MAI's face was swollen, and that he was bleeding from the nose.

I remember another incident that happened on or about May 2 1979. I remember that day well. On that day, 5 people attempted to escape:

1. NGUYEN Thuyen Si, a high school professor.
2. TRINH Tieu, an old Colonel in the Republic of Vietnam army
3. DANG Tiep Van, a congressman from the Republic of Vietnam
4. LAM Van Thanh, a bus owner and driver
5. NGUYEN Le Huu, a Catholic Priest

They were all in cell 1 which was located next to my cell(i.e.cell 3). I could hear them digging the entire

night before they finally dug through the wall. Their escape was discovered in the morning of May 2, 1979, when the guards made the morning security roll call. Father NGUYEN Le Huu, DANG Tiep Van, and NGUYEN Thuyen Si had made it out of the camp, and they were down river when the guards arrested them.

From my cell, I could hear BUI and the guards cursing and beating the escapes when they got back into the camp. DANG Tiep Van died that day as a result of of the extreme beating he receiandved. Rev. NGUYEN Le Huu and another escapees were beaten very heavily as well; Rev. NGUYEN Le Huu and NGUYEN Thuyen Si, lost consciousness for almost a day. After the beating, TRINH Tieu who was left in the same cell with LAM Van Thanh, told me later when he was locked with the same cell as me, that LAM Van Thanh had died as a result of the beating and starvation. TRINH Tieu told me that everyone in the camp including BUI knew that LAM Van Thanh had stomach problems and could only eat soup. After the escape attempt, BUI had to take food to them, but BUI threw the soup away instead of giving it to LAM Van Thanh. LAM Van Thanh died on May 6 1979.

I was released from the re-education camp on 11/3/1987. I subsequently escaped from Vietnam by boat to the Philippines.

I am available and I am willing to testify against BUI if needed.

I have read the foregoing statement , consisting of 2 pages. I state that the answers made herein are true and correct to the best of my knowledge and belief., and that this statement is a full, true and correct record mine interview on the date indicated by the above-named officers of the Immigration and Naturalization Service. I have initialled each page of this statement.

Signature:

PHAM Hoa Quy



PHỤ CHƯƠNG 3

HOẠT ĐỘNG TẠI HẢI NGOẠI

Từ năm 1992 về sau, đồng thời với các bản phạn tôn giáo tại Tân Tây Lan (New Zealand), tôi cũng đã đi lại nhiều quốc gia trên thế giới khá nhiều lần để gặp gỡ đồng hương và vận động cho phong trào Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam. Tôi đã gặp gỡ thân ái với các chức sắc và làm việc chung với các tôn giáo bạn, vì tôi quan niệm rằng các tôn giáo là sức mạnh của ý chí dân tộc Việt Nam và việc ngồi lại làm việc giữa các tôn giáo là bước đầu tiên để tạo sự đoàn kết và phát huy sức mạnh của dân tộc. Tôi vững tin vào chân lý này: “Thể chế chính trị nào cũng chỉ tồn tại một giai đoạn rồi sẽ

qua đi, chỉ có dân tộc là trường tồn.”

Trong chiều hướng đó, tôi cố gắng ghi lại trong tập Bút Ký tiếp theo về bước đường tôi đã trải qua trong hơn 10 năm ở hải ngoại sát cánh với đồng hương, với các chức sắc trong tôn giáo bạn và với những người yêu chuộng tự do của các Chính Phủ, Quốc Hội các nước tự do trên thế giới trong cố gắng nói lên nguyện vọng của toàn dân Việt Nam. Dân tộc tôi ước mong cuộc sống Tự Do, Công Bằng và Phát Triển.

